

David Baldacci

Bộ sưu tập
tội ác

THE COLLECTOR



Tên ebook: **Bộ sưu tập tội ác (full prc, pdf, epub)**

Tác giả: **David Baldacci**

Thể loại: **Kinh dị, Tiểu thuyết, Trinh thám, Văn học phương Tây**

Dịch: **Hồng Ngọc**

Nhà xuất bản: **NXB Thời Đại**

Nhà phát hành: **TTTV Hà Nội**

Khối lượng: **506.00 gam**

Định dạng: **Bìa mềm**

Kích thước: **14.5 x 20.5 cm**

Ngày phát hành: **03/2011**

Số trang: **496**

Ebook: **<http://daotieuvu.blogspot.com>**



EBOOK

Free Downloads

<http://daotieuvu.blogspot.com>

Mục lục

[CHƯƠNG 1](#)

[CHƯƠNG 2](#)

[CHƯƠNG 3](#)

[CHƯƠNG 4](#)

[CHƯƠNG 5](#)

[CHƯƠNG 6](#)

[CHƯƠNG 7](#)

[CHƯƠNG 8](#)

[CHƯƠNG 9](#)

[CHƯƠNG 10](#)

[CHƯƠNG 11](#)

[CHƯƠNG 12](#)

[CHƯƠNG 13](#)

[CHƯƠNG 14](#)

[CHƯƠNG 15](#)

[CHƯƠNG 16](#)

[CHƯƠNG 17](#)

[CHƯƠNG 18](#)

[CHƯƠNG 19](#)

[CHƯƠNG 20](#)

[CHƯƠNG 21](#)

[CHƯƠNG 22](#)

[CHƯƠNG 23](#)

[CHƯƠNG 24](#)

[CHƯƠNG 25](#)

CHƯƠNG 26

CHƯƠNG 27

CHƯƠNG 28

CHƯƠNG 29

CHƯƠNG 30

CHƯƠNG 31

CHƯƠNG 32

CHƯƠNG 33

[CHƯƠNG 34](#)

[CHƯƠNG 35](#)

[CHƯƠNG 36](#)

[CHƯƠNG 37](#)

[CHƯƠNG 38](#)

[CHƯƠNG 39](#)

[CHƯƠNG 40](#)

[CHƯƠNG 41](#)

[CHƯƠNG 42](#)

[CHƯƠNG 43](#)

[CHƯƠNG 44](#)

[CHƯƠNG 45](#)

[CHƯƠNG 46](#)

[CHƯƠNG 47](#)

[CHƯƠNG 48](#)

[CHƯƠNG 49](#)

[CHƯƠNG 50](#)

[CHƯƠNG 51](#)

[CHƯƠNG 52](#)

[CHƯƠNG 53](#)

[CHƯƠNG 54](#)

[CHƯƠNG 55](#)

[CHƯƠNG 56](#)

[CHƯƠNG 57](#)

[CHƯƠNG 58](#)

[CHƯƠNG 59](#)

[CHƯƠNG 60](#)

[CHƯƠNG 61](#)

[CHƯƠNG 62](#)

[CHƯƠNG 63](#)

[CHƯƠNG 64](#)

[CHƯƠNG 65](#)

[CHƯƠNG 66](#)

[CHƯƠNG 67](#)

CHƯƠNG 68

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 1



oger Seagraves bước ra khỏi điện Capitol sau khi đã có một cuộc gặp gỡ thú vị mà đáng ngạc nhiên là cuộc gặp ấy gần như chẳng dính dáng gì đến chính trị cả. Tôi hôm đó hẳn ngồi một mình trong phòng khách khiêm tốn ở căn nhà ngoại ô sau khi đã đi đến một quyết định quan trọng. Hẳn phải giết một người và người đó là một mục tiêu

rất có máu mặt. Thay vì phải nghĩ rằng đây là một công việc khó khăn, một nhiệm vụ nặng nề làm hẳn nhụt chí, Seagraves lại thấy nó cũng đáng là một thử thách cho mình.

Sáng hôm sau Seagraves lái xe đến văn phòng ở phía bắc tiểu bang Virginia. Ngồi tại bàn làm việc trong một không gian nhỏ hẹp và bừa bộn trông giống hệt những chỗ ngồi làm việc khác dọc theo hành lang, hấn lẩm nhẩm sắp xếp các phần then chốt trong nhiệm vụ của mình lại với nhau. Cuối cùng Seagraves quyết định tự mình thực hiện công việc đó chứ khó mà tin tưởng vào một nhóm người thứ ba nào nữa. Hấn đã từng giết người rồi, rất nhiều lần nữa là đằng khác; điều khác biệt duy nhất ở đây chính là hấn không làm cái công việc đề cập ở trên cho chính quyền. Cái công việc này dành riêng cho hấn thôi.

Hấn bỏ ra hai ngày kế tiếp để chuẩn bị thật cẩn thận và quyết đoán làm sao đạt hiệu quả cao nhất cho ngày thực hiện công việc sắp đến. Ba quy tắc của điệp vụ gắn liền với nhất cử nhất động của hấn: thứ nhất, làm sao cho thật đơn giản; thứ hai, chuẩn bị đề phòng bất trắc xảy ra; và thứ ba, không bao giờ được hoảng loạn dù kế hoạch diễn ra không như mong đợi - thỉnh thoảng điều này cũng xảy ra. Tuy nhiên, nếu có một quy tắc thứ tư nữa, hấn sẽ lợi dụng điều hiển nhiên rằng phần lớn con người ta trở nên ngu ngốc khi đối mặt với những vấn đề hệ trọng nhất là sự sinh tồn của chính bản thân họ. Hấn chưa bao giờ thực sự thiếu sót về chuẩn mực đó cả.

Roger Seagraves bốn mươi hai tuổi, độc thân và không có con cái. Một cô vợ và bảy con tất nhiên sẽ khiến lối sống vô tư vô đạo của hấn trở nên rối rắm. Khi còn làm việc cho chính quyền liên bang, hấn lấy chứng minh thư giả đi du lịch khắp thế giới. May thay, việc thay đổi danh tính lại dễ dàng đến lạ kỳ trong thời đại máy vi tính. Vài cú kích chuột trên chiếc máy tính hiệu Dell, một máy chủ đầu

đó tại Ấn Độ và bạn ‘nhảy’ ra khỏi chiếc máy in laser ngon lành với sắc phục, còi và uy tín có sẵn.

Seagraves thật sự có thể mua tất cả những gì mình cần trên một trang web mà chỉ yêu cầu mật mã phải được giữ cẩn thận. Cái việc mua bán này cũng giống như một tiệm bách hóa thuộc tập đoàn Macy dành riêng cho bọn tội phạm, thi thoảng khách quen gán cho nó cái tên ‘Evilbay’¹. Ở đó một người có thể mua mọi thứ từ chứng minh thư loại thượng phẩm và sổ tài khoản tín dụng “chùa” đến dịch vụ hành hung chuyên nghiệp hay vũ khí đã được tiệt trùng nếu bạn muốn tự ám sát mình. Hắn thường mua mấy thứ cần thiết từ một tên môi giới mà hầu hết khách hàng của tên này hài lòng với điều khoản "bảo hành bằng cách hoàn tiền". Ngay cả bọn giết người cũng cần chạy theo chất lượng.

Roger Seagraves cao lực lưỡng và đẹp trai với mái tóc vàng xoắn thành lọn dày. Khuôn mặt có cái vẻ vô tư theo kiểu riêng của hắn và lại còn nụ cười xéch chết người nữa chứ. Hầu như phụ nữ ở gần hắn phải quay lại nhìn hắn thêm lần nữa, thậm chí vài người đàn ông cũng phải nhìn hắn ghen tỵ. Hắn thường sử dụng lợi thế này. Khi bạn phải giết người hoặc lừa dối ai đó, bạn dùng bất cứ thứ công cụ nào mình có càng hiệu quả càng tốt. Chính phủ của hắn đã dạy hắn như thế. Dù theo luật pháp, hắn vẫn còn làm công cho nước Mỹ nhưng hắn còn làm công cho chính mình nữa. Kế hoạch về hưu “văn phòng” của hắn không đảm bảo một cuộc sống có chất lượng, không tương xứng với ngần ấy năm hắn mạo hiểm mạng sống để cống hiến cho sắc đỏ, trắng và xanh dương trên quốc kỳ Mỹ. Nhưng mà đối với hắn, thời ấy gần như chỉ có màu đỏ của máu.

Buổi trưa thứ ba sau chuyến viếng thăm điện Capitol, Seagrave khéo léo chỉnh trang lại trang phục và mặc thêm vài lớp quần áo bên ngoài. Khi trời sập tối, hắn lái một chiếc xe tải vào vùng ven giàu có tọa lạc phía đông tây quận Columbia, nơi tất cả những đại sứ quán và điền trang tư nhân đều có lính tuần tra quanh tường rào.

Hắn đậu xe vào một sân vườn nhỏ phía sau tòa nhà bên kia đường, đối diện một câu lạc bộ hạng sang nằm bên trong một tượng của một danh nhân thế kỉ 17-18 được xây dựng bằng gạch. Nơi ăn chơi của những người giàu có và bị ám ảnh chính trị - loại người mà Washington dung chứa nhiều hơn bất cứ thành phố nào khác trên trái đất. Dân địa phương thích tụ tập chuyên tay nhau thức ăn và rượu vang loại trung bình và bình phẩm chuyện bầu cử, chính sách và sự phân bổ quyền lực cho thỏa nỗi lòng của mình.

Seagrave mặc bộ đồ thể dục màu xanh dương in chữ “Dịch Vụ” phía sau lưng. Chiếc chìa khóa đã làm trước kia dễ dàng tra gọt vào ổ khóa của tòa nhà trông đang chờ nâng cấp gần như hoàn toàn. Với thùng dụng cụ trong tay, hắn nhảy hai bước một cho đến tầng cao nhất rồi bước vào căn phòng đối diện với căn nhà bên kia. Hắn lia đèn pin khắp căn phòng trống, chú ý từng cánh cửa sổ. Hắn đã cố tình để cửa sổ mở và bôi dầu cẩn thận trong lần đột nhập vào tòa nhà này lần trước.

Hắn mở hộp dụng cụ và nhanh chóng lắp ráp khẩu súng trường dùng để bắn tia. Kế đến hắn gắn bộ phận giảm thanh vào họng súng, nạp đạn - hắn sẽ không làm gì cả nếu thiếu thứ tự tin này - trườn mình về phía cửa sổ, thân người hắn thẳng đứng cách cửa sổ chừng năm centimet vừa đủ để nòng súng vừa vặn lách vào phần cửa sổ hé

mở. Từ căn gác đó hắn nhìn đồng hồ, xem xét con đường phía dưới kỹ càng mà không cần phải lo lắng gì nhiều về việc bị phát hiện, vì tòa nhà hắn đang đứng hoàn toàn tối đen. Hơn nữa khẩu súng trường của hắn không có ống kính quang học và được trang bị kỹ thuật Camoflex2.

Ôi, loài người đã học được điều này từ loài bướm đêm khiếm tốn đây.

Khi chiếc limo và chiếc xe cảnh vệ dẫn đầu tấp vào phần đường phía trước câu lạc bộ, hắn chinh thước ngã vào đầu một trong những người đàn ông bước ra khỏi xe, nhưng lại không bắn. Chưa phải lúc. Thành viên câu lạc bộ ấy bước vào trong, được hộ tống bởi bọn cận vệ trang bị dây nghe và những cái cổ dày nhô ra khỏi cổ áo cứng đơ. Hắn quan sát quãng đường và không rời ánh mắt khỏi chiếc xe hơi.

Seagraves lại kiểm tra thời gian: còn hai giờ nữa để thực hiện. Hắn tiếp tục lia mắt dọc con đường phía dưới khi mấy chiếc xe địa phương và tắc-xi thả những người phụ nữ với khuôn mặt trịnh trọng không phải vì phục trang hiệu Versace đính kim cương De Beers, mà là trong bộ trang phục kinh doanh và trang sức rất trang nhã với cà áo đen chính trị - xã hội được kéo lên cao. Bọn đàn ông mặt lạnh như tiền, lực lưỡng trong bộ comple sọc nhỏ, cà vạt nhạt với điệu bộ xấu xa đang hộ tống họ.

Tin tôi đi, các ngài sẽ không thể nào tốt hơn được đâu, các ngài ạ! Một trăm hai mươi phút trôi qua mà hắn vẫn không rời mắt khỏi mặt tiền bằng gạch của câu lạc bộ. Qua cửa sổ lớn ở mặt tiền, hắn có thể thấy một đám người tay cầm đồ uống của mình thì thầm bằng

giọng điệu bí ẩn.

OK, đến giờ hành sự rồi.

Hắn lướt mắt quan sát con đường một lần nữa. Chẳng có ma nào nhìn về phía hắn. Trong cả sự nghiệp của mình, hắn nhận ra người ta chưa bao giờ nhìn về phía hắn lúc hắn hành động. Seagraves kiên nhẫn chờ cho đến khi mục tiêu bước vào tầm ngắm lần cuối cùng rồi ngón tay đeo găng của hắn bóp cò. Hắn đặc biệt không thích bắn xuyên qua ô cửa kính chút nào, dù cho nó chẳng liên quan gì đến loại vũ khí hắn đang sử dụng.

Phập! Ngay tức thời có tiếng kính vỡ leng keng và người đàn ông béo lùn ngã thịch xuống sàn nhà bằng gỗ sồi bóng loáng. Ngài Robert Bradley đáng kính không cảm thấy đau đớn gì cả khi vụ việc xảy ra. Viên đạn đã giết chết bộ não của ngài trước khi bộ não ra lệnh cho miệng ngài tri hô. Thật ra cũng chẳng tội tệ lắm nhỉ?

Seagraves bình tĩnh đặt khẩu súng trường xuống và cởi bỏ bộ đồ thể thao, để lộ ra bộ đồng phục cảnh sát quận Columbia mặc bên trong. Hắn đội cái mũ đồng bộ mà hắn đem theo và đi xuống cầu thang cửa hậu. Khi thoát khỏi tòa nhà, hắn nghe tiếng la hét từ bên kia đường. Chỉ mới có mười chín giây trôi qua kể từ lúc phát đạn bắn ra. Hắn biết điều đó vì hắn nhắm đếm tiếng tích tắc trong đầu mình. Giờ hắn di chuyển nhanh chóng xuống đường và vẫn tiếp tục canh thời gian trong đầu. lát sau hắn nghe tiếng máy xe hơi nổ giòn báo hiệu cảnh dàn dựng cẩn thận mở màn. Bây giờ hắn bắt đầu guồng chân chạy hết tốc lực: hắn có năm giây để đến đó. Hắn rẽ ngay lúc chiếc xe mui kín suýt đâm vào hắn khi nó đua bên cạnh hắn. Cuối cùng hắn nhảy qua một bên, lăn tròn ra giữa đường.

Mọi người phía bên kia đường la hét, chỉ vào chiếc xe. Hắn quay người lại, hai tay nắm chặt khẩu súng và bắn vào chiếc xe mui kín. Tiếng đạn xoay trong nòng súng của hắn nghe rất ngọt. Hắn bắn năm phát rồi chạy nước rút trên con đường nhựa đến giữa khu phố, nhảy vào một chiếc xe không nhãn hiệu, giống như là xe cảnh sát, đang đậu ở đây; chiếc xe bắt đầu đuổi theo chiếc xe mui kín vừa nãy, tiếng còi hú vang rền và ụ òn trên nóc xe quét ánh sáng loang loáng.

Chiếc xe mui kín bị rượt đuổi rẽ trái ở giao lộ kế tiếp, rẽ phải xuống một con hẻm, rồi dừng lại giữa đường. Tên tài xế nhảy ra khỏi xe, chạy ngay đến chiếc VW Beetle đang đậu trong con hẻm vắng và nổ máy xe vọt đi.

Khi đủ xa khỏi tầm nhìn của những người ở câu lạc bộ, chiếc xe “cảnh sát” tắt đèn và còi hú ngay khi tách ra khỏi “cuộc săn” và rẽ hướng ngược lại với chiếc mui trần. Người đàn ông ngồi kế bên Seagraves không hề nhìn hắn lấy một lần khi hắn trèo ra băng ghế sau để trút bỏ bộ cảnh phục. Trên người hắn ta lúc này là bộ đồ chạy thể dục áo liền quần; đôi giày thể thao màu đen hắn đã mang sẵn trong chân. Trên sàn xe là một chú chó giống Labrador sáu tháng tuổi bị khóa mõm. Xe lao xuống một con đường phụ, rẽ trái ở góc đường kế tiếp rồi dừng lại bên cạnh một công viên vắng người.

Cửa sau mở, Seagraves bước ra còn chiếc xe thì phóng đi.

Seagraves nắm chặt dây buộc chó, hắn và con ‘thú cưng’ của mình bắt đầu cuộc chạy bộ vào đêm hôm khuya khoắt. Khi người và thú rẽ trái, bốn chiếc xe cảnh sát chạy vọt qua; không một ai trong đoàn xe liếc nhìn hắn.

Một phút sau, ở phía bên kia thành phố, một quả cầu lửa phụt lên trời. Đó là căn nhà mà người đàn ông vừa bị thủ tiêu đã thuê. Ban đầu, chắc hẳn vụ nổ sẽ được cho là do rò rỉ bình gas do có kích thích. Nhưng kết hợp với vụ ám sát Bob Bradley, chính quyền liên bang sẽ tìm ra những lời giải thích khác cho vụ việc này mặc dù điều đó không dễ dàng gì với họ.

Chạy bộ qua một khu phố, Seavegrave bỏ rơi con 'thú cưng', nhảy lên một chiếc xe khác đã đợi sẵn ở đó và hấn trở về nhà một giờ sau. Trong lúc ấy, chính quyền Mỹ sẽ phải tìm một Chủ tịch Hạ viện khác để thay thế cho ông Robert Bob Bradley quá cố. Chuyện đó cũng không quá khó đâu, Seagraves trầm ngâm khi lái xe đi làm vào sáng hôm sau; hấn vừa đọc tin về vụ ám sát Bradley trên tờ báo buổi sáng. Nói cho cùng, cái thị trấn chết tiệt này đầy rẫy bọn chính trị gia khốn nạn. Hừm, “bọn chính trị gia khốn nạn” là cụm từ mô tả thích hợp nhất. Hấn tấp xe vào cổng kiểm soát an ninh, chìa huy hiệu của mình ra và nhận được cái vẫy tay cho vào của nhân viên gác cổng mang vũ khí, người đã biết hấn quá rõ.

Hấn sỏi bước qua cổng chính tòa nhà ở Langley, bang Virginia, băng qua những cổng an ninh phụ và thẳng tiến đến văn phòng khoảng bảy tư mét vuông hỗn độn của mình. Hiện thời hấn đang là một viên chức chính phủ bậc trung với công việc chính là kết nối cơ quan của mình với bọn bắt tài đàn độn ở điện Capitol, những người mà bằng cách nào đó đã được bầu vào bộ máy chính quyền. Cái công việc mới không vất vả hơn công việc cũ của hấn trước đây, và thể hiện quãng thời gian phục vụ đáng thưởng vì đất nước. Giờ đây, không giống như mấy thập kỉ trước, Cục Tình báo Trung ương Mỹ

CIA để cho những nhân viên ‘đặc biệt’ - trở về từ những công việc ‘đặc biệt’ phải ‘về vườn’ - một khi họ đến cái tuổi phản xạ chậm và sự hăng hái làm việc không còn.

Khi Seagraves đọc qua vài tờ trong đồng giấy tờ nhặt nhèo, hắn nhận ra mình nhớ cái cảm giác giết chóc quá đỗi. Hắn nghĩ ai đã từng ám sát người khác một lần vì mục đích kiếm sống sẽ không bao giờ thật sự thoát khỏi cơn khát máu đó cả. Ít ra đêm qua đã cho hắn thấy lại chút hào quang xưa cũ.

Đó là một vấn đề không như thường lệ, một vấn đề khác có thể sẽ nhanh chóng xảy ra. Nhưng Roger Seagraves là người biết dàn xếp rắc rối một cách sáng tạo. Đơn giản vì đó chính là bản năng của hắn.



Chú thích

1. Tác giả chơi chữ “Evilbay” (evil: tội ác) với chữ Ebay, trang web mua bán trực tuyến lớn nhất trên mạng Internet nơi bạn có thể tìm thấy và mua những thứ mình cần.
2. Kỹ thuật đổi màu để phù hợp với phần nền.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 2



hững cột khói đen ngòm, có lẽ chứa hàm lượng chất gây ung thư đủ để giết một hay hai thế hệ không biết ngờ vực từ các nhà máy sản xuất gạch cũ kỹ thải vào bầu trời vốn đã tối đi vì mây đen sấp mửa. Trong một con hẻm của khu công nghiệp đang chết dần chết mòn vì những đồng tiền lương rẻ mạt ở các thành phố ô nhiễm của Trung

Quốc, một đám đông nhỏ đang tụ tập xung quanh người đàn ông. Đây không phải là một cảnh phạm tội có xác người chết, hay một gã Sheakspears đường phố nào đó đang mài dũa khả năng diễn xuất của mình, thậm chí không phải là một nhà thuyết giáo có lá phổi to đang rao giảng về Chúa Giê-su và sự cứu rỗi của Người. Người đàn ông này được dân trong nghề biết đến như gã chuyên chơi bài sắp ngửa, và hẳn ta đang cố gắng hết sức để làm đám đông an lòng về số tiền họ bỏ vào cuộc chơi may rủi gọi là “bài ba lá”.

Bọn “cò môi” hỗ trợ cho “nhà cái” khá tốt khi chúng vờ thắng cuộc

vài lần trong những khoảng thời gian đã định trước để giữ số điểm đầy hứa hẹn cho vận đồ của riêng chúng. Tên “cảnh giới” thì lim dim ngủ. Ít nhất đó là điều người phụ nữ đang theo dõi chúng từ bên kia đường nhận ra nhờ thân hình và đôi mắt lơ đãng của gã. Cô gái biết rằng cái gã “cơ bắp” cũng là một phần của nhóm lừa bịp này, mặc dù gã ấy không có vẻ vai u thịt bắp lắm, chỉ nhìn hơi đàn và chậm chạp. Hai tên “chấn dất” thì trẻ và năng động; đúng như tên gọi ám chỉ, nhiệm vụ của chúng là giữ được nguồn cung cấp là những người ngây thơ tham gia vào trò bài bạc mà họ sẽ không bao giờ thắng cả.

Cô ta di chuyển đến gần hơn, mắt vẫn theo dõi đám đông hào hứng luân phiên nhau vỗ tay và xuýt xoa rên rỉ mỗi khi ai đó được hoặc thua cược. Cô ta cũng đã bắt đầu hành nghề "cò môi" cho một trong những tay bạc khét tiếng trong nước mình. Nhóm lừa đảo kia có thể bày bàn đánh bạc gần như ở bất cứ thành phố nào rồi một giờ sau bỏ đi với ít nhất hai đồng giấy bạc trong túi, còn những người tham gia thì cứ nghĩ rằng số mình “đen” quá chứ chẳng biết mình là nạn nhân của chúng. Tên “nhà cái” kia rất xuất sắc vì một lý do: hắn ta đã được huấn luyện bởi cùng một người với cô ta. Cô ta nhìn bằng con mắt thuần thực của mình, gã kia đang sử dụng kỹ thuật hai quân bài đằm ở phía trước để thay quân bài phía sau thành quân đằm vào một thời điểm quyết định khi chia bài; và đây cũng là mấu chốt của trò chơi lừa lọc này.

Mục tiêu đơn giản của trò “bài ba lá” giống như trò “bầu cua”, là bốc được quân đằm từ bộ ba quân bài trên bàn sau khi "nhà cái" đã nhanh tay xáo trộn thứ tự. Khó mà nhanh mắt đoán được vì cái

quân đầm ấy thậm chí đâu có ở trên bàn vào thời điểm người chơi đưa ra phỏng đoán của mình. Rồi một giây trước khi vị trí “đúng” của quân đầm được giở lên, "nhà cái" sẽ nhẹ nhàng thay một trong ba lá bài trên bàn bằng quân đầm và cho mọi người thấy rằng quân đầm này đã ở trên bàn suốt khoảng thời gian trên. Trò lừa đơn giản này đã lấy được tiền của biết bao nhiêu người miễn là trò chơi bài còn tồn tại.

Cô ta len lỏi ra phía sau thùng đựng rác, giao tiếp bằng mắt với một ai đó trong đám đông rồi đeo đôi kính mát to bản màu nhẹ. Một lát sau, tên “cảnh giới” hoàn toàn bị phân tâm bởi một người đang chơi cuộc váy ngắn xinh đẹp. Cô gái cúi người ngay trước mặt gã nhặt mấy tờ tiền, phô cặp mông săn chắc và nội y màu đỏ nhỏ xíu. Tên cảnh giới không mấy may nghi ngờ, nghĩ rằng gã thật quá may mắn khi được chiêm ngưỡng cảnh này. Tuy nhiên, cũng giống như trò "bài ba lá" kia, không có vận may nào ở đây hết. Cô ta đã mua chuộc “váy ngắn” để cô nàng ấy trình diễn trờớt tiền cúi xuống nhặt, khi cô ta ra hiệu cho “váy ngắn” bằng cách đeo kính mát vào. Mẹo gây phân tâm đơn giản này luôn có tác dụng với bọn đàn ông kể từ khi đàn bà bắt đầu mặc quần áo .

Bốn sải chân nhanh và cô ta đã nhanh chóng ở ngay giữa đám bài bạc với dáng điệu nghênh ngang, đám đông tản ra ngay tức thì còn tên "cảnh giới" vẫn đang sững sờ nhìn theo bất lực.

Rồi cô ta lớn tiếng, giơ thẻ viên chức lên, “Tôi muốn kiểm tra chứng minh thư của tất cả mọi người”, cô ta nói một cách cáu kỉnh, chỉ thẳng vào tên "nhà cái" - béo lùn, trung niên, bộ râu quai nón đen, mắt xanh lá cây và đôi bàn tay nhanh nhẹn. Cặp mắt phía dưới

chiếc mũ lưỡi trai của gã soi xét cô gái, ngay cả lúc gã chậm chậm với tay lấy áo khoác và móc bóp tiền ra.

“Được rồi đây, buổi tiệc đến đây là kết thúc”, cô ta nói, vén áo khoác để mọi người thấy huy hiệu bạc đính trên thắt lưng của mình. Nhiều người trong đám đông bắt đầu lùi lại. Kẻ không mời mà đến khoảng độ hơn ba mươi tuổi, cao, vai rộng, hông đầy đà và tóc dài màu đỏ, mặc quần jean đen, áo cổ lọ xanh lá cây và áo khoác da ngắn. Cơ thịt ở cổ nổi hẳn lên khi cô ta nói chuyện. Một vết sẹo nhỏ màu đỏ nhạt hình lưỡi câu phía dưới mắt phải nhưng vẫn còn bị che dưới chiếc kính mát. “Tôi nói buổi tiệc kết thúc. Nhặt tiền lẻ của quý vị rồi biến đi”, cô nói với cái giọng cáu kỉnh.

Cô ta nhận thấy rằng tiền cược để trên bàn đã biến mất ngay lúc mình bắt đầu cất giọng. Và cô ta cũng biết chính xác tiền bay đi đâu. Tên bạc bịp rất giỏi, phản ứng tức thời và kiểm soát thứ duy nhất quan trọng: số tiền. Đám đông lảng đi không hề đôi co số tiền bị mất.

Gã “cơ bắp” ngập ngừng tiến về phía kẻ không mời mà đến nhưng sau đó lại đứng im như trời trồng khi ánh nhìn của cô ta lướt ngang hẳn.

“Đừng có nghĩ đến chuyện đó nhé, bởi vì họ chỉ thích những thằng béo ú thể này trong nhà tù liên bang thôi”. Cô ta nhìn hẳn từ trên xuống dưới một cách đầy chế giễu, “Họ sẽ có nhiều thịt hơn cho bữa ăn tối”. Mối gã “cơ bắp” mấp má, hẳn lùi lại như thể có biến vào bức tường.

Cô ta bước đến bên cạnh hẳn. “Ừ, cậu trai. Khi tôi nói “biến đi”, có ý bao gồm cả cậu nữa đấy”.

Gã “cơ bắp” lo lắng liếc mắt nhìn tên “bạc bịp”, hấn trả lời, “Cút đi! Tao sẽ tìm mày sau”.

Sau khi gã “cơ bắp” trốn mất, cô ta kiểm tra chứng minh thư của tên “bạc bịp”, cười mỉa khi đưa trả chứng minh thư lại cho hấn rồi bắt hấn đứng quay mặt vào tường. Nhặt một quân bài lên, cô ta xoay ngược quân bài lại để hấn nhìn thấy quân đầm đen. “Có vẻ như tôi thắng rồi”.

Tên bạc bịp nhìn chăm chăm vào quân bài mà không một chút bối rối. “Từ khi nào mà nhân viên FBI lại quan tâm đến một trò chơi may rủi vô hại như thế này?”.

Cô ta đặt quân bài trở lại bàn. “Điều hay ho là bọn con bạc không biết trò may rủi này thật sự ‘may rủi’ cỡ nào. Có lẽ tôi nên đi tìm xem có đũa cò bạc bịp nào có nhã ý quay lại để nện cho ông một trận hay không”.

Gã nhìn xuống quân đầm đen, “Như cô nói, cô thắng rồi. Sao cô không đề nghị số tiền thắng cược đi?”. Gã lấy ra khỏi túi một cuộn giấy bạc.

Đáp lại cô ta lấy thẻ ra, tháo huy hiệu khỏi thắt lưng bỏ hết lên bàn. Gã nhìn xuống hai thứ ấy.

“Coi đi”, cô ta nói một cách hững hờ. “Tôi chẳng có bí mật nào hết”.

Gã cầm hai thứ đó lên. Không có gì xác thực cô ả là nhân viên thi hành pháp luật. Phía sau miếng nhựa plastic là một thẻ thành viên của Hội Costco Warehouse. Huy hiệu thì bằng thiếc khắc tên một nhãn hiệu bia Đức.

Mắt gã mở to khi cô ả tháo mắt kính và nhận ra cô ả ngay tức thì.

“Annabelle sao?”

Annabelle Conroy trả lời, “Leo, anh làm cái quái gì xào nấu trò “bài ba lá” với một bọn ngu đần ở cái xá xinh này vậy?”.

Leo Richter nhún vai nhưng mở miệng cười thật rộng, “Thời buổi khó khăn ấy mà. Bọn ấy cũng được lắm, hơi non tay, nhưng chúng đang học nghề đây. Mà trò này chưa bao giờ làm bất cứ ai trong số chúng ta thất vọng cả, đúng không?”. Gã vẫy vẫy nắm giấy bạc trước khi nhét lại vào ba lô. “Một kẻ bạc bịp giờ giọng cảnh sát”, gã chửi rủa nhẹ nhàng.

“Tôi chưa bao giờ bảo mình là cớm, mọi người tự tưởng tượng thế đây chứ. Đó là lý do chúng ta có việc để làm, Leo ạ, bởi vì, nếu anh có đủ những thứ thuyết phục, người ta sẽ làm tương. Nhưng trong khi chúng ta nói về chuyện đó, anh đang cố hồi lộ cảnh sát à?”.

“Theo như chút kinh nghiệm khiêm tốn của tôi thì việc hồi lộ thường được việc hơn là không”, Leo đáp, rút một điếu thuốc lá ra khỏi túi áo sơ mi mời Annabelle. Cô ta từ chối.

“Anh kiếm được bao nhiêu từ trò bợm này?”. Cô ta hỏi thực tế.

Leo nhìn cô ả đầy nghi ngờ khi gã đốt điếu Winston, rít một hơi dài và thở khói ra lỗ mũi, luồng khói gần như tiếp màu với bức tiểu họa những đám mây hơi hám bốc ra từ ống khói phía trên đầu, “Miếng bánh cũng chia đủ cho mọi người. Tôi còn phải chăm sóc đám nhân viên của mình nữa chứ”.

“Nhân viên! Đừng bảo tôi rằng anh đang làm cái việc kê khai thuế cho bọn người làm ấy vào lúc này nhé!”. Trước khi gã nói điều gì, cô ta nói thêm, “Trò “bài ba lá” không nằm ngoài tầm kiểm soát của tôi, Leo à. Vậy bao nhiêu hả? Tôi đang chờ nghe một lý do hợp lý”.

Cô nàng khoanh tay trước ngực và dựa lưng vào tường chờ đợi. Gã lại nhún vai, “Bọn này thường hoạt động ở năm địa điểm xoay vòng, khoảng sáu giờ một ngày. Nhiều thằng con trai lảng vảng quanh đây lắm, chúng luôn ngứa ngáy chân tay muốn tiêu tiền. Nhưng bọn này sẽ sớm dọn đi thôi. Một vòng thời gian nhân rồi của các nhà máy lại đến, và bọn này cũng chẳng muốn bị nhớ rõ mặt. Có lẽ tôi không cần kể lại cho cô nghe kỹ thuật làm gì nữa. Tôi lấy sáu mươi phần trăm số tiền kiếm được, nhưng thời buổi này chi phí cao quá. Tiết kiệm được khoảng ba mươi phần trăm thôi. Tôi đang muốn kiếm gấp đôi số ấy trước mùa đông. Cũng sẽ sống được tạm thời đó”.

“Nhưng chítạm thời, anh cũng biết mà”, Annabelle Conroy nhặt huy hiệu khắc nhãn hiệu bia hơi và thẻ Hội Costco lên, “Có hứng thú với một mớ tiền thật không?”.

“Lần trước cô hỏi tôi câu này, tôi đã bị bắn”.

“Chúng tabị bắn vianhquá tham lam”.

Giờ thì không ai cười cả.

“VẬY THỎA THUẬN SAO ĐÂY?”. Leo hỏi.

“Tôi sẽ kể anh nghe sau khi chúng ta tìm gặp đủ người. Tôi cần nhân lực cho cuộc chơi dài”.

“Một nhóm ư? Trời ạ, ai còn làm thế nữa?”

Cô ả vênh mặt nhìn xuống gã. Với đôi giày boots cao gót này, cô ta trông khá cao. “Tôi muốn thế. Thật sự thì tôi cũng sẽ không bao giờ ngừng làm chuyện ấy”.

Gã để ý mái tóc đỏ của cô ta “Chẳng phải cô để tóc nâu lần tôi gặp cô sao?”

“Tôi cần thay đổi bất cứ cái gì”.

Gã nhe răng cười đến tận mang tai, “Annabelle vẫn cứ là Annabelle”.

Ánh mắt cô ả trở nên nghiêm nghị, “Không, chẳng phải là con Annabelle ngày xưa nữa. Khá hơn ngày trước đấy. Anh tham gia không?”.

“Nguy cơ thế nào?”.

“Cao, nhưng chiến lợi phẩm cũng cao”.

Có tiếng còi xe với độ lớn muốn xé toạt màng nhĩ. Không ai trong số hai người nao núng. Những nhóm bịp bợm có đẳng cấp thông thường là đã mất đi sự nhất gan, rụt rè vì trong bất cứ hoàn cảnh nào hoặc là bị xử tội, hoặc là chết.

Cuối cùng, Leo nháy mắt. “OK, tôi tham gia. Giờ sao đây?”.

“Giờ ta đi tìm một vài đũa nữa”.

“Ta thu gom toàn ‘ngôi sao’ vào vụ này hả?” Hấn chớp chớp mắt mừng tượng viển cảnh trước mắt.

“Chuyện làm ăn lâu dài cần phải có những kẻ giỏi nhất”, Annabelle nhặt quân đầm đen lên. “Tối nay tôi bao anh ăn tối vì đã rút con bài này ra khỏi bộ bài ‘ma thuật’ của anh”.

“E là quanh đây chẳng có mấy nhà hàng đáng thưởng thức đâu”.

“Không phải ở đây. Chúng ta sẽ bay đến Los Angeles trong ba giờ nữa”.

“Đến L.A. trong ba giờ nữa sao? Tôi còn chưa chuẩn bị hành lý nữa là. Mà tôi cũng chưa mua vé”.

“Vé ở trong túi trái áo khoác của anh đấy. Tôi đã lén nhét khi tôi khám xét người anh ban nãy”. Cô ả nhìn trừng trừng vào phần thân

giữa nhũn nhẽo của hắn, “Anh mập lên đó Leo”.

Cô ả quay gót và sai bước trong khi Leo kiểm tra túi tiền và thấy tám vé máy bay. Gã chộp lấy bộ bài rồi chạy vội theo bỏ cái bàn chơi bài lại chỗ chơi.

Nhóm “bài ba lá” đi du lịch một khoảng thời gian. Trò bịp bợm mới đang vẫy gọi.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 3



uốt bữa ăn tối ở L.A. Annabelle trình bày kế hoạch cho Leo nghe, bao gồm cả việc tuyển thêm hai tên nữa để thực hiện phi vụ.

“Nghe hay nhi, nhưng còn trò bịp dài hơi thì sao? Cô chẳng kể tôi nghe gì cả”.

“Từng bước một”, Annabelle trả lời, ngón tay xoay vòng theo miệng ly

rượu, ánh mắt đang lang thang trong căn phòng ăn phông trương này tự động tìm những điểm nổi bật.

Hít sâu vào, kiểm một thẳng ngu đàn đi. Cô ta hát nhẹ mái tóc nhuộm đỏ hoe và chạm mắt vào một gã đàn ông cách đó ba bàn.

Nãy giờ gã đã nhìn Annabelle trong chiếc đầm đen ngắn hau hau và ra hiệu với cô một cách sỗ sàng trong lúc người yêu của gã ngồi câm lặng giận dữ vì cảm giác bị xúc phạm. Giờ gã từ từ liếm môi và nháy mắt với Annabelle.

À há, cứ liếm môi đi nhé, mày thậm chí chẳng biết thế nào với việc hôn hít đâu.

Leo cắt ngang dòng suy nghĩ của cô ả, “Annabelle, nhìn này, tôi sẽ không lừa cô đâu mà. Chết tiệt, tôi đã theo cô đến đây nữa chứ”.

“Đúng, anh theo tôi đến đây vì đồng háocủa tôi ấymà”.

“Chúng ta là cộng sự, cô biết mà. Thôi dừng tranh luận ở đây đi”.

Cô nàng lướm mắt nhìn gã ta và uống cạn ly cabernet, “Đừng để tâm vụ đó, Leo. Dù sao anh cũng không phải là một kẻ giỏi cho lắm”.

Người phục vụ đến đưa Annabelle tấm danh thiếp. “Của quý ông đằng kia đây ạ”, anh ta nói, chỉ vào người đàn ông liếc mắt đưa tình với cô ả nãy giờ.

Annabelle nhận tấm danh thiếp, trên ấy đề gã ta là một nhân viên có tài. Gã còn cẩn thận viết phía sau cái sớ thích đặc biệt mà gã muốn thực hiện với cô.

Được, anh - chàng - tài - năng ạ. Anh tự muốn chuốc vạ vào thân đấy nhé.

Lúc đi đến bàn gã, cô ả dừng lại ở một cái bàn có năm tên to khỏe mặc comple sọc. Cô ta nói gì đó và tất cả cùng cười phá lên. Cô ả phát nhẹ vào đầu một tên và hôn phớt vào má một tên khác cỡ khoảng bốn mươi tuổi, tóc muối tiêu và vai rộng. Rồi cả nhóm lại cười lớn khi Annabelle nói thêm. Cô ả ngồi nói chuyện vài phút. Leo tò mò nhìn cô ta rời bàn có năm tên kia và đi ngang qua hắn về phía cửa ra vào.

Khi cô ả bước qua bàn gã tài - năng gã bảo, “Này cô em, gọi cho anh nhé. Anh thật sự muốn em gọi cho anh. Em nóng bỏng đến nỗi anh thấy mình nóng như ngồi trên đồng lửa vậy”.

Annabelle vớ lấy ly nước lọc trên khay một người bồi bàn vừa đi ngang và bảo, “Thế à? Vậy phải giúp anh “ngươi bót” thôi anh trai ạ”. Cô ả đổ ly nước vào ngay quần gã trai. Gã nhảy lông lên.

“Khốn kiếp! Mà y sẽ phải trả giá, con điên khôn nạn này!”

Người yêu của gã che miệng cười.

Trước khi gã có thể chộp lấy mình, Annabelle đưa tay khóa chặt cổ tay gã. “Anh trai có thấy mấy thằng ngồi đằng kia không hả?”. Cô gật đầu với bộ năm dữ tợn đang ngồi nhìn chăm chăm vào gã. Một tên bê đốt ngón tay nghe răng rắc. Tên khác nhét tay và áo khoác vào giữ tay ở đó.

Annabelle nói nhẹ nhàng, “Tao chắc rằng mày thấy tao nói chuyện với chúng hồi nãy vì mày quan sát tao cả buổi tối hôm nay mà. Bọn nó là gia đình Moscarelli. Thằng ngồi trong cùng là chồng cũ của tao, Joey Junior. Dù bây giờ tao không còn là thành viên trong gia đình đó nữa nhưng mà thật ra tao vẫn thuộc bè cánh của chúng nó”.

“Moscarelli là bọn chó nào?”, gã đàn ông vẫn bướng bỉnh hỏi.

“Chúng là gia đình tội phạm có tổ chức, đứng thứ ba ở Vegas trước khi bị FBI triệt hạ. Nay chúng quay trở lại làm cái việc mà chúng thành thạo nhất: bảo kê các hiệp hội rác ở khu Big Apple và Newark”. Cô ả nhéo tay gã, “Thế nên nếu mày muốn làm lớn chuyện cái quần ướt nhẹp của mày, tao chắc là Joey sẽ giải quyết êm đẹp cho mày”.

“Mày nghĩ tao sẽ tin vào thứ rác rưởi mày nói nãy giờ hả?”

“À, không tin thì đi đến đó nói chuyện với thằng Joey nhé”.

Gã trai nhìn lại bàn của bộ năm. Joey Junior cầm con dao cắt bút-tét trong bàn tay to bè trong khi thằng khác đang cố gắng đè hẳn người

xuống ghế.

Annabelle kẹp tay gã trai chặt hơn nữa, “Hay là anh trai muốn tôi kêu thằng Joey với bọn bạn nó đến đây? Đừng lo nhé cưng, thằng ấy mới được tạm tha, nên thật tình là nó thể dần cho mày một trận thừa sống thiếu chết mà không bị cảnh sát liên bang chú ý”.

“Thôi, thôi!” gã tài - năng sợ hãi khi lén nhìn thằng Joey Junior sát thủ và con dao bít-tết. Gã lặng lẽ nói thêm, “Ý tôi là chuyện đâu có gì to tát. Chỉ là một chút nước thôi mà”. Gã ngồi xuống thắm chỗ quần ướt bằng khăn ăn.

Annabelle nhìn qua người yêu của gã. Người phụ nữ ấy chẳng thể kiềm được tiếng cười khúc khích. “Cô thấy chuyện này buồn cười sao, cô gái?”, Annabelle hỏi, “Đây là tình huống mà tất cả chúng tôi đều cười vào mặt cô đấy, chứ không phải cười chung với cô đâu.

Sao cô không thể tỏ ra tự tôn trọng bản thân mình nhỉ? Hay gã khốn này là cái thứ đàn ông rác rưởi duy nhất cô sẽ chung chạ cho đến khi cô già nua không ai thèm để mắt tới?”

Người phụ nữ im bật.

Khi ra khỏi nhà hàng, Leo nói, “Chà, vậy mà tôi đã tốn thời gian để đọc mấy cuốn ‘Đắc Nhân Tâm’ của Dale Carnegie trong khi tôi chỉ cần đi theo cô thì cũng đã học hỏi được khá nhiều rồi”.

“Đừng bàn đến chuyện ấy nữa, Leo”.

“Được rồi, nhưng còn gia đình Moscarelli thì sao? Nói đi, thật sự thì chúng là ai hả?”

“Năm nhân viên kế toán đến từ Cincinnati có lẽ đang tìm thú vui gì đó qua đêm”.

“May cho cô là chúng có vẻ khá bự con”.

“Chẳng phải may mắn gì sất. Tôi nói tôi đang tập diễn một cảnh phim với bạn diễn ở nơi công cộng. Tôi bảo chúng chuyện diễn xuất kiểu này thường xuyên diễn ra ở L.A, rồi nhờ giúp đỡ làm cho ra vẻ du thủ du thực; anh biết đấy, để tạo ra không khí thật sự cho chúng ta nhập vai. Tôi nói nếu chúng diễn tốt biết đâu có cơ hội đóng phim luôn. Có lẽ đó là điều hào hứng nhất trong đời chúng”.

“Ra thế, nhưng sao cô biết thằng ngu kia sẽ chặn lối cô?”

“Ôi, tôi chẳng biết nữa, Leo à, có lẽ là tôi có khả năng gì ‘đặc biệt’ chẳng!”

Ngày kế tiếp Annabelle và Leo đến đại lộ Wilshire ở đồi Beverly Hills bằng chiếc Lincoln màu xanh mới thuê được. Leo nhìn mấy cái cửa hàng không chớp mắt, “Làm thế nào cô lần ra được hẳn?”

“Mấy nguồn thông thường thôi. Hẳn trẻ, kinh nghiệm đường phố chưa nhiều lắm, nhưng hẳn có ngón nghề đặc biệt - đó là lý do tôi có mặt ở đây”.

Annabelle đỗ xe vào bãi và chỉ tay vào một cửa hàng phía trước mặt. “Đó là chỗ mấy chàng trai giờ chiêu lừa người tiêu dùng nhỏ lẻ”.

“Hẳn trông thế nào?”

“Rất điệu đànang một cách nam tính”¹.

Leo nhìn cô à khó hiểu. “Điệu đànang một cách nam tính? Cái quái gì thế? Một loại đồng tính gần đở mới hả?”

“Anh cần phải tiếp xúc nhiều hơn nữa Leo à, với lại nên rèn luyện kỹ năng tìm thông tin với mấy vi tính nữa”.

Một phút sau Annabelle dẫn Leo vào một cửa hàng quần áo thời trang sang trọng. Trong tiệm, họ được chào đón bởi một anh chàng

trẻ đẹp không thừa tí mỡ nào, mặc đồ đen, tóc vàng chải ngược ra phía sau và râu lún phún trên mặt.

“Hôm nay anh làm việc một mình à?”, Annabelle hỏi gã, nhìn quanh quần những khách hàng mang giày cao gót khác trong cửa hàng. Họ chắc hẳn giàu lắm, cô ả biết chứ, vì mấy đôi giày ở đây giá từ một nghìn đôlatrở lênchi chực chờ đánh vào điểm yếu của những vị khách hàngmay mắnvấp ngã vì đôi giày cao cỡ mười phân.

Gã gật đầu, “Tôi thích làm việc trong cửa hàng này. Tôi đã quen với công việc phục vụ”.

“Tôi tin là thế”, Annabelle thì thầm không để hắn nghe.

Sau khi tất cả khách rời cửa hàng, Annabelle treo bảng “Đóng cửa” lên cửa trước. Leo cầm một cái áo kiêu của nữ đến quầy tính tiền, còn Annabelle đi vòng vòng phía sau khu vực thanh toán. Leo đưa thẻ tín dụng ra nhưng nó trượt khỏi tay nhân viên bán hàng và anh ta phải cúi xuống nhặt lên. Khi anh chàng đứng thẳng người lên thì Annabelle đã ở ngay bên cạnh.

“Anh có món đồ chơi nhỏ gọn nhi!”, xem xét cái máy nhỏ xíu mà tên nhân viên vừa mới dùng để quét thẻ của Leo.

“Thưa cô, cô không được phép đứng phía sau quầy thu tiền”, hắn chau mày.

Annabelle phớt lờ lời nhắc nhở, “Anh tự tạo ra cái máy ấy à?”

Gã nhân viên nói một cách chắc chắn, “Đây là máy chống thẻ tín dụng giả. Nó dùng để xác nhận rằng thẻ còn hạn thanh toán. Nó kiểm tra số mã hóa ghi trên bề mặt nhựa. Ở đây chúng tôi đã nhận được rất nhiều thẻ tín dụng ăn cắp, thế nên người chủ cửa hàng quyết định sử dụng chiếc máy này. Tôi cố gắng không gây ra bất cứ

trở ngại nào để không ai bị bẽ mặt cả. Tôi chắc quý cô hiểu điều này”.

“Ồ, tôi hiểu hết”, Annabelle với tay về phía gã nhân viên và kéo cái máy ra. “Thứ mà cái máy này thực hiện, Tony à, là đọc tên chủ thẻ và số tài khoản, và cả mã số nhận dạng in chìm vào một thanh nam châm để sau đó làm giả thẻ”.

“Hay có thể bán số tài khoản cho một đường dây chuyên mua bán tài khoản cũng không chừng”, Leo nói thêm. “Làm cách đó thì anh không thực sự làm vậy bản đôi tay điệu đàng một cách nam tính của mình”.

Tony nhìn cả hai người, “Sao mấy người biết tên tôi? Mấy người là cóm hả?”

“Ôi, hơn thế nhiều”, Annabelle choàng tay qua đôi vai mảnh khảnh của hắn, “Chúng tôi là hạng người giống anh vậy thôi”.



Hai giờ sau Annabelle và Leo đi bộ xuống cảng biển ở Santa Monica. Trời trong không gợn chút mây và gió biển mang từng luồng gió ấm vào mon man đất liền. Leo lau trán bằng khăn tay, cởi áo khoác vắt trên tay.

“Chó má, tôi quên mất trời ở đây nóng đến cỡ nào”.

“Thời tiết ở đây đẹp nhất trên thế giới đây”, Annabelle bảo. “Vi thế mà ta có mặt ở đây. Bởi vì nơi được đánh giá cao...”

“Là nơi những nhóm bịp bợm nổi tiếng nhất hiện diện”. Leo kết thúc câu nói giùm cô ả.

Cô ta gật đầu. “Ừ, đúng hẳn kia rồi, Freddy Driscoll, hoàng thái tử tội phạm”.

Leo hướng về phía trước, nheo mắt vì chói nắng, và đọc một cái bảng nhỏ treo ngoài cửa một ki-ốt, “Nhà thiết kế Heaven à?”

“Ừ, cứ làm như tôi bảo nhé”.

“Chứ có cách nào khác mà không làm theo ý cô bảo không hả?”, Leo lầm bầm.

Họ tiến đến một quầy hàng trưng bày ngăn nắp và gọn ghẽ những quần jean, túi xách thiết kế thời trang, đồng hồ và các phụ kiện trang trí khác. Người đàn ông hơi già đứng bên cạnh ki-ốt tiếp đón họ một cách lịch sự. Gã này thấp, hơi tròn trịa và có khuôn mặt dễ nhìn; mớ tóc bạc nhô ra khỏi cái mũ rom gã đang đội.

“Ôi chao, những món này giá cả hấp dẫn quá”, Leo bình phẩm trong khi đưa mắt xem hàng.

Người đàn ông tự hào, “Tôi chẳng màng một cửa hàng ngon lành này đâu, chỉ cần mặt trời, cát và đại dương thôi”.

Họ nhìn các món hàng một lượt, chọn vài thứ, và Annabelle trả cho gã đàn ông tờ một trăm đôla.

Gã nhận tiền, đeo một cặp kính dày vào, cầm tờ tiền xem xét ở một góc độ nào đó rồi nhanh chóng trả lại, “Xin lỗi cô, tôi e rằng đây là tiền giả”.

“Ông nói đúng, tiền giả đấy”. Cô ả nói một cách hờ hững. “Nhưng tôi tưởng dùng tiền giả trả cho đồ giả là công bằng chứ”.

Gã đàn ông thậm chí không chớp mắt, chỉ mỉm cười với cô ta ôn

hòa.

Annabelle kiểm tra lại tờ tiền theo đúng cái cách già làm, “Vấn đề là không có bất cứ tên làm tiền giả nào có thể làm giống kỹ thuật tạo ảnh ba chiều hình cổ Tổng thống Franklin khi ông cầm tờ tiền ở góc độ này, bởi vì phải tốn một nhà máy in tiền trị giá hai trăm triệu đôla mới làm giả đến độ tinh vi cái hình ấy. Chỉ có một cái nhà máy như thế ở Mỹ, và cũng chưa có tên làm tiền giả nào được tiếp cận với nó cả”.

Leo chen vào, “Vì thế ông dùng một cây viết bôi mờ để phác họa chân dung Franklin trên tờ tiền, khiến cho bất cứ ai đủ tinh ý muốn kiểm tra tờ tiền đang cầm cảm thấy được cái hình ẩn mà thực sự họ không thể thấy”.

“Nhưng ông biết sự khác biệt“, Annabelle chỉ ra. “Bởi vì ông đã từng làm giả loại giấy bạc mệnh giá này”. Cô ả cầm một cái quần jean xăm soi, “Nhưng từ giờ trở đi, tôi sẽ bảo nhà cung cấp của ông bỏ chút thời gian dập tên nhãn hiệu lên trên cái khóa kéo giống như các nhà sản xuất hàng thật làm”. Cô ả đặt chiếc quần lại chỗ cũ và cầm một cái xác tay, “Và phải may chỉ đôi trên quai xác nữa chứ. Đó là điểm tố cáo hàng nhái đấy”.

Leo gơ cái đồng hồ giảm giá lên, “Và đồng hồ Rolex thật chạy rất êm, chứ không kêu tích tắc như thế này”.

Người đàn ông nói, “Tôi thật sự rất sốc khi biết mình là nạn nhân của vụ mua bán hàng giả hàng nhái này. Tôi vừa mới thấy một cảnh sát ở đằng kia cảng biển cách đây mấy phút. Để tôi đi gọi anh ấy lại. Xin quý khách ở lại đây để cung cấp lời khai đầy đủ cho cảnh sát”.

Annabelle bấu chặt tay hắn bằng những ngón tay dài và khảnh của mình, “Đừng bịa chuyện với chúng tôi. Chúng ta nói chuyện đi nào”.

“Nói chuyện gì hả?”

“Hai ngón một dài”, Leo trả lời, mắt người đàn ông sáng ngời.



Chú thích

1. Nói về các chàng trai trẻ luôn biết chăm chút cho sắc đẹp của mình.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 4



oger Seagraves nhìn qua bàn hội thảo thấy đôi mắt sưng húp của một người đàn ông và những món tóc đen bóng dầu được chải ngang để che lấp phần da đầu bong vảy một cách vô vọng. Vai và chân người ấy ồm khảng khiu nhưng lại béo phần bụng và mông. Dù vẫn còn ở độ tuổi bốn mươi nhưng có lẽ hẳn ta vẫn có thể chạy bộ gần hai mươi

yards l trong những tình huống nguy khốn mà không vấp ngã. Nhắc một giỏ rau quả lên chắc chắn sẽ là một hạn chế với sức mạnh phần thân gầy ốm của hẳn ta. Hẳn ta cũng có thể là một tấm áp phích quảng cáo cho sự giảm sút thể chất của phái mạnh thế kỷ 21, Seagrave nghĩ. Hẳn cảm thấy khó chịu về ý nghĩ đó vì thể hình cân đối luôn luôn đóng vai trò hết sức quan trọng trong cuộc đời hẳn. Mỗi ngày hẳn chạy năm dặm², kết thúc phần luyện tập trước lúc mặt trời lên cao. Hẳn có thể hít đất chống đẩy một tay và đưa một

chân lên bằng ghế đá để gập người, số lần gập đôi trọng lượng cơ thể của mình. Hấn có thể giữ hơi thở dưới nước trong bốn phút và thỉnh thoảng chơi với đội bóng đá trung học gần nhà ở phía tây hạt Fairfax. Không một ai ở tuổi bốn mươi như hấn có thể đuổi kịp những thằng nhóc ‘mười bảy tuổi bẻ gãy sừng trâu’ thế mà hấn chưa bao giờ rớt lại phía sau bọn nhỏ. Đối với công việc trước kia của hấn, tất cả những kỹ năng này được dùng để phục vụ cho một mục đích duy nhất: giữ mạng sống cho mình.

Hấn trở lại chú ý người đàn ông phía bên kia bàn. Mỗi lần hấn thấy cái sinh vật ấy, một phần trong hấn muốn bắn thẳng vào trán tên đó một phát cho hấn ta phải sống đời thực vật. Nhưng không có một người tinh táo nào lại giết con ngỗng vàng hoặc, trong trường hợp này là con chuột vàng của mình cả. Seagrave thấy tên đồng bọn thể hình xấu xí nhưng dù sao hấn vẫn đang cần gã.

Sinh vật ấy tên Albert Trent, một kẻ có đầu óc thông minh dù bộ dạng khốn khổ. Trent là một nhân tố quan trọng trong kế hoạch, có lẽ những chi tiết tối quan trọng - thật sự mà nói - là ý tưởng của tên này hết. Chính vì vậy, Seagraves mới chấp nhận hợp tác với hấn ta. Hai người đàn ông này từng nói chuyện với nhau một lần nhân dịp lễ kỷ niệm của các đại diện CIA đến Ủy ban Tình báo thường trực mà Albert Trent đang là một thành viên nổi bật. Sau đó bọn chúng kiểm soát những mẫu tin tình báo thu nhật được từ khu mật thám ở Langley và các cơ quan thuộc kho thuốc nổ ma quỷ của chính quyền Mỹ. Những thiết bị này dò xét bạn từ trên vũ trụ, thông qua điện thoại, fax, thư điện tử và thỉnh thoảng ngay trên vai bạn.

Tiệc tàn, hai người đàn ông ngồi lại và uống cạn cốc cà phê.

Seagraves vẫn chưa tìm được người nhân viên nào có thể pha một tách cà phê ngon theo đúng ý mình. Có lẽ tại loại nước uống dùng để pha cà phê ở đây.

“Ngoài trời gió thổi mạnh lắm”, Trent nói, mắt dán chặt vào cuốn chỉ thị chiến thuật trước mặt mình. Hắn ta vượt phăng cái cà-vạt đỏ nằm phía trên thân thể nhão nhoẹt và chà mũi.

Seagraves đưa mắt nhìn ra cửa sổ. Được thôi, đến lúc rồi, phòng trường hợp ai đó đang nghe trộm. Ngày nay không có nơi nào vắng những đôi tai tọc mạch, nhất là ở điện Capitol. “Gió đang tràn vào, tôi đọc báo thấy thế. Có lẽ trời sẽ mưa chút ít, mà cũng có thể là không mưa”.

“Tôi lại nghe là có thể có bão”.

Seagraves hoạt bát hơn khi đề cập đến vấn đề này. Một cơn bão luôn thu hút sự chú ý của hắn. Chủ tịch Hạ viện Bob Bradley đã từng là một cơn bão đầy thôi. Giờ ông ta đang nằm dưới ba tấc đất ở quê hương Kansas của mình với một bó hoa héo rũ trên bia mộ.

Seagraves cười, “Anh biết họ nói sao về thời tiết đấy: mọi người bàn tán về thời tiết, nhưng chẳng ai làm được gì với thời tiết cả”.

Trent cũng cười lớn, “Ở đây mọi việc có vẻ rất yên ổn. Chúng ta luôn cảm kích sự hợp tác của Cơ quan Tình báo Trung ương”.

“Anh không biết à? Chữ ‘C’ tượng trưng cho sự hợp tác”.

“Chúng ta vẫn dự tiệc buổi chứng nhận vào thứ Sáu hả?”, Trent hỏi, ý muốn nói đến phó giám đốc mật vụ của CIA.

“Vâng. Và phía sau những cánh cửa đóng kín chúng ta có thể rất thật thà nữa là”.

Trent gật đầu tán thành, “Ông tân chủ tịch ủy ban biết cách chơi

theo luật. Họ đã sắp xếp một cuộc bỏ phiếu qua điện thoại để khép lại phiên tòa”.

“Chúng ta đang đấu tranh với bọn khủng bố, thế nên đó sẽ là một trận cầu hoàn toàn mới mẻ. Kẻ thù của nước ta có mặt khắp mọi nơi. Chúng ta phải hành động sao cho phù hợp với tình hình. Khử chúng trước khi chúng tóm được ta”.

“Chính xác”, Trent hưởng ứng. “Thời đại mới, cuộc chiến mới. Hoàn toàn hợp pháp”.

“Làm mà chẳng cần báo trước”, Seagrave kiềm một con ngáp. Nếu ai đó đang lắng nghe, thì hẳn hy vọng kẻ đó sẽ hài lòng với cuộc nói chuyện yêu nước này. Hẳn đã khao khát điều này kể từ khi hẳn ngừng quan tâm đến tổ quốc của mình. Hẳn đơn độc trong việc quan tâm đến bản thân: một đất nước độc lập của Seagraves. Và hẳn có kỹ năng, thần kinh thép và khả năng tiếp cận những thứ vô cùng giá trị để có thể làm điều gì đó cho đất nước. “Được rồi, nếu không có gì nữa thì tôi về đây. Thời điểm này hay xảy ra kẹt xe lắm”.

“Tất nhiên có bao giờ không xảy ra kẹt xe đâu nhỉ?”. Trent gõ gõ tay trên cuốn sách chỉ đạo chiến thuật.

Seagraves vẫn nhìn quyển sách đã trao cho Trent và cảm lấy một tập hồ sơ Trent vừa đẩy qua phía hắn. Tập hồ sơ bao gồm những câu hỏi chất vấn chi tiết để khai thác và làm rõ thông tin về vài vụ điều tra giám sát của cơ quan tình báo. Cuốn sách chỉ đạo chiến thuật to tổ chẳng hắn để lại cho Trent chẳng có gì thú vị ngoài phân tích quá phức tạp và ngớ ngẩn như thường lệ mà cơ quan hắn thường phát cho ủy ban giám sát. Đó là một kiệt tác được diễn đạt rồi rảm trong một nghìn chữ hoặc hơn nhưng chẳng nói được gì cho

ra hôn.

Tuy nhiên, nếu ai đó hiểu được ẩn ý của những từ ngữ trong sách, mà Seagraves biết chắc rằng Trent sẽ hiểu, thì những trang sách ấy cũng lộ ra một điều: bốn tên tay trong người Mỹ rất năng động và địa điểm trú ngụ hiện thời của chúng ở nước ngoài tất cả đều được viết dưới dạng mật mã. Thông tin về những cái tên và địa chỉ này đã được bán cho một tổ chức khủng bố có tiềm lực tài chính để tổ chức này sẽ đi gỡ cửa nhà của bọn chúng ở ba nước Trung Đông và cắt cổ bọn ấy. Hai triệu đôla Mỹ đã được chuyển vào một tài khoản mà không một ngân hàng điều tiết nào ở Mỹ có thể kiểm toán được. Giờ là lúc Trent làm công việc chuyển những cái tên ‘bị đánh cắp’ đó cho một mắt xích khác trong dây chuyền làm ăn.

Seagrave đang làm ăn phát đạt. Khi số kẻ thù của Mỹ trên toàn cầu tiếp tục tăng lên, hắn bán bí mật cho bọn khủng bố đạo Hồi, bọn cộng sản ở Nam Mỹ, bọn độc tài ở Châu Á và thậm chí những nước thành viên của Cộng đồng chung Châu Âu.

“Độc đi nhé”, Trent nhắc đến tập hồ sơ hắn ta vừa trao cho Seagraves. Chính ở chỗ này mà việc giải mã ‘con bão’ vừa đề cập lúc này được tiết lộ với Seagraves cùng với những câu hỏi tại sao và vì lý do gì.

Tối hôm đó ở nhà, Seagraves nhìn chăm chăm vào một cái tên và bắt đầu bày mưu tính kế theo lối suy nghĩ thường lệ của mình. Chỉ có thời điểm này mới cần một điều gì đó tinh tế hơn là khẩu súng trường và ống ngắm. Trent đi xuyên suốt từ đầu đến cuối kế hoạch như một viên đá quý nhờ trí thông minh của hắn, làm mọi việc trở nên đơn giản đến không ngờ. Seagraves biết mình cần lợi dụng ai.



Chú thích

1. Yards: đơn vị đo chiều dài (1 yards = 91,438 cm = 0,9144 m).
2. Dặm: đơn vị đo chiều dài (1 dặm = 1,6093 km).

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 5



úng 6 giờ rưỡi một buổi sáng trời trong và mát mẻ ở Washington, cửa trước ngôi nhà ba tầng của Jonathan DeHaven bật mở, ông ta bước ra trong một chiếc áo khoác len màu xám, cà-vạt xanh nhạt và quần đen. Người đàn ông giữa độ tuổi năm mươi và một cái đầu bạc chải chuốt thẳng thớm,

DeHaven hít thật sâu không khí trong lành, dành vài phút ngó nghiêng dãy biệt thự cổ kính lộng lẫy trên con đường nhà mình.

DeHaven bỏ xa kẻ giàu nhất khu này, nơi giá trung bình của một cấu trúc gạch cao chót vót trên mái nhà mà người mua phải trả là vài nghìn đôla. May thay, ông ta thừa kế ngôi nhà này từ bố mẹ - hai người đủ khôn ngoan để trở thành những nhà đầu tư sớm nhất trong thị trường bất động sản quận Columbia. Dù phần nhiều tài sản của họ đã được quyên cho mục đích từ thiện, đưa con trai độc

nhất của dòng họ DeHaven cũng được để dành một số tiền khổng lồ để phụ thêm cho đồng lương nhà nước và cũng để nuôi dưỡng vài sở thích cá nhân.

Đồng tài sản từ trên trời rơi xuống này cho phép DeHaven theo đuổi cuộc sống mà không phải ưu tư phiền muộn về việc kiếm sống bằng mọi cách, nhưng điều này không đúng với những người khác đang sống trên con đường Good Fellow này. Sự thật là một trong những người hàng xóm của ông ta là một người buôn bán cái chết - tuy nhiên DeHaven cho rằng thuật ngữ chính trị chính xác phải là “nhà thầu buôn vũ khí phòng thủ”.

Tên hắn là Cornelius Behan, thích được gọi là CB, sống trong một nơi nguy nga tráng lệ được nhập lại từ hai ngôi nhà. DeHaven đã nghe đồn rằng việc có được ngôi nhà như thế trong một khu vực lịch sử được kiểm soát chặt chẽ là nhờ vào những món hối lộ được lên kế hoạch kỹ càng. Tin đồn thổi không những về cái thang máy chứa được bốn người và một khu vực riêng biệt cho người hầu sống và sinh hoạt ở đó.

Behan còn đem những hạng đàn bà đẹp lồ lẳng vào nhà vào những giờ kỳ cục, nhưng tên này vẫn còn đủ lịch sự để chờ đến khi bà vợ đi vắng, thường là mấy chuyến vung tiền mua sắm ở châu Âu.

DeHaven tin rằng người đàn bà bị lừa dối đó hắn cũng đang hưởng thụ thú chim chuột suông sã của mình ở phía bên kia Đại Tây Dương. Điều này gợi lên trong đầu ông hình ảnh một người phụ nữ quyến rũ thanh lịch đang cùng gã nhân tình trẻ trung người Pháp đùa giỡn bên chiếc bàn ăn thời vua Louis thứ XVI trong điệu nhạc Bolero. Vảhoan hô cả hai ông bà, DeHaven nghĩ.

Ông xưa đi ý nghĩ về những lầm lỗi của gia đình hàng xóm bằng một cú nhảy bật ra khỏi bậc thềm nhà. Jonathan DeHaven là một người vô cùng tự hào về kho sách quý hiếm và khu các bộ sưu tập đặc biệt ở Thư viện Quốc hội, có thể nói là bộ sưu tập sách quý hiếm lớn nhất thế giới. À, người Pháp, người Ý và người Anh có thể tranh cãi về vấn đề này, nhưng DeHaven, người rõ ràng thiên vị, biết rằng bộ sưu tập của Mỹ này là đầy đủ nhất.

Ông đi bộ khoảng gần nửa dặm dọc theo lề đường bằng gạch cũ nhàu, chính xác từng bước chân giống như mẹ ông, người luôn cẩn thận với mỗi bước chân trong đời bà. Vào cái ngày trước khi bà mất, DeHaven không hoàn toàn chắc chắn rằng người mẹ nổi tiếng độc đoán của mình lại không bỏ qua đám tang và thẳng tiến đến cửa thiên đường, đòi vào ngay để bà còn bắt đầu điều hành công việc.

Đến một góc đường, ông lên chuyến xe buýt đông người đến trung tâm, ngồi chung băng ghế với một chàng trai trẻ người đầy bụi với một thùng nước đá chêm giữa hai chân. Hai mươi lăm phút sau xe buýt thả DeHaven xuống một ngã tư nhộn nhịp.

Ông băng qua đường đến tiệm cà phê nhỏ, nhấp nhấp một cốc trà, bánh sừng trâu và đọc tờ Thời báo New York. Mấy tit báo, như thường lệ, làm độc giả rất nản lòng. Chiến tranh, bão, dịch cúm có thể bùng phát, khủng bố, đủ để làm bạn bò vào nhà và đóng kín cửa. Có một câu chuyện về những việc làm trái luật trong vũ đài hợp đồng vũ khí phòng thủ. Có những luận điệu hời hợt và tham nhũng giữa các chính trị gia và nhà sản xuất vũ khí. Quả là một cú sốc! Một vụ bê bối về dùng tiền để gây ảnh hưởng đã hạ bệ vị cựu Chủ tịch Hạ viện. Rồi sau đó người kế nhiệm của ông ta, ông

Robert Bradley, lại bị thăm sát ở câu lạc bộ Federalist. Vụ án vẫn chưa giải quyết xong mặc dù một nhóm khủng bố trong nước, trước đây vô danh tiêu tốt, tự cho mình là Nhóm chống lại người Mỹ năm 1984 - liên quan đến tuyệt tác về chủ nghĩa phát-xít của nhà văn Orwell - đã đứng ra nhận trách nhiệm. Việc điều tra của cảnh sát không suôn sẻ cho lắm, ít nhất là theo nguồn tin trên báo.

DeHaven thỉnh thoảng đưa mắt ra ngoài cửa sổ quán cà phê để nhìn đám công nhân viên chức vì mục đích cao cả đang sải bước xuống phố sẵn sàng gánh vác thế giới, ít nhất là có một hay hai Thượng nghị sĩ trong đó. Một nơi bất thường nhất, ông nghĩ. Ở đây ông có những cuộc thập tự chinh sử thi khiêu vũ cùng với những kẻ đầu cơ trục lợi nhếch nhác bản thiu đi cặp với cặp hình mẫu kẻ ngu ngốc - người trí thức, không may loại trước lại thường giữ vị trí quyền cao hơn loại sau trong xã hội này. Nó là thành phố duy nhất trong toàn nước Mỹ có thể tuyên bố chiến tranh, nâng thuế thu nhập liên bang hoặc giảm các phúc lợi xã hội của bạn. Quyết định nằm trong diện tích vài dặm vuông toàn đài kỷ niệm và những trò hề giả tạo này có thể làm cho vô số người hoặc giận dữ hoặc phờ phạc, và cả hai mặt ấy cứ đối chọi cho nhau liên tục tùy thuộc vào ai đang điều hành chính quyền vào một thời điểm nhất định. Và đối với các cuộc chiến, phong trào và âm mưu được dựng lên để thực hiện mưu đồ nắm giữ hay giành lại quyền lực đã tiêu tốn từng chút từng chút một năng lượng của những con người tài năng. Vòng xoáy ấy như bức tranh khảm đá có quá nhiều mảnh đá di chuyển điên cuồng đến nỗi người ngoài cuộc khó mà dám đến gần để tìm hiểu chuyện gì đang thật sự diễn ra bên trong.

Vài phút sau DeHaven thông thả bước lên bậc tam cấp rộng của tòa nhà Jeferson mái vòm đồ sộ thuộc Thư viện Quốc hội. Ông ký nhận chùm chìa khóa cửa từ phòng cảnh sát thư viện và thẳng tiến lên tầng hai, nhanh chóng bước đến phòng LJ239. Phòng đọc Sách Quý Hiếm hình vòm để giữ an toàn cho rất nhiều văn kiện quý giá của quốc gia. Kho báu này bao gồm cả bản gốc Tuyên Ngôn Độc Lập mà những người sáng lập nước Mỹ đã viết nên ở Philadelphia trong chặng đường hành quân đến tự do, thoát khỏi chế độ thực dân của Anh. Họ sẽ nghĩ gì về nơi này nhỉ?

Ông mở khóa cửa vòng ngoài và đẩy hai cánh cửa nặng chịch sát vào tường. Rồi ông thực hiện các động tác bấm phím phức tạp để vào phòng đọc. DeHaven luôn là người đầu tiên đến đây mỗi ngày. Trong khi nhiệm vụ đặc thù của ông khiến ông phải có mặt trong phòng đọc sách thì mối quan hệ cộng sinh giữa DeHaven với những cuốn sách cũ khó mà giải thích tường tận cho một người bình thường hiểu, thế nhưng mỗi ràng buộc này lại hoàn toàn có thể hiểu được thậm chí đối với một người chỉ đam mê sách có chừng mực. Phòng đọc không mở cửa vào các ngày cuối tuần, thế nên DeHaven có thời gian để chạy xe đạp, sưu tầm những cuốn sách quý hiếm cho bộ sưu tập riêng của mình và chơi đàn dương cầm. Ông học đàn dưới sự giám sát nghiêm ngặt của cha, người có tham vọng trở thành một nghệ sĩ dương cầm trong dàn nhạc giao hưởng nhưng nhận ra sự thật phũ phàng rằng ông không đủ giỏi. Chẳng may con trai ông cũng không đủ giỏi để thực hiện tham vọng ấy cho ông. Kể từ sau cái chết của cha, DeHaven tự nhiên lại thích thú với việc chơi đàn. Trước kia dù thỉnh thoảng cũng chơi đàn dương cầm của cha mẹ

còn ông hầu như nhất nhất vâng lời họ.

Ông chỉ thực hiện một điều đi ngược lại mong ước của cha mẹ, mà đó cũng là sự vượt qua giới hạn khá lớn. Ông đã kết hôn với một người phụ nữ trẻ hơn mình đến hai mươi tuổi, một phụ nữ khá xa lạ với vị thế của ông trong xã hội. Cũng vì thế mà mẹ ông đã nhai đi nhai lại cái điệp khúc đó cho đến khi ông thấy phiền phức đến độ phải ly hôn một năm sau đó. Tuy nhiên, chẳng có người mẹ nào có thể ép buộc con trai mình từ bỏ người đàn bà anh ấy yêu, ngay cả bằng cách đe dọa cắt nguồn viện trợ tài chính. Mẹ ông đã hạ mình đến độ bà bảo bà sẽ bán hết số sách quý mà bà đã hứa sẽ để lại cho ông. Lẽ ra ông phải đứng về phía người phụ nữ mình yêu, bảo cô ấy không cần phải lo lắng gì cả. Ông nghĩ điều đó giờ đây dĩ nhiên đã quá muộn rồi. Phải chi nhiều năm trước ông có nghị lực để vượt qua.

DeHaven thở dài tiếc nuối khi ông cởi nút áo khoác và vuốt phẳng cà-vạt của mình lại. Có lẽ khoảng thời gian ấy là mười hai tháng hạnh phúc nhất của đời ông. Trước đây ông chưa bao giờ gặp được người phụ nữ nào như thế, và ông chắc rằng ông sẽ không bao giờ có thể gặp người thứ hai. Nhưng tôi đã để cô ấy ra đi chỉ vì mẹ tôi bắt tôi làm thế. Ông đã viết thư cho cô ấy nhiều năm sau đó, xin lỗi bằng nhiều cách. Ông gửi tặng tiền, trang sức và những sản vật ông mua trong các chuyến du lịch vòng quanh thế giới của mình, nhưng ông chưa bao giờ van xin cô ấy quay lại với mình. Không, ông chưa bao giờ làm thế, đúng không nhỉ? Cô viết thư trả lời ông một vài lần, rồi từ đó các gói quà và thư của ông bắt đầu bị hoàn trả lại mà chưa hề được mở ra, sau khi mẹ ông mất, ông có nghĩ đến việc cố

gắng đi tìm cô ấy, nhưng cuối cùng lại cho rằng chuyện đã quá muộn màng. Nói thật thì ông đâu còn xứng đáng với cô ấy nữa. Ông hít một hơi thật sâu, bỏ chìa khóa vào trong túi và nhìn quanh phòng đọc trang hoàng tráng lệ gần giống ở dinh Độc Lập, không gian nơi đây tĩnh lặng. DeHaven đặc biệt thích những chiếc đèn có chụp đèn bằng đồng để trên các bàn đọc sách. Ông âu yếm lướt ngón tay qua một cái đèn, và cảm giác thất bại khi vượt mắt người phụ nữ duy nhất cho ông thấy hạnh phúc trọn vẹn bỗng nhiên vơi đi.

Ông nán lại ít phút trong khu vực thiêng liêng của phòng Jefferson để đọc lướt qua một tác phẩm của Tacitus, nhà sử học người La Mã mà ngài tổng thống thứ ba của Mỹ rất ngưỡng mộ. Kế đó ông dùng chìa khóa để đi qua dãy rào chắn Lessing J. Rosenwald¹, nơi những cuốn sách in đầu tiên trước năm 1500 và sách chép tay do ông Rosenwald, cựu chủ tịch chuỗi cửa hàng bán lẻ Sears, Roebuck hiến tặng, được xếp cạnh nhau trên các kệ kim loại trong căn phòng được mở điều hòa nhiệt độ rất tốn kém suốt hai mươi tư giờ trong ngày, bảy ngày trong tuần. Mặc dù thư viện hoạt động bằng một ngân sách eo hẹp, nhưng nhiệt độ phải ổn định trong phòng là 60oF² và độ ẩm tương đối là sáu mươi tám phần trăm để giữ được đồng sách quý này thêm vài thế kỷ nữa.

Đối với DeHaven, việc liên bang tốn thêm khoản tiền phụ trội để bảo vệ bộ sưu tập quý này là vô cùng xứng đáng vì cái ngân sách liên bang luôn luôn chi tiền cho chiến tranh nhiều hơn cho bất cứ mục đích hòa bình nào khác. Chỉ cần một phần nhỏ số tiền chế tạo một quả tên lửa thôi là ông đã có thể mua ngoài chợ trời bất cứ tác

phẩm nào thư viện cần bổ sung vào bộ sưu tập sách quý. Nhưng các chính trị gia tin rằng tên lửa mới đảm bảo an toàn cho chúng ta, trong khi thật ra những cuốn sách mới làm được điều ấy vì một lý do đơn giản: Sự ngu dốt là nguyên nhân gây ra chiến tranh, và những ai đọc nhiều thì hiếm khi nào ngu dốt. Có lẽ nhận định này là một triết lý đơn giản quá mức, nhưng DeHaven vẫn nhất mực tin tưởng vào nó.

Lúc ông nhìn lướt qua đồng sách trên kệ, DeHaven ngẫm lại bộ sưu tập sách của mình ở nhà dưới tầng hầm. Đó chẳng phải là một bộ sưu tập lớn nhưng vẫn cứ thỏa mãn niềm đam mê của ông. Ai cũng nên sưu tầm một thứ gì đó, DeHaven cảm thấy thế; thú đam mê này khiến bạn cảm giác mình còn tồn tại và kết nối với cả thế giới. Sau khi kiểm tra vài cuốn sách vừa mới được chuyển về từ ban bảo quản, ông đi lên cầu thang đến hàng rào trải suốt chiều dài phòng đọc. Chính nơi đây là nơi lưu trữ bộ sưu tập sách đầu tiên viết về y khoa Mỹ. Và ở kệ trên là dãy sách thiếu nhi đều tằm tấp. Ông dừng lại vỗ vào đầu một bức tượng bán thân nam đặt trên một chiếc bàn nhỏ ở góc phòng một cách âu yếm.

Một khắc sau đó Jonathan DeHaven ngã gục trên một chiếc ghế và bắt đầu giãy chết. Đây chẳng phải là một cái chết dễ chịu không đau đớn, bằng chứng là cơ thể ông co giật liên hồi và những tiếng kêu thét chìm trong cổ họng. Ba mươi giây sau ông nằm duỗi dài bất động trên sàn nhà cách nơi ngã xuống co giật khoảng sáu mét. Nét mặt ông có vẻ như đang nhìn chằm chằm vào bộ sưu tập những câu chuyện kể với hình hai cô gái mặc váy xòe đội nón rộng vành trên bìa sách.

Ông chết mà không biết cái gì đã giết mình. Cơ thể ông đã không phản bội lại ông, ông đang trong tình trạng sức khỏe hoàn hảo. Không ai tổn thương ông, và ông không bị đầu độc; sự thật là ông hoàn toàn chỉ có một mình trong thời điểm đó. Nhưng Jonathan DeHaven đã chết.



Chú thích

Cách đó khoảng hai mươi lăm dặm, điện thoại nhà Roger Seagraves đổ chuông. Dự báo thời tiết hôm nay trời trong và có nắng. Seagraves kết thúc bữa ăn sáng của mình, chộp lấy cặp táp và bắt đầu đi làm. Hắn thích bắt đầu một ngày mới bằng một dấu hiệu tích cực.



Chú thích

1. Lessing J. Rosenwald (1891-1979) là một thương gia người Mỹ có sở thích sưu tập sách quý hiếm và tranh nghệ thuật.

2.F: đơn vị đo nhiệt độ ($10F = -17,2220C$). $600F = 15,50C$.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 6



Caleb Shaw bước vào phòng đọc sách, đi đến bàn làm việc đặt cuối góc phòng, nơi ông đặt ba lô và mũ bảo hiểm xe đạp. Ông tháo cái đai da bó quanh cổ chân dùng để tránh dầu mỡ từ xích xe đạp dính vào ống quần. Rất nhiều việc cần phải làm sáng hôm nay. Hôm trước một học giả lỗi lạc người Mỹ đã yêu cầu trên sáu trăm cuốn sách để

chuẩn bị cho danh sách phức hợp các quyển sách theo một chủ đề nhất định. Và vì là một chuyên gia nghiên cứu nên công việc của Caleb là tập hợp tất cả các cuốn sách ấy lại. Ông lục tìm các tác phẩm đó trong danh mục sách ở thư viện; giờ đến công việc khó nhọc là “vật” chúng ra khỏi kệ sách.

Ông vuốt lại mái tóc muối tiêu rồi bù và nói lỏng dây lưng một tí. Caleb có một vóc dáng gầy yếu, nhưng gần đây ông bắt đầu tăng cân ở phần eo. Ông hy vọng rằng đạp xe đi làm sẽ đủ giúp mình giải

quyết vấn đề bực bội này. Ông tránh xa bất cứ thứ gì thuộc chế độ dinh dưỡng hợp lý, “thả cửa” thưởng thức rượu và các món ăn nhà giàu. Caleb cũng rất tự hào về việc chưa từng có ai thấy ông trong phòng tập thể thao nào kể từ sau khi anh tốt nghiệp trung học phổ thông. Ông bước đến lối vào khu vực sách quý, quét thẻ từ và kéo cửa ra. Caleb hơi ngạc nhiên vì không thấy Jonathan DeHaven. Ông ấy luôn là người có mặt ở đây trước tất cả mọi người cơ mà, nhưng cửa ngoài phòng đọc đã được mở khóa rồi. Caleb cho rằng giám đốc chắc đang ở trong văn phòng hoặc trong phòng sách quý này thôi.

“Jonathan?”, ông gọi lớn, không có tiếng trả lời. Ông liếc sơ qua danh sách trong tay mình. Công việc này chắc dễ chừng mất cả ngày chứ chẳng chơi. Chộp lấy một xe đẩy sách sát tường, ông bắt đầu làm việc theo cách đi qua từng khu vực có chứa những quyển sách ông cần. Một giờ sau ông bước ra để lấy thêm một danh sách khác thì một người phụ nữ làm chung bước vào phòng đọc.

Ông pha trò với cô ta rồi quay lại làm việc của mình. Không khí trong này rất mát mẻ, anh nhớ hôm qua bỏ quên áo khoác len trong khu vực sách trên tầng bốn. Lúc sắp sửa bước vào thang máy thì ông nhìn lại cái cơ thể bắt đầu sò sề tuổi trung niên của mình nên quyết định đi cầu thang bộ, thật ra là chạy lên vài bậc thang. Ông băng ngang bộ sưu tập y khoa, nhảy thêm vài bậc thang là đến gác lửng, sai bước qua lối đi chính để đến chỗ bỏ quên áo.

Khi nhìn thấy xác chết của Jonathan DeHaven bất động trên sàn nhà, Caleb Shaw há hốc miệng, nghẹn thở rồi bất tỉnh.



Người đàn ông cao ráo và rắn rỏi rời khỏi căn nhà tranh đơn sơ để vào một nghĩa trang nhỏ nơi ông làm công việc coi giữ. Có rất nhiều việc cần phải hoàn thành để chắc chắn rằng chôn đi về của những người đã khuất vẫn được bảo quản tốt. Nói một cách mỉa mai, bản thân ông cũng đã “chính thức” cư trú trong một ngôi mộ ở nghĩa trang quốc gia Arlington, và tất cả những người đồng nghiệp trong chính quyền ngày xưa sẽ rất ngạc nhiên khi biết rằng ông vẫn còn sống trên đời. Sự thật là bản thân ông cũng ngạc nhiên khi biết mình đã không chết. Tổ chức mà ông làm việc năm xưa đã cố tìm mọi cách để ám sát ông không vì một lý do gì ngoài lý do ông không còn muốn giết người cho chính quyền nữa.

Ông thấy một con vật di chuyển bằng cái nhìn từ khóe mắt mình. Chắc chắn rằng không ai theo dõi mình từ tòa nhà chung cư gần đó, rồi với cử động nhanh nhẹn ông rút con dao khỏi dây thắt lưng và quay người. Rón rén bước về phía trước, ông nhắm vào con vật và phóng lưỡi dao. Ông quan sát con rắn hổ mang giãy giụa, con dao cắm phập đầu nó xuống mặt đất. Con rắn này gần như đã cắn ông hai lần hồi tuần trước, khi nó lẩn trong bụi cỏ cao. Sau khi nó chết, ông rút con dao lại, chùi sạch và quăng xác vào thùng rác.

Dù không còn dùng các kỹ năng cũ thường xuyên nhưng thỉnh thoảng chúng cũng có ích lắm. Ông thầm nghĩ đến những tháng ngày trong quá khứ khi ông nằm mòn mỏi chờ đợi mục tiêu rơi vào tầm

ngắm giết chóc của mình. Cuộc sống hiện tại của ông tất nhiên cũng bị cái quá khứ đó ảnh hưởng, bắt đầu từ tên.

Ông không dùng tên thật John Carr hơn ba mươi năm rồi. Nhiều thập niên qua ông được biết đến dưới tên Oliver Stone. Ông thay tên đổi họ một phần cũng vì muốn tránh sự truy lùng của tổ chức cũ và phần còn lại là vì muốn thách thức một chính quyền mà ông cảm thấy không hợp với lòng dân. Nhiều năm qua ông vẫn giữ một cái lều nhỏ ở công viên Lafayette đối diện với Nhà Trắng, nơi ông đã từng là một trong rất nhiều “người biểu tình phản đối thường trực”. Cái bảng bên cạnh lều ông viết đơn giản “Tôi muốn biết sự thật”. Để theo đuổi mục đích của mình, ông lập một tổ chức giám hộ nho nhỏ với tên gọi Hội Camel để muốn chính quyền Mỹ phải có trách nhiệm giải trình với người dân. Và người ta cũng biết ông thỉnh thoảng nuôi một vài âm mưu nào đó.

Các thành viên khác của hội là Milton Farb, Reuben Rhodes và Caleb Shaw, không có chức quyền và thế lực gì nhưng họ vẫn đề tài đề mắt nghe ngóng tình hình. Thật đáng trân trọng cái mà họ đạt được khi thành viên nào cũng kiên định quan sát chính quyền và hành động dựa trên những gì quan sát được bằng tất cả lòng dũng cảm và sự khéo léo của họ.

Ông ngược nhìn bầu trời đang vằn vữa sắp mưa. Một cơn gió tấp vào mái tóc trắng cắt ngắn sát da đầu của ông, mái tóc đã từng dài đến vai cùng với bộ râu quai nón lâu ngày không cạo mọc lan xuống bộ ngực. Giờ ông chỉ để nó mọc vài ngày là cạo nhẵn. Cả râu và tóc thay nhau giúp ông sống sót suốt những cuộc phiêu lưu của Hội Camel.

Stone quẳng đồng cỏ vào thùng rác rồi thông thả dựng lại mộ bia đánh dấu nơi an nghỉ của một thuyết giáo người Mỹ gốc Phi lỗi lạc, người đã mất mạng trong cuộc chiến tranh đòi tự do. Thật lạ kỳ, Stone nghĩ rằng một người phải đấu tranh cho tự do ở đất nước tự do nhất trên hành tinh này. Khi ông nhìn quanh khu vực nghĩa trang Zion, nơi từng là điểm dừng của con đường ngầm dẫn dắt những người nô lệ đến được tự do, ông chỉ có thể kinh ngạc trước những con người xuất chúng đã nằm trong lòng đất kia.

Vừa làm việc ông vừa nghe tin tức bằng chiếc radio đặt trên nền đất. Tin tức đang tập trung vào câu chuyện về cái chết của bốn mật thám nằm vùng của Bộ Ngoại Giao Mỹ ở I-rắc, Ấn Độ và Pakistan trong những vụ ném bom riêng lẻ.

Các mối liên hệ của Bộ Ngoại Giao ư? Ông biết đó là gì rồi. Các mật vụ của tình báo Mỹ đã bị lộ vỏ bọc và bị ám sát. Tin tức nhào trộn chính thức sẽ che mắt công chúng sự thật đó, và luôn là như thế. Nhưng Stone kiêu hãnh cho rằng mình biết tất tần tạt các diễn biến địa lý, chính trị hiện thời. Một phần lương nhà thờ thuê ông làm việc được chi ra mua ba tờ nhật báo mỗi ngày. Ông cắt nhiều bài báo dán vào nhật ký tin tức của mình, cùng lúc dùng kinh nghiệm để lọc ra sự thật từ đồng tin nhào trộn đó.

Chuông điện thoại di động cắt ngang dòng suy nghĩ của ông. Ông ấn phím trả lời, lắng nghe và không hỏi điều gì cả; rồi ông chạy đi. Người bạn và là thành viên Hội Camel: Caleb Shaw đang nằm trong bệnh viện; và một người đàn ông khác làm việc tại Thư viện Quốc hội nằm chết trên sàn nhà. Trong lúc vội vã Stone quên cả việc khóa cổng rào khi ông lao ra khỏi nghĩa trang.

Những người chết trong nghĩa trang chắc cũng hiểu rằng người sống thì có quyền làm thế.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 7



aleb Shaw nằm trong bệnh viện, chậm chậm lắc đầu. Vây quanh ông là các thành viên khác của hội. Reuben Rhodes gần sáu chục tuổi đời, cao gần hai mét với vóc dáng của một cầu thủ bóng đá Mỹ. Mái tóc quăn đen dài đến vai cùng với đôi mắt chán chường và bộ râu quai nón bù xù làm lúc làm ông trông có vẻ điên loạn; nhưng có khi

điều đó lại là sự thật. Milton Ferb cỡ khoảng mét sáu, ốm, tóc hơi dài, mắt to, khuôn mặt không một nếp nhăn khiến ông trẻ hơn tuổi bốn mươi chín của mình.

Reuben là một cựu chiến binh trong chiến tranh Việt Nam và là cựu nhân viên Cục Tình báo Quốc phòng, hiện đang làm việc ở một cảng bốc hàng sau khi sự nghiệp quân sự bị “trật đường ray” bởi rượu chè, nghiện ngập và niềm oán hận đối với cuộc chiến mà ông không giấu giếm sự căm phẫn. Ông đứng dậy được nhờ sự giúp đỡ

của Oliver Stone khi Stone tình cờ gặp ông ở nghĩa trang Quốc gia Arlington nơi Reuben nằm một đồng bát động dưới gốc cây phong. Milton đã từng là một đứa trẻ thần đồng với khả năng trí tuệ vô hạn. Cha mẹ ông làm ở một lễ hội du lịch, nơi mà năng lực trí tuệ của con trai họ được khai thác triệt để trong những buổi trình diễn lạ kỳ. Dù vậy ông vẫn học đến đại học và làm việc ở Viện Y tế Quốc gia. Tuy nhiên, mang chứng rối loạn ám - ảnh - vì - bị - cưỡng - bức và bệnh tâm thần, thế giới của ông sụp đổ hoàn toàn. Ông trở nên khôn khổ và yếu đuối vì bệnh tâm thần trầm trọng đến nỗi tòa án đã phải ra lệnh đưa ông vào bệnh viện để chữa trị.

Oliver Stone lại ra tay cứu giúp. Lúc đó Stone đang làm hộ lý ở bệnh viện tâm lý trị liệu nơi Milton là bệnh nhân. Nhận thấy khả năng đặc biệt của Milton, cùng với một trí nhớ chi tiết đến hoàn hảo, Stone đã dụ dỗ Milton tham gia chương trình Jeopardy! Và ông ấy đánh bại tất cả những người tham gia khác để kiếm được một món tiền nhỏ. Qua nhiều năm được chăm sóc tận tâm và trị liệu bằng thuốc, ông ấy bắt đầu có thể sống khá bình thường như bao người khác. Giờ Milton làm kinh doanh thiết kế trang web cho các công ty tập đoàn.

Stone ngã người dựa vào tường, khoanh tay trước ngực và nhìn xuống người bạn nằm trên giường.

Sở hữu hai bằng tiến sĩ khoa học chính trị và văn học thế kỉ 18, Caleb Shaw làm việc ở phòng đọc Sách Quý thuộc Thư viện Quốc hội hơn mười năm rồi. Không lập gia đình và chẳng có con cái, thư viện, không kể bạn bè, là niềm đam mê duy nhất của cuộc đời ông. Caleb đã từng đối mặt với những khoảng thời gian khó khăn cùng

cực. Ông mất người anh lớn trong chiến tranh Việt Nam, còn ba mẹ chết thảm trong một vụ rơi máy bay mười lăm năm trước. Stone gặp Caleb khi ông tuyệt vọng cuối đường hầm, người thủ thư gần như mất hết khát khao để tiếp tục tồn tại. Stone kết bạn với ông, giới thiệu ông với một chủ nhà sách đang rất cần được giúp đỡ, và Caleb dần dần thoát khỏi trầm uất nhờ tình yêu của ông với những quyển sách. Mình dường như thu gom những trường hợp vô vọng, Stone thầm nghĩ. Dù mình đã từng là một người vô vọng giống họ. Thật sự Stone cũng nợ những bạn bè đó nhiều như họ nợ ông, nếu không muốn nói là nhiều hơn. Nhưng Stone biết rằng ông sẽ không thể tồn tại nếu không có Caleb, Reuben và Milton. Sau nhiều năm chỉ biết thực hiện những nhiệm vụ tiêu diệt và giết chóc, Stone dùng ba mươi năm cuối đời tìm một liệu pháp để chuộc lại lỗi lầm cá nhân. Theo như tính toán thì Stone vẫn còn một con đường dài phía trước để đi.

Sự dấn chiêu trầm ngâm của Stone gián đoạn khi Alex Ford bước vào. Alex là đặc vụ kỳ cựu của Cơ quan Tình báo, người lúc trước có công nâng đỡ Hội Camel và được vinh danh là thành viên danh dự của hội nhờ việc làm quả cảm của anh.

Ford ở lại nửa tiếng và như trút được gánh nặng trong lòng khi biết Caleb sẽ nhanh chóng khỏe lại.

Anh nói, “Bảo trọng Caleb. Hãy gọi tôi nếu anh cần bất cứ thứ gì”. “Công việc ở WFO sao rồi?”, Stone hỏi anh, ý ông muốn đề cập công việc ở Văn phòng Công vụ mật của Washington.

“Cũng bận rộn lắm. Các phần tử tội phạm khiến chúng tôi làm việc gần như kiệt sức”.

“À, tôi hy vọng anh sẽ bình phục hoàn toàn từ chuyến phiêu lưu nhỏ nhỏ của chúng ta”.

“Tôi không gọi một cuộc khai hoàn toàn cầu có nguy cơ tiềm tàng là một chuyến phiêu lưu nhỏ nhỏ. Và tôi cũng không nghĩ mình sẽ có thể hoàn toàn bình phục”.

Sau khi Alex Ford ra về, Caleb quay sang những người còn lại và nói, “Điều đó thật sự kinh khủng. Ông ta nằm bất động trên sàn nhà”.

“Rồi anh ngất đi phải không?”, Stone hỏi, mắt không rời Caleb.

“Có lẽ vậy. Tôi nhớ mình rẽ vào góc phòng, kiểm chiếc áo len, và thấy ông ta nằm ở đó. Chúa ơi, tôi gần như vấp vào người ông ấy. Tôi nhìn thấy đôi mắt của ông ấy. Đầu óc tôi trống rỗng. Ngực tôi đau thắt lại. Tôi thấy lạnh người. Tôi nghĩ mình bị một cơn đau tim. Rồi thì tôi không còn biết gì nữa”.

Reuben đặt tay lên vai Caleb. “Nhiều người cũng ngất đi giống như anh khi lâm vào tình huống ấy”.

Milton nói thêm, “Quý Tâm thần Quốc gia cũng cho biết việc nhìn thấy xác một người chết xếp thứ hai trong số những sự kiện đau buồn nhất mà một con người phải trải nghiệm”.

Reuben nhướn mày khi nghe lời bình luận này. Ông nói, “Thế sự kiện nào được xếp thứ nhất? Bắt gặp vợ mình ở trên giường với một con khi đang cầm một lon đồ hộp Cheez Whiz hết hạn dùng chẳng?”

“Anh có biết rõ DeHaven không?”, Stone hỏi Caleb.

“Có chứ. Thật là thảm thương. Ông ta rất mạnh khỏe, vì vừa mới kiểm tra sức khỏe tim mạch ở bệnh viện Hopkins. Nhưng tôi nghĩ

ai cũng có thể bị lên cơn đau tim đột ngột hết”.

“Có phải là cơn đau tim không?”, Stone hỏi.

Caleb trông có vẻ không chắc chắn lắm, “Chứ có thể là cái gì? Hay là bị đột quy?”

“Theo thống kê, có lẽ cơn đau tim là hợp lý nhất”, Milton thêm vào, “Nó là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến những cái chết đột ngột ở nước ta. Thật sự thì bất cứ ai trong số chúng ta cũng có thể gục xuống vào bất cứ lúc nào và chết trước khi ngã xuống đất”.

“Khôn kiếp”, Caleb vặn lại, “Milton, anh có cần phải hoan hi kiêu khôn nạn đến thế không hả?”

“Cho đến khi có kết quả giải phẫu tử thi, ta chỉ có thể suy xét như vậy thôi”, Stone chỉ ra vấn đề, “Nhưng anh không thấy bất cứ ai vào khu vực để sách đúng không?”

Caleb nhìn thẳng vào mắt Stone, “Không”.

“Nhưng anh ngất đi khá nhanh, có lẽ anh không để ý rằng có ai đó ở đâu đó trong tầng bốn thì sao?”

“Oliver, không thể vào phòng đọc sách ấy nếu không quét thẻ từ. Và có một camera ngay phía trước cửa chính”.

Stone dăm chiêu, “Thứ nhất, ngài Chủ tịch Hạ viện bị ám sát, và bây giờ là giám đốc Bộ phận sách quý hiếm chết trong một tình huống khá là bí ẩn”.

Reuben nhìn Stone bằng ánh mắt mệt mỏi, “Tôi nghi là thời gian này bọn khủng bố đang nhắm đến mấy người bán sách dạo, thế nên anh đừng có đem cái chuyện này vào một âm mưu to tát khác. Tôi chỉ có thể chịu đựng mỗi tháng một trận chiến quyết liệt thôi, xin cảm ơn rất nhiều”.

Stone chớp chớp mắt, “Bây giờ ta sẽ bàn vấn đề này cho đến khi ta biết được nhiều hơn”.

“Tôi chờ anh về nhà nhé Caleb” Reuben nói, “Tôi có xe mô tô”.

Niềm tự hào của Reuben là chiếc mô tô sản xuất ở Ấn Độ năm 1928 đã được “độ” lại thêm cái xe thùng nhỏ gắn vào bên trái xe.

“Tôi không nghĩ tôi hợp với cái xe ấy Reuben à”, Caleb ngừng một chút rồi nói thêm, “Thật tình cái loại máy kỳ cục đó của anh làm tôi sợ chết khiếp”.

Một y tá bước vào, nhét nhiệt kế vào tai trái của Caleb.

“Tôi có thể sớm về nhà không?”, ông hỏi.

Cô gái rút nhiệt kế ra xem nhiệt độ, “Anh gần như trở lại bình thường rồi. Vâng, tôi nghĩ bác sĩ đang chuẩn bị cho anh xuất viện ngay bây giờ”.

Khi chờ làm thủ tục xuất viện, Stone kéo Reuben lại nói nhỏ.

“Chúng ta phải để mắt đến Caleb một chút”.

“Tại sao? Anh nghĩ anh ấy thật sự bị tổn thương à?”

“Tôi không muốn anh ấy sẽ bị tổn thương”.

“Ông ấy chết vì động mạch vành, Oliver à. Chuyện ấy xảy ra hàng ngày”.

“Nhưng không thể nào xảy ra với một người vừa mới được kiểm tra sức khỏe bởi bác sĩ Johns Hopkins và một tấm giấy kết luận không bệnh tật ốm đau gì”.

“Được rồi, vậy ông ấy bị vỡ mạch máu hoặc té ngã rồi bị vỡ sọ.

Anh nghe Caleb nói rồi đấy: gã ta ở trong đó một mình”.

“Theo Caleb thấy thì ông ta chết như thế. Nhưng Caleb còn không thể khẳng định chắc chắn cơ mà”.

“Nhưng còn cái camera an ninh và cái thẻ từ thì sao?”, Reuten phản kháng.

“Tất cả những chứng cứ đó có thể xác nhận rằng Jonathan DeHaven ở đó một mình khi ông ta chết. Nhưng không thể nào chứng minh được rằng ông ta không phải bị giết”.

“Thôi nào, ai mà lại thù hằn một tên thủ thư?”, Reuben hỏi.

“Ai cũng có kẻ thù. Cái khác biệt duy nhất là đối với một vài đứa, anh phải nhìn thật kỹ mới tìm ra chúng”.



Chú thích

1. Một chương trình trò chơi có thương hiệu nổi tiếng của truyền hình Mỹ.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 8



“ó thấy gì không?”, Leo Ritcher nói vào máy bộ đàm sau khi bấm số trên bàn phím. Gã đang ngồi trong xe hơi đậu phía trước một máy ATM ở Beverly Hills. Trong một chiếc xe tải đỗ phía bên kia đường, Tony Wallace, gần đây vừa mới làm chân bán hàng phạm tội trong cửa hàng cao cấp, kiểm tra màn hình video trước mắt, “Tuyệt. Tôi

thấy rõ từng ngón tay anh nhập mã số PIN luôn. Và cũng thấy mặt thẻ vừa được nhập vào máy. Với chế độ phóng to và đứng hình này tôi có thể đọc được mọi thứ”.

Đêm hôm trước mấy gã đã đổi cái hộp kim loại gắn bên hông thùng ATM để đựng mấy tờ bướm của ngân hàng bằng cái hộp do Tony sáng chế. Trước đó gã này đã ăn cắp một cái hộp ở một máy ATM khác và tạo nên một bảo sao đúng như thế tại gara trong căn nhà Annabelle thuê cho cả bọn ở. Trong cái hộp giả đó Tony đặt một

chiếc máy quay phim không dây hướng thẳng về phía bàn phím và khe nhận thẻ của máy ATM. Cái camera có thể gửi hình ảnh xa khoảng 200m, chiếc xe tải cũng đậu trong phạm vi đó.

Để dự phòng, máy gã còn đặt thêm một máy quét áp phía ngoài khe nhận thẻ. Cái máy giả đó hoàn hảo đến nỗi chính Annabelle cũng không thể tìm ra bất cứ điều gì không bình thường trên đây. Thiết bị này ghi lại tất cả các con số trên mặt thẻ bao gồm mã số nhận dạng dập trên thanh từ tính, và chuyển thẳng đến người nhận trong chiếc xe tải bằng công nghệ không dây.

Annabelle đang ngồi bên cạnh Tony. Đối diện là Freddy Driscoll, kẻ bán hàng Gucci và Rolex nhái trên cảng Santa Monica cho đến khi gã gặp Annabelle và Leo. Freddy đang giữ một máy quay phim khác chĩa ra cửa kính xe tải ngả màu.

“Tôi đã thấy rõ máy chiếc xe chạy ngang và biển số của chúng”, gã báo cáo.

“Được rồi, Leo”, Annabelle nói vào bộ điện đàm, “Tránh đường để ‘tiền thật’ vào đi nào”.

“Cô biết đó”, Tony nói, “Chúng ta không thực sự cần cái máy quay phim ở thùng ATM đâu vì ta đã có máy quét thẻ rồi cơ mà. Như thế là dư thừa”.

“Việc chuyển tin từ máy quét thẻ thỉnh thoảng cũng gặp sự cố”, Annabelle nói, mắt vẫn nhìn chăm chăm vào màn hình trước mặt, “Và khi lỡ mất một con số thì cái thẻ trở thành vô dụng rồi. Thêm nữa, cái máy quay phim cho ta thấy nhiều thông tin còn máy quét thì không. Chúng ta chỉ làm phi vụ này một lần duy nhất. Không thể để xảy ra trục trặc được”.

Hơn hai ngày cả đám ngồi trong xe tải theo dõi máy quay ở thùng ATM và máy quét thẻ ghi lại thông tin thẻ và các khoản tiền.

Annabelle cẩn thận xem xét các thông tin với xe và biển số xe của ‘con mồi’ đi ngang qua làn đường đặt máy ATM, chuyển hết dữ liệu vào máy vì tính xách tay và lưu trong một bảng tính. Annabelle cũng chia danh sách thứ tự ưu tiên. Cô ấy nói, “Bugatti Veyron, Sleen, Pagani, Koenigsegge, Maybach, Porsche Carrera GT và Mercedes SLR McLaren đạt tiêu chuẩn năm sao. Chiếc Bugatti giá một trăm hai lăm triệu đôla, mấy chiếc còn lại từ khoảng bốn trăm nghìn cho đến bảy trăm nghìn đôla. Roll Royce, Bentley và Aston Martin thuộc nhóm bốn sao. Jag, BMW và Mercedes thường thuộc nhóm ba sao”.

Leo đùa, “Thế mấy chiếc Saturn, Kia và Yugo?”

Cuối ngày cả bọn trở về căn nhà thuê.

“Chúng ta ăn số lượng hơn chất lượng”, Annabelle nói, “Chỉ cần ba mươi thẻ là đủ rồi”.

Leo đọc sơ bảng tính. “Tuyệt, bởi vì ta có hai một chiếc xe năm sao và chín chiếc bốn sao, tất cả đều phù hợp với số thẻ tín dụng của họ”.

“Chỉ có ở L.A. anh mới thấy được hai chiếc Bugatti Veyron ghé lại cùng một máy ATM mà thôi”, Tony nhận xét, “Một ngàn mã lực, tốc độ tối đa 250km/h trong khi giá xăng hiện thời là ba đôla một gallon¹. Ý tôi là họ đi đâu kiếm được ngần ấy tiền để tiêu vào con xe?”.

“Cũng giống như cách ta làm thôi, bóc lột kẻ khác”, Leo trả lời,

“Chỉ có luật pháp mới nói rằng cách chúng bóc lột là hợp pháp vì

một lý do nào đấy”.

“Tôi từng cưỡng lại luật pháp và luật pháp đã thắng”, Tony than vãn. Hắn nhìn Annabelle và Leo, “Hai người có làm chuyện đó bao giờ chưa?”

Leo bắt đầu xào bộ bài, “Gã này vui tính nhỉ?”

“Này, cô lưu luôn biển số xe làm gì vậy?” Tony hỏi.

“Anh đâu có biết khi nào mình sẽ thật sự cần đến nó”, Annabelle lơ đãng trả lời.

Annabelle nhìn Freddy sắp xếp vài thứ thiết bị bày ra trên chiếc bàn lớn trong phòng khách. Có cả một tập thẻ tín dụng trắng và một máy in nhuộm bằng nhiệt.

“Anh có đủ những thứ mình cần chưa?” Cô ả hỏi.

Gã gật đầu, nhìn lại đồng dụng cụ với vẻ mặt hài lòng trong khi tay chải mái tóc bông bênh của mình. Annabelle à, cô đang vận hành một cỗ máy kinh doanh hạng nhất đấy.

Ba ngày sau Freddy làm được ba mươi thẻ tín dụng giả, với màu sắc, dãy từ tính chứa mã nhận dạng ở mặt sau thẻ, dập nổi tên của ‘nạn nhân’ và số tài khoản ở mặt trước thẻ. Công đoạn cuối cùng là kỹ thuật tạo ảnh ba chiều, một phương thức để đảm bảo an toàn mà các ngân hàng sử dụng kể từ thập niên 80. Sự khác biệt là những hình ảnh ba chiều thật đều được in chìm trên thẻ còn những cái dỏm chỉ được in trên bề mặt thẻ mà thôi, điều này thì một chiếc máy ATM chẳng thể phân biệt được.

“Cô có thể mua tất cả các số thẻ tín dụng này trên internet”, Tony chỉ ra, “Đó là nơi bọn chuyên nghiệp hay lui tới”.

Annabelle trả lời, “Tôi đảm bảo với anh rằng không có cái thẻ nào

trong số thẻ mua ‘nóng’ đó thuộc về một thằng cha nào chạy chiếc Bugatti hết, họa hoằn nếu có thì do ăn may thôi”.

Leo ngừng xáo đồng bài và châm thuốc hút, “Có thể cái thằng chuyên nghiệp nói với cậu điều đó, muốn cậu không thể làm ăn thông minh hơn để cạnh tranh với hắn đấy, cậu trai trẻ ạ”.

Tony chửi thề, “Tôi có ngu đến thế không hả?”.

“Ồ, có chứ”, Annabelle nói, “Được rồi, kế hoạch đây”. Cô ả ngồi trên phần tay dựa của một chiếc ghế bành, “Tôi sẽ thuê sáu chiếc xe cho tất cả chúng ta bằng chứng minh thư giả. Ba người mỗi người giữ tám thẻ tín dụng, riêng tôi lấy sáu thẻ, tổng cộng là ba mươi thẻ. Mỗi người đến bốn mươi máy ATM ở khu vực trung tâm và thực hiện mỗi lần hai giao dịch. Các anh sẽ luân phiên sử dụng tám thẻ tín dụng đó ở mỗi máy ATM, để cuối cùng mỗi người sẽ truy cập một tài khoản được mười lần”.

“Tôi có danh sách tất cả các máy ATM đây. Và tôi cũng đã chuẩn bị danh sách riêng cho từng người. Tất cả đều là các máy nằm kề nhau, hầu như không xa lắm. Tất cả đều phải nguy trang vì chỗ máy ATM có trang bị máy quay phim. Tôi cũng soạn sẵn trang phục cho các anh rồi”.

“Nhưng có giới hạn số tiền chúng ta được rút từ một tài khoản trong một ngày”, Freddy nói, “Để chống tình trạng thẻ bị đánh cắp rút quá nhiều tiền”.

Annabelle nói, “Với mức mà chúng ta phải đạt được, chắc chắn là phải có giới hạn rồi. Một người chạy chiếc xe bảy trăm nghìn đôla sẽ không thích tài khoản ATM của mình bị giới hạn ở con số ba trăm đôla đâu. Người quen ở ngân hàng cho tôi biết rằng thường thì

lần rút đầu tiên là hai trăm năm mươi đôla. Nhưng ngoài ra, thẻ giả cho chúng ta truy cập vào tất cả các dữ liệu khác gồm các tài khoản, tiền tiết kiệm và kiểm tra tài khoản. Nếu ta ký quỹ từ số tiền tiết kiệm nhiều hơn số tiền thực rút ra, thì máy ATM sẽ tính lãi thực thành số tiền phụ trội và sẽ gộp thêm vào định mức rút tiền đó”.

“Vậy nếu ta ký quỹ số tiền năm nghìn đôla từ tài khoản tiết kiệm khi kiểm tra và rút bốn nghìn đôla, nó sẽ không tính số tiền thực lĩnh từ việc kiểm tra tài khoản”, Leo thêm vào.

“Đúng thế”.

“Cô có chắc không?”, Tony hỏi.

“Tháng trước tôi đã làm như thế với mười ngân hàng lớn, và lần nào cũng thành công. Đó là lỗi không đồng bộ của phần mềm mà họ chưa quan tâm đến. Cho tới khi họ tìm hiểu và sửa lỗi thì ta cũng kiếm được bộn tiền rồi”.

Leo mỉm cười rồi tiếp tục xáo bài, “Sau vụ tổ chức này, tôi cá là họ sẽ chú trọng hơn đến việc khắc phục điểm yếu này”.

“Tại sao không thực hiện tám giao dịch ở mỗi máy ATM, mỗi lần từng thẻ một?”, Tony đề nghị, “Như thế ta sẽ không phải đụng chạm quá nhiều ngân hàng”.

“Bởi vì người ta sẽ nghi ngờ khi thấy anh rút tám chiếc thẻ vào một khe nhận thẻ trong khi mọi người đang xếp hàng chờ đằng sau anh”, Annabelle nói với giọng điệu mát kiên nhẫn, “Với hai thẻ tín dụng, chỉ có vẻ như máy bị lỗi và anh đang rút thẻ trở lại”.

“A, một gã tội phạm trẻ tuổi, quá ương bướng và thiếu kinh nghiệm”, Leo cầu nhàu.

Annabelle đưa cho mỗi người ba cuốn sổ tay, “Trong đó ghi đầy đủ

số PIN của mỗi thẻ, và số tiền chính xác ở mỗi máy ATM các anh sẽ chuyển khoản để ký quỹ rồi sau đó rút tiền mặt từ mỗi tài khoản. Sau khi hoàn tất, đốt hết các cuốn sổ”. Cô ta đứng dậy, đi đến ngăn tủ và quăng mấy cái túi len thô cho bọn chúng, “Đồ hóa trang của các anh trong túi, sau đó dùng túi để đựng tiền”. Cô ta lại ngồi xuống chỗ cũ, “Tôi cho các anh mười phút để hành động ở mỗi ngân hàng. Chúng ta sẽ liên tục liên lạc với nhau. Nếu có chuyện gì lạ xảy ra ở một địa điểm, bỏ chỗ đó qua chỗ kế tiếp liền”.

Freddy nhìn tổng số đôla được liệt kê trong quyển sổ tay, “Nhưng lỡ mấy người đó không có quỹ tiền để ký quỹ thì sao? Ý tôi là ngay cả người giàu cũng thỉnh thoảng bị túng thiếu chứ nhỉ?”

“Họ có tiền trong tài khoản. Tôi đã kiểm tra hết rồi”, Annabelle trấn an.

“Bằng cách nào?”, Tony hỏi.

“Tôi đã gọi cho các ngân hàng, nói rằng tôi là người bán nhà và hỏi họ có đủ tiền trong tài khoản tiết kiệm để trả cho món tiền năm mươi nghìn đôla mà họ nợ không”.

“Rồi họ nói cho cô biết à?”, Tony hỏi tiếp.

“Họ luôn nói cho anh biết, cậu trai à”, Leo trả lời, “Chỉ cần anh biết cách hỏi thôi”.

Annabelle nói. “Suốt hai ngày qua tôi đã viếng nhà tất cả các ‘con mồi’. Theo tôi thấy, nhà nào cũng trị giá ít nhất năm triệu đôla hết. Có hai chiếc Saleen nằm trong một biệt thự nữa cơ. Tiền phải ở đó chứ”.

“Cô đến coi nhà tất cả bọn họ ư?”, Tony lại hỏi.

“Như quý cô đã nói với anh, biển số xe cũng có lúc cần thiết”, Leo

nhấn mạnh.

“Tổng số tiền sẽ rút là chín trăm nghìn đôla, trung bình mỗi thẻ rút được ba mươi nghìn đôla”, Annabelle nói tiếp, “Tất cả các ngân hàng chúng ta đung vào đều tổng kết số tiền thực lĩnh trong các tài khoản ATM của họ vào nửa đêm. Ta sẽ phải hoàn tất sớm hơn thời gian đó”. Cô nhìn Tony, “Và nếu trong trường hợp ai đó nảy sinh ý đồ bớt xén và giấu riêng thì lần kế tiếp sẽ đền gấp đôi số tiền chúng ta ‘xoáy’ được từ phi vụ này”.

“Này”, Tony nói với giọng bị xúc phạm, tay cào cào bộ tóc được tạo mẫu của mình, “Chuyện này vui đấy”.

“Chỉ vui nếu anh không bị tóm thôi”, Annabelle nói.

“Vậy cô có bao giờ bị tóm chưa?”, Tony lại hỏi.

Để trả lời, Annabelle nói với Tony, “Sao anh không đọc cuốn sổ tay của mình để chắc chắn mình sẽ không phạm bất cứ sai lầm nào?”

“Chỉ là mấy cái máy ATM vật vãnh. Tôi sẽ làm được dễ dàng thôi”.

“Đây không phải là lời thỉnh cầu”, Annabelle đánh giọng rồi bước ra khỏi phòng.

“Anh nghe cô ấy nói rồi đó, cậu trai”, Leo nói, rất cố gắng giấu nụ cười toét miệng của mình.

Tony làm bầm gì đó trong họng và khệnh khạng ra khỏi phòng.

“Cô ta thực hiện mọi thứ cẩn thận theo đúng như kế hoạch, phải vậy không?”

“Chứ anh không muốn thực hiện với một nhóm lên kế hoạch đàng hoàng à?”, Leo vật lại.

“Cô ta là ai?”

“Annabelle”, Leo trả lời nhất gừng.

“Tôi biết rồi, nhưng họ gì hả? Tôi ngạc nhiên rằng trước đây chưa bao giờ chạm mặt với cô ấy. Giới lừa đảo thì cũng khá nhỏ hẹp”.

“Nếu cô ta muốn anh biết, cô ta đã bảo cho anh biết từ lâu rồi”.

Freddy nói, “Thôi mà Leo, anh biết về tất cả chúng tôi. Còn tôi thì cứ suy đoán lòng vòng. Tôi không hỏi gì thêm đâu”.

Leo ngẫm nghĩ rồi hạ giọng nói, “Được rồi, anh phải thề anh sẽ đem chuyện này xuống mồ nhé. Và nếu anh nói với cô ta là tôi kể cho anh nghe, tôi sẽ chối rồi tôi sẽ giết anh. Tôi nói nghiêm túc đấy”, Hấn ngừng lại chờ Freddy thề thốt xong.

“Tên cô ta là Annabelle Conroy”, Leo nói.

“Paddy Conroy sao?”, Freddy nói ngay, “Tôi đã nghe tiếng tăm ông ấy. Tôi cho rằng họ có quan hệ họ hàng”.

Leo gật đầu, vẫn giữ giọng thật thấp, “Con gái ông ấy đấy. Nhưng đó là một bí mật được giấu kín. Mọi người không hề biết rằng Paddy có một đứa con. Ông ta thỉnh thoảng nói với mọi người cô ta là vợ mình. Khá là kỳ quặc, nhưng đó là Paddy”.

“Tôi chưa bao giờ có vinh dự được tham gia với ông ấy”, Freddy nói thêm.

“Ừ, này, tôi đã có dịp làm việc với Paddy Conroy già. Ông ấy là một trong những tay lừa đảo giỏi nhất trong thế hệ của ông. Và cũng là một trong những kẻ chết tiệt nhất”, Leo ngoái nhìn về hướng Annabelle và Tony đã rời khỏi phòng, hấn hạ giọng thấp hơn nữa, “Anh có thấy vết sẹo dưới mắt phải của cô ta không? Cha già ấy gây ra đó. Cô ta nhận hình phạt đó khi làm ‘thời bay’ số tiền lừa

bịp lúc họ đang giờ chiều ở các sòng bạc Roulette tại Vegas, cô ta cược hết vào số mười lăm, ai ngờ ra số hai một. Mất của cha già ba nghìn đôla, và bị một trận đòn như tử. Mà không chỉ có một lần đâu nhé”.

“Chết tiệt thật”, Freddy văng tục, “Con gái ruột của ông ta đó sao?”

Leo gật đầu, “Annabelle chưa bao giờ hé răng về chuyện này. Tôi nghe từ một nguồn khác đây”.

“Vậy lúc đó anh đang làm cho họ à?”

“Ừm, cho cha già Paddy và bà vợ Tammy. Lúc đó họ có phi vụ làm ăn lời lắm. Paddy dạy tôi trò “bài ba lá”. Chỉ có điều Annabelle là một tay bạc bịp giỏi hơn cha già ấy nghĩ”.

“Sao vậy?”, Freddy hỏi.

“Vì cô ta có một phẩm chất mà Paddy không bao giờ có. Sự công bằng. Cô ta thừa hưởng từ mẹ của mình. Tammy Conroy là một người ngay thẳng, ít nhất là đối với một tên lừa đảo”.

“Công bằng à? Phẩm chất lạ lùng đối với bọn người như chúng ta”, Freddy nhận định.

Leo nói, “Paddy luôn lãnh đạo nhóm bịp của mình bằng cách làm cho đàn em sợ hãi. Còn con gái ông ta thì lãnh đạo bằng sự chuẩn bị kỹ càng và bằng năng lực của mình. Mà cô ta sẽ chẳng lừa anh bao giờ. Tôi đếm không xuể những lần Paddy chuồn mất cùng với cả mẻ hàng mới cuỗm được. Cuối cùng cha già đó chỉ có nước làm ăn một mình. Không ai muốn tham gia vào các phi vụ của Paddy nữa. Khốn nạn, ngay cả Tammy cuối cùng cũng bỏ cha đó, tôi nghe nói thế”.

Freddy vẫn im lặng, rõ ràng là đang để cho những lời kể này giờ lắng xuống, “Còn gì liên quan đến nhóm lừa bịp này không?”

Leo lắc đầu, “Cô ta thu thập mọi người. Tôi chỉ làm ở đây với cô ta thôi”.

Khi Freddy và Leo đi vào bếp để pha chút cà phê, Tony lên ra cửa khác. Gã bỏ quên cuốn sổ tay trong phòng và quay lại vừa đúng lúc để nghe trộm cả đoạn hội thoại. Mím cười. Tony yêu thích những gì người ta không nghĩ rằng gã biết.



Chú thích

1. Gallon: đơn vị (đo lường) chất lỏng bằng 4,54 lít ở Anh; 3,78 lít ở Mỹ.
2. Roulette: vòng quay, cò quay.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 9



hi vụ thu được hơn chín trăm nghìn đôla bởi vì Tony quá tham lam rút thêm tiền ở máy ATM.

“Thằng ngu đó sẽ làm gì cơ chứ, bán chiếc Pagani của nó chẳng?”, gã nói cạnh khốe.

“Đừng có làm thế thêm một lần nào nữa”, Annabelle nghiêm giọng khi cả bọn ngồi ăn sáng trong căn nhà mới

thuê cách căn nhà cũ năm dặm. Trong khi đó căn nhà cũ được lau dọn cẩn thận để phòng trường hợp bọn cảnh sát viếng thăm. Tất cả những chiếc Hert sử dụng để trộm tiền từ ba mươi tài khoản đã được trả lại hết. Máy bộ quần áo cải trang được vứt rải rác ở các bãi rác ngoại ô. Tiền được để trong bốn két sắt nhỏ mà Annabelle đã thuê từ trước. Cuộn phim quay tại máy ATM và các hồ sơ lưu trong máy vi tính cũng bị xóa sạch, còn các cuộn sổ tay bị đốt hết. “Thế phần dư mười nghìn đôla thì sao?”, Tony phàn nàn, “Lẽ ra ta

đã có thể chôn được nhiều tiền hơn”.

Annabelle trở một ngón tay vào ngực gã, “Đây không phải là chuyện tiền nong. Khi tôi vạch một kế hoạch, anh phải thực hiện đúng như thế. Bằng không thì tôi chẳng thể tin tưởng anh nữa. Và một khi anh không đáng tin, anh không thể nào ở lại nhóm này được. Đừng làm tôi phải thấy hối tiếc vì đã chọn anh gia nhập vào nhóm chúng tôi, Tony à”. Cô ta nhìn chăm chăm khiến gã không dám ngẩng mặt lên nhìn mình nữa mà quay sang những đứa khác. “Được rồi, ta xem lại giai đoạn hai nhé”. Cô ta lại nhìn Tony. “Đây là vụ lừa đảo trực diện. Nếu các anh không theo đúng hướng dẫn và làm đúng mục tiêu, các anh sẽ vào tù bởi vì sai số cho phép là zero”.

Tony ngồi lại, trông mặt có vẻ không hào hứng như hấn cố tỏ ra. À nói tiếp, “Anh biết đó Tony, không có gì hay hơn việc nhìn trực tiếp vào mắt một mục tiêu rồi ‘cân đong đo đếm’ hấn ta và cả bản thân mình nữa”.

“Tôi ổn mà”.

“Anh có chắc không? Vì nếu anh có vấn đề với chuyện ấy, tôi phải được biết ngay lúc này”.

Gã bòn chòn nhìn những đứa khác, “Tôi chẳng có vấn đề gì cả”.

“Tốt. Chúng ta lên đường đến San Francisco”.

“Có gì ở đó vậy?”, Freddy hỏi.

“Người đưa thư”, Annabelle trả lời.



Đám người mất sáu tiếng đi xe đến San Francisco, Leo và Annabelle một xe, Tony và Freddy chung chiếc còn lại. Cả bọn ký hợp đồng thuê một chung cư ở rìa thành phố có thể nhìn thấy cầu Cổng vàng trong hai tuần. Bốn ngày sau đó chúng thay phiên nhau đặt máy theo dõi một khu văn phòng phức hợp ở khu vực ngoại thành. Cả đám theo dõi việc chuyển các thùng thư ở ngoài trời, mà thường thì đầy ắp cùng với hàng chồng thư dựng sát bên một công-ten-nơ lèn chặt hàng. Ngày nào người đưa thư cũng đến ô cửa sổ phụ vào khoảng 5 giờ đến 5 giờ 15.

Vào ngày thứ năm, đúng 4 giờ 30, Leo ăn mặc như một người đưa thư, lái chiếc xe tải bưu điện mà Annabelle đã thuê được ở phía nam thành phố đến bên cạnh thùng đồ. Chỗ cho thuê này chuyên cung cấp đủ thứ từ xe bọc thép đến xe cứu thương phục vụ cho những mục đích mờ ám. Từ trên chiếc xe thuê đậu phía kia đường, Annabelle quan sát Leo tiến về chiếc xe tải. Tony và Freddy được bố trí ở ngay lối vào khu phức hợp. Hai gã sẽ báo động cho Leo thông qua tai nghe đề phòng trường hợp người đưa thư thật xuất hiện trước 5 giờ. Leo chỉ lấy chồng thư để ngoài vì gã ta không có chìa khóa để mở hộp. Gã có thể phá khóa dễ dàng nhưng Annabelle cho rằng việc đấy không cần thiết và tiềm ẩn nguy cơ có người trông thấy.

Cô ta nói, “Mấy thứ nằm trên đất hay tràn ra ngoài hộp cũng nhiều lắm rồi”.

Khi Leo mang đồng thư vào xe tải, giọng Annabelle vang vang trong tai nghe.

“Một người có vẻ là thư ký đang chạy lại phía anh với một vài lá thư kia”.

“Rõ”, Leo thì thầm. Gã quay lại đối diện với người phụ nữ, cô ta trông rất thất vọng.

“Ồ, Charlie đâu rồi?”, cô hỏi.

Charlie, người đưa thư thường nhật, cao ráo và đẹp trai.

“Tôi chỉ giúp Charlie một phần công việc vì hôm nay nhiều thư từ quá”, Leo lịch sự nói, “Cho nên tôi đến đây sớm một tí”. Hắn nhìn xấp thư trên tay cô nàng, rồi chia giỏ thư của mình ra, “Cô tiện tay bỏ vào đây luôn cũng được”.

“Cám ơn anh. Tối nay là ngày phát lương đây. Bảng lương trong mấy lá thư đó”.

“Thế à? Ừ, vậy tôi sẽ cẩn thận hơn với xấp thư này”, Hắn mỉm cười và tiếp tục thu gom mấy xấp thư trong khi người phụ nữ trở về văn phòng của mình.



Quay lại chung cư, cả bọn nhanh chóng kiểm tra đồng thư, tách riêng thư vẫn có thể sử dụng được trong số những lá thư không phù hợp mục tiêu. Đối với thư không sử dụng được, Annabelle bảo Tony đem gửi vào thùng thư cuối góc phố. Chồng thư còn lại được Annabelle và Freddy nghiền ngẫm kỹ lưỡng.

Khi Tony trở về, gã nói, “Mấy người trả xấp séc nhận lương lại

thùng thư để làm gì?”

“Bảng lương và những tấm séc có thể nhận lương từ tài khoản không hữu dụng với chúng ta”, Freddy trả lời bằng sự tự tin của một chuyên gia, “Dãy số an toàn trên mấy thứ đó được in bằng mực rồi dùng tia la-ze ‘khóa’ lại nên ta không thể thay đổi số tiền có sẵn trên đó”.

“Chẳng có giá trị với ta”, Leo nói, “Đó là số séc chuyên thăng đến những người mà họ - các công ty - biết rõ”.

Freddy cầm lên một tờ séc, “Cái này mới là thứ chúng ta cần: một tấm séc hoàn tiền”.

Tony cãi, “Nhưng loại này gửi cho những người hoàn toàn xa lạ”.

“Chuyện đó mới là điều đáng bàn đấy cậu trai trẻ”, Leo nói, “Mày đặt số xê-ri an toàn lên mấy tấm séc để gửi cho những người làm ăn hoặc buôn bán với mày. Và mày chẳng cần phải làm điều đó với mấy séc gửi cho bọn mà mày chẳng biết là thằng nào”.

Annabelle nói thêm, “Tôi chọn khu phức hợp văn phòng đó bởi vì trong đó là con số may mắn một trăm công ty địa phương. Hàng nghìn tấm séc chảy ra khỏi những văn phòng đó mỗi ngày và các tài khoản ngân hàng của họ ‘nạp’ đầy ắp tiền”.

Năm giờ sau Freddy đã tập hợp tất cả tám mươi tờ séc. “Những tờ này khá sạch. Không có dấu nước giả, không có đường kẻ đề phòng hay mấy khung nhận dạng”. Gã đem tập séc qua một phân xưởng nhỏ mà gã đã dựng lên trong một căn phòng của ngôi nhà thuê này. Với sự giúp đỡ của bọn còn lại, gã dán băng keo Scot-len lên dòng chữ ký, mặt trước và mặt sau của từng tờ séc, đặt tất cả vào một cái chảo nướng bánh và đổ nước tẩy sơn móng tay lên. Chất acetone có

trong nước tẩy sơn nhanh chóng làm biến mất mọi thứ trên các tấm séc, trừ những chi tiết viết bằng mực nguyên chất. Sau đó cả bọn tháo hết mấy miếng băng keo dán đè trên dòng chữ ký, những gì cần thiết còn lại là tám mươi tấm séc trống có chữ ký của giám đốc điều hành hoặc giám đốc tài chính của các công ty.

“Đã từng có thằng nào đó chơi trò bản này với tài khoản của tao”, Leo nói.

“Rồi ông làm gì?”, Tony hỏi.

“Truy cho ra thằng đó chứ sao. Dân nghiệp dư, làm cho vui thôi, nhưng vẫn cứ làm tao nổi đóa. Thế là tao đổi địa chỉ, nó làm sai hết mấy tấm hóa đơn, cuối cùng nó bị mấy thằng chủ nợ truy đuổi ráo riết suốt mấy năm. Ý tao là mấy chuyện lừa bịp này phải để bọn dân chuyên nghiệp làm”. Leo nhún vai, “Tao đã có thể luộc cái thằng ấy tới bến luôn ấy chứ, làm giả chứng minh thư, tất tẩn tất mọi thứ”.

“Vậy sao ông không làm?”

“Tao có cái tâm”, Leo gầm gừ.

Freddy xen vào, “Sau khi phơi khô, tôi sẽ làm lại số xê-ri gốc của Cục dự trữ Liên bang”.

“Là cái gì?”

“Mày có chắc mày là một tên bịp bợm không hả?”, Leo hỏi với giọng chế giễu.

Tony ca thán, “Sở trường của tôi là máy vi tính và internet, chứ không phải nước sơn móng tay. Tôi là một tên bịp thể kỷ hai mươi mốt. Tôi không làm việc với giấy tờ văn bản”.

“Hoan hô!”, Leo đốp lại.

Annabelle cầm lên một tờ séc, “Đây là số xê-ri gốc của Cục dự trữ Liên bang”, cô ta chỉ vào hai số đầu tiên trong dãy số nằm ở cuối tờ séc, “Nó cho ngân hàng biết tờ séc được ký gửi vào ngân hàng hồi đoái nơi mà người nhận sẽ đến lĩnh. Ngân hàng hồi đoái New York số 2-1, San Francisco là 1-2. Ví dụ như một công ty có trụ sở ở New York sử dụng séc được phát hành từ một ngân hàng ở New York thường có số gốc của New York trên tờ séc. Vì chúng ta sẽ dùng các tờ séc ở đây nên Freddy sẽ chuyển hết các số xê-ri gốc trên thành số của New York. Làm cách đó các công ty sẽ tốn nhiều thời gian hơn để thu các tờ séc lại và nhận ra chúng bị thay đổi rồi”. Annabelle nói thêm, “Và quan trọng hơn, đây đều là những công ty lớn luôn để tiền trong tài khoản đủ để chi trả nhưng lại không thèm dùng bất cứ biện pháp kiểm soát tiền mặt nào hết. Thế nên có những tờ séc sai trộn lẫn trong đồng séc thật cũng không bị chú ý cho đến khi bọn họ nhận được bản in toàn bộ số tiền nhập và xuất ở tài khoản của chúng vào cuối tháng. Hôm nay là ngày mùng năm, có nghĩa là ta còn gần một tháng trước khi bọn công ty có thể phát hiện ra bất cứ sự bất thường nào. Nhưng tới lúc đó thì chúng ta đã biến từ lâu rồi”.

“Nhưng nếu nhân viên ngân hàng nhìn tờ séc và thấy số xê-ri gốc bị sai thì sao?”, Tony hỏi.

“Tao cá là mày chưa bao giờ coi mấy chương trình TV, phải không hả?”, Leo hỏi lại, “Cái chương trình gì mà mấy thằng phóng viên điều tra chạy xoạt vào ngân hàng với tờ séc đã bị gạch xóa, ‘Đừng đổi chuyển thành tiền cho tôi nhé, tôi là tờ séc giả nè, đồ đàn độn.’ Ấy thế mà tên đàn độn vẫn cứ đổi tám séc đó thành tiền mặt”.

Annabelle nói, “Tôi chưa bao giờ nghe rằng một nhân viên nào đây chú ý số xê-ri gốc trên một tờ séc cả. Trừ phi cho nhân viên đó một lý do để nghi ngờ, họ sẽ không quan tâm đến chi tiết đó đâu”.

Khi đồng séc đã khô, Freddy quét chúng vào máy tính xách tay của mình. Sáu giờ sau gã đã xong tám mươi tờ séc với tổng giá trị khoảng hơn hai tỷ đôla.

Annabelle vuốt ngón tay xuống rìa răng cưa của một tờ séc, một yếu tố thông thường cho biết tờ séc có hợp pháp hay không, dù số tiền và tên người được trả tiền trên ấy thì không hợp pháp. Cô ta liếc mắt nhìn những kẻ kia, “Giờ đến mặt ‘con người’ của trò bịp. Đến lúc đi chuyển đổi mấy tờ séc giả rồi đây”.

“Phần yêu thích nhất của tôi đây”, Leo háo hức nói khi gã ăn xong một cái sandwich kẹp thịt và cố thêm một ngụm bia.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 10



ả bọn quyết định rằng Annabelle và Leo sẽ tuân số séc đã thay xê-ri đầu tiên trong khi Tony thì quan sát Leo thực hiện như thế nào. Annabelle, Leo và Tony mỗi kẻ cầm một xấp giấy tờ chứng minh thư mà Freddy đã làm trước. Số chứng minh thư này, hoặc là trùng với tên người lĩnh tiền trong tấm séc hoặc là giấy ủy quyền cho biết họ

là nhân viên của công ty phát hành séc. Annabelle bắt Leo và Tony mỗi lần chỉ được mang một chứng minh thư theo người. Vì trong trường hợp hành động bị phát hiện, sẽ khó mà chối khi trong túi có đến tám cái tên và biệt hiệu.

Nhiều séc được chuyển cho cá nhân, không có cái nào trên mười nghìn đôla nên không cần tờ khai của Cục thuế Nội địa. Vì hạn chế đó mà họ sẽ phải tuân nhiều séc chuyển cho cá nhân để đạt được mức hơn hai triệu đôla như đã đề ra. Do đó số người lĩnh tiền trên

sổ séc còn lại là các doanh nghiệp ảo mà Annabelle đã tạo tài khoản ở những ngân hàng khác nhau. Các tờ séc của công ty có thể rút được trên mười nghìn đôla mà không đụng chạm đến tiền lãi từ tờ khai của Cục thuế Nội địa. Nhưng vướng mắc ở đây là không có ngân hàng nào đòi tiền mặt cho một tấm séc công ty cả. Toàn bộ số tiền sẽ phải gửi trong tài khoản. Vì lý do đó mà vài tháng nay Annabelle đã phải ký quỹ rút ra rồi gửi vào những tài khoản mới tạo này, để hình thành bảng theo dõi. Cô ả biết rõ rằng ngân hàng nghi ngờ khi những tài khoản mới tinh tự nhiên nhận được hàng đồng tiền mặt chuyển khoản vào - đó chỉ có thể là tiền bất chính gửi vào ngân hàng để che dấu gốc tích.

Suốt hai ngày trời Annabelle và Leo thử thách Tony bằng mọi chướng ngại có thể gã sẽ phải đối mặt khi chuyển đổi séc. Họ lần lượt đóng vai nhân viên ngân hàng, quản lý, nhân viên an ninh và khách hàng. Tony học rất nhanh, và cuối ngày thứ hai họ tuyên bố gã đã sẵn sàng những bước đi chập chững đầu tiên để trở thành một tên bịp đi chuyển séc giả sau khi gã đã quan sát Leo làm vài lần. Mười tờ séc đầu tiên được đổi một cách trôi chảy. Annabelle khi tóc đỏ, lúc tóc vàng hoe và lần thứ ba là tóc nâu đen. Thùng xe tải trở thành nơi thay đồ của cả bọn với một chiếc bàn trang điểm và gương soi. Nhiều lần sau, Annabelle và Tony nhảy lên xe tải rồi đổi quần áo trên đường đến ngân hàng kế tiếp. Ở vài nơi Annabelle đeo kính, chỗ này thì đeo một chiếc khăn quàng cổ vòng quanh đầu, chỗ kia thì quần dài, áo chui đầu và mũ lưỡi trai. Cùng với cách trang điểm, phục trang, phụ kiện và tóc tai, cô ta có thể thay đổi diện mạo và tuổi tác nhanh chóng. Annabelle chỉ mang dép thấp vì chiều

cao cỡ một mét tám mươi của cô sẽ không gây chú ý nhiều như một người cùng chiều cao mà còn vác thêm đôi guốc cao gót. Cô ta chẳng bao giờ nhìn máy camera theo dõi ở các ngân hàng, vì luôn biết rõ rằng chúng đang quay lại vẻ ngoài hào nhoáng của mình. Leo thì giả là một doanh nhân, một chân sai việc của công ty nào đó, hay một người nghỉ hưu và luật sư.

Những cuộc chuyện trò của Annabelle với nhân viên ngân hàng diễn ra trôi chảy mà không có bất cứ sự e dè nào. Cô ta luôn làm người đối diện với mình cảm thấy thoải mái ngay lập tức, khi thì Annabelle ba hoa về quần áo, tóc tai, khi thì nói yêu thành phố xinh đẹp bên bờ vịnh này như thế nào, thậm chí nói yêu cả thời tiết đang âm ỉ.

Với người nhân viên ngân hàng thứ mười một, cô ả tâm sự, “Tôi đã làm việc tư vấn này bốn năm rồi, và đây là số tiền lớn nhất mà người ta chi trả cho tôi. Tôi đã phải làm việc cật lực mới có được nó”.

“Chúc mừng chị”, người nhân viên nữ nói trong khi đang thực hiện giao dịch, “Bốn mươi nghìn đôla là một món tiền lớn”. Người nhân viên có vẻ xem xét kỹ lưỡng tờ séc và xấp giấy tờ giả - một - cách - hoàn - hảo của Annabelle hơi nhiều.

Annabelle nhận thấy người phụ nữ ấy không mang nhăn cười nhưng có vẻ như đã từng đeo bởi vì da tay chỗ đeo nhẫn ấy hơi trắng hơn.

“Chồng cũ của tôi bỏ tôi để chạy theo một phụ nữ trẻ đẹp và dọn sạch tiền trong tài khoản của tôi”, Annabelle nói trong cay đắng. “Tôi đã phải tạo dựng lại cả cuộc đời mình. Không dễ chút nào.

Nhưng tôi sẽ không để gã thỏa mãn, cô biết không? Tôi sẽ nhận phần tiền chu cấp khốn nạn từ gã bởi vì tôi xứng đáng sở hữu số tiền đó. Và gã sẽ không bao giờ có thể quản thúc cuộc đời tôi”.

Người phụ nữ thay đổi thái độ ngay, và thì thầm, “Tôi hiểu chính xác điều chị nói”, vừa hoàn tất thủ tục rút tiền. “Mười hai năm chung sống, và thằng chồng cũ của tôi quyết định đòi tôi để lấy một con người mẫu mới nổi”.

“Cô biết không, tôi ước gì chúng ta có thể tổng cho bọn bội bạc đó một viên thuốc để huấn luyện lại chúng nó”.

“Ừ, tôi cũng muốn thế. Một viên thuốc chứa chất độc xyanua”, người nhân viên nói.

Annabelle liếc mắt nhìn đồng giấy tờ trên quầy và ngẫu nhiên nói, “Tôi nghĩ mình sẽ phải ký quỹ một khoản tiền đúng không? Chả là tôi đang phải trả nợ vài người chủ nhà. Tôi ước gì mình có thể giữ hết cả món tiền này, nhưng số dư lợi nhuận của tôi thì chỉ khoảng mười phần trăm thôi”.

Người nhân viên ngập ngừng, “À, thường thì sẽ có ký quỹ một khoản tiền với loại séc giá trị lớn này”. Cô ta nhìn Annabelle, mỉm cười rồi nhìn vào máy vi tính, “Nhưng tài khoản mà tấm séc này rút ra thì vẫn còn rất nhiều tiền để bù vào phần đó. Vậy để tôi tự thực hiện ký quỹ thông qua tài khoản đó cho cô luôn”.

“Tuyệt quá, cảm ơn chị rất nhiều”.

“Phụ nữ chúng ta phải biết dựa vào nhau mà vững tiến chứ”.

“Vâng, đúng là như thế”, Annabelle nói khi quay lưng bước đi với tờ giấy nhận tiền cho thấy “công ty” của mình giàu thêm bốn mươi nghìn đôla.



Trong lúc đó, Leo chạy đua với đồng séc của mình, thường mất hơn mười phút ở mỗi ngân hàng. Tốc độ là chìa khóa của thành công, gã ta biết thế. Tốc độ nhưng mà không tùy tiện cầu thả. Phương pháp của gã là đùa một chút, thường nói về những món tiền tiêu của mình để phá bỏ không khí ngưng ngập ban đầu với nhân viên ngân hàng. “Ước gì món tiền đó chuyển vào tài khoản riêng của tôi”, hẳn nói với một nhân viên ngân hàng trong bộ dạng một chân sai vặt của một công ty, “Sau đó tôi có thể trả tiền thuê nhà. Có nơi nào trong cái thị trấn khốn nạn này chẳng cần chứng minh thư để thuê một căn nhà chỉ có một phòng ngủ hay không?”

“Tôi chưa nghe thấy chuyện đó bao giờ”, người nhân viên tỏ ý thông cảm.

Leo nói tiếp, “Ý tôi là tôi thậm chí chẳng có lấy một căn nhà chỉ có một phòng ngủ nữa là. Tất cả những gì tôi có là căn hộ đủ kê một cái ghế sofa để ngủ”.

“Ông thế là vẫn còn may. Với đồng lương nhân viên ngân hàng, tôi vẫn còn sống với bố mẹ đây này”.

“Ừm, nhưng tôi già hơn chú cỡ ba mươi tuổi. Cứ cái kiểu sống này, đến lúc chú lãnh đạo nơi này thì tôi sẽ trở về sống với ba mẹ của tôi”.

Người thu ngân cười lớn và đưa Leo tờ hóa đơn để lĩnh ba mươi tám nghìn đôla. “Đừng tiêu xài hết số tiền này ở một chỗ đấy”,

chàng trai trẻ vẻ như quở trách.

“Khỏi phải lo”, Leo trả lời, nhét tờ hóa đơn vào túi, vừa quay gót vừa huýt sáo.

Trưa hôm đó bọn họ đã đổi được bảy mươi hai trong số tám mươi tờ séc, Tony tham gia đổi mười tờ và dần dần cảm thấy tự tin hơn sau mỗi lần trót lọt.

“Chuyện này dễ quá!”, Tony tuyên bố trong thùng xe tải trong lúc đang thay đồ cùng với Leo. Annabelle đứng thay đồ phía sau tấm màn vắt ngang một phần xe tải. Tony nói thêm, “Mấy thằng ngu ấy cứ đứng đó chấp nhận từng tờ séc. Chúng thậm chí còn không thèm nhìn xem trên đó viết gì. Tôi không biết tại sao không ai thèm quan tâm đến việc cướp nhà băng nữa”.

Annabelle nhô đầu lên khỏi phần trên của tấm màn, “Chúng ta còn ba tờ séc nữa. Mỗi người một tờ nhé”.

“Và coi chừng cái đầu của mày khi bước ra khỏi xe tải, Tony”, Leo nói.

“Coi chừng cái đầu tôi, ông nói cái gì vậy?”

“Tao nói cái đầu của mày giờ bự quá rồi, chắc chẳng thể lọt qua mấy cánh cửa nữa đâu”.

“Ông mắc cái chứng gì mà tối ngày gây khó dễ cho tôi hả Leo?”

“Ông ta gây khó dễ cho anh bởi vì việc đổi những tờ séc đã thay số không hề dễ tí nào hết Tony à”.

“Nhưng mà dễ đối với tôi”.

Leo nói, “Đó là vì Annabelle đã rất khôn ngoan khi giao cho mày những tờ dễ nhất”.

Tony xoay lại nhìn Annabelle. “Đúng vậy không?”

“Ừ”, cô ta trả lời thẳng thừng, đôi vai trần nhô lên khỏi tấm màn.

“Tôi có thể tự lo cho mình”, Tony đáp trả, “Mấy người không cần phải chăm sóc tôi như trẻ sơ sinh vậy”.

“Tôi không làm điều ấy vì anh”, Annabelle trả lời, “Nếu anh bị phát hiện, anh sẽ kéo theo cả bọn chúng tôi”. Cô ả long mắt nhìn chòng chọc vào Tony, rồi dịu xuống. “Hơn thế nữa, chẳng có lý do gì để quăng đồ quá tầm với một thằng bịp tài năng. Lợi bất cập hại”. Cô ta cúi đầu xuống dưới tấm màn. Ánh sáng bên ngoài yếu ớt chiếu vào kính xe làm tấm vải gần như trong suốt. Tony cứ nhìn chăm chăm bóng Annabelle cởi đồ và mặc bộ khác vào.

Leo đánh mạnh vào xương sườn gã và gầm gừ, “Tôn trọng người khác một chút đi cậu nhóc”.

Tony từ từ quay đầu lại nhìn hấn. “Mẹ kiếp”, gã nói nhanh.

“Gì chứ? Chưa bao giờ thấy đàn bà đẹp cởi đồ à?”

“Chưa. Ý tôi là, có chứ”, gã nhìn xuống bàn tay mình.

“Vậy có chuyện gì?”

Tony ngược lên, “Tôi nghĩ cô ấy vừa mới gọi tôi là một tên bịp tài năng”.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 11



ột đôi séc cuối cùng. Tony đứng đối diện nhân viên ngân hàng, một phụ nữ xinh xắn người châu Á có mái tóc đen dài chấm vai, da mịn màng và đôi gò má trang điểm màu nâu nhẹ. Rõ ràng gã đang bị cô nàng hấp dẫn, Tony đứng tựa gần hơn và đặt cánh tay lên quầy. “Cô sống ở đây lâu chưa?”, gã hỏi. “Được vài tháng rồi, tôi mới chuyển từ

Seattle đến”.

“Thời tiết giống như ở đây”, Tony chuyện trò.

“Vâng”, người phụ nữ mỉm cười khi đang thực hiện giao dịch.

“Tôi vừa mới chuyển từ Vegas tới đây”, Tony nói, “Ừm, Vegas cũng vui lắm”.

“Tôi chưa đến nơi ấy bao giờ”.

“Trời đất. Cô phải tới đó chứ. Như người ta nói: cái gì xảy ra ở Vegas sẽ ở lại Vegas”. Gã nhìn cô như mong đợi, “Tôi rất muốn dẫn

cô đi thăm thú nơi đó”.

Cô gái nhìn gã và tỏ vẻ không bằng lòng, “Tôi thậm chí còn chưa quen biết anh”.

“Ừ, chúng mình chẳng cần phải bắt đầu từ Vegas đâu. Có thể mình nên hẹn ăn trưa trước cái đã”.

Cô gái phản đối ngay, “Sao anh biết tôi chưa có bạn trai?”.

“Đẹp rực rỡ như cô em thì hẳn phải có rồi. Nhưng điều đó đồng nghĩa với việc tôi phải cố gắng nhiều hơn để làm cô em quên đi người yêu của mình”.

Người phụ nữ mắc cỡ nhìn xuống, nhưng rồi cô ấy mỉm cười, “Anh điên rồi”. Cô thao tác trên bàn phím, “OK, cho tôi xem chứng minh thư”.

“Chỉ khi nào cô hứa cô sẽ không từ chối khi tôi chính thức mời cô đi chơi”.

Cô gái nhận chứng minh thư và sượt ngón tay qua ngón tay của gã. Gã lại mỉm cười với cô.

Cô lướt mắt nhìn tấm chứng minh thư và có vẻ hồ nghi, “Tôi tưởng anh nói anh vừa mới chuyển từ Vegas tới đây chứ”.

“Đúng vậy”.

“Nhưng trên chứng minh thư ghi anh ở bang Arizona mà”, cô xoay mặt thể lại cho gã nhìn, “Mà người trên hình cũng chẳng giống anh”.

Khốn nạn thật! Gã lỡ rút nhầm chứng minh thư. Dù Annabelle căn dặn mỗi lần chỉ nên đem một thẻ chứng minh thôi, hẳn vẫn cứ bướng bỉnh đem hết. Gã trong hình tóc vàng, để chùm râu dê dưới cằm và đeo cặp kính giống hệt của cố tổng thống Benjamin Franklin.

“Tôi sống ở Arizona nhưng làm việc ở Vegas, ở đó giá cả sinh hoạt rẻ hơn ở Arizona”, gã nhanh miệng. “Cô biết đó, tôi đã quyết định thay đổi phong cách của mình, nhuộm tóc và đeo kính sát trùng luôn”.

Ngay khi gã nói xong mấy câu xạo này, gã biết là chuyện ổn rồi. Người nhân viên nhìn chăm chăm vào tờ séc, rồi ánh mắt cô ta càng lúc càng tỏ ra nghi vấn, “Đây là tờ séc phát hành từ một ngân hàng và một công ty cùng ở California, nhưng số xê-ri gốc lại là New York. Sao kỳ vậy?”

“Số xê-ri gốc à? Tôi có biết gì đâu”, Tony run giọng. Từ biểu hiện của người phụ nữ, Tony biết cô ta đã nhận ra gã sử dụng tờ séc giả. Cô ta liếc nhanh về phía các nhân viên an ninh của ngân hàng và đặt tờ séc giả của Tony phía trước mặt mình, “Tôi phải gọi giám đốc của tôi ngay bây giờ”.

“Chuyện gì xảy ra ở đây vậy?”, một giọng nói nhỏ nhưng lạnh lạnh. “Thứ lỗi cho tôi”, từ phía sau, một phụ nữ khác đẩy Tony qua một bên và chiếm giữ chỗ Tony vừa mới đứng. Người này cao và hơi mũm mĩm, tóc nhuộm hoe vàng, ngọn tóc vẫn còn đen; bà ta đeo cặp kính mỏng có nối dây choàng qua cổ, vận áo tím quần đen. Bà ta nói một cách bình thản nhưng kiên quyết với cô nhân viên phía sau quỳ, “Tôi đã đứng đợi ở đây tới mười phút trong khi hai anh chị giỡn trò chim chuột với nhau. Ngân hàng này phục vụ kiểu như vậy à? Hay là chúng ta kêu giám đốc của cô ra đây xem cô làm việc thế nào nhé?”.

Cô nhân viên lùi một bước, mắt mở to ra vẻ ngạc nhiên, “Thưa bà, tôi xin lỗi, chỉ là tôi...”.

“Tôi biết hai người vừa mới làm chuyện gì”, người phụ nữ cướp lời, “Tôi nghe thấy mà, mọi người trong ngân hàng cũng nghe hai người đang tán tỉnh nhau rồi còn kể lể đời sống tình yêu nữa chứ”. Cô nhân viên đỏ mặt, “Thưa bà, chúng tôi đâu có làm chuyện ấy”. Người phụ nữ đặt cả hai tay lên quầy và ngã người về phía trước, “Ồ, vậy sao, chứ khi hai người nói về bạn trai và Vegas và anh ta nói cô đẹp bốc lửa cỡ nào, đó là cái gì hả? Là giao dịch chính của ngân hàng phải không? Cô có làm vậy với tất cả khách hàng không? Cô có muốn bàn chuyện tôi ngủ với ai không?”

“Thưa bà, xin bà, tôi...”.

“Quên đi nhé. Tôi cách ngân hàng này rồi”, người phụ nữ quay bước ra khỏi cửa.

Tony đã biến rồi. Leo ra hiệu cho gã vài giây sau khi người phụ nữ khó chịu xuất hiện.

Vài phút sau đó Annabelle nhập bọn trong thùng xe tải.

Cô ta nói với ra tài xế, “Cho xe chạy đi, Freddy”. Chiếc xe tải lập tức lăn bánh.

Annabelle gạt mái tóc giả hoe vàng ra rồi bỏ cặp kính vào túi quần. Kế đến cô ta cởi áo khoác và quăng đồng nệm mút độn quanh phần eo, và quăng chứng minh vào mặt Tony. Gã chụp lấy, xấu hổ và bắt đầu ca thán, “Ôi trời ơi, bọn chúng còn giữ tám séc...”.

Gã im bật khi Annabelle cầm tờ séc gấp làm đôi trên tay.

“Tôi xin lỗi Annabelle à, tôi thật sự rất tiếc”.

Cô ta ngã người gần hơn về phía gã, “Một lời khuyên nho nhỏ này Tony. Đừng tán công con mồi, nhất là khi anh đang giả dạng một người khác”.

Leo thêm vào, “Thế nên chúng tao mới quyết định hỗ trợ mày lần này”.

“Ai mượn vậy?”, Tony cau có.

Annabelle trả lời, “Bởi vì anh bước ra khỏi chiếc xe tải vênh vẹo quá. Mà kiểu tự phụ ấy giết chết những tên lừa bịp đấy. Đó là một quy tắc anh phải nhớ lấy”.

“Tôi vẫn có thể đến ngân hàng khác và đổi tờ séc này”, Tony nhanh nhẩu nói.

“Thôi khỏi. Chuyên làm ăn lớn này thế là đủ rồi. Với lại tấm séc này chẳng đáng để ta phải mạo hiểm đâu”.

Tony muốn phản đối nhưng rồi gã thu mình lại và không nói gì hết. Leo và Annabelle nhìn nhau thở dài nhẹ nhõm.



Hai ngày sau, tại ngôi nhà chung cư mà cả bọn thuê, Leo gõ cửa phòng Annabelle.

“Gì vậy?”, cô à nói với ra ngoài cửa.

“Cô rảnh không?”

Gã ngồi trên giường trong khi cô ta xếp mấy bộ quần áo vào túi xách.

“Ba triệu đôla”, gã nói một cách cung kính, “Cô biết đấy, cô gọi số tiền đó nhỏ chứ mấy thằng bịp đều cho rằng đấy là số tiền lớn. Mọi chuyện rất tốt đẹp, Annabelle à”.

“Bất cứ tên bịp nào có kỹ năng đang hoang cũng có để kiếm được món tiền cỡ đó. Tôi chỉ đánh cược vào đó hơi nhiều một tí thôi”.

“Một tí à? Ba triệu đôla chia cho bốn đứa đầu phải là ít”.

Cô ta liếc nhìn gã bằng ánh mắt bén như dao.

“Tôi biết, tôi biết rồi, cô nhận phần chia nhiều hơn vì đây là vụ làm ăn do cô xếp đặt. Nhưng mà nói thật thì tôi có thể sống vài năm xa hoa với phần chia của mình. Thậm chí có thể là một kỳ nghỉ ngơi thật sự đối với sự nghiệp bịp bợm của tôi”.

“Chưa xong mà. Phi vụ lớn còn tiếp diễn, Leo à. Đó là giao kèo giữa chúng ta”.

“Đúng, nhưng hãy nghĩ lại đi”.

Annabelle bỏ đồng quần áo vào túi xách. “Tôi đã nghĩ về chuyện đó rồi. Phi vụ lớn vẫn còn tiếp diễn”.

Leo đứng dậy, tay mân mê điều thuốc chưa đốt, “Thôi được rồi, nhưng còn thằng nhóc thì sao?”

“Thằng nhóc thì sao hả?”

“Cô bảo rằng chúng ta tuyển lựa toàn siêu sao có đẳng cấp cho cuộc chơi này. Đến giờ thì tôi chẳng có vấn đề gì với thằng Freddy, tay nghề của nó là số một rồi. Còn thằng nhóc kia gần như phá hỏng mọi thứ ta làm. Nếu hôm ấy cô không có mặt kịp thời...”

“Nếu tôi không ở đó thì anh ta cũng sẽ nghĩ ra được cái gì đó để tự cứu mình”.

“Vớ vẩn quá! Con nhỏ nhân viên gần như lộ mặt được nó luôn. Nó còn đưa sai chứng minh thư giả cho ả nữa chứ. Hãy bàn về mấy hành động của thằng ngu mà cô chọn lựa kỹ càng đi”.

“Anh chưa bao giờ sai lầm trong cuộc đời bịp bợm của anh hả Leo?”

Đề xem nào. Rồi, vụ Phonix thì sao? Hay vụ Jackson Hole?”

“Ừ, nhưng mà tôi đâu có sai lầm với phi vụ nhiều triệu đôla như thế này đâu Annabelle. Khốn kiếp, tôi đâu có được đi trên con đường bằng phẳng khi tôi còn non nớt quần tã như thằng Tony đâu”.

“Ganh tị chẳng giúp được gì cho anh hết Leo ơi. Mà Tony cũng tự lo cho mình được”.

“Có thể có, mà cũng có thể không. Vấn đề là tôi cá chắc rằng mình chẳng muốn có mặt ở đó để chứng kiến thằng ấy không tự lo cho nó được”.

“Hãy để tôi lo chuyện đó”.

Leo phẩy tay, “Tuyệt quá, cô lo chuyện đó vì tất cả chúng ta”.

“Tốt thôi, tôi mừng là ta đã dàn xếp xong vụ này”.

Leo nhìn khắp căn phòng, hai bàn tay đút trong túi quần.

“Còn gì nữa không?”, Annabelle hỏi.

“Ừm, vụ làm ăn lớn kế tiếp là gì vậy?”

“Tôi sẽ nói với anh khi anh cần phải biết. Còn ngay lúc này thì anh không cần phải biết đâu”.

Leo ngồi phịch xuống giường, “Tôi đâu phải nhân viên Cơ quan Tình báo. Tôi là một tên bịp. Tôi không tin vào ai hết”. Gã nắm nghĩa túi quần áo của Annabelle, “Nếu cô không muốn nói cho tôi nghe, tôi đếch thèm đi với cô”.

“Anh biết chúng ta đã thỏa thuận rồi mà Leo. Anh mà bỏ ngang thì anh sẽ bị xử. Hai phi vụ nhỏ một phi vụ lớn. Như đã sắp xếp nhé”.

“Ừ, à, một phần của thỏa thuận đâu có nói tới việc chăm bẵm một thằng ngu, cái thằng gần như đưa cả bọn vô tù đâu, thế nên có lẽ ta cần phải thương lượng lại, quý cô nương à”.

Cô ta nhìn gã khinh bỉ, “Gì chứ, anh muốn tổng tiền tôi sau ngần ấy năm quen biết à? Tôi đã cho anh cú làm ăn tuyệt nhất trong đời anh”.

“Tôi không cần tiền nữa. Tôi muốn biết vụ làm ăn ấy, nếu không thì tôi chẳng đi đâu hết”.

Annabelle ngừng xếp đồ để suy nghĩ, “Tôi nói với anh chúng ta đi đâu thì có ổn không?”

“Còn tùy đó là nơi nào”.

“Thành phố Atlantic”.

Leo mặt cắt không còn giọt máu, “Cô loạn thần kinh hả? Cái gì, lần trước chưa đủ tệ hại sao?”

“Cũng lâu lắm rồi, Leo à”.

Gã đáp lại, “Sẽ chẳng bao giờ đủ lâu với tôi cả. Sao chúng ta không làm cái chuyện dễ hơn chẳng hạn như đi phá làng phá xóm?”

“Thành-phố-At-lan-tic”, Annabelle rít lên giận dữ, nhấn mạnh từng từ.

“Sao thế? Vì ông cha già của cô à?”

Annabelle không trả lời.

Leo đứng dậy và trở vào cô ả, “Tôi biết cô có thể đảm bảo được, Annabelle. Cô mà nghĩ tôi lại bước xuống cái lỗ khôn nạn đó bởi vì cô muốn chứng tỏ điều gì đấy thì cô không biết Leo Ritcher này rồi”.

“Máy bay cất cánh lúc bảy giờ sáng”.

Leo đứng đó bần chồn, nhìn đồng hồ của Annabelle thêm mấy phút nữa.

“Chúng ta có đi vé hạng nhất không hả?”, cuối cùng gã cất tiếng.

“Ừ, hạng nhất. Có gì không?”

“Bởi vì nếu đây là chuyến bay cuối cùng của đời mình, tôi muốn hưởng thụ thứ dịch vụ sang trọng nhất”.

“Vừa ý anh là được rồi, Leo”.

Gã bước ra khỏi phòng còn Annabelle tiếp tục thu dọn đồ đạc.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 12



aleb Shaw làm việc trong phòng đọc Sách Quý Hiếm. Có vài độc giả quen yêu cầu được đọc một số tài liệu trong khu sách Rosenwald; việc này phải có sự đồng thuận của người giám sát. Tiếp theo ông dành thời gian nói chuyện điện thoại với một giáo sư đại học - người đã viết cuốn sách nói về thư viện riêng của Jefferson¹. Sau đó

Jewell English, người phụ nữ già thường có mặt trong phòng đọc sách, yêu cầu được xem bản sách *Những tiểu thuyết rẻ tiền* của Beadle. Bà ta rất thích thú với loạt truyện của Beadle và bà ta kể cho Caleb nghe rằng bà ta có một bộ sưu tập khá hay. Là một quý bà mảnh dẻ tóc trắng như cước và nụ cười thường trực trên môi, Caleb nghĩ rằng bà ta cũng cô đơn. Chồng bà ta mất cách đây mười năm còn gia đình bà ta thì tan tác nhiều nơi trong lòng nước Mỹ - bà ta tâm sự với Caleb. Đó là lý do ông luôn bắt chuyện với bà ta

khi bà ta đến thăm phòng đọc sách.

“Bà thật sự rất may mắn, bà Jewell à”, Caleb nói, “Cuốn sách vừa mới được chuyển từ bộ phận đối thoại tới đây. Cần phải đưa nó vào danh mục sách”. Ông đưa bà lão cuốn sách, trò chuyện với bà thêm vài phút về cái chết bất thình lình của Jonathan DeHaven rồi quay trở lại bàn làm việc. Anh nhìn bà lão chậm chậm đeo cặp kính dày vào và chăm chú đọc bản sách cũ, ghi chép vào vài tờ giấy bà mang theo. Vì những lý do riêng nên người đọc chỉ được mang theo một cây viết chì và giấy đã xé rời vào phòng đọc, và túi xách phải được kiểm tra trước khi ra về.

Cửa phòng bật mở, Caleb đưa mắt nhìn người phụ nữ vừa bước vào. Cô ấy làm việc ở bộ phận hành chính. Ông đứng lên chào.

“Chào anh, Caleb. Tôi có tin nhắn cho anh từ ông Kevin”.

Keven Philips là quyền giám đốc, thay thế cho DeHaven sau khi ông ta mất.

“Kevin à? Sao ông ấy không gọi hay là gửi thư điện tử cho tôi?”

“Tôi nghĩ ông ấy đã cố gắng liên lạc với anh, nhưng lúc thì máy bận lúc thì anh không nhắc máy. Và vì lý do nào đó mà ông ta không muốn thư điện tử cho anh”.

“Thế à, hôm nay quả thật tôi khá bận rộn”.

“Tôi nghĩ việc này khá khẩn cấp”. Cô ta trao ông phong bì thư rồi bước ra. Caleb cầm tin nhắn rồi trở về bàn làm việc, chợt anh vấp phải tấm thảm dưới chân ghế, làm rớt cặp kính trên bàn xuống đất và loay hoay thế nào đó lại đập vỡ tròng kính luôn.

“Ôi trời ơi, sao tôi vụng về thế này”. Ông nhìn vào phong bì và nhặt cặp kính vỡ lên. Giờ thì ông chẳng đọc được gì sất vì không có

kính. Mà tin nhắn này thì khẩn cấp theo lời người phụ nữ ban nãy. “Anh vấp tấm thảm ấy vài lần rồi đấy Caleb à”, bà Jewell nhắc nhở ông.

“Cám ơn sự quan tâm của bà”, Calen nghiêng răng trả lời. Bất chợt ông nhìn bà lão, “Bà Jewell, bà có thể cho tôi mượn kính của bà để đọc tin nhắn được không?”

“Mắt tôi kém lắm. E là kính của tôi không hợp với anh”.

“Xin bà đừng lo, mắt tôi cũng bị mờ cỡ ấy, ít nhất là khi nói đến chuyện đọc sách”.

“Hay là tôi đọc tin nhắn giùm anh cho tiện?”

“Ừm, không được. Ý tôi là, nó có thể... bà biết đó”.

Bà lão vỗ tay cái độp và thì thào, “Ý anh là tin nhắn có thể là tin mật đúng không? Chuyện này hồi hộp quá”.

Ông liếc nhìn tờ giấy ngay khi bà Jewell đưa anh cặp kính. Ông đeo vào, ngồi xuống bàn làm việc và đọc tin nhắn cẩn thận. Kevin Philips yêu cầu ông ngay lập tức đến bộ phận hành chính văn phòng ở tầng an toàn của tòa nhà. Ông chưa bao giờ được triệu tập đến văn phòng hành chính trước đây, ít nhất là không phải theo kiểu này. Chậm chậm gấp đôi tờ giấy, ông bỏ vào túi quần.

“Cám ơn bà Jewell, tôi nghĩ bà với tôi cùng độ mờ vì tôi nhìn rất rõ bằng cặp kính của bà”. Ông trả lại kính, chuẩn bị tâm lý cho chuyện không hay và bước đi.

Ở phòng hành chính ông thấy Kevin Philips đang ngồi với một người đàn ông mặc bộ comple màu đen được giới thiệu là luật sư của DeHaven.

“Theo những điều khoản trong di chúc của ông DeHaven, ông được

chỉ định là người ủy quyền thư viện sách của ông ấy, thừa ông Shaw”, người luật sư vừa nói vừa trao Caleb một tờ giấy, hai chiếc chìa khóa và một mảnh giấy nhỏ.

“Cái lớn là chìa khóa nhà của ông DeHaven, cái nhỏ là chìa khóa phòng thư viện nơi để bộ sưu tập sách của ông ấy. Dãy số đầu tiên trên miếng giấy là mã số hệ thống an ninh tại nhà ông DeHaven.

Dãy số thứ hai là tổ hợp mã số để mở cửa thư viện, thư viện của ông ấy được mở bằng cả khóa và mã số”.

Caleb đờ đẫn nhìn những thứ ông vừa được trao, “Người ủy quyền thư viện của ông ấy ư?”

Philips lên tiếng, “Đúng vậy, Caleb à. Theo tôi hiểu thì ông đã giúp ông ta bỏ sung sách cho bộ sưu tập của ông ấy”.

“Vâng”, Caleb thừa nhận, “Ông ấy có đủ tiền và sở thích tinh tế để có một bộ sưu tập khá chuẩn”.

“Hẳn ông ấy đã rất biết ơn sự giúp đỡ của ông”, người luật sư nói, “Theo các điều khoản trong di chúc, ông được toàn quyền tiếp cận bộ sưu tập của ông ấy. Những điều ông cần làm là kiểm kê tất cả các cuốn sách của ông ấy, định giá kho sách và chia thành từng phần thích hợp theo ý của ông và bán đi, số tiền thu được sẽ chuyển đến những tổ chức từ thiện đã được chỉ định trong di chúc”. “Ông ấy muốn tôi bán bộ sưu tập của ông ấy sao? Còn gia đình ông ấy thì sao?”

“Công ty chúng tôi đại diện cho dòng họ DeHaven nhiều năm rồi. Ông ta không còn bà con họ hàng nào cả”, người luật sư trả lời, “Tôi nhớ rằng một trong những người đồng nghiệp về hưu của tôi có nói ông DeHaven đã từng kết hôn nhiều năm trước. Rõ ràng

cuộc hôn nhân ấy không kéo dài được lâu”. Người luật sư dừng lại, có vẻ như đang lục lọi trí nhớ của mình, “Tôi nghĩ ông ta nói rằng cuộc hôn nhân đó bị hủy hoại thì phải. Chuyện này xảy ra trước khi tôi vào làm ở công ty này. Dù sao đi nữa, ông ấy không có con cái nên sẽ không có ai đòi quyền thừa kế. Ông sẽ được hưởng một phần trăm hoa hồng từ số tiền bán sách”.

Philips chen vào, “Đó có thể là một số tiền khá lớn đó Caleb à”. “Tôi sẽ làm việc này vì Jonathan mà không lấy một đồng nào”, Caleb nói nhanh.

Người luật sư tủm tỉm cười, “Tôi sẽ giả bộ như là tôi chưa hề nghe câu đó. Có vẻ như ông sẽ phải làm nhiều chuyện hơn ông nghĩ đấy. Vậy ông có đồng ý với số tiền hoa hồng không, thưa ông?”

Caleb lưỡng lự rồi gật đầu, “Vâng, tôi đồng ý. Vì Jonathan”.

“Tốt rồi. Xin ông ký tên vào đây để chứng thực ông đã chấp nhận và đã nhận chìa khóa và mã số”. Người luật sư đẩy một trang tài liệu cho Caleb, ông ký tên một cách vất vả vì không có cặp kính. Người luật sư kết luận lại công việc bằng câu, “Vậy là trăm sự nhờ ông”.

Caleb trở về phòng làm việc và nhìn chăm chăm vào hai chiếc chìa khóa. Vài phút sau ông quyết định gọi Milton, Reuben và Stone. Ông bảo với họ rằng mình không muốn đến nhà DeHaven một mình. Tất cả đều đồng ý sẽ hộ tống ông đêm hôm đó.



Chú thích

1. Tổng thống Jeferson đã bán thư viện sách của mình cho quốc gia sau khi người Anh thiêu trụi thành phố Washington trong cuộc chiến chống thực dân Anh vào năm 1812, đó là cơ sở để hình thành nên Thư viện Quốc hội của ngày hôm nay.

CHƯƠNG 13



ối hôm đó Reuben và Stone đến nhà DeHaven trên chiếc mô-tô Ấn Độ, Stone cao ngồng bị nhét vào cái xe thùng. Caleb và Milton chạy phía sau trên chiếc Chevy Nova cũ kỹ màu thiếc với cái ống pô khó tính. Caleb đeo cặp kính dự phòng của mình, ông cho rằng tối nay mình sẽ phải đọc nhiều thứ.

“Đào mả được nhiều thế”, Reuben vừa nói vừa cời mũ bảo hiểm và kính bảo hộ khi ông ta nhìn căn nhà đồ sộ, “Khá là hoành tráng so với số tiền lương nhà nước”.

“Jonathan được sinh ra trong một đồng tiền”, Caleb trả lời.

“Chắc là hay lắm nhì”, Reuben nói, “Tôi sinh ra từ rắc rối, và cũng đang đâm đầu vào rắc rối với các anh đây”.

Caleb mở cửa chính, tắt hệ thống báo động, và cả bọn cùng bước vào nhà. Ông nói, “Tôi đã được ông ấy dẫn vào phòng thư viện và

lần. Ta có thể xuống tầng hầm bằng thang máy”.

“Thang máy”. Milton la lên. “Tôi ghét thang máy”.

“Vậy anh đi thang bộ xuống đi”, Caleb khuyên, chỉ tay về phía trái, “Cầu thang ở đằng kia”.

Reuben ngắm nhìn những thứ nội thất cổ, những tác phẩm nghệ thuật trang nhã treo trên tường và những tác phẩm điêu khắc theo phong cách cổ điển trưng bày trong các hốc tường. Ông chùi phần mũi giày bỏ lên tấm thảm phương Đông trong phòng khách, “Họ có cần quản gia cho đến khi mọi chuyện được sắp xếp ổn thỏa không?”

“Câu trả lời là không”, Caleb nói.

Họ đi thang máy xuống và gặp Milton ở phòng chờ nhỏ.

Cách cửa phòng thư viện vững chắc như một con quái vật làm bằng thép dày hơn sáu tấc với bàn phím vi tính và một ổ khóa an toàn.

Chìa khóa và mã số tổ hợp phải được tra và nhập vào cùng lúc.

Caleb bảo với họ, “Jonathan đã dẫn tôi vào phòng thư viện này vài lần rồi”.

Cửa bật mở tự động và họ bước vào trong. Căn phòng rộng khoảng ba mét, cao gần ba mét và có vẻ dài khoảng chín mét. Ngay khi họ vừa bước vào, ánh đèn mờ chuyên biệt tự bật lên, cho thấy rõ cảnh quan trong phòng.

“Phòng này chống lửa và chống đạn. Nó cũng được kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm”, Caleb giải thích. “Đây là điều bắt buộc phải làm đối với những cuốn sách quý hiếm, đặc biệt là trong tầng hầm, nơi các điều kiện nhiệt độ và độ ẩm cứ trôi sụt”.

Phòng thư viện chia thành nhiều kệ sách. Trên các kệ đầy sách, sách mỏng có bìa mềm và những vật khác, thậm chí đối với những

con mắt nghiệp dư thì tất cả những thứ này đều trông có vẻ quý hiếm và có giá trị.

“Chúng ta có thể chạm vào bất cứ thứ nào không?”, Milton hỏi.

“Tốt hơn là nên để tôi làm”, Caleb trả lời. “Vài món rất mỏng mảnh dễ hỏng, có những cuốn sách chưa bao giờ nhìn thấy ánh sáng mặt trời trên một thế kỷ rồi”.

“Chết tiệt”, Reuben chửi thề, lướt tay dọc theo phần gáy lò xo của một cuốn sách. “Cứ như là một người tù bé nhỏ và họ kết án nó - quyền sách - tù chung thân vậy”.

“Nhìn nhận kiểu ấy là không công bằng chút nào Reuben ạ”, Caleb nói với giọng trách mắng. “Chúng tôi làm việc ấy để bảo vệ những quyền sách cho các thế hệ sau còn được thưởng thức chúng.

Jonathan đã tốn một khoản tiền rất lớn để bảo quản và chăm sóc từ tế những quyền sách này”.

“Ông ta sưu tầm loại sách gì vậy?”, Stone hỏi. Ông đang quan sát một bộ sách rất cũ có vẻ như bìa được chạm khắc từ gỗ sồi.

Caleb cẩn thận rút quyền sách mà Stone vừa nói đến ra khỏi kệ sách. “Jonathan có một bộ sưu tập hay, nhưng chưa phải là bộ sưu tập tuyệt vời, ông ta phải thừa nhận điều đó. Tất cả các bộ sưu tập tuyệt vời đều tốn một số tiền không giới hạn, hơn thế nữa, tất cả đều phải có một tầm nhìn về loại sách mà họ muốn sưu tầm và toàn tâm toàn ý theo đuổi nó như một nỗi ám ảnh. Nó được gọi tên là bệnh mê sách, nỗi ám ảnh ‘êm ái nhất’ trên trái đất này. Tất cả các nhà sưu tập sách đều mắc bệnh ấy”.

“Anh thử kể vài cuốn sách xem”, Stone yêu cầu.

“Như những tập sách kịch bản của Shakespeare chẳng hạn. Tập

đầu tiên rõ ràng là hiếm nhất, gồm chín trăm trang của ba mươi sáu vở kịch. Không có bất cứ bản chép tay gốc nào của Bard còn tồn tại, vì thế các tập sách trên là nỗi khao khát khủng khiếp của những người sưu tầm. Tập đầu tiên được bán ở Anh vài năm trước với giá gần bốn triệu bảng Anh”.

Milton huyết sáo nho nhỏ và lắc đầu, “Khoảng sáu nghìn đôla một trang giấy, ôi trời đất”.

Caleb nói tiếp, “Rồi những tác phẩm khác như là: William Blake, cuốn Principia Mathematica (Nguyên tắc Toán học) của Newton, vài cuốn của Caxton, nhà in đầu tiên của Anh quốc. J.P.Morgan có trên sáu mươi ấn bản của nhà in Caxton trong bộ sưu tập của ông ấy, nếu tôi nhớ không lầm. Một cuốn Mainz Psalter in vào năm 1457, The Book of St. Albans (Quyển sách của Thánh Albans), và tất nhiên là cuốn Kinh thánh Gutenberg. Trên thế giới chỉ có ba cuốn Kinh thánh Gutenberg mới toanh được in loại giấy da hảo hạng nhất được biết đến. Thư viện Quốc hội có một cuốn. Ba cuốn ấy là vô giá”.

Caleb chuyển ánh nhìn qua một chiếc kệ khác, “Jonathan sở hữu cuốn Divine Comedy (Hài kịch Thần thánh) của Dante ấn bản năm 1472, cuốn sách sẽ được hân hoan chào đón ở bất cứ bộ sưu tập hạng nhất nào. Ông ta còn có tập thơ Tamerlane của Edgar Allan Poe, gần như tuyệt hiếm rất khó kiếm được. Đã có một quyển được bán với giá hai trăm nghìn đôla cách đây không lâu. Danh tiếng của Poe gần đây đã được nâng lên, nên ngày nay cuốn đó phải có giá cao hơn trước nhiều. Bộ sưu tập này còn có một tuyển tập vô cùng đáng giá những cuốn sách in đầu tiên (trước năm 1500), hầu hết là

tiếng Đức, nhưng cũng có vài cuốn tiếng Ý, và một bộ những ấn bản tiểu thuyết đương đại đầu tiên - rất nhiều trong số đó là tự truyện. Jonathan có nhiều bộ sưu tập văn minh Mỹ và nhiều bản mẫu các bài viết cá nhân của các tổng thống Washington, Adams, Jefferson, Franklin, Madison, Hamilton, Lincoln và nhiều tổng thống khác. Như tôi đã nói, đây là một bộ sưu tập hay, nhưng vẫn chưa phải là một bộ sưu tập vĩ đại”.

“Cái đó là gì vậy?”, Reuben chỉ tay vào một góc tường chiếu sáng nhờ nhờ ở cuối phòng.

Cả nhóm tụ tập quanh các vật Reuben chỉ. Đó là bức tranh chân dung nhỏ của một người đàn ông phục trang thời Trung cổ.

“Tôi chẳng nhớ mình từng thấy bức tranh này trước đây”, Caleb nói.

“Mà tại sao lại có một bức tranh treo trong một thư viện sách?”, Milton hỏi thêm.

“Và chỉ có một bức tranh duy nhất”, Stone bình luận. “Chẳng có liên quan gì đến bộ sưu tập cả”. Ông kiểm tra bức chân dung tỉ mỉ từ nhiều góc độ khác nhau trước khi đặt ngón tay lên rìa khung tranh và kéo. Bức tranh bật ra như một cánh cửa tự động, để lộ đằng sau là một kết sắt an toàn trong tường.

“Kết sắt nằm trong kết sắt”, Stone nói. “Thử dùng mã số tổ hợp cha luật sư cho anh để mở phòng thư viện xem, Caleb”.

Caleb làm theo nhưng không có kết quả. Ông cố thử nhiều con số khác nữa nhưng vẫn không thành công.

Stone lại nói, “Người ta thường dùng tổ hợp số mà họ chắc chắn sẽ không thể quên để không cần phải viết ra giấy. Đó có thể là số, là

chữ cái cũng có thể là cả số và chữ cái”.

“Sao lại đưa cho Caleb chia khóa và mã số vào phòng thư viện nhưng lại không đưa mã số để mở kết sắt bên trong?”, Milton thắc mắc.

“Có thể ông ta cho rằng Caleb sẽ biết mã số cũng nên”, Reuben nói.

Stone gật đầu, “Tôi đồng ý với Reuben. Suy nghĩ đi Caleb. Đó có thể là một cái gì đó liên quan đến phòng đọc Sách Quý Hiếm”.

“Tại sao?”, Milton hỏi.

“Bởi vì đây chính là phòng đọc Sách Quý của DeHaven”.

Caleb có vẻ suy tư, “Ừm, Jonathan mở cửa phòng đọc sách mỗi ngày, khoảng một giờ trước khi bất cứ ai đến. Ông ấy dùng chìa khóa đặc biệt, và phải nhập một dãy số an ninh để mở tất cả các cửa. Nhưng tôi không có mã số”.

“Cái gì đó đơn giản hơn xem. Đơn giản đến độ nó đập vào mắt anh hàng ngày ấy”.

Caleb bất ngờ búng tay cái chóc, “Dĩ nhiên rồi. Nó đập vào mắt tôi mỗi ngày trong đời ấy chứ”. Ngón tay ông bắt đầu chạm vào bàn phím kỹ thuật số, và rồi kết sắt mở ra.

“Anh sử dụng số gì vậy?”, Stone hỏi.

“LJ239. Là số phòng của phòng đọc Sách Quý Hiếm. Tôi nhìn thấy nó mỗi ngày khi tôi đi làm việc”.

Trong kết sắt là một vật. Caleb cẩn thận kéo nó ra khỏi kết và từ từ mở nó.

Reuben nói, “Cái vật ấy trông có vẻ rất tả tơi”.

Một quyển sách bìa màu đen, đã bị xé và cái chỗ đóng gáy gần như sắp rách rời ra. Caleb nhẹ nhàng mở trang đầu tiên. Ông lật trang kế

tiếp, rồi trang kế tiếp nữa.

Cuối cùng ông ta hít một hơi thật sâu, “Ôi Chúa ơi!”.

Stone lo lắng “Gì vậy Caleb?”

Tay Caleb run lẩy bẩy. Ông nói một cách chậm rãi và giọng run run, “Tôi nghĩ, ý tôi là tôi tin rằng đây là ấn bản đầu tiên của bản sáchThánh ca của Kinh Cựu ước”.

“Có quý hiếm không?”, Stone thắc mắc.

Caleb mở to mắt nhìn ông, “Nó là thứ còn sót lại lâu đời nhất được in ở cái gọi là nước Mỹ bây giờ đó, Oliver à”. Chỉ có mười một cuốnThánh ca của Kinh Cựu ướctrên thế giới thôi, và chỉ có năm cuốn là còn nguyên vẹn. Chúng không bao giờ được rao bán trên thị trường cả. Thư viện Quốc hội có một cuốn, nhưng đó là cuốn được tặng nhiều thập niên rồi. Tôi không tin thư viện chúng tôi có đủ tiền để mua cuốn ấy nếu không được tặng”.

“Vậy làm thế nào DeHaven có được cuốn này?”, Stone đưa ra nhận xét.

Caleb sùng bái đặt cuốn sách trở lại chiếc hộp và cẩn thận đóng nắp hộp. Rồi ông ta đặt chiếc hộp vào két sắt và đóng cửa tủ lại. “Tôi không biết. CuốnThánh ca của Kinh Cựu ướccuối cùng có mặt trên thị trường mua bán sách quý cách đây sáu mươi năm, khi đó nó được mua với giá kỷ lục, tương đương với hàng triệu đôla bây giờ. Giờ nó đang nằm ở thư viện Đại học Yale”. Ông lắc lắc đầu, “Đối với những nhà sưu tầm sách thì chuyện này giống như tìm thấy bức tranh đã mất tích từ lâu của danh họa Hà Lan Rembrandt hay danh họa Tây Ban Nha Goya vậy đó”.

“Nếu chỉ có mười một bản trên thế giới, sẽ rất đơn giản để tìm

chúng”, Milton đề nghị. “Tôi có thể tìm kiếm trên Google”.

Caleb nhìn Milton với vẻ mặt khinh khỉnh. Trong khi Milton cứ bám chặt sự tiến bộ của thời đại vi tính, Caleb vẫn cứ là một người kiên quyết ghét máy vi tính.

“Anh không thể nào tìm kiếm trên Google một cuốn Thánh ca của Kinh Cựu ước được đâu, Milton. Và theo như tôi được biết, tất cả các bản sách này đều nằm trong các thư viện như Harvard, Yale và Thư viện Quốc gia”.

“Anh có chắc rằng nó là cuốn Thánh ca nguyên bản không?”, Stone hỏi.

“Có rất nhiều ấn bản tiếp theo sau, nhưng tôi gần như chắc chắn rằng đây là bản được in vào năm 1640. Trên trang tựa cũng viết thể và các dấu hiệu của bản gốc mà tôi quá quen thuộc”, Caleb đáp lời hờn hển như thể không kịp thở.

“Vậy chính xác thì nó là cái thứ gì?”, Reuben phàn nàn, “Tôi chẳng đọc được lấy một chữ”.

“Nó là thánh ca mà người Thanh giáo đã ủy nhiệm cho các mục sư tập hợp lại để khai sáng tín ngưỡng cho cuộc sống thường nhật của họ. Quá trình in ấn vào thời đó rất sơ khai, cộng với cách viết và chữ viết cổ, làm cho ta thấy khó đọc”.

“Nhưng nếu tất cả các cuốn Thánh ca như thế đều nằm trong các thư viện đại học?”, Stone lại nói.

Caleb liếc nhìn ông, khuôn mặt thoáng bối rối, “Tôi đoán rằng có khả năng xảy ra, tuy rất hiếm, rằng vẫn còn một bản Thánh ca chưa giải thích được ở ngoài các thư viện. Tôi muốn nói ai đó đã tìm được phân nửa bản viết tay cuốn Huckleberry Finn của Mark Twain

trên gác nhà cô ấy. Và một ai đó kéo từ phía sau khung ảnh ra một bản sao gốc của Tuyên Ngôn Độc Lập của nước Mỹ, rồi còn việc phát hiện ra các tác phẩm của Byron trong một cuốn sách cũ. Hơn một trăm năm qua rồi, mọi chuyện đều có thể xảy ra”.

Dù trong phòng khá mát mẻ, Caleb đưa tay lau dòng mồ hôi tươm đầy trán, “Anh có biết việc này đòi hỏi trách nhiệm lớn như thế nào không? Chúng ta đang nói về bộ sưu tập có một cuốn Thánh ca của Kinh Cựu ước trong đó. Một cuốn Thánh ca, lạ Chúa tôi”.

Stone dịu dàng đặt tay lên vai ông bạn của mình, “Tôi chưa thấy ai có đủ khả năng để đảm đương công việc này tốt hơn anh, Caleb à. Và chúng tôi sẽ làm bất cứ điều gì nằm trong khả năng của mình để giúp anh”.

“Đúng thế”, Reuben nói. “Thật ra tôi có mang theo vài đôla để mua nếu anh muốn bán vài cuốn sách cho nhẹ nợ trước khi bắt đầu xoay vòng xoay với vụ việc quan trọng này. Anh bán cuốn Divine Comedy bao nhiêu hả? Tôi có thể dùng để kể chuyện cười với mọi người”.

Milton chen vào, “Reuben ơi, thậm chí chẳng ai trong nhóm chúng ta có đủ tiền mua cuốn danh mục bán đấu giá mà họ sẽ in cho bộ sưu tập này nữa là”.

“À, thế cũng tốt thôi”, Reuben mia mai. “Giờ tôi chắc rằng điều kế tiếp anh sẽ bảo tôi không dám nghĩ cái công việc vớ vẩn ở cảng bốc hàng chứ gì”.

“Mấy người đang làm cái quái gì ở đây thế này?”, một ai đó hét lên. Cả đám quay lại nhìn những kẻ xâm nhập đang đứng ngoài cửa phòng thư viện. Có hai người đàn ông thân hình vạm vỡ mặc đồng

phục của công ty vệ sĩ cầm súng chĩa thẳng vào các thành viên Hội Camel. Người đàn ông đứng trước mặt hai tên vệ sĩ trông lùn và ốm, tóc nhuộm đỏ, bộ râu quai nón cùng màu được tia tốt gọn gàng và đôi mắt tinh nhanh màu xanh da trời.

“Tôi hỏi mấy người đang làm gì ở đây?”, gã tóc đỏ nhắc lại.

Reuben gầm gừ, “Có lẽ chúng tôi mới là người nên hỏi anh làm gì ở đây, anh bạn ạ”.

Caleb bước ra phía trước, “Tôi là Caleb Shaw làm việc ở Thư viện Quốc hội cùng với Jonathan DeHaven. Trong di chúc của ông ấy, tôi được ông ấy chỉ định làm người ủy quyền thư viện”. Ông giơ cặp chìa khóa nhà và phòng đọc lên. “Tôi được luật sư của DeHaven cho phép đến đây trông coi bộ sưu tập sách của ông ấy. Những người bạn này đi cùng để giúp đỡ tôi”.

“Ô, tất nhiên rồi, tôi xin lỗi các anh”, gã đầu đỏ nói sau khi đã sẫm soi chứng minh thư của Caleb trước khi trả lại. “Chỉ là tôi thấy nhiều người vào nhà Jonathan, rồi cửa lại không khóa, nên tôi mới vội vàng kết luận rằng các anh đột nhập vào nhà ông ấy”. Gã gạt đầu ra hiệu cho hai tên vệ sĩ cất súng đi.

“Chúng tôi chưa được biết tên ông”, Reuben nghi hoặc nhìn người đàn ông.

Trước khi gã kịp trả lời, Stone đã lên tiếng, “Tôi nghĩ ông là Cornelius Behan, giám đốc điều hành của Công ty Kỹ thuật Paradigm, nhà thầu vũ khí phòng vệ lớn thứ ba trong cả nước”. Behan mỉm cười, “Sẽ sớm thành lớn nhất nước nếu tôi cứ tiếp tục làm ăn theo cái đà này”.

“A, thì ra là ông Behan”, Caleb nói.

“Gọi tôi là C.B được rồi, mọi người vẫn hay kêu thế”, gã tiến về phía trước và nhìn quanh căn phòng, “VẬY RA ĐÂY LÀ BỘ SƯU TẬP SÁCH CỦA DeHaven”.

“Ông biết Jonathan à?”, Caleb hỏi.

“Thật sự mà nói thì chúng tôi cũng không hẳn là bạn. Tôi có mời ông ấy tham dự vài bữa tiệc tùng. Tôi biết ông ấy làm trong thư viện và sưu tập sách. Chúng tôi thỉnh thoảng gặp nhau trên đường và cũng có nói chuyện phiếm. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi nghe tin ông ấy mất”.

“Chúng tôi cũng ngạc nhiên như ông vậy”, Caleb buồn bã nói.

“VẬY RA ANH LÀ NGƯỜI ỦY QUYỀN THƯ VIỆN CỦA ÔNG TA. NHƯNG MÀ LÀM CÁI GÌ MỚI ĐƯỢC?”

“Nghĩa là tôi được giao nhiệm vụ lên danh mục và định giá bộ sưu tập rồi bán nó đi”.

“CÓ GÌ HAY TRONG BỘ SƯU TẬP NÀY KHÔNG?”

“Ông có phải là nhà sưu tầm không?”

“Ừm, tôi nổi tiếng sưu tầm nhiều thứ lắm”, gã trả lời ỡm ờ.

“Đây là bộ sưu tập rất hay. Nó sẽ được đem ra bán đấu giá”, Caleb giải thích. “Ít nhất là những phần tinh túy nhất sẽ được rao bán”.

“Ừ”, gã hồ hững nói. “CÓ ĐIỀU TRA ĐƯỢC GÌ THÊM VỀ CÁI CHẾT CỦA Jonathan không?”

Caleb lắc đầu, “ĐẾN LÚC NÀY CÓ VẼ NHƯ ÔNG ẤY CHẾT VÌ LÊN CON ĐAU TIM”.

“TRÔNG ÔNG TA KHỎE MẠNH MÀ. TÔI NGHĨ ĐÓ CŨNG LÀ MỘT LÝ DO ĐỂ TA NÊN SỐNG HẾT MÌNH MỖI NGÀY, BỞI VÌ BIẾT ĐÂU NGÀY MAI...”. Gã dạo quanh phòng rồi bước ra, hai tên vệ sĩ liú ríu theo sau.

Khi tiếng bước chân xa dần, Stone nói với Caleb, “Tên này có vẻ quá chu đáo khi đến kiểm tra nhà của một người mà hẳn chỉ thỉnh thoảng nói chuyện phiếm”.

“Hắn là hàng xóm của Jonathan, Oliver à”, Caleb chỉ ra, “Hắn quan tâm thật lòng”.

“Tôi không thích tên này. Hẳn ta tạo nên những thứ giết người”, Milton nói.

“Rất nhiều người nữa là đằng khác”, Reuben chỉnh lại, “Trong cuốn sách của tôi, lão già C.B là một tên quý quyệt nhỏ thó”.

Họ kiểm kê sách và các vật khác hàng giờ đồng hồ cho đến khi Caleb có một danh sách gần như hoàn chỉnh. Milton nhập bản danh sách này vào máy tính xách tay.

“Giờ ta làm gì?”, Milton hỏi khi họ gập quyển sách cuối cùng lại.

“Thường thì người ta sẽ đem danh sách này đến một người định giá ở hai nhà đấu giá danh tiếng Sotheby và Christie”, Caleb trả lời.

“Nhưng tôi đang nghĩ đến một người khác mà theo ý tôi thì người này là bậc thầy trong lĩnh vực sách quý hiếm. Tôi muốn khám phá xem ông ta có biết rằng Jonathan có quyển Thánh ca hay không”.

“Ông ấy có ở New York không?”, Stone hỏi.

“Không, ở ngay tại quận Columbia. Có lẽ cách đây khoảng hai mươi phút chạy xe”.

“Người đó là ai vậy?”, Reuben hỏi.

“Vincent Pearl”.

Stone nhìn đồng hồ đeo tay, “Ta sẽ phải đi gặp ông ấy vào ngày mai thôi. Giờ là mười một giờ rồi”.

Caleb lắc đầu, “Không đâu, giờ là thời điểm lý tưởng nhất. Tiệm

sách quý hiếm của Vincent Pearl chỉ mở cửa vào ban đêm thôi”.



Chú thích

1 Thanh giáo: vào thế kỷ XVI và XVII ở Anh là những người tìm kiếm “sự tinh tuyền” trong thần học và thờ phụng /người theo đạo với các hình thức nghi lễ nhà thờ đơn giản.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 14



hi Hội Camel rời khỏi nhà DeHaven, hai cặp ống nhòm đang chĩa vào họ. Một cặp ống nhòm là từ cửa tầng lầu của căn nhà đối diện và cặp còn lại đang được cầm bởi người đàn ông trong một chiếc xe tải phía cuối đường, bên hông xe in chữ “Công trình công cộng của quận Columbia”.

Khi chiếc mô-tô và chiếc Nova nổ

máy, chiếc xe tải cũng vội theo đuôi.

Sau khi mấy cái xe đó đi mất hút, cặp ống nhòm trên cửa sổ nhà đối diện tiếp tục quan sát khu vực đường Good Fellow.

Như Caleb đoán, mất khoảng hai mươi phút để đến tiệm sách của Vincent Pearl. Chẳng có biển hiệu nào ở cửa trước, chỉ có một tấm biển ghi “Giờ mở cửa: 8 giờ tối đến 12 giờ đêm, từ thứ Hai đến thứ Bảy”. Caleb bước tới cửa và bấm chuông.

Reuben nhìn vào cánh cửa dày chắc chắn và cửa sổ có chấn song

sắt, “Tôi chắc là ông ta đâu có cần quảng cáo cửa hiệu của mình”.

“Bất cứ ai sưu tập sách nghiêm túc đều biết chính xác phải tìm Vincent Pearl ở đâu”, Caleb trả lời một cách đơn giản.

“Anh có quen biết tay này không?”, Stone hỏi.

“Không, tôi đâu có đủ trình độ để làm việc với Vincent Pearl. Thật ra trong mười năm qua tôi chỉ gặp riêng ông ấy có hai lần ở đây, ngay tiệm sách này, mặc dù trước đó tôi đã từng nghe ông ấy thuyết giảng rồi. Khó mà quên được ông ấy lắm”.

Đứng nơi này có thể thấy được mái vòm sáng đèn của điện Capitol ở phía tây. Khu vực họ đang đứng thẳng hàng thẳng lối với những ngôi nhà bằng gạch và đá cổ kính phủ đầy rêu đã một thời từng là tiêu điểm của cái thành phố thủ đô đậm chồi nảy lộc.

“Anh có chắc là ông ta ở đây không?”, Milton hỏi, ngay lúc đó một giọng nói trầm trầm cất lên, “Ai vậy?”

Milton giật mình nhảy căng lên, nhưng Caleb nói vào cái loa nhỏ khó mà thấy được dưới bờ dây trường xuân uốn lượn sát bên cửa, “Ông Pearl à, tôi là Caleb Shaw làm việc ở Thư viện Quốc hội”.

“Ai chứ?”

Caleb có vẻ hơi ngượng ngùng và nói nhanh, “Caleb Shaw, thưa ông. Tôi làm việc trong phòng đọc Sách Quý. Chúng ta đã gặp nhau cách đây vài năm khi một nhà sưu tập những sự việc đáng ghi nhớ của Tổng thống Lincoln đến thăm thư viện chúng tôi và tôi đã đưa người ấy đến gặp ông”.

“Anh không có cuộc hẹn trước vào tối nay”, giọng nói bắt đầu có vẻ khó chịu vì bị làm phiền. Hiển nhiên ông Pearl không cảm thấy dễ chịu với chuyện Caleb vừa đề cập.

“Không có hẹn, nhưng tôi đến vì việc khẩn cấp ông Pearl ạ. Xin ông dành cho tôi vài phút thôi”.

Vài giây sau cánh cửa chính bật mở. Mọi người bước vào, riêng Stone chú ý tia phản xạ nhỏ xíu trên trần nhà. Một chiếc máy quay phim theo dõi họ, được khôn khéo giấu trong nhà dành cho mấy chú chim. Ánh đèn đường chiếu vào ống kính máy quay tạo nên tia phản xạ. Hầu hết mọi người đều không chú ý thiết bị này, nhưng Oliver Stone thì không giống hầu hết mọi người, tất nhiên là đối với những thứ bí mật theo dõi mình như thế này.

Họ đi vào trong tiệm sách, Stone còn để ý hai thứ khác nữa. Cánh cửa, dù trông cũ kỹ và làm bằng gỗ, nhưng thật ra lại được làm bằng loại thép cộng lực đặt trong khung thép; còn ổ khóa thì theo con mắt nhà nghề của Stone, trông có vẻ không thể làm giả được. Và còn cửa sổ trong song sắt là loại kính poly-carbonat dày cỡ 7.5 li.

Phần nội thất trong tiệm cũng khiến Stone ngạc nhiên. Stone tưởng tượng được thấy cách bày trí lộn xộn, với hàng chồng sách bụi bặm nằm trên những chiếc kệ võng xuống vì sức nặng và mỗi khe sách lỗ nhỏ hàng đồng bản sách viết trên giấy da cừu và các bộ sách đồ sộ dành để bán. Nhưng không thay vào đó, nơi này sạch bóng, mọi thứ được sắp xếp thẳng thớm một cách hợp lý. Bản thân ngôi nhà cao hai tầng, các kệ sách cao, hoa mỹ xếp thành từng hàng song song với tường nhà, và sách được đặt vào trong, phía sau lớp kính trượt được khóa cẩn thận. Một chiếc thang lắp bánh xe chạy theo thanh sắt dính vào đỉnh của các kệ sách cao gần ba mét. Ba bộ bàn ghế đọc sách hình ô-van làm bằng gỗ cây cherry nằm chính giữa không gian dài và hẹp. Trên trần nhà là chụp đèn bộ ba bằng đồng

đang tỏa ra thứ ánh sáng dịu nhẹ đến ngậy người. Chắc hẳn hệ thống đèn ở đây đã được chỉnh độ sáng như thế, Stone thầm nghĩ. Cầu thang hình xoắn ốc rộng gần hai mét dẫn lên phần trên, đang hé mở cửa. Stone có thể thấy được ở trên kia còn nhiều sách hơn nữa, với lan can hiệu Chippendale chạy dọc theo đến tầng một.

Phía sau quầy gỗ dài ở cuối gian chính vẫn còn rất nhiều kệ sách.

Nhưng cái mà Stone không thấy làm ông ngạc nhiên quá đỗi. Chẳng có máy vi tính, thậm chí cái máy tính tiền cũng không có.

Reuben nói, “Giống như cái nơi anh mót chằm thuốc lá hút và nốc một hai chai whisky nhỉ?”

“Không đâu, Reuben”, Caleb cảm thấy sốc khi nghe câu ấy. “Khói là tử thần đối với sách cũ đấy. Và chỉ cần một giọt rượu làm đổ thôi cũng có thể hủy hoại cả một kho báu phi thời gian”.

Reuben sắp sửa nói câu gì đấy thì cánh cửa chạm trở hoa vặn phía sau quầy hé mở và một ông lão bước ra. Mọi người, ngoại trừ Caleb, phải trở mắt nhìn ông lão với bộ râu bạc như cước dài đến ngực và mái tóc trắng xõa như thác chảy xuống vai. Bộ trang phục của ông ấy trông còn bắt mắt hơn. Với dáng người to cao, ông mặc áo thụng dài màu tím hoa oải hương có những sọc ngang màu vàng trên gấu áo. Cặp kính không vành đặt trên vàng trán đầy nếp nhăn, những lọn tóc hoa râm lộn xộn trước trán. Còn đôi mắt của ông ta, vâng, Stone khẳng định là màu đen, nếu ánh đèn mờ ảo này không làm anh nhìn nhầm.

“Ông ta là giáo sĩ hả?”, Reuben thì thầm vào tai Caleb.

“Suyt!”, Caleb nhắc nhở khi ông lão bước tới trước.

“À”, Pearl nói, nhìn vào Celeb trông đợi. “Anh là Shaw?”

“Vâng”.

“Thế chuyện khẩn cấp mà anh nói là gì?”, Pearl bất thành linh nhìn chăm chăm vào những người bạn của Caleb. “Còn mấy người này là ai?”

Caleb nhanh chóng giới thiệu nhưng không đề cập đến họ mà chỉ dùng tên gọi thôi.

Ánh mắt Pearl dừng lại lâu nhất ở Stone, “Tôi đã thấy anh ở công viên Lafayette, phải không? Trong một cái lều đúng không?”, ông lão nói với sự trang trọng hơi quá.

“Đúng vậy, thưa ông”, Stone trả lời.

Pearl nói tiếp, “Vậy nếu tôi có ý thích muốn tìm sự thật, tôi không tin tôi sẽ bắt đầu việc tìm kiếm của mình ở nơi đối diện Nhà Trắng”.

Pearl quay lại nhìn Caleb, “Giờ đến công việc gì của anh đây?”

Caleb vội vã giải thích về việc ông được DeHaven chỉ định làm người ủy quyền thư viện và yêu cầu thẩm định giá sách của DeHaven.

“Vâng, đó tất nhiên là một bi kịch đối với DeHaven”, Pearl nói một cách trang nghiêm, “Và anh được chọn làm người ủy quyền thư viện của ông ấy?”. Ông ta hỏi với giọng ngạc nhiên.

“Tôi đã từng giúp Jonathan thu thập sách cho bộ sưu tập của ông ấy, và chúng tôi cùng làm việc ở Thư viện Quốc hội”, Ông trả lời chững chặc.

“Tôi hiểu rồi”, Pearl đáp cộc lốc. “Nhưng rõ ràng anh vẫn cần một người lão luyện để làm chuyện đó”.

Mặt Caleb ửng hồng vì bối rối, “Ừm, vâng. Chúng tôi có bảng kiểm kê bộ sưu tập của DeHaven trên máy tính xách tay của Milton”.

“Tôi thích làm việc trên giấy hơn”, Pearl trả lời chắc nịch.

“Tôi có thể in ra nếu ông có máy in ở đây”, Milton nói.

Pearl lắc đầu, “Tôi có chiếc máy in từ thế kỉ mười sáu. Tôi không chắc nó có tương thích với máy tính của anh không”.

“Không, tất nhiên là không rồi”, Milton lấp bắp vì quá sốc. Một người tận tụy yêu tất cả những gì thuộc về kỹ thuật số như Milton dĩ nhiên rất ngạc nhiên vì sự không hứng thú của Pearl đối với những sản phẩm công nghệ.

“Thôi để chúng tôi in ra và đem đến cho ông vào ngày mai”, Caleb đề nghị. Ông ngập ngừng rồi nói, “Ông Pearl à, tôi muốn nói với ông một chuyện. Jonathan có quyền Thánh ca của Kinh Cựu ước bản đầu tiên. Ông có biết chuyện này không?”

Pearl đẩy gọng kính xuống mắt, “Xin lỗi, anh nói gì chứ?”

“Jonathan có quyền Thánh ca của Kinh Cựu ước năm 1640”.

“Không thể nào”.

“Tôi đã sờ vào nó”.

“Không, anh chưa chạm vào”.

“Tôi đã chạm vào nó”, Caleb khẳng khái.

Pearl khoát tay, “VẬY ĐÓ LÀ ẮN BẢN SAU. LÀM GÌ CÓ CHUYỆN LONG TRỜI LỖ ĐẤT NHƯ VẬY”.

“Quyển này là ấn bản đầu tiên vì nó không in kèm các bản nhạc. Việc có thêm nhạc chỉ bắt đầu từ ấn bản thứ chín vào năm 1698”.

Pearl trừng mắt nhìn Caleb, “Không còn nghi ngờ gì nữa, anh sẽ không ngạc nhiên khi biết rằng tôi hoàn toàn ý thức điều mình nói. Nhưng, như anh đã chỉ ra, có đến bảy ấn bản khác cũng không có in kèm bản nhạc”.

“Quyển này là ấn bản năm 1640. Năm xuất bản được in trên trang bìa”.

“Vậy, thưa quý ông, hoặc đây là bản sao hoặc là đồ nhái. Người ta ai cũng lanh lợi hết. Một gã tham vọng đã làm giả bản Oath of a Freeman (Lời thề của một người tự do) và đề lùi một năm sau cuốn Thánh ca đây”.

Stone xen vào, “Nhưng tôi nghĩ cuốn Thánh ca của Kinh Cựu ước là cuốn sách in đầu tiên ở Mỹ”.

“Đúng vậy”, Pearl tỏ vẻ thiếu kiên nhẫn. “Lời thề tôi vừa đề cập không phải là một quyển sách; nó chỉ là một văn kiện chỉ có một tờ thôi - tờ giấy khổ rộng chỉ in một mặt. Như tên gọi, nó là lời thề, là lời nguyện trung thành mà mỗi người đàn ông theo đạo Thanh giáo phải tuyên thệ để được đi bầu và hưởng các quyền lợi khác ở khu vịnh Massachusetts ngày xưa”.

“Mà nó cũng bị làm giả sao?”, Stone hỏi.

“Trớ trêu thay, tên làm giả sử dụng một cuốn Thánh ca giả. Hắn làm thế bởi vì cuốn Thánh ca được in cùng nơi với tờ Lời thề, cùng một nhà in, vì thế sử dụng cùng một cách in ấn”. Pearl vỗ vỗ vào ngực Caleb, “Tên tội phạm quá khéo léo, kết quả là hắn ta gần như dụ dỗ được Thư viện Quốc hội của anh mua cuốn Thánh ca. Chỉ khi một chuyên gia trong ngành in chỉ ra được vài điểm bất thường thì vụ việc lừng gạt mới được vạch trần”.

Caleb nói, “Tôi đã làm việc trong bộ phận Sách Quý hơn mười năm rồi. Tôi đã kiểm tra cuốn Thánh ca mà chúng tôi có. Theo tôi nghĩ thì cuốn của Jonathan là đồ thật”.

Pearl nhìn Caleb nghi hoặc, “Anh nói tên anh là gì nhỉ?”

Mặt Caleb từ hồng chuyển sang đỏ lừ. “Caleb Shaw”

“À, Shaw à, anh có làm kiểm tra chứng thực chuẩn với cuốnThánh cachura?”

“Chưa, nhưng tôi nhìn nó, sờ tận tay và ngửi nó”.

“Chúa ơi, chàng trai, anh chẳng thể nói chắc như đinh đóng cột chỉ bằng phương pháp kiểm tra sơ sài. DeHaven không có bộ sưu tập như thế. Một tập thơTamerlanecủa Edgar Allan Poe, vài cuốn sách in trước năm 1500, hay cuốn Dante mà tôi bán cho ông ấy đã tạo nên trái tim và tâm hồn cho bộ sưu tập sách quý của ông ta. Chưa hề có quyểnThánh cần bản đầu tiên nào trong bộ sưu tập mà tôi biết”.

“Vậy Jonathan lấy quyển ấy ở đâu ra?”, Caleb hỏi.

Pearl lắc đầu, “Làm sao tôi biết được?”. Ông ta nhìn những người còn lại, “Có lẽ anh bạn của các ông cũng nói cho các ông hay là chỉ có mười một cuốnThánh ca của Kinh Cựu ướcnguyên gốc bản in đầu tiên còn tồn tại trên thế giới. Quý vị thử nghĩ xem. Làm một phép so sánh, có đến 228 tập sách kịch bản đầu tiên của Shakespeare, nhưng chỉ có mười một cuốnThánh catrên cả trái đất này. Và trong số mười một cuốn đó, chỉ có năm cuốn là còn nằm trong tình trạng nguyên vẹn”. Ông lão giơ những ngón tay phải lên, “Chỉ có năm thôi”, ông nói thêm với giọng trang nghiêm.

Khi Stone nhìn vào đôi mắt đen lấp lánh như thể loại dầu thô chảy từ lòng đất, ông thấy phép chẩn đoán tinh thần của Vincent Pearl lộ rõ rằng ông lão mắc bệnh cuồng vì sách.

Người bán sách quay lại nói với Caleb, “Và bởi vì cả mười một cuốn đều đã được biết danh biết tính, tôi không biết sao lại có một

cuốn chạy đường nào vào bộ sưu tập của Jonathan DeHaven?”

“VẬY thì Jonathan giữ cuốn sách giả trong két sắt làm gì?”, Caleb vẫn phản đối.

“CÓ lẽ ông ta nghĩ rằng nó là sách thật”.

“GIÁM ĐỐC bộ phận Sách Quý lại bị một cuốn sách giả lừa được ư?”, Caleb khinh khỉnh nói, “Tôi nghi ngờ điều này khó mà xảy ra”.

Pearl vẫn bình thản, “Như tôi đã nói, thư viện của các anh gần như bị lừa mua từ LỜI THÈ GIẢ. Con người sẽ tin vào điều họ muốn tin, và những người sưu tập sách cũng không miễn nhiễm với sự thúc đẩy đó. Theo kinh nghiệm của tôi, sự tự dối mình không có điểm dừng”.

“CÓ lẽ sẽ tốt hơn nếu ông đến nhà Jonathan để ông có thể tận mắt nhìn bản gốc cuốn THÁNH CA”, Caleb vẫn bướng bỉnh.

Pearl vượt bộ râu rôi của mình bằng các ngón tay thon dài trong khi mắt vẫn nhìn Caleb không rời.

“TẮT nhiên, tôi rất hoan nghênh ý kiến về mặt chuyên môn của ông đối với tất cả các phần sách còn lại của bộ sưu tập”, Caleb nói thêm với giọng điệu bình tĩnh hơn.

“TỐT mai tôi có chút thời gian rảnh”, Pearl nói với thái độ vô tư không vụ lợi.

“TỐT rồi”, Caleb trao cho ông lão danh thiếp của mình. “Đây là số điện thoại của tôi ở thư viện, xin hãy gọi để xác nhận lại. Ông có địa chỉ của Jonathan không?”

“Tôi có lưu trong sổ sách”.

“Tôi nghĩ tốt nhất ông không nên đề cập sự tồn tại của quyển THÁNH CACHO ai hết. Ông Pearl à, ít nhất là vào thời điểm này”.

“Tôi hiếm khi đề cập bất cứ cái gì với bất cứ ai”, Pearl nói. “ĐẶC

biệt là những thứ không có thật”.

Caleb đỏ mặt tía tai khi Pearl đuổi họ nhanh nhanh ra khỏi tiệm.

“Được rồi”, Reuben đội mũ bảo hiểm và nói, “Tôi nghĩ tôi vừa mới gặp Giáo sư Dumbledore”.

“Ai?”, Caleb hỏi lại, có vẻ như vẫn còn rất giận hành động xua đuổi của Pearl.

“Dumbledore. Trong truyện Harry Potter, anh biết mà”.

“Không, tôi không biết”, Caleb vật lại.

“Thật là một gã muggle khốn kiếp”, Reuben lầm bầm khi đeo kính bảo hộ vào.

Caleb nói, “Pearl rõ ràng không tin quyền Thánh ca là đồ thật”.

Ông dừng lại, rồi nói tiếp với giọng thiếu tự tin hơn, “Mà có thể ông ta đúng. Ý tôi là tôi chỉ nhìn vào quyển sách được một chốc thôi mà”.

Reuben nói to, “Vậy mà anh cương quyết cãi với Pearl cho thấy như là anh nói đúng đó”.

Caleb xấu hổ, “Không tin nổi là tôi lại làm chuyện ấy. Ý tôi là, ông ta rất nổi tiếng trong lĩnh vực sách quý, còn tôi chỉ là một thủ thư nhà nước”.

“Một người thủ thư hạng nhất ở một trong những thư viện vĩ đại nhất trên thế giới”, Stone nói thêm.

“Ông ta có thể giỏi trong lĩnh vực của ông ta thôi, nhưng thực sự mà nói thì ông ta cần có một chiếc máy vi tính. Và một cái máy in không phải từ thế kỷ mười sáu”, Milton nhận định.

Chiếc Nova phóng đi. Trong lúc Reuben đang đạp máy chiếc mô-tô Ấn Độ, Stone, giả vờ như điều chỉnh tư thế ngồi trên thùng xe và

liếc về phía sau.

Khi họ khởi hành, chiếc xe tải vẫn tiếp tục chạy phía sau.

Chiếc Chevy Nova và chiếc mô-tô chia tay, chiếc xe tải bám theo chiếc mô-tô.



Chú thích

1. Muggle: từ được sử dụng trong bộ truyện Harry Potter, dùng để chỉ ‘người thường’

CHƯƠNG 15



ù trời đã khuya nhưng Stone vẫn yêu cầu Reuben thả ông xuống gần Nhà Trắng thay vì về nhà ở nghĩa trang Mt. Zion. Ông thấy chiếc xe tải vẫn cứ theo sau nên muốn làm gì đó cắt đuôi. Ông thì thầm giải thích tình cảnh cho Reuben nghe khi ông bước khỏi thùng xe và mô tả chiếc xe tải cho Reuben biết.

Stone nói, “Đề ý trông chừng chiếc xe tải nhé. Nếu nó vẫn theo anh, tôi sẽ báo cho anh biết bằng điện thoại di động”.

“Sao anh không gọi cho Alex Ford để trợ giúp? Dù sao thì ta cũng đã phong anh ta chức thành viên danh dự của Hội Camel còn gì”.

“Alex không còn làm việc ở Nhà Trắng nữa. Tôi không muốn gọi anh ta giải quyết vấn đề mà mình chưa chắc chắn rằng không tốt. Nhưng những người trong bộ phận Mật vụ ở đây có thể giúp chúng ta”.

Reuben chạy đi, Stone chậm rãi đi ngang qua cái lều có cái bảng “Tôi muốn biết sự thật” cắm bên cạnh. Những người phản đối khác không ngủ ở đây đêm nay, cả người bạn tên Adelpia của ông cũng không. Rồi ông nhanh chóng tiến về bức tượng vị tướng người Ba Lan, người đã giúp sức cho người Mỹ trong cuộc Cách mạng chống lại thực dân Anh. Phần thưởng cho việc đóng góp công sức này là một đài tưởng niệm lớn mà bọn chim cú đến tụ tập hàng ngày. Trèo lên bệ, ông quan sát thấy chiếc xe tải vẫn đậu trên đường số 15, ngoài khu 1600 của Đại lộ Pennsylvania đang bị chặn lại.

Stone trèo xuống và tiến đến một nhân viên canh gác mặc thường phục đang bảo vệ vòng ngoài của Nhà Trắng.

“Tôi nay có chuyện gì vậy ông Oliver?”, anh nhân viên hỏi. Anh ta đã làm việc canh gác Nhà Trắng gần mười năm và biết Stone rất rõ. Đối với anh ấy, Stone luôn rất lịch sự và hoàn toàn tuân theo các quy tắc phản đối mà anh ta luôn mang bên mình.

“Chào Joe, tôi muốn cảnh báo chuyện này. Có thể là không có gì hết, nhưng tôi biết các mật vụ không thích mạo hiểm về chuyện này”. Ông nhanh chóng kể lại chuyện chiếc xe tải nhưng không hề chỉ trỏ về phía nó. “Tôi nghĩ anh nên thông báo chuyện này phòng trường hợp anh muốn kiểm tra”.

“Oliver, Tôi nợ ông một lời cảm ơn”.

Stone đã học điều này cả đời mình, rằng không có bất cứ chi tiết nhỏ nhặt nào mà cơ quan Mật vụ lại bỏ qua khi nói đến việc bảo vệ Tổng thống cả. Vì thế, vài phút sau ông đã thấy Joe cùng với một cảnh vệ có trang bị vũ khí khác tiếp cận chiếc xe tải mang dòng chữ “Công trình công cộng của D.C”. Stone ước gì mình đã nghĩ đến

việc mang theo ông nhòm, giờ đang nằm trên bàn làm việc ở nhà.

Ông thấy căng thẳng khi cửa kính xe tải hạ xuống.

Diễn biến kế tiếp ngoài sức tưởng tượng của Stone. Hai nhân viên mặc cảnh phục nhanh chóng vòng ra phía sau xe tải và đi về hướng khác trong khi tên tài xế đóng cửa kính xe tải. Hai nhân viên ấy cũng không lại gần Stone, chính xác là họ đi hướng ngược lại một cách vội vã trong khi chiếc xe tải vẫn cứ nằm lì nơi đó.

“Khôn kiếp”, Stone rủa thầm.

Giờ thì ông biết những người trong xe tải là thành viên của Văn phòng Chính phủ, có quyền lực đủ để khiến bọn mật vụ hoảng sợ như những đứa trẻ con bị dọa dẫm. Đến lúc phải chạy rồi. Nhưng chạy làm sao đây? Có nên gọi cho Reuben không? Nhưng ông không muốn kéo bạn mình vào vụ này. Một ý nghĩ bất chợt xuất hiện trong đầu ông.

Phải chăng quá khứ của ông đã bị lộ?

Ông nhanh chóng quyết định chạy xuyên qua công viên, đến đường H và rẽ trái. Trạm xe điện ngầm tây Faragut chỉ cách đó vài khu phố. Ông nhìn đồng hồ. Chết tiệt! Giờ này đâu còn tuyến xe điện nào nữa. Ông chuyển hướng, liên tục ngoái nhìn phía sau để kiểm tra xem chiếc xe tải có chạy theo không. Nếu ông cứ tiếp tục chạy bộ xuống phố, biết đâu ông còn kịp đón chuyến xe buýt muộn. Khi đến giao lộ kế tiếp, chiếc xe tải đã chặn phía trước mặt ông và cửa xe bật mở.

Rồi Stone nghe tiếng gọi tên mình.

“Oliver!”

Ông nhìn về phía phải. Reuben đã lái chiếc mô-tô lên lề đường và

đang tăng tốc về phía ông; sau đó Reuben rờ xe đủ chậm để Oliver nhảy lên thùng xe. Reuben ngoặt đầu xe nhanh như cắt, quay trở lại đường lộ và rờ ga chạy trong khi đôi chân cao khều của Oliver vẫn còn nhô ra ngoài thùng xe.

Reuben, người rành từng ngõ ngách của quận Columbia giống như Oliver, đã rẽ phải rẽ trái liên tục trước khi chạy chậm lại tấp vào một con hẻm tối và dừng lại trước một thùng rác. Đến lúc này thì Stone mới có thể ngồi đằng hoàng trong thùng xe. Ông ngược nhìn bạn mình, “Anh đã canh giờ quá hay Reuben à. Cám ơn anh”.

“Thấy anh không gọi nên tôi đã vòng xe trở lại. Khi chiếc xe tải lăn bánh tôi cũng theo sau nó”.

“Tôi ngạc nhiên sao nó không chú ý đến anh trong khi chiếc mô-tô này khá nổi bật?”

“Máy thẳng cha đó là ai?”

Stone kể cho bạn nghe vụ đụng độ với bọn mật vụ khi nãy.

Reuben nói, “Không có mấy cơ quan có thể làm Sở Mật vụ cụp đuôi đâu”.

“Tôi nghĩ đến hai trường hợp: hoặc là CIA hoặc là NSA. Không trường hợp nào làm tôi thấy dễ chịu hết”.

“Anh nghĩ họ muốn gì ở anh?”

“Ngay từ đầu tôi chú ý chiếc xe tải đậu bên ngoài hiệu sách của Pearl. Nhưng có vẻ như nó theo dõi ta từ trước đó rồi”.

“Ở nhà DeHaven sao?”, Reuben búng tay cái chóc, “Anh có nghĩ rằng chuyện này liên quan đến tay Cornelius Behan không? Biết đâu gã ấy tham gia với bọn gián điệp?”

“Có thể lắm, nếu cần nhắc yếu tố thời gian”. Có lẽ vụ này không

liên quan gì đến quá khứ của mình.

Reuben có vẻ lo lắng, “Oliver à, nếu họ theo dõi chúng ta, anh nghĩ họ có theo đuôi cả Caleb và Milton không?”

Stone đã bấm bàn phím điện thoại rồi. Ông gọi Caleb và kể cho nghe chuyện xảy ra rồi cắt điện thoại. “Anh ta vừa mới đưa Milton về nhà xong. Hai người họ chẳng thấy ai đáng nghi cả, mà chắc là họ không biết thôi”.

“Ta đã làm gì để bọn ấy phải chộn rộn nhỉ? Ta chỉ nói với Behan công việc của chúng ta ở nhà DeHaven. Tên ấy quan tâm tới DeHaven ở chỗ nào?”

“Gã chắc là có quan tâm vì có thể gã biết DeHaven chết như thế nào. Hay nói chính xác hơn, DeHaven bị ám sát như thế nào”.

“Anh nói rằng có thể Behan đã giết người hàng xóm DeHaven à? Tại sao?”

“Anh vừa mới nói đó, hàng xóm. Có lẽ DeHaven đã thấy được điều gì đó mà lẽ ra ông ta không nên thấy”.

Reuben cười hô hố, “Trên con đường Good Fellow toàn là người giàu và độc địa ư?”

“Đều là đầu cơ hết đấy, nhưng sự thật là nếu anh không xuất hiện kịp thời tôi không biết chuyện gì sẽ xảy đến với mình”.

“Vậy chúng ta làm gì bây giờ?”

“Có vẻ như chẳng ai quan tâm tới chúng ta cho đến khi ta ghé nhà DeHaven, vậy chúng ta bắt đầu từ nơi đó nhé. Ta phải tìm ra DeHaven có bị ám sát hay không”.

“Tôi sợ rằng điều anh sẽ nói là DeHaven bị ám sát”.

Stone yên vị trong thùng xe, lần này ông đã để được chân đàng

hoàng. Reuben khởi động máy và xe vọt đi.

Giống như những lần trước, Stone nghĩ. Và đó chẳng phải là điều hay.



Những người ngồi trên xe tải báo cáo với Roger Seagraves đang rất ứ dột.

“Lẽ ra chúng tôi đã có thể tóm được thằng cha già ấy dù bạn lão ấy có xuất hiện đi chăng nữa, nhưng chúng tôi tóm gã vào lúc ấy thì quá mạo hiểm”, một người nói vào điện thoại.

Seagraves nhìn chăm chăm vào điện thoại, suy nghĩ bước đi kế tiếp, “Họ ở nhà DeHaven được bao lâu?”

“Hơn năm tiếng đồng hồ”.

“Rồi sau đó ở cửa hàng sách quý, rồi các anh theo họ đến Nhà Trắng”.

“Đúng thế. Một trong hai người có căn lầu ở công viên Lafayette. Và theo Sở Mật vụ thì tên hấn là Oliver Stone. Nghe buồn cười nhỉ?”

“Thằng cha già ấy biết các anh đang theo đuôi, vì thế tôi chẳng biết chuyện ấy buồn cười cỡ nào”, Seagraves vật lại chúng. “Và tôi không thích các anh xòe mấy tấm thẻ ra, nhất là với bọn mật vụ”.

“Chúng tôi bí quá mới làm thế thôi. Nhưng ta cùng phe với Cục An ninh Quốc gia mà”, người đàn ông khác phản bác.

“Nhưng không phải làm nhiệm vụ chính thức đêm nay”, Seagraves đáp trả.

“Vậy anh muốn chúng tôi làm gì bây giờ?”

“Chẳng làm gì hết. Tôi muốn biết rõ hơn về ông Stone. Tôi sẽ liên lạc lại”, Seagraves cúp máy.

Người đàn ông tên Oliver Stone có căn lều đối diện Nhà Trắng, có thể nhận biết sự theo dõi chuyên nghiệp và viếng thăm nhà một người đàn ông mình đã giết. Seagraves có thể cảm thấy một cơn bão khác đang ào đến.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 16



rời đang mưa rì rả và lạnh cóng ở Newark khi chiếc máy bay đáp xuống. Annabelle với mái tóc nâu, môi son màu đỏ cherry, kính mát bóng loáng, quần áo hợp mốt và đôi giày cao gót. Ba người hộ tống cô ả đều mặc bộ vest hai mảnh không thắt cà vạt. Họ không rời khỏi phi trường cùng với nhau mà lái xe về phía nam rồi hẹn gặp nhau ở

một địa điểm thuê gần thành phố Atlantic.

Trở về nơi này sau nhiều năm xa cách, Annabelle có thể thấy càng lúc mình càng căng thẳng. Lần trước, cô ta đã đi quá xa đến nỗi suýt chết. Nhưng trạng thái căng thẳng lần này cũng có thể chết dễ như chơi. Annabelle phải tin vào óc phán đoán của mình để dự báo chuyện gì sẽ xảy ra. Cô ả đã dành hai mươi năm cuộc đời mình để chuẩn bị cho thời khắc này nên không định phí phạm nó.

Cả tuần trước Annabelle đã vợ sạch tiền từ đồng séc giả trong các tài khoản. Các khoản này cộng với đồng tiền ban đầu lấy bằng thẻ

ATM giả đã được chuyển qua một tài khoản ở nước ngoài không chịu sự chi phối của Luật ngân hàng của Mỹ. Với ba triệu đôla làm vốn cho phi vụ kế tiếp, mấy tay đàn ông trong nhóm rất hồi hộp muốn được nghe kế hoạch của Annabelle.

Nhưng tất nhiên cô ả chưa sẵn sàng nói cho cả bọn biết. Cả ngày đầu tiên Annabelle đi bộ ngoài phố, chủ đích là thăm dò các sòng bạc và bàn bạc với vài người vô danh. Bọn người đó chơi bài bạc trong khi mọi người đi làm kiếm tiền. Leo và Freddy kể cho Tony nghe chuyện phiếm về mấy độ ‘làm ăn’ ngày xa xưa của mình, không quên thêm mắm dặm muối cho thêm phần hấp dẫn.

Cuối cùng cô ta cũng họp cả bọn lại.

“Kế hoạch là biến ba triệu đôla của chúng ta thành con số lớn hơn gấp nhiều lần, trong một khoảng thời gian ngắn ngủi”, cô ta thông báo.

“Tôi cực kỳ thích phong cách của cô, Annabelle à”, Leo nói.

“Đặc biệt, tôi định biến ba triệu đôla của chúng ta thành ít nhất ba mươi ba triệu đôla. Tôi sẽ ra đi với khoảng mười bốn triệu đôla; các anh chia phần còn lại làm ba phần, vị chi là mỗi người gần bảy triệu đôla. Có ai phản đối không?”

Mấy tay đàn ông ngồi dờ ra gần đúng một phút. Leo cất tiếng nói cho cả ba, “VẬY ĐI, CÁC CẬU TRAI, MÓN TIỀN ĐÓ KHÁ MÀ”.

Annabelle giơ tay cảnh báo, “Nếu vụ này không thành công, ta có thể mất một phần tiền vốn chứ không phải trắng tay. Mọi người có muốn phiêu lưu với canh bạc này không?”. Ai cũng gật đầu, “Chúng ta cần phải mạo hiểm với cuộc đời còn lại của mình để có được số tiền đang mong muốn”.

Leo nói, “Đề tôi ‘dịch’ lại cho, người mà chúng ta sắp lường gạt sẽ không ngừng tìm kiếm chúng ta để trả thù”. Gã đốt thuốc, “Tôi nghĩ đã đến lúc cô nói cho cả bọn biết người đó là ai”.

Annabelle ngồi xuống và nhét tay vào túi quần. Cô ta không rời mắt khỏi Leo, và gã cũng trừng mắt nhìn lại. Cuối cùng, gã bèn chồm nói, “Vụ này thực sự tệ thế cơ à?”

“Chúng ta sẽ chạm chán với Jerry Bagger và sòng bài Pompeii”, Annabelle tuyên bố.

“Cái gì”, Leo rú lên, điều thuốc rút ra khỏi miệng, xuống chân và làm thủng một lỗ nhỏ trên quần gã. Gã hằm hằm phui vết cháy và ngón tay run rẩy trở vào cô, “Tôi biết mà! Tôi biết thế nào cô cũng đụng vào đồng phẫn này”.

Tony nhìn từng người một, “Jerry Bagger là thằng nào?”

Leo nói, “Là thằng chó đẻ tiện nhất mà tao hy vọng mày sẽ không bao giờ muốn chạm mặt trên đường, cậu trai trẻ à”.

Annabelle gờn, “Thôi mà Leo, để tôi làm Tony phẫn chán với vụ này chứ. Anh ta sẽ muốn tự mình ‘đùa’ với Jerry đấy”.

“Tôi sẽ không thách thức thằng chó Jerry Bagger chỉ vì ba triệu đôla, ba ba triệu đôla hay hơn ba trăm triệu đôla bởi vì dù sao thì tôi sẽ chẳng sống sót nổi để mà hưởng thụ đồng tiền ấy”.

“Nhưng anh đến đây cùng với chúng tôi. Và như anh nói, anh biết rằng tôi đến đây để lừa thằng Jerry. Anh đã biết trước rồi”.

Annabelle đứng dậy, đi vòng qua phía bên kia bàn và choàng tay qua vai Leo, “Và nếu chuyện này lộ ra, anh sẽ ăn một viên đạn vào chỗ hiểm đấy để anh không còn có thể hưởng hạnh phúc trong hai mươi năm còn lại của đời mình nữa. Chấp nhận đi”.

Bỗng nhiên Leo trông có vẻ lúng túng, châm thêm một điếu Winston và run lấy bầy nhả khói lên trên nhà, “Đứa nào làm ăn xong với thằng khôn ấy đều muốn khừ nó. Cô thì sao?”

“Tôi không muốn khừ nó, Leo à. Tôi muốn lấy được càng nhiều tiền của Jerry càng tốt vì mất tiền sẽ làm nó đau đớn tột cùng. Anh có thể thủ tiêu cả gia đình nó, ấy thế mà không thể làm nó bực bội hơn việc nó biết ai lấy tiền của nó. Của cải nó chất đống nhờ tiền thua bạc của những người đàn độn đáng thương đang từng phút chảy vào sông bài của nó mỗi ngày”.

“Nghe hay nhỉ”, Tony phụ họa, trong khi Freddy có vẻ ngờ vực. Leo long mắt nhìn ‘cậu trai trẻ’, “Hay cái gì? Mà thấy hay hả? Để tao nói cho mày nghe, đồ chíp hôi chẳng biết cái đếch gì. Mà mà lộn xộn trước mặt Jerry Bagger giống như ở trong ngân hàng lần trước, mày không còn một xu để gửi vào phong bì cho mẹ mày lo chuyện chôn cất đó con”. Leo quay ngoắc lại chỉ tay vào Annabelle, “Để tôi làm rõ chuyện này ngay tại đây. Thật sự tôi sẽ không ‘đùa’ với thằng Jerry Bagger chung với cái nhóm bịp chuyên gây chuyện này đâu”.

“Này, tôi chỉ sai lầm có một lần. Ông chưa bao giờ làm lỗi à?”, Tony phản đối.

Leo không trả lời. Gã và Annabelle cả hai đang nhìn xuống đất. Rồi Annabelle bình thản nói, “Tony chỉ làm những việc anh ta có thể làm tốt nhất thôi. Anh ta không có chạm trán với thằng Jerry”. Cô ta nhìn Freddy, “Và Freddy thì ở suốt trong hậu trường. Anh ta chỉ việc làm giấy tờ cho giống như thật thôi. Phi vụ có thành công hay không tùy thuộc vào anh và tôi. Vì thế, tôi chẳng thấy có gì để

phản đối trừ khi anh nghĩ bộ đôi chúng ta không đủ giỏi để làm”.

“Chúng biết bọn mình, Annabelle. Ta đã từng lừa bịp ở đây rồi”.

Cô à đi vòng qua bàn vào mở một xấp giấy tài liệu đặt trên bàn. Cô ta giơ hai bức hình một người đàn ông và một người phụ nữ vẻ ngoài hào nhoáng lên.

“Ai vậy?”, Freddy hỏi.

Leo nhìn vào bức hình miễn cưỡng trả lời, “Tao và Annabelle, lâu rồi. Ở thành phố Atlantic”.

“Cô lấy mấy tấm hình ở đâu?”, Tony hỏi.

Annabelle giải thích, “Mỗi sòng bài đều có một ngân hàng giữ lại các khuôn mặt những đờa nào đã từng lừa bịp chúng, chúng gọi là sổ đen; và chúng gửi luôn thông tin cho mấy sòng bạc khác. Tony, anh chưa lừa gạt ở sòng bài bao giờ, anh cũng vậy Freddy à, đó là lý do tôi chọn các anh vào nhóm. Tôi vẫn còn liên lạc với vài người ở đây thế nên tôi có được hai tấm hình này. Chúng chưa từng thật sự bắt được bọn tôi và chụp hình bọn tôi; bức hình này được làm ra nhờ người khác mô tả. Chứ nếu chúng mà có hình thật thì tôi không chắc tôi vẫn còn ở đây”.

“Nhưng hai người đâu còn giống như ngày xưa nữa”, Tony nói.

“Có thêm trí thông minh mà”, gã nhe răng cười.

Annabelle lôi ra hai tấm hình nữa. Trông giống Leo và Annabelle thật hơn, “Giống như cảnh sát tìm trẻ lạc, các chủ sòng bạc mướn bọn chuyên nghiệp dùng kỹ thuật số chuyển đổi bức hình theo số tuổi thật. Chúng đưa vào sổ đen và cả hệ thống theo dõi điện tử có phần mềm nhận dạng khuôn mặt. Thế nên ta sẽ không giống trong hình khi ta làm ăn ở sòng bài của Jerry”.

“Tôi không có làm ăn gì ở sông bài của thằng chó Jerry hết”, Leo nạt lại.

“Thôi mà Leo, sẽ rất vui đấy”, Tony nói.

“Đừng chọc tao giận nhé, thằng oắt con”, Leo sùng sộ. “Tao cần có một lý do để ghét cay ghét đắng mày đấy”.

“Đi dạo một vòng đi Leo”, Annabelle nói. Cô ả đưa tay cản Tony và Freddy khi hai đứa đứng dậy định đi theo. “Ở đây đi, bọn tôi sẽ quay lại”.

Bên ngoài mặt trời đã nhô ra phía sau đám mây đen. Annabelle kéo mũ của áo khoác trùm lên đầu và đeo kính mát vào. Leo kéo chiếc mũ lưỡi trai thấp xuống tận mắt.

Họ đi dọc theo con phố Boardwalk nằm giữa các sông bài trên trục lộ chính và bãi biển, vài cặp khách bộ hành đang ngồi trên ghế dài ngắm biển.

“Chính quyền đã sửa sang lại chỗ này kể từ lần cuối cùng bọn ta ở đây”, Annabelle lên tiếng. Các sông bạc đã nhảy vào vùng này từ cuối thập niên bảy mươi, dựng lên những lâu đài cờ bạc hàng tỷ đôla giữa khu nghỉ mát bên bờ biển đã xuống cấp trầm trọng. Nhiều năm sau chẳng ai muốn mạo hiểm đầu tư xa các sông bài vì khu thành phố chung quanh không phải là nơi an toàn để đầu tư. Cái quyền lực sẵn có đó hứa hẹn một món lãi to cho cả vùng. Cùng với lợi nhuận và công việc mà các sông bài mang lại, có vẻ như lời hứa cuối cùng cũng được thực hiện. Họ dừng lại nhìn cái cầu cầu lớn nhấc thép lên nóc một tòa nhà đang xây, nhiều dấu hiệu cho thấy nó sẽ trở thành một tòa chung cư sang trọng. Họ nhìn đâu cũng thấy những tòa nhà và chuỗi khách sạn hạng sang mới đang tiếp tục

được xây dựng mở rộng.

Leo đi ra bãi biển. Gã dừng lại cởi giày và tắt trong khi Annabelle tháo dép và xắn ống quần lên. Họ bước dọc theo bãi cát ra gần mé nước. Cuối cùng Leo đứng lại, cúi xuống nhặt một cái vỏ sò và ném vào con sóng đang cuộn bờ.

“Anh đã thấy thoải mái để nói về chuyện đó chưa?”, Annabelle hỏi, nhìn hấn gần hơn.

“Tại sao cô làm thế?”

“Làm vụ gì? Lập nhóm lừa đảo ấy à? Tôi làm cả đời rồi. Anh biết tôi rõ hơn bất cứ ai mà, Leo”.

“Không, ý tôi là, tại sao cô lại chọn tôi, Freddy và thằng oắt con? Cô đã có thể chọn bất cứ ai cho phi vụ của mình”.

“Tôi không thể ‘chọn ai cũng được’. Ta quay trở lại đi, và tôi nghĩ anh rất muốn ‘chơi’ thằng Jerry thêm một lần nữa. Có đúng vậy không?”

Leo ném thêm một cái vỏ sò ra xa, nhìn nó chìm vào ngọn sóng.

“Câu chuyện cuộc đời tôi, Annabelle à. Tôi ném vỏ sò vào những con sóng, và sóng vẫn cứ dòn tới”.

“Đừng có triết lý với tôi”.

Gã liếc mắt nhìn Annabelle, “Có phải vì lão già của cô không?”

“Tôi không cần anh làm bác sĩ tâm lý cho tôi đâu”. Annabelle dần bước đến Leo, khoanh tay trước ngực và phóng tầm mắt ra ngoài xa biển khơi nơi một con tàu đang chậm chậm lướt trên đường chân trời.

“Với mười ba triệu đôla tôi có thể mua một con tàu đủ lớn để đi xuyên đại dương, phải không?”, cô ta hỏi.

Gã nhún vai, “Không biết. Chắc mua được. Tôi chưa có lý do gì để định giá cả”. Hắn nhìn xuống đôi chân trần, cát tràn trong kẽ chân, “Annabelle, cô luôn nhanh nhạy về tiền bạc, nhanh nhạy hơn tôi nhiều. Sau tất cả những vụ làm ăn với cô, tôi biết cô không cần tiền”.

“Có ai cảm thấy kiếm được đủ tiền đâu?”, cô nói, mắt vẫn dõi theo con tàu đang lững lờ trôi ngoài khơi.

Hắn ném mạnh một cái vỏ sò nữa xuống nước, “Cô thực sự muốn thực hiện vụ này phải không?”

“Nửa không muốn, nhưng nửa còn lại bắt tôi phải muốn”.

“Thằng oắt con không nói gì sao?”

“Cậu trai trẻ không nói gì cả”.

“Nếu chuyện không thành, tôi chẳng muốn nghĩ đến tương lai của chúng ta”.

“Vậy thì cố gắng đừng để thất bại nhé”.

“Cô có lo lắng không?”

“Tôi không để ý đến cảm giác của mình nữa”. Annabelle nhặt một vỏ sò, tung nó lên đầu ngọn sóng đang nhô cao như thác nước đổ ập vào bờ, rồi để con sóng chạy giỡn quanh chân mình, “Chúng ta có vui không?”

Gã chậm chậm gật đầu, “Có chứ”.

“Không nổi giận với tôi nữa nhé!”

Gã cố nở một nụ cười, “Chuyện này thì tôi không thể hứa”.

Trên đường quay trở lại khách sạn, hắn nói, “Lâu rồi tôi chưa nghe tin tức gì về mẹ cô. Bà Tammy sao rồi?”

“Cũng không khỏe lắm”.

“Lão già của cô có còn sống không?”

“Tôi sẽ chẳng biết được, đúng không nhỉ?”, Annabelle trả lời.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 17



ất cả một tuần để chuẩn bị. Một phần công việc là đưa cho Freddy một danh sách giấy tờ và chứng minh thư Annabelle cần. Khi gã làm đến cuối danh sách, gã hỏi lại cho chắc.

“Bốn tám hộ chiếu Mỹ hả?”

Tony đang ngồi ở máy vi tính ngược lên nhìn, “Hộ chiếu? Để làm gì?”

Leo nhìn đều, "Mày nghĩ mày có thể

bước qua chỗ thẳng điên Jerry Bagger mà còn có thể ở lại Mỹ à?

Cho tao xin. Tao sẽ đi Mông Cổ tu vài năm đấy. Tao thà mặc áo cà sa và cưỡi bò Tây Tạng lòng vòng còn hơn để thẳng Bagger cắt thân tao thành từng khúc trong khi nó la hét đòi tiền của nó lại”. Gã trở lại việc chuẩn bị đồ hóa trang.

Annabelle nói, “Chúng ta cần hộ chiếu để trốn khỏi nước Mỹ một thời gian chờ mọi việc lắng xuống”.

“Trốn ra nước ngoài?”, Tony ngạc nhiên, gần như đứng bật dậy.

“Jerry chẳng thể nào không mắc sai lầm, nhưng nó không đến nỗi ngu ngốc. Anh có thể đi ra ngoài nhìn thế giới, Tony. Học tiếng Ý đi”, cô ta khuyến khích.

“Còn cha mẹ tôi thì sao?”, Tony nói.

“Gửi bưu thiếp cho họ”, Leo lau bầu trong khi cố gắng úp mớ tóc giả lên đầu cho vừa vặn. “Kể cho họ nghe thời điểm nghiệp dư quái đản của cậu”.

“Hộ chiếu Mỹ khó làm giả lắm, Annabelle à”, Freddy nói. “Trên đường phố bọn chuyên nghiệp bán mỗi cái mười nghìn đôla đó”. Annabelle nhìn gã hần học, “VẬY ư, anh được trả hơn sáu triệu đôla để làm cho được mấy tấm hộ chiếu này, Freddy à”.

Gã nuốt nước miếng một cách khó nhọc, “Tôi hiểu ý cô rồi. Cô sẽ có hộ chiếu như ý muốn”. Freddy hoàn tất nốt danh sách.

“Nhưng tôi chưa bao giờ ra nước ngoài hết”, Tony giải bày.

“Tốt nhất là nên đi khi anh còn trẻ”, Annabelle ngồi xuống đối diện gã.

“Cô có đi du lịch nước ngoài bao giờ chưa?”, gã hỏi.

Leo nhảy vào, “Mày đùa hả? Mày nghĩ nước Mỹ là chỗ duy nhất để đi lừa gạt hả? Buồn cười quá”.

“Tôi đi nhiều nước rồi”, Annabelle thú nhận.

Tony lo lắng, “VẬY có lẽ tôi nên đi cùng cô. Cô có thể chỉ tôi đi chỗ này chỗ nọ. Cô và cả Leo nữa”, hần nói nhanh. “Và tôi cả Freddy cũng muốn đi cùng”.

Annabelle chuẩn bị sẵn một cái lắc đầu, “Chúng ta phải chia ra. Bốn người bốn nơi khác nhau thì khó bị bắt hơn là cả nhóm tụ lại một chỗ”.

“Đúng rồi, ừ, tất nhiên”, Tony nói.

“Anh sẽ có khá nhiều tiền để tiêu xài”, Annabelle nói.

Tony tươi tỉnh hẳn, “Một tòa biệt thự ở châu Âu, cùng với đàn người hầu của riêng mình”.

“Đừng có nghĩ đến việc tiêu xài hoang phí. Làm thế chẳng khác gì ‘lạy ông tôi ở bụi này’. Tiêu tiền in ít thôi và đừng có ngẩng đầu lên. Tôi sẽ đưa anh ra nước ngoài, từ đó anh tự đi chỗ nào anh thích”. Cô ta nói tiếp, “Giờ tôi nói cho anh biết chính xác anh cần phải làm gì”. Annabelle giải thích tường tận nhiệm vụ mà Tony sẽ đảm trách, “Anh làm được không?”

“Không vấn đề gì”, gã trả lời ngay. Annabelle nhìn gã dò hỏi, “Này, tôi bỏ học ở Học viện Kỹ thuật Massachusetts 1 sau hai năm học vì quá chán đấy”.

“Tôi biết, đó cũng là một lý do để tôi chọn anh”.

Tony nhìn xuống máy tính xách tay của mình và bắt đầu đánh máy, “Thật sự thì trước đây tôi đã làm chuyện này rồi và đã lừa được nơi canh gác cẩn mật nhất thế giới đó”.

“Đâu vậy? Lầu Năm Góc à?” Leo hỏi.

“Không, siêu thị Wal-Mart”.

Leo nhướn mắt, “Mày giỡn hả? Wal-Mart à?”

“Ê, Wal-Mart không có dễ đâu nhé”.

“Anh làm cỡ bao lâu?”, Annabelle hỏi.

“Cho tôi vài ngày đi”.

“Không quá hai ngày. Tôi cần phải kiểm tra trước”.

“Được thôi”, gã tự tin trả lời.

Leo nheo mắt, lặng lẽ cầu nguyện, làm dấu thập trước ngực và quay

lại với bộ tóc giả của mình.



Trong khi Freddy và Tony đang làm phần việc được giao, Annabelle và Leo hóa trang đi xuống sông bạc Pompeii³. Sông bạc lớn nhất trên đường Boardwalk và là một trong những cơ ngơi mới nhất vừa mới được dựng lên từ đồng hoang tàn của khu bãi bạc lụp xụp cũ, sông bạc Pompeii, giống như cái tên của nó, đang điều hành một ‘núi lửa’ đang hoạt động và ‘phun trào’ mỗi ngày hai lần, vào 12 giờ trưa và 6 giờ chiều. Thứ trào ra không phải là dung nham, mà là giấy chứng nhận để mọi người có thể nhận nước ăn và thức uống. Vì thực tế các sông bạc cho người ta com rượu để giữ chân người ta tiếp tục đánh bạc chứ thằng Bagger có mát mát chút nào đâu. Tuy nhiên, con bạc thích nghĩ rằng họ được ăn uống miễn phí vì thế cứ hai đợt ‘phun trào’ hàng ngày hấp dẫn con bạc đến lạ kỳ, đám đông đến sớm xếp hàng và quăng nhiều tiền hơn vào sỏi bạc so với mớ thức ăn từ ngọn núi lửa giả tạo này.

“Thằng Bagger lừa gạt bọn đàn độn đứng xếp hàng chờ đồng đồ ăn để rồi chúng nó đổ tiền vào sông bãi trong khi nó ngày càng béo ị và say xin”, Leo lầm bầm.

“Thằng ấy tập trung bọn đàn ấy vì đó là yếu tố sống còn của kinh doanh sông bãi”.

“Tôi nhớ sông bãi đầu tiên mọc lên ở đây là vào năm 1978”.

Annabelle gật đầu, “Sòng bài International Resorts lớn hơn bất cứ sòng bài nào ở Vegas vào thời điểm đó, ngoại trừ sòng bài MGM. Paddy từng có vài nhóm đàn em ở đây trong thời gian đầu”.

“A, lão già của cô dạo ấy lẽ ra không nên quay trở lại đây với cô và tôi!”. Leo châm một điếu thuốc, trở xuống dãy casino, “Tôi bắt đầu từ đây. Bọn nhân viên hồi đó phần lớn là dân địa phương, y tá cũng có, tài xế lái xe rác, hay xe ngựa cũng có, tự nhiên biết chia bài, biết đứng sòng. Bọn nó chẳng có tay nghề, và ngu đến độ cô lừa được cả đồng tiền. Thậm chí cũng chẳng cần lừa nữa là. Cứ lấy tiền vì lỗi của bọn nó thôi, nhưng tình hình chi ăn nên làm ra khoảng bốn năm. Tôi cho mấy đứa con đi học đại học bằng món tiền hồi đó”.

Annabelle nhìn gã, “Anh chưa bao giờ nói với tôi về gia đình mình”.

“Ừ, thì cô cũng đâu có lăm mồm khi nói chuyện gia đình cô đâu”.

“Anh biết cha mẹ tôi. Tôi nói thêm gì nữa?”

“Trước đây tôi có mấy đứa con. Chúng lớn lên rồi bỏ đi, giống bà vợ già của tôi vậy”.

“Bà ấy có biết anh làm gì để kiếm sống không?”

“Khó giấu lắm. Bà ấy yêu tiền chứ không quan tâm cách tôi kiếm được tiền. Chúng tôi không nói cho bọn trẻ hay, tôi không để chúng nó bước vào vết xe đổ của mình”.

“Khôn ngoan đấy”.

“Ừ, thế mà chúng nó vẫn bỏ rơi tôi”.

“Đừng nghĩ đến quá khứ nữa Leo, quá nhiều nuối tiếc rồi đó”.

Gã nhún vai, nhe răng cười, “Ta đã từng chơi trò ru-lét ở đây, đúng không? Bất cứ đứa bịp nào cũng có thể chơi xì-dách nhưng chỉ có những đứa chuyên nghiệp mới có thể kiếm ăn lâu dài ở sòng ru-lét,

cũng gần giống một vụ bịp ở bàn casino vậy đó”. Gã nhìn Annabelle ngưỡng mộ, “Cô là người giỏi nhất mà tôi từng biết đấy, Annabell. Cô có thể đem lại cái nóng hay cái lạnh. Cứ nhìn bọn chủ tan chảy thì biết. Và cô thấy được hơi nước bốc lên trước tất cả chúng tôi”, hấn nói thêm, ý muốn đề cập đến những tên nhân viên sòng bài đáng ngờ vực.

“Còn anh là người ‘thợ máy’ giỏi nhất tôi từng hợp tác, Leo à. Ngay cả khi một đũa bịp khác ngáng chân anh, anh vẫn có thể tóm được nó trước khi gã chia bài quay lại”.

“Ồ, tôi giỏi nhi, nhưng sự thật là cô cũng giỏi y chang tôi. Tôi thỉnh thoảng nghĩ rằng lão già của cô giữ tôi lại chỉ bởi vì cô bảo ông ấy thế”.

“Tôi rất tín nhiệm anh. Còn Paddy Conroy chỉ làm những gì Paddy Conroy muốn làm. Và rốt cuộc thì ông ấy lừa cả hai chúng ta”.

“Phải, và để chúng ta lại cho thằng Bagger xử. Chuyện gì xảy ra nếu cô không nhanh như cắt khiến hấn bắn trượt vài phân?”. Gã đưa mắt nhìn ra biển, “Có lẽ ta đã ở đâu đó ngoài kia”.

Cô ta giật điều thuốc ra khỏi miệng gã, “Giờ thì ta đã đi xong con đường mòn kỉ niệm, quay trở lại công việc thôi”.

Họ tiến về lối vào sòng bài rồi đột nhiên ngừng lại. “Đixe thò vào đi”, Leo cảnh báo.

Mỗi sòng bài đều có chuyến xe buýt để chở con bạc vào sòng, những khách này đứng xếp hàng từ 11 giờ trưa để chờ. Xe buýt thả khách, thường là những người lớn tuổi, những người cả ngày ở sòng bạc để cược số tiền an sinh xã hội của mình và ngấu ngiến mấy món đồ ăn vặt. Để rồi họ lại nhảy lên xe buýt trở về nhà với vài

đồng vật vĩnh còn lại để sống lay lắt cả tháng. Nhưng chắc chắn tháng sau họ lại đến khi số tiền nhà nước trả cho được chuyển vào tài khoản.

Leo và Annabelle nhìn những công dân lớn tuổi đến sông bài Pompeii vừa kịp đợt phát đồ ăn đầu tiên trong ngày và lang thang phía sau họ. Cả hai đi lòng vòng trong sông bài vài tiếng đồng hồ, thậm chí chơi vài canh bạc may rủi luôn. Leo thắng được kha khá ở trò gieo xúc xắc, trong khi Annabelle chơi trò xì-dách⁵, thắng nhiều hơn thua.

Sau đó họ gặp lại nhau tại một quầy bar. Leo ngắm người nữ phục vụ thân hình hấp dẫn mang vớ da loay hoay mang thức uống cho đám con bạc đang chờ thời ở sông xúc xắc, Annabelle hạ thấp giọng, “Sao hả?”

Gã trệu trạo nhai quả hồ đào rồi nhấp một ngụm Jack và Coke. “Sông bài xì-dách số năm. Có vẻ như chúng ta làm được một ít trò khi ở đây”, gã đề cập đến dụng cụ đang giữ các xúc bài.

“Có người chia bài không?”

“Có chứ, còn cô thì sao?”

Annabelle hớp một ngụm rượu vang trước khi trả lời, “Bàn ru-lét kê bên khung quay, có nhóm bốn người đang làm tốt nhiệm vụ”.

“Tôi tưởng họ dạy cho bọn chia bài biết xem xét kỹ lưỡng tiền đánh bạc chứ. Thế mấy cái máy theo dõi gắn trên cao và máy quay phim cực nhỏ ngày nay thì sao?”

“Anh biết cái bàn ru-lét điên rồ cỡ nào mà, đó là lý do. Và nếu anh giỏi, anh có thể làm bất cứ chuyện gì dù chúng có cài đặt mấy cái đồ công nghệ cao”.

Gã chạm ly với Annabelle, “Không phải chúng ta đã biết chuyện đó sao?”

“Còn vấn đề an ninh ở đây?”

“Không có gì bất thường. Tôi cho rằng sòng bài này đang nằm dưới hàng nghìn tấn bê tông được bao vây bởi hàng triệu gã được trang bị súng”.

“May là chúng ta không đi đường đó”, cô à đáp lời khô khốc.

“Ừ, cô không muốn làm hư móng tay mình chứ gì”. Gã đặt ly rượu cốc-tai xuống, “Thằng Jerry bây giờ khoảng bao nhiêu tuổi?”

“Sáu mươi sáu”, cô ta trả lời ngay lập tức.

“Tôi cá rằng thằng ấy không xuống sức theo tuổi tác”, Leo cục cằn.

“Đúng vậy”.

Annabelle có vẻ rất chắc chắn, hấn nhìn nghi ngờ.

“Anh kiểm tra rồi mà , nhớ không Leo? Kẻ lừa đảo số 101”.

“Khốn kiếp, thằng khốn đó đang tới kìa”, Leo nói qua kẽ răng, quay đi ngay lập tức.

Annabelle liếc xéo thấy sáu tên đàn ông trẻ, to con lực lưỡng bước ngang qua. Chúng đi bao quanh một người đàn ông khác tuy lùn nhưng trông rất khỏe mạnh, người tầm thước với vai rộng và mái tóc dày bạc trắng. Tên này mặc bộ comple xanh dương đắt tiền và cà-vạt vàng. Khuôn mặt Jerry Bagger r ám nắng. Một vết sẹo chạy dài xuống má, nhìn giống như sống mũi bị đánh gãy ít nhất vài lần. Dưới chân mày trắng là đôi mắt khôn ngoan sõi đời. Tên này đưa mắt khắp sòng bài của mình, có vẻ như nhập mọi thông tin thú vị đang diễn ra ở các máy đánh bạc, những sập bài và những thứ có thể bị nghiền nát như cám.

Ngay khi bọn vệ sĩ và hấn ta đi khỏi Leo quay lại và cố gắng điều hòa hơi thở. Annabelle lên tiếng, “Anh thở quá nhanh khi tên đấy đi ngang qua sông bài không nằm trong kế hoạch của chúng ta, Leo à”.

Leo phân trần, “Không phải lo, tôi vượt qua được rồi”. Gã hít một hơi thật sâu.

“Chúng ta chưa bao giờ gặp đối mặt với thằng Jerry. Chỉ có bọn đàn em của nó truy sát chúng ta chứ không phải nó. Thằng ấy không thể nào nhận ra anh đâu”.

“Biết rồi, biết rồi”. Gã nốc hết ly nước của mình, “Giờ làm gì đây?”

“Tới lúc đi thì ta đi. Cho tới lúc đó, ta viết kịch bản, tập tuồng và tính kế lúc lâm nguy vì thằng Jerry rất khó đoán dù chúng ta có làm hoàn hảo cũng chưa đủ thoát”.

“Cô biết đấy, tôi quên cô là một người cô động giỏi”.

“Đâu có gì sai khi nói chuyện hiển nhiên có thể xảy ra. Nếu nó bất ngờ gây khó khăn, chúng ta phải sẵn sàng ứng phó, hoặc là bỏ mạng”.

“Đúng, chúng ta biết quá rõ về chuyện hoặc là bỏ mạng, phải không?”

Leo và Annabelle im lặng nhìn chăm chăm vào Jerry Bagger ở phía góc sảnh. Hấn ta cùng đội quân của mình làm náo loạn sông bài, sau đó hấn nhảy lên chiếc xe mô-tô hộ tống và rồ ga chạy, có lẽ đã bẻ gãy xương bánh chè đứa nào đó vì tội lừa gạt vua sông bài ba mươi đôla, ít hơn ba mươi triệu đôla nhiều.



Chú thích

- 1.MIT (Massachusetts Institute of Techonology): Học viện Kỹ thuật Massachusetts là học viện nghiên cứu và giáo dục ở thành phố Cambridge, bang Massachusetts, Mỹ. MIT rất nổi tiếng trong khoa học công nghệ, cũng như là một số lĩnh vực khác.
- 2.Lầu Năm Góc: là biểu tượng của Quân đội Hoa Kỳ (còn gọi là ngũ Giác Đài).
- 3.Pompeii: Tên một thành phố ở La Mã, Italia bị chôn vùi hoàn toàn dưới lớp dung nham khi ngọn núi lửa Vesuvius phun trào dữ dội vào năm 79 TCN.
- 4.Khu nghỉ dưỡng Quốc tế.
5. Nguyên văn là blackjack. Mục tiêu của trò chơi xì dách là cố gắng đạt được tổng số điểm từ các lá bài trên tay bạn càng gần 21 càng tốt, nhưng không được vượt quá 21.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 18



ến cuối tuần thì họ đã hoàn tất phần chuẩn bị. Annabelle diện một chiếc váy đen và đôi giày cao gót và đeo rất ít trang sức. Giờ mái tóc cô ả vàng hoe và lia chia, trông chẳng giống bức hình mà sòng bài đang lưu. Về ngoài cửa Leo hoàn toàn thay đổi với mái tóc giả mỏng màu xám và chòm râu dê nhỏ nhỏ, kính mỏng và vận quần tây, áo

ghi-lê và áo vét-tông khoác ngoài.

Gã nói, “Điều làm tôi khó chịu là việc phải tố cáo mấy thằng bịp khác”.

“Làm như chúng sẽ không tố cáo mình nếu chúng có cơ hội biến đi với hàng triệu đôla vậy? Với lại những đứ ta vạch mặt đều không đủ giỏi để hành động trót lọt thôi, sớm muộn gì chúng cũng bị bắt. Thời buổi này đâu giống ngày xưa nữa. Đâu còn ai được chôn trong sa mạc hay quăng xuống biển Đại Tây Dương. Trò đặt cược sau là

dạng mảnh khỏe lừa bịp, gần giống âm mưu ở cấp độ thứ ba. Họ phải đóng tiền phạt hoặc trốn lên mấy chiếc tàu casino ở vùng trung tâm phía bắc nước Mỹ hay đi quấy rầy thổ dân da đỏ ở bang New England cho đến khi thời gian trôi qua, rồi họ đổi về ngoài, trở lại đây để bắt đầu lại vòng quay này”.

“Ừ, nhưng như thế vẫn là bất chính”.

Annabelle nhún vai, “Tôi sẽ gửi cho họ mỗi người hai mươi nghìn đôla để trang trải nếu việc giúp đỡ này làm anh cảm thấy dễ chịu hơn”.

Leo tươi tỉnh lên nhưng rồi lại nói, “Được thôi, đừng lấy phần chia của tôi đem cho là được rồi”.

Họ để Freddy và Tony ở lại và đi thuê phòng ở một khách sạn vào bậc nhất ở Broadwalk. Cả hai không còn liên lạc trực tiếp với Freddy và Tony nữa kể từ giờ phút này trở đi. Trước khi chuyên đi, Annabelle đã nhắc nhở cả hai, đặc biệt là Tony, phải nhớ nằm lòng rằng bọn chỉ điểm có mặt khắp mọi nơi. “Anh không được vung tiền mặt, không đùa giỡn, không nói bất cứ điều gì làm ai đó nhận ra có một nhóm bịp đang hoạt động, bởi vì người ta sẽ chạy đến một người khác để kể và nhận tiền chỉ điểm. Chỉ cần trượt chân một lần thì đi toi cả đám nhé”.

Cô ta nhìn thẳng mặt Tony và nói thêm, “Đây là chuyện nghiêm túc, Tony. Đừng có làm xáo trộn mọi thứ lên”.

“Tôi sẽ kín đáo hơn. Tôi hứa danh dự”.



Leo và Annabelle đón tắc-xi đến Pompeii và ngay lập tức quan sát các nhóm bịp. Annabelle theo dõi một nhóm giở trò đặt cược sau ở các bàn ru-lét trong các sòng bài trên đường Broadwalk. Trò ‘đặt cược sau’ này bắt nguồn từ môn đua ngựa khi đặt cược vẫn được chấp nhận sau khi người đặt cược đã biết kết quả cuộc đua. Với trò ru-lét thì kẻ bịp phải lén lút nhét những thẻ có mệnh giá lớn vào các ô số thắng ngay sau khi viên bi đã chạy vào ô. Vài nhóm bịp sử dụng kỹ thuật khác. Người đặt cược sẽ giấu những thẻ mệnh giá lớn dưới những thẻ mệnh giá nhỏ hơn trước khi viên bi rơi xuống. Sau đó người đặt cược sẽ kéo thẻ mệnh giá lớn ra khỏi bàn nếu hắn thấy viên bi không rơi trúng số đó hoặc chẳng làm gì cả ngoài việc la lên vui sướng nếu số đó thắng, ngay dưới mũi người nhân viên. Kỹ thuật sau có lợi thế rõ ràng là lừa được máy quay phim gắn trên trần bởi vì người ta sẽ kiểm tra lại đoạn phim nếu có người thắng cược. Rồi đoạn phim sẽ cho thấy người cược chẳng làm gì với các thẻ hết, vì anh ta kéo các thẻ ra chỉ khi thua cược thôi. ‘Đặt cược sau’ ở các bàn ru-lét cần rất nhiều công sức luyện tập, biết canh thời gian, tinh thần đồng đội, sự kiên nhẫn, khả năng trời phú và quan trọng hơn cả đó là thần kinh vững vàng.

Annabelle và Leo đã từng là bậc thầy trò ‘cược sau’. Tuy nhiên, với kỹ thuật theo dõi hiện đại mà các casino ngày nay sử dụng đã giảm rất nhiều cơ hội thành công của những con bịp ngoại trừ những kẻ cao tay. Và về tự nhiên của một trò bịp thì chỉ có thể thắng một số lần hạn chế trước khi giả thua, để cho số tiền thắng cược và thua cược vừa đủ để tránh rủi ro bị phát hiện.

Leo vẫn quan sát bàn xì-dách có một gã đang chơi và thắng với một khoảng cách vừa phải. Không đủ lớn để làm người khác nghi ngờ, nhưng Leo tổng cộng lại thì gã đó đã kiếm được nhiều hơn số tiền lương còm và tiền uống nước miễn phí. Gã ta gọi Annabelle.

“Cô sẵn sàng chưa?”

“Có vẻ như những anh bạn ‘đặt cược sau’ của tôi sắp sẵn sàng thắng cược nữa rồi. Hành động thôi”.

Annabell đến bên cạnh người đàn ông có thân hình chắc nịch mà cô ả chắc là người quản lý khu vực sòng này và thì thầm vào tai hắn, đầu hướng về bàn ru-lét nơi đang diễn ra trò bịp.

“Có trò lừa bịp đang diễn ra ở khu vực số 3, bàn số 6. Hai người phụ nữ ngồi bên phải là hai người đặt cược. Thằng ‘thợ’ đang ở cuối bàn. Thằng Claimer là cái thằng ôm tong teo đeo kính đang đứng bên trái phía sau người chia bài. Gọi cho bên theo dõi bằng camera phóng to để quan sát hành động kéo những thẻ mệnh giá lớn”.

Các bàn chơi ru-lét rộng đến nỗi thường phải có hai camera lắp đặt trên trần nhà để quan sát, một cái hướng vào bánh xe quay và viên bi, cái còn lại hướng vào bàn đặt cược. Vấn đề là ở chỗ người kỹ thuật viên ở phòng quan sát chỉ có thể theo dõi một camera vào một thời điểm nhất định. Tên quản lý nhìn cô ả chăm chăm nhưng gã không thể lờ đi sự mô tả xác thực và quyền uy của Annabelle. Gã nhanh chóng lặp lại mệnh lệnh này vào bộ đàm.

Trong lúc đó Leo khép nép tiến đến bên cạnh tên quản lý khu vực sòng bài của hắn và nói khe khẽ, “Phía cuối bàn xì-dách số 5, nhân viên chia bài đỡ ọc của các anh đang xáo bài. Người chơi ở ghế số 3

đeo một máy phân tích thẻ bài dưới đùi phải, thẳng ấy còn gắn tai nghe để nhận điện thoại từ máy vi tính nữa. Máy quay sẽ không quay được cảnh tráo bài vì bị các động tác của người chia bài che khuất; nhưng nếu các anh gọi người ấy đứng ở vị trí này theo dõi, các anh sẽ dễ dàng nhận ra hành động lừa bịp đó từ tầng trệt”.

Với lời cảnh báo của Leo, tên quản lý chỉ mất vài giây để gọi lên tầng để kêu người xuống chụp hình.

Năm phút sau đám con bịp ngỡ ngác khi cảnh sát được gọi đến để giải chúng đi.

Mười phút sau Annabelle và Leo thấy mình đang ở một phòng nào đó trong sòng bài, nơi mà không có bất cứ một “bà ngoại” sống bằng tiền phúc lợi xã hội nào được mời đến.

Jerry Bagger bật dậy sau cái bàn làm việc khá lớn trong căn phòng hào nhoáng của mình, tay hấn dứt túi quần với vài món trang sức quanh cổ tay và cái cổ vạm vỡ rậm nắng của hắn.

“Xin lỗi vì tao không muốn cảm ơn chúng mày đã giúp tao giữ lại được mấy nghìn đôla”, giọng gầm gừ cho thấy hắn đến từ Brooklyn. “Thật sự mà nói thì tao không quen với việc người khác làm ơn cho mình. Mỗi lần nghĩ đến chuyện ấy tao muốn dựng tóc gáy. Mà tao không thích tóc tai dựng đứng”.

Sáu thẳng khác ở trong phòng mặc những bộ comple đắt tiền, vai to khỏe và khoanh tay trước ngực nhìn Leo và Annabelle như muốn ăn tươi nuốt sống.

Annabelle tiến lên phía trước, “Chúng tôi làm việc này không phải vì muốn ban ơn cho ông. Chúng tôi làm vậy để được lên đây gặp ông thôi”.

Bagger dang tay, “VẬY thì chúng mày ở đây rồi đó. Thấy tao rồi đó. Giờ sao đây?”

“MỘT lời đề nghị”.

Bagger trợn mắt, “Ồ, ra là thế”. Hắn ngồi xuống chiếc ghế sa-lông bằng da, lấy một quả óc chó trong bát và bóp vỡ nó bằng tay phải, “CÓ phải chúng mày muốn nói rằng chúng mày sẽ giúp tao kiếm một tấn tiền giấy dù tao đã có một tấn tiền giấy rồi?”. Hắn nhai hạt óc chó trệu trạo.

“ĐÚNG vậy, và cùng lúc đó ông cũng có thể phục vụ cho đất nước nữa”.

Bagger nạt, “ĐẤT nước của tao ư? Có phải là cái đất nước canh gác tao để bắt tao phải làm ăn hoàn toàn hợp pháp không?”

“CHúng tôi có thể giúp ông làm điều đó”, Annabelle tiếp lời.

“Ồ, thế chúng mày là nhân viên FBI hả?”, hắn nhìn bọn tay chân của mình. “Ê tụi bay, ta có bọn nhân viên chính phủ trong sòng bài này. Gọi thằng khốn Orkin lên đi”.

Bọn vai u thịt bắp cười hô hố.

Annabelle ngồi xuống bên cạnh Bagger và đưa cho hắn tờ danh thiếp. Hắn đọc, “Pamela Young, Liên hợp Quản lý Quốc tế, chẳng có nghĩa lý gì với tao cả”. Hắn quăng tấm danh thiếp lại cho ả.

“Nhân viên của tao nói rằng chúng mày biết rất rõ mấy vụ lừa bịp ở sòng bạc. Chúng mày có được dạy trong mấy trường huấn luyện của FBI không? Nếu không tao chẳng tin chúng mày là nhân viên FBI”.

Leo nói cộc lốc, “Ông kiếm một ngày ba chục hay bốn chục triệu đôla? Ông phải dành một số tiền nhất định để nộp thuế đánh bạc,

nhưng còn đồng tiền còn dư. Ông làm gì với đồng tiền dư đó? Nói đi”.

Người chủ sòng bài nhìn gã một cách ngạc nhiên, “Tao lấy số tiền đó dán đầy tường nhà tao đây, đồ đàn độn ạ”. Hắn ta liếc mắt với bọn tay chân, “Đem mấy đũa chó này khuất mắt tao đi”.

Bọn vai u thịt bắp sấn tới, hai đũa nhấc bổng Leo khỏi sàn nhà trước khi Annabelle nói, “Ông nghĩ sao nếu mười phần trăm số tiền đóng thuế đó quay trở lại túi ông?”

“Tao nghĩ chuyện đó cũng hay”, Bagger đứng dậy đi đến bàn làm việc.

“Ý tôi là mười phần trăm cứ mỗi hai ngày cơ”, gã quay lại nhìn.

“Ông nghĩ sao?”, Annabelle hỏi lại.

“Khó mà tin được”. Hắn lấy từ ngăn kéo ra một đồng thép trị giá năm nghìn đôla quăng vào mặt cô ả, “Lấy tiền đi chơi thỏa thích đi. Không cần phải cảm ơn tao. Coi như quà Chúa ban tặng cho chúng mày. Đừng để cánh cửa kia đập vào mông chúng mày khi bước ra khỏi văn phòng của tao”. Hắn ra hiệu cho bọn tay chân để Leo đi. Annabelle nói tiếp, “Hãy nghĩ kỹ đi ông Bagger. Ngày mai chúng tôi quay lại để đề nghị với ông lần nữa. Cùng với các chỉ thị, chúng tôi được ra lệnh hỏi ông hai lần. Nếu ông không muốn, lão sếp tôi sẽ đi tới Broadwalk và thương lượng với một trong những đối thủ của ông”.

“Chúc may mắn nhé”.

Cô ả tự tin nói, “Chuyện này làm được ở Vegas thì cũng làm được ở đây”.

“Ừ, đúng đó. Tao ước gì chúng mày biến đi với cái gì chúng mày

đang làm”.

“Thu nhập từ cờ bạc đã qua thời ăn nên làm ra năm năm trước rồi ông Bagger à. Vậy sao bọn sòng bài ở Vegas cứ chất đồng của cái hàng tỷ đôla? Cứ như thể chúng in ra tiền vậy”. Cô ả ngừng lại, “Và thật sự là chúng in ra được tiền. Và cùng lúc có thể giúp đỡ cho đất nước nữa”.

Hắn ngồi xuống bàn làm việc và trôn trối nhìn Annabelle, lần đầu tiên với một chút gì đó quan tâm. Đó là tất cả những gì Annabelle cần vào lúc này.

“Ông có bao giờ tự hỏi tại sao không một con bạc nào ở các sòng bài Vegas bị nhân viên FBI thẩm vấn trong vòng mười năm qua không? Tôi không nói đến mấy vụ truy tố Mafia vì đó là tin cũ lắm rồi. Nhưng ông và tôi biết cái gì đang diễn ra ở đó. Như ông nói, Bộ Tư pháp nắm đầu ông rồi”, Annabelle tiếp tục, “Tôi biết một người thông minh như Jerry Bagger không tin vào may rủi cho lắm”. Cô ả đặt danh thiếp lên bàn của hắn, “Ông có thể gọi cho tôi bất kỳ lúc nào. Dân làm việc như chúng tôi không bó buộc trong giờ hành chính”. Annabelle liếc mắt nhìn mấy tay đàn em vẫn còn đứng cạnh Leo, “Chúng tôi tự đi được, cảm ơn các anh”.

Annabelle và Leo bước ra.

Khi cửa sập lại sau lưng bộ đôi, Bagger cúi kính ra lệnh, “Theo đuôi chúng nó”.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 19



nnabelle và Leo đang ở trong xe tắc-xi, ánh mắt cô ả chưa hề rời khỏi kính chiếu hậu.

“Chúng nó ở đằng sau à?”, Leo khe khẽ hỏi.

“Tất nhiên. Không thì chúng nó ở đâu bây giờ?”

“Lúc này tôi tưởng như mấy thằng lính đánh thuê đó sắp quăng tôi ra khỏi

cửa sổ vậy. Sao tôi cứ phải đóng vai tên cớm tòi bên cạnh tên cớm giỏi là cô?”

“Bởi vì anh đóng quá tốt vai một tên cớm tệ”.

Leo rùng mình, “Thằng ấy vẫn là con ác mộng đối với tôi. Cô có thấy nó bóp nát quả óc chó bằng một tay không?”

“Thôi nào, nó bắt chước phim bạo lực ấy mà”.

Xe tắc-xi đỗ xích trước khách sạn và chúng bước xuống. Annabelle đi bộ xuống phố rồi băng qua đường. Cô ta gõ cộc cộc lên kính chiếc xe Hummer đậu ở đó. Kính xe hạ xuống, bên trong là bọng tay chân

của Bagger.

Annabelle nhẹ nhàng nói, “Các anh nói với ông Bagger rằng tôi ở phòng số 1412. À, tôi đưa các anh thêm một cái danh thiếp phòng trường hợp ông ta quăng cái cũ rồi”. Annabelle quay gót trở lại chỗ Leo đứng, và cả hai cùng bước vào khách sạn. Điện thoại của cô ta rung lên. Tony gọi để xác nhận mình đã vào đúng vị trí. Cô ả đã mua cho gã một cái ống nhòm đắt tiền và kêu gã thuê phòng trong khách sạn đối diện sông bài Pompeii. Cửa sổ phòng này ngang tầm căn hộ văn phòng của Bagger.

Mười phút sau, cuộc gọi mà Annabelle mong đợi cũng đến. Cô ta ra hiệu cho Leo đang đứng bên cửa sổ. Gã ta nhanh chóng nhắn tin cho Tony bằng điện thoại hiệu Blackberry của mình.

Annabelle một tay đặt hồ trên ống nghe, tay còn lại ngoắc Leo, “Đến đây, nhanh lên”. Chuông đổ năm lần, sáu lần, bảy lần.

Đến tiếng chuông thứ chín, Leo nhận được tin nhắn trả lời và gạt đầu. Annabelle chộp lấy ống nghe. “A lô?”

“Sao mà nhận ra bọn đàn em của tao nhanh quá vậy?”, Bagger rống lên.

“Nói đến theo dõi thì... sếp của tôi không ai có thể sánh kịp, ông Bagger à. Đây chỉ là một câu hỏi của hàng nghìn tài sản trên mặt đất và một khoản tiền không hạn định”. Sự thật là cô ta biết hẳn kêu đàn em theo dõi mình nên đã quan sát chúng bằng kính chiếu hậu của tắc-xi. Trước đó ở sông bài Annabelle đã để ý thấy những tên bảo vệ Bagger đều lái xe hiệu Hummer, không khó để nhận thấy điều đó.

“Nghĩa là tao đang bị giám sát sao?”, Bagger nổi cáu.

“Tất cả chúng ta đều bị giám sát, chứ không phải chỉ có mình ông, ông Bagger à”.

“Bỏ mẹ cái đoạn “ông Bagger à” đi. Sao mà biết mấy trò lừa bịp ở sông bãi rõ quá vậy? Chúng mà nhìn ra tới hai vụ ở chỗ của tao, làm tao nghĩ rằng chúng mà xuất thân từ thế giới bịp bợm đó”.

“Tôi không nhận ra bọn chúng. Chúng tôi có ba nhóm trong sông bãi của ông ngày hôm nay, chúng tôi dùng họ ‘như’ ông để được mời đến gặp ông thôi. Những người trong nhóm này là tay bịp chuyên nghiệp ở sông bãi. Họ truyền âm cho chúng tôi và chúng tôi lặp lại cho mấy người quản lý của ông nghe. Rất đơn giản”.

“Được rồi, bỏ qua đi. Chúng mà muốn gì?”

“Tôi tưởng mình đã nói rất rõ ý định trong văn phòng của ông rồi chứ...”

Bagger ngắt ngang, “Ừ, ừ, tao biết mà nói cái gì rồi. Nhưng tao muốn biết ý mà muốn gì khi mà nói như thế”.

“Đây chẳng phải là điều tôi chuẩn bị để nói bằng điện thoại. Cục An ninh...” Annabelle nhanh nhẩu lấp liếm, “Điện thoại bàn không an toàn lắm”.

“Mày định nói Cục An ninh Quốc Gia chứ gì? Mấy thằng quỷ mà ấy tao biết hết”.

“Vớ vẩn cả sự tôn trọng, không ai biết tất cả mọi thứ về Cục An ninh Quốc Gia, ngay cả ngài Tổng thống”, cô nàng nói.

Đầu dây kia im lặng.

“Ông vẫn còn giữ máy chứ?”

Hắn nạt nộ, “Còn!”

“Ông có muốn gặp mặt ở văn phòng của mình không?”

“Không được. Tao đang ơ, tao đã ra khỏi thị trấn rồi”.

“Không phải. Ông đang ngồi trong văn phòng”. Thông tin này Tony vừa mới gửi thư điện tử cho Leo.

Đầu dây kia đột ngột cúp máy.

Annabelle đặt ống nghe xuống, nháy mắt trấn an Leo.

Gã thờ phào nhẹ nhõm, “Ta trượt quá xa rồi đấy Annie”.

Cô nàng buồn cười nói, “Anh chỉ gọi tôi là Annie khi anh thật sự rất lo lắng, Leo à”.

Gã lau mồ hôi trán và đốt một điếu Winston, “Ừ, À, có những thứ vẫn không thể thay đổi đúng không?”

Điện thoại lại đổ chuông. Annabelle bắt máy.

“Đây là địa bàn của tao”, Bagger hăm he. “Không thằng nào giám sát tao ở địa bàn của tao hết”.

Annabelle bình tĩnh, “Ông Bagger, chuyện này có vẻ làm ông khó chịu. Để đơn giản, tôi sẽ báo cáo lại rằng ông khước từ lời đề nghị thứ hai và cũng là lời đề nghị cuối cùng của chúng tôi. Như thế ông sẽ không cần phải bồn chồn nữa. Và như tôi đã nói, tôi sẽ đi liên hệ với sòng bài khác”.

“Chẳng sòng bài nào xung quanh đây tin vào câu chuyện nửa vời của chúng mày”.

“Đây không phải là một câu chuyện. Chúng tôi không mong đợi chủ sòng bài tin vào chuyện này. Vì thế chúng tôi cho họ thử. Để họ có một món tiền lớn nhanh chóng và rồi để họ tự quyết định có tham gia hay không. Dù sao họ vẫn giữ lợi nhuận mà”.

Annabelle nghe hẳn thờ nặng nhọc bên kia đầu dây.

“Bao nhiêu tiền?” hẳn hỏi.

“Ông muốn bao nhiêu?”

“Sao ‘chính phủ’ lại đề nghị kiểu thỏa thuận như thế này?”

“Có nhiều dạng ‘chính phủ’. Một phần đặc biệt không ưa ông không có nghĩa là những phần còn lại không thấy những lợi thế của ông. Chúng tôi chỉ quan tâm đến việc Bộ Tư pháp đang theo sát ông”.

“Làm sao chúng mày biết đó là lợi thế?”

“Vì ai mà tin rằng chính phủ Mỹ lại ‘làm ăn’ với ông?”, cô ả nói một cách đơn giản.

“Bọn mày có liên quan với Cục An ninh Quốc gia không?”

“Không hề”.

“Cơ quan Tình báo Trung ương?”

“Tôi sẽ trả lời ‘không’ với tất cả các câu hỏi như thế. Tôi không đeo huy hiệu hay thẻ trong trường hợp như thế này”.

“Tao có cả đồng quan chức trong tay ở Washington đấy. Tao mà gọi là biết ngay thôi”.

“Ông mà gọi thì ông cũng sẽ chẳng biết gì bởi vì các quan chức ấy không biết gì về lĩnh vực tôi đang làm đâu. Nhưng gọi xa xa nhé. Gọi cho Cơ quan Tình báo Trung ương đi. Phòng trường hợp ông không biết, tôi nói luôn: họ đặt văn phòng ở Langley, Mclean, bang Virginia. Nhiều người cứ nghĩ họ đóng đô ở quận Columbia mới chết chứ. Tin hay không tùy ông, số điện thoại của họ có trong danh bạ đấy. Ông đòi liên lạc với Ban Tình báo Trung ương. Nhưng để tiết kiệm tiền gọi điện giùm ông, họ sẽ bảo với ông rằng họ chưa hề nghe đến tên Pamela Young hay Liên hợp Quản lý Quốc tế nào hết”.

“Làm sao tao biết được rằng chúng mày đang làm cái trò lừa phỉnh tao?”

“Tôi không phải luật sư, nhưng tôi phải nói rằng nếu có chuyện lừa bịp thì vụ này rõ ràng là một cái bẫy rồi. Nếu ông muốn kiểm tra đường dây theo dõi của chúng tôi thì cứ việc thoải mái”.

Bagger nói, “Còn vụ làm thử thì sao?”

“Vài cú kích chuột trên máy vi tính thôi mà”.

“Giải thích đi”.

“Không nói trên điện thoại được. Nói trực tiếp thôi”.

Annabelle nghe gã thở dài.

“Bọn mày ăn tối không?”, hấn hỏi.

“Không”.

“Pompeii, mười phút nữa. Sẽ có người đón bọn mày ở cửa trước”.

Hấn gác máy.

Annabelle đặt ống nghe xuống và ngược nhìn Leo, “Chúng ta nhập cuộc rồi”.

“Đến lúc chiến đấu đây”, gã ta nói.

“Đến lúc chiến đấu rồi”, Annabelle đồng tình.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 20



ột giờ sau cả hai đã ăn xong bữa ăn tối tuyệt vời được đầu bếp của Bagger chuẩn bị. Bagger cầm ly rượu bourbon cùng Annabelle và Leo cầm rượu vang đến ngồi trên những chiếc ghế bọc da êm ái gần ngọn lửa ga bập bùng. Bagger đã chấp thuận lời đề nghị, kêu Annabelle và Leo kiểm tra xem có thiết bị nghe lén nào ở đây không.

“Rồi, ăn uống no say rồi, giờ nói chuyện đi”, Bagger ra lệnh. Hắn giơ một ngón tay lên, “Chúng mày làm được gì? Sau đó nói với tao về số tiền mày đã đề cập”.

Annabelle ngồi xuống, tay cầm ly rượu vang, liếc mắt nhìn Leo, “Ông có nhớ ngân hàng Iran-Contra không?”

“Không rõ lắm”.

“Có vài lần lãi suất ở Mỹ được tiêu xài tốt nhất bằng cách giúp đỡ các nước khác và một số tổ chức không được hỗ trợ thường xuyên ở Mỹ”.

“Cái gì? Chẳng hạn như đưa súng cho Osama Bin Laden để đánh Liên bang Nga hả?”, hắn cười mỉa mai.

“Thì chọn cái nào ít tội tệ hơn trong hai cái tội tệ thôi. Chuyện này xảy ra hoài”.

“Vậy chúng mày muốn làm gì với tao?”

“Chúng tôi có nhiều nguồn tiền bí mật, nhưng phải mãi mãi với đồng tiền này trước khi được sử dụng có hiệu quả”, Annabelle nhấp một ngụm rượu.

“Ý mày là chuyển tiền vào ngân hàng để che giấu gốc tích ấy hả?”, Bagger hỏi.

Cô ả mỉm cười duyên dáng, “Không, ý tôi là mãi mãi một chút”.

“Tao chẳng thấy mối liên hệ nào ở đây cả”.

“El Banco del Caribe. Ông biết ngân hàng này không?”

“Tao có cần phải biết không?”

Leo lên tiếng, “Đó không phải là chỗ ông để tiền mặt thu được từ sòng bài hả? Họ chuyên làm tiền mặt bốc hơi, dĩ nhiên phải trả công rồi. Không tính bất cứ loại thuế nào với khách hàng hết”.

Bagger gần như đứng bật dậy.

Annabelle nói, “Biết những chuyện như thế là một phần công việc của chúng tôi. Những người khác cũng được ghi chép chi tiết chứ không riêng gì ông”.

Bagger ngồi xuống, hắn nhìn cái đầu tóc chia chia của cô ả, “Mày trông chẳng giống điệp viên chút nào”.

“Vấn đề là ở đó, đúng không?”, cô ta tỏ ra thân thiện, đứng dậy đi rót thêm rượu vào ly.

“Nhưng này, làm sao tao biết chúng mày làm việc hợp pháp? Tao

gọi ai họ cũng nói chưa nghe tên mày bao giờ. Vậy sao tao biết chúng mày là ai?”

“Có tiền mua tiên cũng được”, Annabelle ngồi xuống.

“Ý mày là sao?”

“Ý tôi là xin ông cho gọi tên thủ quỹ của mình lên”.

Bagger nhìn cô ả nghi ngờ rồi nhấc điện thoại.

Một phút sau tên thủ quỹ xuất hiện. “Vâng thưa sếp?”

Annabelle lấy một mảnh giấy nhỏ trong túi quần ra và đưa cho hắn,

“Nhập số tài khoản này vào máy vi tính. Tài khoản này mở tại ngân hàng El Banco del Caribe. Đây là mật mã sử dụng một lần cùng với dãy số tài khoản. Hãy quay trở lại sau khi kiểm tra xong để báo cho ông Bagger đây biết số dư trong tài khoản”.

Bagger gật đầu. Gã đàn ông bước ra và vài phút sau quay lại.

“Sao hả?”, Bagger hấp tấp hỏi.

“Thưa sếp, ba triệu mười hai nghìn đôla và mười sáu xu”.

Bagger nhìn Annabelle trân trối, rõ ràng trong ánh mắt hắn bắt đầu có chút tôn trọng. Hắn vẫy tay cho tên thủ quỹ lui. Cửa đóng, hắn nói, “Được rồi, bọn mày có khoản tiền đáng kể đó”.

“Để giảm bớt mối nghi ngờ của những người như ông, chúng tôi cho làm ăn thử nghiệm trước”.

“Mày nói đấy nhé. Cơ chế ra sao hả?”

“Ông gửi tiền trong một tài khoản chúng tôi chỉ định ở El Banco trong hai ngày; ông lấy lãi, rồi tiền sẽ quay trở lại tài khoản của ông ở ngân hàng của ông”.

“Ta đang bàn tới bao nhiêu tiền vậy?”

“Ví dụ như một triệu đôla. Số tiền ông gửi vào sẽ nhập chung với

những quỹ khác. Hai ngày sau ông đem tiền về cộng thêm hai mươi nghìn đôla tiền lời. Ông có thể gửi tiền cứ hai ngày một nếu muốn”.

“Nhập chung? Ý mày là làm trộm mãnh đó hả?”

Annabelle nâng ly rượu lên, “Ông học nhanh thế”.

Nhưng Bagger long lên sòng sọc, “Mày muốn tao để một triệu đôla vào tài khoản mà mày chỉ định rồi đợi hai ngày để tiền lãi chảy về tài khoản của tao hả? Mày nghĩ tao ngu như thế sao?”

Annabelle ngồi xuống bên cạnh, nhẹ nhàng chạm vào tay gã, “Để tôi nói cho ông nghe, Jerry à, tôi gọi ông là Jerry nhé”.

“Tao không quan tâm”.

“Trong hai ngày tiền của ông để đó, tôi và cộng sự của mình sẽ vẫn ở khách sạn đó, và đàn em của ông sẽ canh gác chúng tôi ngày đêm. Nếu món tiền của ông không quay trở lại tài khoản của ông cùng số tiền lãi, chúng tôi đang ở trong tay ông mà. Tôi không biết về ông, nhưng tôi yêu mạng sống của mình lắm và tôi không muốn vì một món tiền mà bỏ mạng đâu”.

Hắn nhìn cô ả từ trên xuống, từ dưới lên, lắc lắc đầu, bước tới cửa sổ và nhìn qua khung cửa kính chống đạn. “Chuyện này là chuyện khủng khiếp nhất mà tao từng nghe thấy. Mà tao cũng điên khủng lắm mới ngồi nghe chúng mày kể chuyện”.

“Nhìn lại thế giới hôm nay đi, ông sẽ chẳng thấy mình điên khủng chút nào. Để bảo vệ đất nước, chúng ta phải làm nhiều việc, tất nhiên không phải việc nào cũng hoàn toàn hợp pháp hay phải phổ biến cho công chúng biết. Điều gì sẽ xảy ra nếu người dân Mỹ biết được?” Cô ả nhún vai, “Nhưng đó không phải là nhiệm vụ của tôi. Công việc của tôi là đảm bảo tiền chảy vào những chỗ cần phải đến.

Đòi lại sự giúp đỡ của ông, ông được trả thêm tiền, rất đơn giản”.

“Nhưng tiền này đều chuyển khoản điện tử mà. Sao chúng mày phải chuyển tới chuyển lui để che giấu gốc tích làm gì?”

“Dù tiền chuyển khoản cũng bị truy ra được đấy Jerry. Thật ra muốn truy ra còn dễ hơn tiền mặt nữa. Số tiền đó phải được nhập với những nguồn tiền phi chính phủ khác. Tất cả đều được tự động rửa sạch, đại loại giống như ta lau dầu tay trên súng vậy thôi. Rồi số tiền đó sẽ đến nơi nó cần phải đến”.

“Mày nói bọn bên Vegas làm vụ này rồi hả? Vậy nếu tao gọi hỏi chúng mà...”

Annabelle cắt ngang, “Họ sẽ chẳng hé môi vì họ được hướng dẫn làm thế”. Cô ả bước tới sau lưng hắn, “Jerry oi, mặt lợi là ông sẽ kiếm được món lời lớn, nhưng cũng có mặt hại đấy. Để cho công bằng, tôi phải cho ông biết luôn”.

Cô ả kéo ghế ngồi xuống ghế sofa, “Nếu ông để vụ xếp đặt này cho ai đó biết...”

Bagger cười ha hả, “Đừng dọa tao, bé con. Tao mới là người sáng tạo ra nghệ thuật dọa dẫm đấy”.

“Đâu phải dọa dẫm, Jerry”, Annabelle ôn tồn nói, mắt nhìn thẳng vào hắn. “Nếu ông hé răng với ai về vụ sắp xếp này, sẽ có người đến tìm ông dù ông trốn ở đâu. Bọn này không ngại bất cứ tay anh chị nào của ông. Chúng không bị luật pháp nước nào bó buộc hết, và chúng sẽ giết bất cứ ai quan hệ xa gần với ông, già trẻ lớn bé gì cũng không tha. Rồi chúng sẽ xử tới ông”. Annabelle để lời nói mình lắng đọng, “Tôi đã làm công việc này lâu lắm rồi, và đã làm những việc có lẽ ông cũng phải ngạc nhiên nếu biết; nhưng bọn người này

cả tôi cũng không muốn chạm mặt, dù có cả đội quân bao quanh để bảo vệ tôi. Bọn này không phải là những đứa ưu việt nhất trong số những người giỏi nhất đâu Jerry. Chúng là những đứa thối tha nhất trong những đám cận bã xã hội. Và điều cuối cùng mà ông còn có thể nhớ sẽ là nỗi đau đớn chúng để lại cho ông”.

Bagger chột gào lên, “Mấy trò đánh đập khôn kiếp này được chính phủ củachúng ta phát lương! Chẳng trách gì chính phủ bòn rút của dân nhiều tiền đến thế”. Hấn nhấp một ngụm rượu bourbon, cả Annabelle và Leo đều nhận thấy tay hấn run run. “Thế tao cần quái gì...”, Bagger bắt đầu nói tiếp.

Đoán được điều hấn sẽ nói, Annabelle cắt ngang, “Nhưng nếu tôi báo với cấp trên rằng Jerry Bagger không muốn đàm phán. Ông ta chỉ lấy món lời béo bở của mình rồi ngậm miệng. Tôi không muốn ném đao vào tường, Jerry ơi. Những người như ông là phù hợp nhất với mục đích của chúng tôi. Ông thông minh, gan dạ, giàu có, và ông không ngại mạo hiểm”. Annabelle quan sát vẻ mặt của Bagger và nói tiếp, “Tôi chẳng muốn trao cơ hội này cho bất cứ sòng bạc nào khác Jerry à. Nhưng mà nhiệm vụ của tôi rất rõ ràng”. Một phút trôi qua, hấn nhe răng cười và vỗ đùi Annabelle, “Tao yêu nước giống hệt thằng điên tiếp theo tham gia vào vụ này. Lo quái gì, tiến hành đi”.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 21



ội Camel họp khẩn ở nhà Stone tại khu nghĩa trang sáng hôm sau buổi viếng thăm nhà DeHaven. Stone giải thích cặn kẽ với Milton và Caleb chuyện xảy ra tối hôm trước.

“Có lẽ chúng đang theo dõi bọn mình”, Caleb lo sợ liếc mắt ra cửa sổ.

“Tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu chúng không theo dõi bọn mình đấy”, Stone

bình tĩnh trả lời.

Ngôi nhà nhỏ trang trí sơ sài với cái giường cũ, bàn làm việc lớn xiêu vẹo chất đầy báo chí, những kệ chất đầy sách đủ thứ tiếng - tất cả các thứ tiếng mà Stone biết nói, căn bếp nhỏ với cái bàn ăn liêu xiêu, phòng tắm nhỏ xíu và cuối cùng là mấy cái ghế chằng ra bộ nào đặt quanh lò sưởi - nguồn nhiệt chính trong nhà.

“Chuyện này không làm anh lo lắng sao?”, Milton hỏi.

“Tôi sẽ lo lắng nhiều hơn nếu chúng cố tình giết tôi, việc chúng có

thể làm dễ dàng - nhưng chúng dường như không muốn giết tôi - mặc cho Reuben có hành động dũng cảm như thế nào”.

“Rồi sao?”, Reuben hỏi. Ông đang ngồi trước lò sưởi, cố xua đi cái lạnh. Ông nhìn đồng hồ, “Đến giờ tôi phải đi làm rồi”.

Caleb đồng tình, “Tôi cũng phải đi”.

Stone nói, “Caleb, tôi có vào phòng đọc Sách Quý Hiếm của thư viện được không?”

Caleb có vẻ không chắc chắn, “À, tình hình bình thường thì có thể. Ý tôi là tôi có quyền dẫn người vào phòng đọc, nhưng tôi sẽ bị xét hỏi tại sao dẫn những người đó vào. Họ thật sự không thích nhân viên đem người thân bạn bè vào nếu không thông báo trước. Và kể từ cái chết của Jonathan, họ siết chặt hơn nữa quy định này”.

“Nếu người khách đến thăm thư viện là một học giả nước ngoài thì sao?”, Stone hỏi.

“À, tất nhiên là khác rồi. Anh biết học giả nước ngoài nào?”

Reuben chen vào, “Tôi nghĩ anh ta đang nói về mình đó, Caleb”.

Caleb nhìn Stone sững sờ. “Oliver! Tôi không thể nào tiếp tay đưa một người giả mạo vào Thư viện Quốc hội, Chúa ơi!”

“Vô vọng, Chúa không giải quyết vấn đề này đâu. Tôi cho rằng chúng ta đang ở trong tình trạng nguy hiểm vì chúng ta có liên quan đến Jonathan DeHaven. Vì thế ta cần phải biết là ông ta tự nhiên lẫn ra chết hay là bị sát hại. Việc xem xét nơi ông ta chết có thể giúp tôi phần nào xác định được nguyên nhân cái chết”.

“Tôi biết nguyên nhân cái chết rồi”, Caleb thông báo. Mọi người đều ngạc nhiên. “Tôi vừa mới biết sáng nay”, ông nhanh nhẹn nói.

“Một người bạn trong thư viện gọi cho tôi, Jonathan chết vì lên cơn

đau tim đột ngột theo kết quả giám định pháp y”.

Milton nói, “Mọi người chết vì bệnh ấy đấy. Đơn giản là chết vì tim ngừng đập”.

Stone có vẻ trầm ngâm, “Milton nói đúng. Điều đó có nghĩa là nhân viên giám định pháp y cũng không biết Dehaven thật sự chết vì nguyên nhân gì”. Ông đứng dậy và nhìn xuống Caleb, “Tôi muốn vào thư viện ngay sáng hôm nay”.

“Oliver ơi, anh không thể nào đột nhiên xuất hiện và tự nhận rằng mình là một học giả nào đó”.

“Tại sao?”

“Không thể được. Phải trải qua rất nhiều nghi thức và thủ tục phải tuân thủ”.

“Tôi sẽ nói tôi đang du lịch ở thành phố này với gia đình và rất ao ước được nhìn thấy bộ sưu tập sách vĩ đại nhất thế giới, một quyết định bất ngờ vậy thôi”.

“Có thể”, Caleb miễn cưỡng chấp nhận. “Nhưng lỡ họ hỏi anh câu hỏi gì đó mà anh không biết trả lời thì sao?”

“Chẳng có vai nào dễ diễn xuất hơn vai học giả đâu, Caleb”, Stone trấn an. Caleb cảm thấy mình bị xúc phạm vì lời nhận định này, nhưng Stone phớt lờ sự khó chịu của bạn mình và nói thêm, “Tôi sẽ có mặt ở thư viện lúc 11 giờ”. Ông viết gì đó vào miếng giấy nhỏ và đưa cho Caleb, “Thông tin về vai diễn của tôi đây”.

Caleb đưa mắt đọc rồi nhìn lên một cách ngạc nhiên.

Sự việc này kết thúc buổi họp của Hội Camel mặc dù Sotne kéo Milton ra một chỗ và âm thầm nói chuyện với Milton.



Vài giờ sau tại thư viện Caleb đang trao sách cho Norman Janklow, một ông lão thường đến phòng đọc sách.

“Sách đây, ông Norman”, anh đưa ông cuốn *Giã từ vũ khí* của Ernest Hemingway. Janklow là một độc giả cuồng nhiệt của Hemingway. Cuốn tiểu thuyết ông cầm trên tay là ấn bản đầu tiên, phía trong có lời đề tặng của Hemingway.

“Tôi khao khát sở hữu cuốn sách này, Caleb à”, ông Janklow nói.

“Tôi biết chứ ông Norman, tôi cũng vậy”. Ấn bản đầu tiên được Hemingway ký tặng rao bán với giá ba mươi lăm nghìn đôla, Caleb biết số tiền này vượt quá khả năng tài chính của mình và có lẽ của ông Janklow nữa. “Nhưng ít nhất ông vẫn có thể cầm nó trên tay”.

“Tôi đang chuẩn bị viết tiểu sử của Hemingway đây”.

“Tuyệt quá”. Sự thật là ông Janklow đang chuẩn bị viết tiểu sử Hemingway gần được hai năm rồi. Tuy nhiên ý nghĩ này làm ông hạnh phúc, và Caleb thì sẵn lòng phụ họa với ông ấy.

Ông Janklow cẩn thận chạm vào tập sách. “Họ sửa lại bìa rồi”, ông cúi kính.

“Đúng vậy. Nhiều tuyệt tác của văn học Mỹ ấn bản đầu tiên được lưu trữ trong những điều kiện không tốt trước khi phòng Sách Quý ra đời. Chúng tôi đã giải quyết hàng chông sách ứ đọng nhiều năm liền. Quyển sách ông đang cầm đã quá hạn lưu trữ rất lâu rồi, có thể do lỗi hành chính. Chuyện này xảy ra khi ông có gần cả nghìn cuốn

sách dưới một mái nhà”.

“Tôi ước gì họ giữ sách quý nguyên vẹn như hình hài chúng ngày xưa”.

“Mục đích chính của chúng tôi là bảo quản sách. Thế nên ông mới có cuốn sách này để thưởng thức, bởi vì nó đã được chúng tôi bảo quản nhiều năm”.

“Đã có lần tôi gặp Hemingway”.

“Tôi nhớ ông có nói với tôi rồi”. Hơn một trăm lần rồi.

“Ông ta thật vĩ đại. Chúng tôi đã uống rượu cùng với nhau trong một quán cà phê ở Cuba”.

“Được rồi, tôi nhớ rất kỹ câu chuyện này. Tôi xin phép để ông bắt đầu nghiên cứu”.

Ông Janklow đeo kính vào, lôi ra mấy tờ giấy, viết chì và đắm chìm vào thế giới phiêu lưu lạ kỳ mà Ernest Hemingway tưởng tượng ra và viết thành những áng văn xuôi.

Đúng 11 giờ, Oliver Stone hiện diện ở phòng đọc Sách Quý Hiếm trong bộ vét ba mảnh, tay cầm ba-toong. Mái tóc bạc trắng chải gọn gàng, bộ râu cũng được tỉa tót gọn ghẽ cùng với cặp kính đen làm cho mắt của ông trông cứ như mắt con bọ. Về ngoài cùng với dáng đi khom khom làm ông già đi hai mươi tuổi so với tuổi thật của mình. Caleb bước ra khỏi bàn làm việc ở cuối phòng, gần như không nhận ra người bạn của mình.

Khi người phục vụ thư viện bước đến bên Stone, Caleb vội vã nói, “Tôi sẽ tiếp đón ông ấy, Dorothy à... Tôi có quen biết quý ông này”.

Stone trau chuốt cho vai diễn của mình bằng cách chia ra một tấm

danh thiếp màu trắng, “Tôi đến để tham quan thư viện như đã hứa, thưa ông Shaw”. Ông nói tiếng Anh đặc sệt giọng Đức.

Thấy Dorothy, người tiếp tân, nhìn ông tò mò, Caleb nói, “Đây là Giáo sư Aust. Chúng tôi quen nhau một năm trước tại hội thảo sách ở... Frankfurt, phải vậy không thưa ông?”

“Không, ở Mainz”, Stone chỉnh lại. “Tôi nhớ rất rõ, bởi vì đó là mùa măng tây trắng Spargel. Và tôi luôn đến hội thảo ở Mainz để thưởng thức loại măng tây trắng đấy”. Ông nở nụ cười toe toét với Dorothy, cô ta mỉm cười rồi quay trở lại làm việc.

Một người đàn ông khác bước vào phòng đọc và ngừng lại, “Caleb, tôi muốn nói chuyện với anh một chút”.

Caleb hơi tái mặt, “Ồ, chào Kevin. Kevin đây là, ơ..., Giáo sư Aust đến từ Đức. Ông Aust, đây là Kevin Philips, quyền giám đốc Bộ phận Sách Quý. Sau khi Jonathan...”.

“À, vâng, cái chết bất ngờ của ông DeHaven”, Stone xem ngang. “Rất đáng tiếc. Rất đáng tiếc”.

“Ông cũng biết Jonathan à?”, Kevin hỏi.

“Chỉ nghe danh tiếng của ông ấy thôi. Tôi nghĩ rõ ràng là bài phân tích về James Logan với bản dịch tác phẩm Những vần thơ luân lý của nhà thơ Cato là những dòng văn cuối cùng của ông ta”.

Philips có vẻ hơi hổ thẹn, “Tôi phải thừa nhận rằng mình chưa đọc bài viết ấy”.

“Bài phân tích về bản dịch đầu tiên của Logan được viết từ Bắc Mỹ, rất đáng nghiên cứu, thưa ông”, Stone chân thành khuyên. Philips nói, “Chắc chắn tôi sẽ đọc bài viết này. Thật trớ trêu là thỉnh thoảng các thủ thư cũng có nhiều thời gian để đọc sách”.

“Vậy tôi sẽ không dám phiền ông đọc thêm mấy cuốn sách của tôi nữa”, Stone mỉm cười. “Dù sao chúng cũng được viết bằng tiếng Đức”, ông cười tủm tỉm.

“Tôi đã mời Giáo sư Aust đến tham quan thư viện trong khoảng thời gian ông thăm thú ở đây”, Caleb giải thích. “Một ý định bất chợt thôi”.

“Tất nhiên chúng tôi rất lấy làm vinh dự được đón tiếp ông”, Phillips nói, sau đó hạ thấp giọng: “Caleb, anh có nghe báo cáo về cái chết của Jonathan chưa?”

“Vâng, tôi có nghe”.

“Vậy có nghĩa là ông ta bị đau tim đúng không?”

Caleb nhìn Stone, người đang nằm ngoài tầm nhìn của Kevin và gật đầu.

“Vâng, tôi nghĩ chính xác là thế”.

Phillips lắc đầu, “Chúa ơi, ông ta trẻ hơn tôi. Tim ngừng đập, đúng không?”. Ông quyền giám đốc nhìn về phía Stone, “Giáo sư Aust, ông có muốn tôi dẫn ông tham quan không?”

Stone cười, chống người nặng nề lên cây ba-toong của mình,

“Không, thưa ông Philips, tôi lại muốn ông dành thời gian đó để đọc bài biết về Những vần thơ luân lý của bạn ông”.

Phillips cười, “Thật thú vị khi thấy những học giả lỗi lạc vẫn còn giữ được khiếu hài hước như thế”.

“Tôi sẽ cố gắng, thưa ông”, Stone cúi thấp người để chào.

Sau khi Philips bước ra, Caleb và Stone đi vào kho sách.

“Sao anh biết Jonathan có một bài nghiên cứu đó?”, Caleb hỏi khi chỉ còn hai người với nhau.

“Tôi bảo Milton tìm trên mạng. Anh ta kiếm được trên internet và gửi cho tôi một bản sách. Tôi đọc qua bài viết đó phòng trường hợp có ai đó như Philips xuất hiện, để chứng tỏ mình là học giả thật ấy mà”. Thấy Caleb có vẻ hơi khó chịu, Stone hỏi, “Sao thế?”

“À, chỉ là cảm thấy lòng tự trọng bị tổn thương đôi chút khi thấy sao mà đóng vai một học giả lại dễ dàng đến thế”.

“Tôi chắc chắn sự xác nhận của anh về học vị của tôi khiến cho sếp của anh nghĩ tôi đúng là một giáo sư”.

Caleb tươi tỉnh lên, “Tôi chắc là mình đã góp phần vào thành công này”. Ông nói nhún nhùng.

“Được rồi, diễn lại chính xác những gì anh thấy vào ngày hôm đó đi”.

Caleb thuật lại khi ông lên tầng cao nhất. Ông chỉ vào một vị trí, “Xác ông ta ở đó”. Caleb rùng mình, “Chúa ơi, rất khủng khiếp anh ạ”.

Stone quan sát xung quanh cẩn thận và chỉ vào thứ gì đó trên tường. “Cái gì vậy?”

Caleb nhìn lên, “Ồ, vòi phun dập lửa đấy”.

“Các anh sử dụng nước để dập lửa trong kho sách à?”

“Không, đó là hệ thống khí Halon 1301”.

“Halon 1301 ư?”, Stone hỏi.

“Là một loại khí gas, dù thật ra nó là chất lỏng. Nhưng khi chất lỏng này bắn ra khỏi vòi, nó biến thành khí gas để dập lửa mà không tổn hại đến sách”.

Stone phấn chấn hẳn lên, “Dập lửa bằng khí gas! Lạy Chúa! Caleb ơi, anh không thấy gì sao?”

Điều Stone đang đề cập đến bỗng nhiên rõ ràng hơn với Caleb, “Ý anh là Jonathan bị ngạt khí gas ư? Không thể nào, Oliver à. Đó không thể là nguyên nhân cái chết của Jonathan được”.

“Tại sao lại không thể?”

“Bởi vì một người có vài phút chạy ra khỏi phòng trước khi bắt đầu cảm nhận được khí gas phun ra. Đó là lý do tại sao người ta sử dụng Halon ở những nơi có nhiều người lui tới. Trước khi khí gas phun ra, còi báo động sẽ vang lên inh ỏi. Thật ra chúng tôi đang thay hệ thống nhưng chẳng phải vì nó gây nguy hiểm”.

“Thế tại sao phải thay?”

“Halon ảnh hưởng đáng kể đến tầng ô-zôn. Thật sự mà nói, trong khi Halon vẫn được sử dụng và tái chế, nước Mỹ đã cấm sản xuất Halon 1302 kể từ giữa thập niên 90 rồi - mặc dù chính quyền liên bang vẫn còn sử dụng chất này nhiều nhất trên thế giới”.

“Anh biết rõ về Halon nhỉ?”

“Ày, tất cả nhân viên đều được huấn luyện kỹ càng về hệ thống này ngay sau khi nó được lắp đặt. Và tôi tự tìm hiểu thêm về đề tài này thôi”.

“Tại sao?”

Ông thốt ra, “Bởi vì tôi vào kho sách này thường xuyên, và tôi chẳng muốn chết thê thảm. Anh biết là tôi nhát như cáy mà”.

Stone xem xét cái vòi phun, “Khí gas được trữ ở đâu?”

“Đâu đó dưới tầng hầm của tòa nhà, rồi gas sẽ được bơm lên đây”.

“Anh nói nó được trữ dưới dạng lỏng rồi hóa thành khí ga sau khi phun ra ngoài?”

“Đúng vậy. Nhờ tốc độ mà chất lỏng được đẩy ra khỏi vòi biến

thành gas”.

“Chắc khí ga phải lạnh lắm nhỉ?”

“Nếu anh đứng trước vòi phun, anh sẽ chết cồng”.

“Còn gì nữa không?”

“Nếu anh ở trong phòng quá lâu, anh sẽ bị ngạt thở. Nguyên tắc sống còn là: Nếu không có đủ ôxy để ngọn lửa tiếp tục cháy thì cũng không có đủ ôxy để thở”.

“Khí gas này có thể gây đau tim không?”

“Tôi không biết, nhưng đây có quan trọng. Hệ thống này chưa bao giờ bất thành linh kích hoạt. Cả tòa nhà có thể nghe thấy tiếng còi báo động. Jonathan chỉ không nghe được nó khi ông ta đã chết rồi”.

“Nếu còi báo động bị cắt thì sao?”

“Ai làm điều đó nhỉ?”, Caleb hoài nghi.

“Tôi không biết”.

Vừa nói, Stone vừa nhìn công-tơ lớn gắn vào trụ đỡ kệ sách, “Có phải là ống thông hơi của hệ thống HVAC không?”. Caleb gật đầu, “Cái gì đó rớt lên công-tơ đó”, Stone nói, chỉ vào hai cái vít ống thông hơi bị bẻ cong.

“Chuyện này xảy ra khi người ta đem xe sách vào ra ấy mà”.

Stone nói, “Tôi sẽ nói Milton nghiên cứu về hệ thống Halon để xem còn gì nữa không. Reuben cũng có vài người bạn ở Phòng Điều tra D.C. và FBI từ thời còn làm tình báo quân sự. Tôi đã nhờ Reuben gọi cho họ để hỏi thăm về vụ điều tra”.

“Chúng ta có cuộc hẹn với ông Vincent Pearl chiều nay ở nhà Jonathan mà. Vì những tình tiết mới này, anh nghĩ chúng ta có nên hoãn lại cuộc họp không?”

Stone lắc đầu, “Không, mấy tên theo dõi chúng ta có thể tìm chúng ta bất cứ nơi đâu, Caleb à? Nếu ta gặp nguy hiểm, tôi thà cố gắng tự mình tìm ra sự thật còn hơn ngồi chờ nguy hiểm rớt xuống đầu”.
Lúc họ rời khỏi kho sách, Caleb lầm bầm, “Sao hồi đó tôi không tham gia một câu lạc bộ sách nào đó tuy nhằm chán mà nhẹ nhàng nhỉ?”



Chú thích

1.HVAC: hệ thống đốt nóng, tản nhiệt, và điều hòa nhiệt độ.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 22



ôi đó tất cả cùng đến nhà DeHaven trên chiếc Nova của Caleb. Milton đã tìm ra nhiều thông tin về các hệ thống dập lửa. Ông báo cáo: Halon 1301 là chất không màu, không mùi, dập lửa bằng cách ngắt ngang quá trình đốt cháy, bao gồm việc giảm lượng ôxy. Khí gas nhanh chóng bốc hơi và không để lại bất cứ thứ gì. Khi hệ thống kích

hoạt, khí gas phụt ra chỉ trong vòng mười giây.

“Chất này có gây chết người không?”, Stone hỏi.

“Tùy thuộc thời gian anh còn loanh quanh ở nơi có khí gas và tùy thuộc vào độ đậm đặc của khí gas ở khu vực đó mới xác định được việc anh có bị ngạt thở hay không. Khí gas này còn có thể gây đau tim”.

Stone nhìn Caleb với vẻ đắc thắng.

“Nhưng kết quả giải phẫu tử thi cho biết ông ta bị ngưng tim phổi”.

Milton nhắc Stone. “Nếu ông ta bị đau tim đột ngột, nguyên nhân

cái chết phải được ghi là ‘nhồi máu cơ tim’ mới đúng. Đau tim hoặc đột quy để lại dấu hiệu rất rõ ràng. Người giám định pháp y không thể nào bỏ lỡ chi tiết đó được”.

Stone gật đầu, “Được rồi. Nhưng cũng có thể là ngạt thở, như anh đã nói”.

“Tôi không nghĩ thế sau khi đã nói chuyện với Caleb trước đó”, Milton nói.

“Tôi xem lại hệ thống Halon của thư viện rồi”, Caleb giải thích.

“Nó là loại hệ thống NOAEL. Có nghĩa là ‘Không ảnh hưởng có hại’, là tiêu chuẩn sử dụng trong chữa cháy. Nó liên quan đến mức độ nhạy cảm của tim ở một nơi đặc biệt có nồng độ khí ga đủ để dập tắt lửa. Điểm mấu chốt là: với loại hệ thống này, anh có rất nhiều thời gian để thoát khỏi nơi đó trước khi bị ảnh hưởng. Và mặc dù còi báo động có bị ngắt vì lý do nào đó thì Jonathan vẫn nghe được tiếng còi nếu khí ga đã phun ra khỏi vòi. Không có chuyện chất Halon này làm ông ta yếu sức nên không chạy thoát khỏi kho sách được”.

“Vậy có lẽ giả thuyết của tôi về cái chết của ông ta không đúng rồi”, Stone thừa nhận. Ông nhìn ra phía trước. Họ vừa đến đường Good Fellow.

“Có phải Vincent Pearl ở đằng kia không?”, ông hỏi.

Caleb gật đầu và nói một cách khó chịu, “Ông ta đến sớm, có lẽ háo hức muốn chứng minh tôi hoàn toàn sai lầm về cuốn Thánh ca của Kinh Cựu ước đây”.

Reuben cười khẩy, “Tôi thấy ông ta bỏ áo choàng ở nhà rồi”.

“Mở to mắt ra nhìn đi các anh”, Stone cảnh báo khi họ bước xuống

xe. “Chắc chắn chúng ta đang bị theo dõi”.

Đúng như lời Stone nói, vẫn cặp ống nhòm từ cửa sổ đối diện nhà Jonathan đang chĩa vào nhóm Hội Camel khi họ gặp ông Pearl và bước vào trong nhà. Người theo dõi cũng chụp vài bức ảnh.

Khi đã ở trong nhà, Stone đề nghị người buôn sách quý hiếm xuống kho sách với Caleb. “Chỗ ấy chẳng rộng lớn gì cho cam, nên chỉ cần hai chuyên gia xuống đó là đủ rồi. Chúng tôi sẽ đợi ở tầng trệt”, Stone giải thích.

Caleb nhìn Stone không vui, không còn nghi ngờ việc để một mình Caleb đi với Pearl. Về phần mình, Pearl nhìn Stone hoài nghi một chút rồi nhún vai, “Tôi đoán sẽ mất nhiều thời gian để chứng minh rằng đó chẳng phải là cuốn Thánh căn bản đầu tiên”.

“Cứ từ từ nhé”, Stone nói với theo khi hai người bước vào thang máy.

“Đừng để mấy con mọt sách cắn đây”, Reuben nói thêm.

Cửa đóng, Stone nói, “Được rồi, nhanh lên, lục lợi chỗ này đi”.

“Sao ta không chờ cho tới khi Pearl đi về?”, Milton hỏi. “Rồi ta cứ từ từ, Caleb có thể giúp ta tìm kiếm”.

“Tôi không lo về Pearl. Tôi không muốn Caleb biết vì chắc chắn anh ta sẽ phản đối”.

Họ chia ra, ba mươi phút sau đã lục soát gần hết căn nhà.

Stone thất vọng, “Không có gì hết. Không nhật ký, không thư từ”.

“Tôi tìm thấy cái này trong tủ quần áo ở phòng ngủ của ông ta”, Reuben nói, chìa ra khung ảnh nhỏ chụp một người đàn ông và một người phụ nữ. “Và đây là DeHaven. Tôi nhận ra ông ta nhờ bức

hình trên báo”.

Stone nhìn trân trân vào bức ảnh và lật ra mặt sau, “Không có ghi chú hay ngày tháng gì hết. Nhưng nhìn về ngoài của DeHaven, có thể thấy rằng bức hình này đã chụp rất lâu rồi”.

Milton nói, “Caleb bảo với chúng ta rằng người luật sư có đề cập DeHaven đã kết hôn một lần. Tôi tự hỏi người phụ nữ trong ảnh có phải là vợ cũ của anh ta không?”

“Nếu đúng là vợ cũ thì ông ta thật may mắn”, Reuben bình luận.

“Và họ trông rất hạnh phúc, có nghĩa là mới cưới thôi. Mọi thứ đều thay đổi theo thời gian, tin tôi đi”.

Stone nhét bức ảnh vào túi quần, “Giờ ta phải dựa vào bức hình này thôi”. Ông dừng lại và nhìn lên, “Căn nhà này có mái thẳng dốc xuống”.

“Vậy thì sao?”, Reuben hỏi.

“Thì những căn nhà có mái thẳng dốc trong khu vực dân cư này thường có gác”.

Milton nói, “Tôi đâu thấy căn gác nào trên tầng đâu”.

“Anh sẽ không thấy nếu lồi vào bị che đi”, Stone đáp lời.

Reuben nhìn đồng hồ, “Sao mấy người đam mê hoạt động trí não đó lâu thế? Anh nghĩ họ có đang đấu đá với nhau không?”

“Tôi không thật sự nghĩ hai người đó ném mấy cuốn ấn bản đầu tiên vào mặt nhau”, Milton nói.

“Dù họ có đang làm gì, mong là họ cứ làm lâu lâu một chút”, Stone nói. “Milton, anh ở đây trông chừng nhé, gọi chúng tôi xuống nếu có chuyện gì xảy ra”.

Stone mất vài phút để tìm ra lối vào căn gác phía sau giá treo quần

áo trong tủ áo của DeHaven. Lôi vào bị khóa, nhưng Stone có đem theo chìa khóa vạn năng và kim cộng lực, cuối cùng ổ khóa cũng phải chịu thua ông ta.

“Chắc sau này họ đã để thêm tủ áo”, Reuben nói.

Stone đồng tình, “Loại tủ áo đủ to để bước vào như thế này không phổ biến lắm vào thế kỷ thứ 19”.

Họ bước lên cầu thang. Trên đường lên, Stone bật công tắc đèn, ánh sáng yếu ớt rọi vào cầu thang. Đến cuối cầu thang họ thấy một không gian rộng lớn. Nơi này có vẻ như không có gì thay đổi kể từ ngày căn nhà được xây lên. Có vài thùng giấy và va-li cũ kĩ, nhìn sơ cũng thấy căn gác chỉ toàn đồ vứt đi.

Reuben nhìn thấy cái vật đó trước tiên, đặt phía trước một khung cửa sổ hình bán nguyệt, “Sao lại có kính viễn vọng ở đây?”

“Anh sẽ không đặt kính viễn vọng dưới nhà kho chứ hả?”

Reuben nhìn vào kính, “Chúa ơi!”.

“Gì thế?”, Stone la lên.

“Nó hướng vào căn nhà kế bên”.

“Nhà ai vậy?”

“Làm sao tôi...”, Reuben dừng lại và điều chỉnh ông kính. “Khốn kiếp!”

“Gì vậy? Để tôi xem nào”.

“Chờ chút, Oliver”, Reuben nói, “Để tôi quan sát một chút coi”.

Stone chờ rồi đẩy bạn mình qua một bên. Lau cặp kính cho sạch, ông ghé mắt vào nhìn xuyên qua cửa sổ nhà bên cạnh. Rèm cửa đã được thả xuống, nhưng phía trên cửa sổ còn nửa vòng tròn bằng kính. Chỉ có thể nhìn vào phòng của nhà bên kia từ nơi cao như thế

này. Giờ Stone đã thấy cái thu hút sự chú ý của Reuben. Đó là phòng ngủ. Cornelius Behan ngồi trần như nhộng trên chiếc giường bốn cột trong khi một cô gái cao và xinh đẹp với nước da ngăm đen đang từ từ cởi bỏ quần áo để trêu chọc gã. Chiếc đầm đã rơi xuống sàn nhà bóng láng.

“Nhanh lên Oliver, đến lượt tôi”, Reuben lớn tiếng, tay lắc vai Oliver. Oliver cứ đứng ì ra. “Này, chẳng công bằng chút nào. Tôi thấy cái kính viễn vọng trước đây”, Reuben phản đối.

Stone tiếp tục theo dõi, rồi tất cả cũng tuột xuống khỏi đôi chân thon dài của cô gái. Cô ả bước ra, quăng cái quần cho Behan; gã nhanh chóng chụp lấy. Cô ta cười lớn, ôm cái cột giường và bắt đầu màn múa cột bốc lửa, y như các vũ công chuyên nghiệp. Khi cô ta cởi bỏ đôi giày và bước về phía gã Behan đang háo hức chờ đợi, Stone trả kính lại cho anh bạn của mình, “Tôi đã thấy hình bà Behan trên báo. Không phải cô ả này”.

Reuben chỉnh lại kính, “Khốn kiếp, anh làm lệch tiêu điểm rồi”, ông ta cần nhìn.

“Anh làm mờ kính thì có”.

Reuben xem tiếp, “Một thằng đàn ông nhỏ thó, thô kệch ở cùng một cô gái xinh đẹp thế kia, sao chuyện vợ vãn này có thể xảy ra được nhỉ?”

“Ồ, tôi có thể cho anh một tỷ lý do”, Stone trầm ngâm. “VẬY DeHaven là một gã xem trộm người khác”.

“Khi thật, sao anh đổ lỗi cho ông ta được?”, Reuben ca thán. “Ồ, có vẻ như đau đốn nhỉ. Rồi, được rồi. Nhưng có vẻ tệ hơn... Chà, gã cũng mềm dẻo gớm. Giờ chân ở đằng đâu”.

Stone nghe ngóng, “Gì thế kia?”

Reuben bận rộn tường thuật hai vai diễn bốc lửa bên kia nên không thể trả lời, “Rồi, hai người họ đang nằm dưới sàn”.

“Reuben, Milton gọi chúng ta xuống kia. Có lẽ Caleb và Pearl đã lên tầng trệt rồi”.

Reuben không thêm nhúc nhích. “Gì mà phiền vậy? Tôi chưa thấy trò này ở nhà thổ bao giờ”.

“Reuben, nhanh lên!”.

“Trông cô ta khiêu khích quá!”

Stone nắm Reuben kéo ra cửa, “Ngay lập tức!”

Bị Stone đẩy xuống cầu thang, Reuben cầu nhàu liên tục. Lúc họ xuống đến tầng trệt cũng là lúc Caleb và Pearl bước ra khỏi thang máy.

Milton liếc Stone và Reuben muốn tóe lửa, chứng tỏ là họ đã xuống vừa đúng lúc; người buôn sách quý có vẻ sững sờ còn Caleb thì đắc thắng.

“Tôi biết đây là cú sốc đối với ông”, Caleb nói, vỗ vỗ vào vai Pearl.

“Nhưng tôi đã nói với ông rằng nó là bản gốc mà”.

“Vậy nó là ấn bản 1640 đúng không?” Stone hỏi.

Pearl chỉ im thít và gật đầu, “Và tôi đã cầm nó, bằng đôi tay này, tôi đã cầm nó”. Ông ta ngồi xuống ghế, “Lúc này tôi gần như muốn xỉu ở dưới ấy. Ông Shaw đây đã phải lên lấy nước cho tôi”.

“Tất cả chúng ta đều mắc sai lầm trong đời”, Caleb nói với giọng cảm thông nhưng nụ cười toe toét đã phản bội ông ta.

“Sáng nay tôi đã gọi cho các thư viện có lưu trữ quyển Thánh ca”, Pearl nói. “Đại học Yale, Thư viện Quốc hội, Nhà thờ Old South ở

Boston, tất cả. Họ khẳng định rằng quyền Thánh của họ vẫn nguyên vẹn”. Ông ta lấy khăn tay lau mặt.

Caleb tiếp tục câu chuyện, “Chúng tôi đã xem xét quyền sách ở mọi khía cạnh xác thực. Thế nên chúng tôi mất nhiều thời gian đến thế”. “Tôi đã đoán chắc rằng nó là một bản sao chép giả mạo”, Pearl thừa nhận. “Nhưng mặc dù chúng tôi kiểm tra cả cuốn sách thật kỹ càng, tôi biết ngay từ lúc lật giở những trang sách đầu tiên - nó là một cuốn Thánh cathật. Thấy rõ nhất là chữ in không đều. Có mấy chỗ chữ in mỏng mực, có chỗ lại vẩy mực. Ở những ấn bản đầu tiên anh luôn thấy dấu hiệu mực bị khô đi đóng lại giữa các chữ cái, làm cho chữ in rất khó đọc. Trước đó không có quy tắc lau chùi các khuôn bản chữ cái trước khi in ấn. Những điểm khác mà chúng tôi trông đợi được thấy, hay nói chính xác hơn là phải có trong ấn bản đầu tiên, đều có ở quyền Thánh này. Tất cả đều có trong quyền Thánh này”. Ông ta lặp lại.

“Dĩ nhiên rồi, những điểm xác thực vừa đề cập sẽ phải được một nhóm chuyên gia khẳng định lại bằng phân tích văn phong, lịch sử và khoa học nữa”, Caleb nói.

“Chính xác”, Pearl đồng ý. “Dù tôi thật lòng tin vào câu trả lời là gì rồi”.

Stone nói, “Vậy là có bản sách thứ mười hai của quyền Thánh này?”

“Đúng thế”, Pearl khẳng định, “Và Jonathan Dehaven là chủ sở hữu của bản thứ mười hai này”. Ông ta gật đầu. “Tôi không thể tin rằng ông ta chưa hề nói với tôi điều này. Rằng ông ta có một trong những quyền sách quý hiếm nhất thế giới, một quyền sách mà vài

nhà sưu tập vĩ đại nhất mọi thời đại chưa hề có thể sở hữu. Mà ông ta giữ bí mật. Tại sao?”. Ông bắt lực nhìn Caleb, “Tại sao vậy, Shaw?”.

“Tôi không biết”, Caleb thừa nhận.

“Thế cái bản sách đó trị giá bao nhiêu?”, Reuben hỏi.

“Trị giá ư?”, Pearl kêu lên, “Trị giá? Nó vô giá!”

“À, nếu ông rao bán thì sẽ có người đặt giá thôi”.

Pearl đứng dậy và rảo bước, “Giá sẽ là giá cao nhất mà người ta trả tại cuộc đấu giá. Và có thể là hàng nghìn triệu đôla. Có vài nhà sưu tập và các viện sách đầy ắp tiền lúc này, nên họ sẽ rất quan tâm đến quyểnThánh canày. Chưa hề có một quyểnThánh canào trên thị trường hơn sáu thập kỷ rồi. Đây sẽ là cơ hội cuối cùng cho những ai muốn có nó trong bộ sưu tập của mình”. Ông ta dừng lại nhìn Caleb, “Và tôi rất vinh dự nếu được sắp xếp buổi đấu giá. Tôi có thể liên kết với hai nhà đấu giá Sotheby và Christie để tổ chức”. Caleb thở hắt ra, “Chuyện này rất quan trọng, ông Pearl à. Xin hãy để tôi suy nghĩ cẩn thận một vài ngày rồi tôi sẽ gọi cho ông”.

Pearl có vẻ thất vọng nhưng vẫn cố nở nụ cười, “Tôi sẽ rất nóng lòng chờ cuộc gọi của anh”.

Sau khi Pearl rời khỏi nhà DeHaven, Stone nói, “Caleb, trong khi anh ở dưới kho sách, chúng tôi đã lục lạo căn nhà này”.

“Anh nói sao?”, Caleb kêu lên, “Oliver, thật là quá đáng. Tôi chỉ được phép vào nhà với tư cách là người ủy quyền thư viện của Jonathan thôi. Tôi đâu có quyền sấm soi đồ đạc của ông ấy, và các anh càng không”.

“Nói cho anh ta nghe về cái kính viễn vọng đi”, Reuben xúi giục với

cái nhìn chạnh chọi.

Stone kể cho Caleb nghe, và thay vào cơn giận dữ của Caleb là sự ngạc nhiên. Ông nói, “Jonathan xem người khác mua vui ư. Kinh tởm quá”.

“Không, không hẳn thế”, Reuben trả lời chân thật. “Thật sự thì việc nhìn lên này rất là kích thích đấy chứ. Anh có muốn lên xem với tôi không?”

“Không, Reuben!”, Stone gằn giọng. Rồi ông đưa cho Caleb xem bức ảnh chụp người phụ nữ trẻ và DeHaven.

“Nếu cô ấy là vợ cũ của Jonathan, vậy hôn nhân này có trước khi tôi quen biết ông ấy rồi”, Caleb thổ lộ.

“Nếu ông ta còn giữ bức ảnh, có lẽ ông ta vẫn còn giữ liên lạc với cô ấy”, Milton đề xuất.

Stone nói, “Nếu vậy, có lẽ ta cần phải tìm cô ấy thôi”. Ông nhìn vào cuốn sách Caleb đang cầm, “Cái gì thế?”

“Đó là quyển sách trong bộ sưu tập của Jonathan, cần phải sửa chữa lại, vì chẳng biết sao mà nó bị thấm nước. Tôi sẽ đem đến bộ phận bảo tồn của thư viện. Chúng tôi có những người giỏi nhất thế giới về lĩnh vực này. Một trong số họ làm nghề tự do bên ngoài. Tôi chắc chắn anh ta có thể sửa chữa cuốn này được”.

Stone cảnh báo, “Jonathan DeHaven có quyển sách quý hiếm nhất thế giới mà hoàn toàn không thể giải thích được. Ông ta theo dõi tên buôn vũ khí ngoại tình và có thể đã thấy được điều gì đó nữa ngoài chuyện chơi bời của gã hàng xóm. Và không ai biết ông ta chết như thế nào”. Ông nhìn những người bạn của mình, “Tôi nghĩ chúng ta có việc để làm rồi đấy”.

“Nhưng tại sao chúng ta phải làm?”, Reuben hỏi.

Stone nhìn Reuben, “Jonathan DeHaven có thể đã bị ám sát. Ai đó theo dõi chúng ta. Caleb làm việc ở thư viện, và anh ta được chỉ định làm người ủy quyền thư viện của DeHaven. Nếu Cornelius Behan có dính líu đến cái chết của DeHaven, hiện thời có lẽ gã nghi ngờ Caleb biết chuyện gì đó. Điều này có thể đẩy Caleb vào tình thế nguy hiểm. Cho nên chúng ta phải tìm ra sự thật càng nhanh càng tốt”.

“Tuyệt quá”, Caleb châm biếm. “Tôi chỉ hy vọng mình có thể sống qua khoảng thời gian này”.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 23



ác anh sẽ nhận được thư điện tử từ người của chúng tôi”, Annabelle nói khi đang ngồi trong trung tâm điều hành của sòng bài Pompeii cùng với vài tên đàn em của Bagger, “Khi mở thư, các anh sẽ thấy trong đó có đầy đủ hướng dẫn chi tiết”.

Một gã lên tiếng, “Chúng tôi không thích mở những thư điện tử mà không

biết chúng đến từ đâu”.

Annabelle gật đầu, “Quét thư bằng máy phần mềm diệt virus của các anh. Tôi chắc rằng các anh có những máy vi tính tối tân”.

“Tất nhiên chúng tôi có”, gã ấy tự tin trả lời.

“Vậy thì nghe theo lời cô gái và quét virus cẩn thận đi”, Bagger thiếu kiên nhẫn.

Leo ngồi ở góc phòng, ánh mắt nhìn vào tên điều khiển máy tính. Công việc của gã là để ý bất cứ sự nghi ngờ hay lo lắng trong mắt bọn đàn em của Bagger trong khi Annabelle đang diễn bài văn của

mình. Không có liên quan gì đến chuyện cô ấy mặc một chiếc váy rất ngắn, không vớ da, và chiếc áo kiểu mở bung hai nút. Mọi gã đàn ông trong phòng đang theo dõi từng cử động của đôi chân và phía trên hờ hang của Annabelle. Và nếu mà chúng nó cứ lo theo dõi cô ta như thế thì chúng nó khó mà suy nghĩ sáng suốt được. Annabelle Conroy, như Leo đã biết từ lâu rồi, sử dụng mọi thứ tài sản trong kho thuốc súng của cô ta.

“Phương tiện giao tiếp chấp nhận được sẽ là dùng cổng web an ninh trong một thư điện tử. Trong bất cứ trường hợp nào cũng không được dùng điện thoại hay máy fax vì cả hai thứ này đều có thể bị kiểm soát”. Cô ta nói thêm, liếc mắt nhìn Bagger, “cả hai thứ này đều đang bị kiểm soát”.

Bagger nhướn mày khi nghe câu đó, nhưng gã nói, “Chúng mày nghe cô gái nói rồi đấy. Không dùng phương tiện liên lạc nào ngoài internet hết”. Không nghi ngờ gì Bagger ngồi chiếu trên trong việc hợp tác này bởi vì hắn có con át chủ bài, trong trường hợp này là hai con át trong một cái lỗ. Hắn sẽ giữ chân Annabelle và Leo đến khi tiền lãi quay trở lại.

“Bức thư điện tử sẽ báo cho các anh biết gửi tiền đi đâu và như thế nào. Hai ngày sau số tiền ký quỹ đó sẽ tự động được gửi lại tài khoản của các anh, cộng với tiền lãi”.

“Và một triệu đôla sẽ nảy nở thành một triệu một trăm nghìn đôla, trong vòng vài ngày, đúng không?”, Bagger nói.

Annabelle gật đầu, “Như chúng tôi đã nói rồi, Jerry. Không phải là một món lãi tồi đâu”.

“Ừ, nên là thế”, hắn nói với giọng lo ngại. “Khi nào ta có thể bắt

đầu?”

Annabelle kiểm tra đồng hồ. “Bức thư điện tử chắc là đã được gửi đến hệ thống của ông vào giờ này rồi đấy”.

Bagger búng tay cái chóc, một tên đàn em chạy đến máy vi tính để kiểm tra.

“Có rồi”, tên này nói. Nó kích chuột vài cái, “Em đang chạy chương trình diệt virus để chắc chắn là thư sạch”.

Hai phút trôi qua, Nó ngược lên báo, “Xong rồi ạ”.

“Mở thư đi”, Bagger ra lệnh.

“Ông có hệ thống đánh điện gửi tiền của riêng mình phải không?”, Annabelle hỏi, mặc dù việc điều tra nghiên cứu cẩn thận đã cho cô ả câu trả lời rồi.

Bagger nói, “Chúng tao chuyển tiền thẳng vào hệ thống ngân hàng. Tao không thích có bên thứ ba kiểm soát tiền của tao hay biết được tiền của tao đi đâu. Số tiền ký quỹ sẽ gửi thẳng lại cho bọn tao tự đánh điện. Tao thích làm việc như thế”.

Tao cũng thích thế, Annabelle tự nhủ.

Mười phút sau, một triệu đôla của Jerry Bagger đang trên đường đến một tài khoản đặc biệt.

Rời khỏi văn phòng, Bagger nói với Annabelle, “Được rồi, chúng mày là ‘khách’ của tao trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ tới. Để chúng ta có cơ hội hiểu rõ nhau hơn”. Gã mỉm cười và đảo mắt nhìn dáng vẻ yếu điệu uyển chuyển của cô.

“Nghe hay đấy”, Annabelle nói.

“Ừ, nghe hay đấy chứ”, Leo thêm vào.

Bagger nhìn Leo như thể hấn quên sự hiện diện của Leo cũng là một

phần thỏa thuận. “Đúng vậy”, hấn lẩm bầm.

Hai ngày tiếp theo Annabelle ăn sáng, ăn trưa, ăn tối với gã Bagger. Lúc nào bọn tay chân của Bagger cũng đứng bên ngoài khách sạn của sòng bài Pompeii và theo sát họ bất cứ nơi nào họ đi. Annabelle cũng ngồi rất khuya uống rượu với vua sòng bạc, nhưng khéo léo từ chối sự tán tỉnh của hấn mà vẫn để lại chút hy vọng đủ để khuyến khích hấn cứ hy vọng. Cô ả rất cẩn thận trò chuyện về ‘quá khứ’ của mình, đủ để đảm bảo sự mù mờ thông tin mà vẫn làm hấn thú vị muốn biết nhiều hơn. Hấn nói nhiều về mình, về tất cả những điều tự phụ ngang nhiên mà người ta đoán chắc phải có ở một tên đàn ông như hấn.

“Tôi nghĩ ông có thể làm một điệp viên giỏi đấy, Jerry”, Annabelle nói với giọng ngưỡng mộ khi đang ngồi thư giãn trên ghế sofa của hấn sau vài ly rượu martini. “Ông thông minh và can đảm, mà hiếm ai có cả hai lắm”.

“Nhìn xem ai đang nói thế này”, hấn lết đến gần cô ả hơn, vỗ vào đùi cô ta cái chát. Rồi gã cố hôn nhẹ lên má cô ta nhưng Annabelle quay mặt đi.

“Jerry, tôi sẽ gặp rắc rối to khi dính líu chuyện tình cảm với ông đấy”.

“Ai nói vậy? Đây, chỉ có hai chúng ta ở đây. Anh biết anh chẳng phải là gà trống sung sức nữa, nhưng anh nghĩ anh sẽ làm em ngạc nhiên em yêu à”.

“Hãy cho tôi chút thời gian. Không phải là tôi không bị ông hớp hồn, nhưng tôi có rất nhiều việc phải làm vào thời điểm này. Được không hả?” Cô ả hôn vội lên má gã và cuối cùng gã cũng rút lui.

Cuối ngày thứ hai, Bagger giàu thêm một trăm nghìn đôla.

“Muốn thử năm triệu đôla không Jerry? Ông sẽ thu về nửa triệu tiền lãi trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ”, Annabelle ngồi vắt vẻo trên bàn làm việc của Bagger, chân bắt chéo, trong khi Leo ngồi ghé dài.

“Chỉ khi cô em vẫn ở đây cho đến khi tiền và lãi quay lại”, Bagger nói.

Annabelle nháy mắt, “Đó là một phần thỏa thuận mà Jerry. Ông vẫn có tôi trong tay”.

“Thì cô em vẫn cứ trấn an anh như thế mà. Nhân tiện cho anh hỏi tiền anh đi đâu vậy?”

“Như tôi đã nói với ông, El Banco del Caribe”.

“Không, ý anh là nó gây quỹ gì cho hoạt động gì ở nước ngoài ấy”. Leo lên tiếng, “Cô ấy có thể nói cho ông biết, nhưng rồi tôi sẽ phải giết cả hai người để bịt miệng”. Khoảng khắc im lặng kỳ quặc cho đến khi Annabelle cất tiếng cười. Leo cười theo và Bagger thì miễn cưỡng phụ họa.

Hai ngày sau nữa năm triệu đôla tăng thêm được năm trăm nghìn đôla.

“Khỉ thật”, Bagger nói, “Phi vụ này còn hay hơn cả in tiền nữa chứ”. Hắn lại một lần nữa đang ở trong văn phòng cùng với Annabelle và Leo, “Tôi biết chính phủ có hàng tấn tiền, nhưng làm sao nhà nước chịu nổi chi phí thế này?”

Annabelle nhún vai, “Chúng tôi không thể. Đó là lý do chúng tôi mất hàng nghìn tỷ đôla. Nếu cần thêm tiền, chúng tôi phải bán nhiều nợ ngắn hạn hơn cho người Ả Rập và người Trung Quốc rồi.

Chuyện làm ăn như thế không thể dài lâu được nhưng hiện giờ thì lại có hiệu quả”. Cô nàng nhìn Bagger và đặt bàn tay lên cánh tay của hắn, “Nếu ông cảm thương cho chính phủ thì ông có thể cho chúng tôi sử dụng tiền của ông khỏi trả lãi đi”.

Hắn bật cười, “Phương châm của anh không thay đổi bốn mươi năm rồi em: thằng nào cũng phải sống vì mình hết”.

Và cái phương châm ấy chẳng hợp với ai hơn mày đâu, Annabelle nghĩ khi mà vẫn nhòèn miệng cười ngưỡng mộ gã đàn ông.

Bagger rướn người về phía trước, liếc nhìn Leo như gã ta đang liếc nhìn Bagger. Hắn hạ giọng, “Em không cắt được cái bóng ấy à?”

Annabelle nói, “Còn tùy”.

“Tùy vào cái gì?”

“Tùy vào tình cảm bạn bè tốt đẹp của ông và tôi tiến triển như thế nào”.

“Anh biết chúng ta có thể thật sự là bạn tốt của nhau mà”.

“Nói tôi nghe thử đi”.

“Chúng ta đã làm ăn được mười triệu đôla, và anh có thêm một triệu đôla nữa. Chính phủ có che giấu được điều đó chẳng?”

“Cứ đánh điện chuyển tiền đi Jerry”.

“Và em sẽ ở đây cho đến khi tiền của anh quay trở lại chứ?”

“Cả hai chúng tôi sẽ ở lại”.

Bagger nhăn mặt và thấp giọng hơn nữa để Leo khỏi nghe thấy,

“Anh nghĩ anh phải cho thằng đó một bài học, được không cưng?”

“Ông có nhớ tôi nói với ông sao không? Ông đừng đến anh ấy, bọn họ xuất hiện trước cửa nhà ông liền. Tôi khuyên ông không nên cạm nghĩ”.

“Khốn nạn thật”, Bagger phàn nàn.

“Nói tóm lại là đâu có gì mất mát đâu, Jerry. Trong hai ngày, ông kiếm được một triệu đôla mà chẳng phải làm gì ngoại trừ ăn uống với tôi”.

“Anh muốn làm nhiều hơn thế, cô em biết điều đó mà, đúng không hả?”

“Jerry, tôi biết điều đó ngay từ lần đầu tiên ông cố tình đặt bàn tay lên váy của tôi”.

Bagger cười rộng lên, “Anh thích phong cách của em lắm, quý cô nương ạ. Em quá giỏi không nên làm việc cho chính phủ làm chi. Em nên đến làm việc cho anh. Ta sẽ đưa thị trấn này lên một tầm cao mới”.

“Tôi luôn mở rộng vòng tay với triển vọng tương lai của mình.

Nhưng hiện giờ thì tại sao chúng ta không kiếm thêm một triệu đôla nữa cho ông? Tôi muốn ông có đủ tiền để chăm sóc tôi theo cái kiểu mà tôi dần quen sau những ngày sống ở đây với ông?”, Cô ả vỗ vào tay hắn, nhẹ nhàng ấn móng tay vào lòng bàn tay của hắn. Cô ả cảm thấy cái rùng mình chạy dọc toàn thân của hắn.

“Em đang giết anh đấy, cưng ạ”, hắn rên rỉ thống thiết.

Ồ, không, nó lại đến nữa.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 24



ai ngày sau Bagger đã kiếm được tổng cộng một triệu sáu trăm nghìn đôla kể từ khi tình cờ gặp được Annabelle và Leo, không hề nhận ra rằng số tiền lãi hần có được xuất phát từ số tiền ba triệu đôla mà bọn họ tích lũy sau hai phi vụ. Tony đã hợp thức hóa vụ chuyển tiền 'lãi' từ tài khoản của họ vào tài khoản của Bagger. Khái niệm

này tương tự như kế hoạch của Ponzi, tức là luôn luôn tự hủy hoại mình. Annabelle không hề định để cho kết quả đó xảy ra vào thời điểm này.

Niềm vui của Bagger có thể thấy rất rõ ràng, đặc biệt là vì hắn tin rằng đối thủ đáng sợ - chính quyền - đang thanh toán hóa đơn. Ngồi trong căn phòng khách sạn sang trọng, được bản thân Bagger nâng cấp thành hạng sang dành cho tổng thống sau lần được trả lãi gần nhất, và tràn ngập trong đồng hoa sòng bài gửi, Annabelle đọc hết tờ báo này đến tờ báo khác để kiếm cái thông tin mình muốn, và

cuối cùng cô nàng cũng thấy được nó. Annabelle và Leo không thể nào nói chuyện với nhau ở bất cứ chỗ nào trong sòng bài. Họ cho rằng tất cả những gì họ nói sẽ bị nghe lén bằng các thiết bị hoặc tay chân của tên Bagger cài vào. Cách duy nhất để thực sự giao tiếp là ra dấu bằng tay và bằng mắt mà hai người đã phát triển theo những năm tháng làm việc với nhau và những người khác cũng không nhận ra được.

Đi ngang qua nhau trong sảnh chính, Annabelle chào buổi sáng và xoay xoay chiếc nhẫn trên ngón trỏ bàn tay trái. Leo chào lại, chạm tay vào nút thắt cà-vạt rồi vuốt mũi, như thể chứng tỏ là mình đã nhận được thông điệp của cô ta và gã sẽ hành động như thế nào. Trước khi cô ả bước vào thang máy để lên văn phòng của Bagger, Annabelle hít một hơi thật sâu. Ngược lại với những gì Leo nói, cô ả cũng rất lo lắng. Bước đi cuối cùng này quyết định cả cuộc chơi. Nếu Annabelle không diễn cho hoàn hảo, mọi thứ họ làm trong vòng vài tuần qua sẽ đi tong. Cô ả không những sẽ mất số tiền đã trả cho Bagger mà còn không thể sống sót để hưởng số tiền chia từ một triệu bốn trăm nghìn đôla còn lại.

Annabelle nhanh chóng bước vào văn phòng, bọn vai u thịt bắp đã quen với sự hiện diện của cô ả ở nơi này. Bagger chào cô ả bằng một cái ôm thật chặt mà cô ả để cho vòng tay hắn tuột xuống thấp hơn thường lệ. Đôi tay hắn đã siết nhẹ trước khi cô ả gạt tay hắn ra. Nhưng Annabelle vẫn để hắn mỗi lần đi xa hơn một chút vì cô ả biết cái điều hắn thật sự thèm muốn lúc này. Mím cười, hắn bước lùi về phía sau và nói, “Sáng nay anh có thể làm gì cho vị thần tài kỳ diệu của anh đây?”

Annabelle nhúu mày, “Tin xấu đây. Tôi vừa mới nhận được cuộc gọi từ Tổng hành dinh của chúng tôi, Jerry à”.

“Chuyện gì? Nghĩ là sao?”

“Nghĩ là tôi bị thuyên chuyển công tác”.

“Đi đâu?”, Hấn nhìn vào mặt cô ta rồi tự trả lời, “Anh biết rồi, cô em không nói cho anh nghe được chứ gì”.

Annabelle giờ mẩu tin trên tờ báo cầm theo, “Đọc đi, ông có thể thấy gợi ý trong đó”.

Hấn cầm tờ báo và đọc mẩu tin Annabelle chỉ, nó mô tả chi tiết một câu chuyện về vụ bê bối tham nhũng chính phủ có liên quan đến một nhà thầu nước ngoài ở Nga.

Bagger ngược nhìn cô ta sừng sốt, “Vậy cô đi từ sòng bài sang mấy nhà thầu bản thiêu ở thủ đô Moscow của Nga sao?”

Cô ta giật tờ báo lại, “Không phải bất cứ nhà thầu nước ngoài nào”.

“Em biết mấy thằng đó hả?”

“Tôi chỉ có thể nói nước Mỹ rất quan tâm đến trường hợp không bao giờ ra tòa này. Đó là nơi tôi sẽ đến”.

“Em đi bao nhiêu lâu?”

“Khó nói lắm. Sau Nga sẽ là một nơi nào đó”, Cô ta xoa xoa thái dương, “Ông có thuốc đau đầu hiệu Advil không?”

Hấn mở hộp tủ đưa cô ả một lọ thuốc. Cô ả uống ba viên bằng ly nước hấn rót cho mình.

Hấn ngồi xuống, “Cô em trông không khỏe”.

Cô ả ngồi lên cạnh bàn và cất giọng mệt mỏi, “Jerry ơi, tôi đã làm việc quá nhiều nơi mỗi năm rồi đến nỗi giờ tôi không nhớ hết nữa. Nếu dùng hộ chiếu thật, chắc tôi sử dụng hai mươi tám rồi đó”.

Thình thoảng bị nhức đầu vậ đó. Đùng lo, tôi sẽ ổn thôi”.

“Sao em không bỏ làm đi?”, hấn thúc giục.

Cô ta cười cay đắng, “Bỏ ư? Để mất luôn phần lương hưu à? Tôi đã phục vụ nhiều năm rồi. Ngay cả công chức cũng phải ăn chú”.

“Hãy đến làm việc cho anh. Anh sẽ trả lương cho em một năm bằng số lương bao nhiêu em kiếm được với bọn hề đó”.

“Ừ, đúng vậy”.

“Anh nói nghiêm túc đấy. Anh thích em. Em giỏi thật mà”.

“Ông thích cái việc tôi kiếm cho ông một triệu năm trăm nghìn đôla thì có”.

“Được rồi, anh không bàn cãi việc này. Nhưng đã hiểu em. Và anh thích cái anh nhìn thấy Pam à”.

“Thậm chí tên tôi cũng đâu phải là Pam. Đấy, anh hiểu tôi thế đấy”.

“Chỉ giỡn thôi mà. Em cứ suy nghĩ chuyện ấy nhé?”

Annabelle lưỡng lự, “Gần đây tôi bắt đầu suy nghĩ về tương lai của mình. Tôi chưa chồng con; đời tôi chỉ có công việc và công việc là lẽ sống của đời tôi. Và tôi cũng không còn rực rỡ như ngày xưa nữa”.

Hấn đứng dậy và choàng tay qua vai Annabelle, “Em giỡn hả? Em rất bốc lửa. Thằng nào có được em thì nó quả là may mắn”.

Cô ả vỗ vào tay hấn, “Ông chưa có gặp tôi lúc tôi vừa mới uống cà phê sáng với bộ mặt không son phấn đâu”.

“Ôi, cưng ơi, chỉ cần nói một từ thôi và ta sẽ biết kết quả liền”. Hấn chà nhẹ nhẹ vào phần lưng của Annabelle. Với tay ấn nút trên bảng điều khiển thiết bị trên bàn, rèm cửa tự động hạ xuống.

“Ông làm gì vậy?”, Cô nhượng mày.

“Anh thích sự riêng tư”, hắn đưa tay chạm vào cô ta.

Vừa đúng lúc, điện thoại rung bần bật, Annabelle nhìn số, “Trời đất”. Cô ta đứng dậy và quay lưng về phía hắn, nhìn vào màn hình. “Ai vậy?”, Bagger hỏi.

“Trưởng bộ phận của tôi. Số của ông hiện ra toàn là zero”. Cô ta chỉnh trang lại mình và trả lời máy, “Vâng, thưa sếp”.

Cô ta chẳng nói gì trong vài phút, rồi tắt máy, “Đồ chó má, thằng khốn đó”, Cô ta hét lên.

“Gì vậy em yêu?”

Cô ta đi vòng vòng rồi ngừng lại, rõ ràng là vẫn còn đang giận sôi ruột sôi gan, “Gã trưởng bộ phận đáng kính của tôi lại thuyên chuyển tôi qua chỗ khác nữa rồi. Thay vì đi Nga, giờ tôi lại bị đẩy đi Portland ở bang Oregon”.

“Oregon hả? Chúng cần gián điệp ở Oregon sao?”

“Đó là mớ chôn đậy, Jerry. Là nơi chúng tôi bị chuyển đến khi cấp trên không ưa chúng tôi nữa”.

“Sao cô em lại có thể bị đưa từ Nga sang Oregon trong vòng một buổi sáng thế?”

“Vụ ở Nga là do người giám sát lĩnh vực của tôi giao cho. Còn đến Oregon là do trưởng bộ phận điều đi, là cấp cao hơn nên việc thuyên chuyển này phải ưu tiên”.

“Chứ thằng cha trưởng bộ phận sao lại không ưa cô em?”

“Tôi không biết, chắc tại tôi làm quá tốt”, Annabelle gần như sắp nói thêm điều gì đó, nhưng rồi cô ta im bật.

Bagger nắm lấy cơ hội liền, “Khai mau đi. Nói đi, biết đâu anh giúp được em”.

Cô ta thở dài, “Tin hay không là tùy ông, thằng cha ấy muốn tặng tụi với tôi. Chỉ có điều thằng cha có vợ rồi, nên tôi từ chối gã”.

Bagger gật đầu, “Thằng khốn nạn! Cùng một lũ sâu bọ cả. Cái gì mà phụ nữ người ta không muốn chung chạ là tổng cổ người ta đi”.

Annabelle nhìn xuống bàn tay của mình, “Điều này phá hoại sự nghiệp của tôi luôn, Jerry à. Portland! Khốn kiếp!”. Cô ta quăng luôn điện thoại vào tường, nó vỡ làm hai. Rồi cô ả ngồi thụp xuống ghế, “Lẽ ra tôi nên cặp kè với thằng khốn ấy”.

Bagger bắt đầu sờ nắn đôi vai Annabelle, “Không đâu. Mấy thằng như thế, chúng chỉ muốn vui chơi với em. Rồi chúng chán em, và thế là chúng kiếm một cô em khác. Rồi xong, Portland vẫn là nơi em đáp tấm thân ngọt ngào của mình”.

“Tôi chỉ muốn đập thằng cha đó”.

Bagger có vẻ trầm ngâm, “Chuyện đó có thể sắp xếp mà”.

Cô ta mệt mỏi nhìn hắn, “Jerry, ông không được đánh đập gã”.

“Anh đây đâu có nghĩ tới chuyện đó, cưng. Cưng nói thằng đó ghen tỵ vì em làm việc quá tốt. Nghĩ sao?”

“Tôi đưa về được khá nhiều tiền, rồi tự nhiên người ta lên chức cho tôi. Tôi bắt đầu nâng cấp thì tự nhiên tôi trở thành mối đe dọa cho vị trí của hắn. Tin không Jerry, không nhiều phụ nữ làm được việc như tôi đâu. Có vài người muốn thấy một người phụ nữ khác trong chức vụ trưởng bộ phận. Nếu tôi cứ đưa được những người như ông vào phi vụ này, và tiền mặt cứ chảy vào những hoạt động ở nước ngoài như thế này thì chỉ tổn hại đến hắn và làm lợi cho tôi thôi”.

“Hừm, chỉ có trong khu vực nhà nước em mới bị rắc rối vì ‘quá

được việc' thế này". Hấn nghĩ ngợi một chút, "Được rồi, anh biết ta có thể đảo ngược thế cờ ra sao rồi".

"Ông nói gì vậy?"

"Nước đi kế tiếp ở El Banco".

"Jerry, tôi đã bị chuyển công tác rồi. Tôi và cộng sự sẽ lên máy bay tối nay".

"Được rồi. Nhưng thỏa thuận như thế này nhé. Em vẫn có thể làm cú chót trước khi rời khỏi đây mà, đúng không?"

Annabelle có vẻ như đang xem xét lời đề nghị, "À, vâng, ý tôi là, tôi vẫn còn thẩm quyền. Nhưng một triệu đôla tiền lãi cũng không thể cho tôi chiếc ghế trưởng bộ phận của thằng cha đó".

"Anh không nói một triệu vô tích sự", Hấn nhìn Annabelle. "Số tiền lớn nhất mà em từng rửa là bao nhiêu?"

Cô à nghĩ ngợi, "Phần lớn các số tiền đã gửi đi là từ một triệu cho đến năm triệu đô la. Nhưng tôi đã từng chuyển được mười lăm triệu ở Vegas và hai mươi triệu ở New York, chuyện của hai năm trước rồi".

"Không thể!".

"Không thể ư? Đúng vậy".

"Nói anh nghe, bao nhiêu mới lật được ghế thằng ấy?"

"Jerry, tôi không biết. Ba mươi triệu đôla".

"Vậy bốn mươi triệu đôla nhé. Và để trong bốn ngày chứ chẳng phải hai ngày nữa". Hấn tính rất nhanh trong đầu mình, "Là hai mươi phần trăm lãi mỗi mười triệu đôla. Thế là anh kiếm được tám triệu đôla. Món hời nhĩ".

"Ông có bốn mươi triệu đôla tiền mặt à?"

“Này, em nghĩ em đang nói chuyện với ai vậy? Anh đây có hai trận tranh chức vô địch hồi tuần rồi. Anh có nhiều tiền mặt lắm”.

“Vậy ông làm vụ này để làm gì?”

“Tám triệu đôla trong bốn ngày đâu có dễ hất xì hơi là ra đâu, thậm chí với người kiếm tiền dễ như anh”. Hấn véo mũi cô à, “Với lại, như em nói đó, em đang có tình cảm với anh mà, em yêu”.

“Nhưng tôi vẫn phải đến Oregon. Tôi không thể cãi lại lệnh cấp trên”.

“Ồ, vậy em cứ đến Oregon. Nhưng sau đó em sẽ nghĩ đến chuyện ra khỏi tổ chức và trở lại đây với anh. Anh chia luôn cho em mười phần trăm của tám triệu đôla tiền lãi mới kiếm được và cho em địa vị”.

“Tôi không muốn làm gái bao của ông, Jerry à. Tôi có bộ óc mà”.

“Thì anh sẽ sử dụng bộ óc của em”. Hấn lại chuồn tay xuống lưng Annabelle, “Anh sẽ gọi cho mấy đứa tay chân ở tầng dưới”.

“Như tôi đã nói, tôi sẽ đi Oregon tối nay bằng máy bay riêng”.

“Anh hiểu rồi cưng”.

“Ý tôi nói là anh sẽ không có lại tiền của mình trước khi tôi rời khỏi đây, Jerry ơ”.

Hấn cười ha hả, “Ồ, cái vụ con tin ấy à? Anh nghĩ ta cho qua nhé em yêu. Em đã giúp anh có một triệu sáu trăm nghìn đôla rồi, nên anh nghĩ em đã chứng minh được mình rồi”.

“Chỉ khi anh chắc chắn thôi. Bốn mươi triệu chẳng phải là món tiền nhỏ đâu”.

“Ê, vụ bốn mươi triệu này là ý tưởng của anh, chứ đâu phải của em đâu. Để anh lo cho”.

Annabelle đứng ngẩn người, “Tôi làm việc với nhiều gã rồi mà thực sự chúng nó chỉ coi đây là chuyện làm ăn thôi Jerry à”. Cô ả ngừng lại một chút, “Chúng chỉ biết hỏi bao nhiêu, được bao nhiêu. Bọn đều giả tham lam, tất cả bọn chúng nó đều thế”. Cô ả lại ngừng, ra vẻ đang tìm lời để diễn tả, dù cô ả đã luyện tập cho màn này khá lâu rồi, “Ông là người đầu tiên làm chuyện gì đó vì tôi. Tôi rất cảm kích, cảm kích hơn bao giờ hết”. Đây có lẽ là câu nói thật lòng đầu tiên mà cô ả thốt lên trước mặt Bagger.

Họ nhìn nhau, rồi Annabelle chậm chậm mở rộng vòng tay. Ngay lập tức hấn ào cả thân người vào vòng tay cô ả. Cô ả gần như ngạt thở vì mùi nước hoa của hấn. Đôi bàn tay hấn nhanh chóng mò mẫm xuống lớp váy, ả lặng im chịu đựng. Thật ra cô ả rất muốn thúc đầu cho hấn một cú trời giáng. Bình tĩnh nào, Annabelle, mày chịu được mà. Mày phải chịu được.

“Ôi, cưng ơi”, Bagger nói vào tai Annabelle. “Trước khi em ra đi, anh muốn ta phải có kỷ niệm sâu sắc với nhau, rồi em lại quay về với anh nhé”.

“Tin tôi đi, tôi có thể cảm nhận được tình cảm, Jerry ạ”, cuối cùng cô nàng cũng giằng được ra khỏi hấn. Annabelle chỉnh trang lại bộ váy thời trang, “Được rồi, Jerry, tôi thấy mình chẳng thể từ chối tình cảm của ông lâu hơn nữa. Nói tôi nghe ông đến Roma bao giờ chưa?”

Hấn có vẻ không hiểu, “Chưa, nhưng sao?”

“Tôi thuê biệt thự ở Roma mỗi năm khi tôi có dịp đi nghỉ mát. Tôi sẽ gọi điện nói với ông chi tiết hơn. Hai tuần sau tôi sẽ gặp ông ở đó”.

“Tại sao lại là hai tuần sau mà không phải là bây giờ nhỉ?”

“Tôi phải dành thời gian để viết báo cáo chứ, biết đâu tôi có thể dùng cú chuyên bốn mươi triệu đôla để làm đòn bẩy thăng tiến đi đâu đó chứ không phải là Portland”.

“Nhưng đề nghị em về làm việc cho anh vẫn còn chờ em đó. Anh thấy nó thuyết phục mà”.

Annabelle đưa tay sờ lên mặt của hắn, “Cho tôi thấy tính thuyết phục của ông ở Roma nhé!”.

Bốn mươi triệu đôla rời khỏi sòng bài hai giờ sau đó. Thư điện tử đầu tiên mà Tony gửi cho trung tâm điều hành sòng bài Pompeii có một phần mềm gián điệp rất phức tạp để điều khiển hệ thống máy vi tính của sòng bài Pompeii từ xa. Với cách truy cập bí mật đó, gã viết thêm đoạn mã mới vào chương trình đánh điện chuyên tiền của Bagger.

Ba cú đánh điện chuyên tiền đã đến tài khoản ở El Banco, nhưng khi họ gửi bốn mươi triệu đôla, chương trình đã tự động lập trình lại đường đi đến một ngân hàng nước ngoài khác vào một tài khoản khác được Annabelle Conroy kiểm soát. Trong khi bọn đàn em của Bagger sẽ thấy rằng tiền đã đến El Banco rồi - một hóa đơn điện tử được gửi tự động đến Pompeii - không một đồng nào sẽ quay trở về với tên Bagger cả. Kế hoạch của Annabelle chỉ chú trọng vào một mục tiêu: cài phần mềm gián điệp vào hệ thống máy tính của Bagger. Sau khi cài xong, cô ả an tâm mà làm tiếp. Sau đó cô ta đóng tròn vai của mình và để cho lòng tham cùng dục vọng làm mờ chôn gã, bởi vì cách hay nhất để lừa con mồi chính là để con mồi tự đề nghị ra cú lừa.

Bốn ngày nữa kể từ hôm nay, Bagger sẽ dần dần cảm thấy bồn chồn khi tiền không quay trở về tài khoản của hắn. Một giờ sau hắn sẽ bắt đầu thấy ruột gan nóng như đốt. Một giờ sau nữa hắn sẽ trở nên khát máu. Và Annabelle cùng đồng bọn đã cao chạy xa bay cùng với món tiền bốn mươi triệu đôla kèch xù chẳng tốn một đồng thuế.

Annabelle Conroy có thể mua du thuyền và sống trên biển suốt phần đời còn lại, bỏ thể giới bịp bợm phía sau. Trừng phạt như thế vẫn chưa đủ hả dạ cơ đấy, Annabelle nghĩ khi rời văn phòng Bagger để về thu xếp hành lý. Nhưng trước tiên, phải tắm sạch sẽ gột rửa cảm giác bàn tay rờ rẫm nhớp nhúa của tên Bagger cái đã.

Khi Annabelle đang tắm, cô ả lại nghĩ ngợi rằng số tiền mất đi chẳng đủ làm cho gã đàn ông ấy đau đớn, gã đàn ông đã giết mẹ cô ta vì mười nghìn đôla mà Paddy Conroy lừa phỉnh hắn. Sẽ không bao giờ có thể đủ bù đắp nỗi đau của cô ả. Dù sao Annabelle phải thừa nhận rằng bốn mươi triệu đôla là một khởi đầu đau đớn dành cho hắn.

CHƯƠNG 25



oger Seagraves đã biết được nơi Stone ở và cho người đến căn nhà ấy khi không có ai. Họ sục sạo kỹ càng và không để lại bất cứ vết tích gì cho rằng họ đã từng ở đó. Và quan trọng hơn, họ lấy được vân tay của Stone từ chiếc ly thủy tinh và bàn bếp.

Seagraves đã so với dấu vân tay lưu trữ trong kho dữ liệu chung của CIA, nhưng chẳng tìm thấy gì. Sử dụng mật mã ăn cắp được từ một đồng nghiệp, hắn cố gắng kiểm tra trong phần dữ liệu tối mật. Truy nhập được rồi, hắn đặt vân tay Stone vào phễu. Một phút sau, dẫn đến thư mục con mang số hiệu 666, cái thư mục mà hắn chắc chắn biết rõ mặc dù phần tìm kiếm với dấu vân tay của Stone cho kết quả “Không truy cập được”. Seagraves quá quen thuộc với thư mục con ‘666’ bởi vì đó là nơi dấu vân tay của chính mình đang được lưu giữ, hay ít nhất là cái ‘nhân thân’ mà hắn đã từng mang. Hắn

thường cười cái mã số '666', nghĩ rằng việc gắn mã như thế khá xác xược, mà thực sự là thế.

Seagraves hài lòng với kết quả tìm thấy và rời trầm tư. Stone đã làm việc cho CIA, đối với tuổi tác như thế, thì có lẽ lâu lắm rồi. Ông ta có lẽ đã từng là người chuyên đi thủ tiêu người vì nhóm 666 chưa bao giờ dành cho mấy người làm công tác văn phòng trong CIA cả. Lúc này thì Seagreaves vẫn chưa biết nên hiểu điều mới khám phá này như thế nào cho đúng. Hắn biết rằng người bạn thủ thư của Stone được ủy quyền bán bộ sưu tập sách của DeHaven. Xui rủi là vụ đuổi theo Stone của mấy đứa nhân viên đã làm Stone nghi hoặc. Và một người '666' được sinh ra với tính đa nghi cố hữu; đó là một trong những phẩm chất phải có để làm công việc của ông ta.

Mình có nên giết hắn không? Hay khử hắn làm mọi chuyện phức tạp hơn? Seagraves cuối cùng cũng quyết định bỏ cái bước giết người ấy đi. Hắn sẽ luôn chọn giết người sau khi xong việc của mình. Mẹ kiếp, tao sẽ tự tay giết mày. Từ thằng '666' này đến thằng '666' khác. Thằng trẻ đấu với thằng già, và trẻ luôn thắng trận. Mày phải sống Oliver Stone ạ. Ngay lúc này.

Nhưng hắn phải làm gì đó để phủ đầu ông già đó. Không thời điểm nào tốt hơn lúc này.



Hai ngày sau chuyến viếng thăm nhà DeHaven, Stone và Reuben lái

chiếc mô-tô đến một tiệm sách quý ở khu chợ cũ Alexandria. Tên tiệm sách đặt bằng tiếng La-tinh, có nghĩa là “Sách Bốn Câu”. Caleb có cô phần trong tiệm sách này - trước đây nó có tên “Sách của ông Doug” cho đến khi Caleb nảy ra ý tưởng nâng tầm ảnh hưởng của hiệu sách lên hoàn toàn. Stone đến đây không phải vì ông muốn ngắm nhìn những cuốn sách cũ. Ông đã gửi vài vật dụng ở tiệm sách và giờ đây muốn lấy về sử dụng.

Chủ cửa tiệm, người tên Doug được đề cập ở trên, người được gọi trang trọng hơn với tên “Douglas”, cho phép Stone tự do ra vào chỗ trú ẩn của ông ấy. Có chuyện này là vì Douglas rất sợ Oliver Stone - người được Caleb mô tả (với sự “đạo diễn” của Stone) là một tên mắc bệnh cuồng sát đi lại tự do chỉ nhờ kỹ thuật giết người. Căn phòng bí mật của Stone nằm dưới tầng hầm sau một bức tường giả, mở ra bằng cách kéo sợi dây giăng ngang lò sưởi liền kề. Một cái hốc trước đây dành cho một cha xứ trong tòa nhà cổ như thế này, giờ chứa rất nhiều vật dụng ông sử dụng trong cuộc đời cũ của mình, cộng với bộ sưu tập các bài báo cắt từ báo giấy và tạp chí. Với sự giúp đỡ của Reuben, ông tìm ra vài cuốn nhật ký báo và đem về. Reuben thả ông xuống căn nhà ở nghĩa trang.

“Cẩn thận nhé Oliver”, Reuben nhắc nhở. “Nếu thằng Behan nhỏ thó có liên quan đến vụ này, nó sẽ dùng vũ lực và các mối quan hệ để xử anh đó”.

Stone trấn an Reuben rằng ông sẽ cẩn trọng, chào tạm biệt và bước vào nhà. Ông pha chút cà phê đậm đặc, ngồi vào bàn và bắt đầu xem lại mấy cuốn nhật ký báo. Câu chuyện ông chọn ra để xử lý là vụ ám sát Chủ tịch Hạ viện, Robert Bob Bradley. Và cả ngôi nhà bị

nổ xảy ra cùng thời điểm, một sự kiện mà chỉ có mấy thằng đàn độn nhất mới nghĩ rằng chỉ là sự trùng hợp tình cờ. Nhưng có vẻ như chẳng có mối liên hệ nào giữa vụ ám sát Bradley và sự nhúng tay của nhóm khủng bố nội địa tên “Chống người Mỹ năm 1984” và cái chết dường như vô tội của Jonathan DeHaven cả. Phía FBI đã nhận được thông báo của nhóm này nói rằng Bradley bị giết là bước khởi đầu trong cuộc chiến với chính quyền liên bang. Bọn khủng bố hứa hẹn sẽ có nhiều vụ tấn công hơn, và an ninh ở Washington đã phải được thắt chặt hơn để đề phòng rủi ro.

Khi giờ trang nhật ký báo, cái gì đó làm Stone khó chịu, nhưng ông không tìm nén được. Bradley chỉ làm Chủ tịch Hạ viện trong một thời gian ngắn, sau cuộc cải tổ chính trị mà người Chủ tịch đương nhiệm cùng thủ lĩnh phe đa số bị kết tội mua bán sự ảnh hưởng và che giấu gốc tích của số tiền vận động chính trị. Thông thường, vị trí Chủ tịch Hạ viện sẽ chuyển cho người đứng đầu đảng chiếm đa số ghế, nhưng với việc hai người lãnh đạo cao nhất đều đi tù thì phải sử dụng giải pháp đặc biệt. Và thế là Bob Bradley, vị chủ tịch ủy ban quyền lực với danh tiếng không chút tỳ vết bỏ khá xa nấc thang lãnh đạo ô uế của đảng mình, trở thành con bài chính trị được đưa ra để dẫn dắt nhóm người của ông ta khỏi bụi rậm những sai lầm bản thi.

Ông ta bắt đầu công việc của mình với lời hứa dọn sạch lại Hạ viện và kết thúc việc bè phái chính trị. Rất nhiều người đã hứa như thế nhưng rất ít người làm được điều đó, ai cũng nghĩ rằng ‘nếu mọi người có thể hứa thì Bradley cũng có thể hứa’.

Stone giờ cuốn nhật ký báo khác và một câu chuyện khác. Câu

chuyện này nói về Cornelius Behan, nhắc lại gã đã đến đất nước này không một đồng dính túi và từ hai bàn tay trắng đã xây dựng một khối đoàn kết quốc tế bằng mồ hôi và mưu trí của chính mình. Những nhà thầu vũ khí phòng thủ có tiếng là không coi luân thường đạo lý ra gì. Dùng tiền bịt miệng các dân biểu để được hưởng lợi chính trị là một trong những trò cũ mèm ở Washington, và thế là mấy kẻ sản xuất xe tăng máy bay cũng chơi trò ấy đâu thua gì những người khác.

Stone đọc xong câu chuyện về Behan, đề cập chi tiết hai vụ kinh doanh thành công lớn gần đây nhất. Một là xây dựng hệ thống tên lửa thế hệ mới cho Lầu Năm Góc và hai là xây một boongke thật lớn cho Quốc hội bên ngoài Washington để phòng biến động chính trị. Trong khi vài kẻ yếu thế tranh luận rằng điều tốt nhất có thể xảy đến cho đất nước trong trường hợp có biến động chính trị là thủ tiêu cơ quan quyền lực là Quốc hội đi, thì Stone cho rằng đất nước vẫn cần phải có chính quyền.

Mỗi một hợp đồng như thế trị giá nghìn tỷ đôla, và Behan gom cả hai hợp đồng vào tay mình. Như bài báo giải thích, hắn đã loại bỏ được các đối thủ vào lúc gay go nhất. “Cứ như thể ông ta biết đọc suy nghĩ của người khác” - người phóng viên viết như thế. Stone không tin có những người đọc được suy nghĩ của người khác; nhưng đã từng là gián điệp khi còn trẻ, ông tin rằng có những bí mật bị đánh cắp.

Stone dựa người vào ghế và nhấp một ngụm cà phê. Nếu người tiền nhiệm của Bradley đã nằm trong túi quần của Behan và Bradley hứa hẹn giải quyết triệt để tham nhũng, có lẽ đó là cái giá phải trả

của một người muốn làm cuộc cách mạng trong Hạ viện. Không gì bảo đảm rằng người kế nhiệm của Bradley sẽ còn hợp tác với những thành như Behan nhưng những yếu tố dọa dẫm đã lộ ra hết. Chủ tịch Hạ viện mới có dám tiếp bước Bradley đem lại sự trong sạch cho Hạ viện khi lời hứa y chang đã dẫn đến cái chết bất đắc kì tử của người đồng nghiệp? Nhóm khủng bố chỉ là bình phong, màn tung hỏa mù không thể xác thực được vào thời điểm đó.

Stone bắt đầu nghĩ đến cái chết của Bradley bởi vì ông chỉ thấy mối liên hệ duy nhất giữa kẻ giết Bradley và kẻ giết DeHaven. Đó là Cornelius Behan, gã đã kiếm được hàng tỷ đôla bằng cách buôn bán vô số thứ giết người, dưới danh nghĩa hòa bình.

Có phải người của Behan ở trong chiếc xe tải “Công trình công cộng D.C” hay không? Có khi nào chúng làm cho Mật vụ phải rút lui bằng cách nào đó? Hoặc đó là một cơ quan khác có quan hệ mật thiết với Behan đóng vai trò can thiệp cho gã chằng? Con người đã tranh cãi hàng thập kỷ về việc có tồn tại hay không mối quan hệ công nghiệp - quân sự. Stone chưa bao giờ tự hỏi về điều này. Ông đã tham gia trong liên minh đó nhiều năm rồi. Nếu như có mối quan hệ như thế ba mươi năm về trước, nó sẽ là một lực lượng có uy lực cần phải được cân nhắc đến. Nó cũng là một lực lượng không ngần ngại thủ tiêu những chướng ngại vật trên đường. Stone biết được nhờ kinh nghiệm cá nhân. Suy cho cùng thì ông đã từng là một trong những kẻ đi thủ tiêu những người chướng ngại mà.

Ông sẽ nhờ Milton tìm càng nhiều thông tin về Bradley và Behan càng tốt. Milton có thể xâm nhập vào các cơ sở dữ liệu mà anh ta không được phép lai vãng; tuy nhiên các cơ sở dữ liệu ấy lại là

những cái thú vị nhất. Stone sẽ đến căn nhà cháy trụi của Bradley để coi có thu thập được thêm gì hay không. Rồi ông sẽ quay lại nhà Jonathan DeHaven vì ông muốn quan sát bằng kính viễn vọng một lần nữa, không phải vì háo hức muốn được xem màn kịch đực mới của Behan. Không, có một điều gì đó rõ ràng là ông hoàn toàn bỏ sót.

Một cơn gió lạnh lùa đến, ông đứng dậy đốt lò sưởi. Rồi ông dừng lại và chà xát da thịt mình. Ông thấy lạnh, rất lạnh. Người phụ nữ đó đã nói cái quái gì nhỉ? Ông đấu tranh tư tưởng để gắng nhớ chính xác từng chữ. “Thân nhiệt của anh đang tăng trở lại”. Đúng rồi, đó là lời cô y tá chăm sóc Caleb đã nói. Ông thấy câu nói ấy kì kì bởi vì trong bệnh viện người ta thường nghe rằng anh đang hồi phục vì thân nhiệt của anh hạ xuống bình thường rồi. Nhưng cô y tá nói thân nhiệt anh ta gần như tăng lên mức bình thường rồi, ông chần chẫn mình nghe không sai chữ nào.

Stone bỗng thấy phấn khích lạ thường. Cuối cùng thì cũng đã có manh mối. Ông chộp lấy di động để gọi cho mọi người nhưng rồi bất chợt nhìn ra cửa sổ. Từ đây ông có thể thấy dãy đèn đường chiếu sáng con đường bên ngoài khu nghĩa trang. Một chiếc xe tải “Công trình công cộng D.C” đang đậu ở đó. Ông thấy nó rất rõ dưới ánh đèn đường.

Ngay lập tức Stone tránh ra khỏi cửa sổ. Ông gọi cho Reuben nhưng không kết nối được. Nhìn vào điện thoại, ông chẳng thấy cột sóng đâu nữa, dù khu vực này sóng điện thoại rất mạnh. Ông liếc nhìn ra ngoài cửa sổ. Đài từ làm nhiễu sóng. Ông thử dùng điện thoại bàn. Nó im như chết.

Ông cầm áo khoác chạy ra cửa sau. Ông sẽ nhảy qua bờ rào và chạy ra mấy con đường ở khu Georgetown đến một căn nhà bỏ hoang mà ông thường sử dụng làm nơi trú ngụ an toàn. Ông cẩn trọng mở cửa và bước ra, bờ rào ở đằng kia.

Viên đạn bắn vào ngực làm ông ngừng lại và khụy gối. Đã từng rơi vào trạng thái bất tỉnh nhân sự, Stone vẫn có thể ngược nhìn người đàn ông đứng ở đó, mặc chiếc áo khoác trùm đầu màu đen, cầm súng bằng hai tay. Stone cảm thấy hấn mím cười mặc dù nạn nhân của hấn ngã gục xuống nền đất cứng và bất động.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 26



Ông tôi của thăm vấn. Stone nhận ra ngay khi ông tỉnh dậy. Không gian quá tối đến nỗi Stone thậm chí còn không thấy bất cứ phần nào trên cơ thể của mình, nhưng mà ông cũng chẳng cảm giác được cơ thể của mình nữa. Chân trần, đứng trên đầu ngón chân đau buốt, và tay đang bị trói trên đầu. Nơi này rất lạnh - những nơi kiểu này luôn

rất lạnh lẽo bởi vì cái lạnh làm người ta xuống sức nhanh hơn cái nóng. Ông có thể nhận thấy rằng mình không những không có giày dép gì mà còn trần truồng nữa.

Giọng nói phát ra từ bóng tối, “Tỉnh rồi à?”

Stone gật đầu.

“Nói đi”, giọng nói ra lệnh.

“Tỉnh rồi”, Stone trả lời. Ông chỉ nói một từ, không thêm gì nữa.

Ông từng trải qua việc tra tấn này rồi, mặc dù đã xảy ra ba mươi năm trước khi một điệp vụ thất bại và rồi ông thấy mình trở thành

tù nhân ở một nơi mà không người Mỹ nào muốn bị bắt giữ.

“Tên gì?”

Đây chính xác là điều ông đang lo sợ.

“Oliver Stone”.

Cái gì đó đánh mạnh vào sau gáy ông, ngay tức khắc làm ông choáng váng.

“Tên gì?”

“Oliver Stone”, ông nói chậm rãi, tự hỏi cú đánh có làm vỡ sợ mình chưa.

“Được rồi, Oliver. Nói về DeHaven đi?”, giọng nói cất lên.

“Ai?”

Giờ Stone có cảm giác cái gì đó đang quấn chân ông, ông cố đá nó ra nhưng nhận ra chân mình bị ghì chặt rồi. Cái vật đó cứ như rắn bò lên chân phải của ông. Ông thở mạnh và cố xua nỗi sợ đi. Đó không thể là rắn được; chúng chỉ đang kích thích cái gì đó thôi, ông tự viện dẫn. Nhưng dù cái gì đang thúc vào da thịt ông, không phải cắn, thì cái áp lực của nó ngày càng nặng nề. Khốn kiếp, giống hệt như trăn, trăn Nam Mỹ? Trong bóng tối đen như mực, thần kinh thép của Stone cũng bắt đầu rã rời.

“Nói về DeHaven đi”, giọng nói lại thúc.

“Ông muốn biết gì?”

Sự đè nặng đã nới ra một chút, nhưng vẫn còn đe dọa siết chặt.

“Ông ta chết như thế nào?”

“Tôi không biết”.

Cái đó siết mạnh hơn ngay tức thì. Giờ nó đang quấn chặt eo Stone. Ông thấy khó thở. Tay chân vẫn đang đau nhức còn gót chân gằn

như muốn nổ tung bị bắt đứng trên các đầu ngón chân quá lâu.

“Tôi nghĩ ông ta bị ám sát”, Stone thở hắt hắt.

Áp lực nói lòng, ông nhanh chóng hít thở, buồng phổi căng toát đau đớn.

“Như thế nào?”

Stone tuyệt vọng nghĩ ra cái gì đó để nói. Ông chẳng biết những người này là ai và hẳn nhiên là không muốn tiết lộ quá nhiều. Khi ông không nói gì, cái đó rớt ra hoàn toàn. Hoang mang, ông cố gắng thu gãn; lẽ ra ông phải biết nhiều hơn.

Ông té xuống nền nhà khi được cởi dây trói tay. Ông cảm thấy những bàn tay mang găng mạnh bạo xốc thân người ông. Khi ông bất thần quơ tay ra, ông đụng phải cái gì đó cứng cứng - kính và kim loại, gần nơi mà kẻ giam giữ có lẽ đang ngồi. Chúng có thiết bị nhìn trong bóng tối.

Stone bị nhắc đến nơi khác. Một chốc sau ông bị quăng mạnh xuống một vật cứng như là miếng ván dài và được giữ vào đó. Ông bị lật ngửa ra, mặt bịt băng keo. Nước đổ xuống mặt làm băng keo dính chặt vào mắt, mũi và miệng ông. Ông ngạt thở. Chúng đang làm trò “ván nước”, một kỹ thuật tra tấn rất hiệu quả. Có những trò khác còn khủng khiếp hơn việc tin rằng mình đang bị trấn nước, đặc biệt là chổng ngược đầu trong bóng tối trong khi bị buộc chặt vào tấm ván.

Bỗng nhiên, trò này dừng lại, băng keo được tháo ra. Ngay khi ông vừa hít chút không khí thì đầu ông bị nhúng vào nước lạnh. Ông lại bị ngạt thở và cố quẫy đạp để thoát ra. Tim đập nhanh đến nỗi ông biết mình có thể chết vì đau tim trước khi chết vì ngạt nước.

Rồi ông được kéo ra khỏi nước. Ông nôn ọe khan, phun nước dãi đầy mặt.

“Nhu thế nào?”, giọng nói bình tĩnh.

À, thằng đang đặt câu hỏi rất bình tĩnh, Stone nghĩ trong lúc cổ hắt nước dãi ra khỏi mặt. Có lẽ hắn đang ngồi trong một căn phòng âm cúng với tách cà phê trong khi mình đang cổ hắt đống đờm dãi ra khỏi mặt.

“Bị ngạt, giống như mày đang làm với tao vậy, đồ khốn!”

Lại thêm một cái đim xuống nước nữa. Ông cố ý làm vậy để rửa nước đờm khỏi mặt thôi. Stone đã nhanh hít thở một hơi trước khi lại bị trần nước, và sau đó ông được nhấc lên lành lặn hơn.

“Nhu thế nào?”, giọng nói cất lên.

“Không phải vì chất Halon 1301, vì cái khác”.

“Cái gì?”

“Tôi vẫn chưa biết”.

Stone cảm thấy mình lại đang bị đim xuống. Ông hét lên hoảng loạn, “Nhưng tôi có thể tìm ra được nguyên nhân”.

Giọng nói không trả lời ngay. Stone cho đó là tín hiệu tốt. Những người thẩm vấn ghét im lặng.

Giọng nói cất lên, “Chúng tôi xem nhật ký báo của ông. Ông đang đọc về Bradley. Tại sao vậy?”

“Có vẻ như quá trùng hợp. Cái chết của ông ta và DeHaven”.

“Chẳng có điểm giống nào cả”.

“Ông nghĩ vậy sao?”

Stone vẫn cố hít một hơi dài, nhưng lần này chúng giữ ông quá lâu đến nỗi ông gần như chết ngộp. Ông được đưa lên với bộ não gần

như nỏ tung vì thiếu oxy, mọi bắp thịt run rẩy; sức sống toàn thân ông bắt đầu tắt ngúm.

“Ông nghĩ hai cái chết có điểm chung gì?”, giọng nói ra lệnh.

“Ông sắp làm tôi chết ngộp, vậy nếu đó là kế hoạch thì sao không kết thúc tôi luôn cho rồi?”, ông yếu ớt nói. Ông căng người chờ một cái chìm nước nữa nhưng nó đã không tới.

“Ông nghĩ hai cái chết có điểm chung gì?”, giọng nói lại ra lệnh.

Stone thờ hắt ra, điều mà ông có thể làm vào thời điểm này, đang nghĩ xem có nên trả lời hay không. Nếu đó không phải là điều chúng muốn nghe thì ông phải chết. Nhưng ông cũng gần chết tới nơi rồi.

Ông gom hết sức nói, “Cornelius Behan”.

Ông lại chờ chúng nhúng nước. Thay vì vậy, giọng nói hỏi, “Sao lại là Behan?”

“Bradley thì chông tham những Behan thắng hai hợp đồng đấu thầu dưới triều đại cũ. Có lẽ Bradley đã tìm thấy điều gì đó mà Behan không muốn người khác biết. Vì thế hắn giết ông ta, đốt nhà ông ta và đổ lỗi cho nhóm khủng bố không có thật”.

Một khoảng im lặng dài. Tất cả những gì Stone nghe thấy là tiếng đập giận dữ từ trái tim bị tra tấn của mình. Tiếng động ấy rất đáng sợ, nhưng ít nhất ông vẫn còn sống.

“DeHaven thì sao?”

“Là hàng xóm của Behan”.

“Chỉ có thế sao?”, giọng nói rõ ràng rất thất vọng.

Stone cảm thấy mình sắp bị trấn nước, “Chưa, chưa hết! Có một cái kính thiên văn trên căn gác ở nhà DeHaven chĩa qua nhà Behan. DeHaven có lẽ đã thấy điều gì đó mà lẽ ra ông ta không nên thấy.

Vì thế ông ta cũng phải bị giết, nhưng không giống cách giết Bradley”.

“Tại sao?”

“Người ta chĩa súng vào Chủ tịch Hạ viện không có gì đáng ngạc nhiên. Nhưng DeHaven là một thủ thư và là hàng xóm của Behan. Cái chết phải được làm cho giống như tai nạn, tránh xa nhà của DeHaven và Behan. Nếu không thì việc điều tra có thể chuyển hướng qua Behan”.

Stone chờ trong im lặng, tự hỏi câu trả lời đã đúng chưa.

Ông lão đảo và cảm thấy mũi kim tiêm đâm vào cánh tay. Một giây sau ông nhắm mắt lại, và Oliver Stone hít thật sâu rồi nằm bất động. Từ góc phòng Roger Seagraves quan sát bọn đàn em xóc Stone đem đi. Ông ta khá cứng cỏi so với tuổi tác của mình. Seagraves mừng tượng ba mươi năm trước Stone có lẽ cũng giỏi giang như hấn bây giờ. Giờ ít nhất hấn cũng biết được rằng Stone nghi ngờ Cornelius Behan đứng phía sau các vụ này. Và bởi vì lý do này mà Stone sẽ được sống thêm một ngày nữa.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 27



hòng khách sạn của Annabelle nhìn ra công viên trung tâm, và cô ngẫu hứng muốn đi dạo. Kiểu tóc và màu tóc cũng đã được thay đổi thêm một lần nữa. Giờ cô ta là một cô gái tóc đen, ngắn, tóc rẽ một bên, trùng hợp với tấm hình trên hộ chiếu Freddy đã làm cho cô ta. Nhìn quần áo thì rõ ràng cô ta là dân New York, có nghĩa là mặc màu đen và

nhìn rất phong cách. Cô ta lang thang trên những con đường mòn công viên dưới chiếc nón và kính mát. Vài người đi ngang liếc nhìn, có lẽ họ nghĩ cô ta là người nổi tiếng nào đó. Mỉa mai thay, Annabelle chưa bao giờ tìm kiếm danh vọng. Cả cuộc đời mình cô chỉ biết bám víu vào những cái bóng tối tăm mờ mịt để an ủi nơi mà một tên bịp tài năng có thể tìm được một cái máy kéo chuyên nghiệp.

Cô ta mua một gói bánh bích quy mềm của một người bán dạo rồi đem về phòng, nơi cô ta ngồi trên giường xem qua đồng giấy tờ du

lịch. Leo và cô ta đã chia tay ở sân bay Newark. Freddy đã đi khỏi nước Mỹ rồi. Cô ta chưa hỏi hai người đó đi đâu mà cô cũng chẳng muốn biết.

Sau khi đến New York, cô ta liên lạc với Tony. Như đã hứa, Annabelle đã sắp xếp cho gã đến Paris. Sau đó gã tự đi một mình cùng đồng giấy thông hành và chứng minh thư giả và mấy triệu đôla để sẵn trong một tài khoản lúc nào cũng sẵn sàng cho gã rút tiền. Cô ta cảnh báo gã lần cuối cùng, “Dù Bagger chưa bao giờ thấy anh, nó vẫn sẽ biết tôi cần phải có thêm ai đó giỏi về máy vi tính, và anh có danh tiếng đấy. Vì thế hãy lặn khỏi nước Mỹ khoảng một năm nhé. Và đừng có quăng tiền khắp nơi. Chọn một nơi nào đó nho nhỏ, trốn vào, học ngôn ngữ mới và bỏ thân phận cũ đi”.

Tony hứa sẽ làm theo những điều cô ta khuyên bảo.

“Tôi sẽ gọi cho cô biết tôi tới đâu”.

“Không, anh không được gọi cho tôi”, cô bảo gã như thế.

Cô ả vẫn còn ba ngày trước khi đến hạn món tiền của Bagger trở về với hần và hần phát hiện ra mình bị lừa. Cô ả sẽ trả lại phân nửa số tiền để xem hần phản ứng như thế nào. Có lẽ hần sẽ giết thẳng kỹ thuật viên cùng thẳng thủ quỹ trước. Rồi hần sẽ đi ngang qua sòng bài của mình với khẩu súng lục, bắn ngay vào đầu những con bạc già cả đang chơi bài. Có lẽ đội đặc nhiệm của bang New Jersey sẽ đột kích lao vào và đưa tên khốn kiếp đó ra khỏi tình trạng đau khổ. Có lẽ không hiện thực lắm, nhưng cô nàng vẫn luôn có thể tưởng tượng ra như thế.

Con đường trốn chạy của cô nàng được vạch ra bắt đầu từ Đông Âu sang Châu Á. Có lẽ sẽ mất khoảng một năm. Sau đó, cô ả sẽ đến

Nam Thái Bình Dương, đến một hòn đảo nhỏ mà cô ả khám phá ra nhiều năm trước và chưa bao giờ quay trở lại vì nỗi sợ rằng lần thứ hai nó sẽ không đẹp hoàn hảo nữa. Hiện giờ cô ả thấy vui với sự ‘gần như hoàn hảo’ của lần thứ hai này.

Phần chia của cô ả đang nằm rải rác trong nhiều tài khoản ở nước ngoài. Cô ả sẽ tránh xa lối sống xa hoa và công việc đầu tư cả phần đời còn lại của mình, có lẽ thỉnh thoảng cũng phá lệ. Thậm chí cô ả có thể mua cho mình một con tàu nho nhỏ và tự mình lái. Không phải vòng quanh thế giới, mà chỉ cần những chuyến du hành ngắn ngày quanh một vùng vịnh nhiệt đới là tuyệt lắm rồi.

Cô ả đã cân nhắc có nên gửi cho Bagger một lời nhắn rằng cô ả đã lừa hắn thành công không, nhưng cuối cùng lại quyết định rằng sự hiên ngang bạo dạn như thế chẳng đáng với cấp độ của cú lừa cao cấp này. Để hắn phải sống cả đời trong sự hoài nghi không biết ai lừa mình. Cô con gái bé nhỏ của Paddy Conroy sẽ không thể nào nằm trên danh sách nghi can thông thường vì cô ả chắc chắn rằng Bagger chẳng biết rằng Paddy có một đứa con gái. Mọi quan hệ của Annabelle với cha cô ả là duy nhất, và ông chưa bao giờ giới thiệu cô ả với thế giới bạc bịp rằng đây là con của mình. Leo và vài đứa mà họ làm ăn chung cuối cùng cũng khám phá ra, nhưng chỉ có bao nhiêu người đó biết thôi.

Lần này hình ảnh của cô ả đã bị lưu lại trong các camera ở sòng bài Pompeii. Và cô ả biết Bagger sẽ đem mấy bức ảnh đó đi khắp thế giới bạc bịp trả tiền hay thậm chí tra tấn chúng để lấy được nhân thân của cô ả. Mọi thằng bịp cô quen biết đều rất hoan hỉ với những gì cô ả gây ra cho hắn Bagger. Nhưng cũng có thể thằng nào đó nhìn

bức hình và lỗ miệng nói ra tên cô ả nếu Bagger hăm dọa quá mức.À, cô ả nghĩ,cứ để hấn đến. Hấn sẽ thấy giết mình khó khăn hơn hấn tưởng đấy. Kích cỡ của con chó trong cuộc chiến không quan trọng mà phạm vi chiến đấu của con chó mới là vấn đề. Điều này chẳng phải do cha cô ta nói, mà chính mẹ cô ta bảo với cô ta. Tammy Conroy, dù là tội phạm, bà vẫn là người phụ nữ tốt, và là người vợ phải chịu đựng Paddy Conroy trong thời gian dài. Bà ta từng làm nhân viên pha chế cốc-tai trước khi gắn kết cuộc đời với người đàn ông Ai-len quyền rũ, người làm cho người khác phải cười sái cả quai hàm và có thể ca bất cứ giai điệu nào mà người khác muốn nghe. Paddy Conroy thống trị bất cứ căn phòng nào mà ông có mặt; có lẽ đó là lý do người ta chưa bao giờ thấy hết tiềm năng lừa bịp của ông. Những kẻ bịp giỏi nhất là những kẻ mà anh thậm chí còn không biết là chúng đang có mặt ở đó. Rõ ràng Paddy chẳng quan tâm, cho rằng đó là may mắn của người Ai-len, sự gan dạ và nụ cười cứu ông nhiều bàn thua trông thấy. Phần lớn là do may mắn, nhưng may mắn không thể cứu được Tammy Conroy. Jerry Bagger đã tụt tay bắn vào đầu bà khi bà không khai ra chồng mình. Paddy chắc chắn đã không đáp lại sự trung thành của vợ mình. Ông tẩu thoát khi Bagger bắt đầu xông vào nhà. Annabelle còn chẳng được dự đám tang của mẹ vì Bagger và lũ tay chân vẫn còn ở nghĩa trang chờ xem có ai đó xuất hiện hay không. Nhiều năm qua đi nhưng có lẽ Bagger vẫn còn đang tìm kiếm cha cô ta. Hơn mười triệu đôla, tên khốn Bagger chi còn nhiều hơn để diện những bộ comple đắt tiền. Annabelle biết vụ việc đó tuyệt nhiên chẳng phải vì tiền, mà vì sự tôn trọng. Cách duy nhất để được tôn trọng

trong thế giới của Bagger là tiêu xài tiền nhỏ giọt thôi. Và bất cứ ai mà lấy mười triệu đôla của hắn, Bagger sẽ băm vằm kẻ ấy nếu hắn chạm được tay tới kẻ ấy. Thế nên khi Annabelle chỉ ra mấy con bạc bịp ở sòng bài Pompeii, cô ta cũng phải gọi cảnh sát luôn. Có cảnh sát, Bagger sẽ không đánh gãy chân ai hết. Nếu bọn bịp còn biết khôn ngoan, chúng sẽ giải tán nhanh chóng sau khi bị giam và đóng án phạt xong.

Bagger có lẽ là bức tranh biếm họa biết đi đứng của một tên đầu sỏ sòng bài trong bộ phim xã hội đen nào đó, nhưng điều chẳng buồn cười chút nào về hắn chính là cái cách hắn sử dụng bạo lực dễ dàng như thế nào. Nếu anh gian lận ở mấy sòng bài khác, anh đi tù.

Bagger thì không hoạt động như thế. Hắn là hình ảnh phản chiếu những ngày xưa ở Vegas khi cách giải quyết kẻ gian lận bài bạc là đập vỡ đầu gối rồi tới đập đầu. Việc thất bại khi mang cách hành xử cũ kỹ đến thời kỳ hiện đại làm hắn bị trục xuất khỏi thành phố Tội ác. Trong lúc hắn vẫn chưa gỡ gạc lại hình ảnh của mình ở thành phố Atlantic, hắn vẫn còn rất thận trọng về chuyện này.

Với những điều đề cập ở trên, trong trường hợp của Tammy Conroy, một vỏ lừa một triệu đôla thường khó mà dẫn đến cái chết. Nhưng đây không phải là vụ việc đơn giản bởi vì cha của Annabelle và Bagger đã có cuộc chiến ngầm. Cá nhân Paddy thì tránh xa sòng bài của Bagger, nhưng khi ông đưa những nhóm bịp vào sòng của Bagger để làm công việc giúp ông, bao gồm cả việc đưa đứa con gái tuổi vị thành niên và chàng trai trẻ Leo vào thực hiện kế hoạch của mình. Điều này giống như biến cả hai thành miếng mồi ngon cho cá đại dương lần cuối cùng họ đến thành phố Atlantic. Nhưng nhiều

năm qua, cuối cùng Bagger cũng tìm ra được mối liên hệ giữa Paddy với những rắc rối trong sông bài của mình. Thế là hắn xuất hiện trên bậc thềm nhà Paddy rất xa New Jersey một đêm nọ, nhưng Paddy không có ở nhà. Ai đó nói ông ta được cảnh báo nên đã tẩu thoát. Nhưng nếu thế thì ông đã quên mang theo vợ mình.

Không có bất cứ chứng cứ nào cho thấy Bagger có liên quan đến vụ giết người, tất nhiên, hắn có hàng nghìn chứng cứ ngoại phạm, vì vậy cũng chẳng có trát hầu tòa hay khởi tố gì hết. Tuy nhiên, vài tên bạc bịp kỳ cựu mà Annabelle đã trò chuyện nói rằng hoàn toàn chắc chắn về chuyện đã xảy ra. Mà dù họ có tận mắt thấy họ cũng không dám làm chứng chống lại Bagger.

Đã ở gần hắn hơn một tuần trước, Annabelle nhận ra mình có ý nghĩ đặt cây súng vào giữa trán hắn và bóp cò. Hành động ấy có thể trả được thù, nhưng trả giá bằng cả cuộc đời tù tội thì cô ả không muốn. Không, cách này hay hơn nhiều. Cha cô ả chưa hề thích những vụ lừa gạt lớn - ông cho rằng phải tốn quá nhiều thời gian và tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Nhưng ắt hẳn Tammy Conroy sẽ thật lòng đánh giá cao tính nghệ thuật và mức độ công phá của cú lừa này. Và nếu như mẹ cô ả có thể lên thiên đàng, Annabelle hy vọng bà sẽ lên theo dõi Bagger từ trên cao khi Bagger phát giác ra hắn đã bị lừa vào cuộc đua hoang dại và xảo quyệt với giá vào cổng là bốn mươi triệu đôla.

Cô ả với lấy cái điều khiển ti-vi và vừa lướt qua các kênh một lượt vừa ăn bánh quy. Tin tức cũng giống như mọi ngày thôi, đều là tin xấu cả. Có nhiều lính bị giết hơn, nhiều người chết đói hơn, nhiều người tự sát bằng bom và giết những người vô tội dưới danh nghĩa

của Chúa. Xong cái ti-vi, cô ả nhặt tờ báo lên. Thói quen khó bỏ, và hơn một lần cô ả thấy mình nhìn vào những bài báo, tự hỏi làm thế nào để nhào trộn các chi tiết thành một cú lừa sáng tạo và thành công. Giờ cũng xong hết rồi, cô ả nhủ thầm. Lừa được Bagger là đỉnh cao trong sự nghiệp của cô ả, không còn lên cao được nữa mà chỉ có nước đi xuống thôi.

Bài báo cuối cùng cô ả đọc khiến cô ả phải giật mình ngồi bật dậy, làm đổ bánh và mù tạt ra giường. Cô ả trở mắt nhìn vào bức ảnh nhỏ cùng với câu chuyện ở trang cuối. Một bài điều dành cho nhà học giả lỗi lạc và là người đọc sách. Không có bất cứ nguyên nhân nào được đưa ra để giải thích cái chết của Jonathan DeHaven, họ chỉ nói ông chết bất ngờ trong khi đang làm việc ở Thư viện Quốc hội. Mặc dù ông đã chết trước đó, việc sắp xếp lễ tang giờ mới được hoàn thành và được chôn vào ngày mai ở D.C. Annabelle làm sao biết được việc trì hoãn là do các nhân viên giám định pháp y đã chẳng thể tìm ra nguyên nhân dẫn đến cái chết của ông ấy. Tuy nhiên, vì không có bất cứ điều gì đáng ngờ, nên vụ việc đã được khép lại với cái chết vì lý do tự nhiên và xác ông được đưa về nhà tang lễ.

Annabelle chộp cái túi và nhồi nhét quần áo vào. Kế hoạch du lịch của cô ả thay đổi, cô ả sẽ bay đến Washington. Để nói lời tạm biệt với người chồng cũ, Jonathan DeHaven, người đàn ông duy nhất trên thế gian này có thể nắm giữ được cả trái tim cô ả.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 28



liver! Oliver!”

Stone từ từ tỉnh và ngồi dậy một cách khó khăn. Ông đang nằm dài trên sàn nhà, quần áo vẫn còn nguyên vẹn, trong căn nhà ở nghĩa trang, tóc ông vẫn còn ướt.

“Oliver!”, ai đó đập cửa nhà ông. Stone đứng dậy, bỏ nhào đến để mở cửa.

Reuben nhìn ông với vẻ mặt cười cười, “Chuyện gì đang xảy ra vậy? Anh lại uống quá nhiều rượu tequila à?”. Tuy nhiên, khi ông nhận thấy tình trạng kiệt sức của Stone, ông nghiêm mặt, “Oliver, anh có ổn không?”

“Tôi không chết. Lấy làm mừng về điều đó đi”.

Ông ra hiệu cho Reuben bước vào, và Stone mất mười phút để giải thích chuyện gì đã xảy ra.

“Mẹ kiếp, anh không biết chúng nó là ai hả?”

“Là ai đi chẳng nữa, thì chúng rất thành thạo kỹ thuật tra tấn”, Stone nói một cách khô khốc, tay xoa xoa chỗ u trên đầu. “Tôi nghĩ có thể mình sẽ không uống nữa”.

“Vậy chúng có biết gì về mối quan hệ của Behan không?”

Stone gật đầu, “Tôi không chắc rằng điều đó có làm chúng ngạc nhiên không, nhưng tôi nghĩ những điều tôi khai với chúng về Bradley và DeHaven thì hoàn toàn là tin mới cả”.

“Nhắc đến DeHaven mới nhớ, hôm nay là tang lễ của ông ta. Chúng tôi đến gọi anh là vì thế. Caleb đang dự lễ cùng với các nhân viên Thư viện Quốc hội khác. Milton cũng đến dự, còn tôi đôi ca làm ở bên tàu nên cũng có thể đi viếng. Chúng tôi nghĩ buổi tang lễ này quan trọng lắm”.

Stone bật dậy nhưng rồi lại sụp xuống.

Reuben đỡ tay ông, “Oliver, có lẽ anh nên ngồi nghỉ chút đã”.

“Thêm một lần tra tấn kiểu đó, các anh sẽ phải đi dự đám tang của tôi đây. Nhưng buổi tang lễ hôm nay có thể cũng rất quan trọng. Ước gì những điều cần phải làm sáng tỏ cũng sẽ được giải đáp trong buổi lễ”.



Tang lễ tại Nhà thờ Thánh John nằm sát bên công viên Lafayette có rất nhiều người đến dự, đủ các loại nhân viên của thư viện và chính phủ. Cornelius Behan cũng tham dự cùng với vợ mình, người phụ

nữ hấp dẫn mảnh khảnh và cao ráo mới bước vào tuổi ngũ tuần với mái tóc nhuộm vàng. Cái vẻ kiêu kỳ của bà ta đi cùng với vẻ ngoài mỏng manh, mệt mỏi. Cornelius Behan nổi tiếng ở Washington, và người ta cứ tiến đến chỗ gã để ôm thắm thiết và tỏ lòng tôn kính. Gã nhận hết bằng cử chỉ thân thiện của mình, nhưng Stone thấy lúc nào gã cũng nắm cánh tay vợ mình cứ như thể bà ta có thể té ngã nếu không có sự trợ sức của gã.

Stone khẳng khái đòi Hội Camel phải rải rác mỗi người mỗi chỗ trong nhà thờ để khảo sát nhiều nhóm người khác nhau. Dù rõ ràng là ai bắt cóc ông thì đã biết mối quan hệ của ông với những người còn lại, nhưng ông không muốn cho bọn chúng biết rằng ông còn có ba người bạn có thể trở thành mục tiêu của chúng.

Stone ngồi đằng cuối, rảo mắt nhìn khắp một lượt và khi dừng lại ở vị trí của một phụ nữ ngồi ngoài rìa. Khi cô ta quay lại vuốt cọng tóc ra khỏi khuôn mặt, ánh nhìn của Stone còn dữ dội hơn. Việc luyện tập trước kia đã giúp ông luyện kỹ năng có thể nhớ hình dáng con người, và ông đã thấy người phụ nữ này rồi dù giờ trông cô ấy có vẻ già hơn.

Sau khi buổi lễ kết thúc, thành viên Hội Camel rời nhà thờ, bước về phía vợ chồng Behan. Behan thì thào gì đó vào tai vợ trước khi quay qua nói chuyện với Caleb.

“Một ngày buồn”, gã nói.

“Vâng, đúng thế”, Caleb kịt khịt mũi. Ông nhìn bà Behan.

“Ồ”, Behan nói. “Đây là vợ tôi Marilyn. Đây là, ơ...”

“Caleb Shaw. Tôi làm việc ở thư viện với Jonathan”.

Ông giới thiệu những thành viên của Hội Camel cho bà ấy.

Behan nhìn vào nhà thờ khi những người hộ tang khiêng quan tài ra. “Ai có nghĩ đến? Ông ta trông khỏe mạnh đến thế cơ mà”.

“Nhiều người trông khỏe như thế trước khi họ chết”, Stone nói trông không. Ông vẫn để mắt tới người phụ nữ mình thấy lúc đầu. Cô ta đội mũ đen và mang kính mát, mặc chiếc đầm dài màu đen và mang giày boots. Cao gầy, cô ta khá nổi bật giữa đám người dự lễ. Behan tìm Stone soi mói và cố gắng theo dõi ánh mắt của ông, nhưng ông quay lại ngay kịp lúc trước khi gã kịp thấy người phụ nữ. “Tôi nghĩ họ biết chắc chắn về cái chết của ông ấy”, Behan nói. Gã nhanh nhẩu nói thêm, “Ý tôi là thỉnh thoảng họ cũng phán đoán sai”.

Stone lên tiếng, “Tôi cho rằng nếu họ có nghi ngờ, ta cũng sẽ biết ngay mà. Phương tiện truyền thông khám phá mấy vụ đó ra liền”.

“Vâng, các nhà báo khá giỏi chuyện khám phá”, Behan nói với vẻ không hứng thú nữa.

“Chồng tôi biết rất nhiều về những cái chết đột ngột”, Marilyn Behan tự nhiên phun ra. Khi tất cả mọi người đều nhìn bà ta, bà vội vã nói thêm, “Tôi biết là vì nghề nghiệp của anh ấy đó mà”.

Behan mỉm cười với Caleb và mấy người khác rồi nói, “Xin phép”. Gã vẫn cầm tay vợ rất chặt và dẫn bà ta ra chỗ khác. Có phải Stone vừa nhìn thấy một tia vui thích trong ánh mắt của người phụ nữ không nhỉ?

Reuben vẫn dõi theo họ, “Tôi chỉ có thể hình dung gã với cái quần lót của gã thôi. Tôi đã phải ngậm cả nắm tay vào miệng để nín cười suốt buổi lễ”.

“Ông ta quả có lòng khi đến đây hôm nay”, Stone nói. “Ý tôi là ông

ta quả có lòng khi đến dự tang lễ của một người quen biết bình thường”.

“Mấy bà vợ trông như tác phẩm nghệ thuật phức tạp quá”, Caleb bình luận.

“Này, bà ta làm tôi ngạc nhiên khi nói thẳng bí mật của ông chồng đây”, Stone nói “Tôi không tin họ có thể yêu nhau tha thiết”.

“Nhưng họ vẫn cứ ở với nhau đấy thôi”, Milton nói thêm.

“Vì tình yêu tiền, yêu quyền lực và địa vị xã hội”, Caleb ghé tòm nói.

“Tôi đã không thể nhớ điều đó trong các cuộc hôn nhân của mình”, Reuben đáp trả. “Tôi có tình yêu, ít nhất là trong một khoảng thời gian, chứ mấy yếu tố kia thì không”.

Stone lại theo dõi người phụ nữ đầm đen, “Người phụ nữ ở đằng kia, trông cô ấy có quen không?”

“Sao biết được?”, Caleb nói. “Cô ta đội mũ và đeo kính mà”.

Stone lấy bức ảnh ra, “Tôi nghĩ cô ta là người trong ảnh”.

Họ tụ tập quanh bức ảnh và rồi Caleb và Milton nhìn trực diện vào người phụ nữ và thay phiên nhau chỉ trỏ.

Stone suyt, “Hai người có thấy mình quá lộ liễu không hả?”

Đoàn người dự lễ đang tiến về nghĩa trang. Sau khi lễ động quan đã xong, mọi người quay trở về xe của họ. Người phụ nữ áo đen vẫn cứ lưu luyến bên cỗ quan tài trong khi hai người làm công mặc quần jean áo sơ mi xanh đang chờ gần đó. Stone nhìn quanh và thấy vợ chồng Behan cũng đã quay về chiếc limosine. Ông quan sát cả khu vực một lượt để tìm kiếm những kẻ ‘trấn nước’ ông có thể hiện diện trong cuộc sống hàng ngày. Anh có thể nhận diện loại người đó

nếu anh biết cách tìm chúng, như Stone đã làm. Tuy nhiên, việc quan sát này không có kết quả gì cả.

Ông ra hiệu cho những người khác theo mình khi ông bước về phía người phụ nữ. Cô ta đặt một tay lên trên cổ quan tài bằng gỗ hồng sắc và có vẻ như lẩm bẩm điều gì đó, có lẽ là lời cầu nguyện.

Họ chờ cô ta cầu xong. Khi cô quay mặt về phía họ, Stone nói, “Jonathan đang ở đỉnh vinh quang của đời mình thì đột ngột ra đi. Thật đau buồn”.

Phía sau cặp kính đen, cô ta đáp, “Sao ông biết ông ấy?”

Caleb nói, “Tôi làm việc chung với ông ấy ở Thư viện. Ông ấy là sếp của tôi. Mọi người sẽ rất nhớ ông ấy”.

Người phụ nữ gật đầu, “Vâng, mọi người sẽ rất nhớ ông ấy”.

“Sao cô biết ông ta?”, Stone cẩn trọng hỏi lại.

“Đã lâu lắm rồi”, cô ta nói mù mờ.

“Những tình bạn lâu dài như thế ngày nay rất hiếm có”.

“Vâng, đúng thế. Tôi xin phép”, cô ta bước qua họ và bắt đầu đi thẳng.

“Cái chết của ông ta rất bí ẩn, nhân viên giám định pháp y chưa thể tìm ra nguyên nhân cái chết”, Stone nói đủ lớn để cô ta nghe thấy.

Lời nói có hiệu nghiệm tức thì. Cô ta dừng bước và quay lại.

“Báo đưa tin rằng ông ấy chết vì đau tim”, người phụ nữ nói.

Caleb gật đầu, “Ông ấy chết vì tim ngừng đập, nhưng ông ta không bị đau tim. Tôi nghĩ báo chí chỉ giả định thế thôi”.

Cô ta bước thêm vài bước về phía họ, “Tôi chưa được biết tên các ông”.

“Caleb Shaw. Tôi làm việc trong phòng đọc Sách Quý Hiếm. Đây

là bạn tôi...”

Stone chìa tay ra, “Sam Billings, hân hạnh được gặp cô”. Ông ra hiệu cho hai thành viên còn lại của nhóm Camel. “Chiến hữu của tôi Reuben và kia là Milton. Và cô là?”

Cô ta lờ Stone đi và chỉ chú mục vào Caleb, “Nếu anh làm việc ở thư viện, anh hẳn phải yêu sách nhiều như Jonathan vậy”.

Caleb rạng rỡ hẳn lên khi chuyển sang đề tài yêu thích của mình, “Ồ, tất nhiên rồi. Thật ra trong di chúc ông ta ủy quyền thư viện sách của mình cho tôi. Tôi đang tiến hành kiểm kê, định giá và bán bộ sưu tập sách của ông ấy, sau đó số tiền thu được sẽ đem đi làm từ thiện”.

Ông ngừng nói khi nhìn thấy Stone ra dấu cho ông ngậm miệng.

Cô ta nói, “Nghe có vẻ đúng là giọng Jonathan rồi. Chẳng hay cha mẹ ông ta mất chưa?”

“Ồ, vâng, cha ông ta mất nhiều năm rồi, mẹ mất hai năm trước.

Jonathan thừa hưởng toàn bộ nhà cửa”.

Stone thấy người phụ nữ rất khó khăn mới nhoẻn một nụ cười với thông tin cuối cùng. Người luật sư nói gì với Caleb nhi? Rằng cuộc hôn nhân đã bị thủ tiêu. Có lẽ không phải bởi người vợ mà chính vì cha mẹ ông ấy khăng khăng không đồng ý?

Cô ta nói với Caleb, “Sẽ rất tuyệt nếu được thăm căn nhà và bộ sưu tập sách của ông ấy. Tôi chắc là giờ bộ sưu tập đã được mở rộng ra rồi”.

“Cô biết về bộ sưu tập của ông ấy nữa ư?”, Caleb hỏi.

“Jonathan và tôi chia sẻ nhiều thứ lắm. Tôi sẽ không ở đây lâu, thế nên tối nay tôi ghé thăm nhà ông ấy có được không?”

“Tình cờ là chúng tôi cũng định ghé ngang qua đó tối nay. Nếu cô ở khách sạn, chúng tôi có thể đến đón cô”, Stone đề nghị.

Người phụ nữ lắc đầu, “Tôi sẽ gặp các anh trên đường Good Fellow”. Cô ta nhanh bước đến chiếc tắc-xi đã đợi sẵn.

“Anh nghĩ mời một người phụ nữ đến nhà Jonathan có tốt không?”,

Milton hỏi, “Chúng ta còn chưa biết cô ấy là ai nữa mà”.

Stone lấy bức ảnh ra giơ lên, “Tôi nghĩ có lẽ chúng ta biết cô ấy. Ít nhất chúng ta sẽ sớm biết thôi. Trên đường Good Fellow”, ông trầm ngâm.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 29



au khi buổi chứng nhận kết thúc phía trước Ủy ban Tình báo, Seagraves và Trent uống cà phê trong quán rồi sải bước về phía điện Capitol. Vì nhiệm vụ chính thức bắt hai gã làm việc với nhau nhiều, nên lần này hai gã đi với nhau sẽ chẳng ai nghi ngờ.

Seagraves ngừng lại để nhả bã kẹo cao su trong khi Trent cúi xuống cột lại

dây giày.

“Vậy anh nghĩ gã đó thực sự là nhân viên cũ của Cục tình báo hả?”, Trent hỏi.

Seagraves gật đầu, “Mã ‘666’ đấy, anh biết về thư mục đó không Albert?”

“Mù mờ lắm, không rõ như anh đâu. Cơ quan Tình báo thuê tôi để làm công tác phân tích chứ không phải trên lĩnh vực đó đâu. Sau mười năm phân tích rác rưởi thì tôi cũng chán lắm rồi”.

Seagraves mỉm cười, “Nhảy vào làm con buôn chính trị có tốt hơn không?”

“Tốt hơn đối với chúng ta”.

Seagraves nhìn người đồng nghiệp cẩn thận chải mớ tóc về đúng hàng thẳng lối, hàng nào cũng đều tắm tấp mà không cần gương.

Seagraves nói, “Sao anh không cắt đầu tròn đi? Nhiều phụ nữ thích cái kiểu trượng phu như thế đó. Và nếu anh để cái kiểu đầu đó anh trông lỉnh lỉnh hơn”.

“Sau khi kết thúc công việc, tôi sẽ có thật nhiều tiền đủ để mỗi khi tôi đến nước nào gái đẹp cũng quay quanh chiều theo ý thích của tôi”.

“Hợp với loại người như anh”.

“Gã mã số 666 này có thể là điều phiến toái. Chúng ta sẽ phải trò chuyện nhiều về mối quan hệ của con mưa bão sấm sét này”.

Seagraves lắc đầu, “Chúng ta làm như vậy mọi chuyện sẽ bắt đầu được hâm nóng lên. Theo như tôi thấy thì hẳn vẫn còn các mối quan hệ. Nếu tôi xử hẳn, tôi sẽ phải xử cả bạn bè của hẳn luôn. Điều đó rất dễ gây sai lầm và dẫn đến nghi ngờ nhằm người. Giờ tôi nghĩ chính Behan là kẻ đó. Nếu có gì thay đổi, dự báo thời tiết phải được đọc khác đi”.

“Anh có chắc rằng đó là chiến lược tốt hay không?”

Về mặt Seagraves tối sầm lại, “Hãy thử kiểm nghiệm thực tế đi Trent. Trong khi anh ngồi phía sau cái bàn làm việc ầm áp thoải mái ở Wahington, tôi phải đặt mông ngồi ở những nơi anh quá sợ đến nỗi không dám xem TV. Anh cứ làm chuyện của anh và để tôi lo về kế hoạch chiến lược này, trừ phi anh nghĩ mình có thể làm tốt hơn

tôi”.

Trent cười mím, nhưng nỗi sợ hãi vẫn chưa cho phép cười, “Tôi đâu có tra hỏi anh”.

“Nhưng có vẻ giống hệt như thế”. Hấn bắt chợt nhe răng cười và choàng tay qua đôi vai hẹp của Trent, “Không có thời gian để đấu đá với nhau Albert à. Mọi việc vẫn tiến triển tốt đẹp đúng không?” “Chính xác”, Trent xoa xoa vai mà trông hấn có vẻ như sắp khóc tới nơi.

Mày phải có vẻ như mất sức trên sân chơi mỗi ngày vậy.

Seagraves đổi đề tài, “Bốn mật thám đã chết. Đó là tin gốc ấy”. Hấn thật sự có biết một người trong số bốn người bị ám sát; chính xác là hấn đã làm việc chung với gã đó. Một nhân viên giỏi, nhưng hàng nghìn đôla dễ dàng đánh đổi bất cứ tình bạn nào mà hấn có.

Trent nói, “Anh muốn chính quyền năng động hơn sao? Mục tiêu kế tiếp trong danh sách?”

Seagraves ném điều thuốc xuống đất và liếc mắt nhìn đối tác, “Anh sẽ biết khi anh thấy nó, Albert à”. Hấn cảm thấy mệt mỏi vì tên đối tác cấp thấp này lắm rồi. Điều này phần nào cho thấy rõ ràng rằng với Trent thì tên này đang và sẽ luôn luôn là cấp dưới của hấn. Nếu mọi chuyện có trở nên nguy hiểm và căn nhà bằng những lá bài này có đổ sụp thì Trent vẫn là người đầu tiên hấn muốn giết vì một lẽ đơn giản: mấy con chuột dễ dàng bị bóp nát dưới áp lực.

Hấn rời bỏ tên đối tác cùng biên chế cơ quan và đi về phía xe đang đậu ở khu vực cấm, hấn vẫy tay với một người lính nhận diện được hấn qua hình dáng.

“Giữ xe tôi cẩn thận chứ?”, Seagraves nói với một nụ cười toe toét.

“Giữ xe của ông và của tất cả mọi người”, người gác cổng nói, miệng còn nhai cây tăm xia răng. “Các ông đang giữ cho đất nước an toàn à?”

“Làm hết sức mình thôi”. Thật ra kế tiếp Seagraves sẽ đưa cho Trent những yếu tố chủ chốt trong kế hoạch theo dõi chiến thuật hoàn toàn mới của NSA - Cục An ninh Quốc gia. Các phương tiện truyền thông cứ cho rằng NSA đang làm chuyện gì đó ngoài vòng pháp luật. Họ chẳng biết một nửa câu chuyện, mà mấy thằng cận thị ngồi ở điện Capitol cũng chẳng biết gì đâu. Nhưng vài đũa giàu có nhưng không ưa nước Mỹ sống cách đây bảy nghìn dặm và ít nhất là tám thế kỷ sẵn sàng trả tiền để biết về kế hoạch này. Và tiền, ôi, tiền đem lại một ngày mới, vậy yêu nước để làm gì? Trong đầu Seagraves, cái mà bọn yêu nước nhận được là lá cờ tổ quốc xếp làm ba cho tất cả những rắc rối mà họ phải trải qua. Nhưng mà vấn đề lớn nhất lại chính là việc người ta phải chết rồi thì mới nhận được cờ.

Seagraves lái xe về lại văn phòng, hoàn thành nốt thêm một chút việc rồi mới về nhà, bao gồm một trang trại nuôi gia súc đã ba mươi lăm tuổi, sàn của phòng này ở nửa chừng phòng bên cạnh, với ba phòng ngủ, hai phòng tắm, trên một phần đất thách thức hệ thống tưới tiêu - hẳn phải tốn gần nửa lương để vay thế chấp và đóng thuế tài sản. Hẳn tập bài tập thể lực nặng nề rồi mở cửa tủ quần áo nhỏ dưới tầng hầm mà hẳn luôn khóa kỹ và có hệ thống báo động.

Ở trong đó, trên tường và các kệ là những kỷ vật còn sót lại từ thuở ban đầu làm việc. Trong đó là một cái bao tay viền bằng lông màu

nâu đựng trong hộp kính, một cái cúc áo khoác để trong cái hộp nhỏ, một bộ mắt kính trong hộp nhựa, một chiếc giày mắc trên tường, một đồng hồ đeo tay, hai chiếc vòng của nữ, một quyển sổ nhỏ trắng trơn có ba chữ cái A, F, W lồng vào nhau, một cái khăn đội đầu để trên kệ và một bản kinh Koran sờn cũ, một cái mũ lông thú và cái yếm dãi trẻ con. Cái yếm dãi làm hấn thấy ớn lạnh.

Nhưng khi ai đó giết cha mẹ của một đứa trẻ thì chính nó cũng phải hy sinh theo. Một quả bom nổ xe hơi, suy cho cùng, không thể phân biệt được nó sẽ hủy diệt ai. Mỗi vật được đánh số từ một đến năm mươi và mỗi vật đều gắn liền với một câu chuyện mà chỉ có hấn và vài người khác ở CIA mới biết.

Seagraves đã từng đau khổ dày vò và trải qua những hiểm nguy để sưu tầm những món đồ này cho cái mà hấn gọi là bộ sưu tập của mình. Dù con người có nhận ra hay không, thì mỗi người trong số họ đều sưu tập một thứ gì đó. Nhiều người di chuyển đến đầu kia của quang phổ, sưu tập tem, đồng xu và sách. Lại có những người thích tích lũy chiến tích tình yêu và tình dục. Rồi có những người lấy làm hài lòng với việc góp nhặt những linh hồn bị lạc. Ngược lại, Roger Seagraves sưu tập những vật dụng cá nhân của những người mà hấn giết hay nói chính xác hơn là ám sát vì hấn làm việc này dưới vỏ bọc phục vụ cho quốc gia. Đối với nạn nhân thì điều đó cũng chẳng có khác nhau mấy; dù sao thì họ cũng chết rồi.

Tối nay hấn đến để đặt thêm hai vật nữa vào phòng sưu tập, cây viết của Robert Bradley và cái thẻ đánh dấu sách bằng da của Jonathan DeHaven. Hai vật này được đặt trang trọng trong một chiếc hộp trên kệ. Hấn lại đánh số lên hai món đồ mới bổ sung, vậy

là sắp đạt đến con số sáu mươi rồi. Nhiều năm trước hấn khao khát đến con số một trăm, và đã hùng hục bắt đầu bởi lẽ ngày đó đất nước của hấn cần rất nhiều người trên dưới phải chết. Trong những năm cuối cùng của sự nghiệp nhíp độ giết chóc cứ giảm đáng kể; một chính quyền nhu nhược và bộ máy CIA yếu hơn đã gây ra điều đó. Vì thế hấn bắt đầu tập trung vào chất lượng thay vì số lượng. Bất cứ một con người tinh táo nào được kể về lịch sử những vật này có thể đánh giá Seagraves là kẻ tâm thần man rợ chuyên sưu tầm vật dụng cá nhân của những người hấn giết. Hấn biết rằng họ nghĩ sai rồi. Thật ra đó chính là cách tôn trọng một con người mà người ta đã tước đoạt món đồ quý giá nhất của họ - cuộc sống. Nếu có ai giết được hấn, hấn tin tưởng rằng người đó là một kẻ thù xứng đáng cho hấn cái vinh dự y như thế. Hấn khóa bộ sưu tập cẩn thận và lên tầng trệt để vạch kế hoạch cho bước đi kế tiếp. Hấn cần phải lấy một thứ, và khi DeHaven chết và đã được chôn thì giờ là lúc lấy lại thứ đó.



Annabelle Conroy ngồi trong chiếc xe thuê ở góc đường Good Fellow. Đã nhiều năm rồi kể từ những ngày cô ở đây thế nhưng cảnh vật chẳng thay đổi mấy. Vẫn có thể ngửi thấy mùi rêu mốc của mùi tiền cũ dù chúng đã quyện vào mùi hương quyên rũ của đồ tiền tệ mới. Annabelle, tất nhiên là, không có cả tiền mới lẫn tiền cũ,

một sự thật mà Elizerbeth - mẹ của Jonathan DeHaven - đã vô lý để viện cớ. Không có tiền và không được nuôi nấng đàng hoàng là điều mà có lẽ bà lái nhái với con trai mình cho đến khi câu nói đó ăn sâu và ảnh hưởng vào bộ não, cuối cùng bộ não ấy cho phép mẹ ông đẩy ông đến quyết định bỏ cô ta. Annabelle không phản kháng quyết định của ông bởi có nghĩa lý gì cơ chứ?

Annabelle vẫn không thể nào có những ý nghĩ bất mãn với người chồng cũ của mình. Ông ta là một đứa trẻ trong thân xác một người đàn ông, uyên bác, tử tế, rộng rãi và dạt dào tình cảm. Nhưng ông ta lại thiếu nghị lực và sức mạnh, chỉ biết trốn chạy chứ không dám đối đầu những kẻ ăn hiếp mình giống như một đứa trẻ biết nói sành sỏi và đeo kính. Ông ấy không có gì hợp với người mẹ miệng lưỡi độc ác quyền hạn tuyệt đối của mình, nhưng có mấy đứa con trai đây? Sau khi cuộc hôn nhân tan vỡ, ông ấy đã viết cho Annabelle những lá thư đầy yêu thương và cảm động, gửi cho cô ở hàng đồng quê, nói với cô rằng ông luôn luôn nghĩ về cô ả. Và cô ả chưa bao giờ nghi ngờ sự thật ấy cả. Đối trá không phải là đức tính của ông; đó quả là khái niệm khá lạ lẫm với cô ả. Sự trái ngược giữa hai tính cách lại cuốn hút nhau đến kỳ lạ.

Mà ông chưa từng một lần năn nỉ cô ả quay trở lại với mình. So với những người đàn ông cô ả từng quen biết trong cuộc đời mình thì tất cả bọn họ đều thích ở cái mặt trái của cái tốt, còn ông thì như luồng ánh sáng tinh khiết vô hại. Ông nắm lấy bàn tay cô ả và nhanh chóng mở các cánh cửa cho 'quý cô nương'. Ông nói cho cô ả nghe về những vấn đề quan trọng trong thế giới của người bình thường, một nơi quá xa lạ với cô ả như thể một vì sao xa thật xa.

Nhưng Jonathan đã làm cho nó bớt xa lạ trong những tháng ngày ngắn ngủi họ ở bên nhau.

Annabelle phải thừa nhận rằng mình đã thay đổi khi ở bên cạnh ông. Jonathan DeHaven, dù ông luôn nép mình vững chãi bên vệ đường bảo thủ của cuộc sống, đã tiến về phía cô ta từng chút từng chút một, có lẽ là tận hưởng cuộc sống theo cái cách trước đây ông chưa bao giờ có thể tưởng tượng được. Ông là người đàn ông tốt. Và cô ta rất lấy làm tiếc khi người đàn ông ấy mất đi.

Cô ả giận dữ lau giọt nước mắt dễ dàng chảy dài xuống gò má. Cái cảm xúc như thế này rất bất thường và cô ả không muốn chào đón. Cô ả không còn có thể khóc được nữa vì chẳng có ai đủ gần gũi để chảy nước mắt xót thương khi người ấy chết. Ngay cả với cái chết của mẹ cô ả. Đúng là cô ả báo thù cho Tammy Conroy, nhưng bản thân cô ả cũng tự kiếm tiền cho chính mình trong phi vụ đó. Có lẽ nào cô ả chỉ trả thù mà không kiếm tiền hay chỉ gạt tiền chứ không cần trả thù không? Annabelle không thể nói chắc chắn được.

Chuyện rạch ròi ấy có quan trọng không? Cô ả có gần mười bảy triệu lý do nằm trong một tài khoản ngân hàng nước ngoài nói rằng chuyện ấy không quan trọng đâu.

Cô ả quan sát chiếc Nova màu xám rầm rầm chạy đến khúc cua trước nhà DeHaven. Bốn người đàn ông bước xuống - bốn tay kỳ quặc ở nghĩa trang nói rằng cái chết của Jonathan chưa có kết luận chính thức. Cô ả đã nói lời từ biệt với Jonathan ở nơi này và giờ sẽ bước vào nhà lần đầu tiên mà không có đôi mắt bực mình của bà lão DeHaven dõi theo mỗi cái đánh mông của cô con dâu nữa. Và rồi cô ả sẽ nhảy lên máy bay biến khỏi đây. Annabelle không muốn ở

cùng một châu lục với Jerry Bagger khi hắn phát hiện bốn mươi triệu đôla phun trào trên phạm vi rộng hơn cái núi lửa giả của gã.

Dung nham có thể phun trào đến tận D.C.

Cô ả bước ra khỏi xe đi về phía căn nhà và một cuộc đời rất đẹp đẽ này đã là của cô ả nếu mọi việc diễn ra khác đi.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 30



ả nhóm cùng ở trong kho sách sau khi Annabelle được giới thiệu ngắn gọn tầng trệt của ăn nhà. Caleb không mở két sắt phía sau bức tranh. Ông không có ý định để ai đó thấy quyểnThánh ca. Sau khi tham quan bộ sách, họ lên tầng, nơi Annabelle bước qua những căn phòng trang nhã với niềm thích thú nhiều hơn

cái cô ta tỏ ra ngoài mặt.

“Vậy là cô từng ở đây rồi?”, Stone hỏi.

Cô ta nhìn ông thẳng thừng, “Tôi không nhớ rằng tôi đã nói mình đã ở đây hay chưa”.

“À, cô biết Jonathan sống ở đường Good Fellow nên tôi mới đoán thế”.

“Con người không nên nhận định nhiều quá, họ sẽ khâm khá hơn”. Cô ta tiếp tục nhìn ngắm xung quanh. “Căn nhà không thay đổi gì

“nhiều”, cô ta nói, không trả lời trực tiếp câu hỏi. “Ít ra ông ta đã loại bỏ được vài vật bài trí xấu xí đi. Có lẽ sau cái chết của mẹ ông ấy. Tôi không nghĩ là ông ấy có thể quăng đi bất cứ cái gì cho đến khi Elizabeth DeHavent rút hơi thở cuối cùng”???

“Cô và Jonathan gặp nhau ở đâu?”, Caleb hỏi.

Cô ta lờ câu hỏi này. “Ông ta có thể đã đề cập đến tên của cô, nhưng tôi không biết là tên gì”, ông vẫn kiên trì chất vấn và nhận được một cái nhìn cảnh báo từ Stone.

“Susan Farmer. Chúng tôi gặp nhau ở miền tây”.

“Hai người làm kết hôn ở đó luôn à?”, Stone nhảy vào.

Ông rất ấn tượng với cô ta bởi vì cô ta không hề nao núng trước câu hỏi này, nhưng cô ta cũng không trả lời ông.

Stone quyết định chơi bài ngửa. Ông lôi bức ảnh trong túi áo ra, “Chúng tôi được biết là cuộc hôn nhân của Jonathan bị hủy bỏ. Vì cô không thích người khác giả định về mình, nên tôi suy ra từ cách cô đề cập đến bà Elizabeth DeHaven rằng bà là chủ mưu của hành động này. Ông ta vẫn giữ bức ảnh này. Người phụ nữ trong ảnh rất giống cô. Theo kinh nghiệm của tôi thì đàn ông không giữ ảnh phụ nữ mà không có lý do nào đó. Tôi nghĩ trường hợp của cô rất đặc biệt”.

Ông đưa cô ta bức ảnh. Lần này cô ta có phản ứng chứ không lờ đi nữa, khi Annabelle cầm lấy bức ảnh, bàn tay cô ta - bàn tay cứng chắc như đá ngàn ấy năm, hơi run rẩy, đôi mắt mở to hơn một chút và có vẻ ươn ướt. Cô ta nói bằng giọng, “Jonathan rất đẹp trai. Cao, tóc nâu dày và đôi mắt ấy làm người khác cảm thấy dễ chịu lạ kỳ”.

“Tôi có thể nói rằng giờ cô vẫn duyên dáng như ngày đó được

không?”, Reuben nói với lòng hào hiệp và tiến đến gần cô hơn.

Annabelle có vẻ như không nghe thấy Reuben nói gì. Cô ta làm điều mình đã không làm từ lâu lắm rồi - mỉm cười chân thật, “Bức ảnh này chụp vào ngày cưới. Đó là cuộc hôn nhân đầu tiên và cũng là cuối cùng của tôi”.

“Hai người kết hôn ở đâu?”, Caleb hỏi.

“Vegas, còn ở đâu được nữa?” cô ta nói mà mắt không rời khỏi bức ảnh. “Jonathan đến tham dự hội nghị sách. Chúng tôi gặp nhau, quen rồi kết hôn. Mọi thứ chỉ diễn ra trong vòng một tuần. Khá là điên rồ, tôi biết lắm chứ. Ít nhất thì đó cũng là ý nghĩ của mẹ ông ấy”. Cô ta di ngón tay vào nụ cười lạnh lẽo của Jonathan, “Nhưng chúng tôi hạnh phúc. Trong thời gian ngắn ngủi. Chúng tôi ở đây với ba mẹ ông ấy sau khi cưới cho đến khi tìm được nơi ở mới”.

“À, căn nhà này khá rộng mà”, Caleb nói.

“Buồn cười là lúc đó nó lại có vẻ quá nhỏ hẹp”, cô nói giọng khàn đặc.

“Cô cũng đến Vegas dự hội nghị sách à?”, Stone hỏi một cách lịch sự.

Cô ta trả bức hình lại cho Stone, ông cất vào túi áo khoác, “Ông có thật sự muốn biết câu trả lời không?”

“Được thôi. Cô có liên lạc với Jonathan trong khoảng thời gian ấy không?”

“Tại sao tôi phải nói cho ông biết rằng có hay không?”

“Nếu không có lý do gì để cô phải nói”, Reuben nhẩy vào, trách móc Stone, “Thực sự thì câu hỏi ấy hơi riêng tư rồi đó”.

Stone hiển nhiên không lấy làm khó chịu với lời phê bình của ông

bạn đại gái, “Chúng tôi đang làm mọi cách để biết chuyện gì xảy ra với DeHaven, nên chúng cần thu thập càng nhiều thông tin càng tốt”.

“Tim ngừng đập và ông ta chết. Thế thì có gì bất thường?”

Milton giải thích, “Nhân viên giám định pháp y rõ ràng không thể xác định được nguyên nhân cái chết. Và Jonathan vừa mới đi kiểm tra tim toàn diện ở chỗ bác sĩ John Hopskin. Ông ta rõ ràng không thể nào bị đau tim được”.

“Vậy các anh nghĩ ai đã giết ông ấy? Ai có vấn đề với Jonathan được đây? Ông chỉ là người quản thư thôi mà”.

“Quản thư không thể có kẻ thù sao?”, Caleb phản đối. “Thật sự là tôi đã từng gặp những người đồng nghiệp dễ trở nên xấu bụng sau khi uống vài ly rượu”.

Cô ta nhìn ông ngờ vực, “Ừ, tôi đoán thế. Nhưng không ai giết người nào đó vì người đó quá hạn mà chưa trả sách cả”.

“Để tôi cho cô xem thứ này”, Stone nói. “Trên gác ấy”.

Khi họ đến nơi, Stone nói, “Cái kính viễn vọng đó chĩa thẳng xuống cửa sổ nhà hàng xóm”.

Reuben nói thêm, “Ừ, nó ngắm thẳng vào giường ngủ của người chủ...”

Stone cắt ngang, “Tôi sẽ giải thích, Reuben à, nếu anh không phiền”. Ông nhướn mày nhìn Annabelle.

Reuben nói, “Ồ, được thôi. Cứ tự nhiên đi, Oliv... ý tôi là Frank phải không? Hay Steve?”

“Cám ơn anh, Reuben!”, Stone nạt, “Như tôi đã nói cái kính viễn vọng chĩa thẳng vào nhà bên cạnh. Người chủ là giám đốc công ty

Kỹ thuật Paradigm, một trong những nhà thầu vũ khí phòng thủ lớn nhất trong nước. Tên gã ấy là Cornelius Behan”.

“Gã thích được gọi là CB”, Caleb nói.

“Được rồi”, Annabelle nói chậm rãi.

Stone nhìn qua kính, quét tầm nhìn dọc theo chiều dài nhà của Behan nằm vắt ngang bãi cỏ của nhà DeHaven. “Tôi nghĩ thế”, ông ra hiệu cho Annabelle thế chỗ. Cô ta tập trung vào cái điểm mà ông đã nhìn qua kính.

“Là một văn phòng hay phòng nghiên cứu”, cô ta nói.

“Đúng rồi”.

“Ông nghĩ Jonathan đang theo dõi gã này chằng?”

“Có lẽ. Hoặc ông ta tình cờ thấy điều gì đó có thể dẫn đến cái chết của mình”.

“Vậy tên Cornelius Behan này giết Jonathan hả?”

“Chúng tôi không có chứng cứ. Nhưng những chuyện kỳ lạ cứ xảy ra”.

“Chuyện gì?”

Stone ngáp ngừng. Ông không muốn kể cho cô ta nghe về việc mình bị bắt cóc. “Như thế này nhé, có quá nhiều câu hỏi đủ để ta phải tìm hiểu sâu hơn. Tôi nghĩ Jonathan đáng được quan tâm như thế”. Annabelle xem xét gương mặt ông một lát rồi lại nhìn vào kính viễn vọng. “Nói tôi nghe về gã CB này đi”.

Stone phác họa chân dung của Behan và công ty của gã. Kế tiếp ông đề cập đến vụ ám sát Chủ tịch Hạ viện Bob Bradley.

Annabelle có vẻ hoài nghi, “Ông không nghĩ vụ đó có liên quan đến Jonathan đúng không? Tôi nghĩ bọn khủng bố đã nhận trách nhiệm

rồi mà”.

Stone kể cho cô nàng nghe về hợp đồng quân sự mà Behan vừa mới trúng thầu ở thời Chủ tịch Hạ viện trước đó, “Người tiền nhiệm của Bradley đã bị kết án, vì thế ông ta chẳng còn nằm trong túi của Behan nữa. Rồi Bradley xuất hiện với phương châm ‘sạch’, mà Behan thì không muốn chuyện hôi lộ bị điều tra. Vì thế Bradley phải chết”.

“Và ông nghĩ là Jonathan tình cờ biết được bí mật vụ việc, và họ phải giết ông ấy để bịt miệng chẳng?”, cô ta vẫn giữ giọng điệu như mình không cảm thấy thuyết phục cho lắm.

“Cái chúng ta có là hai cái chết của hai viên chức chính phủ mà Cornelius Behan là mẫu số chung và là hàng xóm của một trong hai người chết”.

Caleb nói thêm, “Behan cũng có mặt ở buổi lễ tang hôm nay”.

Annabelle hỏi gắt, “Người nào?”

“Gã nhỏ thỏ đầu đỏ”.

Annabelle kết thúc câu nói giùm ông, “Người nghĩ mình cao sang lắm và có cô vợ cao, tóc vàng kinh tởm chứ gì”.

Stone bị ấn tượng với óc quan sát của cô ta, “Cô nhìn nhận người khác nhanh quá”.

“Tôi chưa bao giờ xem đó là lợi thế. Vậy bước đi kế tiếp của chúng ta là gì?”

Stone giật mình, “Bước đi kế tiếp của chúng ta ư?”

“Vâng, một khi ông cho tôi thấy rõ ràng ông vẫn còn giữ lại vài thông tin khác, có thể chúng ta sẽ có sự tiến triển trong vụ này”.

“Cô Farmer”, Stone lên tiếng.

“Gọi tôi là Susan được rồi”.

“Tôi tưởng cô sẽ không ở đây được lâu cơ mà”.

“Kế hoạch thay đổi”.

“Tôi có thể hỏi tại sao không?”

“Ông có thể hỏi. Sáng mai chúng ta gặp nhau được không?”

“Tất nhiên rồi”, Reuben nói, “Nếu cô cần một chỗ qua đêm...”

“Tôi không cần”.

“Chúng ta gặp nhau ở nhà tôi nhé”, Stone đề nghị.

“Ở đâu vậy?”

“Ở nghĩa trang”, Milton sốt sắng.

Annabelle thậm chí không thềm nhường chân mày.

Stone viết địa chỉ và hướng dẫn đường đi ra giấy. Khi cô ta đến lấy, cô ta ngã giúi giúi vào người ông, may là nắm được áo khoác của ông nên không té.

“Xin lỗi”, cô ta nói khi bàn tay mình chụp bức ảnh trong túi áo ông. Một giây sau cô ta lôi nó ra. Và chuyện gì đó chưa từng xảy ra với cô ta trước đây, nhưng giờ nó lại xảy ra. Bàn tay Stone đã nắm chặt cổ tay cô ta.

Ông hạ giọng để vừa đủ cô nghe, “Cô chỉ cần hỏi xin tấm hình thôi, không cần phải làm thế”. Ông thả tay ra, cô ta nhẹ nhàng rút bức ảnh vào túi áo mình, nhìn bộ dạng của Stone với vẻ mặt sững sốt. Cô ta lấy lại bình tĩnh và chào mọi người, “Hẹn gặp lại ngày mai”. Reuben nắm tay cô ta, nhẹ nhàng đặt nụ hôn kiểu Pháp của một quý ông lên nó, “Tôi muốn cô biết sự vinh dự của tôi khi được quen biết với cô, Susan”.

Cô ta cười mĩa, “Cám ơn anh, Reuben. Ồ, tôi có thể thấy phòng ngủ

của Behan từ trên đây. Gã ta đang lên giường với một cô gái trẻ trung. Có lẽ anh muốn xem thử”.

Reuben quay lại liền, “Oliver, anh đã không nói cho tôi biết gì cả”.

Annabelle nhìn thấy Stone đang nổi cáu, “Không sao đâu, Oliver, thật ra Susan cũng đâu phải là tên thật của tôi. Sốc quá hả?”

Một phút sau họ nghe tiếng cửa trước mở ra rồi đóng lại. Reuben nhanh nhẩu nhìn vào kính viễn vọng, nhưng rồi rên rỉ, “Khi thật, chắc hai người đó làm xong rồi”. Ông quay sang nhìn Oliver và nói một cách kính nể, “Chúa ơi, một người phụ nữ đấy”.

Vâng, Stone nghĩ, một người phụ nữ thật sự.



Annabelle bước vào xe, khởi động máy và lúi búi ảnh ra, tay xoa xoa cái cổ tay nơi Oliver đã nắm thật chặt ban nãy. Oliver thật sự đã bắt được cô ta móc túi ông. Từ nhỏ, cha mẹ cô ta đã huấn luyện cô ta đi lừa đảo móc túi du khách ở cái vùng Los Angeles này, và chưa bao giờ cô ta bị bắt tại trận cả. Ngày mai sẽ là ngày thú vị lắm đây.

Rồi cô ta hướng sự chú ý đến tấm hình, thật kỳ lạ làm sao khi một tấm hình nhỏ bé như vậy lại khơi gợi lên thật nhiều kỷ niệm. Chỉ có năm đó, là năm duy nhất trong cuộc đời cô ta được sống một cuộc đời gọi là bình thường. Có thể đối với người khác, những điều như vậy thật tẻ nhạt và nhàm chán, nhưng cô ta thì khác, cô ta xem

những điều đó thật tuyệt vời. Cô ta gặp người mình yêu, với những lý do chẳng giấu diếm, không có kế hoạch sâu xa, chẳng phải là một mưu mô toan tính lọc lừa nào cả. Đơn giản là ông ta yêu cô ta mà thôi. Chuyện tình nhà học giả và cô nàng lừa đảo. Tất cả mọi người đều phản đối họ quen nhau, và cô ta thừa biết rằng, chỉ có kẻ khờ mới đi chống lại số đông kia mà thôi.

Vậy mà, nhà học giả lịch lãm ấy lại có thể chiếm lấy trái tim cô ta, trái tim đã chai sạn và đầy vết xước. Khi họ vừa bắt đầu quen nhau, Jonathan, tên người đàn ông ấy, đã hỏi cô ta liệu rằng cô ta đã từng suu tầm bất cứ thứ gì chưa. Annabelle trả lời “Không”, điều đó chắc chắn là không nói thật, cô ta tự nhủ. Có lẽ cô ta cũng đã từng suu tầm cái gì đó, như những cơ hội thất bại chẳng hạn.

Cô ta liếc nhìn căn nhà to lớn cũ kỹ. Nếu mọi chuyện đi theo kế hoạch, ắt hẳn rằng cô ta và Jonathan đã cùng chung sống ở đó, với một lũ con. Biết đâu được, có thể lắm chứ. Nhưng dẫu sao thì cũng là một chuyện tốt khi kết cục không diễn ra như vậy, vì cô ta sẽ là bà mẹ tệ nhất trên đời.

Rồi cô ta nghĩ đến vấn đề hiện tại. Jerry Bagger sẽ xuất hiện trong hai ngày tới, cách tốt nhất là rời khỏi đất nước này, cho dù cô ta đã lên cuộc hẹn với đám đàn ông vào ngày mai. Annabelle quyết định trong tích tắc. Cô ta sẽ ở lại và giải quyết mọi chuyện. Cô ta đã mắc nợ Jonathan, và cả chính bản thân mình, bởi vì, thời điểm này là lúc tốt nhất để đặt dấu chấm hết cho bộ suu tập những cơ hội thất bại của cô ta.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 31



nnabelle và Hội Camel tụ tập tại ngôi nhà của Stone vào lúc 7 giờ sáng hôm sau.

“Chỗ này có vẻ ấm cúng đấy nhỉ”, cô ta vừa nói vừa đảo mắt nhìn không gian nhỏ xung quanh. “Và ông có hàng xóm hơi kín tiếng đấy”, cô ta hát hàm về hướng những ngôi mộ ngoài cửa sổ.

“Có đôi khi tôi thích làm bạn với người

chết hơn là người sống đấy”, Stone trả lời cộc lốc.

“Tôi hiểu mà”, Annabelle vui vẻ tán thành, rồi ngồi xuống ngay phía trước bệ lò sưởi trống trải. “Chúng ta bắt đầu thôi, các anh”.

Reuben ngồi sát bên cô ta, nhìn háo hức cứ như chú chó nhỏ đang đợi vài cái vuốt ve. Caleb, Milton và Stone ngồi đối diện.

“Đây là kế hoạch của tôi”, Stone mở lời, “Milton tìm cách điều tra thông tin về Bob Bradley càng nhiều càng tốt, có khi thông tin hữu dụng đấy. Tôi sẽ đến nhà Bradley, chính xác hơn là những gì còn lại của căn nhà đó, và xem có tìm thêm được manh mối gì không.

Reuben từng có thời gian bám tại Lầu Năm Góc, cho nên ông sử dụng hết mấy mối liên hệ ở đó, xem có tìm hiểu được hợp đồng quân sự của Behan mà cha ông nhà Bradley có thể từng đạt được”. Annabelle liếc mắt nhìn Reuben, “Lầu Năm Góc à?”

Ông ta cố tạo vẻ khiêm tốn, “Ba lần tham chiến ở Việt Nam. Nhận đủ huy chương danh dự để trang trí cây Noel đấy. Này, đây chỉ là phục vụ đất nước thôi nhé!”

“Tôi nào có biết”, Annabelle trả lời, rồi quay sang Stone. “Thế còn cái chết của Jonathan? Làm sao chúng ta lại có ý nghĩ có kẻ đã giết ông ấy?”

“Tôi đặt ra giả thuyết về chuyện này, nhưng cũng đồng nghĩa với việc chúng ta phải quay trở lại Thư viện Quốc hội và kiểm tra hệ thống chữa cháy tại đó. Chỉ có một vấn đề là chúng ta chẳng biết hệ thống đó nằm ở đâu trong tòa nhà. Caleb chẳng tìm ra vì một lý do nào đó nó lại được bảo mật, có lẽ để tránh bị phá hoại, dù điều đó đã xảy ra. Tòa nhà lại rộng lớn đến nỗi có tìm từng phòng, chúng ta cũng chẳng có đủ thời gian. Ngoài ra, chúng ta cũng cần tìm ra cấu trúc của hệ thống thông gió tại căn phòng mà xác Jonathan được tìm thấy”.

Cô ta thắc mắc, “Hệ thống chữa cháy thì có liên quan gì đến chuyện này?”

“Đó chỉ là giả thuyết của tôi mà thôi”, Stone trả lời ngắn gọn.

“Vậy thì kiến trúc sư của tòa nhà chắc phải biết vị trí của hệ thống báo cháy và hệ thống thông gió chứ?”, Annabelle nhận định.

“Họ phải biết”, Stone tán thành, “Dù tòa nhà Jefferson này được xây dựng vào cuối những năm 1800, nhưng người ta tiến hành tu

sửa toàn diện cách đây một năm mà thôi. Người kiến trúc sư của Tòa nhà Quốc hội có bản vẽ nhưng chúng ta chẳng có cách nào tiếp cận được cả”.

“Họ có thuê một công ty kiến trúc tư nhân nào đó để tiến hành việc sửa chữa không?”, cô hỏi.

Caleb búng tay cái tách, “À, có, một công ty nào đó ngay thủ đô. Giờ tôi mới nhớ, bởi vì chính phủ cố khuyến khích nền kinh tế địa phương cũng như củng cố mối quan hệ nhà nước - tư nhân nhiều hơn”.

“Vậy là tìm được đáp án”, Annabelle ủng hộ.

“Tôi thì không biết rõ lắm”, Stone lên tiếng. “Chúng ta cũng chẳng tìm ra cách nào để tiến đến gần mấy bản vẽ đó cả”.

Cô ta nhìn Caleb, “Anh có thể giúp tôi tìm ra tên công ty đó không?”

“Chắc được”.

“Vấn đề duy nhất là liệu họ có cho chúng ta chụp hình bản vẽ không đã. Điều đó sẽ khó, chưa kể việc cobby bản vẽ càng khó hơn”. Cô ta lẩm bẩm, trong khi Hội Camel nhìn cô ta với ánh mắt đầy hoài nghi. Cuối cùng, cô ta lên tiếng trấn an, “Tôi sẽ tìm cách lén vào công ty kiến trúc đó, nhưng chúng ta cần có bản cobby của bản vẽ nếu chúng ta muốn tìm ra vị trí phòng chữa cháy và hệ thống thông gió trong tòa nhà”.

Milton mở lời, “Tôi nghĩ mình có thể ghi nhớ được hình ảnh đấy. Nếu tôi nhìn bản kế hoạch một lần, chúng sẽ nằm trong đầu tôi thôi”.

Cô ta nhìn ông ta ngờ vực, “Tôi nghe nhiều người nói điều này rồi,

nhưng thường sự thật chẳng như vậy”.

“Tôi có thể cam đoan với cô rằng, điều này hoàn toàn là sự thật với tôi”, Milton trả lời với vẻ không hài lòng.

Cô ta đến kệ sách, vươn tay lấy một quyển sách ra khỏi giá, và mở đến những trang giữa, rồi đưa cho Milton xem, “Này, anh xem đi nhé!”. Ông ta nhìn vào sách, gật đầu. Annabelle quay quyển sách về phía mình, rồi bảo, “Được rồi, ngàicoppo, xin mời ngài bắt đầu làm việc nào”.

Milton bắt đầu đọc sách theo trí nhớ của mình, đọc cả dấu chấm phẩy, mà không hề phạm một lỗi nhỏ nào.

Lần đầu tiên trong mối quen biết của mình, Annabelle nhìn có vẻ ngưỡng mộ. “Anh có đến Las Vegas bao giờ chưa?”, cô ta hỏi. Ông ta lắc đầu, “VẬY anh nên thử đi”.

“Bộ không phải đánh bài là phạm luật sao?”, Stone hỏi, nhanh chóng suy luận ra những gì cô đang ngập ngừng.

Cô ta trả lời, “Không, miễn là anh không dùng máy móc hay vi tính hỗ trợ”.

“Tuyệt thật”, Milton thốt lên, “VẬY là tôi có cách kiếm tiền rồi”.

Annabelle cắt ngang, “Nhưng trước khi anh bắt đầu nuôi hy vọng, anh hãy nhớ rằng, nếu anh sử dụng trí óc của mình, điều đó không phạm luật, nhưng nếu họ bắt quả tang, anh sẽ bị đánh bầm dập đấy”.

“VẬY à, vậy thì thôi”, Milton tỏ vẻ hoảng hốt.

Cô ta quay sang Stone, “Thế ông nghĩ tại sao Jonathan bị sát hại vậy? Đừng trả lời kiểu nước đôi nữa nhé”.

Stone quan sát cô ta một lúc rồi quyết định nói, “Caleb phát hiện ra

thi thể của Jonathan. Ông ta ngất xỉu ngay sau đó. Ở bệnh viện, y tá báo ông ta khỏe hơn, còn nhiệt độ của ông ta ngày càng tăng, chứ không hề giảm”.

“Vậy ý của ông là sao?”

“Hệ thống chữa cháy tại Thư viện Quốc hội sử dụng một chất gọi là chất Halon 1301”, Caleb lên tiếng giải thích. “Nó ở dạng lỏng khi nằm trong ống, nhưng khi ra khỏi vòi nó trở thành khí. Nó dập tắt lửa bằng cách tiêu hủy khí ôxy trong môi trường”.

“Điều đó có nghĩa là Jonathan có thể chết ngạt à! Trời ơi, ý ông là cảnh sát đã bỏ qua chi tiết đó và chẳng quan tâm đến việc bình gas trống không ư?”, Annabell tức giận.

“Chẳng có bằng chứng nào cho thấy hệ thống chữa cháy có liên quan trong vụ này”, Stone tiếp tục nói. “Không có còi báo động, hệ thống vẫn trong tư thế sẵn sàng, cho dù có thể nó bị tạm ngưng rồi lại được kết nối ngay sau đó. Ngoài ra cũng chẳng có hơi gas gì cả”. “Trên hết, chất Halon 1301 cũng chẳng thể giết nổi Jonathan, nhất là trong mức dùng để chữa lửa ở thư viện như vậy”, Caleb thêm vào. “Tôi đã kiểm tra. Đó cũng là lý do người ta dùng chất này ở nơi đông người”.

“Vậy thì chuyện này sẽ đi đến đâu?”, Annabelle thắc mắc. “Các anh đang nói chuyện có vẻ lập lờ. Nguyên nhân là do khí gas mà cũng không phải là khí gas. Vậy đó là gì?”

Stone tiếp tục phản thảo luận, “Một trong những yếu tố có liên quan là việc hạ nhiệt độ trong phòng. Caleb phát hiện thi thể của Jonathan, rồi cảm thấy ớn lạnh và ngất xỉu ngay tức thì. Tôi tin rằng khí gas đã làm anh ta trở nên như vậy, đó cũng là lý do cô y tá

bảo nhiệt độ của anh ta tăng lên. Tôi cho rằng Caleb ngất xỉu vì mức ôxy trong kho sách rất thấp, nhưng không đủ thấp để hại anh ta, vì anh ta vào phòng sau Jonathan nửa tiếng”.

Annabelle nói tiếp, “Vậy rõ ràng không phải do cái chất Halon 1301 này. Vậy còn chất khác à?”

“Chính xác là thế. Chúng ta phải điều tra đó là chất gì”.

Annabelle đứng dậy. “Được rồi, tôi cần bắt tay nghiêm chỉnh vào các công việc chuẩn bị đây”.

Stone đứng lên, đối diện với cô ta, “Susan, trước khi cô thực sự bắt tay vào việc, cô cần biết rằng có vài tay nguy hiểm liên quan trong chuyện này. Cá nhân tôi cũng tìm ra chứng cứ chứng thực. Điều đó có thể rất mạo hiểm đấy”.

“Oliver, như thế này nhé, nếu có chuyện gì nguy hiểm hơn điều tôi đã từng thực hiện trong tuần trước, tôi sẽ không làm nữa”.

Stone có vẻ sững sốt khi nghe tuyên bố trên, ông lùi ra sau.

Annabelle choàng vào tay Milton, “Milton ơi, đã đến lúc chúng ta đi với nhau rồi”.

Reuben có vẻ thất vọng, “Sao lại là Milton nhi?”

“Bởi vì anh ấy là cái máy cobby Xerox nhỏ nhắn của tôi”. Cô ả véo má của Milton làm ông ta đỏ mặt, “Nhưng trước tiên chúng ta cần tìm bộ trang phục thích hợp cho anh ấy, hợp phong cách”.

“Đồ này có vấn đề à?”, Milton thắc mắc, vừa nhìn xuống cái áo ấm màu đỏ và chiếc quần jeans, chúng vẫn rất sạch sẽ và phẳng phiu.

“Chẳng có vấn đề gì hết”, cô ta trả lời. “Nó chỉ không giống những gì tôi cần mà thôi”. Cô ta chỉ về phía Caleb, “Gọi cho Milton khi anh tìm ra tên của cái công ty đó”. Cô ta búng tay, “Đi thôi nào,

Miltie”.

Cô ta sai bước ra ngoài. Milton với khuôn mặt vẫn còn ngỡ ngàng, nhìn những người còn lại và rên rỉ, “Miltie ư?”

“Milton!”. Tiếng Annabelle gọi từ bên ngoài, “Đi thôi!”

Milton bước vội ra khỏi cửa. Reuben lập tức bám lấy Stone, “Anh tính để ả dẫn anh ta đi à?”

“Vậy anh có đề nghị tôi làm gì không hả Reuben?”, Stone trả lời cộc lốc. “Người phụ nữ đó nhanh như sóc và dữ dội như động đất vậy”.

“Tôi không hiểu lắm, tôi nghĩ.. anh có thể... Ông ta ngồi phịch xuống ghế và than thở, “Khốn kiếp, sao tôi lại không có trí nhớ thiên tài nhỉ?”

“Ôn Chúa, anh không phải dạng đó”, Caleb thốt lên, giọng đầy vẻ kính tởm.

“Sao anh lại nói thế?”, Reuben gay gắt.

“Bởi vì cô ả có thể gọi anh là Ruby, tôi mà nghe thế chỉ muốn buồn nôn mà thôi”.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 32



au đó, tại thư viện, Caleb gửi thư điện tử cho phòng văn thư. Một giờ sau, ông ta tìm ra tên của công ty kiến trúc tư nhân đã giúp phục hồi tòa nhà Jefferson. Ông ta gọi cho Milton thông báo về thông tin đó.

“Thế còn chuyện người phụ nữ ấy đến đâu rồi?”, ông thì thầm.

Milton cũng thì thầm lại, “Cô ả mua cho tôi một bộ cánh đen tuyền, cùng với chiếc cà vạt cực chói, cô ả còn bắt tôi làm đầu tóc lại nữa đấy, đúng là trò lố bịch hết cỡ”.

“Thế có bảo cho anh biết tại sao lại làm vậy không?”

“Vẫn chưa”. Ông ta im lặng rồi tiếp, “Này anh bạn Caleb, cô ả làm tôi sợ đấy. Cô ta quá ư là tự tin”. Milton thường không biết cách thể hiện, nhưng có lẽ đây là điều chân thật nhất mà anh ta từng nói. “Ráng thôi, chú em, Miltie”, Caleb gác máy, kèm theo tiếng khúc khích.

Kế đến ông ta gọi cửa hàng Vincent Pearl, cho dù thừa biết là chi

nghe tiếng máy điện thoại tự động, vì cửa hàng bán sách độc này tới tận chiều tối mới mở cửa. Số là ông ta chẳng muốn nói chuyện với ông chủ tiệm bởi vì ông ta vẫn chưa quyết định sẽ bán bộ sưu tập sách của Jonathan như thế nào cả, trên hết là ông ta chẳng biết nên tính quyềnThánh ca của Kinh Cựu ướckiểu gì. Bảo đảm sự xuất hiện của nó sẽ làm thị trường sách hiếm xôn xao, và hiển nhiên ông sẽ nằm giữa tâm điểm của sự hỗn loạn ấy, ý nghĩ này vừa khiến ông e ngại lại vừa phấn khích. Dầu sao thì làm người hùng của ánh hào quang cũng hay, đặc biệt là người như ông, lúc nào cũng chỉ chui rúc vào xó thư viện tẻ nhạt.

Lý do duy nhất khiến ông ngần ngại là ý nghĩ lờ như Jonathan đã bằng cách nào đó chiếm đoạt quyềnThánh Canày bất hợp pháp thì sao? Đó cũng là lý do ông ta giữ bí mật về nó, và chắc rằng Caleb chẳng đời nào muốn bêu xấu bạn mình.

Caleb thôi không nghĩ ngợi nữa, ông tiến lại chỗ bà Jewell English, cũng giống như ông cụ Norman Janklow, người yêu thích các tác phẩm của Hemingway, họ là độc giả thường xuyên và trung thành trong suốt mấy năm qua.

Khi thấy ông đến, Jewell gỡ mắt kính và cất những mẫu giấy với dòng chữ nắn nót vào trong một bì hồ sơ. Bà ta ra hiệu cho anh ngồi cạnh, rồi nắm cánh tay ông, hào hứng, “Anh Caleb à, tôi đã tìm ra được một quyển khá hay của nhà in Beadles, quyểnMaleska- người vợ Ấn Độ của thợ săn da trắng. Quyển đó cực hay anh ạ”. “Tôi nghĩ ở đây có một bản đấy”. Ông suy tư, “Nhưng bà phải chắc là quyển đó mới toanh đấy nhé. Sách của Beadles xuất bản không được chuyên nghiệp lắm”.

Jewell vỗ tay, “Vây ư, nhưng anh Caleb này, vẫn hay đó chứ? Quyền đó hay số một đấy”.

“Ừ, rất hay. Tôi có thể lấy cho bà nếu bà cần”.

“Anh thật là đáng mến. Tôi phải mời anh lúc nào đó uống nước, và cùng trò chuyện. Chúng ta có nhiều điểm giống nhau lắm”. Bà ta vỗ vỗ tay ông và nhướn đôi lông mày được vẽ chì cẩn thận, tỏ ý sâu xa.

Cẩn thận, Caleb vội lên tiếng, “Cũng được đấy. Chắc là lúc nào đó, rảnh rỗi, trong tương lai, có lẽ vậy”. Ông cố không quay vội lại bàn làm việc. Dù bị một bà già gần bảy mươi bốn cọt, ông cũng chẳng tỏ vẻ gì là bị xúc phạm cả, thay vì thế, ông trở lại bản tính vui vẻ của mình lúc đầu và quan sát căn phòng. Mọi thứ yên ắng, với những người say mê đọc sách như Jewell và Norman Jankflow cặm cụi bên giá sách cũ, và thế giới trong hoàn cảnh đó cũng trở nên lành mạnh và tích cực hơn thực tại. Caleb thích ảo tưởng đó, cho dù chỉ là vài giờ trong ngày,thôi thì trở lại một chút bình yên với chỉ giấy bút và nghiên mực.

Hai mươi phút sau, trong khi ông đang ngồi cắm cúi tại bàn làm việc thì cửa phòng đọc sách bật mở. Ông ngẩng đầu lên, lạng người vài giây. Cornelius Behan đang rảo bước đến bàn tra cứu thì thấy Caleb. Gã nói gì đó với người phụ nữ ở bàn trong góc, cô ta chỉ về hướng Caleb. Ông đứng dậy khi thấy gã bước tới, ông chìa tay ra. Gã không mang theo mấy tên vệ sỹ. Có lẽ nhân viên bảo vệ không cho mang súng ống vào đây.

“Ngài Behan phải không ạ?”, Ông cất lời. Và rồi ông mừng rỡ ra cảnh Behan không mặc quần lót. Ông bật cười khẽ. “Xin lỗi”,

ông chống chế, “tôi bị sặc”.

“Gọi tôi là CB được rồi”. Họ bắt tay nhau. Behan nhìn quanh phòng, “Tôi không biết có nơi như vậy đây. Anh phải đẩy mạnh quảng cáo thêm chứ”.

“Chúng ta hoàn toàn có thể nâng cao nhận thức quần chúng”, Caleb tán đồng. “Nhưng với nguồn kinh phí hạn hẹp, thật khó tìm ra chi phí”.

“Tin tôi đi, tôi biết tất tần tật về sự thâm hụt tiền bạc của chính phủ đây”.

“Ngài lúc nào mà không làm việc tốt với Washington”, Caleb buông lời nhận xét, và chợt thấy mình nói hớ khi thấy Behan nhìn ông ta với ánh mắt nghi ngờ.

“Đám tang cũng được tổ chức khá chu đáo đây”, Behan đột ngột thay đổi đề tài. “Rất chu đáo”.

“Đúng vậy. Tôi đi gặp gỡ vài người bạn ở Hill, nhân tiện ghé ngang. Tôi là hàng xóm của Jonathan lâu vậy chứ đâu biết ông ấy làm việc ở đâu”.

“Trẻ vẫn còn hơn không”.

“Chắc Jonathan thích công việc của ông ta ở đây lắm nhỉ?”

“Chắc rồi. Lúc nào cũng là người đi làm sớm nhất cả”.

“Có nhiều bạn, và ai mà chẳng thích ông ấy”, vừa nói, hắn vừa nhìn Caleb dò hỏi.

“Tôi nghĩ Jonathan quan hệ tốt với tất cả mọi người ở đây”.

“Tôi thấy anh cùng một phụ nữ đến nhà của Jonathan tối qua phải không?”

Caleb ứng phó tức thời với sự thay đổi đề tài đột ngột lần này,

“Anh phải sang nhà nếu thấy chúng tôi chứ”.

“Lúc đó tôi không rảnh lắm”.

Chắc thế rồi, Caleb nghĩ bụng.

“Nhưng vài người cận vệ của tôi có trông thấy anh, và họ cũng quan sát khá lâu. Còn cô gái?”

“Cô ấy là chuyên gia về lĩnh vực sách quý hiếm đấy. Tôi nhờ cô ấy đến để xem qua bộ sưu tập của Jonathan để tiến hành một buổi tuyên dương sau này”, Caleb cảm thấy tự thán phục vì dễ dàng nghĩ ra lời nói dối trong tình huống này.

“Vậy còn nhà của Jonathan thế nào?”

“Tôi nghĩ chắc sẽ được rao bán. Tôi cũng không rõ lắm”.

“Chắc tôi sẽ mua căn nhà đó và sửa sang lại thành nhà khách”.

“Căn nhà của ông cũng đã rất to rồi mà”, Caleb buột miệng.

May thay, Behan chỉ cười lớn, “Ồ, đồng ý vậy, nhưng chúng tôi lúc nào cũng đông khách cả. Có khi anh cũng mừng tượng ra họ sẽ làm gì với căn nhà đó rồi chứ, vì chắc hẳn anh đã xem qua toàn bộ căn nhà”. Gã buông lời.

“Không đâu, tôi chỉ quanh quẩn xung quanh mấy giá sách mà thôi”.

Behan chăm chú nhìn Caleb một lúc, “Vậy thì tôi sẽ gọi đám luật sư, rồi tạo công ăn việc làm cho họ”. Rồi do dự trong giây lát, gã tiếp,

“Nhân tiện tôi còn ở đây, anh dẫn tôi đi dạo một vòng nhé! Tôi biết anh cũng có một kho sách quý hiếm ở đây phải không?”

“Đó gọi là phòng đọc Sách Quý Hiếm”, Caleb nảy ra một ý bất chợt. Cho dù điều đó trái ngược với nội quy của thư viện, nhưng mặc kệ, có khi điều đó lại là manh mối quan trọng khám phá ra người đã giết Jonathan. Ông hỏi, “Ông đi tham quan với tôi chứ?”

“Được thôi”, gã hấp tấp trả lời.

Caleb hướng dẫn hắn đi thăm phòng đọc, và dừng lại gần nơi Jonathan DeHaven đã bị sát hại. Không biết là do Caleb tưởng tượng hay không, mà có vẻ Behan nhìn hơi lâu vào cái vòi ống chữa cháy thò ra ngoài tường. Nghi ngờ của ông càng tăng khi Behan chỉ về hướng đó.

“Cái gì vậy?”

Caleb giải thích về hệ thống. “Thực ra chúng tôi dự định sẽ thay khí gas mới thân thiện với môi trường hơn”.

Sau khi Behan đi rồi, Caleb gọi Stone, kể cho ông ấy nghe về cuộc gặp mặt.

Stone nhận xét, “Cách hắn dò hỏi về kẻ thù của Jonathan này nọ rất đáng để quan tâm, trừ phi hắn muốn gán ghép hành động giết người cho kẻ khác. Ngoài ra, chuyện hắn hỏi anh đã xem xét ngôi nhà thế nào càng chứng tỏ thêm điều đó. Tôi tự hỏi liệu hắn có biết về thói tò mò tọc mạch của anh chàng hàng xóm hay không?”

Sau khi gác máy, Caleb cầm quyển sách lấy từ giá sách của người quá cố DeHaven và đi một quãng đường vòng vèo xuyên qua những đường hầm của tòa nhà Madison đến khu Bảo quản sách. Nơi này được chia làm 2 phòng lớn, một dành cho sách, phòng còn lại dành cho vô số những thứ khác. Nơi đây, luôn có gần một trăm chuyên viên bảo quản dốc sức làm việc để phục hồi sách quý hiếm, và những thứ không hẳn là quý hiếm trở về tình trạng tốt nhất của chúng. Caleb bước vào phòng sách, tiến thẳng lại chiếc bàn nơi có một người đàn ông gầy gò, đeo một chiếc tạp dề xanh, cẩn thận giữ từng trang sách của một ấn phẩm gần như xuất hiện đầu tiên tại

Đức. Xung quanh ông ta là cả tá dụng cụ đủ loại, từ máy hàn, bàn xẻng đến những dụng cụ vặn ốc vít thủ công hay dao rọc giấy.

“Chào ông Monty”, Caleb cất tiếng.

Ông Monty Chambers ngẩng lên, nhìn Caleb sau cặp mắt kiếng đen dày cộp và đưa bàn tay đeo găng vuốt mái đầu hói bóng lờng. Ông có cái cằm nhỏ, cạo râu nhẵn nhụi, gần như không chút gì ấn tượng trên khuôn mặt. Ông ta chẳng nói gì cả, chỉ gật đầu chào Caleb.

Bước vào tuổi sáu mươi, Monty được xem là một trong những chuyên gia bảo quản sách kỳ cựu của thư viện. Lúc nào ông cũng được tin tưởng giao cho những công việc khó khăn nhất, và ông chẳng phụ niềm tin đó. Người ta còn đồn rằng ông có tài hóa phép cho những quyển sách gần như bị phá hủy toàn bộ trở nên có giá trị hơn. Ông được tặng thưởng vì đôi bàn tay khéo léo và tỉ mỉ, tính cần cù và sáng tạo trong công việc phục hồi lại những quyển sách cũ cũng như kiến thức uyên bác về kỹ thuật bảo quản và trùng tu sách.

“Có việc làm thêm cho ông đây, Monty ạ, khi nào ông rảnh nhé”, Caleb giọng cao quyển sách, “Âm thanh và Con thịnh nộ bị nước làm hỏng mấy mảnh bìa. Quyển này của Jonathan DeHaven. Tôi đang đàm nhận việc bán bộ sưu tập sách của ông ta”.

Monty xem xét cuốn tiểu thuyết và cất giọng the thé, “Trong bao lâu đây?”

“Tôi có nhiều thời gian lắm. Chúng ta chỉ mới ở giai đoạn đầu thôi”. Những chuyên viên dày kinh nghiệm như Monty lúc nào cũng bận rộn với các công việc lớn nhỏ trong cùng một lúc. Họ ở lại trễ và có khi làm việc cả cuối tuần lúc họ không bị người khác làm phiền.

Caleb còn biết Monty có một khu làm việc với đầy đủ dụng cụ tại nhà ở D.C, đây cũng là nơi ông ta có thể nhận thêm việc ngoài về làm.

“Trả lại tình trạng nguyên thủy được phải không?”

Chuẩn mực của ngành bảo quản yêu cầu rằng khi tiến hành phục hồi sách cũ, phải đảm bảo việc “trở lại tình trạng ban đầu”. Vào cuối thế kỷ mười chín, đầu thế kỉ hai mươi, những chuyên viên bảo quản sách chỉ quan tâm đến việc “phục hồi cho đẹp” mà thôi. Tiếc thay, điều này lại dẫn đến hậu quả là sách phục hồi gần như bị biến đổi, bìa ngoài nguyên thủy bị loại bỏ, trang sách được đóng gáy, bọc da sặc sỡ. Dĩ nhiên, sách sẽ đẹp hơn nhưng tính lịch sử gần như bị hủy hoại vì không thể đổi mới thành cũ.

“Vâng, đúng vậy”, Caleb trả lời. “Ông nhớ ghi lại những công việc cần làm. Chúng tôi sẽ đóng thành tài liệu kèm theo sách khi bán chúng”.

Monty gật đầu và quay trở lại với công việc lúc đầu.

Caleb quay trở lại phòng đọc. Khi trong đường hầm, ông bật cười khẽ. “Miltie”, ông thì thầm. “Còn mái tóc mới nữa chứ”. Đó là tiếng cười hiếm hoi ông có được trong một khoảng thời gian dài.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 33



ôi tên là Regina Collins”, Annabelle cất giọng vui vẻ giới thiệu, vừa đưa danh thiếp cho cô nàng tại quầy tiếp tân. “Tôi có gọi xin một cuộc hẹn với ông Keller trước đó rồi”. Cô ta và Milton đang đứng trước khu vực tiếp tân của công ty kiến trúc Keller và Mahoney. Công ty này tọa lạc tại khu phố cao tầng sầm uất gần Nhà Trắng. Cô nàng

tha thướt trong bộ váy đen tuyền và làm nổi bật lên mái tóc nhuộm đỏ. Milton đứng phía sau, loay hoay hết chỉnh chỉnh sửa sửa cà vạt màu cam lại vuốt vuốt chỏm tóc đuôi ngựa mà cô nàng Annabelle đã tự tay thiết kế.

Một phút sau đó, một người đàn ông cao lớn, trạc năm mươi, với mái tóc xám xuất hiện, tiến đến gần họ. Ông ta mặc một bộ áo kẻ sọc, tay áo xắn lên, và thắt dây lưng màu xanh. “Cô Collins phải không ạ?”, ông ta cất tiếng hỏi. Họ bắt tay nhau và cô đưa cho ông ta danh thiếp của mình.

“Rất hân hạnh được biết ông, ông Keller. Cảm ơn vì đã dành thời gian quý báu để gặp chúng tôi dù chúng tôi chỉ thông báo cho ông chưa được bao lâu. Cô trợ lý của tôi đáng lẽ phải gọi cho ông trước khi chúng tôi rời nước Pháp. Chỉ cần biết rằng, tôi có trợ lý mới rồi đây”. Rồi cô ta chỉ về phía Milton, “Cộng sự của tôi, anh Leslie Haynes”.

Milton vừa cúi chào vừa bắt tay người đàn ông dù ông ta chẳng có chút tự tin nào.

“Xin ông thứ lỗi vì chúng tôi vẫn còn chút mệt mỏi sau chặng đường dài”, Annabelle nhanh nhẩu nói đỡ cho sự vụng về của anh ta. “Thường thì chúng tôi bay chuyến chiều, nhưng lần này hết chỗ, cho nên chúng tôi phải dậy sớm để kịp chuyến bay. Quả là mệt”.

“Không sao, tôi hiểu mà. Chúng ta cùng vào văn phòng tôi nào”, Keller vui vẻ trả lời.

Tại văn phòng của ông ta, mọi người cùng ngồi trò chuyện tại một bàn họp nhỏ.

“Tôi biết ông là người rất bận rộn nên tôi xin phép được đi thẳng vào vấn đề chính. Như những lời tôi trao đổi với ông qua điện thoại, tôi hiện là giám đốc điều hành của một tạp chí kiến trúc cho ngành thương mại Châu Âu”.

Keller liếc nhìn tấm danh thiếp của Annabelle, “La Balustrade. Cái tên hay nhỉ”.

“Cám ơn ông. Giới quảng cáo tốn nhiều thời gian cho nó, còn chúng tôi thì tốn nhiều tiền phát triển nó. Tôi nghĩ ông hiểu điều đó hơn ai hết”.

Keller cười lớn, “Vâng, đúng vậy. Ban đầu chúng tôi cũng xây dựng như vậy, nhưng cuối cùng lại quyết định là lấy tên mình đặt tên cho công ty”.

“Ước gì chúng tôi cũng có lựa chọn như vậy”.

“Nhưng cô không phải người Pháp phải không?”

“Câu chuyện bắt đầu từ khi tôi là cô nữ sinh trung học, người Mỹ, đến Paris trong một chương trình giao lưu. Tôi yêu Paris. Tôi nói được chút ít tiếng Pháp, đủ để gọi món, một chai rượu vang hảo hạng, và giải quyết một số tình huống cấp bách”. Rồi cô ta nói vài câu tiếng Pháp.

Keller bối rối, “Tôi e rằng mình không hiểu cô đang nói gì”.

Annabelle lấy quyển sổ từ chiếc cặp da mang theo, “Để cho buổi lễ khánh thành được diễn ra tốt đẹp, chúng tôi muốn viết một câu chuyện về việc trùng tu tòa nhà Jefferson do chính công ty ông cùng trụ sở Quốc hội hợp tác đảm nhiệm”.

Keller gật gù, “Quả là vinh hạnh cho chúng tôi”.

“Một công trình vĩ đại phải không, từ năm 1984 đến năm 1995?”

“Cô quả là nghiên cứu kỹ vấn đề này. Do chúng tôi đồng thời trùng tu lại tòa nhà Adam phía đối diện và lau chùi, bảo quản những bức tranh trên tường của tòa nhà Jefferson. Tôi theo đuổi công việc này đúng mười một năm đấy cô ạ!”

“Và mọi người đã hoàn thành xuất sắc công việc. Như những gì tôi được biết thì chỉ mỗi khu vực đọc sách thôi cũng tiêu tốn thời gian và công sức của công trình. Nào là những vấn đề về cấu trúc thiết kế, nâng đỡ cột chèo, tôi nghe nói mái vòm cũng là một thử thách lớn, khi vì kèo cần được tu sửa lại cũng khá nhiều?”. Đây là những

thông tin mà Milton vừa tìm ra được trên mạng chỉ mới sáng nay, vậy mà cái cách cô ta miêu tả hàng trăm trang thông tin một cách ngắn gọn và sắc sảo làm cho ông ta thâm kinh ngạc.

“Dĩ nhiên chúng tôi phải gặp nhiều khó khăn, dù cô cũng biết đó là tòa nhà được xây dựng cách đây hàng trăm năm. Nhưng ở vào thời đó mà xây được tòa nhà như thế cũng là cả kỳ công đấy”.

“Tôi phải thừa nhận rằng việc mạ vàng lại ngọn đuốc học tập trên đỉnh tòa nhà với vàng lá 23.5 carat quả là một tác phẩm tuyệt đẹp”.

“Tôi không dám nhận lời khen đó, nhưng tôi cũng công nhận là nhìn ngọn đuốc ấy sáng rực trên lớp mái vòm màu đồng của tòa nhà”.

“Nhưng ông xứng đáng nhận lời khen ngợi vì đã sử dụng những công nghệ xây dựng tiên tiến nhất để giúp tòa nhà trở nên khang trang hơn”.

“Vâng, đúng vậy. Bây giờ thì chúng ta có thể yên tâm rằng tòa nhà sẽ vững chãi thêm vài trăm năm nữa. Hơn tám mươi triệu đôla đổ vào đây, chắc chắn rằng công việc trùng tu phải có kết quả tốt chứ”.

“Chúng tôi có được chụp hình bản thiết kế của công trình không ạ?”

“Tôi e là không, vì lý do an ninh, thưa cô”.

“Tôi hiểu điều đó, nhưng tôi vẫn muốn hỏi ý ông liệu chúng tôi có thể nhìn sơ qua? Khi chúng tôi viết báo, chúng tôi muốn chuyển tải câu chuyện thật đầy đủ về những công việc vĩ đại mà công ty của ông đã bắt tay đảm nhận. Và khi chúng tôi tận mắt xem qua những bản thiết kế ấy, cảm xúc sẽ càng mãnh liệt hơn. Tạp chí của chúng tôi sẽ có mặt tại tám quốc gia khác nhau, cho dù ông không muốn công ty của mình bị đưa lên quảng cáo quá nhiều, nhưng nếu có thì

cũng không đến nỗi nào phải không ạ?”

Keller nở một nụ cười, “Có vẻ như bài báo này sẽ thuận lợi cho việc làm ăn của chúng tôi nhỉ. Chúng tôi cũng có dự định mở rộng kinh doanh ra nước ngoài đấy”.

“Vậy thì không còn gì tiện hơn nữa”, Annabelle nhanh chóng đáp lời.

“Vậy thì cô có ý định xem qua giai đoạn thi công cụ thể nào không?”

“Tôi muốn xem qua hết, nhưng có thể tập trung vào tầng hầm và tầng hai, tôi nghe nói hai chỗ đó khó khăn lắm”.

“Tất cả đều là thử thách, cô Collin ạ”.

“Xin gọi tôi là Regina. Và việc thiết kế lại hệ thống báo cháy nữa chứ?”

“Vâng, đúng là trọng trách khó khăn”.

“Tôi tin là bài báo của mình sẽ thật xuất sắc đấy”.

Keller quay số điện thoại và vài phút sau, họ chăm chú cùng nhau nhìn những bản thiết kế. Milton đứng ở vị trí thuận lợi nhất, vận dụng hết công suất của bộ não, cố gắng ghi nhớ từng chi tiết nhỏ trên bản vẽ. Keller nói chi tiết từng phần, còn Annabelle lại nhanh chóng chuyển hướng câu chuyện sang việc bình luận về phòng chữa cháy của tầng hầm, hệ thống báo cháy và mái vòm phòng đọc sách. “Vậy là các thiết bị của hệ thống báo cháy được lắp đặt tập trung và nằm dưới bề mặt sàn?”, cô ta đặt câu hỏi, vừa chạy dọc ngón trỏ theo phần đang tìm hiểu.

“Chính xác. Chúng tôi thành công trong việc này nhờ vào hệ thống cấp khí mà chúng tôi có. Nhưng hiện tại họ đang chuẩn bị quy trình

thay đổi chất chữa cháy”.

“Chất Halon 1301”, Milton chen vào, Annabelle nhìn ông ta và mỉm cười cảm ơn. “Sát thủ của tầng Ozone. Chỗ chúng tôi cũng có tình trạng tương tự”.

“Đúng vậy”, Keller đồng ý.

“Và hệ thống ống chữa cháy này lại dẫn đến mái vòm quanh khu phòng đọc sách”, cô ta tiếp tục.

“Vâng, điều này quả là gay go vì không gian ở đó hơi hẹp. Nhưng chúng tôi đã cố gắng thiết kế một số hệ thống ống dẫn chính ngay trên các cột chống kệ sách”.

“Mà vẫn chịu lực tốt được phải không ạ. Quả thật là khéo léo”, Annabelle buột miệng khen.

Họ tiếp tục tham khảo bản thiết kế thêm nửa giờ đồng hồ cho đến lúc Annabelle cất tiếng thỏa mãn, “Này anh Lessie, anh có cần xem thêm gì nữa không?”

Ông ta lắc đầu, mỉm cười đầy ý nghĩa, chỉ tay vào trán đầy ngụ ý, “Tôi đã tham khảo xong hết rồi”.

Annabell bật cười, và Keller nhanh chóng cười theo.

Cô ta chụp hình Keller và công sự của ông ta, Mahoney để đính kèm theo bài báo, và hứa sẽ gửi cho họ một bản báo biểu khi xuất bản.Đừng nín thở các bạn nhé.

Khi họ chuẩn bị ra về thì Keller nói với theo, “Nếu mọi người còn câu hỏi nào, đừng ngần ngại gọi điện cho chúng tôi nhé”.

“Ông quả thật là đã giúp chúng tôi rất nhiều đấy ạ”, Annabelle trả lời thật lòng.

Khi họ leo lên chiếc Ford mà Annabelle đã thuê ở đâu đó, Milton

thờ phào, “Lạy Chúa, mọi việc cũng xong. Tôi đồ mồ hôi hột, run
lẩy bẩy, tí nữa là không mở nổi cửa xe đây”.

“Anh đã làm rất tốt, anh Milton ạ. Câu buột miệng về chất Halon
hóa ra lại làm cho Keller thấy thoải mái trò chuyện hơn”.

“Vâng, câu chuyện có vẻ dễ thở hơn, dù có vài lần tôi chỉ muốn nôn
mửa”.

“Quên chuyện đó đi. Chuyện nào cũng có giới hạn của nó, nhưng
quả là anh cũng khá điêu luyện với cách xử lý tình huống đấy chứ”.
Milton rạng rỡ, “Cô thích câu đó à? Tự nhiên tôi buột miệng nói
đấy”.

“Tôi tin là anh rấtghè”.

Ông nhìn cô ta, ngưỡng mộ, “Còn cô thì có vẻ rất quen với những
chuyện như vậy nhỉ”.

Cô ta nhún ga, “Chỉ may mắn thôi”.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 34



rong lúc Annabelle và Milton gặp gỡ với đám kiến trúc sư, Stone lại thám thính nơi Bob Bradley từng ở. Ông đội chiếc mũ mềm, mặc áo khoác rộng, quần thụng, và dắt theo con Goff, chó lai của Caleb. Chú chó này là được đặt theo tên của vị giám đốc đầu tiên tại Khoa Sách Quý Hiếm. Đây là mảnh khóc ông từng sử dụng hồi còn làm

việc cho chính phủ vì chẳng ai lại nghi ngờ một người đang dẫn chó đi dạo cả. Dĩ nhiên, ông chẳng tài nào đoán ra liệu tên Roger Seagraves có dùng cách tương tự để trốn thoát sau khi giết Bradley không nữa.

Khi đến nơi, ông chỉ còn nhận ra phần còn lại của căn nhà là những cột nhà cháy đen, nằm nghiêng ngả, ống khói xám đen. Hai căn nhà nằm bên cạnh nhà Bradley cũng bị hư hại nghiêm trọng. Stone nhìn xung quanh, khu vực này cũng không lấy gì làm khá giả lắm. Đâu phải cứ là đại biểu Quốc hội là lại phát lên như điều gặp gió, thường

thì những người này phải ở hai nơi, một là quê nhà, hai là ở thủ phủ, và lúc nào giá nhà ở Washington cũng cực đắt. Vài đại biểu, đặc biệt là người mới nhậm chức, thường ở chung nhà, hay thậm chí ngủ lại trong văn phòng vì lý do trên. Vậy mà cựu chiến binh Bradley chỉ ở một mình.

Milton đã phần nào cung cấp một số thông tin chính về người đàn ông này, Stone cũng tìm hiểu thêm về ông ta thông qua đồng báo chí tại chỗ trú ẩn của mình. Họ cùng nhau phác họa ra chân dung của Bradley, về Kansas, nơi ông ta được sinh ra và lớn lên, về cuộc đời chính trị đơn thuần của ông, với đặc điểm đáng chú ý nhất là phục vụ mười hai nhiệm kỳ trong Nhà Trắng và từng vươn lên đứng đầu cơ quan tình báo của Nhà Trắng gần mười năm trước khi giữ chức Chủ tịch Hạ viện. Stone nhận biết rằng ông ta có vẻ là người trung thực, và cuộc đời sự nghiệp của ông ta không vướng vào bất kỳ vụ xì-căng-đan nào cả. Có vẻ như mục đích làm trong sạch Quốc hội đã làm nảy sinh vài kẻ thù đầy thế lực và dẫn đến cái chết của ông ta. Có người sẽ cho rằng ám sát một người đứng vị trí thứ ba ứng cử chức vụ tổng thống quả là táo tợn và liều lĩnh. Stone biết rằng đó là điều không tưởng - vì nếu có thể giết tổng thống, thì thế giới chẳng còn gì là an toàn cả.

Án mạng của Bradley vẫn được công khai là trong giai đoạn điều tra, dù các phương tiện truyền thông báo chí sau thời gian liên tục đăng tải câu chuyện, cũng bắt đầu chìm vào im lặng. Có vẻ như cảnh sát đang dần kết luận rằng chẳng hề tồn tại nhóm khủng bố nào, và cái chết của Bradley còn có nhiều uẩn khúc hơn; chỉ là hành động quá khích của một nhóm người nào đó.

Ông dừng lại tại một gốc cây cho chú chó Goff “trút bầu tâm sự”. Stone có thể đánh hơi được bầu không khí điều tra dò xét đang bên cạnh mình. Dầu sao thì ông cũng dày dặn kinh nghiệm gián điệp để nhận biết chiếc xe tải đậu phía cuối con đường chỉ là giả mạo, và hai người đàn ông ngồi trên xe có nhiệm vụ giám sát căn nhà của nạn nhân để tìm ra thêm manh mối nào đó. Một trong số căn nhà trong khu vực chắc chắn đã được FBI và nhóm điều tra trung dụng cho việc theo dõi 24/24 trong suốt tuần. Chắc chắn ông cũng không lọt ra khỏi tầm ngắm của ống nhòm và các thiết bị theo dõi. Bất giác, ông kéo mũ xuống thêm một chút, làm ra vẻ gió mạnh vừa thổi qua. Đang đảo mắt nhìn quanh, bất chợt ông phát hiện ra một thứ, ngay lập tức ông quay ngoắt lại và bước nhanh về hướng khác, kéo lê con Goff theo. Một chiếc xe tải nhỏ màu trắng với dòng chữ “Công trình công cộng D.C” vừa mới rẽ vào con đường, và đang tiến về phía ông. Ông chẳng có ý định là tìm hiểu xem liệu đó có phải là xe công, hay là trên xe lại đầy những kẻ chuyên gây đau đớn cho người khác.

Ông rẽ phải vào ngõ kế tiếp và cầu thăm trong bụng cho chiếc xe không đi theo. Dù khu vực dày đặc cóm FBI, nhưng điều đó cũng chẳng đảm bảo rằng ông sẽ an toàn. Đám FBI đó cũng có thể sẽ hùa đầy ông vào chiếc xe tải đầy những kẻ thích tra tấn và rồi vẫy tay chào tạm biệt ông. Ông mài miết đi thêm hai dãy phố nữa trước khi giảm tốc độ, cho con Goff nhảy nhặng xị lên, ông từ từ liếc nhìn về phía sau lưng. Không còn thấy bóng dáng chiếc xe tải đâu cả, nhưng đó cũng có thể là chiêu lừa của chúng, vì trong lúc ông không để ý nhất, chúng sẽ lại xuất hiện từ phía khác. Vừa nghĩ đến đó, ông gọi

đi động ngay cho Reuben. Người anh em to lớn của ông vừa mới xong việc tại khu vực bốc dỡ.

“Tôi sẽ đến đó trong vòng năm phút nữa, Oliver”. Giọng Reuben vang lên qua điện thoại, “Có một trạm gác của cảnh sát cách chỗ anh đứng hai dãy phố, cứ thẳng tiến, nếu mấy tên chết tiệt đó có động tĩnh gì, anh cứ la làng lên như sắp sửa xảy ra một vụ đâm máu vậy”.

Stone tiến bước, dẫu sao thì ngoài những lỗi lầm của mình, Reuben vẫn là người bạn chân thật và mạnh mẽ nhất mà ông đang cần phải có.

Đúng như lời hứa, Reuben đang lái chiếc xe tải chở hàng lao nhanh từ phía cuối đường, Stone và Goff nhảy phóc lên xe.

“Xe máy của anh đâu?”, Stone hỏi khi vừa yên vị trên xe.

“Mấy tên du côn cuỗm đi mất rồi. Tôi muốn giữ bí mật chuyện này”.

Khi họ ra khỏi khu vực nguy hiểm, Reuben giảm tốc độ rồi dừng hẳn.

“Nãy giờ tôi luôn nhìn vào kính chiếu hậu, Oliver ạ”, ông ta kể lại sự việc, “Nhưng tôi chẳng thấy động tĩnh gì cả”.

Stone vẫn cảnh giác, “Chắc chúng thấy tôi trên đường”.

“Anh hóa trang đánh lừa chúng được mà”.

Stone lắc đầu phản đối, “Những người như thế đâu dễ đánh lừa”.

“Vậy chúng chỉ như mò mò thôi, đợi anh dẫn chúng đến mỏ vàng”.

“Vậy thì đợi hơi lâu rồi”.

“À, tôi định nói với anh rằng, một người bạn của tôi ở Lầu Năm Góc đã gọi lại. Anh ta cũng không biết nhiều về Behan và cái hợp

đồng quân sự đó, nhưng anh ta có tiết lộ chút thông tin đáng quan tâm. Tôi cũng có nghe nói về việc thông tin mật bị ăn cắp và tiết lộ qua báo chí, nhưng sự thật còn tệ hơn nhiều. Từ câu chuyện của bạn tôi, tôi phát hiện ra thêm vài phần tử xấu mưu đồ bán nước cho kẻ thù chúng ta ở vùng Trung Đông và Châu Á”.

Stone nghịch nghịch sợi dây dắt con Goff rồi hỏi, “Reuben này, thế còn bạn của anh trong Đội Trọng án, hay FBI có liên lạc lại với anh không?”

“Điều đó mới lạ, chẳng ai thềm liên lạc lại. Tôi đang tự hỏi tại sao đây”.

Vậy mà tôi lại hiểu đấy, Stone nghĩ bụng, tôi cực kỳ hiểu rõ tại sao.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 35



ọ gặp nhau tại căn lều của Stone chiều hôm đó. Annabelle và Milton kể lại cuộc chạm trán với đám kiến trúc sư. Dựa vào trí nhớ siêu phàm của mình, Milton đã vẽ lại chi tiết bản phác thảo vị trí căn phòng chữa cháy và hệ thống thông gió.

Caleb nghiên cứu bản vẽ, thốt lên, “Tôi biết chính xác nó ở vị trí nào rồi,

chắc là phòng lưu trữ”.

“Có khóa không?”, Stone hỏi.

“Chắc có”.

“Tôi cá rằng chúng ta phải có chìa khóa ở đâu đó nhỉ”, Stone lẩm bẩm.

Caleb có vẻ cảnh giác, “Chìa khóa à? Ý anh là gì đây, anh bạn?”

“Tôi nghĩ có vẻ như anh ta đang lên kế hoạch đột nhập vào căn phòng đó”, Annabelle lên tiếng trả lời thay.

“Này Oliver, anh không nói đùa đấy chứ. Tôi mong là tôi nghe nhầm, việc anh đóng vai học giả người Đức vào khu đọc sách nghe còn có vẻ khả thi, chứ tôi không tán thành việc anh đột nhập vào Thư viện Quốc hội đâu nhé”.

Annabelle nhìn Stone với ánh mắt ngờng mộ, “Anh đóng vai học giả người Đức à? Hay nhỉ”.

“Cô đừng khiêu khích anh ta nữa”, Caleb bắt đầu câu gắt. “Oliver này, tôi là người làm công của liên bang đấy”.

“Có khi nào chúng tôi phủ nhận điều đó đâu?”, Reuben chen ngang. Stone tiếp tục, “Caleb, nếu chúng ta không đột nhập vào phòng đó, thì việc liều mạng chiếm được cái bản vẽ chẳng có nghĩa lý gì cả”. Rồi chỉ vào bản vẽ, ông tiếp, “Anh thấy đó, hệ thống thông gió dẫn đến khu phòng đọc cũng nằm trong phòng chữa cháy. Vậy là một công đôi việc”.

Caleb lắc đầu, “Căn phòng đó nằm ở gần hành lang của tầng hầm chính, lúc nào cũng có người qua lại, chắc chắn chúng ta bị phát hiện liền”.

“Chúng ta cứ giả vờ là đang làm việc tại đó, chắc chẳng ai chú ý cả”. Annabelle tán thành, “Anh ấy nói đúng đấy, Caleb ạ”.

“Tôi cũng đi nữa”, Reuben chen vào, “Tôi chẳng muốn bỏ lỡ trò vui nào nữa đâu”.

Milton phụ họa, “Thế còn chúng tôi thì sao?”

Caleb rên rỉ, “Sao lại đi cả đám thế này?”

Annabelle lên tiếng, “Chúng ta sẽ yểm trợ nhé Milton. Bất cứ kế hoạch nào cũng có thể có bất trắc xảy ra cả”.

Stone nhìn cô với ánh mắt ngạc nhiên, “Tốt thôi, vậy các bạn sẽ

yểm trợ cho chúng tôi. Tôi nay, chúng ta hành động thôi”.

“Tôi nay à!”, Caleb thẳng thốt, “Tôi cần cả tuần để thu hết can đảm đấy. Tôi vừa nhút nhát, lại chỉ là một tay thủ thư quen ở thư viện, làm sao mà dám liều mạng thế”.

“Anh có thể làm được mà, Caleb”, Milton an ủi. “Hôm nay tôi cũng tưởng mình yếu ớt như thế, nhưng mà việc lừa gạt người khác cũng không đến nỗi quá khó. Tôi còn lừa được mấy tay kiến trúc sư, hướng hồ gì là anh, chỗ đó là chỗ anh làm việc mà. Ai lại gây khó dễ với anh cơ chứ?”

“Tôi chẳng biết nữa, sao tôi lại để mình dây vào việc nguy hiểm này cơ chứ?”, Caleb rên rỉ, “Còn nữa, khi chúng ta đến nơi, có khi thư viện đã đóng cửa mất rồi”.

“Anh có thể giúp chúng tôi vào bằng thẻ làm việc của anh không?”

“Chẳng biết nữa, có thể được, có thể không”, ông ta yếu ớt trả lời.

“Caleb”, Stone cứng rắn. “Chúng ta cần phải hành động”.

Caleb thở dài, “Vâng, tôi biết, tôi hiểu”, rồi nói thêm, “Nhưng mà ít nhất cũng cho tôi cơ hội giả vờ chống đối chứ”.

Annabelle đặt tay lên vai ông ta, và mỉm cười, “Anh biết không Caleb. Anh giống một người bạn của tôi, tên anh ta là Leo. Lần nào trước khi làm gì anh ta cũng rên rỉ, than thở, nhưng cuối cùng lúc nào cũng thành công cả”.

“Tôi xem đó là lời khen vậy”.

Stone đằng hắng và mở một quyển tạp chí mang theo, “Tôi nghĩ ít ra tôi cũng tìm ra phần nào những gì chúng ta đang cần”.

Họ hướng sự chú ý sang ông. Trước khi nói, ông bật một bài nhạc cổ điển từ chiếc radio bỏ túi mang theo rồi giải thích, “Lỡ chúng ta

đang bị nghe trộm”. Ông lại hăng giọng, rồi kể cho mọi người nghe về chuyện thám thính căn nhà bị hủy hoại của Bradley. “Họ giết ông ta rồi cho nổ tung nhà. Ban đầu tôi nghĩ đó là vì lý do lẩn trốn của bọn khủng bố, nhưng giờ thì tôi cho rằng có thể còn có lý do khác: biết đâu rằng, dưới danh nghĩa là một người đàn ông chân chính và trung thực, Bob Bradley lại là một tên đồi bại. Và vết tích đồi bại ấy đã tiêu tan đi cùng vụ nổ sau đó”.

“Không thể có việc đó được”, Caleb chống chế. “Người tiền nhiệm ông ta đúng là thối tha, nhưng Bradley thì không. Họ tiến cử Bradley thế vào vị trí của hắn để cải tổ mọi thứ”.

Stone lắc đầu, “Với kinh nghiệm của tôi tại Washington, chẳng ai có thể leo lên cái ghế Chủ tịch Hạ viện của Nhà Trắng chỉ vì kế hoạch thanh trừ tệ nạn tham nhũng cả. Để được như vậy, người đó cần củng cố thể lực của mình cũng như tìm kiếm đồng minh ủng hộ trong nhiều năm. Rõ ràng là việc thăng tiến của Bradley khá bất thường, nếu lãnh đạo phe đa số tại Thượng viện không bị buộc tội chung với Chủ tịch Hạ viện tiền nhiệm thì có lẽ ông ta đã nhận công việc đó. Đảng luôn ủng hộ ông ta. Nhưng rồi các vị lãnh đạo trở nên đồi bại và ngài Bradley của chúng ta trở thành vị anh hùng có công thanh lọc bộ máy chính phủ. Nhưng tôi chẳng muốn đề cập quá nhiều đến chuyện tham nhũng đó nữa. Vai trò của Bradley với tư cách là Chủ tịch Hạ viện đã lấp đi những chức danh khá quan trọng khác mà ông ta đang đảm nhiệm: đó là người đứng đầu Ủy ban Tình báo. Với chức vụ này, Bradley gần như được báo cáo liên tục về những hoạt động bí mật của mọi tổ chức tình báo của Mỹ, bao gồm CIA, NSA và Lầu Năm Góc. Ông ta và đội ngũ của mình sẽ ắt hẳn

có thể tiếp cận với những bí mật quốc gia và những tài liệu đáng giá với kẻ thù của chúng ta”. Stone lật thêm vài trang báo, rồi nói tiếp, “Trong vài năm gần đây, đã xảy ra rất nhiều hoạt động gián điệp chống lại các tổ chức tình báo của nước Mỹ, vài vụ trong số đó đã dẫn đến cái chết của những tay nằm vùng, bốn vụ mới nhất mà báo chí phanh phui và gọi là đồng minh của bộ ngoại giao. Còn theo những nguồn do Reuben cung cấp, có lẽ sự việc còn tệ hơn thế”. “Vậy theo ý anh, Bradley là gián điệp à?”, Milton lên tiếng hỏi. “Tôi đặt trường hợp là có thể”.

Caleb tiếp lời, “Nhưng nếu Bradley làm việc cho kẻ thù của người Mỹ, sao chúng lại giết hắn?”

Stone giải thích, “Có hai khả năng, một là hắn đòi thêm tiền, và bị thủ tiêu, hai là...”

Annabelle ngất ngang, “Người của ta đã giết hắn”.

Stone liếc xéo cô ta và nhẹ gạt đầu, tán thành. Những người còn lại tỏ vẻ kinh ngạc.

Caleb thốt lên, “Người của ta? Ý là người trong chính phủ của chúng ta!”

“Sao lại giết hắn? Sao không buộc tội hắn trước tòa?”, Milton cũng cất tiếng hỏi.

“Bởi vì nếu làm như thế, mọi thứ sẽ bị lộ”, Stone trả lời.

“Và cũng có thể vì CIA và Lầu Năm Góc chẳng muốn người khác biết chuyện họ thất bại”, Reuben thêm vào.

“Và CIA cũng chẳng có lòng nhân từ đâu”, Stone chua chát. “Ngay cả Chủ tịch Hạ viện Nhà Trắng cũng không thoát khỏi bị làm bia đỡ đạn”.

“Nhưng nếu chính phủ chúng ta đứng sau tất cả chuyện này, thì ai là người đã bắt cóc và tra tấn anh vậy, Oliver?”, Milton hỏi tiếp.

Lần này đến lượt Annabelle, “Ông bị tra tấn à?”

“Tôi đã bị một nhóm đầy kinh nghiệm thẩm vấn toàn diện”, Stone thừa nhận.

“Thẩm vấn toàn diện cái gì? Chúng cố dìm chết anh đấy”, Caleb tức tối, “Bằng cách dìm anh vào nước”.

Reuben giận dữ vỗ đùi cái đét rồi tiếp lời, “Dìm nước à. Lạy Chúa, đó chỉ là trò hề của rạp xiếc. Những gì chúng làm với anh bạn Oliver của chúng ta phải gọi là hình thức tra tấn “Ván và nước”! Đấy chứ, có khi còn dã man hơn thế”.

“Để trả lời câu hỏi của anh, Milton ạ, tôi có thể khẳng định rằng tôi không biết những người bắt cóc tôi có liên quan gì ở đây. Chẳng có lý gì nếu như chính phủ đã ra tay giết hại Bradley lại quan tâm đến việc chúng ta tìm ra manh mối. Họ biết hết cả rồi”.

“Vẫn có lý do nếu như tổ chức giết hại Bradley làm việc đó vì động cơ riêng của nó, còn một tổ chức khác lại chơi trò rượt đuổi”, Annabelle đặt giả thuyết, “Ở đây có lẽ đang có sự mâu thuẫn giữa các tổ chức”.

Stone nhìn cô ta với ánh mắt đầy ngưỡng mộ, “Giả thuyết rất hay. Còn chuyện chúng ta tham gia vào trò chơi thể nào cũng còn chưa biết được”.

“Ông vẫn nghĩ rằng cái chết của Jonathan có liên quan đến chuyện này à?”, Annabelle hỏi.

“Mẫu số chung chúng ta tìm được đến giờ là Cornelius Behan”, Stone tiếp lời. “Sự xuất hiện của hắn tại thư viện, cách hắn quan

tâm đến hệ thống báo cháy càng làm sự nghi ngờ của chúng ta có cơ sở. Hẳn là đầu mối cho vụ của Jonathan. Và để tìm rõ ngọn nguồn chúng ta cần phải tìm hiểu cái chết của Jonathan”.

“Vậy là chúng ta vẫn phải đột nhập Thư viện Quốc hội”, Caleb quay lại rên rỉ.

Stone đặt tay lên vai ông bạn mình an ủi, “Nếu tôi nói điều này anh sẽ cảm thấy dễ chịu hơn, Caleb, đây không phải là tòa nhà chính phủ đầu tiên tôi đột nhập vào đâu”.



Chú thích

1. “Ván + nước” là hình thức tra tấn từng được sử dụng tại trại giam khét tiếng Tuol Sleng thời Khmer Đỏ ở Campuchia.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 36



aleb giúp Stone và Reuben qua khỏi công bảo vệ nhờ vào uy tín của mình và lời nói dối rằng đây là những khách viếng thăm khu triển lãm của thư viện sau giờ làm việc, dù giọng nói và điệu bộ của ông ta thật vụng về và gượng gạo.

Trong lúc họ đi thang máy xuống tầng hầm, Caleb cất tiếng phàn nàn, “Tôi có

cảm giác mình vừa gây ra tội ác nghiêm trọng vậy”.

“Tội ác chỉ sắp diễn ra thôi, Caleb”, Stone hưởng ứng, tay giờ cao chòm chìa khóa, “Những gì anh đã làm trên ấy tính ra chẳng thấm thía vào đâu cả”. Caleb chỉ còn biết trân trân nhìn ông.

Họ tìm ra vị trí căn phòng, với những lớp cửa đôi to và dày, Stone nhanh chóng tìm ra chìa khóa mở chúng. Chỉ thoáng chốc sau, họ đã ở trong một căn phòng rộng, và các thiết bị chữa cháy được đặt phía góc tường.

“Giờ thì tôi hiểu tại sao lại cần lớp cửa đôi rồi”, Stone thốt lên.

Những khối xilanh to lớn, mỗi cái có thể nặng cả tấn, sẽ không thể lọt qua khung cửa bình thường. Vài xilanh được nối với ống dẫn xuyên qua trần nhà. Trên các xilanh này là dòng chữ “Khí Halon 1301”. Stone đọc tên của công ty đã lắp đặt hệ thống “Công ty Cứu hỏa”. Tên công ty này cũng được in trên các trụ xilanh trong phòng. Sau đó ông bắt tay vào việc nghiên cứu hệ thống ống dẫn, “Có một cái công tắc dùng tay để điều chỉnh khí, và các ống dẫn phải chạy đến một số phòng khác nữa, ngoài phòng sách. Nhưng tôi không rõ ống nào mới là ống dẫn đến chỗ anh làm việc Caleb ạ”. Reuben nhìn qua vai Stone, “Và anh cũng chẳng biết rõ liệu ống nào đã thoát khí ra đây”.

Stone đến quan sát hệ thống điều hòa không khí, rồi rút bảng vẽ của Milton, chăm chú nhìn vào phần hệ thống điều hòa không khí chạy đến trần nhà.

“Oliver, sao anh có vẻ quan tâm đến hệ thống điều hòa không khí quá nhỉ?”, Reuben thắc mắc.

“Nếu có loại khí nào đó gây ra cái chết của Jonathan, thì tên sát nhân phải biết vị trí chính xác của ông ấy trước khi mở đường ống khí từ tận dưới tầng hầm này”.

Caleb tán thành, “Đúng rồi, sao tôi lại không nghĩ ra điều này nhỉ. Vì đâu có báo cháy thì khí gas sẽ không hoạt động, nên chắc chắn để khí thoát ra, chỉ có cách điều chỉnh bằng tay mà thôi. Nhưng phải có mặt trong phòng này thì mới làm được điều đó, tên sát nhân làm cách nào mà biết chính xác Jonathan sẽ đứng tại vị trí nhất định trong phòng sách nhỉ?”

“Tôi nghĩ hẳn biết công việc thường nhật của Jonathan. Lúc nào,

ông ấy cũng là người đầu tiên có mặt tại phòng sách, kiểm tra một số khu vực nhất định, cả nơi ông ta bị sát hại nữa”.

Reuben lắc đầu, “Cũng có lý, nhưng theo như Caleb kể lại thì anh ta tìm thấy xác của ông bạn DeHaven của chúng ta tại vị trí cách vài mét khí khoảng sáu mét, khẳng định khí gas là nguyên nhân chính gây ra tử vong. Nhưng làm thế nào mà kẻ giết người lại biết sự việc rõ khi hắn ở dưới này nhỉ?”

Stone vẫn còn đang nhìn chăm chăm vào bản vẽ của Milton, thỉnh thoảng ông chỉ tay vào hệ thống điều hòa không khí. “Cái ống này dẫn thẳng đến phòng sách, đi qua tất cả các đường ống của hệ thống”.

“Điều đó có nghĩa là gì?”

Stone nhìn xung quanh hệ thống điều hòa, rồi chợt dừng lại, ông chỉ tay vào một góc khuất tầm nhìn từ vị trí chính của căn phòng.

Reuben và Caleb cùng bước đến.

“Sao lại có một hộp truy nhập nằm ngay trong hệ thống này nhỉ?”, Reuben tỏ vẻ không hiểu.

Stone mở hộp và nhìn vào trong, “Caleb này, anh có nhớ đến miệng ống gần nơi phát hiện ra xác của Jonathan không? Có phải là tấm lưới sắt bị bể cong?”

“Vâng, đúng vậy, anh còn chỉ tôi xem mà. Có liên quan gì đến chuyện này?”

“Nếu có ai đó đặt một camera có gắn cọng cáp dài bên trong hệ thống thông khí của phòng sách, bể cong tấm lưới sắt thì chắc rằng tầm nhìn của camera có thể quay lại rõ vị trí của Jonathan trong phòng sách sáng hôm đó. Còn người này chỉ cần ở dưới này, với thiết bị thu tín hiệu từ camera, tôi tin rằng, hắn hoàn toàn có thể

nhìn thấy từng cử động nhỏ của Jonathan”.

“Mẹ kiếp”, Reuben cất tiếng chửi thề, “Chúng biết lợi dụng hệ thống này quá nhỉ”.

“Vì đó là cách duy nhất để nối dây cáp. Hệ thống vô tuyến không thể hoạt động qua cái đồng bê tông và những vật cản khác”, Stone giải thích, “Tôi tin rằng khi chúng ta kiểm tra hệ thống điều hòa không khí trong phòng sách sau miếng lưới sắt bị bẻ cong, chúng ta có thể tìm ra được dấu tích nơi camera được gắn. Tên sát nhân ngồi đây đợi, rồi hắn nhìn thấy Jonathan, mở công tắc, trước đó là tắt hệ thống báo động, và mười giây sau, khí gas tràn ngập phòng và sát hại Jonathan”.

“Nhưng tên này sau khi sát hại Jonathan, chắc phải tháo camera ra chứ, vậy sao hắn không bẻ tấm lưới sắt lại cho đèn hồng?”
Reuben hỏi tiếp.

“Hắn có làm, chỉ có điều, khi đã bẻ cong rồi, rất khó làm lại hình dáng ban đầu”, ông ngưng lời, nhìn sang Caleb, “Này anh sao vậy?”
Mặt Caleb trắng bệch, “Nếu những gì anh nói là đúng, vậy thì kẻ nào đó, hiện đang làm việc tại thư viện chính là tên sát nhân. Chẳng ai được bước vào phòng sách một mình cả”.

“Tiếng gì vậy?”, Reuben rít lên.

Stone nhìn cánh cửa, cảnh giác, “Có người đang đến, nhanh lên, lại đây nào”.

Họ nép mình vào phía sau hệ thống điều hòa không khí, Reuben gần như phải đỡ ông bạn Caleb đang run lẩy bẩy vào chỗ nấp. Họ chỉ kịp vào chỗ an toàn thì cửa bật mở. Bốn người đàn ông bước vào, tất cả đều mặc đồ bảo hộ lao động màu xanh da trời. Một chiếc

xe nâng do người đàn ông thứ năm lái cũng vừa trở tới sau lưng. Người mới xuất hiện, cũng là ông chủ, lấy ra một bìa hồ sơ và những người còn lại đứng xung quanh.

“Rồi bây giờ chúng ta sẽ lấy trụ này, trụ này, và trụ đằng kia”, ông ta vừa nói vừa chỉ vào ba xilanh, gồm cả hai cái đang gắn với ống dẫn, “rồi thay chúng bằng những trụ đang nằm trên xe nâng nhé”.

Những người thợ cẩn thận tháo rời những trụ xilanh công kênh khỏi ống dẫn. Stone và các cộng sự dõi theo từ chỗ nấp. Reuben nhìn Stone, tính cất tiếng hỏi, nhưng ông lắc đầu, ra hiệu im lặng. Còn Caleb vẫn không ngớt run rẩy, đến nỗi Stone phải nắm chặt một cánh tay, còn Reuben đỡ tay kia để giữ ông ta đứng thẳng.

Nửa tiếng sau đó, ba trụ xilanh đã được đặt yên vị trên xe nâng, trong lúc ba trụ mới được gắn vào hệ thống ống dẫn. Chiếc xe nâng rời khỏi phòng, và những người thợ nối đuôi theo sau. Khi cửa vừa đóng, Stone lập tức đến bên những trụ mới, và đọc nhãn ghi trên thân, “Chất khí FM-200. Caleb này, anh nói rằng thư viện đang thay đổi hệ thống khí chữa cháy à. Chắc là chất này đây”.

Caleb trả lời, “Chắc thế”.

“Vậy thì chúng ta sẽ đi theo họ”, Stone quả quyết.

Caleb lấp bắp, “Làm ơn đi, Oliver, không đi có được không?”

“Caleb, chúng ta phải đi”.

“Tôi... không... muốn chết!”

Stone lay ông ta thật mạnh, “Này, bình tĩnh nào anh bạn. Đi thôi!”

Caleb nhìn trần trời Stone rồi lại lấp bắp, “Tôi chẳng thích cái kiểu anh hành hung tôi như thế”.

Stone phớt lờ, “Chỗ đi lên ở đâu nhỉ?”

Caleb trả lời, rồi mọi người lục tục kéo ra ngoài. Lúc này, điện thoại của Stone reo, đó là Milton. Stone kể vắn tắt chuyện đã xảy ra rồi kết luận, “Chúng tôi theo dấu mấy cái trụ, sẽ liên tục báo tin cho anh”.

Milton tắt điện thoại, nhìn Annabelle. Họ đang ở trong khách sạn của cô ả, ông kể lại câu chuyện.

“Nghe có vẻ nguy hiểm đấy”, cô ả nhận xét. “Họ không biết họ sắp gặp chuyện gì cả”.

“Vậy chúng ta nên làm gì?”

“Yểm trợ họ, anh nhớ chứ?”

Cô ả chạy lại tủ, lôi ra một cái túi, lấy một hộp nhỏ ra khỏi túi.

Milton lập tức bối rối vì nó là hộp đựng băng vệ sinh. Nhận thấy điều này, Annabelle lên tiếng, “Đừng mắc cỡ, anh Milton ạ. Phụ nữ hay giấu những thứ họ không muốn người khác tìm ra trong hộp này đấy”. Cô mở hộp, lấy một món đồ rồi bỏ vào túi áo. “Họ nói tên công ty là “Chữa cháy” ả. Tôi nghĩ họ đang đi đến kho hàng của công ty này đấy. Anh tìm ra chỗ được không?”

“Khách sạn này có mạng không dây, nên tôi tra trên mạng nhanh mà”, vừa nói tay ông ta đã lướt trên bàn phím.

“Tốt quá. Có cửa hàng bán đồ dùng nào gần đây không nhi?”, cô ả hỏi thêm.

Ông suy nghĩ một lát, rồi trả lời, “À, có đấy, có cả vài món đặc biệt nữa. Mà lại mở cửa đến tối nữa chứ”.

“Tuyệt vời”.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 37



hiếc Nova theo sau chiếc xe tải của Công ty Cứu hỏa trong một cự ly an toàn. Caleb ngồi ở vị trí tài xế, kế đến là Stone, còn Reuben ngồi phía sau. “Sao chúng ta không gọi cảnh sát và để họ lo vụ này nhỉ?”, Caleb lên tiếng. “Rồi nói gì cho họ nghe?”, Stone phản ứng. “Anh đã chẳng bảo rằng thư viện đang đổi hệ thống cũ. Những gì chúng

ta biết này giờ, chẳng qua là đúng quy trình. Làm vậy, có khi còn làm cho người vô can tưởng chúng ta có âm mưu gì khác. Chúng ta cần sự dò xét, không cần bọn cớm làm gì cả”.

Caleb trả miếng, “Hay thật đấy! Vậy là tôi phải lao vào nguy hiểm chứ không phải đám cảnh sát kia à? Vậy tôi trả tiền thuế cho chúng làm cái quái gì nhỉ?”

Chiếc xe tải lúc này rẽ trái rồi lại rẽ phải. Họ đi ngang qua khu vực điện Capitol rồi tiến vào vùng khá tồi tàn của thành phố.

Stone cất tiếng, “Chạy chậm lại thôi, xe tải dừng rồi đấy”.

Caleb thắng xe lại bên vệ đường. Lúc này chiếc xe tải dừng trước một cánh cổng khóa bằng xích, một người đàn ông từ phía sân trong bước ra mở cổng.

“Đó là khu nhà kho”, Stone suy đoán.

Xe tải chạy qua cổng vào bên trong, và cánh cổng được khóa lại như cũ.

“Vậy là chúng ta chỉ có thể làm bấy nhiêu mà thôi”, Caleb thở phào nhẹ nhõm. “Trời ơi, chắc tôi phải uống một ly cà phê sữa đậm đặc để lấy lại tinh thần sau một tối kinh hoàng như thế này”.

Stone cất ngang, “Chúng ta cần lọt vào phía sau hàng rào”.

“Đồng ý”, Reuben tán thành.

“Hai anh điên hết rồi!”, Caleb thắng thốt.

“Anh có thể ngồi đợi ngoài xe, Caleb ạ”, Stone trấn an. “Còn tôi phải xem chuyện gì đang xảy ra trong ấy”.

“Lỡ anh bị bắt thì sao?”

“Phải chịu thôi. Nhưng tôi nghĩ cũng đáng mà”, Stone trả lời.

“Còn tôi vẫn ngồi trong xe à?”, Caleb chậm rãi nói. “Nhưng có vẻ như không công bằng cho hai anh lắm, hai anh phải liều mạng...”

Stone ngắt lời ông ta, “Nếu chúng tôi cần chuồn nhanh, thì anh ngồi trong xe, sẵn sàng là tốt chứ sao”.

“Đúng thế”, Reuben gật đầu.

“Vậy thì quyết định vậy thôi”. Caleb nắm chặt vô-lăng và nghiêm nghị, “Đôi khi tôi cũng cài số xe chạy nước rút đấy”.

Stone và Reuben nhẹ nhàng ra khỏi xe và lần về phía tường rào.

Nép mình sau vài tấm ván cũ ngay phía ngoài khu nhà kho, họ dõi

theo hướng chiếc xe tải đang đỗ xích ngay góc sân. Những người thợ bước xuống, và đi vào khu nhà chính. Vài phút sau, họ thay đồ, rồi lái xe riêng đi mất. Một nhân viên bảo vệ khóa cổng và quay trở vào trong.

“Tốt nhất chúng ta nên leo vào từ phía bờ rào bên kia, nơi có xe tải đang đậu”, Reuben đề nghị. “Như vậy, lỡ như tên bảo vệ có quay ra cũng bị xe tải che tầm nhìn”.

“Ý kiến hay”, Stone tán thành.

Họ hồi hả đi vòng về hướng bên kia hàng rào. Trước khi họ chuẩn bị leo rào, Stone lấy cây ném về phía hàng rào rồi nói, “Như vậy để xem có điện hay không”.

“Ừ”

Họ chậm chậm leo qua tường rào, rồi nhẹ nhàng đáp xuống đất, cúi thấp và bắt đầu tiến về phía chiếc xe tải. Khi được nửa đường, Stone dừng lại, ra hiệu cho Reuben cúi rạp người, nhìn xung quanh, khi không thấy ai, họ lại tiếp tục tiến về phía trước. Thành linh, Stone chuyển hướng từ chiếc xe tải sang hướng một khu nhà bê-tông nhỏ sát tường rào. Reuben hấp tấp bám theo sau.

Cánh cửa bị khóa, nhưng Stone vẫn dùng chìa mở được. Bên trong là hàng khối trụ lớn. Stone bật đèn pin nhỏ mang theo bên mình và chiếu xung quanh. Trong nhà, là một bàn gỗ với đầy đủ dụng cụ, máy phun sơn nhỏ trong góc, đặt cạnh vài thùng sơn và chất dung môi, phía trên một vách tường là một bình ôxy với mặt nạ. Stone bật chiếc bật lửa gần những khối trụ lớn, ánh sáng đủ để đọc những dòng chữ trên đó, “FM-200, Innergen, Halon 1301, CO₂, FE-25”. Ông quay lại quan sát xilanh CO₂ kỹ hơn.

Reuben chạm khế vào tay ông và bảo, “Nhìn này”. Stone nhìn theo hướng tay chỉ lên tấm bảng trên tường.

“Công ty Cứu hỏa. Chúng ta biết rồi mà”, Stone nói, giọng thiếu kiên nhẫn.

“Nhìn hàng bên dưới kia”.

Stone thở gấp, “Chữa cháy là một công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ Paradigm”.

“Công ty của Cornelius Behan đó”, Reuben thì thầm.

Caleb ngồi bòn chòn trong chiếc Nova, ánh mắt hướng về khu vực hàng rào. Ông lẩm bẩm, “Thôi nào, sao mà lâu thế?”

Đột nhiên, ông nghiêng người qua một bên. Một chiếc xe chạy vụt qua hướng về phía khu nhà kho. Khi nó đi qua rồi, ông ngồi thẳng dậy, ngực vẫndánh lô tô.Đó là một chiếc xe tuần tiễu, phía ghế sau chễm chệ một con chó Béc-giê Đức rõ to.

Caleb lập tức bấm điện thoại để gọi Stone, nhưng máy lại hết pin.

Lúc nào ông cũng quên phải sạc pin cho cái điện thoại quý quái này cả, vì ông không thích lúc nào cũng kè kè theo nó.

“Lạy Chúa!”, Caleb rên rỉ. Ông hít một hơi thật sâu. “Mày có thể làm được mà Caleb Shaw. Mày làm được”. Ông thở ra một hơi, tập trung và đọc vài dòng thơ yêu thích để lấy can đảm, “Nửa đoàn quân, nửa đoàn quân/Nửa đoàn quân tiến về phía trước/Đến thung lũng Chết/Sáu trăm người cùng tiến bước/Tấn công, hỡi đoàn khinh binh/Xung phong vì súng ống/Tướng quân ra lệnh/Tiến vào thung lũng Chết/Sáu trăm người cùng tiến bước”. Ông ngừng đọc, và ngẩng lên đối diện với thực tại nơi có bảo vệ vũ trang tận răng và chó nghiệp vụ cùng vào cuộc. Lúc này thì ý chí của ông biến đâu

mất ngay khi ngừng đọc thơ.

Ông bực bội, “Quý ngài Tennyson chẳng biết quái gì về nguy hiểm thật sự cả”.

Caleb leo ra khỏi xe, và ngần ngừ tiến về phía hàng rào.

Phía trong bờ rào, Stone và Reuben đang tiến về phía xe tải. Stone cảnh giác, “Nhớ canh chừng khi tôi thám thính nhé”. Ông leo vào phía thân sau xe. Thùng xe trống, chỉ có những thanh gỗ được đóng quanh thân xe, giữ hàng hóa. Ông dùng đèn pin soi rõ phần sơn trên thân trụ. Chỉ có một ống được sơn chữ “Chất Halon 1301”, còn tất cả những ống khác lại được sơn dòng chữ “FM-200”. Ông lấy ra trong túi một hộp nhựa thông và một miếng giẻ vớ được từ khu nhà kho rồi chùi mạnh trên trụ có dòng chữ FM-200.

“Nhanh nào, nhanh nào”, Reuben vừa nói, mắt vừa lảo liên khắp nơi.

Khi lớp sơn phủ bên ngoài dần tan ra, Stone dừng lại và soi ánh đèn pin vào dòng chữ bên dưới, “Chất CO₂”, “5 ngàn ppm”¹.

“Chết tiệt!”, giọng Reuben vang lên từ ngoài. “Chạy thôi nào anh bạn Oliver của tôi”.

Stone nhìn qua phía thân xe. Chó đặc vụ vừa nhảy phóc khỏi chiếc xe tuần tra ngay gần cổng ra vào.

Stone nhảy vội ra khỏi xe tải, nhờ xe tải che khuất tầm nhìn, họ tiến vội về phía hàng rào. Nhưng con chó đánh hơi được mùi của họ, và chỉ thoáng chốc sau, nó bắt đầu gầm gừ, và sục sạo đi về phía họ, theo sau là hai tên lính canh.

Stone và Reuben nhảy bổ về phía hàng rào và bắt đầu leo, nhưng con chó có vẻ nhanh hơn họ. Nó tấp vào quần Reuben.

Phía bên ngoài, Caleb quan sát thấy hết sự việc, có điều, ông không chắc mình có thể làm gì được, ông chỉ có thể thu hết can đảm để làm điều gì đó.

“Giữ lấy nhé”, một giọng cất lên. Reuben ráng hết sức bình sinh đá mạnh chân để con chó thả quần ông ta ra, nhưng nó vẫn ngoạm chặt. Khi Stone quay xuống nhìn, thì đã thấy hai miệng súng đen ngòm chìa về phía họ.

Một tên bảo vệ đánh giọng, “Xuống mau, kéo con chó cắn đứt chân ông đấy”. “Mau!”

Stone và Reuben từ từ leo trở lại. Con chó tha cho họ, dù vẫn còn gặm gù.



“Tôi nghĩ đây chỉ là sự hiểu lầm mà thôi”, Stone lên tiếng phân bua.

“Đúng thế, cảnh sát sẽ tin ông”, tên còn lại chát chúa.

“Chúng tôi có mặt kịp thời để hỗ trợ mấy chú em đây”, tiếng phụ nữ tiếp lời.

Họ cùng nhìn về hướng tiếng nói. Annabelle đứng phía ngoài cổng, bên cạnh chiếc xe hơi, Milton đứng bên cạnh, trong chiếc áo gió và đầu đội mũ với dòng chữ “FBI”.

“Mấy người là ai thế?”, một trong hai tên bảo vệ hỏi.

“Nhân viên FBI McCallister và Dupree”, cô trình thẻ ra và giở áo khoác để lộ huy hiệu và súng dắt bên hông. “Mở cổng, và làm ơn

giữ con chó quý quái đó tránh xa chúng tôi”, cô ta đánh giọng.
“Nhân viên FBI làm cái quái gì giờ này lại ở đây?”, tên bảo vệ có vẻ hơi căng thẳng, nhưng hắn vẫn chạy ra mở cổng.

Annabelle và Milton bước vào. Cô ta quay sang bảo Milton, “Buộc tội chúng, và còng chúng lại”. Milton rút hai chiếc còng từ trong túi, và tiến về phía Stone và Reuben.

“Đội đã”, một tên cản lại. “Chúng tôi có nhiệm vụ bắt những tên đột nhập và báo cho cảnh sát liền”.

Annabelle đến gần tay bảo vệ có khuôn mặt phúng phính, nhìn hắn từ trên xuống dưới rồi hỏi, “Này, chú em vào nghề bao lâu rồi thế?”
“Mười ba tháng. Tôi đã có thể được mang theo vũ khí rồi đó”, hắn tự hào trả lời.

“Chắc chắn là thế rồi. Nhưng mà bỏ cái khẩu súng đó qua một bên đi, kéo lại gây thiệt mạng một người giống chị đây”.

Hắn ngần ngừ chĩa khẩu súng sang hướng khác khi Annabelle giơ thẻ ra lần nữa, “Cái thẻ này có tiếng nói hơn đám cóm địa phương đây”. Những tấm thẻ nhìn y như thật này, chỉ là một trong số những thứ cô đã nhờ Freddy chuẩn bị sẵn và luôn cất chúng trong hộp băng vệ sinh của mình.

Tên bảo vệ nhăn nhó, “Nhưng chúng tôi có quy tắc của mình, với lại bọn chúng đột nhập nữa”. Hắn chỉ về phía Stone và Reuben, lúc này đã bị còng tay. Phía sau áo khoác của Milton cũng là dòng chữ “FBI”, họ đã mua đủ đồ thứ súng ống, huy hiệu và còng giả tại cửa hiệu đồ chơi.

Annabelle cất tiếng cười lớn, “Đột nhập à!”. Rồi cô chống nạnh, “Hai chú em không biết hai chú em vừa tóm được ai sao?”

Chúng liếc nhau rồi hỏi dò, “Hai lão lang thang chứ gì?”

“Này, mày là thằng chó chết”, Reuben, tay vẫn bị còng, nhảy chồm lên trong con giận dữ. Milton ngay lập tức chĩa khẩu súng ngắn vào đầu của Reuben, hét lên, “Mày có im không, thằng khốn kia, không tao bắn vỡ sọ mày đấy”.

Ngay lập tức, Reuben đứng im.

Annabelle tiếp tục, “Gã “dễ thương” đằng kia là Randall Weathers, đang bị truy nã vì bốn tội danh khác nhau, bao gồm buôn ma túy, rửa tiền, bị tố cáo giết người và có dính dáng đến việc đánh bom nhà của quan tòa liên bang tại Georgia. Tên kia là Paul Mason, biệt danh là Peter Dawson, trong mười sáu cái tên giả khác của hắn. Tên chết tiệt này lại lần ra đường dây trực tiếp đến phòng chống khủng bố tại Trung Đông đang núp bóng điện Capitol. Chúng tôi vẫn đang theo dõi các cuộc điện thoại và thư điện tử của hắn. Tối nay, chúng tôi lần theo hắn đến đây và bắt quả tang hắn, có vẻ như bọn chúng đang âm mưu chôn vùi một món chất nổ. Rồi chúng sẽ đậu một chiếc xe tải, bên trong là vô số chất cần thiết, cùng đồng hồ hẹn giờ, đợi chín vị quan tòa đáng kính của chúng ta và “bùm” họ ra tro”. Cô ta nhìn Stone và Reuben với ánh mắt đầy kinh tởm. “Lần này bọn bay sẽ bị hạ gục hết. Hạ gục toàn bộ”, cô ta lặp lại.

“Hay thật đấy, Earl”, một trong hai tên quay sang tên còn lại, giọng phấn khích. “Khủng bố đấy!”

Annabelle rút ra một quyển sổ nhỏ, tiếp tục, “Để chị ghi tên hai chú em vào. Bảo đảm Cục điều tra sẽ cần phải biết tên ai để mà khen thưởng vì đã góp phần xuất sắc cho nhiệm vụ này”, rồi cô mỉm cười, “chị bảo đảm hai em sẽ sớm thăng tiến đấy”.

Hai tên bảo vệ nhìn nhau, hớn hở, “Tuyệt quá”. Bọn chúng đọc tên cho cô ta ghi, rồi cô ta quay sang Milton, ra lệnh, “Đưa chúng lên xe, Dupree. Những gã bại hoại này càng sớm vào tù chừng nào, càng tốt chừng đó”. Rồi quay sang hai tên bảo vệ, cô ta giải thích thêm, “Chắc chắn chúng tôi sẽ nộp chúng cho cảnh sát, có điều chỉ sau vài màn “hỏi thăm” nhẹ nhàng mà thôi, kiểu FBI đấy mà”. Cô ta nháy mắt với cả hai, “Mà xem như là hai chú em chưa nghe gì nhé”.

Hai tên cùng cười, ra vẻ hiểu biết, “Nhớ làm chúng phun ra hết sự thật nhé”, tên Earl nói với theo.

Cô ta trả lời, “Chắc rồi. Chúng tôi sẽ giữ liên lạc”.

Họ đẩy Stone và Reuben vào ghế sau của chiếc xe hơi và lăn bánh. Caleb đợi đám bảo vệ đi hết rồi vội vàng ra khỏi chỗ ẩn nấp, leo lên chiếc Nova và nối đuôi theo xe Annabelle.

Trong xe, Milton tháo còng cho Stone và Reuben. “Milton này, chú em cũng ra vẻ gớm nhỉ”, Reuben thốt lên, giọng đầy tự hào. Milton nở một nụ cười hãnh diện. Ông gỡ mũ ra, và mái tóc xõ dài. Stone khen ngợi Annabelle, “Khi cô yểm trợ, cô làm việc tốt lắm. Cảm ơn nhé!”

“Đã làm thì phải làm tới cùng chứ”, cô ta đáp lời. “Chúng ta đi đâu đây?”

“Đến chỗ của tôi”, Stone trả lời. “Chúng ta có nhiều chuyện cần bàn đây”.



Chú thích

1.ppm: đơn vị đo liều lượng các chất hoá học.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 38



oger Seagraves lái chiếc xe thuê chậm chậm qua những đường phố tĩnh mịch của vùng thủ phủ Washington thịnh vượng, rẽ trái vào đường Good Fellow. Vào giờ này, những căn nhà to lớn trong phố vẫn còn tối om om. Khi đi ngang qua nhà Jonathan DeHaven quá cố, hắn làm ra vẻ không chú ý đến nó.

Lại sắp sửa có một trận bão. Hắn hơi mệt mỏi vì cái thời tiết này, nhưng đây là một cơ hội tốt, ta không thể để nó vuột mất. Xe chậm chậm lăn bánh, cảm giác hắn đang tận hưởng niềm yêu thích ngắm nghía những căn nhà cổ. Kế đến, hắn lái xe vòng xung quanh các dãy nhà, và rồi chạy ra hướng con đường song song, cẩn thận ghi nhớ cách bố trí nơi đó.

Tuy vậy, việc quan sát và phác thảo kế hoạch lại là hai việc hoàn toàn khác nhau. Hắn cần thời gian để suy nghĩ. Hắn chợt quan sát thấy một thứ: căn nhà đối diện nhà Behan. Một tên nào đó với

chiếc ống nhòm, đang quan sát. Quan sát gì nhỉ? Không cần nói, chắc rằng hắn cũng phải nghĩ đến chuyện này khi bắt tay hành động. Và khi mắt đang bận quan sát như vậy, chỉ có một cách duy nhất để giết hại và tẩu thoát mà thôi.

Sau khi đã tiến hành do thám, Seagraves đỗ xích xe hơi thuê tại một khách sạn. Xách theo chiếc cặp táp nhỏ, hắn bước vào quầy bar, gọi một ly rượu, rồi bấm thang máy như đi lên phòng mình. Hắn đợi một tiếng đồng hồ sau, rồi mới đi xuống, ra khỏi tòa nhà bằng một lối khác, Seagraves chui vào một chiếc xe đã chờ sẵn tại bãi đậu xe phụ. Hắn cần làm thêm một việc khác bên cạnh việc giết người. Hắn lái xe đến một nhà trọ, ra khỏi xe, rút ra từ túi áo một chiếc chìa khóa. Chỉ cần mười giây chân, hắn đã đến được căn phòng ở tầng hai nhìn ra bãi đậu xe. Hắn mở cửa, nhưng không bật đèn lên, bước nhanh vào cánh cửa phòng bên trong, mở khóa và bước vào. Hắn cảm nhận được sự hiện diện của một người khác, nhưng không lên tiếng. Hắn cởi quần áo và leo vào giường với cô ả. Cô ta thật mềm mại, ấm áp, và đặc biệt nhất, phục vụ cho mục đích của hắn, cô ả là giám sát an ninh tại Cơ quan An ninh quốc gia.

Một tiếng sau, khi cả hai đã thỏa mãn, hắn mặc đồ và hút thuốc, trong khi cô ả bước vào phòng tắm. Hắn biết cô ả đang áp dụng cách hắn đang làm để tránh bị theo dõi, và có khi NSA cũng có nhiều nhân viên không kiểm tra xuể. Và cô ta cũng khéo léo biết cách tránh để người khác chú ý đến mình, và đó là lý do hắn đào tạo cô ta cho kế hoạch của mình. Và vì cả hai vẫn độc thân, cho nên nếu cuộc hẹn hò này bị phát giác, người ta cũng chỉ dừng lại ở việc kết luận rằng đó là mối quan hệ tình dục giữa hai người lớn tự nguyện,

tình cờ cùng làm việc cho liên bang, và điều đó hoàn toàn hợp pháp ở Mỹ.

Tiếng nước chảy trong nhà tắm dừng lại, hắn gỡ cửa nhà tắm, rồi giúp ả ra khỏi bồn tắm, đưa tay bóp lấy bờ vai trần của ả, rồi hôn một cái rồ kêu.

Ả thì thào vào tai hắn, “Em yêu anh”.

Hắn nói lảng, “Hay là yêu tiền của anh?”

Ả cũng không vừa, “Cả anh và tiền”, tay ả lần xuống bên dưới, và ép sát hắn.

“Một lần là đủ rồi”, hắn lên tiếng, “Anh đâu còn trai trẻ đôi mươi nữa”.

Ôm chặt bờ vai lực lưỡng của hắn, ả tiếp lời, “Anh định lừa em đấy à, anh yêu”.

“Lúc khác đi”, hắn nói.

“Anh à, mình tiếp tục đi anh”, ả thổi vào tai hắn, “em muốn đau đớn như lúc này”.

“Anh đâu biết làm cách khác”.

Ả đẩy hắn vào tường, “Lạy Chúa, anh gọi tình quá”, ả rên rỉ.

“Ai cũng bảo thế”.

Hắn cố xô ả ra, nhưng ả vẫn bám theo. “Tiền chuyển đúng theo thời hạn chứ?”, ả hỏi giữa những hơi thở hỗn hển.

“Anh có là em có thôi, bé yêu ạ”.

Đúng thế, ngu ngốc thật, tất cả chỉ vì tiền thôi.

Trong khi ả tiếp tục phần tắm táp, hắn quay trở về phòng bật đèn, với lấy chiếc ví để trên tủ và khéo léo lấy một máy quay phim nhỏ ra khỏi ngăn trong cùng của ví. Hắn lấy thẻ nhớ 20 Gb ra khỏi khe

máy và dùng móng tay khều nhẹ nắp nhựa đen của đầu đọc thẻ. Hắn nhìn chăm chăm vào cái thứ nhỏ xíu kia một lát, dù tí hon, nó lại đáng giá ít nhất là một triệu đôla, mà có khi còn hơn thế, đối với một tên nào đó ở vùng Trung Đông, kẻ không ưa gì nước Mỹ, kẻ rành về những kế hoạch chết chóc và phá hoại dành cho ai chống đối hắn.

Thông tin lưu trên miếng nhựa màu đen sẽ làm cuộc chiến trở về vị thế cân bằng, ít nhất là trong một thời gian, cho đến khi NSA phát giác ra việc hệ thống theo dõi của mình đã có vài sự dàn xếp nhỏ. Thế rồi, họ sẽ thay đổi nó, còn Seagraves thì nhận được một cú điện thoại, hắn lại gọi điện. Và chỉ vài ngày sau, hắn sẽ lại đến nhà trọ, ôm xiết người đẹp, bóc một miếng nhựa khác, và lại có một số tiền tám chữ số lần nữa. Công việc sẽ được lặp lại, và tiếp tục cho đến lúc NSA đánh hơi ra mùi gián điệp đâu đó. Hắn sẽ ngưng hoạt động tại NSA, trong một thời gian, vì các quan chức thường có trí nhớ kém. Trong lúc đó, hắn lại theo đuổi những mục tiêu khác. Lúc nào mà chẳng đầy ra đây.

Hắn dùng một miếng kẹo cao su dán thẻ nhớ chứa thông tin về hệ thống giám sát của NSA vào phía trong răng hàm trước. Rồi bước vào phòng đầu tiên, tìm đến tủ quần áo, ở đó đã treo sẵn một bộ trang phục khác. Hắn tắm tấp, thay đồ, rồi rời nhà nghỉ, đi bộ vài dãy phố, sau đó nhảy lên xe buýt, đến cửa hàng thuê xe hơi, thỏa thuận, và lái xe về nhà.

Hắn tắt một tiếng để lấy dữ liệu ra khỏi miếng thẻ nhỏ xíu, và tắt thêm một tiếng nữa tổng hợp dữ liệu để chuyển đi. Vì là một điệp viên cho nên Seagraves hoàn toàn quen thuộc với mật mã và lịch sử

của chúng nói chung. Trong thời hiện đại này, máy vi tính khóa mã và giải mã tự động, trong đó những hệ thống bảo mật an toàn nhất sử dụng các dãy số hàng trăm, thậm chí đến hàng nghìn chữ số - có khi còn dài hơn cả những dòng tin nhắn được mã khóa nữa. Ít nhất để giải mã khóa mạnh nhất cần đến một máy vi tính tinh vi và có khi hàng nghìn, đến hàng triệu năm. Điều đó xảy ra vì những nhà giải mã đương đại cho rằng những đoạn tin mã khóa có thể bị lấy cho nên họ tạo ra những hệ thống giải mã cho tình huống trên, với câu thần chú rằng: bạn có thể nhận được chúng, nhưng chắc chắn rằng bạn không đọc được chúng.

Seagraves lại chọn một cách viết mật mã cổ điển, với cách này, qua việc truyền thông tin, sẽ là một thách thức lớn, khó phá vỡ hơn cho cả những chuyên gia xuất sắc, trang bị máy tính mạnh nhất, chỉ vì một nguyên lý đơn giản: Nếu bạn không thể nhận được tin, bạn chẳng có cơ hội nào đọc được nó cả. Dẫu sao thì những cách xưa cũng có giá trị của nó, hấn trăm ngàn. Đây hẳn là một bài học mà các giới chức tại NSA cần biết.

Sau khi hấn xong việc, con buồn ngủ ập đến, nhưng trước khi nhắm mắt, hấn còn kịp nghĩ đến lần hành động kế tiếp, và thế là “bộ sưu tập” của hấn lại có thêm một mục mới.



Trở lại với túp lều của mình, Stone lập tức tường thuật lại cho các

bạn nghe về chuy n th m th nh. Khi  ng nhắc đến lớp ch  “5 nghìn ppm”  n b n trong tr n th n tr , Milton lập t c nhảy v o chi c m y t nh x ch tay, v  tìm đến kho th ng tin lưu trữ tr n m y. Đ i cho Stone n i xong, Milton mới ti p, “Ch t CO2 kh ng đ c s r d ng ở nh ng nơi ch t hẹp do n  c  th  g y ng p th  cho ng i, v  n  lấy đi nh ng hợp ch t  xy trong kh ng kh  để dập tắt l a. Nếu s r d ng ở li u 5 nghìn tr n h ng tri u, n  s  g y ch t ng i; anh ta s  ch t ng p ngay khi anh ta c  th  tho t ra ngo i. V  ch t theo c ch đ  ch ng dễ d ng t  n i”.

Annabelle làm đ ng t c ho, đ ng d y rồi đến c r s  nhìn ra ngo i. Stone n i nhanh, nhìn c  ta v i v  quan t m, “T i đ o n r ng n  c ng c  t c d ng làm lạnh n r”.

V n nhìn v o m n h nh, Milton g t đầu, “V i h  th ng  p su t cao, s  c  phun tuyết kh . Họ g i l  hi u  ng tuyết v  n  nhanh ch ng t n nhi t, gi m nhanh nhi t đ  xung quanh v  gi p ng n ng ra s r ph t t n của ngọn l a. D i nhi t đ  th ng th ng, tuyết tan ra v  kh ng để l i d u vết g  c ”.

Stone n i th m, “V o l c Caleb v  DeHaven đ c tìm thấy trong ph ng, c  lẽ n ng đ  CO2 đ  trở l i b nh th ng, v  ng i ta c  th  hi u l m ph ng s ch l c n i c ng c  cảm gi c lạnh lạnh nh  vậy”.

“Nh ng nếu DeHaven bị ch t ng t bởi kh  CO2, th  sao l i kh ng đ c nhắc đến trong b n kh m nghi m tử thi?”, Reuben th c m c.

Trong l c họ n i chuy n, tay của Milton ti p t c lướt tr n b n ph m, “Kh ng nhất thi t v  đ  l  th ng tin t i t i từ trang web của T  chức Gi m đ nh Y khoa Qu c gia. Dĩ nhi n l  khi bị ng  đ c kh  cacbonnic, cơ th  s  bi u hi n qua s c t  da m u đ  tươi, nh ng ng 

độc khí cacbon đioxyt thì lại chẳng có biểu hiện gì mấy”. Vẫn tiếp tục đọc thông tin trên màn hình, Milton nói thêm, “Cách duy nhất để phát hiện ra nồng độ ôxy thấp ở người là thông qua một cuộc kiểm tra nồng độ máu để đo lượng ôxy so với lượng cacbon đioxyt trong máu người. Nhưng cuộc thử nghiệm như vậy chỉ dành cho những người còn sống để phát hiện ra cần tăng thêm lượng ôxy bao nhiêu. Chúng ta không khám nghiệm tử thi vì lý do đơn giản là người đó đã chết rồi”.

Caleb bồi thêm, “theo tôi được biết, sau khi người ta nhận định rằng Jonathan đã chết, người ta còn không thèm đưa ông ấy vào phòng cấp cứu nữa kia”.

Stone nói tiếp, “Ông trụ với nhãn FM-200 đã bị chuyển đi là ông mà tôi muốn đề cập đến vì những lý do trên”.

Reuben thắc mắc, “Tôi vẫn chưa hiểu ý anh lắm”.

“Thư viện đang bỏ đi cái hệ thống Halon và nếu tôi không lầm thì họ đã cho mang vào một trụ đầy những chất cacbon chết người nhưng lại khéo léo sử dụng những tên nhãn khác, nếu họ không nhập lại những hợp chất Halon kia, thì có lẽ người ta đã nghi ngờ rồi”.

“Đúng vậy, họ phải mang vào chất khí họ sẽ thay thế, đó là chất FM-200”, Caleb phụ họa thêm. “Và họ đã làm việc đó tối nay, tháo gỡ hàng loạt trụ chứa chất khí Halon. Nếu chúng ta không có ở đó, chắc chẳng ai biết việc này đâu nhỉ”.

Stone gật đầu, “Tôi tin rằng trụ nối với hệ thống ống dẫn tối nay chứa đầy chất Halon, cái trụ rỗng từng chứa khí cacbonic chắc hẳn đã được tháo ra khỏi ống dẫn ngay sau khi nó được mở ra. Giả dụ

như cảnh sát đến kiểm tra, họ cũng chẳng tìm được điều gì bất thường cả, mà họ cũng đâu thể xét từng trụ khí được, cho dù có đi nữa, họ sẽ gửi cái trụ đó về Công ty Cứu hỏa. Tôi không tin rằng họ sẽ tìm được đáp án chính xác vì kẻ nào đang đạo diễn vụ này chắc cũng làm trong công ty đó”.

“Vụ án mạng hoàn hảo”, Annabelle nói cứng khi cô ta quay trở lại ngôi. “Câu hỏi là tại sao, tại sao lại có người giết hại Jonathan một cách dã man đến vậy?”

“Điều này phải quay trở lại tên Cornelius Behan”, Stone đáp, “bây giờ chúng ta biết về cái ống chứa chất cacbonnic gây ra cái chết cho DeHaven đã được thay bằng chất Halon. Chúng ta cũng biết rằng Công ty Chữa cháy do Behan làm chủ, gã đó chắc cũng có thể là chủ mưu trong vụ này. Tiếp theo sau đó, gã lại xuất hiện trong phòng đọc sách và gặp Caleb, cùng ngày với việc tháo dỡ các trụ khí ra khỏi thư viện. Tôi chắc rằng gã đang thám thính xem có ai quan tâm đến những cái miệng ống hay không, và cũng ắt hẳn hai tên Behan và Bob Bradley phải có mối liên hệ nào đó với nhau”. Reuben suy đoán, “Có thể Bradley và Behan là thành viên của một nhóm điệp viên đang hoạt động tại đây. Bradley đến nhà Behan và Jonathan có thể tình cờ nghe hoặc thấy điều gì đó mà ông ta không nên. Mà cũng có khi ông ta phát hiện ra manh mối có liên quan đến Behan trong vụ án mạng Bradley. Behan phát hiện ra và giết ông ta trước khi DeHaven có thể đi trình báo để người ta tiến hành điều tra”.

Stone đồng tình, “Điều đó hoàn toàn có khả năng. Bây giờ chúng ta có nhiều manh mối hơn và cần phải chia việc ra. Caleb, sáng sớm

mai anh phải vào phòng sách và kiểm tra phía sau tấm lưới của hệ thống điều hòa xem có dấu vết gì của máy quay phim gắn ở đó không. Kế đến kiểm tra hệ thống camera theo dõi của thư viện xem có ai đã vào phòng đọc”.

“Cái gì?”, giọng Caleb thẳng thốt. “Nhưng tại sao chứ?”

“Chính anh là người đề xuất rằng kẻ nào đã giết hại Jonathan có quyền vào thư viện và vào phòng đọc. Tôi muốn biết những ai đã vào phòng sách vài ngày trước và sau cái chết của DeHaven”.

“Tôi không thể vào phòng trực và ra lệnh cho họ để tôi xem cuộn băng ghi hình được. Tôi phải đưa ra lý do nào hợp lý chứ?”

“Tôi sẽ giúp anh tìm ra lý do, Caleb ạ”, Annabelle cất lời.

“Hay thật”, Reuben lẩm bẩm. “Đầu tiên là lượt chơi của chú em Milton, giờ đến anh Caleb. Còn mình thì sao nhỉ? Chắc không đâu”.

Stone nói tiếp, “Reuben, tôi nhờ anh gọi một cuộc điện thoại nặc danh đến cảnh sát thủ đô và tiết lộ đôi chút về xilanh khí cacbonnic đó. Dùng điện thoại thế để họ không lần ra dấu vết của cuộc điện thoại. Tôi không chắc họ có nghĩ đây là chuyện nghiêm túc hay không, nếu có, khi họ đến nơi mọi thứ đã quá muộn. Nhưng chúng ta phải thử thôi”.

Caleb thắc mắc thêm, “Nhưng liệu điều đó có làm cho vài người nghĩ chúng ta đang chống lại họ không?”

“Cũng có thể”, Stone trầm ngâm. “Nhưng vào tại thời điểm này đó là bằng chứng duy nhất chúng ta tìm thấy được trong vụ giết hại DeHaven. Sau đó, tôi muốn anh tiến hành theo dõi và quan sát con đường Fellow Street, ngay trong đêm nay nhé”.

“Chỗ đó đâu có thuận tiện cho việc theo dõi đâu, Oliver. Tôi ần

minh ở đâu đây?”

“Caleb sẽ đưa cho anh chìa khóa và mã số mở cửa vào nhà DeHaven. Anh có thể đi vào từ ngõ sau và sẽ chẳng ai bắt gặp đâu”.

Milton lên tiếng “Thế còn tôi, tôi làm gì?”

“Nhiệm vụ của anh là tìm ra thông tin càng nhiều càng tốt về mối liên hệ giữa người quá cố Bob Bradley và tên Cornelius Behan. Ghi nhớ là không bỏ sót một chi tiết nào dù là nhỏ nhất nhé”.

Annabelle nói thêm, “Thế còn ông, ông tính làm gì hả Oliver?”

“Tôi tiếp tục suy nghĩ”.

Khi những người khác lục tục kéo đi, Annabelle kéo Caleb về một phía và hỏi, “Anh tin tưởng người bạn Oliver của mình bao nhiêu vậy?”

Caleb nghiêm nghị, “Tôi sẽ tin anh ấy cả đời, mà hiện tại cũng luôn như thế”.

“Phải công nhận rằng anh ấy biết mình đang làm gì”.

“Đúng vậy”, Caleb tỏ vẻ trung thành. “Bây giờ cô bảo cô sẽ giúp tôi tìm cách lấy được cuộn băng ghi hình ở chỗ bảo vệ. Cách nào đây nhỉ?”

“Tôi sẽ báo cho anh biết đầu tiên khi tôi nghĩ ra”.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 39



ào lúc 10 giờ 15 phút, giờ địa phương, bang New Jersey chứng kiến một trận động đất lần đầu tiên trong lịch sử. Tâm địa chấn nằm ở thành phố Anlantic, phố Boardwalk - nơi đặt trụ sở của sòng bài Pompeii. Lúc đầu, Jerry Bagger chỉ bực bội chút ít, nhưng sự thịnh nộ và cơn giận càng tăng khi số tiền bốn mươi tám triệu đôla không

đến ngay tại thời điểm 10 giờ. Khi đã quá 10 giờ, đến lúc hắn được báo rằng có sự rắc rối về vụ tiền bạc thì những tên cận vệ của hắn bắt đầu lảng tránh khi hắn đến gần. Chỉ năm phút sau, thì vị vua sòng bạc được nhân viên trình báo sự việc từ phía El Banco rằng không chỉ tám triệu đôla tiền lãi vương rắc rối mà ngay cả số tiền gốc là bốn mươi triệu đôla cũng biến mất tăm, và ngân hàng chưa bao giờ nhận được số tiền trên cả.

Việc đầu tiên Bagger làm là muốn thủ tiêu luôn kẻ đưa tin. Cơn thịnh nộ của hắn thật mãnh liệt và không thể nào kiềm chế nổi, có

thể hắn đã nhảy xổ vào giết luôn nhân viên đó nếu như đám cận vệ không kéo hắn ra, và năn nỉ hắn rằng có thể sự việc sẽ làm hắn vướng rắc rối thêm. Việc kể đến Bagger làm là nhảy đến điện thoại và đe dọa đáp chuyến bay sớm nhất đến El Banco, đến nơi hắn sẽ xé xác từng người một. Tay chủ tịch ngân hàng cũng không vừa gì, gã thách hắn đến, vì gã tự tin vào đội ngũ chuyên nghiệp với vũ khí tối tân và xe tăng bảo vệ xung quanh tòa nhà.

Thật ra họ cũng đã gửi cho hắn bản kế toán xác nhận ba lần chuyển tiền đã được nhận, cả bảng hiển thị rằng số tiền quỹ từ một tài khoản khác được lệnh chuyển khoản vào tài khoản ký thác của hắn, đồng nghĩa với số tiền lãi mười phần trăm trong vòng chỉ hai ngày. Cả ba lần chuyển khoản, lần nào hắn cũng nhận được tiền lãi, tuy vậy, lần chuyển tiền thứ tư lại không xảy ra. Khi văn phòng điện chuyển khoản ngân hàng của hắn được kiểm tra kỹ lưỡng thì mới phát hiện ra rằng đã không có mã ủy quyền hoàn chỉnh từ ngân hàng, để phát hiện ra sai sót, mọi người phải tiến hành việc kiểm tra từng chi tiết.

Khi nhận được tin, Bagger lập tức nhào đến tấn công tay trưởng phòng bất hạnh bằng chiếc ghế ngay trong phòng tên này. Hai tiếng sau đó, sau khi đã tiếp tục điều tra toàn diện, sự việc được sáng tỏ rằng một phần mềm gián điệp tinh vi đã xâm nhập vào hệ thống điện chuyển khoản của sòng bài cho phép một nhân tố thứ ba điều khiển nó. Khi biết điều này, Bagger ra lệnh mang một khẩu súng lục và triệu tập tay trưởng phòng thông tin đến gặp. Tuy vậy, tay này khôn ngoan chạy trốn trước, và bị người của Bagger tóm gọn tại Trenton. Sau cuộc điều tra mà khiến CIA cũng phải tròn mắt kinh

ngạc, đã cho thấy người đàn ông không có liên quan đến âm mưu chỉ là một nạn nhân của trò lừa bịp mà thôi. Phần thưởng mà Bagger dành cho anh ta là một viên đạn xuyên vào đầu, và thủ phạm không ai khác cũng chính là Bagger. Xác của người đàn ông xấu số được thả xuống một bãi rác gần đó, dù vậy, sau khi giết hại không nương tay, con thịnh nộ của Bagger cũng không tài nào thuyên giảm.

“Tao sẽ giết con quỷ cái đó, chúng mày có nghe không”, Bagger nhào người ra cửa sổ của văn phòng trên cao của hắn, la lớn xuống phía bên dưới, nơi dòng người đang tập nập xuôi ngược trên phố Boardwalk. Hắn quay ngoắt lại bàn, mở tủ lấy ra tấm danh thiếp, trên đó là hàng chữ, cô Pamela Young, Công ty Quản lý Quốc tế. Hắn nghiền răng xé tấm danh thiếp thành từng miếng nhỏ và nhìn như điên dại vào tay đội trưởng đội vệ sĩ. “Tao muốn giết người, tao muốn giết đứa nào đó ngay lập tức, mẹ kiếp”.

“Ông chủ ơi, xin ông bớt giận, chúng ta phải tìm xuống thôi. Tay nhân viên chuyển tiền đang nằm trong bệnh viện cùng với các tên vô dụng khác. Ông vừa mới khử xong thành công kỹ thuật, vậy là ngày hôm nay cũng khởi đầu đã xảy ra. Tên luật sư có nói khó mà tránh cảnh sát ngửi mùi vụ này đấy”.

“Tao phải tìm ra con quỷ đó”, Bagger hầm hè, quay lại phía cửa sổ. “Tao phải tìm ra nó, và hành hạ nó chết dần chết mòn”.

“Chúa sẽ chứng giám cho ông, thưa ông”, tên vệ sĩ cơ bắp hùa theo. “Tiền của tao, bốn mươi triệu đôla của tao!”, giọng hắn như điên như dại làm tên vệ sĩ vội vã quay sang hướng cửa chính.

“Chúng tôi sẽ tìm ra nó, tôi thề đấy, thưa ông”.

Cuối cùng rồi Bagger cũng tìm lại chút bình tĩnh, “Tao muốn bằng mọi cách mà có thể tìm ra con quỷ cái đó, và thằng khốn đi chung với nó. Mọi hình nó ra từ cái đám máy quay và đi vòng quanh, kiếm cho ra tên tuổi của nó. Nó không thuộc dạng lừa đảo, lang thang đầu đường xó chợ đâu. Ngoài ra, tìm vài thằng cảnh sát có quan hệ với chúng ta đi vào phòng nó, dò cho ra dấu vân tay nó để lại, gọi hết những thằng chúng ta có quan hệ tốt đấy nhé”.

“Vâng, thưa ông chủ”, tên vệ sĩ bắt đầu lao ra ngoài.

“Đợi đã!”, Bagger gọi với theo. Tên vệ sĩ e dè quay lại, “Không ai được biết chuyện tao bị lừa nhé, mày hiểu không? Jerry Bagger không phải là mục tiêu đàm tiếu đâu. Mày có hiểu không?”

“Rõ thưa ông, rất rõ”.

Rồi hắn biến ra ngoài.

Bagger ngồi xuống bàn làm việc, nhìn những mảnh vụn từ tấm danh thiếp của Annabelle nằm rải rác trên thảm. À sẽ giống như vậy, hẳn nghĩ bụng, sau khi mình xử đẹp ả.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 40



nh bạn Albert của tôi hôm nay có vẻ phần khích lệ thường nhỉ”, Seagraves lên tiếng trong lúc ngồi nhăm nháp cà phê trong văn phòng của Trent tại điện Capitol.

“Thị trường chứng khoán có một cú ngoạn mục hôm qua, kỳ này quỹ hưu trí của tôi có vẻ ấm hơn rồi”.

Seagraves thấy một tập hồ sơ lên bàn, “Tin tốt đấy. Còn đây là thông tin mới nhất từ CIA. Chúng ta có hai cấp cao hơn, đưa ra bản hướng dẫn chi tiết hơn. Các anh phải mất cả tuần nhai bản báo cáo đấy, rồi chúng ta sẽ lên kế hoạch gặp mặt trực tiếp sau”.

Trent nhìn vào xấp giấy và gật đầu, “Tôi sẽ kiểm tra thời gian biểu của các thành viên và báo anh biết ngày giờ cụ thể. Có gì đáng kể trong đây không?”

“Anh tự đọc lấy đi”.

“Không phải lo đâu, tôi lúc nào cũng tự làm đầy thôi”.

Trent sẽ mang những tờ giấy này về nhà, và một thời gian sau hẳn ta sẽ có những thông tin mật cần thiết đã đánh cắp được từ NSA chuyển qua bước kế tiếp.

Phía bên ngoài, Seagraves nhảy xuống tầng bậc tam cấp của điện Capitol, cứ suy nghĩ rằng những tay gián điệp nếu chỉ quăng đồ trong công viên và đến nhận tiền mặt hoặc ngay tại vị trí giao hàng hoặc tại một hộp thư bưu điện, thì cả hai nơi đều dễ dàng bị tóm gọn như chơi. Seagraves lắc đầu. Không bao giờ mình để bị rơi vào trường hợp của gã điệp viên nhị trùng Aldrich Ames² cả, kết thúc bí thám nơi bốn vách tường của CIA, cũng như vài gã bù nhìn với tư cách là điệp viên. Là một sát thủ của chính phủ, hẳn sâu sát từng chi tiết nhỏ, còn khi là điệp viên, hẳn chẳng thấy có lý do gì mà lại phải thay đổi M.O. của mình cả.

Hiện tại Seagraves đang điên đầu với một chi tiết nhỏ. Gián điệp nhị trùng của hắn tại Công ty Cứu hỏa vừa thông báo vài tin chẳng có vẻ khả quan lắm. Đó là thông tin về hai gã nào đó bị bắt quả tang khi đang do thám gần khu vực kho hàng tối qua, và hai gã có mẩu ngu ngơ đã giao chúng cho FBI. Chỉ có điều khi Seagraves kiểm tra vài tay thân quen làm việc trong FBI về thông tin này thì họ cho biết không hề có vụ bắt bớ nào. Ngoài ra, người báo tin của hắn cũng cho biết việc đám có mẩu nhìn thấy một gã đang cố thoát khỏi hiện trường, là mảnh sân tại công ty. Tên này sau đó được báo là nhảy lên một chiếc xe cũ kỹ, hiệu Nova. Việc miêu tả cả người lái lẫn chiếc xe khiến Seagraves hình dung ra ngay một khuôn mặt, cho dù hắn chưa gặp người này lần nào. Hắn quyết định ngay lập tức rằng,

đây là lúc tốt nhất để khắc phục tình hình. Trong thế giới tìm hiểu sự việc của hắn, chẳng ai có thể đoán được rằng liệu mặt đối mặt có trở nên hữu dụng sau này hay không.

Caleb đến chỗ làm sớm và thấy Kevin Philips, tay giám đốc, đang mở cửa phòng đọc. Họ thảo luận đôi chút về Jonathon và những dự án đang được triển khai tại thư viện. Caleb hỏi Philips liệu ông ta có biết thông tin nào về những hệ thống chữa cháy được lắp đặt mới hay không, nhưng Philips có vẻ không biết chuyện này. “Tôi không chắc ông bạn Jonathon biết chuyện này đâu”, Philips nhận xét, “Tôi còn nghi ngờ rằng có khi ông ta không biết khí gas nào đang sắp được sử dụng đây”.

“Tôi hoàn toàn tán thành ý kiến này”, Caleb thì thầm.

Sau khi Philips rời khỏi, và trước khi có người khác xuất hiện, Caleb đi nhanh đến bàn làm việc của mình và lấy ra một cái tua-vít và đèn pin nhỏ xíu. Quay lưng về phía camera theo dõi, ông bỏ những thứ trên vào túi và đi vào phòng sách. Nhanh chóng đến tầng thượng, ông dừng lại ngay lỗ thông gió, ông tránh không nhìn lại nơi đồng nghiệp bị sát hại. Ông dùng tua-vít mở lỗ thông gió, cảm thấy có chút hào hứng khi những con ốc được tháo bung ra một cách dễ dàng, cứ như là đã có ai từng tháo chúng ra trước đó vậy. Ông đặt cái thông gió xuống gần kệ sách, và chiếu đèn vào khoảng trống bên trong. Lúc đầu, ông chẳng thấy điều gì bất thường cả, nhưng khi chiếu đèn xung quanh lần thứ ba, ông chợt phát hiện ra một lỗ ốc vít ngay phần tường phía sau ống dẫn. Chắc đó là nơi chiếc camera quan sát được gắn vào. Ông đỡ tấm thông gió lên và ghé mắt nhìn qua nó, quả thật từ vị trí gắn ốc và phần lưới sắt bị bẻ cong, camera

có một góc quan sát rõ vị trí của căn phòng.

Caleb gắn tấm lưới đây lỗ thông gió lại và ra khỏi phòng, ông gọi điện thoại cho Stone và kể lại những điều mình đã thấy. Ngay khi ông chuẩn bị làm việc thì có người tiến vào.

“Chào Monty, ông mang theo gì thế?”

Monty Chambers, chuyên gia bảo quản sách kỳ cựu nhất của thư viện đang đứng trước bàn làm việc, mang theo vài thứ. Ông ta vẫn đeo chiếc tạp dề màu xanh lá cây quen thuộc, còn tay áo thì được xắn cao.

“Quyển Giáo lý (Doctrina) và quyển Sách bỏ túi của ngài Tướng quân (Constable’s Pocket-book)”, ông ngắn gọn.

“Chắc ông đang bận rộn lắm nhỉ. Tôi chẳng biết tí gì về việc quyển Giáo lý được mang ra bảo quản đây. Quyển Giáo lý do Đức giám mục của Mê-hi-cô, tên là Juan de Zumárraga viết và được phát hành năm 1544, luôn được đánh giá là quyển sách hoàn chỉnh nhất trời Âu vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Còn quyển Sách bỏ túi của ngài Tướng quân được xuất bản vào năm 1710 nhỉ”.

“Kevin Philips đặt sách đây”, Chambers trả lời, “cách đây ba tháng, quyển Sách bỏ túi của ngài Tướng quân cũng thế, chuyện nhỏ ấy mà, tôi lại thêm khối việc để làm đây. Thế anh vào phòng sách hay là tôi?”

“Sao cơ? À, để tôi mang vào cho. Cám ơn nhé!”, Caleb cẩn thận nhận lấy những quyển sách đã được gói kỹ lưỡng từ người đồng nghiệp và để chúng lên bàn làm việc. Ông ráng không nghĩ đến việc ông đang giữ trong tay hai quyển sách có đáng giá cả gia tài trong lịch sử thế giới.

“Tôi sẽ chăm chút mấy quyển của tác giả Faulkner anh đã nhờ ngay thôi. Hơi khó khăn chút, vì bị dính nước”.

“Vâng, cảm ơn ông ah, Monty này”, Caleb lên tiếng khi thấy Chambers dợm bước đi.

Chambers quay lại, giọng mát kiền nhẵn, “Có việc à?”

“Thế ông đã kiểm tra những bản sao của quyển Thánh ca chưa?”, Caleb đã bị ác mộng mỗi khi nghĩ đến việc mình đã chiếm đoạt những quyển sách hiếm đó khỏi tay Chambers, và ý nghĩ đó đã biến thành câu hỏi hơi vụng về trên.

Chambers có vẻ nghi ngại, “Quyển Thánh ca à? Sao anh lại hỏi vậy? Có chuyện gì sao?”

“Không, nào có, chỉ vì lâu tôi cũng không thấy. Hàng năm trời đây”.

“Tôi cũng thế. Anh đâu thể nào bước vào phòng và kiểm tra quyển đó được đâu. Nó nằm trong những giá lưu trữ đặc biệt của khu gọi là Tài sản Quốc gia mà”.

Caleb gật đầu, ông có quyền xem xét bất kỳ quyển sách nào trong thư viện, nhưng những quyển đại loại như quyển Thánh ca trên được xem là “tài sản quốc gia”, và là phần sở hữu quan trọng nhất của thư viện, cho nên chúng được đánh số và cất giữ trong những khu đặc biệt. Trong trường hợp chiến tranh, hay thiên tai, chúng sẽ nhanh chóng được di rời đến những nơi an toàn để đời sau có thể tiếp tục được chiêm ngưỡng.

Chambers vẫn huyên thuyên, “Tôi đã bảo họ từ rất lâu rằng chúng ta phải sửa cái bìa, cải thiện giấy sách - dĩ nhiên là có thể trả lại tình trạng ban đầu - nhưng mà họ chẳng nói năng gì. Cũng chẳng hiểu tại

sao, nhưng nếu họ không làm gì, có khi mấy quyển đấy chẳng tồn tại được bao lâu nữa. Sao anh không báo cho họ biết?”

“Tôi sẽ báo, cảm ơn Monty”. Sau khi Chambers đi khỏi, Caleb ngồi thừ ra và tự hỏi bước kế tiếp sẽ làm gì. Lỡ như quyển Thánh ca ấy đã biến mất? Lạy Chúa, điều đó không thể xảy ra. Ông chẳng nhìn thấy quyển sách ấy ít nhất là ba năm. Và chắc chắn nó giống một trong số những quyển trong bộ sưu tập của Jonathon quá cố. Sáu trong số mười một bản quyển Thánh ca vẫn còn dang dở và trong tình trạng hủy hoại khác nhau. Và bộ sưu tập của Jonathan lại là bộ hoàn chỉnh, cho dù cũng trong tình trạng hư hại không kém gì của thư viện. Cách duy nhất để kiểm chứng đó là trực tiếp kiểm tra bộ sách Thánh ca tại thư viện. Kevin Philips có thể sẽ cho anh làm điều đó, anh sẽ tìm ra vài lý do chính đáng, có thể là nêu ra quan điểm Monty đã phàn nàn. Chắc sẽ được.

Ông để những quyển sách mà Monty đã mang đến lên kệ đúng vị trí của chúng sau khi đã quét vào hệ thống, rồi gọi điện cho Philips. Cho dù giọng ông ta có vẻ bối rối, ông ta vẫn cho phép ông tiến hành kiểm tra. Vì lý do an toàn, và tránh bị buộc tội góp phần hủy hoại thêm những quyển sách quý đó, Caleb đi cùng một nhân viên khác trong thư viện. Sau khi đã kiểm tra sách, Caleb có thể chứng thực rằng những gì Chambers nói là đúng. Có vẻ như người ta chưa động đến việc bảo quản nó gì cả. Tuy vậy, ông không thể khẳng định liệu đó có phải là quyển ông đã từng thấy ba năm về trước, vì sự giống nhau tương tự như quyển sách trong bộ sưu tập của Jonathan. Giả dụ như bằng cách nào đó Jonathan đã tráo đổi quyển sách quý bằng một quyển giả mạo, thì ắt hẳn quyển ông từng thấy

ba năm về trước cũng không phải là quyền thật.

Đợi đã, ngốc thật. Caleb nghĩ bụng. Thư viện sử dụng mật mã đối với những quyển sách quý như vậy, và chúng nằm trên cùng một trang cho phép thể hiện sở hữu của thư viện. Ông lật đến trang đó và quét qua máy. Đúng là có ký hiệu thật! Nhưng ông thở phào khi biết rằng ký hiệu chỉ có tác dụng trong thời gian ngắn mà thôi. Có thể nó cũng bị làm giả, nhất là khi vào tay một người giống Jonathan. Thế còn quyển Thánh ca trong bộ sưu tập của Jonathan, liệu cũng có ký hiệu tương tự? Ông phải kiểm tra mới được. Và nếu đó là sự thật, liệu có chứng minh rằng Jonathan đã ăn cắp sách khỏi thư viện. Và lúc đó ông sẽ làm gì? Ông nguyện rửa cái ngày mà ông đã chọn Jonathan làm người phụ trách tác phẩm chưa in. Tôi tưởng ông thích tôi chứ, Jonathan.

Ông dành thời gian suốt buổi chiều với vài lời yêu cầu của những nhà học giả, một nhà sưu tập và nghe vài cú điện thoại quốc tế từ các trường đại học ở Anh và Thụy Sĩ cũng như giúp đỡ những bạn đọc trung thành của thư viện.

Cả bà lão Jewell English và ông Norman Janklow đều đến thư viện ngày hôm đó. Dù họ trạc tuổi nhau và đều có sở thích sưu tập sách, họ chẳng bao giờ trò chuyện với nhau, mà thậm chí họ còn tránh gặp nhau. Caleb biết được nguyên nhân của sự thù hằn này, và đó cũng là một kỷ niệm buồn trong sự nghiệp của ông. Số là có một lần English thể hiện niềm đam mê của mình về những tiểu thuyết rẻ tiền của Beadle cho Janklow nghe. Và thái độ của ông lão, theo cách nào đó, chẳng có vẻ được mong đợi, theo như những gì Caleb còn nhớ lại, “Beadle là tên khác gì tên bán dạo, rẻ tiền, và nói chuyện

chỉ rác rưởi cho đám cận bã, ngu xuẩn cùng địa vị như hắn”.

Và hoàn toàn dễ hiểu với cách bà lão Jewell English tiếp nhận lời chỉ trích niềm đam mê của cuộc đời mình, bà lão cũng không vừa gì, thế là, bà trả đũa bằng cách tấn công tác giả yêu thích nhất của cụ Janklow. Theo bà, tác giả Hemingway, cho dù có cố gắng hết mức đi chăng nữa cũng chỉ một nhà viết văn hạng xoàng với ngôn ngữ văn chương đơn điệu của mình. Bà lão còn nhấn mạnh rằng việc một tác giả như vậy mà đạt giải Nobel văn chương chỉ làm hạ thấp giá trị của chính giải thưởng trong lòng bà. Cay cú hơn, bà còn khẳng định rằng văn Hemingway chẳng hay bằng F.Scott Fitzgerald³ và bà còn bồi thêm phần nhận xét của mình khi cho rằng người thợ săn và ngư ông Earnest Hemingway đầy nam tính kia chỉ là vỏ bọc cho bản chất mê trai trẻ, càng trẻ càng tốt của nhà văn.

Caleb vẫn còn nhớ như in khuôn mặt đỏ như gấc vì giận dữ của cụ ông Janklow, và ngay tại lúc đó, ông cứ nghĩ ông lão sắp đứt gân máu tại chỗ. Và đó cũng là lần đầu tiên và duy nhất trong sự nghiệp của mình Caleb phải xông vào can thiệp hai khách tại phòng đọc, cho dù cả hai đều ở tuổi thất thập. Lần đó, có thể dễ dàng nhận thấy hai ông bà từ đấu khẩu sắp sửa lao vào đấu tay chân, đến nỗi Caleb phải nhanh chóng dọn sạch đám sách quý trên bàn đọc, tránh để chúng bị xem là vũ khí. Ông nhắc cho họ nhớ về cách cư xử lịch sự trong phòng đọc và thậm chí còn đe sẽ hủy bỏ quyền lợi thành viên của họ nếu họ không biết kềm chế. Cụ ông Janklow lúc đó cố gắng thoát khỏi cánh tay của ông, nhưng ông vẫn “vững như thạch”, rõ ràng là ông hoàn toàn có thể khống chế ông cụ già xồm kia.

Trở lại với hiện tại, lâu lâu ông lại ngẩng đầu lên quan sát phòng đọc để chắc chắn rằng cuộc đấu khẩu như lần trước sẽ không xảy ra nữa. Không như những gì ông đang suy nghĩ, cụ ông Janklow vẫn đang chăm chú đọc sách, bên cạnh là quyển sổ ghi chú và cây bút chì nhỏ, thi thoảng ông cụ lại ngừng đọc để tháo mắt kính dày cộm ra và lau cho rõ. Còn bà lão Jewell English dán chặt mắt vào quyển sách của mình, thỉnh linh, bà ngẩng lên và bắt gặp ánh mắt của ông, bà đóng quyển sách lại và ra hiệu cho ông đến gần.

Khi ông ngồi xuống bên cạnh bà, bà thì thầm, “Anh vẫn còn nhớ quyển sách của Beadle bữa trước tôi có kể anh nghe chứ?”

“Vâng, có phải quyển hay số một không?”

“Tôi đã mua được rồi”, bà ta khẽ vỗ tay reo mừng.

“Chúc mừng bà, tuyệt quá. Sách vẫn còn trong tình trạng tốt phải không ạ?”

“Cũng may là thế, nếu không tôi đã nhờ anh rồi. Ý tôi là, dù sao anh cũng là chuyên gia mà”.

“Cám ơn”, Caleb khiêm tốn. Bàn tay xương xẩu của bà chợt nắm tay ông, cái nắm chặt đến kinh ngạc.

“Thế anh có muốn lúc nào đó đến xem sách không?”

Ông khéo léo vờ người ra khỏi cái nắm tay của bà, nhưng bà vẫn không buông ra, “Dạ, tôi phải xem lại lịch làm việc. Tôi sẽ báo cho bà biết khi bà đến thư viện lần tới, bà cứ hẹn ngày nào cụ thể, tôi sẽ sắp xếp!”

Giọng bà mời gọi, “Caleb à, lúc nào mà tôi chẳng rảnh”. Bà chớp chớp đôi lông mi giả về phía Caleb.

“Điều đó thật tuyệt”, ông lại cố vịn tay mình ra khỏi tay bà lão,

nhưng bà vẫn nắm chặt.

“Vây bây giờ mình hẹn ngày luôn nhé”, giọng bà ta nhẹ nhàng. Trong lúc khó xử, ông nhìn về phía cụ ông Janklow, lúc này cũng bắt đầu quan sát họ. Chính ông ấy và bà cụ Jewell này cũng đang giành giật thời gian của Caleb giống như hai con sói đang dành miếng thịt bò béo bở. Đáng lý giờ này ông phải đến bên cạnh trò chuyện với ông cụ, nếu không muốn ông ấy phàn nàn hàng tuần về điều đó. Và cũng chính vì điều đó, Caleb chợt nảy ra một ý.

“Bà Jewell này, tôi tin rằng, nếu bà hỏi ông Norman, có khi ông ấy cũng thích đàm đạo về quyển sách mới của Beadle lắm đấy. Chắc giờ ông ấy cũng đã hối hận về việc chỉ trích lúc trước lắm rồi”.

Bà ta lập tức buông tay ông ra, giọng gắt gỏng, “Tôi chẳng có thời gian nói chuyện với bọn người nguyên thủy mọi rợ đó”, rồi mở túi xách cho ông kiểm tra trước khi rời phòng.

Caleb mỉm cười nhẹ nhõm, xoa tay và dành chút thời gian còn lại với Janklow, thầm cảm ơn ông ta vì đã giúp tạo điều kiện rời khỏi bà cụ. Sau đó ông quay lại bàn làm việc.

Tuy vậy, đầu óc ông vẫn lan man nghĩ ngợi đến những chuyện đã xảy ra, từ quyển sách Thánh ca bí mật, cái chết của Jonathan, cái chết của Chủ tịch Hạ viện, “Bob” Bradley, và cuối cùng là Cornelius, tên tài phiệt giàu có, mà rõ ràng gã ám sát chính người hàng xóm của mình.

Và cuối cùng ý nghĩ của ông đã quay trở lại với bản thân, trở thành thủ thư chỉ vì ông ghét áp lực, nhưng biết đâu ông lại thích hợp làm cho CIA hơn chẳng, nhất là những lúc rảnh trong giờ làm việc chẳng hạn.



Chú thích

1. Quỹ hưu trí 401(k) là một hình thức bù đắp công lao của người lao động khi chủ hãng mở một quỹ hưu mang tên người lao động và đều đặn bỏ vào quỹ một phần lương chưa đóng thuế của người này. Với chương trình trợ giúp hưu trí 401 (k), người công nhân không phải đóng thuế tạm thu trên phần lương bỏ vào quỹ vì số tiền này không ghi trên bảng lương, nhưng họ phải đóng thuế An Sinh Xã Hội (FICA) và Y Tế trên nguồn lợi tức trích bỏ vào quỹ hưu 401(k).
2. Aldrich Ames: Điệp viên làm việc cho cả CIA và KGB (Ủy ban An ninh Quốc gia Nga). (Bị bắt ngày 21/2/1994).
3. Francis Scott Key Fitzgerald (24 tháng 9 năm 1896 - 21 tháng 12 năm 1940) là một nhà văn Mỹ, nổi tiếng với các tác phẩm về "Thời đại nhạc Jazz"

CHƯƠNG 41



Annabelle gọi món ăn trong khách sạn, tắm táp, quấn mình trong chiếc khăn tắm to và ngồi trước gương chải tóc. Trong lúc làm những công việc trên, cô ả suy nghĩ miên man. Vậy là ngày thứ tư cũng đã đến và tên Jerry Bagger ắt hẳn đã nhận ra rằng hắn đã mất đi bốn mươi triệu đôla. Đáng lý cô ả đã cách xa hắn ít nhất là sáu nghìn dặm rồi,

nhưng thực sự cô ta chỉ ngồi một chuyến bay về miền nam. Cô ta chưa bao giờ thất bại trong kế hoạch tẩu thoát, và sự thật thì cô ta cũng chưa bao giờ có một vụ chồng cũ bị giết hại như vậy cả. Cô ta bị Oliver và Milton gây tò mò và thích thú, dù ông bạn Caleb có vẻ hơi đặc biệt chút xíu và anh chàng Reuben thì lại ngờ ngờ với tính cách nồng nhiệt của mình. Và sâu xa trong lòng, Annabelle phải thừa nhận rằng cô ta thích giao du với những người có tính cách lạ như vậy. Cho dù bản tính thích một mình, cô ta vẫn là một phần

của nhóm, và cô ta cần điều đó. Từ thưở ấu thơ, cho đến lúc trưởng thành cô ta đã luôn thành lập những nhóm riêng của mình. Oliver và những người bạn của ông đã đáp ứng đúng nhu cầu đó dù theo một cách khác. Nhưng mà, cô ta cũng không nên có mặt ở đây. Cô ta ngừng chải tóc, trút khăn tắm và chui người vào một cái áo sơ mi dài tay. Cô ta đến bên khung cửa sổ, nhìn xuống những con đường tấp nập bên dưới. Dòng xe cộ đông đúc, nối đuôi nhau, dòng người hối hả xuôi ngược trên phố, cô ta hồi tưởng lại những hành động của mình: đóng vai một nhà biên tập, trợ giúp Oliver thám thính Thư viện Quốc hội, phạm tội nghiêm trọng khi dám giả danh FBI, và bây giờ cô ta đang sắp sửa tìm ra kẻ hay giúp Caleb lấy được những đoạn phim theo dõi để tìm ra sự thật về cái chết của Jonathan. Và nếu những gì Oliver suy đoán là đúng, thì một kẻ nào đó, còn nguy hiểm hơn cả Jerry Bagger đang chống lại họ.

Cô ta rời cửa sổ, ngồi xuống giường và bắt đầu thoa kem dưỡng da lên chân. “Mày bị điên rồi Annabelle ạ”, cô ta tự nhủ. “Tay Bagger sẽ lật tung cả thế giới này để tìm ra mày, vậy mà bây giờ mày vẫn ngồi đây, ung dung tồn tại trong cái đất nước quý quái này”. Nhưng cô ta đã hứa sẽ giúp họ, và cô khẳng khái bào chữa với chính mình, rằng cô ta phải là một phần của kế hoạch. “Mình có nên lộ diện mà tin tưởng rằng vệ tinh của Bagger không tìm ra mình ở thủ đô D.C này không?”, cô nói to. Có kẻ nào đó đã giết hại Jonathan, và cô ta muốn trả thù, chỉ vì cô ta tức giận khi thấy kẻ nào đó đã can thiệp vào cuộc đời ông, kết thúc nó, trước khi nó chấm dứt. Cô ta chợt nghĩ ra một chuyện và nhìn đồng hồ. Cô ta không biết múi thời gian hiện tại của gã, và cô ta cần phải biết. Cô ta chạy vội

đến chiếc bàn ngay góc phòng, tóm lấy điện thoại, nhấn số và đợi tiếng reo của nó một cách thiếu kiên nhẫn. Cô ta đã đưa số này cho gã ta và cả điện thoại gọi quốc tế để họ có thể liên lạc với nhau chút ít sau trò bịp đó. Bất cứ ai nghe ngóng được tin tức của Jerry sẽ báo cho người còn lại biết.

Cuối cùng Leo cũng trả lời. “Chào em”.

“Chào anh thì có. Tôi cứ nghĩ anh chẳng bắt máy”.

“Anh đang ở hồ bơi”.

“Hay nhỉ, thế chỗ nào trong hồ bơi?”

“Đáy hồ”.

“Không phải, ý tôi là anh đang trú ở đâu đấy?”

“Không thể cho biết. Giả dụ như Bagger đang đứng tại đây thì sao?”

“Tôi hiểu rồi. Anh còn nghe được ai khác không?”

“Chẳng có tin gì?”

“Thế còn Bagger thì sao?”

“Không, mà anh cũng bỏ tên hắn ra khỏi sổ địa chỉ rồi”, giọng gã khô khốc.

“Ý tôi là anh có nghe ngóng được tình hình ra sao không?”

“Chỉ vài tin đồn. Mà cũng không muốn tìm ra sự thật lắm, em biết tính cách giết chóc của hắn rồi đấy”.

“Anh cũng hiểu rằng hắn sẽ chẳng buông tha chúng ta cho đến tận hơi thở cuối cùng”.

“Vậy thì chúng ta cùng cầu nguyện cho cơn đau tim này, anh chẳng muốn hắn phải chịu đựng quá lâu”. Leo ngưng lại một chút và tiếp, “Có chuyện anh cần báo với em đó Annabelle, mà em đừng nổi giận

nhé”.

Cô ta ngòai thẳng lại, “Anh đã gây ra chuyện à?”

“Anh lỡ tiết lộ với Freddy một chút xíu về tiểu sử của em”.

Cô ta đứng dậy, “Ít hay nhiều vậy?”

“Họ của em, và những chuyện giữa em và Paddy”.

Cô ta gào vào điện thoại, “Anh bị mất trí rồi à?”

“Anh biết, anh biết, mình thật là ngu ngốc. Chỉ là tự nhiên bật ra, và anh cũng chỉ muốn cho hắn thấy em chẳng giống bố em tí nào cả. Nhưng anh không có kể cho Tony biết, anh không phải kẻ khờ khạo”.

“Cám ơn anh, anh Leo, cám ơn hàng vạn lần”.

Cô ta ngắt ngang cuộc điện thoại và đứng giữa phòng, nếu Freddy biết được họ của cô ta và biết được cha cô ta là Paddy Conroy, kẻ thù truyền kiếp của Jerry Bagger, và nếu như Jerry mò đến hắn, thì hắn sẽ khai hết. Cô ta sẽ bị tóm gọn, cô ta có thể hình dung ra số phận của mình. Tên Jerry đó sẽ xé xác cô ra, từng chút từng chút một.

Cô ta bắt đầu thu dọn hành lý. Xin lỗi anh nhé, anh Jonathan.

Khi Caleb trở về căn hộ của mình vào buổi tối, ông đã thấy có người đang chờ sẵn ở chỗ sân đậu xe.

“Chào ông Pearl, ông làm gì ở đây vào giờ này?”

Vincent Pearl nhìn không giống giáo sư Dumbledore1 với chiếc áo thụng thường thấy. Thay vào đó, ông ta mặc một bộ đồ vest lịch sự, sơ mi cổ cao, giày sáng bóng, râu và tóc chải chuốt cẩn thận. Ông ta nhìn có vẻ gầy hơn trong bộ y phục trang trọng, và cũng chính vì điều đó Caleb phốp pháp tự nhủ với lòng rằng ông sẽ

không bao giờ mặc áo thun cả. Mắt kính của Pearl trở xuống sống mũi, ông ta chăm chú nhìn Caleb, cái nhìn có vẻ van nài và người thủ thư cảm thấy chột dạ.

“Vâng ông cứ nói tiếp đi”, cuối cùng ông phải lên tiếng.

Bằng giọng trầm và có vẻ thiếu não, Pearl phân trần, “Anh chẳng nghe điện thoại, cho nên tôi nghĩ mình phải xuất hiện bằng xương bằng thịt để anh thấy tôi thật sự quan tâm đến quyền Thánh ca ấy”.

“Vâng, tôi hiểu”.

Pearl nhìn xung quanh, “Có điều chỗ đậu xe như vậy chẳng thích hợp lắm cho câu chuyện về một trong những quyển sách quý giá nhất trên thế giới”.

Caleb thở dài, “Đúng vậy, thôi mình lên nhà đi”.

Họ cùng vào thang máy và lên trên căn hộ của Caleb, rồi cả hai cùng yên vị ngồi đối diện nhau trong căn phòng khách nhỏ.

“Tôi cứ sợ anh đã đề cập chuyện quyền Thánh ca đó với hai nhà đấu giá danh tiếng Sotheby và Christie rồi đấy”.

“Không, vấn đề không phải vậy, chỉ là tôi vẫn chưa quay trở lại căn nhà từ lúc gặp ông ở đó. Tôi cũng chưa gọi cho ông vì tôi vẫn đang cân nhắc”.

Pearl có vẻ thoải mái hơn khi nghe xong câu trả lời, “Ít ra trong thời gian này chúng tôi cũng có trách nhiệm kiểm tra quyển sách ấy. Tôi có quen vài công ty có danh tiếng tốt và có thể đảm trách việc này, mà tôi thấy chúng ta cũng chẳng cần phải đợi lâu thêm nữa”.

Caleb ngần ngừ, “Nhưng mà...”

“Anh càng trì hoãn lâu chừng nào thì anh lại càng không kiểm soát

được dư luận biết về sự tồn tại của quyển Thánh ca thứ mười hai này”.

“Ý ông là sao?”, Caleb nghiêm túc ngồi thẳng dậy.

“Tôi không biết anh có nhận thức rõ ràng việc quyển sách được phát giác hay không?”

“Hoàn toàn ngược lại là khác, tôi biết được tầm quan trọng của nó chứ”.

“Nhưng tôi sợ thông tin sẽ bị tiết lộ”.

“Sao lại thế? Tôi đâu kể cho ai biết”.

“Bạn của ông thì sao?”

“Họ hoàn toàn đáng tin cậy”.

“Tôi hiểu, nhưng xin thứ lỗi nếu tôi không được tự tin như anh, bởi vì chỉ cần một ít thông tin tiết lộ ra thôi, mọi người lại bắt đầu xôn xao bàn tán, và danh tiếng của anh bạn Jonathan thế là tiêu tan”.

“Họ bàn tán điều gì?”

“Có trời mới biết, nhưng tôi có thể tưởng tượng ra họ sẽ nói như vậy: quyển sách là vật ăn cắp chẳng hạn”.

Caleb chột liên tưởng đến giả thuyết của mình rằng quyển Thánh ca đang nằm trong thư viện là giả mạo. Tuy vậy, ông lại cố tạo ra vẻ ngây thơ, “Ăn cắp à? Ai lại tin điều đó nhỉ?”

Pearl thở ra, “Chẳng có ai sở hữu một trong những của quý trong lịch sử sưu tập sách lại có thể giữ bí mật lâu như thế, cho đến thời điểm này đây”.

“Và ông cho rằng đó là bởi vì Jonathan đánh cắp nó ư? Điều đó hoàn toàn phi lý. Ông ta ăn cắp chắc tôi cũng ăn trộm mất rồi”.

Làm ơn, làm ơn đó không phải là sự thật đi.

“Nhưng cũng có khả năng ông ta đã mua quyền sách đó từ một tay trộm nào đó, vô thức hay cố tình. Dầu sao chuyện của ông ta cũng rất đáng ngờ, đó cũng phần nào lý giải cho việc anh ta cố tình giữ bí mật về quyền sách”.

“Thế ông có nghĩ quyền sách được lấy trộm từ đâu không? Ông bảo ông đã kiểm tra những nơi sở hữu loại sách như vậy”.

Pearl phản ứng, “Thế anh nghĩ rằng họ sẽ nói cái quái gì? Anh có nghĩ họ sẽ thừa nhận việc họ làm mất quyền sách Thánh ca ấy? Mà có khi họ cũng chẳng biết đâu. Còn thêm giả thuyết rằng, có một quyền sách giả mạo giống y như thật đang nằm ngay trên kệ, và họ cũng chẳng bỏ công kiểm tra mỗi ngày xem liệu có đúng quyền sách thật hay không”. Ông ta ngừng một chút rồi tiếp tục, “Vậy anh có tìm ra giấy tờ tài liệu nào liên quan đến quyền sách hay không? Giấy tờ mua bán gì đó? Chứng minh nó từ đâu đến?”

“Tôi không thấy”, Caleb thừa nhận, ông cảm thấy chùng lòng.

“Nhưng có điều tôi vẫn chưa lục đống giấy của cá nhân Jonathan nữa, vì tôi chỉ có bổn phận kiểm tra bộ sưu tập sách mà thôi”.

“Không phải như vậy, anh có nhiệm vụ kiểm tra cho được bằng chứng sở hữu sách của ông ta. Anh có nghĩ rằng những nhà đấu giá Christie và Sotheby sẽ trưng bày quyền sách Thánh ca ấy tại phiên đấu giá mà chẳng hay biết gì về tính xác thực và sự hợp pháp hóa do DeHaven đứng tên à?”

“Dĩ nhiên rồi, tôi cũng biết họ sẽ quan tâm đến điều đó”.

“Chính vì vậy, anh Shaw ạ, nếu tôi là anh, tôi sẽ bắt tay vào việc tìm ra bằng chứng ấy. Nếu anh không tìm ra, ắt hẳn cũng là lúc chúng ta có thể đi đến kết luận rằng việc Jonathan sở hữu nó thông

qua những hình thức chẳng rõ ràng cho lắm, trong thế giới sách hiếm của chúng ta, điều đó đồng nghĩa với sự thừa nhận rằng Jonathan đã chính tay lấy cắp, hay cố ý mua lại thứ người khác đã lấy cắp”.

“Tôi nghĩ nếu tôi hỏi qua ý kiến luật sư của ông ta, thì tôi sẽ có thể tìm bằng chứng trong đồng hồ sơ để lại. Hay họ cũng có thể làm điều đó thay tôi, nếu tôi báo họ biết tôi đang cần gì”.

“Nếu anh làm theo cách đó, họ sẽ thắc mắc, và nếu trong trường hợp anh kể cho họ nghe, anh sẽ gần như không làm chủ được tình hình nữa”.

“Vậy ý ông muốn tôi tự kiếm bằng chứng sao?”

“Dĩ nhiên là vậy, anh là người phụ trách của ông ta mà, đó là có để hành động”.

“Nếu là vậy thì tôi chẳng quan tâm nếu lỡ bị người ta nói”, Caleb bắt đầu nổi nóng.

“Anh có được trích phần trăm trên số tiền bán đấu giá sách không?”

“Xin cho phép tôi không trả lời câu này”, Caleb thẳng thừng từ chối.

“Cứ xem như là có, vậy thì nếu anh cứ tiến hành buổi đấu giá mà không tìm ra bằng chứng gì cho thấy Jonathan đã sở hữu nó một cách quang minh chính đại, thì nếu sự việc vỡ lở ra, tất cả danh tiếng của Jonathan sẽ bị xóa sạch? Khi một sự việc dính dáng đến số tiền kếch xù thì cũng là lúc người ta nghĩ ra đủ thứ xấu xa liên quan đến nó”.

Caleb cứng họng vì sự thật là thế. Cho dù lời nhận xét của Pearl

hoàn toàn là chẳng lọt lỗ tai, ông ta ít nhiều cũng có lý. Caleb không chịu nổi ý nghĩ rằng danh tiếng của người bạn quá cố của mình sẽ tiêu tan và Caleb hiển nhiên cũng chẳng muốn chìm sâu xuống đáy chung với nó.

“Tôi nghĩ tôi có thể xem xét lại đồ đạc trong nhà của Jonathan”.

Ông biết Oliver và những người khác đã lục soát khắp nhà nhưng họ không tìm thấy tài liệu chứng nhận sở hữu bộ sưu tập sách.

“Tôi nay anh sẽ đi chứ?”

“Giờ đã trễ rồi”. Và ông cũng đã đưa chìa khóa cho Reuben.

“Vậy thì ngày mai nhé?”

“Vâng, ngày mai vậy”.

“Cho tôi biết anh tìm thấy và không thấy những gì nhé”.

Sau khi Pearl ra về, Caleb tự rót cho mình một ít rượu chát, nhấp nháp nó cùng với một tô đầy khoai tây chiên, món ăn khoái khẩu của mình. Bây giờ ông căng thẳng đến nỗi không chắc có thể tiếp tục chế độ ăn kiêng nữa không. Sau khi ăn uống xong, ông nhìn vào bộ sưu tập sách của mình và nhủ thầm: Ai mà lại nghĩ là sưu tập sách lại rắc rối đến thế cơ chứ?



Chú thích

1. Dumbledore là một nhân vật hư cấu trong bộ truyện Harry Potter

của nữ nhà văn J. K. Rowling

CHƯƠNG 42



áng sớm hôm sau, Reuben báo cáo cho Stone nghe rằng không có động tĩnh gì từ nhà của DeHaven cả cũng giống như đêm hôm trước.

“Không có gì à?”, giọng Stone nghi ngờ.

“Không có động tĩnh gì trong phòng ngủ nếu đó là những gì anh muốn biết.

Tôi có thấy Behan và vợ hắn về nhà

lúc nửa đêm nhưng mà rõ ràng đèn phòng không sáng, và họ cũng không dùng phòng đó, chắc nó chỉ dành cho mấy cô em xinh đẹp mà thôi”.

“Anh có nhìn thấy gì khác không? Xe tải màu trắng chẳng hạn”.

“Không, tôi ra vào căn nhà này mà có ai biết gì đâu. Có một hàng rào cao cả mười feet l che phủ cả sân sau, chuông báo động ngay phía cửa hông sau, thế là cũng nhiều thứ lắm rồi”.

“Anh có chắc là anh không quan sát ra thứ gì có thể giúp chúng ta

sao?”

Reuben nhìn có vẻ không chắc chắn, “có vẻ như là thế, nhưng vào khoảng 1 giờ sáng sớm tôi thấy ánh sáng nhá lên từ cửa sổ căn nhà đối diện”.

“Có khi là chủ nhà đang ở trong ấy”.

“Vấn đề là ở chỗ đó, nhìn chẳng giống như nhà có chủ. Chẳng thấy xe hơi lẫn thùng rác trước cửa nhà, và hôm nay cũng là ngày đổ rác vì những nhà khác đã để sẵn rác ra ngoài từ tối hôm qua”.

Stone nhìn Reuben chăm chú, “Điều này hay nhỉ. Có khi nào ánh sáng ấy xuất phát từ cái gì đó có dính dáng đến kính”.

“Chắc không phải liên quan đến súng đầu, nhưng có thể là một cặp ống nhòm”.

“Vậy thì cứ để ý chỗ đó kỹ vào. Vậy còn việc gọi cảnh sát thì sao?”

“Tôi gọi điện thoại thế giống như anh nói, nhưng chuyện không vui về gì mấy khi có một người phụ nữ bảo tôi ngừng ngay việc quay số đến cảnh sát liên tục như vậy”.

“Thôi được rồi, gọi và báo cho tôi biết công việc của anh vào sáng mai”.

“Tốt, nhưng thế thì khi nào tôi mới được ngủ đây, Oliver? Tôi phải chuẩn bị đến khu bốc dỡ hàng, và chắc là bận cả tối”.

“Khi nào anh hết ca?”

“Hai giờ sáng”. “Vậy thì đi ngủ đi. Phải tới 10 giờ hơn tôi mới cần anh có mặt tại nhà của Jonathan”.

“Cám ơn nhiều. Ít ra tôi cũng có thể dùng tạm thức ăn của ông ta nhé?”

“Cũng được, miễn anh thêm thức ăn mới vào chỗ cũ là được”.

Reuben bực bội, “Này anh bạn, đừng tưởng cứ sống trong lâu đài là sung sướng nhé”.

“Nhưng mà, anh đâu có thiếu thứ gì đâu”.

“Vậy trong lúc tôi cực khổ ngoài này, Bệ hạ sẽ làm gì ạ?”

“Bệ hạ sẽ suy nghĩ”.

“Thế anh có tin gì của Susan không?”, Reuben háo hức.

“Chẳng có một tí gì cả”.

Nửa giờ sau trong lúc Stone đang làm việc ngoài khuôn viên nghĩa trang thì một chiếc tắc-xi dừng phía cổng, Milton bước xuống. Stone đứng lên, phủi tay và cả hai cùng vào nhà. Trong lúc Stone lấy nước chanh uống thì Milton tranh thủ mở máy tính xách tay và lấy ra một xấp tài liệu ông ta mang theo.

“Tôi tìm ra được nhiều điều hay về hai gã Cornelius Behan và Robert Bradley”, Milton giải thích, “Chỉ có điều không biết liệu có hữu ích hay không”.

Stone ngồi xuống bàn và kéo xấp tài liệu về phía mình, hai mươi phút sau ông ngẩng lên và nói, “Có vẻ như hai gã này chẳng phải bạn bè gì nhỉ”.

“Chính xác hơn phải gọi là kẻ thù mới đúng. Mặc dù công ty của Behan đã chiếm được hai hợp đồng của chính phủ, nhưng Bradley lại là kẻ phá bĩnh cản trở ba hợp đồng khác, bằng cách phao tin rằng Behan đã mua chuộc chính quyền. Tôi có được thông tin này từ một số tay nhân viên của điện Capitol đấy. Họ cũng chẳng nói thẳng ra điều đó, chỉ là họ tiết lộ rằng lúc sau này chính Bradley đã thắng thầu công kích Behan, nói gã là một tay tham ô xấu xa. Mà sự việc xảy ra cũng không cho chúng ta thấy liệu họ có nằm trong

một tổ chức gián điệp nào không”.

“Dĩ nhiên là thế, trừ phi chỉ là màn đánh lừa. Nhưng tôi đồng ý với tay Chủ tịch Hạ viện Nhà Trắng quá cố rằng tên Behan đó đã tham ô. Nhưng liệu gã có phải là tên xấu xa đã ra tay giết người? Chuyện của Jonathan là một bằng chứng rõ ràng nhất”.

“VẬY cũng có thể suy đoán rằng Behan cũng đã sai người giết Bradley bởi vì hắn có động lực mạnh mẽ nếu như gã kia đang có phá chuyện làm ăn của hắn”.

Stone nói tiếp, “Chúng ta đặt giả thuyết rằng Jonathan bị đầu độc bằng khí cacbonic, và cái thứ khí gây chết người kia thuộc về một trong số công ty của Behan. Hôm qua Caleb vừa gọi cho tôi, báo cáo tình hình điều tra của anh ta, về việc anh ta vào phòng sách và kiểm tra phía sau lỗ thông gió bị bẻ cong. Có một lỗ đinh ốc ở phía vách ống dẫn, nơi bị nghi ngờ là từng gắn máy quay phim. Anh ta còn cho biết những con ốc phía tấm lưới sắt bên ngoài cũng dễ tháo ra cứ như đã từng có người làm điều đó trước đây. Nhưng vẫn chưa đủ bằng chứng xác thực rằng máy quay phim thật sự đã được gắn ở đây”.

“VẬY nếu như chúng không là đồng bọn với nhau, Jonathan cũng chẳng thể gặp chúng ở nhà gã Behan. Vậy sao vẫn giết hại ông ta nhỉ?”

Stone lắc đầu, “Tôi cũng chẳng biết, Milton ạ”.

Sau khi Milton đi rồi, Stone trở lại với công việc tại nghĩa trang. Ông kéo chiếc máy cắt cỏ ra khỏi kho, nổ máy và làm việc trên khoảnh sân phía bên trái căn nhà. Khi xong việc, ông tạm ngưng máy, quay lưng lại và thấy Annabelle đã ở đó, quan sát ông. Cô ta

đội một chiếc mũ rộng vành, đeo kính râm và khoác áo khoác bằng da dài màu nâu phủ kín váy ngắn bên trong, phía sau cô ta là một chiếc xe hơi thuê chờ sẵn ngoài cổng.

Ông dùng khăn lau mặt, đẩy máy cắt cỏ vào khoanh sân phía trước nhà nơi Annabelle đang đứng. Cô ta đẩy cặp kính râm lên và hỏi.

“Mọi việc thế nào rồi anh Oliver?”

Ông im lặng trong một lúc rồi mới cất lời, “Nhìn cô có vẻ giống như chuẩn bị đi đâu à?”

“Vâng, đó là lý do tôi đến đây để báo cho anh về sự thay đổi trong kế hoạch. Vài giờ nữa tôi cất cánh rồi, và sẽ không quay lại”.

“Thật vậy ư?”

“Đúng vậy”, giọng cô ta cương quyết.

“Vâng, tôi chẳng trách cô đâu, chuyện đang dần nguy hiểm hơn”.

Cô ta nhìn thẳng vào mặt ông, “Nếu anh nghĩ điều đó là nguyên nhân khiến tôi bỏ đi, thì anh không phải là người thông minh như tôi tưởng”.

Ông nhìn cô ta một lát rồi chống chế, “Vậy thì kẻ nào đang tìm cô chắc cũng phải nguy hiểm không kém”.

“Anh cứ xem tôi là một người cũng phải có kẻ thù đi”.

“Tôi không đi tìm kẻ thù, chỉ là họ quyết tâm tìm ra tôi mà thôi”.

“Ước gì tôi có thể kể ra, tôi lại có xu hướng tạo kẻ thù đấy”.

“Vậy cô có tính nói cho những người kia biết không?”

Cô lắc đầu, “Tôi hy vọng anh sẽ giúp tôi làm điều đó”.

“Chắc bọn họ sẽ buồn lắm đấy, nhất là Reuben, còn về phần Milton thì tôi chưa bao giờ thấy anh ta vui vẻ như vậy trong thời gian cô đến đây. Anh bạn Caleb tuy bề ngoài có hơi lạnh lùng chút,

nhưng anh ta sẽ cũng chẳng vui gì hơn”.

“Thế còn anh thì sao?”, cô ta hỏi, mặt cúi gằm.

Ông dùng mũi giày bốt gạt đám cỏ khỏi bánh xe máy cắt cỏ, “Cô cũng có vài tài lẻ đáng ngạc nhiên đấy”.

“Ý anh đang nhắc đến chuyện tôi móc túi anh à. Mà chuyện đó cũng chỉ xảy ra từ hồi nào hồi nao rồi, từ lúc tôi lên tám đấy”, cô ta nhìn ông với ánh mắt dò xét.

“Tôi chắc cô lúc đó là một bé gái khôn lanh lắm nhỉ”.

Cô ta nở một nụ cười mỉm, “Dù sao thì lúc đó cũng là thời gian vui vẻ. Các anh bảo trọng nhé, giống như anh từng nói, kẻ thù luôn tìm các anh mà”.

Cô ta quay lưng, rảo bước.

“Susan, nếu chúng tôi tìm ra được lời giải đáp, liệu cô có muốn chúng tôi liên lạc với cô, cho cô biết về vụ của Jonathan không?”

Cô ta quay lại và nhìn ông, “Tôi nghĩ tôi nên để quá khứ ngủ yên”.

“Còn tôi lại nghĩ cô muốn biết, vì mất đi vị hôn phu theo cách như vậy không dễ quên đâu”.

“Anh có vẻ từng trải quá nhỉ?”

“Tôi cũng từng có vợ mà. Nhưng cũng lâu lắm rồi”.

“Anh chị ly dị à?”

“Không phải”.

“Nhưng chuyện của tôi và Jonathan lại khác. Chính ông ấy đã quyết định chấm dứt cuộc hôn nhân, còn tôi cũng chẳng biết sao mình đang ở đây”.

“Tôi hiểu. Vậy thì liệu tôi có thể nhận lại tấm hình không?”

“Sao cơ?”, cô ta giật mình.

“Hình Jonathan. Tôi muốn trả hình về nhà ông ta”.

“À... tôi không có mang theo đây”.

“Vậy thì khi cô đến nơi đâu, nếu tiện, cô gửi trả lại cũng được”.

“Anh có vẻ tin người quá đáng đấy, Oliver. Chẳng có gì có thể khiến tôi trả tấm hình lại cả”.

“Vâng, đúng thế. Không có gì”.

Cô ta tò mò nhìn ông, “Anh là một trong số những người kỳ lạ mà tôi từng gặp, và điều đó cũng nói lên chút gì đó”.

“Cô phải lên đường thôi, chắc cô không muốn lỡ chuyến bay đâu nhỉ”.

Cô ta liếc nhìn những ngôi mộ xung quanh, “Anh không thấy mình đang bị vây quanh bởi sự chết chóc ư. Cảm giác thật u ám. Đã đến lúc anh cần tìm một công việc khác rồi đấy”.

“Cô cảm nhận được cái chết và nỗi buồn dưới lớp đất lạnh kia, còn tôi, tôi lại thấy cuộc đời đã toàn vẹn, và những gì thế hệ đi trước đã làm có ảnh hưởng sâu sắc đến lớp trẻ tương lai”.

“Triết lý vị tha quá, tôi không thấu hiểu nỗi đâu”.

“Tôi cũng từng nghĩ vậy”.

“Chúc may mắn”, cô ta bắt đầu quay đi.

“Nếu cô cần một người bạn, cô biết tìm tôi ở đâu rồi đấy”.

Bờ vai cô ta hơi sững lại trong chốc lát khi nghe ông nói lời này. Rồi cô ta đi mất. Về phần mình, Stone cất máy cất cò vào kho, sau đó ra ngòi phía ngoài hè, lặng ngắm những nấm mồ xung quanh ông trong cái lạnh lạnh của cơn gió ngang qua.



Chú thích

1. Đơn vị đo độ dài (1 feet = 0,3048 m) .

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 43



aleb đứng dậy chào người đàn ông vừa bước vào phòng đọc.

“Tôi có thể giúp gì anh ạ?”

Roger Seagraves chìa cho Caleb xem tấm thẻ thư viện mà bất cứ ai cũng có thể dễ dàng có được từ tòa nhà Madison phía đối diện chỉ bằng cách xuất trình bằng lái xe hay hộ chiếu, dù là thật hay giả. Cái tên trên thẻ là

William Foxworth, tấm hình trên thẻ cũng là khuôn mặt của hắn, cả thông tin trên hệ thống máy tính của thư viện cũng tương tự.

Seagraves đưa mắt liếc nhìn xung quanh phòng đọc, chỉ có vài người đang ngồi, và nói, “Tôi đang tìm một vài loại sách”, rồi hắn đọc tên sách cần tìm.

“Được thôi. Anh có sự yêu thích cụ thể nào về kỹ nguyên đó không?”

“Tôi thích nhiều thứ”, Seagraves trả lời, “đó chỉ là một trong số sở thích của tôi mà thôi”. Hắn quan sát Caleb một lúc, làm ra vẻ như

đang suy nghĩ ra điều gì để nói. Thật ra, đoạn đối thoại đã được hẩn chuẩn bị kỹ lưỡng, và hẩn cũng thuộc nằm lòng những chi tiết về Caleb Shaw. “Tôi cũng là người sưu tập sách, có điều mới vào nghề thôi. Tôi vừa mua vài quyển văn học Anh đang tính nhờ người kiểm tra giùm xem. Đáng lý tôi phải làm điều này trước khi mua chúng, nhưng như anh đã biết, tôi chỉ vừa vào nghề. Tôi kiếm được một chút vốn, và cũng có người mẹ làm tại thư viện trong vài năm. Lúc nào tôi cũng yêu thích sách cả, có điều sưu tập sách là một cuộc chơi mới với tôi”.

“Tôi hoàn toàn đồng ý, và có khi cũng hơi khốc liệt đấy”, Caleb nhận xét, và rồi châm chước, “Theo cách chính thống thôi. Mà nói gì thì nói, lĩnh vực chuyên ngành của tôi là văn chương Anh thế kỷ thứ mười tám đấy”.

“Hay quá”, Seagraves thốt lên, “Quả là một ngày may mắn”.

“Thế anh có sách gì vậy, anh Foxworth?”

“Cứ gọi tôi là Bill, nguyên tác của tác giả Defoe”.

“Quyển Robinson Crusoe hay là Moll Flanders?”

“Moll Flanders”, Seagraves trả lời.

“Tốt quá. Thế còn gì nữa?”

“Tác phẩm của Goldsmith - Cuộc đời của Richard Nash. Và một quyển của Horace Walpole”.

“Ý anh là tiểu thuyết Lâu đài Otranto à, xuất bản năm 1765?”

“Đúng thế. Vẫn còn trong tình trạng tốt”.

“Anh vẫn chưa quen với việc nhìn nhận chúng. Tôi rất sẵn lòng giúp anh vì anh biết đấy, có rất nhiều dị bản đấy. Người nào mua sách cũng suy nghĩ đơn giản rằng họ đang mua đúng nguyên tác,

nhưng có khi chỉ là bị gạt thối, mà chuyện như vậy cũng xảy ra với cả người sành sỏi nhất”, và tiếp tục nói thêm, “Nhưng không phải là cố ý đâu”.

“Tôi sẽ mang theo sách khi tôi đến đây lần tới nhé”.

“Tôi không chắc anh sẽ làm được điều đó, nhất là khi anh mang chúng ngang qua phòng bảo vệ, trừ phi anh đã thỏa thuận trước đó. Vì họ có thể nghĩ rằng anh đã ăn cắp sách, còn anh thì cũng đâu muốn bị bắt đúng không nhỉ”.

Seagraves vờ tái mặt, “Đúng rồi, tôi cũng chưa nghĩ đến chuyện đó nữa. Ôi Trời, cảnh sát, trước giờ tôi còn chưa nhận thẻ phạt xe đậu trái phép nữa là”.

“Cứ bình tĩnh, mọi việc đâu còn có đó”, giọng Caleb đầy tự hào, “Thế giới sách quý hiếm, theo tôi, rất phức tạp, có pha chút mạo hiểm. Nhưng nếu anh nghiêm túc về việc sưu tập sách của thế kỷ mười tám, anh cần phải quan tâm đến một số tác giả tiêu biểu của thời kỳ này. Tôi có thể gợi ý cho anh vài người, như là Jonathan Swift và Alexander Pope, hai nhà văn được xem là bậc thầy của nửa đầu thế kỷ. Ngoài ra, còn có tác phẩm Tom Jones của Henry Fielding, rồi nhà văn Tobias Smollett, Edward Gibbon, Fanny Burney, Ann Radcliffe và Edmund Burke nữa, đó cũng không hẳn là một niềm đam mê tốn kém lắm đâu”.

“Tôi sẽ cố gắng tìm hiểu”, Seagraves cất giọng ủ rũ.

“Việc này không giống như thu thập nắp chai nhỉ?”, Caleb bật cười vì lời ví von của mình, “À, mà anh cũng đừng quên cây đại thụ của kỷ nguyên đấy, bậc thầy văn chương của nửa sau thế kỷ, ngài Samuel Johnson. Tuy danh sách tôi kể ra vẫn chưa đủ, nhưng cũng

là khởi đầu tốt đấy”.

“Anh quả là uyên bác về lĩnh vực văn học thế kỷ mười tám nhỉ”.

“Hẳn là thế, vì tôi làm tiến sỹ về đề tài này mà. Còn về chuyện đánh giá sách, chúng ta cũng có thể gặp nhau ở đâu đó, cứ báo tôi biết thôi”. Ông thò tay vào túi, và đưa cho Seagraves một tấm danh thiếp với số điện thoại văn phòng của ông trên đó. Ông nhiệt tình vỗ mạnh vai của Seagraves và tiếp lời, “Giờ anh lấy sách nhé”.

Khi Caleb mang sách ra cho hẳn, ông còn dặn với theo, “Chúc anh đọc sách vui nhé”.

Hẳn liếc nhìn Caleb và cười thật tươi. Chắc chắn rồi, anh Caleb ạ. Như đã hẹn trước, Caleb gặp Reuben rồi cả hai cùng đến nhà của Jonathan sau khi Caleb tan sở. Họ tìm kiếm trong hai giờ đồng hồ nhưng chỉ tìm thấy hóa đơn mua bán sách các loại trong ngăn bàn nhưng tuyệt nhiên không tìm thấy giấy chứng nhận sở hữu Thánh ca của Kinh Cựu ước của tay quản thư.

Kể đến Caleb vào phòng sách, ông cần phải kiểm tra mã thư viện trên sách vì điều đó có thể chứng minh xem liệu Jonathan có đánh cắp nó không, nhưng ông không tự tin bước vào. Lỡ như có mã thư viện trên sách thì sao? Ông không hình dung mình sẽ như thế nào nếu đó là sự thật. Cuối cùng, Caleb đã quyết định hành động theo bản chất của mình: trốn tránh sự việc, và tự an ủi rằng quyển sách vẫn còn đó.

Ông bảo Reuben, “Tôi thật không hiểu, Jonathan là người chân thật mà”.

Reuben nhún vai, “Đúng thế, nhưng anh vẫn bảo người ta hay thích sưu tập mà, và vì quyển sách quý giá đó, biết đâu ông ấy lại làm

điều xấu, và cũng là lý do ông ta giữ bí mật”.

Caleb chống chế, “Nhưng cuối cùng rồi cũng bị phát giác thôi, ông ấy cũng phải chết mà”.

“Nhưng không phải đột ngột như vậy, có thể ông ta đã lên kế hoạch mà không có cơ hội thực hiện”.

“Vậy tôi làm sao có thể bán đấu giá một quyển sách mà không có giấy tờ chứng nhận sở hữu?”

“Caleb, tôi biết ông ấy là bạn anh nhưng cũng có lúc sự thật phải được phơi bày”, Reuben nói nhỏ.

“Sẽ có xì-căng-đan mắt”.

“Tôi không biết anh giải quyết vụ việc ra sao, miễn đừng vương vào nó thôi”.

“Tôi nghĩ anh có lý. Cám ơn nhé, anh có ở lại đêm nay không?”

Reuben nhìn đồng hồ, “Vẫn còn khá sớm, nhưng tôi nghĩ tôi sẽ đi với anh rồi quay lại sau. Ít ra tôi có thể ngủ một lúc chiều nay”.

Cả hai rời khỏi nhà. Ba giờ sau, trước khi đồng hồ điểm 11 giờ, Reuben lọt vào nhà qua cửa sau. Ông ta chuẩn bị món ăn nhẹ trong bếp rồi lên tầng. Ngoài hướng thông qua căn phòng “tình yêu” của Cornelius Behan, căn gác cũng cho phép nhìn ra toàn cảnh đường Good Fellow qua cửa sổ bán nguyệt. Reuben luân phiên quan sát cả nơi trú ngụ của Behan lẫn căn nhà đối diện bằng ống nhòm mang theo.

Khi chiếc xe hơi Cadillac màu xanh lá đỗ xích trước nhà Behan vào lúc một giờ sáng, Reuben quan sát thấy gã ta, và một phụ nữ trẻ trong chiếc áo khoác da dài màu đen và vài tên cận vệ của gã bước ra. Tất cả cùng vào nhà. Chắc là quý phu nhân lại đi vắng, Reuben

thầm nghĩ và di chuyển đến hướng cửa sổ nhìn sang nhà Behan. Ông chẳng phải đợi lâu vì chỉ một lát sau, đèn trong phòng ngủ bật sáng và nhà tài phiệt giàu có cùng cô gái mỹ miều bước vào. Behan ngồi xuống ghế, vỗ tay và ngay lập tức, cô gái bắt đầu hành động. Cô ta cởi từng nút áo một, và trong lúc cô ta làm điều này, Reuben từ xa tuy thừa biết chuyện gì sẽ xảy ra vẫn nín thở theo dõi qua ống nhòm: đôi tất lưới dài, chiếc áo ngực cùng hàng nút bấm, và chiếc quần nhỏ xiu. Ông thở ra một hơi dài, để cảm giác đỡ căng thẳng.

Trong lúc Reuben đang quan sát, thì thỉnh linh ông nhận thấy một vầng lửa đỏ lóe lên từ cửa sổ căn nhà nhìn ra ngoài đường. Ông ngẩng lên, nhưng không để tâm lắm vì nghĩ đó là ánh sáng từ chân thắng xe hơi vừa vút ngang, ông nhún vai, và lại tiếp tục quan sát qua ống nhòm. Lúc này, cô gái đã cởi bỏ xiêm y, và để chúng rơi tự do trên sàn, cô nàng đang ngồi xuống ghế và chậm rãi cởi đôi tất chân, thân hình hiện dưới ánh đèn.

Không nên được voi đòi tiên nhé, Reuben tự an ủi bản thân trước những cảnh tượng nóng bỏng kia và lại buông tiếng thở dài. Ông liếc mắt về phía cửa sổ căn nhà đối diện, và lần này ông thấy rõ ánh sáng đỏ quạch kia. Đó chẳng phải là xe hơi, ông chạy đến bên cửa sổ và nhìn chăm chăm vào nó. Có cháy nhà chắc. Ông chăm chú lắng nghe, liệu có phải đó là tiếng còi hụ của xe chữa cháy? Liệu có ai báo cảnh sát chưa?

Ông không kịp tìm ra câu trả lời bởi vì một cú đánh mạnh từ phía sau gáy hạ ông gục xuống sàn. Roger Seagraves bước vòng qua thân thể bất động của Reuben và tiến về phía cửa sổ nhìn sang nhà

Behan, nơi hắn có thể chắc mẫm như in, dù không hề nhìn qua ống nhòm thì cô gái xinh đẹp kia đã trút bỏ toàn bộ xiêm y, và đang ở trước mặt anh chàng cực kỳ hạnh phúc mang tên Cornelius Behan. Và đó cũng chẳng phải là điều cuối cùng.

Khi Reuben tỉnh lại, mở mắt ra, ông không nhận biết mình đang ở đâu. Ông chậm rãi ngồi dậy và căn phòng hiện ra rõ hơn, ông vẫn còn trên gác. Ông run rẩy đứng dậy và lần nhớ lại chuyện gì đã xảy ra. Ông vớ lấy một tấm ván nằm trên sàn làm vũ khí và ông đảo mắt xung quanh gác, nhưng không thấy ai khác. Reuben hoàn toàn ở một mình, nhưng chắc hẳn có kẻ nào đó đã ở trong phòng này, và đã dùng sức mạnh đánh ông bất tỉnh.

Tiếng động phía dưới đường làm ông quan tâm. Ông nhìn xuống cửa sổ, và thấy hàng đoàn xe cứu hỏa đang xếp hàng, chữa cháy cho căn nhà phía đối diện, và cả xe cảnh sát cũng có mặt tại hiện trường. Vội xoa xoa đầu vì ê ẩm, ông liếc nhìn hướng nhà của Behan. Tất cả đèn đã bật sáng, và việc cảnh sát đang tràn ngập trong nhà hắn làm Reuben cảm thấy bồn chồn. Ông đi đi lại lại trong phòng và rồi lại quan sát qua ống nhòm. Đèn phòng ngủ vẫn sáng, chỉ có điều là không khí và khung cảnh hoàn toàn khác mà thôi.

Tên Cornelius Behan đang nằm úp mặt trên sàn, trên người vẫn là bộ quần áo lúc trước. Tóc của gã đỏ sậm hơn lúc nãy vì một lỗ hổng khá lớn sau đỉnh đầu. Cô gái đang ngồi trên giường, và theo như những gì Reuben có thể quan sát được, cô ta cũng loang lổ máu me đầy người, có vẻ như cô ta cũng bị sát hại ngay ở phần đầu. Cảnh sát mặc sắc phục và một số nhân vật khác đang khám nghiệm trong phòng. Mình đã bất tỉnh bao lâu rồi? Ông bắt đầu kết nối sự kiện

lại với nhau. Ông nhìn thấy hai lỗ đạn trong cửa sổ phòng ngủ và hướng thẳng vào cửa sổ phòng ông đang đứng. “Chết tiệt thật!”, Reuben thốt lên và chạy về phía cửa, ông vấp phải cái gì đó và ngã lăn ra sàn. Ông vuron tay với vội thứ gì đó và chạm tay vào một thứ. Khi hoàn hồn đứng dậy, ông thấy mình đang nắm chặt một khẩu súng trường, hung khí chắc chắn đã gây ra cái chết cho hai nạn nhân bên kia. Ông lập tức buông súng, và bước vội ra khỏi phòng, khi đi ngang qua nhà bếp, ông chợt thấy phần thức ăn thừa vẫn dang dở và ông nhận ra rằng có thể dấu vân tay mình vẫn ở khắp mọi nơi. Có điều là ông không còn thời gian để suy nghĩ về vấn đề này nữa, ông hướng về phía cửa sau của căn nhà. Ánh sáng chói nhòa ngay mặt ông, khiến ông phải đưa tay che mặt và giọng của viên cảnh sát vang lên, “Đứng yên, cảnh sát đây!”

CHƯƠNG 44



ôi đã tìm cho anh ấy một người luật sư đấy”, Caleb mở lời, “Anh chàng này cũng còn trẻ mà lại không đắt tiền như những tay lão luyện khác, nên cũng không chắc kết quả có khả quan không. Nhưng phần nào đó tôi cũng giúp cho Reuben khi nói dối với đám cảnh sát rằng Reuben ở tại hiện trường theo yêu cầu của tôi, để kiểm kê sổ sách thu

thập và đó là lý do anh ta có chìa khóa và mã số mở cửa. Tôi cũng bổ sung thông tin tên tuổi của luật sư của Jonathan trong trường hợp họ biết chức danh của tôi là người phụ trách bản thảo của ông ta”.

Milton và Caleb đang ngồi trong nhà của Stone, cái tin Reuben bị bắt vì phạm tội giết hại Cornelius và cô ả bạn gái của gã đã làm khuôn mặt mọi người lo lắng.

“Anh ta có được tại ngoại không?”, Milton hỏi.

Stone lắng đầu, “Họ có rất nhiều nghi vấn xung quanh việc anh ta đang có mặt tại hiện trường cũng như tình tiết vụ việc. Chỉ hy vọng thông tin mà Caleb đưa ra sẽ giúp họ giảm nhẹ mức án mà thôi”. Caleb nói thêm, “Sáng nay tôi có gặp Reuben một lúc. Anh ta kể rằng anh ta đang quan sát nhà của Behan thì tự nhiên phát giác ra đám cháy và sau đó bị đánh vào đầu bất tỉnh. Khi tỉnh dậy, anh thấy Behan và bạn tình của hắn đã chết. Rồi khi anh ta ráng thoát ra khỏi rắc rối thì lại bị cảnh sát bắt”.

“Những tờ báo đưa dòng tít lớn rằng ngài tài phiệt của chúng ta đã bị ám hại chung với cô nhân tình lỏa thể, trong khi quý phu nhân thì lại đang chu du ở New York tối qua”, Milton thêm vào.

Stone hỏi, “Chúng ta cần phải tìm ra sát thủ thật sự”.

Milton thắc mắc, “Liệu bằng cách nào đây?”

“Bằng cách tiếp tục cuộc điều tra của mình”. Ông nhìn thẳng Caleb và tiếp, “Chúng ta cần phải xem qua những đoạn băng của máy quay phim tại thư viện”.

“Susan có bảo sẽ hỗ trợ tôi phần này mà tới giờ cũng chưa thấy cô ấy có động tĩnh gì”.

“Tôi e là anh phải tự thân vận động thôi”.

Caleb có vẻ ngạc nhiên nhưng cũng không hỏi lại Stone. Stone tiếp tục trình bày, “Vậy là bây giờ chúng ta cứ kết luận rằng Behan và Bradley không phải là bạn, lúc trước tôi từng nghĩ rằng Behan đã nhờ người ám sát Bradley, và giả thuyết đó vẫn đúng, chỉ có điều là ai đã giết Behan và tại sao lại làm vậy?”

Milton đặt giả thuyết, “Hay là trả thù cho cái chết của Bradley?”

“Nếu vậy, chúng ta phải truy tìm đầu mối bằng mọi cách, tôi cần

biết về tên tuổi nhân viên của Bradley, cộng sự, bạn bè trong quân đội hay lĩnh vực tình báo, đó là những người có khả năng và cả phương tiện để hành động”.

Milton tán thành, “Có một thứ gọi là Thư mục không trùng cử có thể hữu ích cho chuyện này. Có điều đụng đến người quân đội, hay tình báo cũng mất khá nhiều thời gian đấy”.

“Kẻ nào đã giết hại Behan chắc chắn biết đến sự có mặt của Reuben ở đó, và gài bẫy anh ta, đồng nghĩa với việc chúng cũng đang theo dõi căn nhà”.

“Ý anh là những kẻ ở căn nhà đối diện mà Reuben đề cập phải không?”, Caleb đánh bạo nêu ý kiến.

Stone lắc đầu phủ nhận, “Không phải vậy. Vụ hỏa hoạn sẽ do đồng bọn của tên sát thủ dựng ra, bọn chúng thừa biết vụ theo dõi đang diễn biến ra sao, và việc phóng hỏa chỉ là chiêu đánh lừa và tạo cơ hội cho chúng vào nhà, giết Behan và tẩu thoát”.

“Kế hoạch hay nhỉ”, Caleb ca tụng.

Stone trả lời, “Bây giờ tôi vào thành phố thăm Reuben đây”.

“Họ có hỏi căn cước hay gì không, Oliver?”, Milton hỏi.

“Họ có hỏi, nhưng lần trước khi tôi bị kiểm tra, cho dù không có cũng không gán là có tội”.

“Tôi tin là Susan có thể tìm cho anh một thẻ căn cước đấy”, Milton lên tiếng, “Cô ta có vài thứ đồ của dân FBI nhìn cứ như thật”.

Caleb hòa theo, “Mà cô bạn đồng nghiệp gan dạ của chúng ta đâu rồi nhỉ?”

“Cô ấy có vài kế hoạch khác rồi”, Stone trả lời.

Jerry Bagger ngồi trong phòng làm việc với vẻ ủ rũ thất bại hiếm có

đối với một người như hắn. Những tấm hình của Annabelle và Leo đã được thận trọng gửi đi vào thế giới ngầm và tới giờ vẫn chưa có ai nói ra được hành tung của họ. Điều đáng ngạc nhiên ở đây không phải là chuyện không có một bức hình rõ ràng nào của hai kẻ đó, mà là việc có cảm giác họ biết chỗ nào có gắn máy theo dõi vậy. Hiện tại, cho dù người của hắn đã làm hết sức để ngăn chặn thông tin những tên lừa bịp đã tìm đến ngài Bagger đáng kính thì nó vẫn ít nhiều bị lộ ra, và điều đó có khi lại càng gây bất lợi hơn cả sự thật, bởi vì nó tạo điều kiện cho suy đoán và lời đồn nhảm. Tóm lại, hắn hiện là tâm điểm của những lời đùa cợt, và việc đó chỉ khiến gã thêm điên tiết, quyết tâm phải tìm được cặp nam nữ kia, xẻ thịt họ qua máy cưa trong lúc hắn điềm nhiên ngồi quay hình lại cảnh tượng rùng rợn nhất trên đời này.

Phòng của họ đã bị lục soát kỹ lưỡng, tuy vậy không tài nào tìm ra một vết vân tay nhỏ, thậm chí ngay cả ly uống nước của họ cũng được lau sạch dấu vết. Còn cái điện thoại di động mà Annabelle ném bay vào tường đã nằm gọn trong sọt rác và bây giờ đang chu du đến khu đổ rác nào đó của bang Jersey cả cái cửa sổ trong bốn ngày cũng che dấu hành tung của họ. Bagger vò đầu, hắn chính là kẻ đã quyết định tăng thêm thời gian, và cũng chính hắn đã tự đưa mình vào trò.

Con quỷ cái đó đã lên hết những kế hoạch như vậy, nó đưa cho mình cái thông lọng, còn mình tự xiết dây.

Hắn đứng dậy và tiến về phía cửa sổ. Hắn luôn tự hào mình là kẻ đánh hơi ra những mưu mô như vậy trước khi có kẻ thực hiện nó và gây hại cho hắn. Nhưng hắn phải tự nhận đây là lần đầu tiên

chính hắn là đối tượng của vụ lừa gạt, trong khi tất cả những lần khác đối tượng lại là sòng bạc của hắn. Đó chỉ là những mưu mô ngắn hạn, nhằm lừa tiền từ những bàn xì-phé, ru-lét của hắn mà thôi. Lần này thì khác, chỉ huy vụ bịp lần này là một phụ nữ biết chính xác muốn gì, và sử dụng tất cả những mảnh khóc mà ả có, ngay cả cái thứ xưa như trái đất là tình dục.

Nhưng hắn phải công nhận ả nhập vai rất tốt, hắn vẫn còn nhớ như in những câu chuyện ả bịa ra, việc ả ngắt và mở hệ thống nghe trộm đúng lúc, ngay cả việc ả đã làm cho hắn tin tưởng ả là gián điệp chuyên nghiệp làm việc cho chính phủ. Chính những tiểu tiết như vậy đã góp phần làm cho hắn tin cả câu chuyện bịa to lớn hơn đằng sau.

Hắn liếc ra ngoài cửa sổ, trí óc liên tưởng đến cú điện thoại, cái cú điện thoại hẹn gặp gã sau khi cô ả giả vờ khám phá ra đám cận vệ của hắn đang bám theo. Hắn đã nói dối ả rằng hắn đã ra rời văn phòng, trên đường ra khỏi thành phố, còn ả thẳng thừng chỉ rõ hắn đang ở trong chính văn phòng. Chính từ lời nhận xét đó đã làm cho hắn tin tưởng ả hơn, rằng đám người nào đó đang theo dõi hắn.

Theo dõi ư?

Hắn nhìn vào cái khách sạn cao hai mươi ba tầng trên đường Boardwalk, tương tự như tòa nhà của hắn, nơi dãy cửa sổ trông thẳng qua văn phòng của hắn. Đồ khốn nạn! Thế là đủ rồi! Hắn gào lên với tên vệ sĩ.



Sau vài thứ thủ tục, chất vấn phiên hà và cả cú điện thoại cho luật sư của Reuben, cuối cùng Oliver cũng được vào thăm bạn trong tù. Khi cánh cửa nhà tù đóng lại phía sau lưng ông, Stone hơi giật mình. Trước đây, dù gì ông cũng từng ở tù, cho dù không phải là nhà tù Mỹ. Không, cũng không hẳn, ông tự bào chữa, vì lần chất vấn gần đây nhất của ông là do những người Mỹ đồng hương thực hiện ngay chính trên đất Mỹ mà.

Cho rằng căn phòng thăm thân nhân được theo dõi chặt chẽ, Stone và Reuben nói nhỏ vừa đủ nghe, và chỉ sử dụng những từ ngữ vừa đủ, thậm chí Stone cũng bắt đầu gõ nhịp chân xuống sàn.

Reuben suy đoán, “Anh cho rằng âm thanh có thể làm rối thiết bị nghe trộm điện tử à?”

“Cũng không hẳn thế, nhưng điều đó làm tôi thấy thoải mái hơn”.

Reuben mỉm cười và cũng bắt đầu nhịp chân, “Vụ hỏa hoạn?”, ông thì thầm.

“Vâng, tôi biết”, Stone trấn an, “Anh ổn chứ?”

“Chỉ bị một cú vào đầu, luật sư của tôi sẽ xem đó là một lời biện hộ cho vụ này”.

“Thế còn dấu vân tay trên súng thì sao?”

“Không có ý chạm phải”.

“Caleb có lý giải với đám cảnh sát rằng anh đang ở đó canh sách thô”, Reuben gật đầu, “Còn gì khác không?”

Reuben lắc đầu, “Tôi chỉ quan tâm tới vụ điều tra của chúng ta, mà thấy sự việc có vẻ lắng xuống”.

“Vẫn đang tiến triển, tình hình là vậy”.

“Giữ liên lạc với nhau phải không?”

Stone gật nhẹ, “Anh còn cần gì thêm không?”

“Có, phải chỉ có Johnnie Cochran¹ ở đây. Nhưng đáng tiếc là ông ta lại đang trong phòng xử án trên trời rồi”. Ông ngừng lại một chút, “Thế còn Susan thì sao?”

Stone ngần ngừ, “Cô ấy bận rồi”.

Khi Stone rời chỗ đó, ông thấy có hai người đàn ông, chắc hẳn là nhân viên cảnh sát, đang theo dõi từ một vị trí cố định. “Anh sẽ cho mấy chú em tung tăng một lúc”, ông lầm bầm và trong đầu hình dung ra người kế tiếp ông cần gặp.



Chú thích

1. Johnnie Cochran - luật sư nổi tiếng của Mỹ (mất vào tháng 3 năm 2005 vì u não, thọ 67 tuổi).

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 45



oger Seagraves đọc tin trên mạng trong giờ làm việc, kẻ bị tình nghi là hung thủ đã được nhận dạng là Reuben Rhodes, có tật xấu là nghiện rượu, từng phục vụ trong quân đội và Cơ quan Tình báo Quốc phòng, là người đốt sạch nhiều cây cầu trong những năm còn đương chức. Hiện kẻ tình nghi này đang làm việc ở một kho bốc dỡ hàng tại thủ đô

Washington và sống ẩn dật trong một căn nhà tồi tàn ở ngoại ô phía bắc bang Virginia. Tờ báo còn cố ý nhấn mạnh rằng, hung thủ là một tay chế tạo mìn hẹn giờ tài tình, và chính người này, với sự chán ghét chiến tranh đã từng thủ tiêu một tay chuyên làm giàu bằng cách cung cấp thứ vũ khí chết người cho những nơi cần chúng để tạo ra chiến tranh. Câu chuyện hay đến đáng ngờ.

Khi Seagraves nhìn thấy gã đàn ông to lớn bước vào nhà từ cánh cửa sau, hẳn không biết phải xử lý thế nào. Liệu đó có phải là kẻ trộm, nhưng rõ ràng là chuông báo động không vang lên, và sáng

sớm hôm sau, gã ra khỏi nhà tay không. Đêm hôm sau nữa, Seagraves đã tìm ra một cơ hội vàng để tạo ra vở kịch hay cho đám cảnh sát.

Hắn đã dành thời gian cho chính phủ, và tốn giờ cho liên bang, và bây giờ là lúc dành riêng cho hắn, hắn cần phải nhận một chút gì đó. Tuy hành động này chẳng có vẻ gì là thư giãn như với cô nàng ở Cơ quan An ninh Quốc gia, nhưng mà công việc thì phải có lúc này lúc khác. Điều quan trọng là phải giữ cho những mối làm ăn với hắn vui vẻ và theo guồng, đồng thời không bị nghi ngờ. Cũng may, nhờ vào vị trí của mình ở CIA, hắn có thể được tiết lộ vài thông tin quan trọng về những cuộc điều tra dành cho đám nhân viên tình báo nội bộ. Hơn thế, FBI có nhúng tay và giữ nhiều trọng trách quan trọng đi nữa, với mối quan hệ của mình, hắn có thể tìm hiểu xem kẻ nào được hân hạnh “trong danh sách tình nghi”.

Tài năng của hắn đã được chứng minh qua việc mũi tên tình nghi không bao giờ chĩa về hắn cả. Có vẻ như CIA không thể tin rằng một trong những tay ám sát kỳ cựu như hắn lại giờ trò. Liệu chúng có ngây thơ nghĩ về điều đó một cách giản đơn như vậy? Nếu sự thật là thế, hắn thật sợ cho một viễn cảnh an ninh quốc gia suy yếu chỉ vì những kẻ cầm đầu đám tình báo lại dễ bị xỏ mũi đến vậy. Nhưng cũng còn tên Alderich Ames là bằng chứng được phanh phui đầy chứ, có điều Seagraves này khôn ngoan hơn gã đó nhiều lắm.

Seagraves nhận lệnh giết người từ chính phủ, do vậy, nguyên tắc cam kết, trong ngữ cảnh này pháp luật và mệnh lệnh không được áp dụng với hắn. Hắn giống như một vận động viên chuyên nghiệp,

khéo léo xử lý tình huống khi làm chủ được sàn đấu. Những tay như vậy bộc lộ những nét hấp dẫn khán giả ngay trên sân thi đấu, và cũng chính những tính cách đặc trưng ấy làm họ trở nên nguy hiểm hơn. Nếu như Seagraves có thể không bị vướng vào những vụ giết người bao năm qua, thì hẳn tin rằng không có gì mà hẳn không thể làm cả. Thậm chí cho dù hẳn có xem sát thủ là nghề của mình, hẳn cũng không muốn làm việc cho ai cả. Hẳn tự thân vận động, cho dù là ở Trung Đông hay Viễn Đông, hay bất cứ nơi nào người ta muốn hẳn đến và kết liễu đời kẻ nào đó. Hẳn vẫn là kẻ thích một mình, đã được chứng nhận về tâm lý, và đó cũng là lý do ngay từ đầu hẳn được đào tạo làm tay sát thủ.

Hẳn đánh xe đến một khu thể thao tại McLean, bang Virginia, cách đầu não của CIA một đoạn không xa, chạy theo đường Chain Bridge. Hôm nay hẳn sẽ chơi quần vợt với tay trưởng ban, một gã lúc nào cũng tự phụ về lòng yêu nước, yêu công việc và cả cú sở trường đánh xoáy bóng bằng tay trái.

Họ hòa nhau trong hai ván đầu, và Seagraves phải đấu tranh với bản thân xem liệu có nên cho ông sếp của mình thắng ván thứ ba hay không. Nhưng cuối cùng, tinh thần thể thao không nhân nhượng của hẳn đã chiến thắng dù hẳn cũng giả bộ sắp thua tới nơi. Dầu sao thì hẳn cũng trẻ hơn ông ta mười lăm tuổi mà.

“Tôi thua rồi, Roger”, gã sếp than thở.

“Có lẽ tối nay tôi chơi hăng thôi, nhưng mà cũng chẳng phải dễ dàng gì đâu, nếu chúng ta trạc tuổi nhau, chắc gì tôi có thể đánh bại ông”.

Theo đánh giá của người sếp, hẳn là một tay đã trụ vững ở tổng

hành dinh của CIA tại Langley, Virginia trong một thời gian dài, và sự đối mặt với nguy hiểm bao nhiêu lại càng khiến hấp thích thú bấy nhiêu. Tay sếp này biết rất ít về những hoạt động trong quá khứ của hắn cho Cục, vì rõ ràng câu lạc bộ ba số sáu của hắn được bùng bít thông tin gần như tuyệt đối, điều dễ hiểu thôi. Tuy vậy, gã lại biết rất rõ việc Seagraves đã làm việc nhiều năm cho lĩnh vực tình báo, và được Cục cho leo lên hàng “đỉnh”. Cũng vì những lý do đó, Seagraves nhận được nhiều sự kính trọng hơn mấy tay ngang hàng với hắn.

Trở lại khu giữ đồ, trong lúc đợi tay sếp tắm tấp, Seagraves mở hộc tủ và lấy khăn tắm ra. Hắn lau mặt và lau khô tóc. Rồi cả hai cùng lái xe đến trung tâm Reston và dùng bữa tối tại nhà hàng Clyde, cùng ngồi thưởng thức các món ngon gần lò sưởi trong không khí ấm cúng của nhà hàng. Sau đó, cả hai tạm biệt nhau, và mỗi người đi mỗi ngã. Seagraves đợi tay sếp lái xe chạy đi, rồi thông dong tản bộ xuống khu đường chính của trung tâm, hắn dừng trước một rạp hát. Rạp hát, công viên và những nơi công cộng đại loại như vậy là nơi cung cấp tài liệu và nhận tiền của đám tình báo trước đây.

Seagraves có thể hình dung ra cảnh trao tay một gói bấp rang, mà bên trong chắc chắn chứa những thứ quan trọng hơn chỉ là bột, tuy tế nhị, nhưng hoạt động tình báo kiểu vậy có vẻ vụng về. Rõ ràng là hắn đã thực hiện việc trao đổi với tay trưởng ban mà chắc hẳn kẻ nào cho dù có quan sát cũng không nhìn ra được. Đám CIA hầu như chưa bao giờ thực hiện những màn theo dõi hai nhân viên gặp gỡ, đặc biệt là chơi vại ván quần vợt và ăn tối với nhau. Khái niệm về những tay đặc vụ truyền thống cho rằng đó là hành động một

mình, nên đó cũng là lý do hắn mời tay sếp ngây thơ làm tấm bình phong cho mình.

Hắn lái xe về nhà, cầm chiếc khăn tắm mang theo từ tủ đồ, bước vào một gian phòng nhỏ ở tầng hầm, ẩn sau vách tường nguy trang. Đó là một dạng “két sắt” của hắn, nơi không ai được phép dòm ngó. Hắn để khăn tắm lên bàn và với tay lấy chiếc bàn ủi hơi nước. Biểu tượng của trung tâm thể thao được may thăng vào bề mặt khăn, có điều nếu khăn này là khăn của khu trung tâm đó. Bản sao cũng tạm chấp nhận, có điều cái lô-gô chỉ dính hờ lên trên nền vải, kiểu mấy miếng dán được là lên quần áo của trẻ nhỏ. Miếng lô-gô nhanh chóng bị tróc ra và mặt sau của nó là thứ mà Seagraves phải trải trải đồ mồ hôi sau 3 ván quần vợt mới có được: đoạn băng ghi âm dài đúng 4 inch.

Sử dụng một dụng cụ phóng đại khá tinh vi, mà chỉ có những người giữ chức vụ quan trọng mới được sở hữu, hắn bắt đầu đọc và giải mã thông tin trên đoạn băng ghi âm. Sau đó hắn lại mật mã hóa đoạn băng, sắp xếp thành hình thức thích hợp và gửi cho Albert Trent. Hắn mày mò làm đến tận khuya, nhưng có hề gì, khi đóng vai là sát thủ, hắn thường phải làm việc lúc khuya như vậy, và những thói quen cũ khó mà bỏ được.

Hắn còn một việc nữa để làm trước khi ngày kết thúc. Hắn đến ngăn tủ đặc biệt của mình, mở khóa, tắt hệ thống bảo vệ và bước vào trong. Mỗi ngày hắn đến đây một lần để nhìn bộ sưu tập của mình. Tối nay, hắn đã tìm thêm một thứ nữa, dù hắn thấy hơi bức mình khi chỉ có một cái, đáng lý phải là một cặp. Hắn lôi thứ đó ra khỏi túi áo khoác. Đó là khuy áo măng-sét của Cornelius Behan mà

một công sự của hắn hiện đang làm việc cho Công ty Cứu hỏa đã đưa cho hắn. Chắc là Behan đã làm rơi nó khi đi thăm khu nhà kho, một cuộc viếng thăm đã dẫn đến cái chết của hắn. Behan đã có thể phần nào đoán ra cái chết của Jonathan và hắn không được phép tiết lộ thông tin cho bất cứ ai.

Seagraves đặt khay áo măng-sét lên một cái kệ nhỏ trong phòng cạnh một cái yếm của trẻ em. Hắn vẫn chưa có thứ gì của cô gái hắn đã bắn, nhưng hắn sẽ tìm ra được tông tích của cô ta và lấy thứ gì đó. Hắn đã bắn Behan đầu tiên, gã nằm quy xuống sàn, và chừa một khoảng trống để hắn dễ xử lý luôn cô ả. Hắn vẫn còn nhớ rõ lúc đó, cô ả vẫn đang quỳ gần cửa sổ và nhìn ra phía viên đạn đầu tiên được bắn ra. Seagraves không biết liệu cô ả có thấy hắn hay không, nhưng điều đó không quan trọng nữa. Hắn cũng chẳng cho ả có cơ hội rên la, vì viên đạn bay thẳng vào khuôn mặt xinh đẹp của ả. Đám tang với quan tài đậy kín sẽ dành cho cả hai vì vết thương ra lúc nào cũng nặng hơn vết thương vào cả.

Khi hắn nhìn đến khoảng trống kế bên cái khay măng-sét, hắn tự hứa với lòng sẽ tìm cho ra một vật của ả ta và như vậy bộ sưu tập của hắn sẽ luôn được cập nhật mới hoàn toàn. Và hắn thích thế.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 46



hải mất một ít sức lực Stone mới cắt được hai cái đuôi theo sau. Sau đó, ông lập tức vào trong một ngôi nhà bỏ hoang, ông gọi đó là nơi ẩn nấp an toàn, ông thay đổi trang phục và quay trở lại phố Good Fellow. Ông đi ngang qua nhà của DeHaven rồi đến nhà của Behan. Đám phóng viên đã đứng lố nhố phía bên ngoài chờ đợi sự xuất

hiện của người góa phụ xấu số và bị qua mặt. Căn nhà bị hỏa hoạn phía đối diện đường lần trước vẫn hoang tàn.

Từ góc đường ông giả vờ dừng lại xem bản đồ và bí mật quan sát ngôi nhà của Behan thì một chiếc xe tải chở đồ đạc dừng trước cửa nhà, có hai gã lực lưỡng bước xuống xe. Một cô hầu gái bước ra mở cửa và cả đám phóng viên nhộn nhạo hẳn lên. Đám thợ vào trong nhà, vài phút sau họ khệ nệ khiêng ra một rương gỗ lớn. Rõ ràng đám thợ rất khoẻ nhưng cũng phải dùng hết sức bình sinh để khiêng cái rương, và cũng như đám phóng viên, Stone có chung ý nghĩ: Bà

quả phụ đang nấp trong rương để thoát khỏi đám phóng viên. Thế nào đó cũng lại là một tin sốt dẻo cho mà xem!

Một vài tiếng chuông điện thoại reo vang, và đám phóng viên nhảy vào xe, theo đuôi chiếc xe tải. Hai chiếc xe hơi đang bám trụ tại phía sau nhà xuất hiện và chạy theo. Tuy nhiên, còn vài tay phóng viên ở lại, có lẽ họ cũng cảm nhận được chút mánh khốc gì đó. Họ giả vờ như chạy theo về phía cuối đường, nhưng lại đậu xe ở một góc khuất nào đó và tiếp tục quan sát. Một phút sau, cửa trước nhà mở toang, và lần này một phụ nữ trong trang phục người làm xuất hiện cùng chiếc mũ rộng vành. Người phụ nữ leo lên một chiếc xe đậu sẵn phía trước sân và lái đi.

Stone lại cảm nhận ý nghĩ hiện tại của đám phóng viên còn lại, theo đó chiếc xe tải chở hàng chỉ là kẻ nguy trang, và bà quả phụ hóa trang thành cô hầu gái. Lần này những tay phóng viên còn lại chạy theo chiếc xe của cô người hầu. Có sự tham gia của hai chiếc xe khác từ góc đường kế bên, hòa chung sự nhộn nhịp của những người cùng ngành.

Stone nhanh chóng đi vòng ra cuối góc phố và đến dãy nhà kế tiếp, tiếp giáp với phía hông sau nhà của Behan. Ở đó có một hẻm nhỏ, ông kiên nhẫn đợi tại bờ tường rào khu đó. Ông chẳng phải đợi lâu vì vài phút sau, một phụ nữ trong trang phục quần tây, áo khoác đen dài và đội mũ rộng vành lụm xụp xuất hiện. Đó chính là Marilyn Behan, vợ của người quá cố. Khi đi đến cuối hẻm, bà ta dừng lại và nhìn xung quanh.

Lúc này, Stone bước ra khỏi bờ tường và cất tiếng, “Bà có phải là bà Behan không ạ?”

Bà ta giật mình và nhìn ông.

“Anh là ai? Lại là tay phóng viên dai như đĩa nữa chứ gì?”

“Không, tôi là bạn của Caleb Shaw, người hiện đang làm việc tại Thư viện Quốc hội. Chúng ta từng gặp nhau tại đám tang của Jonathan DeHaven”.

Bà ta có vẻ đang lục lọi trí nhớ, với thái độ của bà ta, có vẻ như bà ta đang say, dù không thấy mùi rượu trong hơi thở. Liệu có phải do bà ta say thuốc không?

“Ah, tôi nhớ rồi. Tôi còn nhớ mình đã đưa ra lời châm biếm về cách hiểu của CB về đột tử nữa kìa”. Bà ta thỉnh thoảng khan và lúi húi lôi ra một mảnh khăn giấy trong giỏ.

“Tôi xin chia buồn cùng bà”, Stone thành khẩn, dù hy vọng bà ta sẽ không nhớ ra chuyện Reuben, kẻ đã bị buộc tội giết chồng bà ta, cũng nằm trong nhóm của họ.

“Cám ơn anh”, đoạn bà ta nhìn về phía cuối hẻm và nói tiếp, “Tôi nghĩ đứng đây có vẻ hơi kỳ nhỉ”.

“Tôi có nhìn thấy đám phóng viên thưa bà. Tôi hiểu đây quả là một giai đoạn khó khăn của bà, nhưng bà đã lừa được họ. Điều này chẳng dễ chút nào cả”.

“Nếu anh lấy một tay giàu có, người lúc nào cũng là tâm điểm của sự chú ý, chắc hẳn anh sẽ biết cách đánh lừa giới báo chí mà”.

“Tôi có thể nói chuyện với bà một chút không? Hay dùng một cốc cà phê nhé”.

Bà ta bối rối, “Tôi không biết nữa, lúc này quả là khó khăn”. Mặt bà ta đanh lại, “Tôi lại vừa mất chồng, mẹ kiếp!”

Giọng Stone vẫn thản nhiên, “Việc này có liên quan đến cái chết

của chồng bà đấy. Tôi muốn hỏi bà về những gì ông ta đã nói tại đám tang’.

Bà ta đột ngột ngưng lại, giọng cảnh giác. “Anh biết về cái chết của chồng tôi à?”

“Cũng không hẳn là nhiều, có điều tôi nghĩ nó phần nào liên quan đến cái chết của Jonathan, cũng có vẻ mờ ám, và cả hai người lại là hàng xóm, cả hai đều chết rất lạ”.

Đột nhiên bà ta tỉnh táo hẳn, “Anh cũng không nghĩ là Jonathan cũng chết vì bị nhồi máu cơ tim phải không?”

Cũng? “Bà Behan, bà có thể dành ra vài phút không, chuyện rất quan trọng đấy”.

Họ cùng ngồi nhấm nháp cà phê tại một nhà hàng nhỏ. Stone lên tiếng trước, “Chồng của bà có nhắc với bà vì cái chết của DeHaven à?”

Bà ta nhấp một ngụm cà phê, kéo mũ thấp xuống và nói nhỏ, “Tôi có thể khẳng định với anh rằng CB không nghĩ là anh ta bị đau tim mà chết đâu”.

“Sao lại không? Ông ta biết điều gì?”

“Tôi không rõ, anh ấy chẳng trực tiếp nói gì cho tôi biết cả”.

“Vậy làm sao bà biết ông ấy không tin?”

Marilyn Behan ngần ngừ, “Sao tôi lại phải cho ông biết chuyện này nhỉ?”

“Vậy để tôi thể hiện sự thành thật của mình, và hi vọng bà sẽ đáp trả”. Rồi ông kể cho bà ta nghe chuyện của Reuben và tại sao anh ta lại vào nhà tù dù Stone khéo léo không đề cập vụ ổng nhòm. “Anh ta chẳng giết chồng của bà đâu, anh ta ở đó vì tôi bảo anh ta trông

nom căn nhà thôi. Có nhiều chuyện lạ đang xảy ra gần đây ở khu vực này”.

“Giống như chuyện gì?”

“Giống như kẻ ở căn nhà đôi điện”.

Giọng bà ta căng thẳng, “Tôi chẳng biết tí gì về điều này cả, mà CB cũng chẳng bao giờ nhắc chuyện này. Tôi biết rằng anh ấy luôn có cảm giác người ta theo dõi mình, giống như bọn FBI, lúc nào cũng dò xét bới móc công việc của anh ấy. Việc xấu có thể có, có thể không, nhưng anh ấy có nhiều kẻ thù”.

“Bà bảo rằng ông ta chẳng nói trực tiếp với bà về cái chết của Jonathan nhưng tại đám tang, có vẻ như ông ta muốn có sự chắc chắn rằng đó chính là vì nhồi máu cơ tim. Ông ta còn cho rằng có khi việc khám nghiệm tử thi cũng không chính xác”.

Bà ta đặt cốc cà phê xuống, bối rối đưa tay chùi vệt son dính trên miệng cốc. “Ngày nọ, tôi có loáng thoáng nghe một cuộc điện thoại của CB, tôi chẳng phải cố tình nghe trộm hay ra sao cả”, bà ta nhanh chóng phân bua, “chỉ là vì lúc đó tôi đang tìm một quyển sách và anh ấy cũng có mặt trong thư viện và gọi điện, còn cửa thì chỉ khép hờ”.

“Tôi nghĩ bà không cố tình”, Stone trấn an.

“Tôi nghe thấy anh ấy nói chuyện với ai đó, rằng DeHaven vừa kiểm tra tim mạch và mọi thứ đều bình thường. Anh ta còn tiết lộ thêm rằng, sau vài cuộc nói chuyện với đám cảnh sát ở D.C anh ta biết thêm kết quả khám nghiệm tử thi của DeHaven có khi chẳng làm người ta vui đâu. Có điều họ chẳng nói ra thôi. Giọng anh ta có vẻ lo lắng và anh ta muốn tự mình sẽ tìm ra sự thật”.

“Liệu ông ta có làm điều đó?”

“Tôi chẳng có thói quen hỏi xem anh ta sẽ đi đâu và làm gì, và anh ấy cũng lịch sự như vậy với tôi. Ý tôi là, nguyên nhân cái chết của anh ấy đã chứng thực sự lầm lạc của mình. Lúc đó, tôi bay sang New York hơi vội cho nên tôi cũng không biết liệu mình có nhạy cảm, vì ánh mắt của anh ấy lúc đó làm tôi phải hỏi anh ấy đi đâu và có chuyện gì không. Mà nói thật, tôi còn không biết anh ấy đang sở hữu cái công ty quý quái đó nữa”.

“Công ty à, công ty gì?”

“Công ty Cứu hoả, tôi nghĩ thế. Hay đại loại thế”.

“Vậy là ông ta đến công ty?”

“Vâng”

“Có nói cho bà biết tại sao không?”

“Chỉ nói sơ rằng anh ta muốn kiểm tra thứ gì đó. À, anh ấy có nói về thư viện, hay là cái nơi nào đó mà Jonathan đang làm việc đấy, cả chuyện công ty anh ấy ký kết hợp đồng với thư viện để lắp đặt hệ thống chữa cháy này nọ. Và chuyện anh ấy biết rằng có một số xilanh bị tráo, và nhận xét rằng có vẻ như có sự lộn xộn kiểm kê gì đó”.

“Bà biết rằng ông ấy đã tìm ra điều gì à?”

“Không, tôi đã nói rằng tôi đi New York mà. Anh ấy chẳng gọi báo tôi, mà lúc tôi gọi thì anh ấy chẳng nhắc đến, tôi quên bém”.

“Giọng ông ấy có bức bối khi bà hỏi không?”

“Không, cũng như thường lệ”, bà ta ngừng một chút. “À, tôi nhớ rồi, anh ấy bảo chắc phải kiểm tra lại hệ thống ống dẫn trong nhà, tôi đang nghĩ anh ta nói đùa”.

“Hệ thống ống dẫn à? Ông ta nói đến ống nào?”

“Tôi không rõ. Tôi nghĩ đó là hệ thống khí gas, có thể bị rò rỉ và dễ gây nổ”.

Trong đầu Stone liên tưởng đến những gì đã xảy ra với ngài Bob Bradley, Chủ tịch Hạ viện. Nhưng sau đó, nghĩ đến chuyện khác làm ông hỏi ngay.

“Bà Behan này, trong nhà bà có hệ thống phun nước chữa lửa không?”

“Không, không thể. Chúng tôi có một bộ sưu tập tranh khá lớn, và không dùng nước được. Nhưng CB cũng sợ hỏa hoạn lắm, cứ nhìn những gì xảy ra phía căn nhà đối diện là anh cũng hiểu. Anh ấy cho lắp đặt một hệ thống có thể dập tắt lửa mà không dùng nước đấy. Tôi chẳng biết nó hoạt động ra sao cả”.

“Tôi hiểu rồi”.

“Vậy là anh tin rằng kẻ nào đã giết Jonathan cũng sát hại CB luôn à?”

Stone gật đầu, “Tôi tin vậy. Và nếu tôi là bà, tôi sẽ đến ở chỗ khác, tránh xa chỗ này càng sớm càng tốt”.

Bà ta mở to mắt, “Anh nghĩ tôi đang gặp nguy hiểm ư?”

“E là vậy”.

“Vậy tôi sẽ quay về New York trong chiều nay”.

“Hoàn toàn là quyết định sáng suốt”.

“Tôi mong là cảnh sát sẽ cho phép, vì tôi phải trình hộ chiếu cho họ xem. Tôi cũng thuộc diện tình nghi nữa. Dẫu sao tôi cũng là vợ, tuy tôi có chứng cứ ngoại phạm hoàn toàn thuyết phục, nhưng biết đâu họ lại chẳng nghĩ tôi sẽ mượn người khác làm”.

Stone thẳng thắn, “Chuyện này đã từng xảy ra”.

Họ cùng im lặng trong vài giây, rồi bà ta tiếp, “Anh biết đấy, CB rất yêu tôi”.

“Tôi cũng nghĩ thế”, Stone lịch sự trả lời.

“Không đâu, tôi hiểu những gì anh đang nghĩ. Nhưng đúng là anh ấy yêu tôi, những phụ nữ khác chỉ là chơi qua đường, họ đến và đi. Tôi là người duy nhất cùng anh ấy làm lễ ở nhà thờ, anh ấy để lại cho tôi mọi thứ”.

Bà ta nhấp thêm một ngụm cà phê nữa rồi nói tiếp, “Anh biết không, một điều nghịch lý là anh ấy làm giàu bằng việc buôn bán vũ khí, nhưng bản thân CB lại ghét súng ống, và chẳng có lấy một khẩu ở nhà. Anh ấy xuất thân từ kỹ sư và rất giỏi, anh ấy lại làm việc rất siêng năng”. Bà ta ngưng một chút, “Anh ấy yêu tôi, bằng bản năng của người phụ nữ, tôi cảm nhận điều đó. Tôi cũng rất yêu anh ấy, cho dù anh ấy phạm nhiều sai lầm. Tôi mãi vẫn không tin được anh ấy đã ra đi, và một phần tâm hồn tôi cũng chết theo anh ấy”. Bà ta lau vội nước mắt.

“Thưa bà Behan, tại sao bà lại nói dối tôi”.

“Sao cơ ạ?”

“Bà đã nói dối tôi? Bà vẫn không biết tôi là ai, sao lại nói dối?”

“Anh đang nói cái quái gì vậy? Tôi không nói dối. Tôi rất yêu anh ấy”.

“Nếu bà thật sự yêu ông ta thì bà đâu có thuê thám tử tu theo dõi ông ta từ căn nhà đối diện. Liệu hẳn có phải là người chụp mấy tấm hình của những cô nàng trẻ trung hay ra vào nhà bà?”

“Sao anh dám nói vậy! Tôi chẳng có liên quan gì việc này cả. Biết

dâu đó là người của FBI đang theo dõi CB”.

“Không đâu, đám nhân viên FBI đủ khôn ngoan để lập thành trạm ở đó, ít nhất cũng có một nam một nữ, và sẽ sống như gia đình bình thường ở đó. Họ cũng biết cách hòa nhập cuộc sống, như bỏ rác, và những công việc vặt vãnh thường ngày, mà chẳng để cho ai phát hiện ra họ cả. Mà tại sao FBI lại phải quan sát nhà của bà nhi? Liệu họ có tin vào một lý lẽ kém thuyết phục rằng chồng bà sẽ gặp gỡ vài tên đồng bọn ở đó? FBI cũng không hẳn là có nhiều kinh phí để bám tại những nơi cần canh giữ, mặc cho chúng đáng ngờ cỡ nào”. Ông lắc đầu, “Tôi hy vọng bà không trả cho công ty đó nhiều tiền, vì họ chẳng được việc tí nào”.

Bà ta nhồm nguời dậy và nói to, “Đồ chết tiệt!”

“Bà đã nên ly dị ông ta, rồi ôm nửa gia tài, trở thành một phụ nữ tự do”.

“Sau khi hấn đã bôi nhọ tôi như thế ư? Kéo cả ô điếm vào nhà của tôi? Tôi muốn hấn phải trả giá. Anh nói đúng: tôi đã thuê thám tử tư và sắp đặt cho anh ta trong căn nhà đó. Vậy thì sao nào? Ngay cả hình của lão chồng tôi và đám quý cái đó nữa? Với những thứ đó, tôi bắt lão phải trả bằng máu và ép lão phải đưa mọi thứ cho tôi. Nếu không, mọi thứ sẽ bị phanh phui hết, rõ ràng chính quyền liên bang không thích chuyện những nhà thầu tiến hành thỏa hiệp. Còn lão CB lại có rất nhiều cái gọi là sự dàn xếp tối mật. Lão sẽ chẳng làm ăn suôn sẻ nếu như chính phủ biết lão đang có âm mưu bất chính và bị đe dọa tổng tiền. Sau khi hấn đã ký nhận sẽ chuyển mọi thứ cho tôi, tôi sẽ bỏ rơi lão. Lão không phải là người duy nhất lằng nhằng, tôi cũng có, và tôi sẽ chọn người mình tin tưởng cho

bản thân để cùng sống chung. Nhưng giờ thì tôi có mọi thứ mà không cần phải tốn tiền. Quả là một sự trả thù hoàn hảo”.

“Bà nên hạ giọng một chút, vì như bà cũng có nói, cảnh sát vẫn nghi bà trong diện tình nghi. Và cũng không nên làm tăng thêm sự nghi ngờ đó”.

Marilyn Behan nhìn xung quanh, mọi ánh mắt đang đổ dồn về phía bà ta. Bà tái mặt và ngồi xuống ghế.

Giờ thì đến lượt Stone đứng dậy, “Cám ơn vì đã dành thời gian cho tôi. Thông tin của bà thật hữu ích”. Và ông nghiêm mặt, “Một lần nữa chia buồn vì sự mất mát của bà”.

Giọng bà ta rít lên, “Hãy xuống địa ngục đi”.

“Nếu là tôi, tôi chắc rằng mình sẽ không đi một mình đâu”.

CHƯƠNG 47



nnabelle đang ngồi đợi chuyến bay nối tiếp chờ cô ta ra khỏi bang Atlanta. Khi quan sát chặng đi mới của mình, cô ta chợt liên tưởng đến hành động ngu ngốc của Leo. Sao mà anh ta có thể làm điều đó nhỉ? Nếu cô ta muốn nói cho Freddy biết cô ta là ai, cô ta đã tự làm điều đó rồi.

Người phát thanh đã đọc tên chuyến bay, nhưng cô ta nán lại đợi dòng người xếp hàng trước. Dù cô ta đáp chuyến bay hạng nhất, và hoàn toàn có thể là người lên đầu tiên, nhưng theo thói quen, cô ta vẫn thích nhìn đám hành khách sẽ đi chung. Khi hàng người mỗi lúc một thưa đi là lúc cô ta chuẩn bị kéo túi xách bước vào trong. Cô ta không mang theo nhiều hành lý, chúng bị bỏ lại hầu hết ở D.C bởi vì cô ta không muốn người ta sẽ kiểm tra túi xách của mình, lỡ lại soi mói việc của cô ta. Dù sao thì khi đến một nơi mới cô ta có thể mua nhiều thứ khác.

Trong lúc di chuyển về hướng sân bay, Annabelle tình cờ liếc nhìn màn hình chiếc ti-vi đặt tại sân bay, hiện đang chiếu thời sự của kênh CNN, cô ta đứng lại và nhanh chóng đến sát màn hình, đọc những dòng chữ phụ đề trên đó. Quân nhân từng tham dự chiến tranh Việt Nam, tên là Reuben Rhodes đã bị bắt. Tin tức về nhà tài phiệt Cornelius Behan và bạn tình bị bắn chết từ cửa sổ nhà bên. Rhodes đang bị tạm giam...

“Trời ơi”, Annabelle nhủ thầm.

Loa phóng thanh vang lên, “Chúng tôi xin thông báo chuyến bay suốt số hiệu 3457 đến Honolulu chuẩn bị cất cánh. Chúng tôi xin mời hành khách lên máy bay”.

Annabelle nhìn về hướng cổng sân bay, họ chuẩn bị đóng cổng, và cô ta quay lại màn hình. Bị bắn từ cửa sổ nhà gần bên à? Vậy là Behan đã chết, còn Reuben bị bắt. Chuyện quái quỷ gì đang xảy ra thế này, cô ta phải tìm ra thôi.

Suy nghĩ của Annabelle thành linh chuyển hướng. Đây không phải là chuyện của mày, Annabelle ạ. Tên Jerry Bagger sắp mò đến rồi đấy. Hãy để cho những người kia tự lo liệu cho bản thân họ. Không thể nào Reuben đã giết hại Behan cả, và họ sẽ biết tìm cách, mà cho dù không có cách đi nữa, cũng không mắc mớ gì mày hết. Không thể.

Cô ta vẫn không nhắc chân lên nổi, lần đầu tiên trong đời cô ta do dự.

“Chúng tôi xin nhắc hành khách lên máy bay, chúng tôi sắp đóng cửa chuyến bay 3457”.

Cô ta yếu ớt thúc giục bản thân, “Đi thôi nào Annabelle, đi thôi.

Mày đâu cần phải biết chuyện này, cũng chẳng gì phải đấu tranh cho nó cả, mày đâu mắc nợ ai đâu. Mày cũng chẳng nợ nần gì Jonathan cả”.

Cô ta nhìn cánh cửa cùng chuyển bay giúp cô ta chạy trốn khỏi gã Jerry Bagger đóng sập lại và cả người soát vé cũng bỏ đi về hướng khác. Mười phút sau đó, chiếc Boeing 777 từ từ cất cánh vào bầu trời, đúng theo thời gian biểu, trong lúc Annabelle mua một vé máy bay khác về hướng bắc, nơi cô chắc chắn mình sẽ nằm trong tầm kiểm soát của Jerry Bagger và máy chém của hắn. Cô ta không biết tại sao mình lại quyết định như vậy, nhưng tận sâu trong lòng, cô nghĩ mình có câu trả lời.

Albert Trent đang cố hoàn thành công việc ở văn phòng tại gia. Hắn bắt đầu công việc hơi trễ do tối qua phải thức khuya. Những nhiệm vụ hắn phải hoàn thành liên quan đến vị trí là một thành viên trong đội đặc nhiệm cao cấp của Ủy ban Tình báo, một vị trí hắn nắm giữ trong nhiều năm, và đã đào tạo hắn thuần thục gần như tất cả những vấn đề liên quan đến tình báo, hay ít nhất là những phần tổ chức chia sẻ với những người cầm đầu Quốc hội. Hắn vuốt vài lọn tóc, uống xong cốc cà phê, thu dọn cặp táp và vài phút sau đã sẵn sàng trong chiếc xe hơi hiệu Honda 2 cửa. Chỉ trong năm năm nữa thôi, hắn có thể lái một chiếc xe sang trọng hơn ở Azgentina chẳng hạn, hay là vùng Nam Thái bình dương, nơi hắn nghe nói là thiên đường. Tài khoản bí mật của hắn hiện đang có tiền triệu, và hắn có thể nhân đôi số tiền ấy trong nửa thập niên tới. Những bí mật mà Seagraves bán cho hắn đáng giá cao nhất trong khung tiền thưởng. Điều này không giống như thời kỳ chiến tranh lạnh lúc người ta trao thông tin

chỉ để đổi lại hai chục nghìn đôla. Những kẻ giao dịch với Seagraves toàn sử dụng con số bảy chữ số mà thôi, nhưng đổi lại bọn họ lại đòi hỏi rất nhiều thứ. Trent chưa bao giờ dò hỏi xem liệu Seagraves lấy mối từ những nguồn nào, hay hẳn ta gặp ai. Chắc chắn rằng hẳn chẳng bao giờ kể mà Trent cũng chẳng muốn hỏi. Nhiệm vụ duy nhất, nhưng lại khá quan trọng của Trent là tiếp nhận thông tin từ Seagraves để chuyển tiếp lên một cấp mới. Những thủ thuật hẳn sử dụng hoàn toàn độc đáo và dễ qua mắt người khác, thậm chí có thể nói đó là những chiêu mà ngay cả bọn nhân viên của Cơ quan Tình báo Mỹ vẫn còn lóng ngóng.

Có rất nhiều tay gián điệp đầy kinh nghiệm và tâm huyết với việc điều tra bí mật bị lấy trộm và bán cho kẻ thù. Tuy vậy, đối với Trent, trong giới hạn làm việc của mình, hẳn lại khéo léo luồn lách ra khỏi những sự rắc rối đó. Những kẻ điệp viên nói chuyện với hẳn không thể nào ngờ rằng một nhân viên bình thường, với mái tóc có vẻ kỳ dị, chạy một chiếc xe cũ kỹ, sống trong căn nhà tồi tàn, mỗi tháng chi tiêu vừa đủ trên số tiền lương còn lại là một tay kỳ cựu trong một tổ chức đang phá hoại danh tiếng của Cơ quan Tình báo Mỹ.

Đối với chính quyền cao cấp, điều này hoàn toàn có thể dễ hiểu từ một nguyên nhân sâu xa. Với hoạt động của một tổ chức tình báo, ngón hơn năm mươi tỷ đôla một năm, hơn 120 nghìn nhân viên, khối lượng công việc thật khổng lồ, và chẳng ai lại chú ý đến những chuyện nhỏ nhoi cả. Tuy vậy, Trent lại nhận thấy tay đồng nghiệp của mình, Roger Seagraves hoạt động hiệu quả và chưa bao giờ bỏ qua chi tiết nào, dù là nhỏ nhất.

Trent cố tìm ra vài thông tin về gã khi họ bắt đầu quen biết nhau, nhưng chẳng được gì, cho nên, một người đầy kinh nghiệm như hắn thừa hiểu rằng gã Seagraves hoàn toàn là một tay biết cách che dấu khéo léo và đầy kinh nghiệm, và cũng vì thế không nên xâm phạm gã làm gì. Mà Trent cũng không muốn điều đó, hắn thà chết già và giàu có ở một nơi khác hơn.

Ngồi trong xe, hắn suy nghĩ về cuộc đời mới của mình, chắc sẽ khác bây giờ nhiều, dĩ nhiên là vậy. Có điều hắn chưa bao giờ nghĩ đến sinh mạng của bao nhiêu kẻ đã bị cướp đi vì lòng tham vô đáy của hắn. Những kẻ bán nước như hắn làm gì có cái gọi là lương tâm.



Stone vừa về đến nhà sau cuộc gặp gỡ với Marilyn Behan thì có tiếng gõ cửa. Ông ghé mắt ra nhìn thì gặp Annabelle, “Chào Oliver”.

Ông chẳng tỏ vẻ ngạc nhiên mấy trước sự xuất hiện của cô ta, ra hiệu cho cô ta vào nhà, rồi họ cùng ngồi trước lò sưởi trên hai cái ghế cũ.

Giọng ông vui vẻ, “Chuyến đi của cô thế nào?”

“Thôi nào, tôi không đi đâu cả”.

“Thật vậy sao?”

“Ông có kể cho những người khác biết tôi đi không?”

“Không”.

“Sao lại không?”

“Vì tôi biết cô sẽ quay lại”.

Giọng cô ta bức bối, “Chuyện này làm tôi khó chịu đấy, ông chẳng hiểu cái quái gì về tôi cả”.

“Có chứ, vì giờ này cô đã ở đây”.

Cô ta giương mắt nhìn ông, lắc đầu, “Ông là tay trông nghĩa trang lạ lùng nhất mà tôi từng biết”.

“Cô đã gặp nhiều người rồi à?”

“Tôi có biết chuyện đã xảy ra với Reuben”.

“Đám cảnh sát đã sai lầm cũng chỉ vì bọn họ không biết rõ sự việc”.

“Chúng ta phải cứu anh ấy ra khỏi ngục”.

“Chúng tôi đang cố gắng, và tôi nghĩ Reuben sẽ ổn thôi. Tôi không nghĩ có kẻ nào dám làm phiền anh ta, vì có lần tôi còn thấy anh ta hạ gục năm tên trong quán bar. Ngoài sức mạnh lực sỹ của mình, anh ta là một trong những tay đánh đấm ác ôn và mạnh bạo nhất mà tôi từng quen, và tôi rất ngưỡng mộ điều đấy”.

“Có kẻ đã đổ lỗi cho anh ta tại nhà Jonathan à?”

“Đúng vậy”.

“Sao lại làm điều đó nhỉ? Sao lại giết Behan?”

“Vì hắn tình cờ biết tại sao Jonathan chết, chỉ thế thôi”. Rồi Stone kể cho Annabelle về câu chuyện với bà góa phụ Marilyn Behan.

“Vậy là chúng thủ tiêu Behan và đổ cho Reuben bởi vì anh ta tự nhiên xuất hiện thật đúng lúc nhỉ?”

“Có lẽ bọn chúng thấy anh ta đi ra đi vào căn nhà đó, và cả vị trí bắn từ phía căn gác nên mới bắt đầu thực thi kế hoạch. Chúng cũng biết cả việc Behan dẫn cô gái về nhà và cùng ở trong căn phòng đó”.

“Có vẻ như chúng ta gặp đối thủ đáng gờm rồi đây, vậy giờ chúng ta cần làm gì?”

“Bắt đầu từ đoạn phim của máy quay phim theo dõi trong phòng đọc”.

“Trên đường quay trở về đây, tôi đã tìm ra kế hoạch hành động”.

“Tôi cũng nghĩ cô sẽ làm được”. Ông ngừng lại một chút, rồi tiếp, “Nếu không có cô, chúng tôi chẳng thể hoàn thành công việc”.

“Ông đừng nịnh tôi nhé, chúng ta còn chưa bắt đầu mà”.

Cả hai cùng ngồi im lặng suy nghĩ trong một lúc.

Annabelle nhìn ra ngoài cửa sổ, “Ông biết đấy, cảnh vật ở đây rất thanh bình”.

“Vói thây ma ư? Tôi lại cảm thấy có vẻ u ám rồi đây”.

Cô nàng mỉm cười, đứng dậy, “Đề tôi gọi cho Caleb và bàn kế hoạch”.

Stone cũng đứng dậy, vron vai, “Tôi e rằng tôi đã đến tuổi già, khi mà những công việc dù chỉ đơn giản là cắt cỏ cũng làm gân cốt mỗi nhừ”.

“Uống thuốc Advill ấy. Tôi sẽ gọi cho ông sau, khi tôi đã sắp xếp công việc ổn thỏa”.

Khi đi ngang qua Stone hướng ra cửa, cô ta nghe ông nói nhỏ, “Tôi rất vui vì cô đã quay lại”.

Annabelle không phản ứng gì cả, Stone nhìn theo bóng cô ta cùng chiếc xe máy hút.



Chú thích

1.Loại thuốc kháng viêm, giảm đau, hạ sốt.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 48



au khi nhớ ra chuyện, Jerry Bagger nhanh chóng gọi tên giám đốc khách sạn ngay bên đường đến văn phòng của hắn và yêu cầu tên ấy kể chi tiết về bất kỳ người khách nào đã đến đăng ký phòng trên tầng thứ hai mươi ba, đối diện tòa nhà của hắn trong ngày đó. Và ở thành phố Atlantic này, khi Jerry yêu cầu bạn đến, bạn phải đến, và như

thường lệ lúc nào cũng có vài tên vệ sĩ hung tợn đứng vây quanh. Giám đốc khách sạn là một thanh niên trẻ, khá điển trai, với sự tham vọng và nhiệt huyết trong công việc, khẳng khái không cho tay chủ sòng bài biết điều gì cả.

“Nói cho chú em mày biết nhé, nếu chú mày không hé răng, chú mày chết chắc”, Bagger đe dọa.

Tay giám đốc do dự, “Ông đe dọa tôi sao?”

“Không, việc đe dọa chỉ xảy ra khi cơ hội không còn, còn trong trường hợp này, chúng ta gọi là thương lượng đấy chứ”.

Tay giám đốc tái mặt nhưng vẫn cương quyết, “Thông tin ông yêu cầu hoàn toàn là bảo mật, nên tôi không thể đưa cho ông. Khách hàng của chúng tôi luôn cần được tôn trọng quyền riêng tư và chúng tôi đảm bảo cao nhất quyền...”

Bagger cắt ngang, “Đúng thế, đúng thế, nhìn này, ông anh chỉ chú em mày đi đường dễ nhé, chú em muốn bao nhiêu?”

“Ông tính hồi lộ tôi ư?”

“Đúng đường rồi đây”.

“Ông không đùa đây chứ?”

“Một trăm... nghìn”.

“Một trăm nghìn đôla à!”

Bagger nhìn đám cận vệ, “Này mấy đứa, gã này nhanh đấy, tao phải thuê hẳn vào làm mới được. Đúng thế, một trăm nghìn nhanh chóng chuyển vào tài khoản của chú mày nếu chú mày cho tao xem qua bảng danh sách”. Tay giám đốc tính toán trong giây lát, nhưng lần này chính Bagger mất kiên nhẫn, “Mà nếu chú mày không chịu, thì tao nói thật, tao giết luôn. Tao sẽ bẻ từng đốt xương của chú mày, trở thành bại liệt để chú mày chẳng còn dịp kể cho ai nghe, thế là chú mày phải dành quãng đời còn lại nằm trên giường, tiêu tiểu tại chỗ trong khi người khác phải phục vụ. Đối với ông anh đây, sự việc không còn là lựa chọn nữa, chỉ là tao cũng biết lý lẽ, nên cho chú mày thời gian, năm giây nhé!”

Một giờ sau, Bagger đã có trong tay danh sách hẳn cần, và nhanh chóng dò ra những kẻ tình nghi, sau đó hẳn lại tiếp tục tra hỏi thông tin về những người này. Hẳn chẳng tốn mấy thời gian vì một trong số những kẻ tình nghi đã sử dụng dịch vụ cộng thêm tại khách sạn

trong lúc y ở đó.

“Đúng rồi, tôi có mát-xa cho anh ta”, người phụ nữ trẻ với cái tên Cindy thừa nhận. Cô ta có thân hình nhỏ nhắn, với những đường cong hấp dẫn, tóc đen sẫm và khuôn mặt khả ái, thái độ có vẻ lịch lãm. Cô ta thổi kẹo cao su lớp bốp và mân mê vài lọn tóc trong lúc nói chuyện với Bagger tại phòng riêng của khu nghỉ dưỡng rộng lớn của khách sạn.

Hắn nhìn cô à chăm chăm, “Cô em biết anh là ai không?”

Cindy gật đầu, “Ông là Jerry Bagger, mẹ em tên là Dolores hiện đang làm việc tại bàn gieo súc sắc của sòng bạc Pompeii mà”.

“Rồi, anh nhớ rồi, còn tại sao em lại thích cái chỗ khi gió này?”

“Lương thì tệ, được cái tiền boa cao. Mấy lão già khoái có mấy em trẻ trung sờ mó, vài gã còn có vẻ hứng chí khi em phục vụ đấy chứ. Em ghét mấy lão già tám mươi lăm, nhưng được cái rộng rãi tiền bạc”.

“Thế còn gã này thì sao?”. Bagger liếc về phía cái tên đã viết sẵn, “Tên Robby Thomas, kể cho anh nghe về hắn, trước tiên là hắn nhìn ra sao nhỉ?”

Cindy miêu tả nhân dạng của người đàn ông, “Điễn trai, nhưng cộc cằn. Hắn chỉ biết nghĩ cho hắn, em chẳng thích loại người này tí nào cả, ngoài ra hắn gầy gơ xương mà lại đẹp trai, ông hiểu ý em rồi đó, nếu có thi đấu vật chắc em thắng hắn mất. Tóm lại là em thích mấy tay đô con và vạm vỡ”.

“Anh cũng nghĩ thế. Thế còn anh chàng này, em chỉ mát-xa thôi, hay còn làm gì khác?”

Cindy khoanh tay và ngừng thổi kẹo cao su, “Thưa ngài Bagger, em

là một người chuyên nghiệp có bằng cấp nhé”.

Để đáp lại, hắn lôi mười tờ một trăm đôla ra khỏi ví, “Thế như vậy có đủ mua bằng của em không?”

Cindy nhìn mấy tờ tiền, “Em cho rằng những gì mình làm là chuyện riêng của mình”.

“Đúng thế”, hắn chìa tiền ra, “Vậy kể cho anh nghe về hắn nhé”.

Nhưng cô ta lại ngần ngừ khi nhận tiền, “Nếu kể cho ông nghe, có khi em lại mất việc...”

“Này cô em Cindy, anh chẳng trả cái quái gì cả nếu cô em chỉ toàn kể chuyện tào lao nhé”. Rồi hắn đẩy mấy tờ tiền vào sâu trong áo cô ta, “Kể cho anh nghe đi, không được nói dối vì nói dối là sẽ tệ hơn đây”.

Cô ả bắt đầu nói nhanh, “Em sẽ kể giống như hắn đang tồn tại ở đây nhé. Em đang mát-xa cho hắn thì thấy bàn tay hắn ngo nguậy dưới chân rồi đến chỗ cần đến”.

“Đúng là con thú nhỉ. Rồi sao nữa?”

“Hắn bắt đầu đòi hỏi nhiều hơn, mới đầu em từ chối, nhưng sau đó hắn bắt đầu phô trương khoe lác rằng hắn sắp vợ được vài cú bở và tốt nhất em phải chiều hắn”.

“Cú bở à? Tiếp đi nào...”

“Hắn rút tiền ra, và bảo còn nhiều hơn nữa. Sau khi em làm việc xong, hắn đợi em, rồi đi làm vài ly rượu, em hơi say, em chẳng giới uống bia rượu tí nào”.

“Được rồi, tiếp đi nào Cindy”, Bagger mát kiên nhẫn, “Anh có hội chứng không thể chờ lâu được”.

Cô ả nhanh nhẩu, “Cuối cùng thì cũng về phòng gã, em chưa biết rõ

gã, em cũng muốn gã được vui đôi chút nên em có mát-xa cho gã, gã say quá, còn em thấy hơi bực mình, sau đó gã khóc như đứa trẻ và đưa em một trăm đôla. Một trăm đôla chẳng đâu vào đâu! Rồi gã vào phòng tắm, nôn mửa gần mười phút. Sau đó đi ra, bảo em rằng sức khỏe của gã tệ quá, không còn được như trước nữa. Cứ như là em vô dụng lắm!”

“Một tên ngốc, thế rồi sao nữa?”

“Chỉ thế thôi, sau đó em đi về nhà, vì em và hắn đâu phải hẹn hò gì với nhau đâu”.

“Hắn chẳng nói gì thêm à? Hắn đi đâu, về đâu, chuyện vớ bở là sao?”. Cô ả lắc đầu. Jerry nhìn cô ả một lúc rồi bảo, “Em cũng biết kinh doanh đấy, thế chắc cũng lục lợi ví hắn xem có vớ được đồng nào không trong lúc hắn đang hành sự trong toilet chứ?”

Ả giận dữ, “Em không phải mấy hạng gái điếm tầm thường! Sao ông lại có quyền nói những lời xúc phạm vậy?”

“Vậy thì bây giờ chúng ta quay lại thực tế chút nhé, Cin”. Hắn vỗ ngực, “Anh là Jerry Bagger, còn em là kẻ hèn mọn, làm những việc quan hệ đại loại vì những đồng tiền lẻ, và bây giờ anh sẽ hỏi một lần nữa: em có lục ví hắn để lấy thêm phần mà em thiếu không?”

“Em không biết, có thể có, mà giờ em cũng chẳng muốn kể nữa”.

Bagger tiến đến nâng cằm cô ả, quay mặt ả về phía mình, mắt nhìn nhau, “Thế bà già của em có kể cho em nghe về anh không nhỉ?”

Cô nàng Cindy lúc này đã sợ chết khiếp, “Bà ấy chỉ bảo ông là một người sắp giới thôi ạ”.

“Còn gì khác?”

“Rằng ai mà làm ông giận kể như tiêu đời”.

“Đúng thế, mẹ của em cũng hay đấy”. Hấn xiết mạnh cầm cô ả, “Nếu em muốn gặp mẹ mình, thử sâu vào và nói cho anh biết em nhìn thấy gì trong cái ví của gã điên trai đó mau”.

“Dạ vâng, dạ vâng. Cũng lạ là hấn có vài thẻ căn cước ả”.

“Và..?”

“Tên hấn giới thiệu em biết là Robby Thomas từ bang Michigan, còn bằng lái xe lại từ bang California”.

“Tên gì?”, Bagger bình tĩnh.

“Tony. Tony Wallace”.

Bagger buông ả ra, “Thấy chưa, nào có khó khăn gì, còn bây giờ sao em không quay về với công việc xoa bóp mấy lão già nhỉ?”

Ả run rẩy đứng dậy. Khi ả ra tới cửa, hấn gọi với theo, “Này Cindy, em có quên gì không nhỉ?”

Ả ngần ngừ quay lại, căng thẳng, “Vâng thưa ông Bagger?”

“Anh trả cho em một nghìn đôla, gã kia chỉ cho em một trăm đôla thôi mà còn được em phục vụ chu đáo thế, em chưa hỏi anh xem anh có muốn gì không. Vậy là không tốt nhé, Cindy. Anh nhớ dai lắm”, hấn ngừng lại, chờ ả trả lời.

Ả run giọng, “Vậy ông có muốn em làm việc gì đó không, thưa ông? Em rất sẵn lòng”.

“Không”.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 49



nnabelle và Caleb cùng bước vào sảnh tòa nhà Jefferson. Cô ta diện một bộ váy đỏ ngang gối, áo khoác đen và áo sơ mi màu be bên trong. Cách thể hiện của cô ta hoàn toàn chuyên nghiệp, duyên dáng và đáng thuyết phục, trong khi Caleb lại có vẻ bối rối và rụt rè. Cô ta căn dặn, “Anh chỉ cần tỏ vẻ buồn bã và chán đời nhé”.

“Cái đó dễ mà, lúc nào mà tôi không buồn bã và chán đời”.

Trước khi họ bước vào phòng bảo vệ của thư viện, Annabelle dừng lại, đeo cặp kính có dây quàng ngay cổ lên.

Caleb rên rỉ, “Liệu điều này có hiệu quả không?”, ông cảm thấy hơi căng thẳng.

“Anh chẳng biết liệu điều đó có thành công không cho đến lúc anh thực hiện nó chứ”, Annabelle trả lời.

“Vâng, đúng vậy”.

Vài phút sau, họ đã an tọa trong văn phòng bảo vệ. Caleb cúi gằm

mặt, nhìn đôi giày của mình để Annabelle tự do phô diễn tài.

“Vâng là như những gì tôi đã giải thích, anh Caleb đây giao cho tôi trọng trách là giáo sư tâm lý để giúp anh ấy vượt qua giai đoạn căng thẳng này”.

Người tổ trưởng có vẻ lúng túng, “Cô bảo ông ấy có vấn đề khi làm việc tại phòng sách ư?”

“Vâng, đúng thế. Anh biết rồi đây, anh ấy là người phát hiện ra xác chết của bạn thân cũng là đồng nghiệp của mình. Phòng sách là nơi anh Caleb yêu mến, và cũng dành phần lớn cuộc đời ở đó”. Cô ta liếc về phía Caleb, người diễn rất tự nhiên khi tự động thở dài và chầm khấn lên mắt.

“Nhưng giờ đây, nơi anh ấy yêu mến và có nhiều kỷ niệm đẹp lại chỉ tạo cho anh ấy cảm giác u buồn và cả sợ hãi”.

Tay tổ trưởng thông cảm, “Vâng, tôi nghĩ ông cũng thấy không thoải mái, thưa ông Shaw”.

Hai tay Caleb run lẩy bẩy đến nỗi Annabelle phải nắm lấy một cái. “Cứ gọi anh ấy là Caleb, chúng ta là bạn với nhau mà”, giọng Annabelle khuyến khích, nhìn tay tổ trưởng ra hiệu, đồng thời xiết nhẹ tay Caleb.

“Vâng, đúng thế, chúng ta là bạn, hẳn vậy rồi”, gã có vẻ ngượng nghịu, “Nhưng tôi có liên quan gì ở đây?”

“Kế hoạch của tôi là để cho Caleb xem lại đoạn ghi hình của phòng đọc, nơi có người ra vào từ phòng sách, cứ để mọi thứ tự nhiên, như hàng ngày, cách này có thể tạo thêm động lực cho anh ấy, khuyến khích anh ấy vượt qua thời kỳ khủng hoảng tâm lý này, cũng như xây dựng lại hình ảnh tích cực của phòng đọc và phòng

sách cho anh ấy”.

“Tôi cũng không rõ chuyện cho cô xem băng ghi hình đó ra sao, vì đây là những lời yêu cầu rất kỳ lạ”.

Caleb dợm đứng lên và đầu hàng, nhưng tia nhìn nghiêm nghị của Annabelle đã làm cho ông phải ngưng lại giữa chừng. Cô ta cương quyết, “Tôi hiểu đây là một lời yêu cầu đặc biệt, nhưng tôi hy vọng anh có thể bằng mọi cách trong khả năng của mình tìm cách giúp cho người anh em này thành công trong việc trở lại với tâm trạng tích cực hơn”.

“Chắc rồi, nhưng..”

“Vậy bây giờ là lúc chúng ta có thể cùng xem đoạn băng phải không?”, Cô ta hướng tia nhìn giận dữ về phía Caleb, người đang ngồi trên nửa ghế, “Ý tôi là anh có thể nhìn thấy anh ta đang khổ sở ra sao”.

Caleb thụp người xuống ghế, ôm đầu.

Annabelle quay lại nhìn tay tổ trưởng, và hướng về phía băng tên, “Dale, tôi có thể gọi anh là Dale được không?”

“Vâng, được ạ”.

“Dale, anh có nhìn thấy bộ quần áo tôi đang mặc không?”

Gã nhìn thân hình hấp dẫn của cô ta rồi buông thõng, “Vâng, có”.

“Anh sẽ nhìn thấy màu váy của tôi là màu đỏ, đó là màu của quyền lực và màu tích cực, nhưng màu áo khoác của tôi, màu đen, một màu u ám, còn áo sơ mi lại màu be, màu trung tính. Điều đó thể hiện tôi đang đạt đến nửa đường trong việc tìm ra cách giúp người đàn ông đáng thương này trở lại trạng thái khỏe mạnh, yêu đời. Anh cũng có thể giúp mà Dale, tôi muốn mình sẽ đem đến màu đỏ cho

anh Caleb, anh sẽ giúp tôi chứ, chúng ta cùng làm nhé Dale”. Cô ta hướng ánh mắt mong chờ vào gã, “Tôi có thể hiểu được anh sẽ ủng hộ tôi mà”.

Dale nhìn về hướng Caleb thiếu não rồi đồng ý, “Thôi được rồi, tôi sẽ lấy cuộn băng cho cô”.

Sau khi gã ra khỏi phòng, Caleb lên tiếng, “Cô xử lý công việc rất chuyên nghiệp đấy”.

“Cám ơn”, cô ta không phủ nhận.

Khi thấy cô ta không nói gì thêm, ông tiếp, “Mà tôi cũng không tệ chứ?”

Cô ta nhìn Caleb với ánh mắt nghi ngờ, “Vậy sao?”

Vài giờ sau, Annabelle và Caleb cùng ngồi xem lại đoạn băng ghi hình những người ra vào trước và sau khi xảy ra cái chết của DeHaven.

“Chỉ những người bình thường, giống mọi ngày thôi”, Caleb nói.

Annabelle chạy lại đoạn băng và hỏi, “Thế ai đây?”

“Kevin Philips, hiện là quản lý sau cái chết của Jonathan, anh ta đến hỏi tôi về cái chết của ông ấy. Và kia là Oliver, trong trang phục học giả người Đức”.

“Hay quá, ông ta diễn xuất cũng đạt lắm”, Annabelle ngưỡng mộ.

Họ xem qua một số đoạn khác, Caleb chỉ vào một cảnh, “Đó là lúc tôi nhận tin trở thành người quản lý sách của Jonathan”. Ông nhìn vào màn hình gần hơn, “Mà tôi mập vậy ư?”, Ông xoa tay vào bụng.

“Ai cho anh biết điều đó?”

“Cũng là Kevin Philips”.

Annabelle tiếp tục xem đoạn băng trong lúc Caleb lúng túng làm gãy mắt kính.

“Tôi có bao giờ vụng về thế này đâu, mà tôi cũng chẳng thấy được gì hết nếu bà lão Jewell English không cho mượn kính đây”.

“Đúng vậy, nhưng sao bà ta lại tráo kính nhỉ?”

“Sao cơ?”

“Bà ta lấy cặp kính đang đeo xuống, rồi lấy cặp khác từ trong túi ra”. Annabelle tua lại băng, “Thấy chưa? Có vẻ rất nhanh. Cứ như máy... ý tôi là, tay bà ta rất lanh lẹ”.

Caleb sửng ngờ nhìn vào máy và thấy bà Jewell English lau nhanh cặp mắt kính bà ta đang đeo và rút ra một cặp mắt kính khác từ trong túi xách ra. Sau đó, bà ta đưa cặp kính đó cho Caleb.

“Tôi cũng không rõ, có khi đó là một cặp mắt kính đặc biệt. Kính mà bà ta đưa cho tôi cũng rõ lắm, vì tôi đọc tốt mà”.

“Bà Jewell English này là ai thế?”

“Là một bà lão yêu thích sách và hay lui tới phòng đọc”.

“Đồng thời cũng có đôi tay lanh lẹ giống như những tay chia bài ở sòng bài Las Vegas nhỉ”, Annabelle thêm vào, đầy suy tư.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 50



tone đang ngồi trong nhà suy nghĩ về cuộc nói chuyện với Marilyn Behan. Nếu những gì bà ta nói là sự thật, mà cũng chẳng có lý do gì mà bà ta nói dối cả, vậy thì những suy đoán của ông là sai. Cornelius không phải là kẻ đã giết Jonathan hay Bradley. Nhưng có vẻ như gã đã tình cờ tìm ra phương pháp sát hại người quản thư xấu số, và cũng

vì vậy, gã phải bị thủ tiêu. Vậy kẻ nào hưởng lợi từ cái chết của Jonathan đây? Hay cả vụ Bradley? Ông cần thứ gì đó để liên kết sự kiện với nhau.

“Oliver?”

Ông ngược lên, Milton đang đứng ngay cửa ra vào.

Milton phân bua, “Tôi có gõ cửa, nhưng mãi không thấy ai mở cửa”.

“Xin lỗi nhé, tôi mãi suy nghĩ”.

Milton mang theo một máy tính xách tay và một cặp táp nhỏ như

thường lệ. Ông ta để cả hai thứ đó xuống bàn, rồi lôi ra một tập hồ sơ, “Đây là những gì tôi moi ra từ đám nhân viên của Bradley”. Stone nhận hồ sơ, và chăm chú đọc, “Có hàng tá tài liệu về cuộc đời và sự nghiệp của Bradley, ngay cả việc làm Chủ tịch Ủy ban Tình báo trong vài năm”.

Milton nhận xét, “Bradley là một nhà chính trị có tài, và có một số cải cách quan trọng trong lĩnh vực tình báo”.

Stone thêm vào, “Cũng có thể vì đó mà bị giết, hình thức khen thưởng hay nhỉ”.

Sau đó, Stone bắt đầu xem xét qua nguồn gốc và hình ảnh của nhân viên trong Quốc hội thuộc quyền quản lý của Bradley, và cả những cấp dưới của ông ta trong đội điệp vụ. Khi ông vừa xong việc, thì Annabelle và Caleb về tới, Stone lại kể cho tất cả mọi người nghe về cuộc gặp gỡ với góa phụ Marilyn Behan.

Caleb cất tiếng, “Vậy là giả thuyết Behan có liên quan đến cái chết của Jonathan đi tong rồi”.

“Có vẻ thế”, Stone phụ họa, “Thế còn hai người hôm nay thu hoạch được kết quả ra sao với cuộc băng ghi hình?”

“Chúng tôi chẳng tìm ra ai tình nghi ra vào thư viện như suy nghĩ ban đầu, nhưng có thứ khác cũng quan trọng không kém”.

Annabelle giải thích về cách đánh tráo của bà lão Jewell English.

“Cô chắc về điều đó chứ?”, Stone hỏi dù vẫn còn nghi ngại.

“Tin tôi đi, tôi thấy như vậy cả triệu lần rồi”.

Và cũng làm như thế cả triệu lần, Stone nghĩ bụng. Ông quay sang Caleb, “Anh biết gì về bà ta?”

“Chỉ biết rằng bà ta là một góa phụ luống tuổi, thích đọc sách cũ,

rất tốt bụng, nhiệt tình và...”, Ông đỏ mặt.

“Và sao nữa?”, Stone hỏi.

“Và bà ta luôn có ý với tôi”, Caleb hạ giọng, bối rối.

Annabelle cố nén cười.

Stone nói tiếp, “Nhưng những gì anh biết về bà ta chủ yếu là qua lời bà ta nói thôi, không có kiểm chứng gì”.

Caleb thừa nhận, “Đúng vậy”.

“Vậy còn vụ đôi mắt kính thì sao?”

“Oliver ơi, tôi nghĩ bà ta cố tình không đưa cho tôi đôi kia vì có lý do đặc biệt nào đó, bà ta cho tôi mượn đôi khác và tôi cũng chẳng muốn bóc móc chuyện đó ra làm gì”.

“Tôi cũng chẳng muốn đâu, Caleb à, có điều suy cho cùng, chúng ta phải để ý đến chuyện một bà lão thường đến phòng đọc sách lại có ngón nghề quá điêu luyện như vậy. Nếu bà ta không muốn anh đeo kính đó, sao không nói và chỉ đưa đôi còn dư thôi?”

Caleb tính lên tiếng tranh cãi, nhưng rồi lại thôi, “Tôi không có câu trả lời nào cả”.

“Tôi cũng không, nhưng tôi nghĩ chúng ta phải tìm ra câu trả lời nếu muốn biết nguyên nhân cái chết của DeHaven”.

“Anh không thể nào cứ khẳng định rằng bà lão dễ thương ấy lại có liên quan đến vụ sát hại Jonathan”, Caleb vẫn bênh vực.

“Chúng ta không loại trừ bất cứ trường hợp nào, cũng như chuyện Behan bị giết hại vì đã tìm ra lý do DeHaven chết. Tôi nghĩ bằng cách nào đó, hẳn ta khám phá ra chuyện ống gas trong thư viện lại bị cố tình dán nhãn sai, và cũng là lý do hẳn ta quay trở lại phòng đọc, chất vấn và muốn xem xét. Hẳn cũng đang tìm ra manh mối vụ

án mạng của DeHaven. Anh hãy nhớ rằng hắn đã muốn biết xem liệu DeHaven có được lòng mọi người trong thư viện hay không. Hắn chẳng muốn gán tội giết người cho ai cả, chỉ là muốn biết liệu DeHaven có kẻ thù nào không thôi”.

“Tóm lại, cột mốc chính không phải là Behan mà lại là DeHaven và thứ gì đó trong thư viện”, Annabelle kết luận.

“Có thể vậy”, Stone đồng tình, “hoặc là thứ gì đó trong cuộc sống ông ta”.

Caleb cảm thấy chùng lòng khi nghe lời này, nhưng ông vẫn giữ im lặng.

“Nhưng chuyện Bradley bị sát hại có liên quan đến khúc nào của câu chuyện? Anh vẫn bảo chúng có liên quan đến nhau mà”, Annabelle vẫn thắc mắc.

“Tất cả chúng ta đều biết rằng Bradley bị một viên đạn xuyên qua từ cửa sổ của căn nhà đối diện, Behan cũng chết theo cách tương tự. Chuyện đó không thể là tình cờ được. Thật ra, có thể đoán được cả hai chuyện đều do một sát thủ gây ra. Những sát thủ chuyên nghiệp luôn sử dụng cùng phương pháp giết chóc bởi vì họ đã quá quen việc đó, và cũng giảm đi cơ hội gây ra lỗi lầm khi thực hiện nhiệm vụ”.

“Ông có vẻ rành những chuyện này quá nhỉ”, Annabelle thốt lên. Ông cười, vẻ ngây thơ, “Thế nào Caleb cũng kể cho cô nghe rằng tôi là một độc giả trung thành của thể loại truyện trinh thám, chúng vừa cung cấp đủ thông tin lại vừa giải trí tốt”. Rồi quay sang Caleb, ông tiếp, “Có cách nào nhìn kính của người phụ nữ ấy mà bà ta không biết không?”

Caleb châm biếm, “Có chứ, đột nhập vào nhà bà ta trong đêm và ăn trộm chúng”.

Stone tiếp lời, “Cách hay đấy, anh có thể tìm ra bà ta sống ở đâu không?”

Caleb lấp bắp, “Oliver, anh không đùa đấy chứ?”

“Tôi có cách hay hơn”, Annabelle đành lên tiếng ngắt ngang, mọi người nhìn cô ta, “Bà ta có đến thư viện theo một lịch cụ thể không?”

“Cũng khá thường xuyên”.

“Nếu theo lịch ấy, thì lần kế tiếp là khi nào?”

Caleb trả lời nhanh, “Ngày mai”.

“Được rồi, ngày mai tôi sẽ đến thư viện cùng anh, anh cứ chỉ bà ta là ai cho tôi và để tôi tự xử trí”.

Caleb hỏi, “Cô định làm gì?”

Annabelle đứng lên, “Cho bà ta nếm mùi đồng loại”.

Sau khi Annabelle đi khỏi, Caleb mới giải thích, “Tôi không tiện nói ra trước mặt cô ấy, nhưng Oliver này, liệu những gì đang xảy ra có liên quan gì đến quyển Thánh ca - cuốn sách đầu tiên ở Bắc Mỹ không? Nó thật là vô giá, và đến giờ chúng ta vẫn chưa biết tại sao Jonathan lại sở hữu nó cả. Có khi nó bị trộm và có kẻ cần nó, nên chúng giết Jonathan để đoạt lấy”.

“Nhưng chúng đâu có lấy đâu, Caleb”, Stone phân trần, “Kẻ đánh gục Reuben đã ở hẳn trong nhà, và nếu muốn, đã đột nhập vào phòng sách và cuỗm đi mất rồi. Vậy sao lại giết Cornelius Behan làm gì? Cả Bradley nữa? Có thể chẳng có liên quan gì đến quyển Thánh ca cả, mà Behan còn không biết DeHaven có sưu tập sách

nữa đấy, còn rõ ràng là Bradley đâu có quen biết gì ông bạn đồng nghiệp của anh”.

Sau khi Caleb sàu đời và vẫn còn đầy dấu chấm hỏi ra về, Milton và Stone ngồi lại thảo luận, trong khi Stone lật qua tập hồ sơ về những nhân viên của Bradley. Thi thoảng Stone đọc to, “Michael Avery học tại Đại học tư Yale, làm thư ký cho Tòa án Tối cao, cống hiến vài năm cho Hội đồng Tình báo Quốc gia trước khi đầu quân về làm nhân viên tình báo. Người này cũng theo chân Bradley khi ông ta trở thành Chủ tịch Hạ viện”. Ông nhìn vào thêm vài tấm hình, và những tờ tiểu sử rồi nói tiếp, “Dennis Warren, cũng tốt nghiệp đại học Yale, vài năm đầu làm ở Sở tư pháp, người này là trưởng ban và giữ vị trí này cho đến lúc Bradley trở thành nhà Chủ tịch Hạ viện chính thức. Kế đến là Albert Trent, cũng là nhân viên kỳ cựu của Bradley, luật sư tốt nghiệp từ trường đại học Havard, từng làm cho CIA. Tất cả bọn họ đều trực thuộc Liên đoàn Ivy 1 tất cả đều dày dặn kinh nghiệm. Có vẻ như Bradley có một đội ngũ tinh nhuệ đây”.

“Vẫn có câu rằng một người đại biểu quốc hội chỉ giỏi như nhân viên là cùng”.

Stone suy tư, “Anh biết đấy, một điều chúng ta không để tâm đến tới giờ là hoàn cảnh vụ án Bradley”.

“Vậy chúng ta khắc phục bằng cách nào?”, Milton hỏi.

“Cô bạn của chúng ta vẫn luôn đóng giả vai rất hay mà”.

“Lúc nào cũng nhất cả”.

“Thế anh có muốn cùng tôi thực hiện vụ này không?”

“Tôi lúc nào cũng phục tùng anh mà”.



Chú thích

1. Liên đoàn Ivy: nhóm 8 trường đại học lâu đời có hệ thống triết lý giáo dục và chất lượng đào tạo hàng đầu của Mỹ.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 51



Albert Trent và Roger Seagraves gặp nhau tại văn phòng của Trent tại điện Capitol. Seagraves đưa cho Trent một tập tin và tóm tắt hướng dẫn, sau đó Trent sẽ sao y tập tin và lưu vào hệ thống nhận dữ liệu của tổ chức. Kèm theo tập tin gốc là những bí mật quan trọng về việc Lầu Năm Góc miêu tả chi tiết những chiến thuật quân sự của Mỹ

tại Afghanistan, Iraq và Iran. Trent tiếp tục dùng một hệ thống giải mã theo thỏa thuận để lấy những thông tin từ những trang cần thiết. Xem như việc giao dịch đã xong, và Seagraves lên tiếng, “Anh có rảnh không?”

Họ tản bộ qua vài khoảng sân rộng ở điện Capitol, “Này anh có vẻ may mắn với vụ Behan nhỉ, gã nào đó lại thế mạng cho anh”, Trent lên tiếng.

“Albert, anh nhớ dùm tôi điều này: chẳng có gì tôi làm có liên quan

đến vận may cả, tôi thấy cơ hội và chớp thời cơ thôi”.

“Được rồi, được rồi, tôi không cố ý xúc phạm anh. Thế còn bản án thì sao?”

“Cũng không chắc lắm, tôi không biết tại sao hắn ở đó, nhưng rõ ràng hắn đang theo dõi nhà Behan, hắn lại là đồng bọn của tên Caleb Shaw tại phòng đọc, hơn hết là gã Oliver Stone, tôi từng tóm được và “hỏi thăm” lại cùng chung với nhóm này”.

“Shaw là người quản lý bộ sưu tập của DeHaven, đó là lý do hắn có thể vào nhà được”.

Seagraves khinh khinh nhìn tay đồng nghiệp, “Tôi thừa biết điều đó, Albert. Thậm chí tôi còn chạm mặt Shaw trong trường hợp tôi cần ra tay lúc cần thiết. Bọn chúng không chỉ nghĩ đến sách vở đâu, nhất là cái gã tôi từng tra hỏi, cũng có thời gian làm ở CIA, năng lực đặc biệt đấy”.

Trent thốt lên, “Anh chẳng bảo cho tôi biết điều đó”.

“Anh không cần biết điều đó, Albert, giờ thì lại cần”.

“Sao lại là bây giờ”.

“Bởi vì tôi muốn thế”, Seagraves hướng mắt về phía tòa nhà Jefferson, nơi có phòng đọc của dòng sách hiếm. “Những gã này cũng do thám Công ty Cứu hỏa. Nhân viên của tôi ở đó bảo rằng vết sơn trên một trong số xilanh khí bị chùi đi, như vậy rất có khả năng chúng biết về khí cacbon rồi đấy”.

Trent tái mặt, “Sự việc có chiều hướng xấu đi nhỉ”.

“Đừng quá lo sợ, tôi đã có kế hoạch, tôi luôn như thế, chúng ta đã nhận được khoản thanh toán cuối. Bao lâu anh có thể chuyển thông tin mới đi?”

Hắn kiểm tra đồng hồ, “Ngày mai là sớm nhất, nhưng hơi khó khăn đây”.

“Phải làm được”.

“Roger này, liệu chúng ta có nên dừng việc này lại một ít lâu”.

“Chúng ta có nhiều khách hàng để chăm sóc lắm, làm vậy không tốt cho việc giao dịch đâu”.

“Đi tù vì tội bán nước cũng đâu hay ho gì”.

“Anh Albert ạ, tôi không vào tù đâu”.

“Anh làm sao biết chắc điều đó chứ”.

“Có chứ, đâu ai để xác chết ở tù bao giờ”.

“Rồi, vậy chúng ta sẽ quyết định không chọn cách đó, nhưng có lẽ nên nói sự việc ra một chút, đợi lắng dịu ít lâu”.

“Làm gì có chuyện việc sẽ lắng dịu khi mới nóng lên hả anh. Chúng ta cứ giữ nguyên những gì chúng ta đang làm, và giống như tôi nói, tôi có kế hoạch mà”.

“Có thể cho tôi biết được không?”

Seagraves phớt lờ câu hỏi, “Tối nay tôi lại nhận hàng đầy, có thể đạt đến con số mười triệu nếu tôi không lầm, nhưng nhớ cảnh giác nhé, nếu có chuyện gì xảy ra, anh biết tìm tôi ở đâu rồi đấy”.

“Thế anh có nghĩ anh sắp ra tay giết người nữa không?”

“Một phần trong tôi tin chắc điều đó”, rồi hắn bước đi.



Tối hôm đó, Seagraves lái xe đến trung tâm Kennedy để tham dự một buổi biểu diễn của dàn nhạc giao hưởng Quốc gia. Tọa lạc trên bờ sông Potomac, với khối kiến trúc không cầu kỳ, trung tâm Kennedy được xem là một trong những đài tưởng niệm có ý nghĩa nhất của vị tổng thống quá cố. Seagraves không quan tâm đến lối kiến trúc thẩm mỹ của nó, cũng chẳng quan tâm dàn nhạc. Về diễn trai và thân hình lý tưởng của hắn, ngược lại, đã thu hút nhiều ánh mắt của phụ nữ khi hắn đi ngang, và hướng về phía khán phòng nơi chỉ chốc lát nữa thôi dàn nhạc sẽ bắt đầu. Hắn chẳng quan tâm chuyện đó, tối nay là một tối công việc.

Lúc sau, thời gian nghỉ giải lao, Seagraves cùng một số người tham dự ra phía ngoài trung tâm để làm vài ly và tham khảo vài bảng chiến tích đang được bày bán, hắn cũng tranh thủ dùng nhà vệ sinh. Sau đó, đèn bắt đầu mờ đi, báo hiệu phần cuối của chương trình sắp bắt đầu. Hắn vội quay trở lại nhà hát trong dòng người chen chúc. Một giờ sau, hắn lại ngồi ở quầy rượu của một quán bar mở khuya ở đối diện trung tâm Kennedy. Hắn kéo tờ chương trình ra khỏi túi bên sườn và bắt đầu xem xét. Đó không phải là tờ chương trình của hắn, chính xác là có kẻ đã bỏ vào túi hắn giữa lúc đám đông xô đẩy nhau quay vào nhà hát. Chẳng ai thấy điều đó cả, những tay điệp viên càng né đám đông càng dễ bị tóm. Cũng vì lý do đó, Seagraves luôn biết cách sử dụng đám đông để làm công cụ che chắn hữu hiệu nhất.

Trở về nhà, ngồi trong văn phòng, hắn lại mày mò những bí mật từ “chương trình”, định dạng lại cho đúng để gửi lại cho Trent khi hắn gặp tên này lần tới. Hắn mỉm cười hài lòng, vì những gì hắn đang

nắm trong tay là những thông tin cuối cùng hần cần để làm khóa giải mã cho những vụ ngoại giao cao cấp của liên bang gửi đến những văn phòng ở nước ngoài. Hần cho rằng mười triệu đôla vẫn còn quá rẻ, có thể là hai mươi, và cuối cùng hần quyết định con số hai mươi lăm sẽ là khởi đầu. Hần bắt đầu việc thương lượng trên một số trang nói chuyện trực tuyến đã cài sẵn. Thông tin mật chỉ được chuyển đi khi số tiền đã được chuyển vào tài khoản của hần. Hần biết cách phòng thân trong việc không quá tin tưởng vào ai khi mình giao dịch cùng, tuy vậy, hần cũng thành thật với bản thân khi biết cách giữ vững hiệu quả công việc ở thị trường tự do. Nếu hần lấy tiền mà không giao hàng cũng là lúc hần bị sa thải, mà cũng có khi là chết. Thứ duy nhất đang cản trở kế hoạch là sự xuất hiện của vài lão già, rình mò người khác. Nếu chỉ có tên thủ thư thôi, thì cũng không nhằm nhò gì. Nhưng trong đám hỗn tạp đó, có '666', một tên đáng gờm. Seagraves cảm nhận được cơn bão ngầm, cũng vì lý do đó, khi hần bắt cóc và tra tấn Stone, hần đã lấy đi một cái áo sơ mi từ nhà ông ấy, để thêm vào bộ sưu tập lúc cần.

CHƯƠNG 52



tone và Milton cùng đến câu lạc bộ Federalist 1 lúc 10 giờ sáng hôm sau. Họ nói lý do đến và được dẫn vào văn phòng người quản lý. Ông ta nhìn và nhìn có vẻ rất chuyên nghiệp vào thẻ căn cước mới cứng mà mới tối hôm trước Milton vừa in ra.

“VẬY hai anh là nhân viên do gia đình Bradley từ Kansas thuê để điều tra về vụ án mạng à? Nhưng ở đây cũng có cảnh sát đang đảm trách mà, còn FBI nữa. Mọi người tập trung về đây, rất nhiều lần”, giọng ông ta có vẻ bức bối.

“Gia đình muốn có đại diện riêng, ông cũng hiểu rồi đó”, Stone trả lời. Ông và Milton trong trang phục áo sơ mi, quần tây đen, thắt ca-vát chỉnh tề. Mái tóc dài của Milton được dẫu gọn dưới một chiếc mũ mềm vì ông không chịu cắt ngắn, “Gia đình họ cảm thấy cuộc điều tra chưa đến đâu cả”.

“Rõ ràng đám cảnh sát chưa bắt ai thật, tôi không có lý do nào để biện hộ cả”.

Stone nhấn mạnh, “Ông có thể gọi cho họ để xác định thêm danh tính của chúng tôi, nhưng hiện tại bà Bradley đang ở nước ngoài, cho nên ông có thể gọi thẳng cho luật sư của bà ấy ở Maryland”. Trên tấm danh thiếp là số điện thoại của Milton, trước đó, ông đã lưu lại lời chào tương tự như ở văn phòng luật sư trong trường hợp tay quản lý gọi kiểm tra.

“Không cần đâu. Thế hai anh muốn biết điều gì?”

“Sao ngài Bradley lại có mặt ở đây vào tối hôm đó?”

“Cuộc ăn mừng cá nhân vì ông ta được bầu làm Chủ tịch Hạ viện Nhà Trắng đây”.

“Tôi hiểu. Ai tổ chức?”

“Tôi nghĩ là nhân viên của ông ta”.

“Có ai đặc biệt không?”

“Tôi không nhớ rõ, chúng tôi nhận đơn đặt tiệc bằng fax cho nên có thể bữa tiệc là một sự ngạc nhiên cho ông ấy”.

“Ông ta bị giết ngay trong phòng sinh hoạt chung phía trước à?”

“Chúng tôi gọi đó là phòng James Madison, anh cũng biết về cái gọi ‘Luận cương Liên bang’ rồi đó, nếu muốn tôi có thể dẫn các anh đến xem”.

Ông ta dẫn họ đến căn phòng rộng ngay gần mặt đường chính, Stone nhìn về hướng cửa sổ của một tầng lầu phía trên tòa nhà đối diện, với con mắt nhà nghề của mình, với đường đạn đi như vậy thể hiện trình độ tình báo không chỉ cao cấp mà còn là bản lĩnh khác người của tên bắn tia.

Ông hỏi tiếp, “Sao ông ta lại vào đây?”

Tay quản lý đang lau vôi lớp bụi khỏi mặt lò sưởi cẩm thạch, và phàn nàn, “Chỉ để chúc mừng ông ta thôi”. Rồi ông ta rùng mình, “Thật kinh khủng làm sao, thượng nghị sỹ Pierce vừa kết thúc bài nói thì tới ngài Bradley bị bắn, cảnh tượng thật khiếp đảm, máu me khắp nơi. Chúng tôi xem như mất toi một cái thảm Ba Tư đắt tiền, máu còn bắn cả vào trong gỗ, cho dù muốn làm sạch cũng tốn bộn tiền. Cảnh sát mới vừa cho chúng tôi dọn dẹp đấy. Chúng tôi cũng chẳng được che lại vì sợ làm sai lạc bằng chứng. Thế là ai đến đây cũng có cơ hội chiêm ngưỡng và thật tình là người đến đăng ký làm thành viên ngày càng giảm”.

Milton thắc mắc, “Ai đang làm chủ tòa nhà đối diện nhỉ?”

“Tôi chẳng biết, có thể chính quyền vẫn đang điều tra. Trước đây là nhà riêng, rồi làm phòng tranh, nó tồn tại ở đó cả năm năm rồi, đúng là ngửa con mắt nhưng làm gì được bây giờ? Tôi cũng nghe tin đồn rằng nó sắp được cải tạo lại để thành khu nhà ở. Có điều họ vẫn chưa bắt đầu”.

“Vậy là mọi người mời ngài Bradley vào để nâng ly chúc mừng à?”, Stone hỏi tiếp.

Tay quản lý suy nghĩ một lúc, “Lúc đó ở đây nhiều người lắm, nên tôi cũng không chắc. Tôi đâu có tham dự phần tiệc tùng đó. Tôi đang đứng ngay cửa sổ thì viên đạn bay tới. Tôi còn nhớ cảm giác nó rít bên tai, nhớ lại còn cảm thấy sợ bao nhiêu ngày sau”.

“Hẳn rồi, có điều là còn ai có thể cho chúng tôi biết thêm chuyện không?”

“Chắc một trong số người phục vụ, và tay pha chế chúng kiến vào

sự kiện đó. Họ cũng có thể ở đây nếu các anh cần”.

Tay pha chế không biết gì cả, nhưng người phục vụ tên Tom tiết lộ, “Một trong số những nhân viên của ông ta đã kêu gọi mọi người cùng nâng ly. Đó là những gì tôi nhớ lại. Tôi giúp gọi mọi người tụ tập ở đây, rồi họ đi tìm ông đại biểu Bradley”.

“Anh có nhớ người nhân viên đó là ai không?”

“Không ạ, có nhiều người ở đó, tôi cũng chẳng nhớ ra liệu ông ta có nói tên là gì không nữa”.

“Vậy đó là người đàn ông à?”, Tom gật đầu, ngay lập tức Stone chìa ra mấy tấm hình nhân viên của Bradley. “Anh có nhận ra đó là ai trong số những tấm hình này? Người này ư?”, ông chỉ tay vào hình của Dennis Warren. “Đây là trưởng ban cho nên có lý lắm vì ông ta đã tụ họp mọi người ở đây”.

“Không phải ông ta”.

“Hay người này?”, Stone vẫn kiên nhẫn, chỉ tay vào hình của Albert Trent, “Ông ta cũng là nhân viên cao cấp đấy”.

“Vẫn không phải”. Người phục vụ liếc nhìn mấy tấm hình từ trên xuống dưới và dừng lại, “Đó là người này, tôi nhớ rồi, chính xác là ông ta”.

Stone nhìn chăm chăm vào tấm hình của Micheal Avery, người phục vụ trong tổ chức tình báo của Bradley.

Khi ra khỏi câu lạc bộ Federalist, Milton thắc mắc, “Bây giờ mình phải làm gì đây?”

“Nói chuyện với vài tay phụng sự cho ngài Bradley”.

“Chứ không phải Avery sao? Để cho hắn biết”.

“Không đâu, chỉ nói chuyện với Trent hay Warren thôi”.

“Nhưng chúng ta đâu có thể nói với họ chúng ta điều tra cái chết của ông Bradley theo yêu cầu của gia đình, họ thừa biết chúng ta nói dối”.

“Chúng ta sẽ nói sự thật”.

“Sao cơ?”

“Rằng chúng ta đang điều tra cái chết của Jonathan DeHaven”.

Dennis Warren đang ở nhà riêng khi Stone gọi, sau khi đã kiểm tra danh tính của ông trên danh bạ, ông ta đồng ý gặp họ. Cũng qua điện thoại ông ta bảo rằng ông ta có biết về cái chết của DeHaven, có điều ông ta chẳng biết người này, thậm chí ông ta còn tỏ lộ rằng, “Tôi còn không có thể thư viện nữa là, đáng xấu hổ làm sao”. Milton và Stone bắt xe điện ngầm để đến thành phố Falls Church, bang Virginia, nơi gia đình Warren đang ở. Đó là một căn nhà khá giản dị trong một vùng dân cư không sôi động gì mấy. Rõ ràng rằng Warren không thuộc tuýp người tháo vát hay là thích ngoài trời vì mảnh sân nhà ông ta đầy cỏ dại, còn căn nhà cần phải sơn sửa lại gấp.

Tuy vậy, trái với vẻ ngoài xập xệ, không khí bên trong căn nhà lại ấm cúng và tiện nghi, và cho dù Warren đã khẳng định rằng mình không có thể thư viện nào, sách lại chất đầy kệ. Ngoài ra, trong nhà là hàng tá đôi giày thể thao, áo đồng phục của trường học và đồ đạc của một cậu thanh thiếu niên nào đấy tiết lộ vai trò làm cha của Warren.

Warren là một người cao lớn, bệ vệ với mái tóc nâu sẫm và khuôn mặt rỗ, to bè. Nước da tái nhàn nhạt của ông ta càng nhấn mạnh thêm cho những năm tận tụy làm việc cho quốc gia dưới ánh đèn

huỳnh quang. Ông ta dẫn họ đi theo hành lang đến phòng khách. “Đừng để ý đến sự bừa bãi ở đây nhé”, Warren phân bua, “Làm cha của ba đứa con trai tuổi từ mười bốn đến mười tám đồng nghĩa với việc gia đình và cuộc sống không còn là của riêng mình nữa. Tôi có thể dễ dàng đứng giữa một cuộc họp, hào hứng thuyết trình về những chiến lược tình báo thuộc lĩnh vực chính trị phức tạp nhất cho tổng tham mưu trưởng hay bộ trưởng bộ quốc phòng, nhưng tôi thật không thể buộc lũ con tôi đi tắm đúng giờ hay ăn gì khác hơn ngoài món bánh mì pho-mát”.

“Tôi biết ông từng tham gia vào làm nhân viên tình báo”, Stone đi thẳng vào đề.

“Đúng vậy, tôi đã theo chân ngài Bradley khi ông ta làm Chủ tịch Hạ viện Nhà Trắng. Hiện tại, tôi thất nghiệp”.

“Bởi vì ông ấy qua đời à?”, Milton thắc mắc.

Warren gật đầu, “Tôi thích làm việc với ông ấy, và thích phục vụ cho ông ấy. Ông ấy là một người vĩ đại, một người thật cần thiết cho thời đại này với tính cách bộc trực, thẳng thắn và chân thật”.

“Ông không thể ở lại vị trí tình báo?”

“Không có sự lựa chọn. Vì ngài Bradley muốn tôi đi theo, nên tôi phải đi, mà tôi cũng muốn đi nữa. Chỉ có một Chủ tịch Hạ viện và cũng chỉ có một trưởng ban mà thôi. Công việc liên tục và người ta phải trả lời điện thoại của anh, thêm vào đó, tay Chủ tịch của Ủy ban Tình báo cũng có nhân viên riêng của hắn, và hắn cũng muốn tiến lên nữa. Đó là cách người ta đấu đá nhau ở điện Capitol. Anh gắn liền với phe cánh của anh, và khi phe cánh đó tan rã anh phải ở nhà. Cũng may vợ tôi là luật sư nếu không chúng tôi cũng gặp rắc

rồi về tài chính trong thời gian này mất. Thật ra tôi cũng đang dần hồi phục sau cú sốc về những chuyện xảy ra và cũng chưa tìm việc mới”. Ông ta ngưng lại rồi nhìn họ, “Nhưng các anh bảo các anh đang điều tra cái chết của DeHaven mà? Liệu có liên quan gì đến ngài Bradley chứ?”

“Có thể có mà cũng có thể không”, Stone mơ hồ, “Ông có biết về vụ án mạng của Cornelius Behan không?”

“Ai mà lại không biết, chắc bà vợ bồi rối lắm nhỉ?”

“Vâng, nhà DeHaven sát bên nhà Behan, và tên sát thủ lợi dụng nó để thực hiện mưu sát”.

“Chết tiệt, tôi không biết chuyện này và vẫn chưa hiểu chuyện liên quan ở đây lắm”. Stone thừa nhận, “Tôi đang cố gắng kết nối sự kiện, vậy ông có mặt tại câu lạc bộ Federalist tối đó không?”

Warren chậm rãi gật đầu, “Bữa tiệc là nhằm để chúc tụng, và cuối cùng biến thành thảm họa”.

“Ông có nhìn thấy những gì xảy ra?”, Milton hỏi thêm.

“Tôi xem đó là vận đen, vì tôi đang đứng gần Mike, Mike Avery, thượng nghị sỹ Pierce vừa nâng ly chúc mừng thì bùm..., tiếng nổ vang lên từ đâu đó. Chuyện xảy ra thành linh đến nỗi, tôi vừa chỉ mới kê ly lên môi thì giật mình làm đổ hết ra ngoài. Thật kinh khủng tôi cảm thấy chóng mặt và ai ở đó cũng thế cả”.

“Ông biết rõ Avery chứ?”

“Hẳn rồi, chúng tôi làm việc như hình và bóng cùng nhau trong mười năm mà”.

“Bây giờ ông ta ở đâu?”

“Cùng tôi chuyển đi khi ngài Bradley làm Chủ tịch Hạ viện. Giờ

anh ta cũng thất nghiệp”. “Chúng tôi nghe kể rằng ông ta là người đã lên kế hoạch cho bữa tiệc tại Câu lạc bộ cũng như nâng cốc chúc mừng”.

“Không phải, cả Mike và tôi cùng lái xe đến đó, chúng tôi chỉ là khách mời trong danh sách mà thôi”.

“Chúng tôi được nghe kể lại rằng ông ta tụ họp mọi người vào chung phòng để nâng ly chúc mừng”.

“Tôi cũng thế, chúng tôi chỉ giúp việc thôi”.

“Ông giúp ai?”

“Albert, Albert Trent. Anh ta là người đã nghĩ ra việc nâng cốc chúc mừng này. Albert luôn bày trò như thế, tôi làm gì có đủ tài lẻ như anh ta”.

“Albert Trent à? Nhưng có phải anh ta là người tổ chức không?”

“Không rõ. Nhưng bữa đó thấy anh ta cũng tháo vát lắm”.

“Thế giờ anh ta có thất nghiệp không?”

“Không đâu, Albert ở lại Ủy ban Tình báo”.

“Nhưng tôi nhớ ông bảo các ông đi theo ngài đại biểu Quốc hội mà?”

“Thường là vậy, nhưng Albert không muốn đi, ngài Bradley chẳng hài lòng về điều này tí nào. Albert đã mò ra vài cách thỏa thuận với tay Chủ tịch mới, anh ta luôn biết cách giữ cho mình là người quan trọng. Công việc tại văn phòng của Chủ tịch Hạ viện cực kỳ nhiều, và không có Albert, chúng tôi cũng lúng túng. Tôi chẳng phải phóng đại sự việc lên làm gì, vì ai mà chẳng biết điều đó”.

“Thế còn ngài Bradley không có ý kiến gì sao?”

Warren mỉm cười, “Anh không hiểu rõ về ngài Bradley đâu, ông ta

là người trang nhã, lịch thiệp, chân thật, chăm chỉ, nhưng rõ ràng để đạt vị trí của mình, ông ta đã phải trải qua nhiều năm rèn luyện và thử thách. Thật ra ngài không muốn có một tay cấp dưới như vậy. Mà chẳng sớm thì muộn, Albert cũng tự động quay về với chúng tôi thôi”.

“Nhưng cái chết của ông Bradley đã thay đổi điều đó nhỉ?”

“Dĩ nhiên là thế, tôi và Mike cố gắng hành động đúng, và chúng tôi thất nghiệp, trong khi Albert bất tuân mệnh lệnh và giờ thì ghé của anh ta vẫn vững vàng. Tôi còn đỡ, Mike phải nuôi bốn đứa con và bà vợ ở nhà. Trent thì vẫn độc thân. Điều đó thật trớ trêu”.

Sau khi họ ra về, Milton nhận xét, “Tôi có thể hiểu được rằng những gì chúng ta cần là từ tay Albert Trent này”.

Stone tán thành, “Mọi thứ”.

“Rõ ràng động cơ giết người khá rõ, tôi tự hỏi sao đám cảnh sát không mò ra nhỉ. Warren cũng không nghi ngờ gì”.

“Động cơ gì?”

“Oliver à, rõ ràng quá rồi. Nếu Bradley còn sống, Trent phải rời Ủy ban Tình báo, nếu ông ta chết, Trent ở yên đó”.

“Vậy là anh nghĩ hẳn giết Chủ tịch Hạ viện để tránh việc đổi chỗ làm à? Mà cũng đâu phải là người cướp cò, vì lúc đó hẳn có mặt ở đó. Vậy là hẳn phải thuê một tay sát thủ. Hành động này có vẻ hơi quá tay, và mạo hiểm đối với một vị trí trung cấp của hẳn hiện tại. Rõ ràng mà nói, chức vụ tại văn phòng Chủ tịch Hạ viện cao quý hơn biết bao nhiêu”.

“Vậy là còn gì thêm sau đó”.

“Đúng thế. Có điều chúng ta không biết đó là gì lúc này”.



Trong nhà của Dennis Warren, ông ta nhắc máy và quay số cho người bạn, người đồng nghiệp cũ Mike Avery. Rồi sau đó là số điện thoại thứ hai.

“Albert à? Dennis đây. Xin lỗi vì làm phiền giờ làm việc của anh, nhưng có vài gã xuất hiện và hỏi vài câu kỳ lạ lắm. Tôi cũng vừa gọi cho Mike rồi, chủ yếu báo cho anh ta biết và chuẩn bị thôi. Chắc cũng chẳng có gì, nhưng tôi nghĩ tôi nên gọi cho anh”.

Trent trả lời, “Tôi cảm ơn vì điều đó. Họ muốn biết chính xác điều gì?”

Warren thuật lại cuộc gặp mặt rồi nói thêm, “Tôi có kể cho họ biết rằng anh đứng ra tổ chức vụ nâng ly chúc mừng cho Bob, và cả việc anh ở lại Ủy ban Tình báo”.

“Họ nhìn ra sao?”

Warren miêu tả Stone và Milton, “Anh có biết họ không?”

“Không, cũng lạ nhỉ”.

“Thì đó, đó cũng là lý do tôi báo anh biết, hy vọng tôi chẳng nói gì sai”.

“Tôi đâu có gì mà phải giấu”, Trent phản ứng.

“À, Albert, nếu có vị trí nào thiếu trong ủy ban, báo tôi biết nhé. Ở nhà lâu cũng ngán quá rồi”.

“Chắc rồi, cảm ơn vì đã báo nhé”.

Albert lập tức rời văn phòng và gọi một cuộc điện thoại công cộng,

hẹn gặp Seagraves ngoài điện Capitol sau đó.

Gặp Seagraves, hắn ta nói ngay, “Chúng ta có rắc rối”.

Seagraves nghe chuyện và nhận xét, “Hành động kế tiếp của chúng ta thế nào thì cũng rõ rồi”.

“Anh lo liệu nhé?”

“Lúc nào chẳng vậy”.



Chú thích

1.Federalist: Người theo chủ nghĩa liên bang.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 53



rong lúc Milton và Stone đi dò la thám thính tình hình, Caleb ngồi trong thư viện và đón tiếp Annabelle, lúc này trong trang phục váy xếp li đen, cùng màu với áo khoác, áo sơ mi trắng, mang giày đế thấp. Cô ta mang theo kè kè một cái túi nhỏ khoác ngang vai, và tay chìa ra tấm thẻ thư viện mới cứng. Caleb đón tiếp Annabelle.

“Tôi có thể giúp gì cho cô, thưa cô...?”

“Charlotte Abruzzio. Tôi muốn tìm vài quyển sách”.

“Váy cô tìm đúng chỗ rồi. Thư viện mà”, Caleb cười vang.

Annabelle không nhếch mép, cô ta đã dặn dò ông trước đó không nên nói nhiều và cũng không nên cười đùa gì cả, nhưng ông đã vượt giới hạn và đã làm điều đó, đúng là người không biết giữ ý gì cả. Cô ta đọc tên quyển sách cần tìm, giống như kế hoạch đã bàn tối hôm trước.

Caleb mang sách ra khỏi giá, đưa cho Annabelle, cô ta ngồi xuống

bàn đọc, phía đối diện cửa chính nơi cô ta có thể dễ quan sát Caleb. Một giờ sau, Caleb đứng lên, “Chào bà, bà Jewell, bà khỏe không? Gặp bà tôi thấy vui quá”, ông niềm nở chào đón bà lão, sau khi đã gửi cho Annabelle cái nhìn “đầy ngụ ý”.

Tại bàn của mình, Annabelle nghiền chặt răng, nhiệt tình quá mức cần thiết. Sao ông ta không lôi ra luôn một cặp còng số tám và tấn công bà ta luôn nhỉ. Cũng may, bà lão Jewell English không để ý thái độ niềm nở bất thường vì bà ta đang lúi húi tìm đồ trong túi. Vài phút sau, Caleb đưa cho Jewell quyển sách bà ta yêu cầu, và bà ta ngồi xuống bắt đầu chăm chú đọc. Caleb lui tới chỗ bà ta thường xuyên cứ như sợ Annabelle bỏ lỡ mục tiêu. Cấu tiết, Annabelle liếc ông ta một cái dài khiến ông ta phải lập tức quay về chỗ ngồi. Một giờ sau, Jewell hoàn thành quyển sách, bà ta thu dọn đồ, rồi chào tạm biệt Caleb. Annabelle nổi gót theo sau, và chạm mặt bà ta trên đường nơi bà ta đang dừng lại đón tắc-xi. Lúc này, Annabelle quần khăn choàng quanh đầu và khoác áo choàng dài cô ta đã bỏ sẵn trong túi. Khi chiếc tắc-xi dừng lại, cô ta bắt đầu ra tay. Cô ta cố tình tông nhẹ vào bà lão, làm rớt túi bà ta đang xách xuống đất. Bàn tay cô ta điều luyện thật thò vào túi của bà ta, nhanh đến nỗi cho dù có người đứng kế bên cũng không chắc là thấy được. “Ôi, lạy Chúa!” Annabelle thốt lên bằng giọng miền nam đặc sệt. “Thưa quý bà, cháu rất rất xin lỗi, mẹ cháu mà biết cháu đâm sầm vào bà thế này sẽ la mắng cháu ngay”.

“Không sao đâu, cháu ạ”, Jewell trấn an, dù thở hỏn hển vì cú va chạm vừa rồi.

“Chúc bà có một ngày vui vẻ nhé”.

“Cháu cũng thế”, Jewell cất giọng vui vẻ trước khi bước vào xe. Annabelle sờ vào hộp đựng kính có hoa văn trong túi trong lúc bước tiếp, một lát sau cô ta đã có mặt ở phòng đọc, lúc này đã có người khác làm việc tại quầy tiếp bạn đọc. Caleb hỏi hã đi về phía Annabelle. “Dawn này”, ông ta quay với lại người phụ nữ ngồi tại đó, “Tôi cần đưa cô Abruzzio đây đi tham quan vòng quanh phòng đọc. Cô ấy không phải là người ở đây, cho nên tôi đã xin phép cấp trên để giúp cô ấy việc này”. Ông nói dối, một việc mà từ trước đến giờ ông chưa nghĩ đến mình sẽ phạm phải, nhưng với những gì đã xảy ra, Caleb tự cho rằng việc tìm ra kẻ sát hại Jonathan quan trọng hơn bất cứ một nguyên tắc thư viện nào.

“Tôi hiểu rồi, anh Caleb”, Dawn trả lời.

Cả hai đi vào trong phòng sách, Caleb dẫn Annabelle đến phòng Jefferson, nơi họ có thể tự do nói chuyện, cô nàng đưa cho ông cặp mắt kính, “Anh có muốn thử đeo không? Tôi thử rồi nhưng không thấy gì cả”.

Caleb thử và lập tức tháo ra ngay, “Ôi, lạ nhỉ, cứ như là có thêm ba hay bốn lớp gương khác vậy, không thấy ánh mặt trời đâu cả. Tôi không hiểu lắm vì lần trước chiếc kính kia của bà ấy tôi thấy rõ lắm mà”.

“Đó cũng là lý do bà ta đưa cho anh chiếc kính đó thay cho chiếc này. Nếu không anh đã nghi ngờ rồi, anh có quyền sách bà ta đọc ở đây không?”

Caleb giơ quyền tiểu thuyết của Beadle lên, “Tôi phải giả bộ sắp xếp lại chúng lên kệ”.

Annabelle xem xét quyền sách và nhận xét, “Nhìn có vẻ rẻ tiền

nhỉ?”

“Đó cũng là lý do, chúng toàn là tiểu thuyết rẻ tiền của thế kỷ 19 mà thôi”.

“Vấn đề là khi đeo kính này bà ta hoàn toàn có vẻ thoải mái, thậm chí tôi còn thấy bà ta ghi chú nữa”.

“Đúng vậy đấy”, Caleb từ từ đeo kính lại, nheo mắt và mở sách ra xem.

“Anh có đọc được gì không?”, Annabelle tò mò hỏi.

“Hơi mờ chút”, ông tiếp tục giở sách ra và thỉnh thoảng ông dừng lại,

“Đợi một chút, chuyện gì thế này?”

“Chuyện gì là chuyện gì?”, Cô nàng háo hức.

Ông chỉ vào một từ trên trang sách, “Chữ này được tô sáng lên này, cô có thấy không, nó rõ ràng được tô vàng lên đấy”.

Annabelle nhìn về phía chữ cái tay Caleb chỉ, “Tôi đâu có thấy gì đâu”.

“Ngay đó mà”, ông chỉ tay về chữ cái e ngay dòng đầu tiên.

“Nhưng tôi đâu thấy nó sáng lên gì đâu và...”, cô nàng ngắt ngang,

“Anh Caleb này, đưa tôi cặp mắt kính mau”. Annabelle đeo vào và nhìn những trang sách, đúng là chữ cái được tô màu vàng nổi bật giữa trang giấy. Cô nàng từ từ tháo mắt kính ra và nhận xét, “Đúng là kính đặc biệt”.

Caleb nhìn vào những dòng chữ trong sách bằng mắt thường, không thấy nổi, nhưng đeo kính vào, đúng là chữ e nổi rõ lên trông thấy, “Ngoài ra còn mấy chữ khác cũng nổi lên như chữ w, chữ h, chữ f này”. Ông lật sang trang kế tiếp, lại là chữ w, chữ s và p, còn nhiều chữ khác nữa, tất cả đều nổi lên như thế. Ông tháo kính ra, “Mấy

chữ này e, w, h, s, p, chẳng có nghĩa gì cả”.

“Không phải vậy đâu anh Caleb ạ, chúng là mật mã đấy”, Annabelle giải thích, “Đây là những chữ cho mật mã nào đấy, và cần có những loại kính đặc biệt để xem”.

Ông ta có vẻ kinh ngạc, “Mật mã ư?”

“Anh còn biết bà ta đọc sách nào gần đây không?”

“Chúng đều thuộc nhà văn Beadles cả, nhưng để tôi kiểm tra danh mục sách thử xem”.

Vài phút sau, ông mang ra sáu quyển sách, rồi xem từng trang sách một trong lúc vẫn đeo cặp mắt kính đặc biệt, nhưng lần này không còn ký hiệu nổi nữa. “Tôi không hiểu lắm, chẳng lẽ chỉ có trong một quyển thôi ư?”

“Không thể nào”, giọng Annabelle bức bối. Cô ta giơ quyển sách có những chữ nổi lên và hỏi, “Tôi mượn mang về nhà được không?”

“Không, thư viện đọc tại chỗ chứ không cho mang về”.

“Anh cũng không được ư?”

“Tôi thì được, nhưng tôi phải làm thủ tục điền vào phiếu mượn sách thư viện bốn lần đấy”.

“Để cho người nào khác trong thư viện biết anh đã mượn sách à?”

“Vâng, đúng thế”.

“Vậy cũng chẳng có ích lợi gì cả, chúng ta lại bút dây động rùng mắt thôi”.

“Ý cô là sao cơ?”

“Anh Caleb này, có kẻ đã ở đây và đánh dấu những chữ này, nếu anh mang một trong số những quyển sách đấy về nhà, có thể sẽ đánh động kẻ chủ mưu đó”.

“Ý cô là có ai đó ở Thư viện Quốc hội đã chủ động tạo nên mật mã trên những dòng sách quý hiếm này”.

“Đúng thế”, cô ta nổi cáu, “Bây giờ anh đưa cho tôi quyển sách và tôi sẽ mang ra khỏi thư viện. Dầu sao nó cũng nhỏ và mỏng, nên chắc không là vấn đề gì cả. Đợi đã, trên sách có thiết bị mã vạch chống trộm gì không đấy?”

Caleb hoảng hốt khi nghe lời đề nghị bạo gan của Annabelle, “Ôi trời, cô ơi là cô, đây là những quyển sách quý hiếm mà, làm hư hại chúng không đền nổi đâu”.

“Vậy thì sao? Dầu sao cũng có kẻ làm điều đó trước tôi khi đánh dấu vào sách rồi, vì vậy giờ tôi chỉ mượn sách chút thôi mà”.

“Mượn ư? Đây là tài sản của Thư viện Quốc hội đấy”.

“Caleb, đừng để tôi nổi khùng nhé, tôi mang sách ra đây”. Ông định ngăn cản, nhưng cô ta cắt lời, “Chuyện này ắt hẳn có liên quan phần nào đến cái chết của Jonathan và nếu đúng thế, tôi chẳng thêm quan tâm luật lệ gì ở đây cả, tôi muốn tìm ra sự thật cái chết của ông ấy. Anh là bạn của ông ấy, anh cũng muốn biết mà đúng không?”

Caleb nhanh chóng dịu xuống và phân bua, “Đúng thế, nhưng mang quyển sách ra khỏi đây không dễ chút nào cả. Về nghiệp vụ, chúng tôi cần phải kiểm tra mỗi túi xách trước khi người ta rời khỏi đây, và tôi sẽ giả bộ như đã kiểm tra cô rồi, nhưng còn đảm bảo vệ nữa, họ còn kiểm tra kỹ hơn tôi đấy”.

“Tôi đã bảo không có vấn đề gì cả. Tôi mang sách qua chỗ Oliver tối nay, gặp nhau ở đó khi anh xong việc. Anh ta làm tôi có cảm giác rằng anh ấy am hiểu nhiều thứ lắm”.

“Ý cô là sao? Nhìn vào thì đúng là anh ấy có kỹ năng và kiến thức hơn người thường, nhưng còn đám mật mã này, đây là dành cho những điệp viên đấy chứ”.

“Anh biết không, anh là người dành hầu hết thời gian quanh quần bên sách vở và cũng là người chẳng biết cái quái gì mà tôi đã từng gặp”.

“Đó là lời nhận xét quá ư là gây mất thiện cảm và thô lỗ”, Caleb nổi giận.

“Hay đấy, tôi muốn thế mà”. Cô ta cũng trả đũa, “Còn bây giờ nhờ anh mang cho tôi cuộn băng dính nào”.

“Băng dính để làm gì?”

“Cứ lấy băng dính đã”.

Ông ngần ngừ lấy cuộn băng dính từ tủ đựng văn phòng phẩm bên trong khu phòng sách chính.

“Bây giờ quay người lại đi”, cô ta ra lệnh.

“Sao cơ?”

Cô ta xoay người ông lại, khi ông quay lưng về phía cô ta rồi, Annabelle lập tức kéo váy lên tận eo, và đặt quyển sách ngay phía trong đùi trái rồi dán chặt băng dính xung quanh. “Vậy là nó sẽ nằm yên ở đấy, nghĩ đến cảnh tháo sách ra chắc vui đấy”.

“Làm ơn cho tôi biết rằng cô không làm gì phá hư sách nhé”, giọng Caleb khản khản, “Đó là một trong những mảnh lịch sử có giá trị đấy”.

“Anh tự quay lại mà nhìn”.

Ông quay lại và nín thở nhìn thấy quyển sách, cặp đùi thon thả, trắng nõn của Annabelle.

Giọng cô ta thì thầm, “Tôi nghĩ quyển sách chẳng việc gì khi ở đó đâu nhỉ?”

“Tôi chưa bao giờ thấy điều này, trong cuộc đời bao năm làm thủ thư và tại một nơi cao quý như thế này”, ông thốt lên, giọng run run vì kinh ngạc nhưng ông chẳng rời mắt khỏi chân cô ta và tim ông đánh lô tô trong ngực.

Cô ta kéo váy xuống, mỉm cười châm chọc, “Anh đang nghĩ gì thế, trông anh lạ lắm”. Hông cô ta chạm nhẹ vào Caleb khi cô ta bước ra cửa, “Gặp anh ở chỗ Oliver nhé, anh bạn!”

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 54



au màn trình diễn quá ấn tượng của Annabelle, Caleb chỉ đủ tinh táo để giả bộ quay lại làm việc, nhưng một lát sau thì Kevin Philips bước vào phòng đọc và tiến đến bàn làm việc của ông.

“Caleb, anh có thể ra ngoài chút xíu không?”, Ông ta nói nhỏ.

Caleb đứng dậy, “Được thôi, Kevin, nhưng có chuyện gì?”

Philips nhìn có vẻ lo lắng, và hạ giọng, “Cảnh sát đang ở ngoài, họ muốn nói chuyện với anh đây”.

Caleb lập tức thấy tất cả những tế bào trong người ngưng hoạt động, cho dù ông liên tục động não tìm ra lý do tại sao đám cảnh sát lại muốn gặp ông lúc này. Chẳng lẽ cô nàng quý quái kia đã bị bắt cùng với quyển sách dán chặt ở đùi, bị hỏi cung và khai tuốt rằng ông là kẻ đồng phạm? Hay bà lão Jewell English đã biết điều gì đang xảy ra và trình báo về việc mất cặp mắt kính cho cảnh sát, chỉ rõ là ông? Và liệu Caleb Shaw này có chuẩn bị ngồi trên ghế điện không?

“Caleb này, anh có thể đứng lên và đi chung với tôi không?”, giọng Philips vắng vắng đâu đó.

Caleb bừng tỉnh và nhận ra rằng thay vì ngồi trên ghế, ông lại đang ngồi bẹp xuống sàn nhà. Ông run rẩy đứng dậy, mặt trắng bệch, và thốt lên thành lời dù ông cũng ngạc nhiên vì mình vẫn còn đủ can đảm, “Tôi tự hỏi họ muốn gì từ tôi đây, Kevin?” Lay Chúa, chỉ mong rằng đó là một nhà tù có sự bảo vệ tối thiểu.

Khi ra đến ngoài, Philips giao Caleb lại cho cảnh sát, với đại diện là hai thám tử tu trong bộ quần áo rộng thùng thình, rồi sau đó ông ta biến đi mất, để lại Caleb với ánh mắt gằn như van nài. Hai gã hộ tống Caleb bước vào một căn phòng trống, việc di chuyển hơi chậm vì Caleb không thể điều khiển chân mình hoạt động tốt như bình thường, ngay cả việc nói chuyện cũng dường như khó khăn vì cổ họng ông hoàn toàn khô khốc. Liệu họ có thư viện trong nhà tù không nhỉ? Liệu ông có bị hành hạ trong tù?

Gã to lớn hơn trong hai người ngồi phịch chiếc mông béo phì xuống ghế trong lúc Caleb đứng chết dí sát tường, chờ đợi giờ phán quyết cuối cùng. Ông cảm nhận được thếp lạnh của cùm tay, và kết thúc cuộc đời đáng kính của mình, từ một người thủ thư biến thành tên phạm tội, cú tuột dốc không kiểm chế được. Tên còn lại thò tay vào túi và lôi ra một chùm chìa khóa, “Đây là chìa khóa vào nhà của ông DeHaven, thưa ông Shaw”. Caleb chìa bàn tay run lẩy bẩy ra và nhận chìa khóa. “Chúng được tìm thấy từ người bạn của ông, Reuben Rhodes”.

Caleb bật ra tiếng, “Tôi không xem anh ta là bạn, chỉ là người quen thôi mà”.

Hai tay thám tử nhìn nhau, rồi tên to lớn nói tiếp, “Dẫu sao chúng tôi cũng muốn báo cho ông biết rằng, ông ta đã được thả ra theo lời cam kết trước tòa”.

“Có nghĩa là các anh không còn xem anh ta là nghi phạm nữa à?”

“Không, nhưng chúng tôi cũng xem xét câu chuyện kể của ông ta và ông. Và kể từ bây giờ chúng tôi sẽ dừng ở đó”.

“Chúng tôi đã tiến hành lục soát nhà ông DeHaven để tìm ra chứng cứ, cho nên ông có thể vào, nhưng để cẩn trọng, ông đừng lên gác nhé”.

“Tôi chỉ muốn xem qua bộ sưu tập sách mà thôi, vì tôi là người được ủy quyền mà”.

“Luật sư có cho chúng tôi biết”.

Caleb nhìn xung quanh, “Vậy là tôi được đi à?”

“Trừ phi ông còn điều gì để kể chúng tôi nghe?”, gã to lớn hỏi.

Caleb nhìn từng người, “Chúc các anh may mắn khi điều tra nhé”.

“Cám ơn”, gã rời khỏi bàn, rồi cả hai đi ngang qua Caleb, ra ngoài và đóng cửa lại. Caleb đứng như trời trồng một lát, không tài nào tin vào vận may từ trên trời rơi xuống của mình. Rồi ông lại suy nghĩ, tại sao họ lại thả Reuben, và tại sao họ lại trả lại chùm chìa khóa vào nhà Reuben cho ông? Liệu đây có phải là một vụ dàn xếp, liệu họ có đang đợi ông bên ngoài và nhảy xổ vào ông, đổ tội cho ông ăn cắp chìa khóa và tẩu thoát? Caleb biết những sự việc trên có thể xảy ra, ông xem trên ti-vi nhiều rồi.

Ông chậm rãi mở cửa và nhìn ra ngoài, hành lang trống không, và quang cảnh thư viện vẫn bình thường. Ông không thấy có những tay trong đội đặc nhiệm đi lại xung quanh. Ông đợi thêm vài phút

nữa rồi cũng không thấy động tĩnh gì. Cuối cùng, không tài nào đoán được điều gì đang xảy ra, ông đành đầu hàng. Ông ra về sớm và chạy vội đến nhà DeHaven. Vào phòng đọc, ông nhanh chóng chạy đến tủ sắt nhỏ phía sau bức tranh, ông cần phải xem liệu dấu vết của thư viện có nằm trong quyền sách hay không. Ông chọn mã số, và mở cửa. Một lần nữa, tất cả những tế bào trong người ông lại ngưng hoạt động, vì quyền Thánh ca không còn ở đó nữa.

Họ tụ họp tại nhà của Stone đêm đó, cùng với sự có mặt của ông bạn Reuben vừa được thả tự do. Sau khi đã chúc mừng bạn mình, Stone viết lên một mảnh giấy nhỏ, “Tôi không muốn chúng ta thảo luận ở đây”. Ông cũng liệt kê vài hướng dẫn sơ bộ trong lúc những người khác tiếp tục tán gẫu.

Ba mươi phút sau, Milton và Caleb rời khỏi nhà, hai mươi phút nữa là đến lượt Annabelle và Reuben. Một giờ sáng, đèn nhà Stone tắt, rồi sau đó ba mươi phút, Stone đang trườn mình trong đám cỏ dại mọc trong nghĩa trang, thoát ra ngoài qua một lỗ hổng ngay hàng rào sắt được che bởi một ngôi mộ to.

Sau khi đã lườn lách qua một loạt những con đường ngoằn ngoèo của thị trấn Georgetown, ông cùng các bạn gặp nhau tại một con hẻm nhỏ. Ông mở khóa cánh cửa gỗ nằm phía sau thùng rác to và ra hiệu cho mọi người vào trong. Ông khóa cửa lại, rồi mở đèn duy nhất trong phòng lên. Vì phòng không có cửa sổ cho nên mở đèn cũng không phải lo gì mấy, trong phòng là vài chiếc ghế cũ, có vẻ ọp ẹp, vài thùng gỗ, cả nhóm ngồi túm tụm lại bên nhau. Annabelle nhìn quanh căn phòng ảm thấp, chật hẹp và nói đùa, “Ông biết cách làm cho phụ nữ vui vẻ nhỉ, thế mình mở tiệc ở đây được chứ?”

Stone gọn lỏn, “Cô báo cáo tình hình đi chứ”.

Cô ta dành ra vài phút để kể cho mọi người nghe về khám phá của mình và Caleb, rồi chuyển kính và sách cho Stone trong lúc Caleb ngồi yên bất động. Stone nhìn qua kính và thốt lên, “Cô nói đúng, nhìn giống mật mã thật”.

Annabelle thắc mắc, “Liệu ai là người tạo ra mật mã này nhỉ?”

Stone để sách và kính xuống bàn, đến lượt Milton cầm lên và sẫm soi.

Reuben xoa cằm, “Liệu có liên quan gì đến vụ án mạng của Behan không? Hẳn là tay tài phiệt vũ khí mà. Mà chỉ có Chúa mới biết đám tình báo đang nằm ở đâu”.

Stone gật đầu, “Điều đó hoàn toàn có khả năng, nhưng tôi nghĩ chuyện còn đi xa hơn thế nữa”. Ông kể lại những gì ông tìm ra tại Câu lạc bộ Federalist và từ cuộc nói chuyện với Dennis Warren.

“Vây tay Albert Trent này vẫn còn làm việc cho Ủy ban Tình báo à”, Annabelle chen ngang, “Điều đó có nghĩa là gì?”

Reuben lên tiếng, “Có nghĩa là hẳn có thể biết được những bí mật đáng giá, cũng như lúc tôi còn làm việc ở Cơ quan Tình báo Quốc phòng, chúng tôi lúc nào cũng họp ở điện Capitol với những thành viên tình báo và nhân viên của họ được phép tiếp cận thông tin tối mật đấy”.

“Nhưng những gián điệp lại khét tiếng vì không báo cho Quốc hội mọi chuyện mà”, Milton xen ngang, ngừng đọc sách giữa chừng,

“Liệu Trent có biết giá trị những thứ hẳn có thể bán đi?”

“Nên nhớ rằng, Trent đâu chỉ là nhân viên ở đó, hẳn từng phục vụ cho CIA mà”.

“Cũng có khi hẳn còn một số quen biết ở đó, quý thần ơi, vẫn còn đó, nào là NSA, NIC, cả bảng chữ cái đó chứ”. Reuben buông lời nhận xét, “Hẳn cũng có thể liên minh hành động”.

“Nhưng làm sao ông có thể kết nối giữa tay gián điệp nhị trùng như Trent cho đến những mật mã trong đám sách hiếm này?”,

Annabelle vừa hỏi vừa ngo nguậy trên chiếc ghế cũ ọp ọp, tay cô ta thoa liên tục vào phần bắp đùi đã dán băng dính và đang phải gỡ ra.

“Tôi cũng không biết nữa”, Stone thú nhận. “Chúng ta phải tìm cho ra điều gì đó về bà lão Jewell English. Nếu có thể cạy miệng bà ta, biết đâu có thể hỗ trợ thông tin ban đầu, mà chắc bà ta cũng biết chuyện về cặp mắt kính bị mất rồi nhỉ”.

“Cạy miệng bà ta ư?”, Reuben sừng sốt, “Oliver ơi, đâu thể nào đưa bà ta lên giá tra khảo, và hành hạ cho đến lúc phải nói ra”.

“Nhưng chúng ta có thể tìm đến FBI và kể cho họ nghe về quyển sách, về giả thuyết của chúng ta và đề cho họ tự lo liệu”, Stone đề nghị.

“Giống như những gì anh nói, nếu chúng ta càng tạo khoảng cách, thì cho dù chúng là ai đi nữa, sự việc sẽ dễ thở hơn”.

Stone nhìn Caleb, người từ nãy giờ vẫn chưa thốt lên lời nào, và ngồi thu mình một góc, “Caleb, anh có chuyện à?”

Người thủ thư sàu nào hít một hơi dài nhưng cũng chẳng nhìn ai cả.

Annabelle động viên, “Anh Caleb này, tôi xin lỗi vì đã hơi thô bạo với anh hôm nay, hôm nay anh đã hành động rất tốt”. Cô ta cắn môi lại sau khi nói dối. Ông ta lắc đầu, “Không phải điều đó đâu, cô nói đúng”. “Tôi hoàn toàn không rành về những gì mà cô làm”.

“Vậy là chuyện gì?”, Stone mất kiên nhẫn.

Ông ta thở một hơi thật dài và nhìn mọi người, “Hôm nay có cảnh sát ghé qua thư viện, và họ đưa cho tôi chùm chìa khóa vào nhà của Jonathan, việc đầu tiên tôi làm là kiểm tra đám sách”. Ông ta dừng lại, liếc về phía Annabelle và ghé sát tai của Stone, “Quyển Thánh ca đã không cánh mà bay”.

Stone chết lặng trong vài giây trong lúc Milton và Reuben nhìn Caleb. “Không phải vụ quyền sách chứ”, Milton hỏi và Caleb đau khổ gật đầu.

Annabelle lên tiếng, “Này các anh, nếu đây là chuyện của nhóm các anh, thì tôi có thể ra ngoài, tôi chẳng muốn dính dáng chuyện sách vở ở đây”.

Stone đưa tay lên ngăn cô ta lại, rồi hỏi, “Tại sao lại mất nhỉ?” “Tôi cũng chẳng biết, rõ ràng cần phải có mật mã để vào phòng sách và mở két sắt, mà cũng không thấy dấu hiệu đột nhập”.

“Còn ai khác biết mật mã?”, Reuben hỏi.

“Tôi cũng không rõ nữa”.

“Có thể là tay luật sư, ông ta có mật mã cho cả phòng sách và cửa vào. Có thể ông ta đã ghi lại trước khi cho anh biết và sau đó làm thêm chìa khóa”.

“Cũng có thể, tôi chẳng nghĩ ra điều đó. Thế còn cái tủ sắt nhỏ thì sao? Anh ta chắc không có mật mã đâu nhỉ?”

“Nếu anh nghĩ ra, thì có thể ông ta cũng vậy. Giả dụ như tay luật sư biết rõ về Jonathan, và hay đến phòng đọc tìm anh ta, thì chắc cũng có thể dễ dàng tìm ra được mật mã, hay có khi Jonathan lại đưa mật mã cho ông ta mà không đưa cho anh”.

Caleb thắc mắc, “Nhưng nếu ông ta muốn lấy quyển sách sao lại

không lấy trước khi tôi tìm ra, như thế tôi đã không biết sự tồn tại của nó rồi”.

Stone bồi rôi, “Cũng đúng, mặc dù tôi chẳng nghĩ chuyện này có liên quan đến mấy vụ án mạng”.

Caleb rên rỉ, “Hay đây, nhưng tay Vincent Pearl sẽ giết tôi mất nếu hắn biết việc này, hắn sắp sửa bước lên đài danh vọng tới nơi mà lại xảy ra như thế này, biết đâu hắn còn tố cáo tôi đã đánh cắp quyển sách không chừng”.

Milton ngẩng đầu lên và chen vào, “Hay là chính hắn lấy trộm nhỉ?”

“Sao được? Hắn chẳng thể vào nhà, không có chìa khóa, lẫn mật mã vào phòng sách, và hắn cũng thừa biết khó có thể bán được quyển sách nếu không có giấy tờ hợp lệ kèm theo, chẳng kiếm ra được đồng nào cả, mà có khi lại bị ở tù đấy”, Caleb giải thích.

Họ ngồi lặng im, cho đến lúc Reuben thốt lên, “Rõ ràng là tin về quyển sách không được vui vẻ gì, nhưng chúng ta cũng đừng xao lãng mục tiêu chính, đó là ngày mai phải tìm đến FBI đấy, ít nhất cũng vót vát vài điều”.

“Thế còn bà lão Jewell English thì sao?”, Milton thắc mắc.

Caleb ngồi thẳng dậy, cảm thấy an ủi phần nào và tạm gác chuyện quyển Thánh ca qua một bên, “Nếu bà ta trở lại thư viện, tôi có thể báo cho bà ta biết tôi tìm được chiếc kính của bà ta ở quầy “Mất và Thấy”.

Reuben cảnh giác, “Nếu bà ta quả là gián điệp thì chắc giờ đã cao bay xa chạy rồi”.

“Có khi bà ta vẫn chưa biết cặp mắt kính đã bị mất, vì bà ta chỉ sử

dụng chúng khi muốn đọc mật mã mà thôi, đồng nghĩa với việc chỉ mang ra sử dụng khi vào phòng đọc”.

Caleb hỏi, “Vậy nếu trả lại cho bà ta trước khi bà ta biết thì bà ta chẳng nghi ngờ gì cả”.

“Nhưng chúng ta cũng cần nó để đưa cho FBI chứ, tôi hy vọng khi chúng ta giải thích cho họ nghe tình huống của mình, họ có thể trả lại và bắt đầu tiến hành theo dõi bà ta”, Reuben suy tư, “rồi sau khi bà ta nhận mật mã, chuyển cho người khác, thì chúng sẽ bị tóm gọn”.

“Kế hoạch hay đấy”, Stone khen ngợi.

“Không được rồi, chúng ta chẳng thể mang sách cho FBI được”, Milton thành linh lên tiếng. Cả bọn nhìn về phía ông, trong lúc họ đang nói chuyện, ông đã quay trở lại với quyển sách và giở sách ra kiểm tra lại. Sau khi đã lật nhanh qua quyển sách một lát, ông gỡ mắt kính ra và giở quyển sách lên, tay run lẩy bẩy.

“Sao lại không?”, Caleb nói giọng câu gắt.

Thay vì trả lời, Milton đưa sách và cả kính cho Caleb, “Anh tự xem đi”.

Caleb đeo kính vào và giở sách ra, ông lật hết trang này sang trang khác cho đến trang cuối quyển sách, rồi đóng sập nó lại, mặt mày xám xịt vì tức giận và thất vọng.

Stone nheo mắt với vẻ quan tâm, “Chuyện gì nữa vậy?”

Caleb chậm rãi thông báo, “Tất cả những chữ cái sáng màu đã biến mất”.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 55



tone lập tức đeo mắt kính lên và nhìn vào sách, ngón tay ông lướt trên những chữ cái đã từng sáng màu trước đó, nhưng giờ thì cũng chỉ một màu đen nhạt nhẽo giống những chữ còn lại. Ông gấp sách lại, tháo kính ra và thở dài, “Hóa chất dùng tô sáng chữ bọn họ sử dụng chỉ trong một khoảng thời gian nhất định rồi tự bốc hơi”.

“Giống loại mực tự bay màu à?”, Milton hỏi.

“Còn tinh vi hơn cả thế”, Stone lầm bầm rồi giận dữ, “Đáng lý tôi phải nghĩ ra điều này chứ”.

“Anh có biết loại hóa chất này không, Oliver?”, Đến phiên Caleb hỏi.

“Công thức này thì không, nhưng cũng có lý ở chỗ, nếu anh là tay gián điệp và kính mà lọt vào tay kẻ khác thì cũng chẳng có đủ thời gian để xem sách đâu”. Ông nhìn Caleb rồi thêm vào, “Kẻ nào đó sử dụng hóa chất này biết lúc nào bà Jewell English sẽ đến phòng sách,

và đọc chúng trước khi chúng hết hiệu lực. Làm sao làm được điều đó nhỉ?”

Caleb suy tư một lát, “Chắc phải có kẻ vào phòng sách và sửa sách rồi liên lạc với bà ta, nói tên quyền sách cần thiết. Bà ta đến phòng đọc ngay và yêu cầu đúng quyền sách ấy”.

Stone nhìn bìa sách, “Có vẻ công việc đánh dấu những từ này hơi cực đấy, không nói là rất tốn thời gian”.

“Đúng là người ta ra vào phòng sách thường xuyên, nhưng cũng có vài phòng không được sử dụng thường xuyên, mặc dù vậy, nếu một nhân viên thư viện ở đó hàng giờ sẽ bị chú ý liền”.

Reuben đặt giả thuyết, “Có thể kẻ nào đó rất điêu luyện về việc này, có thể làm nhanh và chuyên nghiệp, hay dùng vài mẫu có sẵn”.

“Vậy còn sau giờ làm việc thì sao?”

Caleb có vẻ phân vân, “Trong phòng sách à? Chỉ có vài người được phép thôi, giám đốc và quản thư là hai người có khả năng, chương trình máy tính được lập trình không cho phép người lạ vào sau giờ làm việc, trừ phi đã có kế hoạch sẵn, mà không phải ngày nào cũng được đâu”.

“Vậy là DeHaven có thể đi vào phòng sách sau giờ làm việc à?”, Stone hỏi.

Caleb gật đầu, “Vâng, đúng thế. Thế anh có nghĩ ông ta là một tay trong tổ chức gián điệp không? Và đó cũng là lý do ông ta bị giết”. Annabelle định phản đối, nhưng nghĩ lại rồi thôi.

“Tôi không chắc, Caleb ạ”. Stone đứng dậy, “Chúng ta cần phải hành động. Caleb, anh gọi cho Jewell English và bảo bà ta rằng chúng ta tìm thấy mất kính của bà ta tại phòng đọc, sẽ mang qua

nhà gửi lại cho bà ta”.

“Tôi nay ư? Giờ đã 9 giờ rồi”, Caleb ngán ngừ.

“Anh phải thử gọi, vì rõ ràng chúng ta không còn nhiều thời gian, nếu bà ta có trốn đi, chúng ta cũng cần phải biết chứ”.

Annabell ngắt lời, “Oliver, điều đó có thể hơi nguy hiểm vì nếu bà ta vẫn còn ở lại và gây ra thêm vụ gì thì sao?”

“Caleb sẽ mang theo máy nghe, tôi biết Milton còn vài cái ở nhà”.

Milton gật đầu, và Stone nói tiếp, “Milton đi chung với Caleb nhưng nấp phía ngoài, nếu có chuyện sẽ gọi cảnh sát”.

Caleb rên rỉ, “Lỡ có chuyện gì tổn hại tới tôi làm sao?”

“Caleb này, theo tôi biết đó là bà lão phải không?”, Stone nhắc Caleb, “Tôi nghĩ anh biết cách làm chủ tình huống, tuy vậy, tôi hình dung ra bà ta đã tẩu thoát, nếu đúng vậy, đột nhập vào nhà bà ấy và cố tìm ra chút manh mối”.

Caleb vặn vẹo tay, căng thẳng, “Nhưng lỡ bà ta chưa đi đâu thì sao?”

Rồi lỡ có vài tay vạm vỡ đang đợi tôi ở đây khi tôi đến thì sao?”

Stone nhún vai, “Thì xem như anh không may vậy”.

Ông thủ thư phát khùng”, Không may à? Anh nói thì dễ quá, anh nói cho tôi biết anh làm gì trong lúc tôi liều mạng vậy?”

“Đột nhập nhà Albert Trent”, ông nhìn về phía Annabelle. “Cô có tham gia không?”

“Dĩ nhiên rồi”, Annabelle cười lớn.

“Còn tôi, Oliver?”. Reuben thiếu não, “Tôi nghĩ tôi vẫn là bạn chí cốt của anh chứ”.

Stone lắc đầu, “Anh đã bị bắt rồi còn thuộc dạng tình nghi nữa, nên chúng ta không nên liều vậy, anh phải ngưng một ít lâu thôi”.

“Hay đấy”, Reuben lẩm bẩm và vỗ đùi giậm dừ, “Có kẻ hưởng hết trò vui”.

Caleb có vẻ muốn vặn cổ ông ta vì câu nói đó.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 56



aleb dừng chiếc Nova với tiếng bô xe vẫn còn lục khục tại ngõ cụt và tắt máy, ông nhìn Milton với ánh mắt căng thẳng. Bạn của ông trong trang phục đen, mái tóc dài được túm gọn vào mũ len và cả mặt của Milton cũng được bôi đen nốt.

“Chúa ơi, anh nhìn giống diễn viên chính trong phim “Chúng tôi là tội

phạm” quá”.

“Đây chỉ là loại trang phục và nguy trang theo dõi thôi, còn cái máy nghe của anh sao rồi?”

Caled chạm vào phía trong tay áo, nơi thiết bị đã được gắn sẵn sàng, ngoài ra, ông cũng thủ sẵn bộ cung cấp điện cho máy đeo quanh eo. “Cái máy quỷ quái làm tôi ngứa ngáy trong lúc thứ đeo ngay hông này chật đến nỗi tôi chẳng thở được luôn”.

“Có lẽ vì anh đang căng thẳng đấy thôi”, Milton an ủi.

Caleb liếc ông ta, “Anh nghĩ vậy sao?”. Ông trườn người ra khỏi xe,

“Này bấm sẵn số 911 ở phím nhanh của anh nhé, tay trộm kia”.

“Rõ”, Milton nhanh chóng trả lời, rồi lôi ra một cặp ống nhòm dùng trong đêm quan sát khu vực xung quanh, ông cũng thủ sẵn luôn máy chụp hình siêu tốc và cả một khẩu súng điện.

Bà lão Jewell English trả lời điện thoại của Caleb và có vẻ rất vui mừng vì ông đã tìm hộ được kính. Buổi tối cũng không sao, có điều hơi trễ. “Tôi vẫn chưa ngủ đâu”, bà ta thủ thi với Caleb qua điện thoại, “Nhưng mà tôi có thể mặc áo ngủ đấy nhé”, bà ta cất giọng mè nheo.

“Hay đấy”, giọng Caleb lạnh băng.

Trong lúc đi về phía nhà bà lão, ông tiện thể quan sát những căn còn lại xung quanh. Tất cả đều là những căn nhà bằng gạch ngói cũ kỹ với khoảnh sân nhỏ phía trước và gian trong tối om om. Ông tự hít thở sâu vài lần, rồi lẩm bẩm, “Bà ta là một bà già vừa mất kính, một bà già làm mất kính. Và một bà già làm điệp viên chuyên nghiệp, với vài gã bấm trợn đọi siết cổ mình đây”. Ông liếc nhìn về phía xe, tuy không thấy Milton nhưng anh nghĩ có lẽ tay đồng bọn của mình đang bận chụp vài tấm hình của chú chim nào đó trong bụi rậm.

Đèn trong nhà bà Jewell vẫn còn sáng, ông nhìn thấy rèm cửa được cột gọn gàng qua cửa sổ và qua tấm kính lớn trong phòng khách, ông thấy rõ mấy món đồ trang trí, đồ cổ để ngay trên bệ lò sưởi. Ông không thấy xe hơi để trong ga-ra xe, có thể bà ta không lái xe nữa, hoặc xe đang được tu sửa ở tiệm. Bãi cỏ được cắt tía gọn ghẽ và hai hàng hoa hồng cao làm rào chắn trước nhà. Ông ấn chuông rồi đọi, không ai ra mở cửa cả. Ông ấn chuông lần nữa, vẫn yên ắng,

không nghe tiếng bước chân. Ông nhìn quanh, con đường thật vắng vẻ, và chẳng phải trong phim người ta vẫn hay bảo, mọi thứ trở nên thật yên lặng, trước khi bạn bị bắn, đâm hay ăn thịt sao.

Ông vừa gọi cho bà ta trước đó khoảng một giờ, trong thời gian đó, chuyện gì đã xảy ra? Ông nghe thấy tiếng chuông reo, nhưng có lẽ bà ta không nghe thấy. Ông gõ mạnh cửa. “Bà Jewell?”, Ông gọi tên bà ta lần nữa, to hơn. Tiếng chó sủa đâu đó làm ông giật mình, nhưng không phải vọng ra từ trong nhà, mà là nhà hàng xóm. Ông gõ mạnh tay hơn, và thỉnh linh cửa bật mở.

Ông quay lại, tính chạy ra xa, không nên bước vào nhà khi cánh cửa tự mở ra như thế, và âm thanh kể tiếp vọng tới tai ông càng làm ông muốn rụng tim ra ngoài.

“Caleb này?”

Ông hoảng hồn, nắm chặt tay vịn phía hành lang ngoài cửa, suýt nữa thì nhảy vào bụi rậm trốn.

“Caleb!” tiếng nói lại vang lên khẩn khoản hơn.

“Cái gì? Ai vậy? Ôi lạy Chúa!” ông đảo mắt xung quanh tìm ra kẻ đang gọi tên ông, chân ông gần như không đứng vững trên nền đất ẩm ướt, ông cảm thấy chao đảo, và chỉ muốn nôn mửa.

“Là tôi mà, Milton đây”.

Caleb cúi người, tay chống vào đui để cổ không nôn thốc nôn tháo vào đám hoa hồng trước cửa. “Milton à?”

“Vâng”.

“Anh đang ở đâu vậy?”, Caleb rít lên.

“Tôi vẫn còn trong xe, tôi nói chuyện với anh qua máy nghe, ngoài công dụng là thiết bị theo dõi, nó còn có tính năng liên lạc nữa đấy”.

“Sao anh chẳng cho tôi biết cái quái gì vậy?”

“Có mà, chắc anh quên đấy, tôi nghĩ anh có vẻ căng thẳng”.

“Anh nghe tôi rõ chứ?”, Caleb nghiêng răng.

“Rõ, rất rõ”.

Ngay sau đó là một tràng những ngôn ngữ mà người thủ thư trong cơn giận dữ có thể khiến cho tay nhạc rập với những lời tục tĩu nhất cũng nghiêng mũ cúi chào. Sau khi bùng phát, cả hai cùng giữ im lặng và rồi Milton với giọng hơi kinh ngạc lên tiếng, “Tôi biết anh không hài lòng”.

“Đúng thế!”, Caleb hít một hơi dài và cố giữ cho thức ăn không tuôn khỏi bao tử. Ông dần đứng dậy và vươn vai, dù tim vẫn đánh lô tô trong ngực. Ông tự hứa với lòng nếu như ông đột tử vì đứt mạch máu não, ông hứa sẽ ám tên kỹ thuật kia mỗi phút mỗi giây trong cuộc đời hẳn.

“Rồi đó, bà ta không trả lời. Tôi vừa gõ cửa và nó tự mở. Anh nghĩ tôi nên làm gì?”

“Nếu là tôi, tôi quay ra ngay”, Milton trả lời nhanh.

“Tôi cũng mong anh nói thế”. Caleb quay ra bậc thang, không dám quay đầu lại vì sợ lỡ có cái gì đó nhảy xổ vào ông. Thành linh ông dừng lại, lẽ như bà ta đang nằm bất động trong phòng tắm, bị gãy xương hay là bị nhồi máu cơ tim thì sao? Cho dù bằng chứng có ra sao, trong lòng Caleb vẫn phần nào không tin rằng bà lão tử tế kia lại có liên quan tới đám gián điệp. Mà nếu có đi nữa, cũng chỉ là bị người ta lừa thôi.

“Caleb, anh quay ra chưa?”

“Chưa”, ông đáp, “Tôi vẫn còn đang suy nghĩ”.

“Suy nghĩ về điều gì?”

“Liệu tôi có nên vào và kiểm tra xem bà ấy có sao không?”

“Anh có muốn tôi đi chung với anh không?”

Ông ngần ngại, rõ ràng Milton có súng điện, nhưng nếu bà Jewell thật là gián điệp và có dọa họ bằng một con dao phay đi nữa, họ cũng có thể hạ gục bà lão mà.

“Không cần, anh ở yên đây. Tôi nghĩ chẳng có chuyện gì đâu”.

Caleb mở cửa ra và đi vào trong. Phòng khách trống trải và cả nhà bếp cũng thế, trên bếp vẫn còn một cái chảo và vài lát hành và món gì đó trông giống thịt bò, sục nức mùi trong gian bếp. Có một cái đĩa, cốc và đĩa trong chậu rửa bát, nhưng chưa rửa. Trong lúc quay ra phòng khách, ông vớ tay lấy một dụng cụ đựng nền bằng đồng làm vũ khí và chậm chạp di chuyển xuống sảnh. Ông tìm đến phòng tắm trước, ghé mắt vào trong, bàn cầu trống không, cửa nhà tắm vẫn mở, không có ai nằm trong phòng tắm, chẳng có máu me trong bồn tắm, ông không nhìn vào gương tủ thuốc, vì ông không muốn nhìn thấy gương mặt kinh hãi của mình trong gương.

Phòng ngủ đầu tiên trống rỗng, tủ quần áo chứa đầy khăn tắm và ga trải giường. Chỉ còn lại một phòng, giờ cao đồ cắm nến trên đầu, và dùng chân đẩy cửa ra. Bên trong tối om om, phải mát một lát sau ông mới quen dần với ánh sáng trong phòng, ông cảm thấy hồi hộp vì ngay giữa giường là một thứ gì đó khá to.

Ông thì thầm vào máy nghe, “Có ai đó đang trên giường, nhưng che mặt lại”.

“Bà ta chết rồi à?”, Milton hỏi ngược lại.

“Tôi không biết, nhưng sao lại che mặt khi ngủ nhỉ”.

“Tôi có nên gọi cảnh sát không?”

“Đợi một chút đã”.

Có một cái tủ nhỏ trong phòng, cửa hé hé, Caleb thận trọng đến gần, sẵn sàng dùng đồ cấm nển, ông lại dùng chân đá cửa mở và nhảy lùi ra sau, nhưng bên trong chỉ có giá treo đồ, không thấy dấu tích của hung thủ.

Ông quay lại phía giường, tim đập nhanh hơn, và đang tự hỏi liệu Milton có đang gọi xe cứu thương cho mình. Ông nhìn xuống bàn tay run rẩy và tự trấn an, “Được mà, được mà, xác chết chẳng làm hại mình đâu”. Nhưng trong thâm tâm ông không muốn nhìn thấy bà ta như thế, không muốn tí nào. Thành linh ông chợt nhớ ra một chuyện, nếu họ giết bà ta, ông cũng có phần trách nhiệm vì đã lấy kính của bà ta cũng như đã tiếp cận bà ta. Ý nghĩ này nghe thì có vẻ đang buồn nhưng lại phần nào giúp anh bình tĩnh hơn.

“Tôi xin lỗi nhé bà Jewell, cho dù bà có là gián điệp đi nữa”, ông lầm bầm trong miệng.

Ông nắm ga trải giường và kéo mạnh xuống.

Một xác chết đàn ông trừng trừng nhìn Caleb, xác chết của Norman Janflow, độc giả thân thuộc của nhà văn Hemingway, kẻ thù của bà lão Jewell English trong phòng đọc khu Sách Quý Hiếm.

CHƯƠNG 57



lbert Trent sống trong một căn nhà cũ kỹ với vỉa hè rộng ở vùng nông thôn xa xôi tại hạt Fairfax về hướng tây.

“Chắc hẳn cũng tốn hàng giờ để đi làm tại D.C đấy”, Stone để ý trong lúc ông quan sát nhà hắn qua ống nhòm từ phía sau một tán cây rộng. Annabelle vận trang phục quần jeans đen, giày thể thao màu sẫm, áo khoác trùm đầu

đen, ngồi thu lu bên cạnh Stone. Stone mang theo một ba lô nhỏ.

“Căn nhà có người ở không?”, cô ta hỏi.

Ông lắc đầu, “Tôi không nhìn thấy đèn từ chỗ này và ga-ra không mở, nên chẳng thể nói là có xe đậu bên trong hay không”.

“Một gã làm trong lĩnh vực tình báo như hắn chắc có cài hệ thống báo động”.

Stone gật đầu, “Điều đó hiển nhiên rồi, giờ chúng ta sẽ vô hiệu hóa hệ thống đó rồi đột nhập vào trong”.

“Anh biết làm cách nào à?”

“Như tôi từng nói với Reuben khi anh ta hỏi tôi câu này, cứ thử sẽ biết mà”.

Chẳng có ngôi nhà nào che chắn họ khi họ đi về hướng nhà Albert, nhưng cuối cùng họ cũng tìm cách đến phía sau nhà mà không bị phát hiện. Để làm được điều đó, họ phải vận dụng đủ kỹ năng, bò trườn, đi bằng đầu gối và cúi lom khom theo con dốc cách nhà hai mươi thước. Họ dừng lại, và Stone lại thám thính lần nữa. Căn nhà có tầng hầm với cửa thông ra sân và nối với bậc thang gỗ đã qua xử lý. Phía sau cũng tối om om giống phía trước. Không có đèn đường và chỉ một ít ánh sáng hắt ra đầu đó nên ông nhòm dùm trong đêm của Stone rất thích hợp vì ông có thể quan sát mọi thứ thông qua lớp kính xanh mờ của nó.



“Tôi chẳng thấy có động tĩnh gì trong đó cả, nhưng cứ thử gọi điện xem sao”, ông nhắc Annabelle.

Milton tìm ra được số điện thoại nhà Trent trên mạng, một nơi còn nguy hiểm cho sự riêng tư của nước Mỹ hơn điều mà Cơ quan An ninh Quốc gia từng nghĩ đến. Annabelle dùng điện thoại riêng của mình để gọi, sau vài tiếng đổ chuông thì giọng hộp thư thoại vang lên, và họ cùng lắng nghe tiếng một người đàn ông hướng dẫn họ để lại lời nhắn.

“Tay gián điệp của chúng ta lại ra ngoài trong đêm giá buốt thế này”, cô ta thốt lên. “Mà anh có chuẩn bị đủ đồ nghề không?”

“Tôi không có súng, cô thì sao?”

Cô ta lắc đầu, “Tôi không thích chuyện đó lắm, tôi thích dùng trí óc hơn súng đạn”.

“Đúng thế, đôi khi súng ống không giải quyết được vấn đề”.

“Ông có vẻ kinh nghiệm về điều này”.

“Bây giờ đâu phải lúc nói chuyện đời đâu”.

“Tôi biết thế, chỉ mong có dịp nói điều đó”.

“Tôi không nghĩ cô sẽ ở lại sau tất cả chuyện này”.

“Tôi còn không nghĩ mình sẽ ở lại vì chuyện này nữa là. Không ai đoán được chữ ngờ cả”.

“Được rồi, hộp điện thoại được treo ngay móng tường dưới cầu thang, đi thôi, nhớ cẩn thận”.

Khi họ tròn người về phía trước, họ nghe thấy tiếng ngựa hí văng vẳng đâu đó. Đó là một khu có nhiều nông trang nhỏ, nhưng có vẻ đang phát triển khá nhanh dưới sự bành trướng của cái gọi là ‘guồng máy nhà cửa’ từ tiểu bang Virginia phía bắc, sự xâm nhập của căn hộ gia đình, căn hộ chung cư, nhà phố với tốc độ chóng mặt. Trên đường đến nhà Trent, họ có dịp ngắm nhiều chuồng ngựa, những ụ cỏ khô cao ngất ngưỡng, khu chăn dắt và cả những chú ngựa béo tốt đang thông dong gặm cỏ bên đường. Chất thải của chúng nằm rải rác trên đường như nhấn mạnh thêm sự hiện diện này, và có lúc Stone suýt dẫm phải khi bước ra khỏi chiếc xe mà Annabelle đã thuê.

Họ đến gần hộp điện thoại, Stone mất vài phút để xem xét hệ thống báo động và vô hiệu hóa nó. Sau đó, trong lúc gắn lại đám dây điện

lẳng nhằng, ông bảo, “Chúng ta sẽ đi vào từ cửa sổ đó, chắc là cánh cửa có chốt khoá rồi, tôi có mang theo dụng cụ bẻ khoá, nhưng thử chỗ nào dễ dàng nhất đây”.

Cánh cửa sổ đầu tiên không phải là nơi dễ dàng, vì nó bị đóng đinh chặt trước đó. Họ tiến về phía sau căn nhà và cuối cùng cũng tìm ra được cửa sổ chỉ gài chốt bên trong. Stone cắt một khoanh kính tròn, thò tay vào trong, gạt chốt và mở cửa. Một phút sau đó, họ đã ở trong nhà, và đi về hướng một gian bếp, Stone đi đầu trong tay cầm một đèn pin dò đường.

“Chỗ này cũng có vẻ đẹp đấy, dù chủ nhà có vẻ là tay thích sự tối giản”. Annabelle nhận xét dựa trên khiếu trang trí nội thất thanh đạm của Trent: chỉ một cái bàn, và một cái ghế, còn nhà bếp thì hầu như không có gì cả.

Stone gật gù, “Có lẽ hẳn sống độc thân, và cũng ăn ngoài thôi”.

“Để tìm thử xem hẳn có văn phòng ở đâu đó không, thường mấy tay như hẳn lúc nào cũng mang việc về nhà cả”.

Họ tìm thấy văn phòng, nhưng cũng trống trải như những nơi khác trong nhà, không thấy giấy tờ, tài liệu gì cả. Có vài tấm hình đặt trên đầu tủ phía sau bàn làm việc, Stone chỉ vào một người đàn ông to lớn, râu ria rậm rạp, khuôn mặt nhìn phúc hậu, tóc bạc phơ, lông mày rậm đang đứng cạnh một người nhỏ thó, dáng vẻ yếu đuối, đầu hói nhưng lại có ánh mắt lạnh lợi và tinh ranh.

Stone kết luận, “Người to lớn là Bob Bradley, còn tay kia là Trent đây”.

“Hắn nhìn giống chú chồn nhỏ vậy”. Cô ta thỉnh linh ngưng lại,

“Tiếng gì rung vậy?”

“Chết tiệt, đó là điện thoại của tôi”, Stone gỡ điện thoại ra, nhìn màn hình, “Caleb đây, tôi chẳng biết liệu họ đã tìm thấy gì”. Ông chẳng có cơ hội biết đó là gì, vì ngay lúc đó, một cú đánh mạnh vào đầu khiến ông bất tỉnh ngay lập tức. Annabelle thét lên trước khi cũng bị một miếng khăn ướt tẩm thuốc mê che miệng. Trước khi bị ngất thuốc mê, ánh mắt cô ta quét nhanh qua tấm gương treo ngay bức tường đối diện và kịp thấy hai gã đàn ông mang mặt nạ đen, một tên đang đứng giữ chặt cô ta từ phía sau, tên kia đang đứng ngay chỗ Stone. Cô ta cũng nhìn thấy cả người thứ ba, đó là gã trong ảnh, Albert Trent, và hắn đang mỉm cười không biết Annabelle nhìn thấy hình ảnh của hắn trong gương. Rồi chỉ thoáng chốc sau đó, cô nàng lịm đi.

Theo lời chỉ dẫn của Roger Seagraves, một trong hai tên tháo chiếc đồng hồ ra khỏi tay Annabelle. Seagraves đã có áo sơ mi của Stone trước đó, dù hắn không tự tay giết họ, nhưng hắn chỉ đạo cái chết của họ và điều đó hoàn toàn hợp lệ với quy tắc sưu tập của hắn. Hắn mong đợi cái ngày này đã lâu, khi mà hắn có thể sát hại một tay trong nhóm 666, và hắn dự định dành cho vật phẩm này một nơi danh giá trong bộ sưu tập của mình.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 58



Annabelle dần mở mắt ra tỉnh lại, cô ta thấy thấp thoáng hai tên đang lúi húi làm việc. Một tên đứng trên thang và tên còn lại đưa đồ cho hắn. Cô ta đang bị trói chặt tay chân và nằm trên nền đất lạnh lẽo. Ngay phía đối diện cô ta là Stone, mắt vẫn nhắm nghiền, nhưng sau đó ông cũng chớp chớp mắt dần tỉnh lại. Khi nhìn thấy Annabelle, ông

hướng mắt về hai tên kia. Tuy họ không bị bịt miệng, nhưng cả hai không muốn lên tiếng tránh để hai tên kia biết họ đã tỉnh lại.

Khi nhìn quanh phòng, Stone cảm thấy lo lắng, vì họ đang bị giam trong kho hàng của Công ty Cứu hoả. Ông hé mắt nhìn vào mấy cái nhãn trên xilanh khí mà hai tên thợ đang làm việc. Xilanh được treo lơ lửng giữa nhà nên phải dùng thang mới với tới được.

“Các-bon đi-ô-xít, 5000 ppm”, ông dùng miệng miêu tả mà không nói ra tiếng cho Annabelle hiểu.

Vậy là bọn chúng tính giết hại họ theo cách đã làm với DeHaven.

Stone hốt hoảng nhìn xung quanh tìm kiếm thứ gì đấy, bất cứ thứ gì ông có thể dùng để cắt dây trói. Họ chẳng có nhiều thời gian vì sau khi xong việc, bọn chúng bỏ đi cũng là lúc khí gas tuôn ra từ xilanh và hủy hết khí ôxy trong không khí, rồi họ sẽ bị chết ngạt. Ông hình dung ra cảnh đó khi mấy gã kia xong việc.

“Chắc vậy là được rồi”, một tên thốt lên rồi leo xuống.

Khi hắn bước vào chỗ sáng, Stone nhận ra hắn, đó là tên trưởng nhóm đã ra lệnh tháo gỡ những xilanh khí khỏi thư viện. Khi chúng liếc về phía họ, lập tức Stone nhắm nghiền mắt, Annabelle cũng nhanh trí làm theo.

“Được rồi đấy”, tên trưởng nhóm kết luận, “Bây giờ đừng làm mất thời gian nữa, khí gas sắp tuôn ra trong ba phút nữa, chúng ta đợi nó tan hết rồi hốt chúng ra khỏi đây”.

“Chúng ta quãng xác chúng ở đâu đây?”, tên còn lại hỏi.

“Một nơi xa xăm nào đó, nhưng mà người ta có tìm ra chúng cũng chẳng sao, vì đám cảnh sát làm sao mà biết tại sao chúng chết, cách này thế mà hay”.

Chúng khiêng thang ra khỏi phòng. Ngay khi hai tên vừa đóng sập cửa, và khóa lại thì Stone lập tức ngồi bật dậy, lê thân mình về bàn dụng cụ. Ông tự nâng người lên, hát một con dao đa năng rút xuống đất, rồi quay ra chỗ Annabelle. Ông thì thầm với cô ta, “Nhanh lên, cầm lấy dao và cắt dây trừng trói tôi. Nhanh lên nhé, chúng ta chỉ có ba phút thôi đấy”.

Họ nằm quay lưng vào nhau trong lúc Annabelle cố gắng cưa dây bằng dao trong tư thế hoàn toàn khó khăn, thậm chí có lúc cô ta cắt nhầm cả vào tay ông khiến ông phải rên thành tiếng, nhưng ông vẫn

luôn miệng thúc giục, “Nhanh nữa, đừng lo, cố lên!”. Mắt ông không rời khỏi xilanh khí lơ lửng trên đầu, ở chỗ ông đang ngồi có thể nhìn rõ sự việc hơn bên Annabelle, và cũng vì thế ông thấy đồng hồ đếm giờ trên thân xilanh đang đếm ngược thật nhanh. Annabelle dùng tất cả sức lực để thực hiện việc cắt dây, mồ hôi đầm đìa trong lúc cô ta có cảm giác tay đang sắp rơi ra ngoài. Nhưng cuối cùng công sức của cô ta cũng được đền bù, dây thừng của Stone cũng đứt, ông nhanh chóng tháo dây trói ở chân rồi đứng dậy. Họ chỉ còn một phút. Ông không đủ thời gian cho xilanh khí kia, vì nó quá cao mà dù có trèo lên và cố dùng đồng hồ thì hai tên ngoài kia cũng sẽ biết có chuyện xảy ra khi không nghe thấy khí gas bị xì. Ông nhanh chóng tóm lấy bình khí ôxy và mặt nạ rồi chạy về phía Annabelle. Họ chỉ còn ba mươi giây.

Ông đẩy cô ta về phía góc khuất sau đồng thiết bị, rồi dùng vải che phủ cả hai, đầu ông kê sát bên cô ta trong lúc đeo mặt nạ ôxy cho cả hai, vặn công tắc. Một tiếng xì nhỏ và cái khí lạnh phả vào mặt họ cho biết mặt nạ hoạt động tốt. Ngay lúc đó, họ nghe thấy tiếng nổ bụp, và tiếng róc rách của nước được bơm. Mười giây sau, khí cacbonic tràn ra nhanh và mạnh tràn ngập cả gian phòng. Khi hiện tượng “đóng tuyết” xuất hiện, nhiệt độ tụt xuống kinh hoàng, cả Stone lẫn Annabelle liên tục run lấy bầy. Cả hai không ngừng thở khí từ bình khí ôxy, tuy vậy, Stone vẫn có cái cảm giác ngạt thở của bầu khí quyển ở nơi xa xăm nào đó trên mặt trăng, thay vì trái đất. Cái khí ấy làm họ nghẹt thở, làm họ bán loạn nhưng Stone vẫn cố gắng giữ chặt mặt nạ trong lúc Annabelle ghi chặt lấy ông. Dù được cung cấp khí ôxy, đầu óc của Stone cũng dần trở nên mụ

mắm. Ông có cảm giác mình đang ngồi trên một chiếc máy bay phản lực trên trời cao, tốc độ của nó càng lúc càng nhanh, như muốn cuốn phăng đầu ông đi. Ông có thể cảm nhận được sự sợ hãi tột đỉnh mà Jonathan đã phải trải qua, cái lúc mà không khí không còn để thở.

Thình lình, mọi thứ ngừng lại cứ như lúc nó bắt đầu. Annabelle khẽ vươn tay tháo mặt nạ ra nhưng Stone cản lại. Ông thì thào, “Nồng độ oxy vẫn còn thấp lắm, đợi một chút”. Tiếng quạt thông gió vang lên, thời gian như chậm chậm trôi qua. Và với mỗi giây đồng hồ trôi qua, Stone vẫn dán chặt mắt nơi cửa ra vào. Cuối cùng, ông tháo mặt nạ của mình ra, nhưng vẫn để mặt nạ cho Annabelle. Ông thận trọng hít một hơi rồi tiếp tục thêm hơi nữa. Ông gỡ miếng vải trùm ra, khiêng cô ta lên, đặt cô ta tại chỗ cũ, rồi ông rón rén cầm một bình khí oxy đã cạn đứng nép sau cánh cửa.

Ông chẳng phải đợi lâu vì chỉ một phút sau cửa phòng bật mở, và tên đầu tiên bước vào. Stone đợi thêm một lát, đến tên thứ hai xuất hiện, Stone lập tức dùng bình khí đập mạnh vào đầu hắn khiến hắn vỡ sọ mà chết lập tức. Tên còn lại lập tức rút súng ra tự vệ nhưng cũng bị một bình oxy khác bay thẳng vào mắt, làm hắn chúm nhào xuống bàn để dụng cụ, đề lên chiếc mỏ cạp đang dựng sẵn trên bàn. Hắn hét lên khi bị đâm từ sau trong lúc khuôn mặt hắn cũng bắt đầu tím tái. Stone lại giơ bình khí lên lần nữa thẳng vào đỉnh đầu hắn, và hắn nằm đơ ngay trên sàn. Sau đó, ông quăng bình xuống đất, nhanh chóng chạy đến bên Annabelle, tháo dây trói cho cô ta. Cô ta run rẩy đứng dậy, nhìn hai thân thể bất động rồi thốt lên.

“Ông nhớ nhắc tôi đừng làm ông nổi giận nhé”, mặt cô ta vẫn còn

xanh xám.

“Đi thôi, trước khi có kẻ khác đến”.

Họ lao nhanh ra cửa, trèo qua hàng rào, ra đường chính. Nhưng chỉ khoảng vài phút sau, họ phải dừng lại, thở dốc, trong lúc mồ hôi túa ra nhễ nhại trên lớp da cáu bẩn. Họ hít lấy hít để cái không khí trong lành bên ngoài và đi thêm một đoạn nữa trước khi đôi chân mỏi nhừ. Họ dừng lại, tựa lưng vào bức tường gạch của một nhà kho bên đường.

“Chúng lấy điện thoại của tôi rồi”, Stone nói trong lúc tranh thủ hít thêm khí ôxy, “Mà tôi thật sự không còn đủ sức cho mấy chuyện này nữa”.

“Điện thoại của tôi cũng mất, mà tôi cũng mệt nữa”, cô ta trả lời trong hơi thở ngắt quãng. “Oliver này, tôi nhìn thấy Trent trong căn nhà đó, qua gương phản chiếu đấy”.

“Cô có chắc không?”

Cô ta gật đầu, “Chắc chắn là hẳn mà”.

Stone liếc nhìn xung quanh, “Giờ chúng ta phải tìm cách liên lạc với Milton hay Caleb ngay”.

“Sau những gì đã xảy ra à, liệu họ có chịu được không?”

“Tôi cũng không biết”, rồi ông lão đảo đứng dậy không quên chìa tay đỡ Annabelle dậy.

Họ tiếp tục đi cho đến lúc cô ta dừng lại và hỏi nhỏ, “Có phải Jonathan cũng chết theo cách đó?”

Ông ngừng lại, quay nhìn cô ta. “Đúng vậy. Tôi xin lỗi”.

Cô ta co người lại, mắt rướm lệ. “Lạy Chúa”, giọng cô ta run rẩy.

“Vâng, lạy Chúa”, Stone cất giọng an ủi, “Susan này, đáng lý tôi

không nên để cô tham gia vào chuyện này”.

“Thứ nhất tên tôi không phải Susan”.

“Được thôi”.

“Thứ hai, ông nói cho tôi biết tên thật của ông, rồi tôi sẽ nói tên thật của tôi”.

Stone ngần ngừ trong giây lát, “Franklin nhưng bạn bè hay gọi tôi là Frank. Còn cô?”

“Eleanor, nhưng bạn gọi là Ellie thôi”.

“Franklin và Eleanor à?”, giọng ông bông đùa.

“Ông khơi chuyện mà”. Cô ta cười mà mắt vẫn đắm lệ, và rồi cả người cô ta run bần bật. “Ôi, Jonathan”.

Stone với nắm vai cô ta, giữ cô ta khỏi ngã.

“Tôi không thể tin được chuyện này, tôi không bao giờ có thể gặp lại ông ấy”.

“Miễn sao cô còn quan tâm ông ấy là tốt rồi”.

“Tôi chẳng biết mình đang làm gì nữa”.

“Có thể hiểu được mà”.

“Tôi sẽ ổn thôi, tin tôi đi mà, có lúc tôi còn tệ hơn thế này nhiều”.

Khi vừa nói xong những điều này, cô ta bật khóc. Stone kéo Annabelle gần hơn, và dìu cô ta ngồi xuống, nắm chặt tay cô ta để mặc cho nước mắt ướt đầm áo của ông.

Năm phút sau, cô ta ngừng khóc, dù thỉnh thoảng vẫn nấc lên vài tiếng. Đẩy người ra khỏi ông, cô ta lấy tay áo lau đôi mắt sưng húp và chùi mũi.

Cô ta lên tiếng, “Tôi xin lỗi, tôi chưa bao giờ bị mất kiểm soát như vậy cả”.

“Khóc vì mất người yêu đâu có gì là bất thường”.

“Chỉ là vì không... ý tôi là... ông chưa bao giờ...”, cô ta cố tìm cách giải thích.

Stone đưa tay che miệng cô ta lại, thốt lên, “Tên thật của tôi là John Carr”.

Annabelle lặng đi một lát rồi thở phào, “Còn tôi là Annebelle Conroy, rất vui được quen ông, John”. Cô ta hít một hơi thật sâu, “Đây chẳng phải là điều tôi hay làm đâu”.

“Dùng tên thật của cô à? Tôi hiểu mà, tôi đã nói tên cho kẻ muốn giết tôi lúc trước”.

Ông đứng dậy, kéo cô ta theo. Khi ông chuẩn bị quay đi, Annabelle nắm khuỷu tay ông.

“Cảm ơn ông John... vì tất cả”.

Ông có vẻ bối rối trước thành ý của cô ta, nhưng cô ta làm ra vẻ không để ý và tiếp, “Giờ chúng ta phải xem liệu Caleb và Milton có cần giúp không?”

Và họ tiếp tục cuộc hành trình.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 59



Annabelle và Stone gọi điện thoại cho Caleb từ dịch vụ công cộng. Ông ta vẫn chưa hoàn hồn sau vụ phát hiện ra xác chết của ông lão Norman Janklow nhưng vẫn muốn kể lại những chuyện đã xảy ra. Sau đó, Stone gọi Reuben, và họ hẹn nhau gặp mặt tại ngôi nhà an toàn của Stone. Một tiếng sau đó, mọi người đã đông đủ, lắng nghe chuyện

của Stone và Annabelle.

“Mẹ nó”, Reuben chửi đồng, “Cũng may anh nhớ đến cái bình ôxy”.

Caleb và Milton kể tiếp chuyện của họ.

Caleb thêm vào, “Chúng tôi gọi cho cảnh sát bằng thẻ điện thoại, chỉ mất có một tiếng để tìm ra một trạm thôi à, mà ôi trời, tôi nhớ ra là mình đã cầm cái đồ cấm nện, thế nào dấu vân tay cũng còn trên đó”.

Stone hỏi thêm, “Thế anh còn chạm thứ gì khác không?”

Caleb lo lắng, “Cả thanh vịn của cầu thang bên ngoài”, đoạn nhìn sang Milton, “Bởi vì anh bạn yêu quý của tôi góp phần làm tôi giật thót tim. Tôi cũng chạm vào vài thứ trong nhà, nhưng mà không nhớ rõ lắm, thật tình tôi chỉ muốn xóa hết mọi thứ trong đầu”.

“Anh cũng có dấu vân tay tại cơ sở dữ liệu của liên bang chứ?”, Stone tiếp tục.

“Dĩ nhiên rồi”, Caleb thở dài, “Đây không phải là lần đầu cảnh sát mò đến tôi, nhưng tôi tự hỏi liệu có là lần cuối”.

Reuben chen ngang, “Ông lão Norman Janklow có liên quan gì chuyện này nhi?”

Stone trả lời, “Janklow cũng có thể là gián điệp, giống bà English. Suy ra sách ông ta hay đọc cũng có mật mã trên đó”.

Caleb suy luận, “Vậy họ chỉ giả vờ ghét nhau để nguy trang thôi sao”.

Reuben vẫn tiếp tục, “Nhưng sao lại giết Janklow?”

“Nếu ông ta cũng là gián điệp, khi chúng ta tìm ra sự thật về bà Jewell thì chắc chắn sự việc sẽ bại lộ, cho nên chúng phải tìm cách giải quyết êm đẹp chuyện này”, Annabelle lên tiếng, “Có thể chúng đã đưa bà ta đi nơi khác, còn để lại xác Janklow để làm rối tung sự việc”.

“Vậy thì đúng là chúng đã thành công”, Caleb chỉ rõ.

“Chúng ta phải báo cảnh sát thôi”, Milton hồ hởi.

“Và nói gì với họ?” Stone cảnh tỉnh ông ta, “Dấu vết trong quyển sách cũng mất đi rồi, nếu chúng ta báo tới nay xem bị giết khác gì tự nhận đã đột nhập vào nhà Trent. Tôi nghĩ có lẽ hẳn đã báo cảnh sát

về vụ đột nhập rồi đấy”.

Ông nhìn Annabelle. “Mà cho dù cô có nhìn thấy hắn đi nữa, chỉ là việc cô chống lại hắn. Tôi không gọi cho cảnh sát báo về việc xảy ra tại Công ty Cứu hỏa bởi vì tôi chắc chắn rằng khi họ đến đó, xác hai tên kia đã biến mất”. Quay sang Caleb, Stone tiếp tục, “Caleb đến nhà bà Jewell nên chắc chắn dấu vân tay anh ta còn đó, nếu giờ báo cảnh sát, anh ta sẽ bị tình nghi ngay lập tức, thêm vào chuyện, chính quyền từng nhìn thấy Caleb và Reuben trong hồ sơ của mình, chắc gì đám cảnh sát sẽ tin”.

“Quý quái thật”, đó là câu nhận xét duy nhất của Reuben cho cả câu chuyện.

Annabelle lên tiếng, “Thế giờ chúng ta làm gì, ngồi đợi chúng đến à?”

Stone lắc đầu, “Không phải vậy, ngày mai Caleb vẫn đi làm bình thường như không có gì xảy ra. Chắc chắn thư viện sẽ xáo trộn vì chỉ trong một thời gian ngắn mất đi cả giám đốc lẫn độc giả. Anh cứ cố gắng tìm thêm thông tin nếu có thể nhé, Caleb. Tin tức sẽ giúp chúng ta liệu cảnh sát đang nghĩ gì. Nếu chúng có giết Jewell rồi, xác chết sẽ sớm bị phát hiện thôi”.

Milton chen ngang, “Tôi sẽ dán chặt mắt vào màn hình tìm thông tin trên internet. Máy thông tin đó luôn được cập nhật trên mạng”.

Stone tiếp tục nói, “Bob Bradley, Jonathan DeHaven, Cornelius Behan và giờ là Norman Janklow đều bị sát hại. Tôi tin rằng Bradley bị giết vì ông ta ép buộc Albert Trent rời khỏi cái ghế làm nhân viên tình báo. Nếu tôi không làm, thì Trent không thể thực hiện điều đó vì hắn đang sử dụng công việc tình báo để trao đổi

thông tin mật. DeHaven bị giết vì ông hoạt động tại phòng đọc nơi trao đổi thông tin mật hay có liên quan đến kế hoạch nào đấy và buộc phải im lặng. Tương tự với ông lão Norman Janklow, nói cách khác cũng là tay gián điệp. Behan bị sát hại bởi vì hắn phát giác ra một trong số thiết bị của mình là công cụ giết DeHaven và phải tiến hành điều tra. Trent có tay trong ở công ty này, và có lẽ đã được báo cáo về sự nghi ngờ này cho nên ra tay thủ tiêu Behan trước”. Caleb thắc mắc, “Nhưng tại sao Jonathan, Jewell English và cả Norman Janklow lại vướng vào tổ chức gián điệp nhỉ? Ai mà lại nghĩ ra chuyện lấy phòng Sách Quý Hiếm làm nơi trao đổi thông tin mật với nhau chứ?”

Stone giải thích, “Bởi vì người ta hay suy luận điều đó không thể là kế hoạch hay ho được. Và anh nên nhớ rằng, thường mấy tay gián điệp hay bị bắt bởi vì trong suốt quá trình bị điều tra theo dõi, họ hay trao đổi thông tin ở những nơi công cộng. Còn ở đây, chúng ta có thông tin trong phòng Sách Quý Hiếm, khó có thể theo dõi được, ai mà lại nghi ngờ chuyện ông lão bà lão đến đọc sách rồi đi về chứ”.

Caleb vẫn không buông tha, “Nhưng anh cũng cần phải tìm hiểu các thông tin mà Trent đang tìm cách mua bán được chuyển tải ra sao trong thư viện. Rõ ràng hắn không phải là người đánh dấu những chữ đó, và Jonathan càng không thể dùng quyền sách của tác giả Beadle vì ông ta đã chết trước đó”.

“Tôi đồng ý, và đó cũng là phần chúng ta cần tìm ra lời giải. Phần quan trọng nhất bởi vì đó là cứu cánh cho cả câu chuyện. Nếu Janklow, English và DeHaven là gián điệp, chắc chắn phải có bằng

chứng đầu đó”.

Milton tiếp lời, “Chúng tôi đã lục soát nhà DeHaven mà không tìm được gì cả”.

“Tôi thì tìm đến nhà bà Jewell, chỉ thấy mỗi xác chết”. Caleb rung mình nhớ lại.

Stone gật đầu, “Có thể nhà Norman Janklow có gì đó”.

Reuben phản đối, “Vấn đề duy nhất là đám cảnh sát đang dày đặc ở đó, cũng như chỗ bà English vậy”.

Stone tổng kết, “Tình hình ngày càng trở nên nguy hiểm, và chúng ta phải rất cẩn thận. Tôi yêu cầu chúng ta phải hành động đôi”.

Caleb, anh có thể ở lại nhà Milton, ở đó có hệ thống an ninh khá tốt. Reuben, tôi sẽ đến chỗ anh vì cũng có vài kẻ biết chỗ của tôi rồi”. Ông nhìn sang Annabelle, “Cô có thể ở chung với chúng tôi”.

Reuben có vẻ hào hứng, “Nhà tôi cũng chẳng có gì đẹp đẽ cả, nhưng có nhiều bia, khoai tây, và cả một cái tivi plasma màn hình rộng, tôi còn biết nấu món ớt cay nồng nữa đấy. Về phía canh gác bảo vệ, thì tôi có một nòng chó bull1 gọi là Delta Dawn, trung thành, sẵn sàng lăn xả vào kẻ thù”.

“Tôi nghĩ tôi sẽ ở lại khách sạn của mình, và tự biết lo liệu, đừng lo cho tôi”.

Stone hỏi lại lần nữa, “Cô chắc chứ?”

“Tôi chắc mà, cảm ơn vì lời mời, tôi thuộc tuýp người thích một mình mà”, cô ta tránh ánh mắt của Stone.

Khi cuộc họp kết thúc, Stone chặn cô ta lại lúc cô ta chuẩn bị đi và hỏi, “Cô có sao không?”

“Tôi bình thường, sao lại không nhỉ? Chỉ là một ngày như mọi

ngày”.

“Nhưng gần cái chết không phải là thứ thường ngày”.

“Có thể vậy mà cũng có thể không”.

“Được rồi, thế cô có muốn tiếp tục vụ Albert Trent không?” Thấy cô ta ngần ngừ, ông giải thích, “Ý tôi không phải là đột nhập vào nhà hắn mà là theo dõi hắn”.

“Ông nghĩ hắn vẫn lảng vảng đâu đó à?”, cô ta hỏi.

Stone gật đầu, “Chúng chẳng biết chúng ta biết hay không biết gì. Tôi đoán chúng sẽ án binh bất động đợi thời cơ. Nếu bây giờ hắn ra khỏi thành phố, sự việc sẽ chấm dứt. Nếu đây là một đường dây gián điệp, chúng sẽ tìm cách gỡ gạc, rõ ràng chúng đã phải gây dựng rất lâu để được như vậy”.

“Bọn này không phải chỉ biết chơi đùa nhỉ?”

“Tôi cũng không”, Stone trả lời cộc lốc.



Roger Seagraves nổi cáu hoàn toàn. Trong lúc ông lão Janklow đã phải hy sinh để che dấu sự việc và giúp ngăn chặn một nhân chứng thì bà lão English đang yên ổn tại một nơi nào đó cách xa D.C. Tuy nhiên, vì bà ta đã mất mắt kính và làm bại lộ mọi chuyện cho nên hắn cũng chẳng để cho bà ta tồn tại quá lâu. Đó là tin tốt. Tin xấu là gã Oliver Stone và mụ đàn bà đã trốn thoát, làm thiệt hại thêm hai người về phía hắn. Gã 666 đó đã may mắn thoát khỏi cửa tử thần,

mà còn hạ gục hai gã kia. Điều đó quả là ấn tượng, đặc biệt là đối với một tay gần sáu mươi tuổi như gã. Seagraves cảm thấy giận bản thân vì đã không giết gã khi có cơ hội. Hắn đã thu dọn xác chết tại Công ty Cứu hỏa nhưng hiện tại đám cảnh sát đang lúc nhúc trong nhà Jewell. Cũng may, bà ta chẳng để gì ở nhà, cả chỗ Janklow cũng thế. Tuy vậy, kế hoạch hoàn hảo của Seagraves hoàn toàn bị phá sản.

Bây giờ hắn chỉ có một mục tiêu duy nhất, đó là tìm ra đầu mối sự việc và kết liễu nó. Hắn cầm lấy cái áo sơ mi cũ của Stone lên khỏi bàn, cả đồng hồ lấy của Annabelle. Hắn tự hứa với lòng rằng chúng vẫn thuộc về bộ sưu tập của hắn.



Chú thích

1. Bulldog là loài chó có nguồn gốc từ loài chó bull chọi, có tên là Bulldog 1630, chính bản thân bulldog cũng là một loài chó chọi.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 60



ã thức dậy, vươn vai, nằm lãn sang một bên và liếc nhìn về hướng cửa sổ. Trời vẫn trong vắt như ngày hôm qua, vẫn là một ngày nắng đẹp, với gió biển thoảng nhẹ tạo cảm giác thư thái cho mọi sự vật. Gã ngồi dậy, lấy khăn quấn quanh người rồi bước đến bên cửa sổ. Ngồi biệt thự tọa lạc tại một mảnh đất rộng vài mẫu bao gồm bãi

biển cát trắng chạy dài và bao bọc bởi đại dương xanh biếc kia là của gã, theo hợp đồng thuê một năm, nhưng gã đang có ý định mua đứt nó luôn. Khu nhà nghỉ riêng biệt này có nhiều tiện ích như hồ bơi, hầm rượu, sân quần vợt và cả ngôi nhà nhỏ và ghé nằm, hữu ích hơn mức cần thiết nếu chỉ dành cho phơi khô sau khi tắm vì gã ít khi nào tắm một mình mà cũng ít khi mặc đồ tắm. Trong ga-ra rộng, đang đậu hai chiếc Maserati hai chỗ và một chiếc Ducati mà gã hay dùng để lái dạo chơi. Gã thuê một đầu bếp, một người giúp việc và cả người làm vườn với chi phí rẻ hơn cả cái căn hộ ở Los Angeles

mà gã từng sống. Gã hít một hơi dài, gã muốn sống trọn cuộc đời còn lại ở nơi này.

Gã đã không nghe theo lời của Annabelle về việc vung tiền, nhưng những nơi như thế này chỉ thích hợp cho kẻ có tiền. Gã đã xem qua danh sách về một loạt những ngôi nhà hay ho trên mạng chỉ sau khi Annabelle bảo đó là số tiền triệu đôla trước khi bắt tay vào cú lừa. Khi có nhà rồi phải có “đồ chơi” đi chung với nó. Gã chẳng sợ chuyện Bagger sẽ tìm ra vì tên đó có bao giờ biết hẳn là ai, và lại trên thế giới này thiếu gì những tay nhà giàu còn trẻ trung như gã. Tóm lại, gã thật cừ, thật tuyệt.

Tony nghe tiếng bước chân cô gái đang lên cầu thang và quay vào giường, cởi khăn ra. Khi cô ta mở cửa, gã thấy cô ta mang theo một phần ăn sáng chỉ dành riêng cho gã. Cũng thật lạ, cô ta đã ở với gã ngày thứ hai rồi mà vẫn không dùng chung bữa sáng, có thể vì cô ta biết phận sự làm hầu gái của mình.

“Bữa sáng có trứng ốp-la, nước cam, tostada1 và cà phê sữa nhé, thưa ngài”, Cô ta cất giọng Tây Ban Nha ngọt ngào.

“Và cả em nữa”, gã mỉm cười, kéo cô ả về phía mình sau khi đặt khay xuống bàn kế giường. Cô ta hôn gã rồi để gã hôn lại tới tấp. Gã sờ soạng khắp vùng thân thể của cô ả, từ bên trên rồi xuống đến vòng eo thon gọn, tiếp xuống nữa, xuống nữa.

“Ngài có đói không?”, giọng cô ả bồn chồn.

“Ôi đói mà”, gã thì thào nói vào tai ả.

Gã xoay người, đùa cợt với cô ta. “Camrmela, em làm anh phát điên đấy”, gã bật thốt lên.

Cô ả vùng dậy, kéo vai hắn, thân hình hắn đè lên người ả.

Thình lình cánh cửa bật mở, đập vào tường làm cho cặp nam nữ giật mình trong lúc tự tình. Bốn tên to cao lực lưỡng bước vào tiếp theo sau là một tên khác cũng với bờ vai rộng trong trang phục lịch sự, áo sơ mi có cổ và ánh mắt đặc thẳng có vẻ tinh quái.

Jerry Bagger cất tiếng trước, “Chào Tony, chú mày có căn nhà đẹp quá nhỉ, tao thích lắm. Rõ ràng chú mày biết tiêu xài ra phết khi sử dụng tiền của người khác đấy”.

Hắn ngồi xuống giường trong lúc cô ả Carmela sợ chết khiếp phải lấy chân trùm người lại.

“Này em yêu, em đừng làm thế”, Bagger vẫn tiếp tục nói, “Em đẹp lắm, tiếng Tây Ban Nha nói thế nào nhỉ, à, là bonita! Đúng rồi, cô em xinh đẹp, quý cái”. Hắn ra hiệu cho một tên vệ sĩ, tên này nhắc bổng Carmela, khiêng ả đến gần cửa sổ rồi ném ả ra ngoài. Họ cùng lắng nghe tiếng hét dài và rồi một âm thanh “thịch” thật to vọng từ dưới cửa sổ.

Bagger cầm ly nước cam trên bàn và một hơi uống sạch. Hắn lau miệng bằng khăn rồi tiếp tục, “Tao uống nước cam mỗi ngày. Mày biết tại sao không? Vì có nhiều can-xi. Giờ tao sáu mươi sáu tuổi rồi mà mày thấy tao ra sao? Nhìn này, cơ bắp này, mày thử sờ vào xem”. Hắn gồng tay lên, nhưng Tony gần như không nói được lời nào.

Bagger giả bộ ngạc nhiên, “Sao chú mày có vẻ buồn thế? À, vì cô nàng xinh đẹp bay ra khỏi cửa sổ sao? Đừng lo mà”. Hắn nhìn tên vệ sĩ đã quăng cô nàng kia, “Này, Mike, mày nhắm vào hồ bơi phải không, giống như bộ phim về điệp viên James Bond phải không? Mà phim nào nhỉ?”

“Kim cương vĩnh cửu, thưa ngài Bagger”, Mike lập tức trả lời. Bagger mỉm cười, “Đúng thế, Kim cương vĩnh cửu. Mẹ kiếp, tao thích mấy cái bộ phim chết tiệt đó ghê. Đó là bộ phim với cái con mụ gì đó, trong bộ áo tắm bé xíu đó mà. Stephanie Powers à?”

“Dạ, Jill St. John, thưa ngài Bagger”, Mike nhã nhặn sửa lời.

“Đúng thế, tao luôn bị nhầm hai ả đó với nhau, mà mấy ả đấy giống nhau khi trên người không mặc gì. Cũng hay nhỉ”.

“Tôi đã không thành công khi ném vào hồ lần này, thưa ngài Bagger”, Mike thành thật.

“Nhưng mà cố gắng đó mới là điều quan trọng”. Hấn quay lại Tony, “Đúng không Tony?”

Tony rõ ràng là không đủ sức để nói gì cả.

“Hơn nữa, cách này vẫn còn đỡ hơn, vì mà mày biết chuyện gì xảy ra với hai lão khốn dưới nhà không? Mày không thể tin được đâu chúng chỉ có đồ nhào mà chết thôi, cho nên rõ ràng con ả xinh đẹp này chẳng thể một mình tận hưởng cái nơi xinh đẹp như vậy. Tao cứ xem như là cứu vớt đời nó, Tony nhỉ?”

Tony gật đầu một cách khó khăn.

“Bây giờ hãy thử xem cơ bắp của tao nào. Tao muốn mày biết sức mạnh tao có được”.

Chẳng thèm đợi Tony làm theo, Bagger nắm và đưa tay gãi chạm vào những thớ thịt cuộn cuộn trên cánh tay. “Mày thấy nó có cứng cáp không, Tony? Mày có biết tao mạnh thế nào không Tony? Mày rõ chưa?”

Tony van nài, “Xin đừng giết tôi, thưa ngài Bagger. Xin đừng, tôi xin lỗi ngài”.

Bagger bóp chặt tay của Tony rồi buông ra, “Thôi nào, đừng thế, việc van xin làm mày yếu hèn lắm, mà cái cú lừa đó quả là tuyệt hảo. Tất cả những tay trong thế giới cờ bạc đều biết bọn bay đã thực hiện thành công phi vụ với con số bốn mươi triệu đôla”.

Bagger nhìn về hướng khác, hít một hơi dài lấy bình tĩnh, rõ ràng là đang nén lòng không chặt gã trai trẻ này thành từng mảnh, ít nhất là trong vài phút.

“Nhưng trước tiên, chúng ta đi thẳng vào vấn đề nhé, tao muốn mày hỏi tao xem làm cách nào mà tao tìm ra mày nhỉ. Tao muốn mày biết tao là kẻ thông minh thế nào, và mày ngu ngốc ra sao. Hỏi tao xem nào, Tony, sao tao kiếm ra mày, tất cả những chỗ chết tiết mày từng đến sau khi đã cho tao một cú?”. Bagger tóm lấy cổ Tony, kéo hẳn lại gần, “Hỏi tao xem nào, thằng chết tiết”. Đường gân xanh ở thái dương hẳn hiện rõ trong con tức giận.

Tony lập tức ngập ngừng, “Làm sao ngài tìm được tôi vậy thưa ngài Bagger?”

Bagger dùng tay đẩy vào ngực Tony khiến gã lão đảo ngời phịch xuống giường, và rồi tên chủ sòng bài đứng dậy, đi tới đi lui. “Tao rất vui mày đã hỏi, việc là thế này, con quỷ cái đã soạn ra kế hoạch lừa tao vào tròng đã theo dõi tao đêm đầu tiên và làm ra vẻ tao đang bị giám sát. Cách duy nhất để nhìn vào văn phòng tao là thuê một phòng nào đấy trong cái khách sạn hai mươi ba tầng đối diện mà thôi. Thế là tao vào đấy, hỏi thăm tin tức những kẻ đã ở tại ngay tầng đấy, tao kiểm tra từng tên trong danh sách một”.

Hắn dừng lại, và cười tươi nhìn Tony, “Tao tìm ra mày, mày cũng khôn ngoan khi dùng tên giả tại khách sạn, nhưng mày cũng có sai

sốt trong khi con quý kia và thằng đồng bọn của nó thì không. Đó là lý do tao không tìm ra được bất cứ thông tin gì về chúng, vì chúng chẳng để lại quái gì cả”. Bagger chỉ thẳng tay vào Tony, “Nhưng mày thì có, tao tìm ra thông tin về mày qua cô ả mát-xa yêu kiều, người bạn tình của mày, nhưng mày chui vào phòng tắm nôn thốc nôn tháo. Trong lúc đó, con mụ kia mò mẫm ví của mày, kiếm thêm vài đồng thay cho cái tờ tiền ít ỏi mày đưa cho ả. Đó cũng là lý do ả tìm thấy bằng lái xe với tên thật của mày, mày cũng hơi ngu khi cất đồ trong đó đấy Tony”.

“Vậy là trong khi mày nghĩ ả điếm đó chỉ tốn mất một trăm đôla thì hóa ra cái giá thật phải trả cao hơn nhi, thậm chí ả nói cho tao biết mọi thứ mà chỉ nhận được phần cũng chẳng đáng kể lắm. Nay Tony, bài học cho mày nhé, đừng bao giờ tin những ả điếm, chúng lừa mày thôi”.

Hắn ngồi xuống cạnh Tony, lúc này đang thút thít khóc, “Mày cũng tài lắm, Tony, người giỏi giang có thể làm mọi thứ với cái máy tính quý quái, nào là phần mềm gián điệp lên hệ thống điện chuyên tiền của tao, cướp đi bốn mươi triệu. Thật đại tài, tao phải tiêu tốn rất nhiều, mua chuộc, kiểm tra bạn bè mày, gia đình mày, theo dấu vài cú điện thoại mày gọi về nhà, giết vài tên bất hợp tác, và giờ tao và mày đang ngồi đây với nhau trên một bãi biển đầy nắng của Tây Ban Nha, hay cái nước Bồ Đào Nha quý quái hay là nơi chết tiệt nào đó”. Hắn vỗ chân Tony.

“Rồi, tao thấy thoải mái hơn rồi, chúng ta tiếp tục thôi”. Hắn ra hiệu cho một tên cận vệ rút một khẩu súng lục ra khỏi vỏ, gắn nòng giảm thanh vào, nhét đạn vào ổ rồi đưa cho Bagger.

“Xin dừng, xin dừng”, Tony lấp bắp trước khi Bagger buộc gã ngưng bật bằng cách tống mạnh khẩu súng vào miệng gã, làm gãy hai cái răng cửa.

Hắn chặn tay ngang khí quản của Tony, đè gã xuống giường và tay chạm vào cò súng, “Rồi, chú em, đây là thương lượng, mày vẫn còn một cơ hội. Một cơ hội duy nhất”, hắn chậm rãi nhắc lại, “Và chỉ vì tao cảm thấy phải rộng lượng, tao cũng chẳng biết tại sao, có lẽ tính tao đằm thắm hơn khi tuổi về già”. Hắn ngừng lại, liếm môi và tiếp, “Con quỷ cái đó, tao muốn biết tên nó và tất cả những thứ mày biết về nó, nếu mày nói ra, mày có thể sống sót”. Hắn nhìn xung quanh căn phòng ngủ rộng, “Không phải ở đây, không phải bằng tiền của tao, nhưng mày sẽ sống, còn nếu không nói?”. Bagger đột ngột rút súng ra khỏi miệng Tony, lúc này đã dính máu me và cả một ít răng, “Mày nghĩ tao sẽ bắn mày à?”. Bagger cười lớn, “Không đâu, chẳng ai làm thế cả, nhanh quá”. Hắn đưa súng cho thuộc hạ, trong lúc Mike trao cho hắn một con dao nhỏ.

“Chúng tao làm mấy chuyện này từ từ thôi, cũng luyện tập lâu rồi”, Rồi hắn giơ tay còn lại ra nhận một bao tay bằng nhựa từ tên thuộc hạ khác.

Bagger tiếp tục, “Mày chẳng phải dùng nhiều mấy cái loại bao tay này trừ phi mày không muốn để lại vân tay nhi. Nhưng thời buổi bây giờ, mấy cái bệnh lây nhiễm nhan nhân nên phải thận trọng, ngay cả với con ả xinh đẹp lúc nãy, làm sao mày biết ả thế nào trước khi mày tình tự với ả? Tao mong mày có chút tinh táo”. Bagger vói tay xuống hạ bộ của Tony và kéo mạnh.

Tony thét lên vì đau đớn, nhưng tay chân của Bagger giữ chặt hắn.

Bagger nhìn Tony một lát rồi nhận xét, “Thật tình tao chẳng biết con mụ kia thích mày vì điểm gì”. Hấn gờ dao lên, “Rồi, tên con quỷ cái đó, tiền của tao ở đâu, và mọi thứ. Rồi mày được sống, nếu không tao xử cái này của mày trước, đau lắm đấy. Sẽ ra sao Tony nhỉ? Mày có năm giây, nhớ là tao mà cắt rồi là chẳng dừng lại đâu”. Tony mấp máy môi.

“Cái gì? Tao không nghe rõ”.

“Anna...”

“Nói lớn lên, thằng ngu kia, tao chẳng nghe rõ”.

Gã gào lên, “Annabelle!”

“Annabelle? Annabelle gì?”, Bagger cũng gào lại, văng cả nước miếng ra ngoài.

“Annabelle... Conroy. Con gái của Paddy Conroy”.

Bagger từ từ hạ dao xuống, buông tay. Hấn đưa dao cho thuộc hạ, rồi tháo bao tay ra, đoạn hấn đến bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Hấn còn chẳng thèm nhìn xác cô ả Carmela, thân thể nát như trên một con sư tử đá cạnh cửa sau. Hấn đang nhìn thẳng ra biển.

Annabelle Conroy? Hấn không bao giờ nghĩ rằng Paddy lại có con, nhưng rõ ràng mọi chuyện có lý hơn. Con gái của Paddy Conroy đã ở trong sòng bạc của hấn, trong văn phòng của hấn, chơi đùa hấn và cho hấn một vỏ còn đau hơn cả cha của ả.

Được rồi Annabelle, tao đã xử mẹ mày, rồi sẽ đến lượt mày.

Hấn bẻ tay, quay lại, nhìn thấy Tony lúc này mồm miệng vẫn đầy máu, nằm phục trên sàn, tay ôm hạ bộ. “Còn gì nữa?”. Hấn gằn giọng, “Nói ra mọi thứ, và mày phải thờ đấy nhé”.

Tony kể cho hấn nghe, kết thúc bằng chuyện Annabelle căn dặn

hắn nên giữ kẽ và không phung phí tiền bạc bất kỳ nơi nào.

Bagger nhận xét, “Mày phải nghe lời con mụ đó”. Hắn búng tay, “Rồi, bọn bây, làm việc nào, chúng ta chẳng có cả ngày ở đây đâu”.

Một trong những tên thuộc hạ mở va-ly hắn mang theo và lôi ra bốn cây vợt bóng dã chà. Hắn đưa cho ba gã kia. Khi chúng bắt đầu giờ cao gậy, Tony hoảng hốt, “Nhưng ngài nói nếu tôi kể cho ngài nghe, ngài sẽ cho tôi sống mà, ngài đã nói thế mà”.

Bagger nhún vai, “Đúng rồi, sau khi đám đàn em tao xong việc, thì mày vẫn sống đây. Tao là Jerry Bagger, tao giữ lời lắm”.

Khi hắn bước ra ngoài, hắn nghe tiếng chà nện đầu tiên làm gãy chân phải của Tony. Bagger huýt sáo, khép cửa lại, và xuống dưới nhà tìm một cốc cà phê nóng.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 61



áng hôm đó, thư viện gần như náo loạn, cả tòa nhà Jefferson rung động với cái tin Norman Janklow bị ám hại chỉ sau cái chết của DeHaven không lâu. Khi Caleb đến nơi làm việc thì cảnh sát và FBI đang chốt vắn mọi người. Caleb cố gắng trả lời thật ngắn gọn, thậm chí ông cảm thấy căng thẳng khi hai gã thám tử đưa lại chìa khóa

vào nhà DeHaven lần trước cũng có mặt ở đó. Hai gã có vẻ giám sát ông thật chặt. Liệu có ai thấy ông mò vào nhà bà Jewell? Và lại còn chuyện Reuben đã được thả ra ngay lúc này. Liệu họ có nghi ngờ luôn cả anh ấy? Cũng không biết được.

Kế đến, ông nghĩ về quyển sách của Beadle mà Annabelle đã lấy trộm. Ông mang nó theo ngày hôm nay, dù việc đó không quá khó nhưng Caleb cảm thấy căng thẳng. Bảo vệ không kiểm tra túi xách mang vào, chỉ kiểm tra túi mang ra, và chỉ có khách viếng thăm mới phải qua hệ thống tia X-quang. Nhưng sự xuất hiện của đám cảnh

sát làm ông thấy e ngại, ông thở phào nhẹ nhõm khi cuối cùng cũng hoàn thành xong việc chất vấn và cất quyển sách tại bàn làm việc của mình.

Khi một người bảo quản sách xuất hiện cùng vài quyển sách đã được sửa chữa để mang vào phòng sách, ông xung phong làm điều đó vì đây là cơ hội tuyệt vời giúp ông đặt quyển Beadle lên giá sách. Ông gộp tất cả sách lại thành một chồng, rồi đi vào phòng sách. Ông cất những quyển được bảo quản trước rồi sau đó đến khu Sách Quý Hiếm nơi cất giữ quyển của Beadle. Tuy vậy, khi ông nhét quyển sách lên kệ, ông để ý thấy vết băng dính Annabelle dùng để quấn quanh chân đã làm rách một góc nhỏ bìa khi cô ta tháo ra.

“Hay đấy, may cứ nghĩ cô ta sẽ cẩn thận hơn, cho dù cô ta trộm quyển sách trước tiên”, ông lầm bầm. Rốt cuộc rồi ông cũng phải mang quyển Beadle vào khu bảo quản. Sau đó ông rời khỏi phòng đọc, điền vào mẫu cần thiết và nhập dữ liệu yêu cầu bảo quản sách vào máy tính rồi đi theo đường hầm đến tòa nhà Madison, không dám nhìn lại căn phòng nơi có những xilanh khí đã giết hại Jonathan DeHaven. Khi đến nơi, ông đưa quyển sách cho Rachel Jeffries, một nhân viên bảo quản tận tâm và nghiêm túc.

Sau khi nói vài câu với cô ta về những tin tức nóng hổi vừa xảy ra, ông quay lại phòng đọc và ngồi xuống bàn. Ông nhìn khung cảnh xung quanh, rộng rãi, sạch đẹp, nơi thích hợp để suy tư, và bây giờ thật vắng vẻ vì đã có hai vụ án mạng xảy ra.

Ông giật nảy mình khi cửa phòng bật mở và Kevin Philips bước vào, vẻ hốc hác, mệt mỏi. Hai người nói chuyện một lát với nhau

rồi Philips kể cho Caleb nghe về ý định xin từ chức của mình, “Tôi cảm thấy căng thẳng quá, tôi đã mất mười pound từ hồi Jonathan chết, rồi sau đó xảy ra vụ giết hại hàng xóm của ông ta, và giờ là cái chết của Janklow nữa, chắc chắn cảnh sát phải nghi ngờ rồi”.

“Có lẽ họ đúng”.

“Anh nghĩ chuyện gì đang xảy ra thế này, Caleb? Ý tôi, đây là thư viện, những chuyện đại loại như vậy không nên xảy ra ở đây tí nào”.

“Tôi ước mình biết để mà nói cho anh nghe”.

Sau đó Caleb gọi cho Milton, ông ta lúc nào cũng bám chặt vào các phương tiện thông tin đại chúng. Ông ta kể lại rằng vẫn còn nhiều nghi vấn về cái chết của Janklow, nhưng không có tường thuật gì thêm. Căn nhà mà Jewell English đang ở do bà ta thuê hai năm trước, còn mối liên hệ giữa họ chỉ là thông qua những lần đến phòng đọc sách mà thôi. Bà English cũng đang mất tích, chẳng tìm ra được thông tin gì về lý lịch của bà ta cả. Rõ ràng bà ta không đơn giản tí nào, và cả Janklow cũng vậy.

Đúng là đáng ngạc nhiên ghê, Caleb nghĩ bụng khi ông gác máy điện thoại. Mỗi lần cửa phòng đọc mở, Caleb lại cứng người. Căn phòng trước đó là một nơi yên bình, tĩnh lặng thì giờ giống như cơn ác mộng đang hoành hành. Ông chỉ muốn ra khỏi chốn nghẹt thở này. Nghẹt thở! Lạy Chúa, đó là một từ không may mắn. Ông vẫn phải ở lại để làm đúng trách nhiệm của ông, cho dù ông có là người yếu ớt và thiếu cương quyết trong mọi vấn đề cuộc sống, nhưng ông lại đam mê công việc. Tuy vậy, hôm nay trong phòng đọc không có ai cả. Cũng không có gì đáng ngạc nhiên, vì vậy, cũng tạo cho Caleb có

cơ hội hoàn thành vài nhiệm vụ. Ông cảm thấy đói bụng và quyết định đi ra ngoài ăn một cái bánh xăng-đuých.

“Anh Foxworth phải không ạ?”, Caleb lên tiếng chào khi thấy người đàn ông cao lớn, điển trai đi về phía ông bên ngoài tòa nhà Jefferson.

Seagraves gật đầu, mỉm cười. “Vui lòng gọi tôi là Bill. Tôi đến gặp anh ngày hôm nay đây”. Thật ra Seagraves đã đợi Caleb bước ra ngoài.

“Tôi tính đi mua một cái bánh xăng-đuých, anh cứ vào phòng đọc, thế nào cũng có người tiếp đón anh thôi”.

“Thật tình tôi tự hỏi liệu anh có muốn xem qua mấy quyển sách của tôi không?”

“Sao cơ ạ?”

“Bộ sưu tập của tôi, hiện trong văn phòng, cách đây vài dãy nhà. Tôi là nhà vận động hành lang, chuyên ngành công nghiệp dầu khí. Do tính chất công việc, tôi đặt văn phòng tại điện Capitol này”.

“Tất nhiên rồi”.

“Anh có thời gian rảnh chứ? Tôi cũng có vài câu muốn hỏi anh”.

“Sẵn sàng thôi, nhưng chắc tôi phải ghé ngang mua đồ ăn vì tôi vẫn chưa ăn trưa”.

“Được rồi, nhân tiện tôi cũng có thể kể cho anh nghe về việc kiểm định sách trong năm ngày của hai tác giả Ann Radcliffe và Henry Fielding”.

“Hay quá, sách nào vậy?”

“Quyển Tình Sử Rừng Già của nhà văn Radcliffe và quyển Những cuộc phiêu lưu của Joseph Andrews”.

“Những tác phẩm hay đấy, Bill ạ. Radcliffe là bậc thầy về huyền thoại Gô-tích. Nhiều người cứ cho rằng những tác giả viết truyện kinh dị dễ cấu gắp ư, có lẽ vì họ chưa đọc truyện của Radcliffe đấy. Truyện của bà ta vẫn có thể làm anh sợ xanh mặt. Quyền Joseph Andrews là một tiểu thuyết nhạt lại tác phẩm Pamela của nhà văn Richardson. Fielding đã mỉa mai rằng ông vẫn luôn là một nhà thơ thực thụ, cho dù danh tiếng nổi như cồn trong các tác phẩm văn chương và kịch nghệ. Người ta kể lại rằng vở kịch Tom - ngón tay cái là một tác phẩm nổi tiếng của ông, nó đã giúp cho nhà văn Jonathan Swift cười lần thứ hai trong đời đấy”. Caleb bật cười rồi tiếp, “Tôi chẳng biết lần thứ nhất thế nào, nhưng cũng có vài giả thuyết”.

“Hay quá”, Seagraves nhận xét trong lúc họ đi dọc trên đường.

“Vấn đề là tay đầu nậu sách tôi gặp ở thành phố Philadelphia ca cẩm đây là quyền xuất bản đầu tiên, giấy tờ cũng có ghi rõ ràng và hướng dẫn cụ thể nhưng tôi vẫn cần ý kiến của chuyên gia thêm. Mấy quyền này đâu có rẻ gì”.

“Tôi hiểu mà, tôi sẽ xem xét chúng và nếu tôi cũng không có câu trả lời tôi có thể giới thiệu cho anh vài người khác có chuyên môn hơn”.

“Anh Shaw này, tôi thật biết ơn anh về điều đó”.

“Cứ gọi tôi là Caleb”.

Caleb dừng lại mua một bánh xăng-đuých ở cửa hàng bán thức ăn nhanh trên đại lộ Độc lập cách tòa nhà Madison một dãy nhà, rồi cùng Seagraves hướng về khu văn phòng của hắn. Nó nằm ở khu sầm uất, nhưng họ phải đi từ phía hẻm sau. “Họ đang làm lại dãy

hành lang, nhưng chúng ta có thể đi thang máy từ tầng hầm lên văn phòng của tôi”, Seagraves nói.

Trong lúc đi, Seagraves liền thoáng về kế hoạch mua sách cũ và tạo ra một bộ sưu tập cho riêng mình.

“Cần phải có thời gian”, Caleb trấn an. “Tôi có cổ phần trong một hiệu sách hiếm tại khu phố cổ Alexandria, bang Virginia. Nếu rảnh, mời anh đến nhé”.

“Tôi sẽ đến”.

Seagraves dừng lại trước một cánh cửa tại đường hẻm, mở khóa và mời Caleb bước vào trong. Hắn đóng sập cửa lại và lên tiếng,

“Thang máy ngay tại góc kia”.

“Vâng. Tôi nghĩ...”

Caleb chẳng kịp nói lên điều ông đang suy nghĩ, vì ông đã gục xuống sàn, bất tỉnh. Seagraves đứng phía sau ông, tay cầm dùi cui mà hắn đã giấu sau cánh cửa, hắn không nói dối, đúng là hành lang của tòa nhà đang được tu sửa, và tòa nhà thật ra đã được đóng cửa để chuẩn bị cho việc xây dựng trong một tuần nữa.

Seagraves trói gô Caleb rồi khiêng ông để vào thùng đang mở nắp phía góc phòng trước khi tháo chiếc nhẫn đeo ở ngón giữa của Caleb. Hắn đóng sập thùng lại rồi gọi điện thoại. Năm phút sau, một chiếc xe tải trở đến, cùng với sự giúp đỡ của tên tài xế, cả hai nhấc bổng thùng để vào thân xe. Chúng leo lên xe và chạy đi.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 62



Annabelle đến đón Stone trước khi bình minh ló dạng, họ cùng chạy về hướng nhà của Trent và đậu xe tại một nơi có thể quan sát được lộ trình của hắn. Chiếc xe hơi Annabelle thuê, họ để lại cho Reuben dùng, thay vào đó họ lái chiếc xe tải chở hàng chạy bằng pin của ông ta để tiến hành giám sát vì lý do nó thích hợp cho một vùng nông thôn

nuôi ngựa hơn chiếc xe Chrysler Le Baron của cô ta. Dù sao thì nó vẫn còn đậu lại ở một con đường cẩu bần cách họ bốn trăm yard từ lúc họ bị bắt cóc đến giờ. Chiếc xe mà Reuben đang dùng cô ta vừa thuê tại phi trường Dulles.

Stone nhìn qua ống nhòm, trời vẫn còn tối, lạnh và ẩm ướt, khi máy xe ngừng cũng là lúc cảnh vật trở lại với vẻ tĩnh mịch vốn có.

Annabelle rúc sâu vào áo choàng, trong lúc Stone có vẻ thờ ơ với sự vật xung quanh. Phải rất lâu họ mới thấy một chiếc xe chạy qua, ánh đèn xe chiếu xuyên qua lớp sương mù vẫn còn chưa tan hẳn.

Stone và Annabelle phải cúi thấp xuống ca-bin khi nó chạy ngang. Tay tài xế ngồi ngủ đang vừa nghe điện thoại, nhấp cà phê vừa đọc báo để ngay trên vô-lăng xe. Một giờ sau, khi bình mình lên, Stone thành linh nghiêm giọng, “Đến rồi”. Một chiếc xe lái từ hướng nhà Trent, khi đến chỗ rẽ, nó chạy chậm lại, Stone tranh thủ đưa ống nhòm lên nhìn về hướng tài xế.

“Đó là Trent”.

Annabelle nhìn xung quanh khu vực vắng vẻ, “Nếu theo đuôi hần, hần biết liền đây”.

“Chúng ta cũng phải thử thôi”.

May thay, vào lúc đó có một chiếc xe khác trở tới, trên xe là một bà mẹ và ba đứa con nhỏ phía sau. Trent chạy vượt lên chiếc xe này. Stone nói nhanh, “Được rồi đây, chiếc xe đó sẽ che cho chúng ta. Nếu hần có nhìn qua kính chiếu hậu cũng chỉ thấy họ, nhanh lên”. Annabelle lập tức vào số và bám sát chiếc xe thứ hai. Hai mươi phút sau họ ra đến đường số 7 sau khi đã đi qua một loạt đường nhỏ. Trong lúc đó, cũng có vài xe khác xuất hiện nhưng Annabelle vẫn cố gắng bám theo chiếc xe của bà mẹ trẻ tình cờ cùng đi chung tuyến đường với Trent. Khi họ ra đường số 7, tuyến giao thông chính vào khu Tyson, Virginia và Washington, D.C, giao thông có vẻ tắc nghẽn hơn ở D.C vì đó là một nơi người ta có thói quen đi làm sớm và những con đường chính lúc này đã bắt đầu đông nghịt xe cộ cho dù chỉ mới 5 giờ rưỡi sáng.

Giọng Stone khẩn trương, “Đừng mất dấu hần”.

“Tôi biết mà”. Cô ta lái chiếc xe tải điều nghệ qua làn giao thông chật chội, giữ cho xe của Trent trong tầm kiểm soát. Trời dần sáng

cho nên việc bám đuôi cũng dễ hơn.

Stone liếc cô ta, “Cô có vẻ rành việc bám đuôi này nhỉ”.

“Cũng giống như lúc Milton hỏi, tôi có thể trả lời rằng chỉ là may mắn thôi. Anh nghĩ Trent đang đi đâu?”

“Chắc đi làm”.

Bốn mươi phút sau, suy đoán của Stone trở nên chính xác khi Trent dẫn họ đến điện Capitol. Khi xe của hắn rẽ vào khu vực cấm, họ phải ngưng chuyển theo dõi lại, và nhìn theo thanh chắn an ninh tự động hạ xuống, và một tay bảo vệ canh gác vẫy tay cho hắn vào. Annabelle thốt lên, “Phải chi tay bảo vệ ấy biết rằng hắn là một tay gián điệp và hung thủ giết người”.

“Chúng ta phải chứng minh được là hắn làm hay không làm điều đó. Để chế cộng hòa là thế mà”.

“Và làm cho anh ước gì mình đang ở chế độ phát xít chứ gì?”

“Không hề”, Stone thẳng thắn.

“Vậy giờ chúng ta làm gì?”

“Đợi và quan sát”.

Thậm chí ngay cả trước ngày Mười một tháng Chín, việc theo dõi gần trụ sở cũng không dễ dàng gì nói gì là lúc này, nhất cử nhất động đều bị để ý. Annabelle phải liên tục di chuyển xe tải cho đến lúc họ tìm thấy một chỗ đậu xe đủ gần để nhìn thấy xe của Trent khi chạy ra, và đủ xa để không bị đám cảnh sát chú ý. Hai lần trong suốt thời gian đó, Stone phải ra khỏi xe, băng qua đường mua cà phê và đồ ăn. Họ nghe đài, trao đổi thêm chút ít về bản thân và vạch kế hoạch cho những bước hành động kế tiếp.

Milton gọi đến điện thoại mà Stone vừa mượn của người bạn. Ông

ta chẳng có gì để báo cáo do đám cảnh sát gần như kín tiếng về mọi chuyện, cho nên cuối cùng đám báo chí cứ đăng tải cùng một câu chuyện mãi. Stone tắt điện thoại rồi ngồi tựa vào ghế, nhấp một ngụm cà phê và nhìn cô bạn. “Tôi hơi ngạc nhiên khi không thấy cô phàn nàn về công việc chán chường này. Việc theo dõi chẳng khỏe tí nào”.

“Kẻ kiên nhẫn là kẻ khôn ngoan”.

Stone nhìn quanh và bảo, “Tôi nghĩ Trent sẽ làm việc cả ngày, nhưng cũng không chắc lắm”.

“Thế còn Thư viện Quốc hội có gần đây không?”

Stone chỉ tay phía trước, “Đi về hướng đó, thêm một dãy phố nữa là tòa nhà Jefferson, nơi Caleb đang làm việc. Tôi không biết anh ta ra sao rồi, hôm nay ở đây chắc có nhiều cảnh sát lắm”.

“Sao ông không gọi cho anh ấy?”, cô ta đề nghị.

Stone giữ điện thoại gọi cho Caleb nhưng ông ta không trả lời, ông liền gọi đến phòng đọc, tiếng một người phụ nữ vang lên. Stone nói muốn gặp Caleb.

“Anh ấy ra ngoài một lát để mua đồ ăn trưa rồi ạ”.

“Anh ấy có nói khi nào quay lại?”

Người phụ nữ hỏi vặn lại, “Tôi có thể được biết vì chuyện gì được không?”

Stone ngắt điện thoại và ngồi dựa vào ghế.

“Có chuyện gì à?”, Annabelle hỏi.

“Tôi không nghĩ thế, Caleb vừa ra ngoài mua đồ ăn trưa”.

Ngay lúc đó, điện thoại của Stone reo, ông nhận ra số Caleb trên màn hình, ông đưa điện thoại ngang tai và hỏi, “Này Caleb, anh

đang ở đâu đấy?”

Stone im bật. Một phút sau, ông đặt di động xuống.

“Chuyện gì vậy?”. Annabelle hấp tấp, “Caleb nói gì?”

“Đó không phải Caleb, có người đang giữ Caleb”.

“Cái gì?”

“Anh ta bị bắt cóc”.

“Trời ơi, chúng muốn gì? Sao lại gọi ông?”

“Chúng có số từ Milton, chúng muốn gặp để bàn chuyện. Nếu báo cảnh sát, giết anh ta liền”.

“Ý chúng là muốn gặp và bàn việc thế nào”.

“Chúng muốn cô, tôi, Milton và Reuben cùng đến?”

“Để giết hết chúng ta à?”

“Đúng thế, nhưng nếu không đi, chúng giết Caleb”.

“Làm sao biết liệu anh ta có chết hay chưa?”

“Chúng bảo 10 giờ tối nay sẽ gọi và đưa anh ta nói chuyện với chúng ta, lúc đó cũng là lúc báo thời gian và địa điểm”.

Annabelle bám chặt tay vào vô-lăng xe, “Vậy giờ chúng ta làm gì?”

Stone nhìn chăm chăm vào trụ sở Quốc hội và buông lời, “Cô có chơi xì-phé không?”

Cô nghiêm mặt, “Tôi không thích cờ bạc”.

“Caleb là con át chủ bài của chúng, nên chúng ta cũng phải tìm ra một con tương tự hay hơn thế để ngang cơ chúng, và tôi biết phải tìm ở đâu rồi”. Tuy vậy, Stone biết kế hoạch này sẽ đẩy tình bạn của ông vào một cuộc kiểm tra cao nhất, nhưng ông không còn lựa chọn khác, ông bám số mình đã thuộc lòng.

“Alex à, Oliver đây. Tôi rất cần anh hỗ trợ”.

Alex Ford ngồi thẳng người trong ghế tại văn phòng công vụ mật của Washington.

“Chuyện gì xảy ra vậy Oliver?”

“Chuyện dài lắm nhưng anh cần nghe hết”.

Khi Stone nói xong, Ford ngồi tựa vào ghế và thở ra, “Khốn kiếp”.

“Anh giúp chúng tôi được chứ?”

“Tôi sẽ cố gắng”.

“Tôi đã lên kế hoạch”.

“Tôi cũng nghĩ vậy, nhưng chúng ta chẳng có nhiều thời gian đâu”.

Albert Trent rời trụ sở chiều hôm đó và lái xe theo tuyến đường số 7, rẽ vào con đường nhỏ quen thuộc về nhà. Hắn chạy chậm lại trước khi đến khúc quẹo cuối cùng trên đường. Một xe tải nhỏ đã chạy lệch ra khỏi đường và đâm sầm vào thứ gì đó, xe cứu thương và xe tải cơ dục đang đậu ở đó cùng xe cảnh sát. Một tay cảnh sát đứng giữa đường, Trent thận trọng lái xe về phía trước cho đến khi tay cảnh sát bước ra và giơ tay ra hiệu cho hắn ngừng lại. Trent hạ kính xe xuống và tay cảnh sát cúi vào.

“Thưa ông, tôi phải yêu cầu ông quay lại vì đã có sự cố xảy ra, chiếc xe tải kia đã chệch tay lái và đâm vào một hệ thống điều khiển khí gas thiên nhiên bên đường, làm cho thoát khí ra ngoài. Cũng may mắn là ông ta không làm cho mình, chiếc xe và khu vực xung quanh nổ tung đấy”.

“Nhưng tôi sống ngay khúc rẽ kia thôi, mà nhà tôi cũng không có gas gì đâu”.

“Vậy thì vui lòng cho tôi xem giấy tờ tùy thân có địa chỉ của ông”.

Trent thò tay vào túi áo và đưa cho tay cảnh sát bằng lái xe của

hắn, tay cảnh sát kiểm tra bằng đèn pin sau đó gửi lại cho hắn.

“Được rồi, thưa ông Trent”.

“Họ sẽ sửa trong bao lâu nữa?”

“Câu trả lời dành cho công ty khí đốt. À, một điều nữa”.

Tay cảnh sát vươn tay vào trong ca-bin và xịt thứ gì đó vào mặt Trent từ bình xịt nhỏ, thế là hắn ngã người vào ghế, lịm đi.

Ngay lập tức, Stone, Reuben và Milton từ xe cứu thương bước xuống. Với sự giúp đỡ của tay cảnh sát, Reuben nhắc bổng Trent từ xe của hắn vào một chiếc xe khác vừa trò tới, Annabelle là người cầm lái. Alex Ford cũng ra khỏi xe cứu thương và đưa cho Stone chiếc ba lô vải da, “Anh có cần tôi chỉ lại cho cách sử dụng không?” Stone lắc đầu, “Tôi biết mà, tôi biết đây là một việc khó khăn cho anh, cảm ơn đã giúp tôi. Nếu không có anh, tôi cũng không biết sẽ nhờ ai”.

“Oliver, chúng ta sẽ đưa Caleb về. Nếu đây là bọn gián điệp mà mọi người vẫn đang bàn tán và các anh có thể phá tan thì các anh xứng đáng nhận huy chương đầy. Khi anh có thể gọi điện, báo cho chúng tôi biết tình hình cụ thể nhé. Tôi có nhiều tổ chức có thể hỗ trợ, và tôi có thể cho anh biết rằng, anh không cần tìm người tự nguyện đâu vì nhiều người như tôi ghét những kẻ đòi bại kia lắm”.

Stone leo vào xe cùng những người bạn của mình.

“Bây giờ chúng ta có thể bắt đầu cuộc chơi rồi”, Annabelle cất tiếng.

“Chúng ta có thể chơi”, Stone khẳng định.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 63



ú điện thoại gọi đến đúng 10 giờ đêm, Stone và cả nhóm đang ngồi tụ tập trong một phòng khách sạn dưới phố. Qua điện thoại, gã đàn ông bắt đầu miêu tả thời gian và địa điểm cụ thể nhưng Stone cắt lời hắn.

“Bọn tao không tính làm điều đó, bọn tao đang nắm giữ Albert Trent và nếu mày muốn, chúng ta có thể trao đổi

theo yêu cầu của bọn tao”.

Giọng nói cất lên, “Không thể được”.

“Được thôi, vậy thì tao sẽ giao tên này cho CIA để họ “tự điều tra” ra sự thật, bao gồm cả danh tính đồng bọn, và tao tin rằng Trent chẳng chịu được lâu đâu. Mày sẽ chẳng có thời gian để đóng hành lý thì FBI đã tóm gọn mày rồi”.

Gã đàn ông gay gắt, “Mày muốn bạn mày chết à?”

“Tao đang nói về chuyện làm sao cả hai người có thể sống, mà mày lại tránh đi tù nữa”.

“Làm sao tao biết liệu có phải là cái bẫy?”

“Làm sao tao biết liệu khi xuất hiện mày sẽ nã một phát đạn vào người tao? Chúng ta phải biết tin tưởng lẫn nhau, thế thôi”.

Hắn ngừng khá lâu rồi hỏi, “Ở đâu?”

Stone nói cho hắn biết thời gian và địa điểm.

“Mày có biết ngày mai ở đó sẽ thế nào không?”

“Đó là lý do tao chọn, và một điều nữa, nếu mày đụng đến Caleb, tao sẽ chính tay giết mày”. Stone ngưng điện thoại, quay sang những người khác. Milton nhìn có vẻ sợ sệt nhưng quyết tâm, Reuben đang xem xét những thứ bên trong chiếc ba lô da Alex Ford đưa cho họ, Annabelle thì đang nhìn ông.

Stone đến gần Reuben, “Nó thế nào?”

Ông ta giơ cao hai ống tiêm và hai lọ nước, “Toàn những thứ đáng ngạc nhiên không đấy, chúng có nghĩ ra chuyện gì kế tiếp không?”

Stone bước vào phòng giữa nơi tên Albert đang nằm bất tỉnh, bị trói vào giường. Stone nhìn hắn, nén không cho hắn một đám để hả giận. Một phút sau, ông quay lại với mọi người, “Ngày mai sẽ là một ngày dài cho nên chúng ta phải chợp mắt chút, chúng ta chia ra hai ca canh giữ Trent, tôi sẽ canh ca đầu”.

Milton lập tức cuộn tròn trên sofa còn Reuben nằm ở giường trong phòng, cả hai nhanh chóng chìm vào giấc ngủ. Stone quay lại phòng canh, ngồi xuống ghế cạnh Trent và nhìn chăm chăm vào sàn nhà. Ông giật mình khi thấy Annabelle cũng kéo ghế ngồi xuống bên cạnh và đưa tận tay ông một cốc cà phê do cô ta tự mình pha. Cô ta vẫn mặc quần jeans và áo lạnh, nhưng để chân trần. Cô ta thu chân lên ghế khi vừa ngồi xuống.

Ông cảm ơn cô ta vì cốc cà phê và nói thêm, “Cô cũng phải ngủ một chút đây”.

“Tôi cũng thức khuya lắm”, rồi cô ta quay qua nhìn gã Trent, “Vậy ngày mai ta sẽ có lợi thế hơn phải không?”

“Số không”, Stone trả lời, “Vẫn luôn là số không cho đến lúc cô làm mọi cách để đánh bại con số đó, nhưng mà cũng có những lúc nó hoàn toàn mất kiểm soát”.

“Ông rút ra từ kinh nghiệm của mình sao?”

“Thế cô có thể nhận xét bằng cách nào đây?”

“Từ chuyện nhảm, giống như những kẻ khác, chỉ có ông là không?”

Ông nhấp ngụm cà phê rồi tiếp chuyện, “Alex Ford là một người tốt, tôi từng ra trận với anh ta và luôn muốn điều đó. Chúng tôi hợp với nhau về chuyện này”.

“Tôi muốn giết tên súc sinh này”, Annabelle giận dữ nhìn gã Trent đang bất tỉnh.

Stone gật đầu và nhìn hấn, “Hấn nhìn giống một con chuột, một người chỉ biết việc văn phòng, giống như cách hấn tỏ vẻ với mọi người. Hấn không dám làm hại đến một con ruồi. Hấn chỉ sai khiến người ta làm việc cho hấn, hấn không trực tiếp làm và tay không vấy bẩn. Vì những người như hấn, quốc gia của chúng ta lâm nguy”.

“Chỉ vì tiền thôi ư?”

“Có kẻ thì nói vì lý do này lý do nọ - theo chủ nghĩa lý tưởng, sự phản kích - nhưng thật sự cũng chỉ vì tiền”.

Cô ta nhìn ông tò mò, “Vậy chắc ông cũng biết những tay phản bội khác phải không?”

Ông liếc cô ta, “Sao cô có vẻ hứng thú mấy vấn đề này nhi?”

“Vì tôi thấy ông đáng quan tâm”. Khi ông im lặng, cô ta lại quay trở lại đề tài lúc nãy, “Chúng ta đang nói về những kẻ phản bội khác phải không?”

Ông nhún vai, “Tôi biết nhiều về chúng hơn là quan tâm đến chúng, nhưng mà cũng không lâu đâu”. Ông đứng dậy và đi về phía cửa sổ, “Tôi chỉ gặp chúng vài giây trước khi chúng chết mà thôi”, ông nói thêm trong hơi thở.

“Đó cũng là vị trí của ông ư? Tay sát nhân của những kẻ phản bội nước Mỹ?”. Vai của Stone dường như cứng lại, và Annabelle lập tức chữa lời, “Tôi xin lỗi John, đáng lý tôi không nên nói ra điều đó”.

Ông quay sang nhìn cô ta, “Tôi nghĩ mình quên nói cho cô nghe rằng John Carr đã chết, sao cô không gọi tôi là Oliver từ bây giờ nhỉ?”. Ông ngồi tựa lưng mà không nhìn Annabelle, “Tôi nghĩ đã đến lúc cô phải đi ngủ”.

Khi cô ta đứng lên, Stone vẫn còn ngồi ngay trên ghế, có vẻ như đang nhìn Trent chăm chăm nhưng Annabelle không nghĩ ông đang làm điều đó. Suy nghĩ của ông có lẽ đang trôi dạt về quá khứ, về cách làm sao giết những kẻ xấu nhanh nhất.

Cách đó không xa, Roger Seagraves đang chủ trì cuộc họp với nhóm của hắn, cố đoán ra nhất cử nhất động bên nhóm của Oliver. Hắn không quay lại nhà mình vì hắn nghi ngờ Trent sẽ gặp chuyện. Hắn và tay đồng bọn đã lập ra một kế hoạch sao cho người này sẽ gọi cho người kia vào một thời gian cố định mỗi tối nếu mọi thứ bình thường. Hắn đã không nhận được cú điện thoại như vậy. Việc Trent bị bắt cóc làm cho sự việc thêm phức tạp nhưng cũng không sai với

dự định của hắn. Hắn cho rằng Oliver Stone và đồng bọn đã báo cho chính quyền và hắn cần phải tìm ra vài cách phòng hờ trong trường hợp cứu Trent, nếu như Trent vẫn còn sống. Tuy vậy, thay vì lo sợ cho ngày mai, Seagraves lại mong chờ nó. Hắn đã quen những chuyện như vậy, và chỉ có kẻ khôn ngoan nhất sẽ tồn tại. Hắn chắc chắn hắn là người đó, và lẽ dĩ nhiên Oliver Stones và đồng bọn của ông sẽ lên thiên đường.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 64



gày mới đến thật trong trẻo và ấm áp. Stone và những người bạn của ông rời khách sạn, khiêng Trent trong một cái rương lớn rồi bỏ vào xe tải. Trên xe, Stone cúi người về phía Trent và cho hắn một mũi tiêm vào cánh tay. Ông đợi gần mười phút rồi lại tiêm vào tay kia của Trent một mũi khác. Một phút sau, hắn bắt đầu chớp chớp mắt, khi

hoàn hồn, Trent hốt hoảng nhìn xung quanh và cố ngồi dậy. Stone đẩy tay vào ngực hắn, tay còn lại rút con dao mang theo bên mình ra. Ông giơ dao ra ngay trước khuôn mặt biến sắc vì sợ của Trent, ông luồn dao qua lớp quần áo hắn.

Trent lấp bắp, “Ông làm gì vậy? Tôi là nhân viên liên bang đây. Ông sẽ bị đi tù nếu làm vậy”.

“Chuyện đó hăng tính sau ông Trent ạ. Chúng tôi biết tất cả mọi thứ, nếu ông làm trò gì ngớ ngẩn thì chúng tôi sẽ mang ông ra làm người trao đổi với Caleb Shaw, một chuyện dễ dàng. Nhưng nếu

không hợp tác, tôi sẽ tự tay giết ông, hay muốn dành quãng đời còn lại trong tù nhỉ?”

“Tôi không hiểu...”

Stone lại giơ dao lên. “Tôi không gọi đó là sự hợp tác. Chúng tôi tìm ra sách, mật mã và bằng chứng mà ông tìm cách sát hại Bradley, Jonathan DeHaven và cả Cornelius Behan. Tôi và cô ta cũng suýt được tham gia vào kế hoạch đó, nhưng chúng tôi chưa cho phép mình đi vội”. Ông hất hàm về phía Annabelle.

Cô ta mỉm cười, tiếp lời, “Nếu ông có ý định hạ gục những ai trong nhà mình, bắt họ, rồi giết họ thì ông làm ơn đừng đứng ở chỗ có phản chiếu trong gương nhé. Nếu ông chống lại tôi, tôi sẽ xọc dao vào cổ ông và xẻ ông ra làm hai, rồi quẳng ông ở cái nơi gọi là bãi rác đây”.

Stone tháo còng tay và chân cho hắn, “Bây giờ chúng tôi sẽ tiến hành một đôi một đây, khi tôi có Caleb, ông sẽ tự do”.

“Làm sao tôi chắc điều đó?”

“Cũng như điều có thể xảy ra cho Caleb, ông phải có niềm tin chứ. Giờ thì đứng dậy nào”.

Trent đứng trên đôi chân run rẩy, và nhìn những người đứng vây quanh mình, “Chỉ có các anh biết hay các anh đã gọi cảnh sát?”

“Câm miệng lại”, Stone răn giọng, “Tôi hy vọng anh đã có hộ chiếu giả và vé máy bay sẵn sàng rồi”.

Reuben mở cửa xe và tất cả cùng bước ra, Trent đứng giữa.

“Ôi lạy Chúa”, Trent thốt lên, “Chuyện gì đang xảy ra thế này?”.

Hắn đang đứng trước một biển người.

Stone thốt lên, “Anh không đọc báo à, hôm nay là ngày hội sách

toàn quốc tại Quảng trường Quốc gia”.

“Và diễu hành chống lại đói nghèo”, Milton thêm vào.

“Tổng cộng hai trăm nghìn người”, Reuben phụ họa theo, “Quả là một ngày thật tuyệt tại thủ đô, vừa đọc sách vừa chống lại đói nghèo”. Đoạn ông thúc vào hông của Trent, “Đi thôi nào, chúng ta không thể trễ được”.

Quảng trường Quốc gia rộng gần hai dặm giáp Đài tưởng niệm Lincoln về phía tây và Trụ sở Quốc hội về phía đông và được bao quanh bởi hàng loạt bảo tàng rộng lớn và Tòa nhà Chính phủ uy nghiêm.

Lễ hội sách Quốc gia, lễ hội hàng năm có tới hơn một trăm nghìn người tham dự. Bên trong quảng trường là những chiếc lều dựng sẵn và ghi rõ từng khu như Tiểu thuyết, Lịch sử, Truyện tranh Thiếu nhi, Truyện Mạo hiểm, và Thơ văn. Trong từng lều, đám đông đứng xung quanh nhà văn, nhà minh họa kể chuyện, lắng nghe họ thuyết minh về câu chuyện hay xin chữ ký.

Trên đại lộ Hiến pháp, đoàn diễu hành đã sẵn sàng với đích đến là Trụ sở Quốc hội, sau đó những người này sẽ quay về tham gia hội chợ sách; Hội chợ sách mở cửa cho tất cả mọi người tham dự và hoàn toàn miễn phí.

Stone đã cẩn thận lên chi tiết cho kế hoạch trao đổi này với sự giúp đỡ của Alex Ford. Địa điểm trao đổi sẽ diễn ra tại lâu đài Smithsonian trên đường Jefferson. Với hàng nghìn người tụ tập tại đó, khó có thể chọn một điểm bán cố định nào, cho dù trong khoảng cách gần. Trong ba lô, Stone có mang theo một dụng cụ cho phép ông hoàn thành nhiệm vụ ngay lập tức, vì khi đảm bảo được sự tự

do của Caleb, ông không dự định sẽ cho Albert Trent và đám đồng bọn gián điệp của hắn trốn thoát.

Reuben nói, “Phía trên ấy, đúng 2 giờ, gần ngay chỗ để xe đạp đây”.

Stone gật đầu, ông nhìn thấy Caleb đang đứng tại một bãi cỏ, được bao phủ một nửa bởi một hàng dậu cao ngang hông, phía sau là vòi phun nước được điều chỉnh tinh vi. Phía sau Caleb là hai tên mặc áo trùm đầu và đeo mắt kính râm. Stone biết chắc bọn chúng có vũ khí, nhưng có mấy tay bắn tia liên bang hỗ trợ ông đang cố định đầu đó trên nóc lâu đài, và nhắm thẳng súng về phía bọn bắt cóc. Tuy nhiên họ chỉ nã đạn khi cần thiết, và cả Alex Ford cũng ở gần đó sẵn sàng chi viện cho ông. Stone nhìn Caleb, cố làm ông ta chú ý, nhưng xung quanh có nhiều người nên điều đó thật khó, chưa kể Caleb trông có vẻ hoảng hốt, dù điều đó không có gì lạ. Stone còn phát giác ra cả một điều gì đó trong ánh mắt ông bạn mình, ông không thích điều đó vì nó là: sự vô vọng.

Thình lình ông thấy gì đó quanh cổ Caleb, ông thốt lên, “Lạy Chúa, anh có thấy gì không Reuben?”

Người bạn to lớn cũng cảm phẫn không kém, “Mấy thằng chó chết!”

Stone quay qua Milton và Annabelle đang theo sau, “Quay lại ngay!”

“Sao vậy?”, Annabelle thốt lên.

“Nhưng Oliver”, Milton phản đối.

“Làm theo lời tôi”, Stone nạt.

Cả hai ngừng lại. Annabelle tức tối khi nghe Stone ra lệnh, còn

Milton thì không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Reuben, Stone, và Trent cứ đi tiếp cho đến khi họ đối mặt với Caleb và bọn bắt cóc. Caleb rên rỉ xen lẫn vào tiếng nước chảy róc rách của tượng đài phía sau, rồi chỉ vào thứ giống như vòng đeo cổ chó. “Oliver ơi?”

“Tôi hiểu mà Caleb”. Ông chỉ vào vòng cổ và ra lệnh cho mấy tên mặc áo trùm đầu, “Gỡ ra cho anh ta mau. Ngay bây giờ!”

Cả hai tên lắc đầu, một tên giơ cao một cái hộp với hai nút trời lên, “Chỉ khi bọn tao ra khỏi đây an toàn”.

“Bọn mày nghĩ tao sẽ cho bọn mày đi ra khỏi đây mà trái bom chết tiệt đó vẫn còn trên cổ bạn tao à?”

“Ngay khi chúng tao ra khỏi đây, chúng tao sẽ vô hiệu hóa nó”, một tên nói.

“Mày nghĩ tao sẽ tin mày ư?”

“Phải như vậy”.

“VẬY MÀY KHÔNG THỂ ĐI Đâu cả, nếu mày kích hoạt, cả đám cùng chết chung”.

“Đó không phải bom”, vẫn là tên đầu tiên lên tiếng, hấn lại giơ hộp đen lên lần nữa, “Nếu tao nhấn nút đỏ, chất cực độc đủ giết một con voi sẽ lập tức được bơm vào người hấn, nếu tao nhấn nút đen, hệ thống sẽ bị vô hiệu và mày có thể tháo tung vòng cổ mà chất độc không thoát ra nữa. Đừng ép buộc tao, còn nữa, nếu tay bắn tỉa nào nhắm vào tao thì theo phản xạ tự nhiên tao sẽ tự động nhấn nút”.

Hắn đung đưa ngón tay trên cái nút đỏ, mỉm cười khoái trá khi thấy Stone rơi vào tình huống khó xử.

“Mày thích lắm hả, thằng chó kia?”, Reuben gào lên.

Gã vẫn bình tĩnh nhìn thẳng Stone, “Chúng tao thừa biết mày sẽ

kiểm bọn cớm đến đây, sẵn sàng hốt bọn tao khi bọn mày được an toàn, nên xin lỗi, bọn tao cũng phải phòng ngừa”.

Stone nói, “Thế điều gì sẽ khiến chúng mày không kích hoạt cái nút kia khi chúng mày đi mất hả. Đừng cho tao biết câu trả lời là niềm tin nữa nhé, tao thấy buồn nôn quá”.

“Tao được lệnh không giết hẳn trừ phi tao không có đường thoát, nếu mày cho chúng tao con đường thoát, hẳn sẽ sống”.

“Chúng mày phải đến điểm nào trước khi hủy lệnh kích hoạt chất độc hả?”

“Không xa đây lắm đâu, trong ba phút bọn tao sẽ biến đi, nhưng nếu tao đợi quá lâu, tao sẽ nhấn nút đỏ liền”.

Stone nhìn Caleb, rồi nhìn ông bạn Reuben đang phát khùng, rồi lại quay ra Caleb, “Caleb, anh phải nghe tôi, chúng ta phải tin tưởng chúng”.

“Ôi, Trời, Oliver, xin hãy cứu tôi”, Caleb nhìn có vẻ như chẳng tin ai.

“Tôi sẽ cứu anh, Caleb”. Trong cơn tuyệt vọng, Stone hỏi, “Có bao nhiêu mũi tiêm đã tẩm thuốc trong cái thứ đó vậy?”

Gã đàn ông có vẻ cảnh giác, “Chuyện gì?”

“Tao hỏi có bao nhiêu?”

“Hai, một cái bên trái, một cái bên phải”.

Stone quay sang đưa ba lô cho Reuben và thì thầm, “Nếu chúng ta chết, chúng ta phải chết có ích”.

Reuben nhận ba lô và gật đầu, khuôn mặt vẫn tái xanh, dù thái độ của ông ta hoàn toàn bình tĩnh.

Stone quay lại chỗ mấy gã đàn ông và chìa tay trái ra, “Tao sẽ để

tay trái của mình ngay đây để mũi tiêm bên trái sẽ đâm thẳng vào tao thay vì anh ta”.

Gã đàn ông hoàn toàn bất ngờ, “Nhưng như vậy mày sẽ chết”.
“Đúng thế, cả hai cùng chết”.

Caleb ngừng run rẩy và nhìn thẳng vào Stone, “Oliver, anh đừng làm vậy”.

“Anh im đi, Caleb”. Stone nhìn gã đàn ông, “Nói tao biết tao sẽ để tay ở đâu”.

“Tao không biết liệu điều này...”

“Nói mau”, Stone la lớn.

Gã lập tức chỉ tay vào một điểm và Stone lập tức chèn tay của mình vào khoảng trống, bây giờ da ông đụng vào da thịt của Caleb.

“Được rồi”, Stone hài lòng, “Khi nào tao biết nó đã bị vô hiệu?”

“Khi đèn đỏ ngay phía đó chuyển màu xanh”, gã trả lời, chỉ tay vào một chấm tròn đỏ thẫm ngay trên vòng cổ, “Rồi mày có thể tháo móc ra, vòng sẽ rơi xuống, nhưng nếu mày cố ý muốn tháo trước đó, nó sẽ tự kích hoạt”.

“Hiểu”, ông nhìn Trent, “Bây giờ chúng mày biến ngay đi”.

Albert Trent vùng thoát khỏi vòng kim kẹp của Reuben và đi về phía những tên mặc áo trùm đầu. Khi chúng dợm bước đi, Trent quay lại và cười toe, “Xin từ biệt!”

Stone nhìn chăm chăm vào mặt của Caleb, ông liên tục nói nhỏ động viên bạn của mình, dù cho nhiều người hiếu kỳ bắt đầu vây quanh trước một cảnh tượng kỳ lạ, tay một người luôn dưới cổ áo một người khác.

“Caleb, thở sâu vào, chúng không giết được chúng ta đâu, không thể

được, thở sâu vào”. Ông nhìn đồng hồ, sáu mươi giây đã trôi qua kể từ lúc mấy tên kia và Trent biến mất vào đám đông. “Hai phút nữa chúng ta sẽ được tự do, chúng ta ổn thôi, rất ổn”. Ông lại nhìn đồng hồ, “Còn chín mươi giây nữa, chúng ta gần được rồi, cố gắng nhé, cùng tôi nhé, Caleb”.

Caleb bầu chặt tay của Stone, khuôn mặt đỏ gay, hơi thở ngắt quãng, nhưng ông ta vẫn đứng yên và mãi mới thốt lên, “Tôi ổn thôi, Oliver”.

Một lúc sau, có nhân viên cảnh sát đi về hướng họ nhưng có hai người trong bộ đồng phục quét dọn rác đã nhảy ra chắn đường viên cảnh sát và bằng cách nào đó nói ông ta đi hướng khác, họ cũng thông báo tình huống khẩn cho mấy tay bắn tia và họ nằm xuống, tiếp tục mai phục. Trong lúc đó, Milton và Annabelle đã bò lên đến nơi, Reuben kể cho họ nghe chuyện. Khuôn mặt hoảng hốt của Milton đắm lệt trong lúc Annabelle run rẩy đưa tay che miệng và nhìn hai người bạn đang dính chặt vào nhau.

“Ba mươi giây, Caleb ạ, chúng ta sắp làm được rồi”. Lần này Stone chỉ nhìn chăm chăm vào ngọn đèn đỏ trên cổ áo vừa đếm từng giây, “rời mười giây nữa, chúng ta tự do rồi”.

Cả Stone và Caleb cùng đếm ngược, nhưng đèn chẳng chuyển thành màu xanh, Caleb do không nhìn thấy nên hỏi ngay, “Oliver, anh tháo ra được chưa?”

Đến lượt Stone trở nên căng thẳng, nhưng ông không muốn rút tay ra, ông nhắm mắt lại thêm một lúc, đợi mũi tiêm đâm sâu vào da thịt. Tiếng Annabelle vọng lại, “Oliver, nhìn kia”.

Stone mở mắt ra, đèn đã chuyển thành màu xanh, ông gọi lớn,

“Reuben, giúp tôi với”.

Reuben chồm về phía trước, họ cởi móc khóa và tháo vòng ra khỏi cổ Caleb. Tay thủ thư phủ phục xuống nền cỏ, trong lúc những người khác vây quanh ông ta, cuối cùng, ông ta cũng lấy lại bình tĩnh và nắm lấy tay Stone. Ông ta nghẹn ngào, “Anh là một người thật can đảm, Oliver ạ. Cảm ơn anh nhiều lắm”.

Stone nhìn những người xung quanh, và tiếp tục tình huống mới, chỉ có một giây để hành động, ông la lớn, “Tất cả nằm xuống!”. Ông nắm lấy vòng cổ và ném nó qua hàng đậu, rơi trúng vào tượng đài phun nước phía sau. Hai giây sau đó, chiếc vòng phát nổ, làm những cột nước và cả những mảng xi-măng bốc cao trong không khí. Đám đông trong quảng trường hoảng hốt tháo chạy. Một lúc sau, khi mọi thứ lắng xuống, Stone và các bạn của mình phải bụi đứng dậy, Caleb thốt lên, “Chúa ơi, sao anh biết hay vậy?”

“Trò cũ rích, bắt chúng ta ở cùng nhau, rồi diệt cả đám. Hấn bảo cho tôi biết có mũi tiêm độc trong vòng cổ vì hấn biết quả bom sẽ giết chúng ta, chứ không phải chất độc đó, đại loại thế”. Stone với lấy ba lô từ Reuben, lôi ra một thiết bị có màn hình. Trên đó, một chấm đỏ đang di chuyển.

“Giờ đến lượt chúng ta”, ông tuyên bố.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 65



ọn chúng đang đến lối vào tàu điện ngầm của ga Smithsonian”, Reuben thuật lại khi thấy chấm đỏ di chuyển trên màn hình Stone đang cầm. Cả nhóm chạy nhanh qua quảng trường, chen chúc giữa dòng người đông nghịt và một số nhóm cảnh sát.

“Đó cũng là lý do chúng ta lựa chọn địa điểm trao đổi này”, Stone trả lời.

“Nhưng tàu điện ngầm cũng đông cứng”, Milton thắc mắc, “Làm sao tìm được chúng ở đó?”

“Chúng ta đang theo dõi chúng đây thôi. Anh còn nhớ hóa chất chúng dùng để làm sáng màu những chữ cái trong sách chứ?”

“Vậy thì sao nào?”, Milton hỏi.

Stone tiếp, “tôi đã tiêm vào người gã Trent đó một hóa chất đặc biệt do Alex Ford cung cấp, có thể gửi tín hiệu về hệ thống thu phát này, hẳn sẽ chỉ đường cho chúng ta, sử dụng hệ thống này, chúng ta sẽ biết hẳn đang ở đâu giữa hàng vạn người. Alex và người của anh

ta cũng có thiết bị này, và họ sẽ tóm gọn chúng”.

“Mong nó hoạt động tốt”, Caleb nói trong lúc họ khấn trương giúp nhau len lỏi đi giữa rừng người. Ông đưa tay xoa cổ, “Tôi muốn thấy bọn chúng chết rục xương trong tù, không có sách để đọc luôn. Đáng đời chúng”. Thịnh linh có những tiếng la hét từ ga tàu phía dưới. “Mau lên!”, Stone la lớn, và cả nhóm lao xuống thang cuốn. Trong lúc Trent và hai tên đồng bọn đang đứng đợi chuyển tàu kế tiếp, hai tay đặc vụ trong trang phục nhân viên bảo trì tiến đến gần bọn chúng từ phía sau. Trước khi các tay đặc vụ kịp rút súng ra thì cả hai đã ngã xuống vì bị bắn từ phía sau. Roger trong trang phục áo choàng nhét khẩu súng lục giảm thanh vào hai bên hông. Tiếng ồn ào của đám đông đã lấp đi tiếng súng nổ, khi những tay đặc vụ ngã xuống, máu chảy ra, tiếng la hét bắt đầu, khách bộ hành trong con hoẵng hốt túa ra khắp ngã. Trước khi một đặc vụ ngã gục, ông ta còn kịp rút súng bắn thẳng vào đầu một tên gián điệp, thế là tên đó cũng đổ sập xuống, cùng lúc thiết bị điều khiển kíp nổ rơi tung tóe xuống nền đất.

Đoàn tàu về hướng tây vừa kịp tới ga, người trên tàu túa ra càng làm cho quang cảnh thêm hỗn độn.

Trent và tên đồng bọn còn lại lợi dụng sự hoảng loạn này nhảy lên toa tàu, Seagraves bám theo nhưng do đám người cứ đùn đẩy hẳn về phía sau nên hẳn đành leo lên toa tàu tiếp theo.

Ngay trước khi cửa toa tàu đóng, Stone và những người bạn của mình cố gắng len lỏi giữa dòng người rồi cũng kịp leo lên tàu. Toa tàu chật ních, nhưng nhờ vào thiết bị điều khiển Stone có thể nhận biết Trent đang đứng rất gần. Ông đảo mắt vòng quanh và cuối cùng

cũng thấy Trent đứng cuối dãy, cả tên đồng bọn với áo trùm đầu nữa. Vấn đề hiện tại là gã Trent và tên đồng bọn có thể nhìn thấy nhóm của Stone bất cứ lúc nào.

Sau đó ít lâu, Alex Ford và vài đặc vụ chạy đến nhưng tàu đã khởi hành. Anh hét đám nhân viên và họ lao ra khỏi ga.

Bên trong toa tàu, Stone nói khẽ, “Reuben, anh ngồi xuống, nhanh lên!” Reuben có thân hình to lớn cho nên có thể là người dễ bị phát hiện nhất. Reuben lập tức đẩy vài cậu bé qua một bên rồi ngồi phịch xuống sàn. Stone cũng cúi thấp, mắt không ngừng liếc về Trent. Hắn đang nói chuyện với tên đồng bọn và chẳng hiểu tại sao tay hắn để sát lên tai. Với tư thế ngồi như vậy, Stone không thể thấy được Roger Seagraves đang ở toa kế tiếp và hắn cũng đang nhìn thấy ông qua tấm kính. Seagraves cũng khá ngạc nhiên khi thấy Caleb và bạn bè của ông ta vẫn còn sống. Hắn đang giơ súng nhắm bắn thẳng vào đầu Stone thì tàu tăng tốc trước khi dừng vào ga kế tiếp. Người ta xô đẩy nhau lên xuống làm Seagraves bị chệch hướng bắn. Sau đó, tàu lại khởi hành, và nhanh chóng tăng tốc độ. Stone đang đi nhanh giữa đám đông hướng về Trent. Ông thủ sẵn dao trong tay, giấu nó dưới tay áo. Ông hình dung có thể đâm thẳng con dao vào ngực của Trent, nhưng đó không phải là kế hoạch của ông, ông sẽ giết tên đồng bọn, còn Trent, hắn phải bị bỏ tù rục xương.

Stone đang gần đến mục tiêu của mình thì kế hoạch của ông tiêu tan do tàu tiến nhanh vào trung tâm Metro, dừng lại và cửa bật mở. Trung tâm Metro là ga sầm uất nhất của hệ thống tàu điện ngầm. Cửa vừa bật mở, Trent và tên đồng bọn lập tức nhảy ra khỏi toa

tàu, ở toa sau, Seagraves cũng vậy trong lúc Stone và những người khác xô đẩy đám đông đang đùn đẩy nhau tìm những toa tàu đến và đi từ nhiều hướng khác nhau. Stone vẫn liên tục bám sát Trent và tên đồng bọn, ông thấy hai người đàn ông trong đồng phục trắng hướng về phía Trent, nhưng ông lại không nhìn thấy Roger Seagraves rút ra khỏi túi một thiết bị bằng kim loại, dùng răng tháo cái kẹp rồi quăng vào khoảng không. Mặc dù hắn quay lưng lại nhưng chắc chắn rằng tai của hắn đã được bít kỹ.

Stone nhìn thấy cái ống hình chữ nhật bay về phía ông và ngay lập tức đoán biết đó là cái gì. Ông vội xoay vòng tròn và hét lớn cho Reuben và những người khác nghe, “Cúi thấp xuống và bịt tai lại!”. Vài giây sau, tiếng nổ lớn kèm theo ánh chớp vang lên và những người gần xung quanh đổ gục xuống sàn, bịt tai lại và la hét trong đau đớn.

Chỉ có Trent và tên đồng bọn không bị ảnh hưởng bởi vụ nổ đó. Chúng đã đeo thiết bị bảo vệ lên tai, rồi cùng lúc quay sang hướng khác để tránh tia lóe sáng của tiếng nổ lớn.

Tai Stone ù đi cho dù ông đã úp mặt xuống sàn và nhét chặt tay áo khoác vào tai, ông vẫn còn kịp ngước lên để nhìn thấy giày và chân người lướt ngang trước mặt. Khi ông gượng đứng dậy thì một gã to lớn trong lúc hoảng loạn đâm sầm vào ông, làm ông ngã phịch xuống sàn. Stone cảm thấy tay mình không còn kiểm soát được thiết bị theo dõi nữa, ông đành ngậm ngùi nhìn theo nó trượt ngang trên sàn, và rớt ngay xuống đường ray của tàu điện. Khi toa tàu cuối cùng đã rời khỏi ga, ông vội chạy đến phía đường ray, nhưng cái thiết bị ấy đã hoàn toàn nát vụn.

Ông quay lại và thấy Reuben đang tấn công tên đồng bọn to lớn của tên Trent, Stone chạy đến để hỗ trợ cho ông bạn của mình nhưng có vẻ ông là người thừa vì Reuben cao lớn hơn tên đó, đang trong thế kẹp người hẳn, nhấc bổng hẳn lên khỏi sàn và nện đầu hẳn vào một trụ kim loại, rồi sau đó quăng hẳn bay vèo về phía trước, làm những người xung quanh hốt hoảng tránh ra xa. Trong lúc Reuben hùng dũng tiến về phía hẳn thì Stone lại vung cú đấm vào chính người bạn của mình, làm ông ta ngã chổng chơ trên sàn.

“Chuyện quái gì...”, Reuben lầm bầm thì ngay lập tức viên đạn sạt qua đầu ông ta, Stone hành động kịp thời cứu bạn của mình. Tên kia chống chân đứng dậy và chuẩn bị nã thêm một phát đạn nữa thì bị hạ gục bởi ba viên đạn ghim ngay vào ngực và lần này phát súng xuất phát từ hai đặc vụ liên bang, đang chạy đến theo sau là cảnh sát mặc sắc phục.

Stone đỡ Reuben dậy và nhìn xung quanh tìm những người còn lại. Annabelle vẫy vẫy tay từ một góc phía xa, Milton và Caleb đang bên cạnh cô nàng.

“Trent đâu rồi?”, Stone gọi lớn.

Annabelle lắc đầu và làm cử chỉ như mọi cố gắng đều vô ích. Stone đảo mắt xung quanh, vô vọng, họ đã mất dấu hẳn.

Thình lình Caleb la lớn, “Kia kia, đang đi lên phía thang cuốn đấy, đó là tên đã bắt cóc tôi, gã Foxworth!”

Milton phụ họa, “Và cả Trent!”

Tất cả nhìn lên phía trên, Seagraves khi nghe bí danh của mình liền quay xuống, mũ trùm đầu của hẳn chợt rớt xuống vai, và tất cả mọi người đều nhìn thấy rõ hẳn cùng tên Trent bên cạnh.

“Mẹ kiếp”, Seagraves chửi đồng lên, hấn khéo léo kéo Trent luôn lách qua đám đông, và chạy ra khỏi sân ga. Trên phố, hấn đẩy tên Trent vào một chiếc tắc-xi vừa trò tới, đưa tài xế địa chỉ, hấn thì thầm vào tai tên Trent, “Tôi sẽ gặp anh ở đó sau, tôi đã chuẩn bị máy bay riêng chờ chúng ta ra khỏi đất nước và đây là thứ anh cần để đi du lịch, và cả những thẻ căn cước mới. Chúng ta sẽ đổi diện mạo của anh sau nhé”. Hấn nhét gói tài liệu và một hộ chiếu vào tay Trent.

Seagraves định đóng sập cửa xe tắc-xi lại thì đột ngột dừng và nói, “Albert, anh đưa cho tôi đồng hồ của anh nào?”

“Cái gì cơ?”

Seagraves không hỏi lại, hấn giật chiếc đồng hồ khỏi tay Trent rồi đóng sập cửa, chiếc xe chạy đi, còn anh bạn Trent vẫn còn nguyên nét mặt kinh hãi ngoái lại nhìn hấn qua cửa sổ xe. Seagraves dự tính sẽ hạ Trent lúc sau này cho nên cần có thứ gì của tên này. Hấn cảm thấy tức giận vì phải để lại hết bộ sưu tập của hấn ở căn nhà riêng, hấn không dám quay về, và hấn cũng không vui vì đã không lấy được món gì đó của hai tay đặc vụ hấn sát hại tại ga tàu điện ngầm. Mà có thể bắt đầu bộ sưu tập mới mà.

Hấn chạy ngang qua đường, vào một ngõ hẻm, leo lên chiếc xe tải đã đậu sẵn, thay đổi trang phục, rồi đợi những kẻ săn đuổi hấn, lần này hấn không thể để vuột mất con mồi.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 66



tone và những người bạn đi theo thang cuốn ra khỏi ga tàu điện ngầm cùng với hàng trăm người trong tình trạng lo sợ. Tiếng còi hú vang khắp nơi, và cảnh sát thì phong tỏa khu vực xảy ra sự việc, trong lúc đó họ bước ra tới đường mà không rõ bước kế tiếp sẽ làm gì. “Cám ơn trời anh Caleb của chúng ta vẫn bình yên vô sự”, Milton nói.

“Hiển nhiên rồi”, Reuben vui vẻ choàng vai Caleb, “Chúng tôi biết làm gì nếu không có anh để chọc ghẹo đây?”

“Sao anh bị bắt cóc vậy?”, Stone tò mò.

Caleb nhanh chóng giải thích về người tự nhận là William

Foxworth, “Hắn bảo hắn có sách cho tôi xem qua, rồi sau đó tôi không biết gì nữa”.

Stone tiếp tục, “Vậy là hắn dùng tên Foxworth à?”

“Vâng, tôi thấy ghi như thế trên thẻ thư viện, chắc chắn hắn phải trình thẻ căn cước để làm thẻ mà”.

“Rõ ràng đó không phải tên thật của hắn. Nhưng cũng may chúng ta đã thấy khuôn mặt của hắn”.

“Giờ chúng ta làm gì đây?”, Annabelle hỏi.

“Tôi vẫn không hiểu về cái loại hóa chất được dùng trong quyển sách”, Milton lên tiếng. “Albert Trent làm nhân viên của tờ chức tình báo, hắn có thông tin mật, chuyển cho kẻ nào đó, nhưng là ai mới được. Sao bọn chúng lại dùng sách trong phòng đọc nơi bà lão English Jewell và cả Norman Janklow có thể tìm ra, sử dụng loại kính đặc biệt để viết chúng lại?”

Trong lúc mọi người vẫn thắc mắc, Stone gọi điện thoại cho Alex Ford, họ vẫn đang tìm Trent nhưng Ford khuyên Stone và những người khác nên ngừng cuộc truy đuổi. “Chẳng có nghĩa lý gì để dấn thân thêm vào nguy hiểm cả, anh làm đủ rồi”.

Sau đó Stone kể lại cho mọi người, Caleb lên tiếng, “Vậy chúng ta đi đâu đây? Về nhà à?”

Stone lắc đầu, “Thư viện Quốc hội cũng gần đây, tôi muốn đến đó”.

Caleb thắc mắc tại sao. “Bởi vì đó là nơi mọi thứ bắt đầu, và lại muốn tìm câu trả lời thì thư viện là nơi tốt nhất còn gì?”

Caleb giúp các bạn của mình vào thư viện nhưng không ai vào phòng đọc được do chủ nhật thư viện không làm việc. Trong lúc đi dọc theo sảnh, Stone nói với các bạn của mình, “Tôi vẫn không hiểu rõ về khoảng thời gian của các sự kiện”. Ông ngừng lại một chút, tổng hợp suy nghĩ, “Cách đây hai ngày bà Jewell English đến thư viện, chữ được đánh dấu nằm trong quyển sách Beadle đó. Vào buổi tối cùng ngày, khi chúng ta cầm quyển sách trong tay nó lại biến mất. Thời gian rất chặt chẽ đấy chứ”.

Caleb đồng tình, “Chuyện đó thật đáng kinh ngạc bởi vì hầu hết sách trong khu đó đều hiếm có người mượn đọc trong vài năm, thậm chí vài thập niên. Việc đánh dấu phải được thể hiện lên từng chữ, rồi Jewell sẽ được báo phải mượn quyển sách nào, rồi như anh nhận xét, trong cùng ngày dòng chữ đánh dấu lại biến mất”.

Stone ngừng đi qua đi lại, ông dựa người vào một trụ cẩm thạch, “Vả lại sao họ biết cái mốc thời gian như vậy sẽ có tác dụng? Không ai muốn những chữ được đánh dấu như vậy tồn tại quá lâu trên giấy phòng trường hợp cảnh sát mó tay vào. Thật vậy, nếu chúng ta hành động nhanh hơn, có thể chúng ta đã giao cho FBI quyển sách trước khi hóa chất bốc hơi, như vậy rõ ràng là hóa chất phải có tác dụng gần với thời gian bà English bước vào”.

Caleb nhận xét, “Tôi ra vào phòng sách liên tục trước khi Jewell bước vào mà tôi đâu có thấy ai ngoại trừ vài nhân viên, mà cũng chẳng ai ở lâu hơn mười hay mười lăm phút, rõ ràng thời gian đó không đủ để đánh dấu mấy chữ cái đó. Mà họ cũng chẳng thể làm chỗ nào khác vì họ phải mang sách về nhà”. Ông thỉnh linh la to, “Đợi đã, nếu có nhân viên nào mang sách về nhà thì tôi có thể kiểm tra, họ phải điền vào mẫu thông tin gồm bốn phần. Đi nào! Phòng đọc đóng cửa rồi, nhưng tôi có thể kiểm tra từ phòng khác”.

Ông dẫn họ đến phòng hướng dẫn chính của thư viện, ông nói chuyện với người nữ nhân viên làm việc ở đó một lúc, rồi ngồi vào bàn máy tính, truy cập vào hệ thống và bắt đầu gõ lách cách. Một phút sau đó, khuôn mặt của ông có vẻ thất vọng “Chẳng có quyển Beadles nào được mượn cả, mà cả bốn tháng rồi, chẳng có nhân viên mượn quyển sách nào của thư viện cả”.

Trong lúc họ đang đứng đó thì Rachel Jeffries đi ngang qua, bà ta là thợ bảo quản sách mà lần trước Caleb đã nhờ hỗ trợ quyền tiểu thuyết Beadle với những chữ được đánh dấu trước đó.

Bà ta chào Caleb, “Chào anh Caleb, tôi không nghĩ anh lại đến thư viện vào cuối tuần như vậy cả”.

“Chào bà Rachel, tôi chỉ đến tham khảo thôi”.

“Tôi đang cố gắng thực hiện vài lời yêu cầu về bảo quản sách đây. Tôi đi ngang qua để gặp đồng nghiệp cùng làm chung phần này với tôi. À, quyền sách Beadle anh nhờ tôi bảo quản thật ra vừa được bảo quản trước đó rồi mới để vào phòng sách đây”.

“Sao cơ?”, giọng Caleb kinh ngạc.

“Nó bị hỏng phần bìa phía sau, và có vài trang bị rời ra. Khi tôi nhìn vào thông tin của nó, tôi hơi ngạc nhiên vì nó vừa mới được đưa trở lại phòng sách thôi mà. Anh có biết tại sao lại bị hỏng nữa không?”

“Thế chính xác nó đã được mang lại phòng sách khi nào?”, Caleb hỏi dò, giả bộ không nghe câu hỏi trước.

“Sao vậy, chỉ trước khi anh đưa lại cho tôi một ngày”.

“Rachel, đợi một chút”, Caleb lại lịch cạch gõ máy tính và lần này ông tìm xem bao nhiêu quyền Beadles đã được gửi đi bảo quản trong thời gian qua. Câu trả lời của ông được in ra.

“Ba mươi sáu quyền Beadle được bảo quản trong vòng hai năm”, ông nói cho các bạn mình biết. Sau đó ông kiểm tra thông tin về những quyền sách mà Jewell English và Norman Janklow yêu cầu, cùng với tất cả những quyền sách đã đến phòng bảo quản trong sáu tháng qua. Ông tìm được kết quả rằng Jewell English đã yêu cầu

hơn bảy mươi phần trăm số sách được bảo quản trong sáu tháng qua, và bà ta yêu cầu sử dụng ngay đúng ngày chúng vừa được bảo quản xong. Ông lão Norman Janklow cũng có yêu cầu tương tự. Ông lập tức kể cho những người bạn nghe về kết quả tìm kiếm của mình, “Mấy quyển Beadle này tốn thời gian bảo quản nhiều lắm vì chúng được xuất bản theo kiểu rẻ tiền mà”.

Stone, với trí óc nhanh nhạy, nhìn Rachel Jeffries và hỏi, “Bà có thể cho tôi biết thường ai là người chăm sóc mấy quyển của Beadle nhi?”

“Đó là Monty Chambers đấy”.

Stone và mọi người lập tức chạy nhanh dọc hành lang. Caleb còn quay vó lại đằng sau, hét lớn, “Rachel, tôi yêu bà”.

Bà ta lập tức đỏ mặt nhưng vẫn vót vát, “Caleb, anh biết rồi đấy, tôi đã kết hôn, nhưng chúng ta có thể gặp nhau lúc nào đó”.

“Anh biết Chambers sống ở đâu không?”, Stone hỏi Caleb khi mọi người chạy ra đường.

Caleb gật đầu, “Cũng không xa chỗ này mấy”. Họ gọi hai chiếc tắc-xi và phóng đi. Mười lăm phút sau, xe chạy chậm lại đưa họ đến một vùng dân cư yên tĩnh với những dãy nhà được sửa chữa khá tốt. Phía trước mỗi căn nhà là một khoảnh sân nhỏ và bờ tường rào bằng sắt rèn cao hai thước Anh.

“Tôi thấy khu này có vẻ quen quen đấy”, Stone lên tiếng.

“Khu này xung quanh nhà nào cũng vậy hết”, Caleb giải thích. Họ ra khỏi xe, và Caleb dẫn họ đến một căn nhà với tường gạch được sơn màu xanh dương, còn cửa chớp lại có màu than. Trên ngưỡng cửa sổ là vài chậu hoa.

“Anh đã đến đây rồi chứ?”, Stone hỏi và Caleb gật đầu đồng tình.

“Monty có một xưởng ở nhà và làm việc tự do. Tôi cũng có giới thiệu vài người cho ông ta, ông ta còn giúp tôi bảo quản vài quyển, không thể tin được ông ta lại dính líu đến chuyện này. Ông ta là tay bảo quản sách tốt nhất mà thư viện có được, trong vài thập niên gần đây”.

“Mỗi người có giá của nó, và chỉ có người bảo quản mới có cơ hội chăm sóc sách tốt được”, Stone nhận xét, cẩn thận nhìn về phía trước căn nhà. “Tôi tự nhủ liệu ông ta có lòng vòng đầu đó, tôi và Reuben sẽ gõ cửa còn mọi người lui hết ra sau nhé”.

Tiếng gõ cửa vang lên nhưng không ai trả lời. Stone nhìn xung quanh, không có ai ngoài đường chính cả, “Che cho tôi nhé, Reuben”.

Reuben quay lại, dùng tấm lưng to bè che khuất Stone. Một phút sau, ổ khóa bật mở. Stone bước vào trong, tầng chính chẳng có gì đáng nói cả, đồ đạc cũ kỹ, nhưng không lỗi thời, hình treo trên tường toàn là hình được in lại, tủ lạnh chứa vài món thức ăn nhanh, máy rửa bát đĩa trống rỗng. Hai phòng ngủ phía trên tầng cũng không đáng để chú ý, có vài quần tây, áo sơ mi, áo khoác treo trong tủ, phía ngăn bên dưới để bít tất và quần đùi. Phòng tắm chỉ toàn những thứ thường nhật, Stone nhặt nhanh vài thứ và xem xét với vẻ tò mò. Tủ thuốc chứa một số thuốc thường dùng, và đồ dùng trong nhà tắm. Họ không tìm ra thứ gì có thể nói ra Chambers đã đi đâu. Khi họ xuống nhà dưới, mọi người đang đợi ở sảnh.

Caleb hăm hở, “Có gì không?”

Stone trả lời, “Anh nói có xưởng ở đâu đó à?”

“Tầng dưới”.

Họ lại kéo xuống và lục soát không gian làm việc của Chambers, nó chứa tất cả mọi thứ có liên quan đến nghề đặc trưng này và không còn thứ gì khác.

“Thế là hết”, Reuben thốt lên.

Tầng dưới là một dạng cửa đi ra ngoài được, Stone liếc nhìn ra cửa sổ, “Nhìn ra hẻm ngang hông nhà và hàng loạt tòa nhà phía đối diện”.

“Vậy thì sao?”. Reuben bực bội, “chẳng lẽ có kẻ phản bội đang trốn chạy núp đâu đó ở ngõ hẻm này và đợi vài tay FBI xuất hiện sao”.

Stone mở cửa bước ra ngoài, nhìn lên nhìn xuống con hẻm. Đoạn ông chạy xuống cuối hẻm, rẽ vào góc và biến mất. Khi ông quay lại, ánh mắt ông sáng rực.

Reuben nhận xét, “Anh nhớ tại sao khung cảnh ở đây quen thuộc rồi à. Anh đến đây rồi chứ?”

“Tất cả chúng ta đều từng đến đây, Reuben ạ”.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 67



tone dẫn những người bạn của mình đi vòng qua một góc đường rồi đi xuống con đường dọc theo những dãy nhà dẫn ra ngõ hẻm đối diện nhà của Chambers. Stone dừng lại giữa khu phố và ra hiệu cho mọi người ở yên đó trong khi ông nhìn vào thứ gì đấy phía trên tòa nhà họ đang đứng trước mặt.

“Ôi Chúa tôi”, Caleb nhìn quanh quất và nhận ra mình đang ở đâu. “Tôi không nhận ra nó vào ban ngày”. “Caleb, bám chuông đi”, Stone hướng dẫn.

Caleb làm theo và nghe giọng trầm cất lên, “Vâng, ai đó?”

Stone thúc giục Caleb, “Là tôi đây, ông Pearl, Caleb Shaw. Tôi, ờ, tôi muốn nói chuyện với ông về cuốn Thánh ca”.

“Tôi không mở cửa. Giờ mở cửa được viết trên biển”.

“Chuyện rất khẩn cấp. Xin ông, sẽ không mất nhiều thời gian lắm đâu”.

Một khoảng thời gian im lặng khá dài rồi họ nghe tiếng cửa bật mở.

Caleb kéo cửa mở và tất cả cùng vào trong. Vincent Pearl xuất hiện ngay sau đó, ông ta không mặc áo choàng dài nữa mà vận quần tây đen, áo sơ mi trắng và mang cái tạp dề màu xanh lá cây. Ông ta có vẻ ngạc nhiên khi thấy những người khác đi cùng với Caleb và giận dữ nói, “Lúc này tôi rất bận anh Shaw à. Tôi không thể bỏ dở công việc đơn giản chỉ vì anh xuất hiện không báo trước như thế này”.

Stone tiến lên phía trước, “Alber Trent đâu, thưa ông? Ở phòng sau chẳng?”

Pearl há hốc mồm nhìn ông, “Xin lỗi, ông nói ai?”

Stone đẩy Pearl qua một bên, đá vào cửa phòng sau và bước vào, “Hay ở trên tầng?”

“Các anh đang làm cái quái gì vậy?”. Pearl hét lên, “Tôi sẽ gọi cảnh sát”.

Stone lách người qua Pearl để đến bên thang xoắn và ra hiệu cho Reuben theo sau mình. “Coi chừng, Foxworth có thể đi chung với hấn ta đó”. Cặp đôi biến mất ở đầu cầu thang, một phút sau những người còn lại nghe tiếng la hét và vật lộn. Rồi tiếng động ngừng đột ngột, Stone và Reuben đi xuống cầu thang với Albert Trent đang bị trói chặt.

Họ quăng hấn vào ghế và Reuben đứng ngay bên cạnh. Tên nhân viên của Ủy ban Tình báo bị đánh toi tả, nhưng Reuben vẫn gào lên, “Cho tôi một lý do nào đó để tôi bẻ gãy cổ thằng này đi”.

Stone quay lại đối diện với Pearl, kẻ cũng giống như Trent, đã mất đi sự điềm tĩnh vốn có.

“Tôi không biết các anh đang làm gì ở đây”, Pearl vừa nói vừa nhấc cái tạp dề lên vai. “Cậu này là bạn tôi, và tôi mời cậu ta đến đây”.

“Tên Chambers ở đâu?”. Caleb buộc miệng hỏi, “Gã ấy cũng đến vì được ông mời đúng không?”

“Ai cơ chứ?”, Pearl hỏi lại.

Caleb giận điên người, “Monty Chambers”.

“Hắn ở ngay đây Caleb à”, Stone nói. Ông vớ tay giật mạnh bộ râu của Pearl. Còn tay kia Stone nắm lấy đồng tóc rối bù, nhưng Pearl đã ngăn ông lại.

“Xin hãy để tôi tự làm”. Ông ta từ từ tháo bộ râu giả rồi đến bộ tóc giả để lộ ra cái đầu hói bóng loáng.

Stone nói, “Để che giấu tung tích thật sự của mình, đừng để lược và dầu gội đầu trong phòng tắm. Người hói thì đâu cần những thứ đó cơ chứ”.

Pearl ngồi xuống nặng nề rồi sờ tay vào bộ tóc giả. “Tôi giật râu và tóc mỗi ngày rồi chải ra để đỡ rối. Đau lắm chứ, nhưng các ông đã thấy rồi. Phần lớn cuộc đời là nỗi đau”.

Caleb vẫn nhìn chằm chằm vào Vincent Pearl, người hóa ra lại là Monty Chambers.

“Tôi không tin nổi, tôi chưa bao giờ thấy hai người là một”.

“Lớp hóa trang rất hiệu quả, Caleb”, Stone nói. “Tóc và râu, hai loại kính khác nhau, thêm cân nặng, mặc quần áo khác nhau. Tất cả những cái kể trên sẽ trở thành một con người khác hoàn toàn. Vì công việc mà anh gặp riêng Pearl trong cửa hàng này cũng chỉ có hai lần. Và chỉ vào ban đêm nên mới dễ làm, chứ ban ngày thì ông ta không lừa được hay đến thế đâu”.

Caleb gật đầu, “Và trong thư viện ông ta nói rất ít. Khi ông ta cất tiếng thì giọng cao và nghe the thé. Vậy vai nào có trước”, ông tra

hỏi, “Vincent Pearl hay là Monty Chambers?”

Pearl mỉm cười lý nhí, “Monty Chamber là tên thật của tôi, còn Vincent Pearl chỉ là tên giả”.

“Sao không dùng một cái thôi?”, Stone hỏi.

Lúc đầu Chambers miễn cưỡng trả lời câu hỏi, nhưng cuối cùng ông ta nhún vai và nói, “Tôi nghĩ giờ cũng không còn gì quan trọng nữa. Tôi từng là diễn viên. Tôi thích hóa trang thời còn trẻ. Tôi thích mặc quần áo phục trang đóng vai. Nhưng tài năng của tôi không có cơ hội để tỏa sáng như các ông thấy đấy. Tôi có niềm đam mê khác là sách. Hồi xưa tôi học nghề với một người bảo quản sách tuyệt vời và đã được truyền nghề. Sau đó tôi được tuyển vào làm trong thư viện và bắt đầu một công việc tốt. Nhưng tôi cũng muốn sưu tập sách nữa mà thu nhập từ công việc ở thư viện đâu có đủ để sưu tầm. Tuy nhiên với vốn kiến thức và kinh nghiệm của mình nên tôi trở thành người môi giới sách quý. Nhưng ai sẽ đi làm ăn với một kẻ bảo quản sách khiêm tốn ở thư viện? Dĩ nhiên là bọn nhà giàu không làm rồi, mà tôi thì lại nhắm đến đối tượng đó. Tôi tạo ra một nhân vật có khí chất để theo đuổi mục tiêu đó: Vincent Pearl, rất kịch, bí ẩn và không thể sai lầm”.

“Nên cái cửa hàng sách chỉ mở vào ban đêm để vẫn làm được công việc ban ngày”, Stone nói thêm.

“Tôi mua cửa hàng sách này bởi vì nó đối diện với nhà tôi. Tôi có thể hóa trang rồi bước ra cửa, và sang cửa hàng sách, tôi trở thành một người khác. Công việc trôi chảy, theo năm tháng thì tiếng tăm môi giới của tôi ngày càng vang xa”.

“Sao ông lại từ người môi giới thành gián điệp hả?”, Caleb hỏi,

giọng ông run rẩy, “Sao ông lại từ một người bảo quản sách biến thành kẻ giết người hả?”

Trent cất tiếng, “Đừng nói gì hết! Chúng nó không có chứng cứ gì đâu”.

“Chúng tôi có mã số”, Milton nói.

“Không, chúng mày không có”, Trent cười mỉa. “Nếu chúng mày có thì chúng mày đã đi báo cảnh sát rồi”.

“E, w, h, f, w, s, p, j, e, m, r, t, i, z. Có muốn tôi đọc tiếp nữa không?”, Milton lịch sự hỏi.

Tất cả lặng người nhìn Milton.

Caleb nói, “Milton, sao anh không nói với chúng tôi từ trước?”

“Tôi không nghĩ nó quan trọng bởi vì chúng ta đâu có chứng cứ trong cuốn sách. Nhưng tôi đã thuộc lòng những chữ cái được tô đậm quang trước khi màu mực bay mất. Mà một khi tôi đã thuộc lòng cái gì rồi tôi sẽ không quên được”. Ông giải thích cố ý cho tên Trent nghe. “Dù sao đi nữa, vì tình cờ tôi nhớ hết tất cả các chữ cái, nên những người có trách nhiệm điều tra có thể tìm cách giải mật mã một khi tôi báo cho họ biết”.

Chambers nhìn Trent và nhún vai, “Cha của Albert và tôi là bạn, ý tôi là bạn của Monty Chambers ấy. Khi ông ấy mất, tôi trở thành cha đỡ đầu của Albert, hay ít nhất cũng là thầy của cậu ấy. Chuyện này xảy ra nhiều năm rồi. Albert trở về Washington để học xong, rồi gia nhập CIA. Cậu ấy và tôi đã nói chuyện về thế giới gián điệp nhiều năm rồi. Cho tới khi cậu ta chuyển lên làm việc ở điện Capitol, chúng tôi lại càng bàn bạc nhiều hơn. Lần này tôi tiết lộ bí mật cho cậu ta hay, nhưng cậu ta không thích sách cho lắm. Một

khiểm khuyết về tính cách mà không may tôi chưa bao giờ nghĩ đến”.

“Gián điệp hả?”, Stone nhắc.

Trent hét vào mặt Chambers, “Đồ già ngu ngốc, câm miệng đi”.

“Rồi, đến giờ ngủ rồi, em bé ạ”. Reuben đâm vào hàm tên Trent làm hắn bất tỉnh. Ông đứng thẳng người lại và khuyến khích kẻ môi giới sách, “Ông kể tiếp đi”.

Chambers nhìn tên Trent nằm bất tỉnh, “Vâng, tôi tự hỏi mình có phải là một lão già ngu ngốc hay không. Mưa dầm thắm lâu, Albert cho tôi biết tiền kiếm được như thế nào khi bán những bí mật mà cậu ta gọi là rất nhỏ đó. Cậu ta giải thích cho tôi nghe rằng không phải làm gián điệp mà chỉ giống như tiến trình làm ăn bình thường vậy thôi. Cậu ta nói ở địa vị nhân viên của ủy ban, cậu ấy đã gặp một người đàn ông có mối quan hệ với các cơ quan tình báo và người này rất hứng thú muốn làm ăn với Trent. Giờ mới phát hiện ra người đàn ông đó quá nguy hiểm, nhưng Albert nói nhiều người cũng đã bán bí mật quốc gia rồi, cả hai phía. Người ta chỉ trông đợi như thế”.

“Và ông đã tin à?”, Stone hỏi.

“Một phần trong tôi không muốn. Phần còn lại thì thúc giục bởi vì sưu tập sách là một đam mê rất tốn kém và phải có sẵn tiền trong tay. Giờ tôi mới rõ là mình đã sai rồi, nhưng trước kia tôi chẳng thấy nó tệ đến thế”.

“Ông có kỹ năng bảo quản sách quý; ông chuyên về việc đó nên được phép ra vào thư viện”, Caleb nói.

“Vâng. Tôi và Albert là bạn cũ, vì thế không có ai nghi ngờ việc cậu

ta đem sách đến cho tôi, thì suy cho cùng là ngành nghề của tôi mà. Phía trong quyển sách, vài chữ cái được đánh dấu chấm nhỏ xíu. Cậu ta đưa những chữ cái mã hóa để tôi cho vào quyển sách dùng hóa chất đặc biệt. Với những cuốn sách in trước năm 1500, tôi thật sự rất thích những chữ cái được đánh dấu mà người nghệ nhân đã sáng tạo suốt chiều dài của bản in. Đối với tôi, chúng như là những bức tranh nhỏ xíu hàng trăm năm tuổi và với sự bảo quản đúng cách chúng vẫn có thể rực rỡ như lúc mới được in ra. Bằng cách riêng của mình, tôi đã thử nghiệm với nhiều vật liệu như thế qua nhiều năm chỉ vì sở thích thôi. Giờ đâu còn thị trường nào chuộng loại sách đó nữa. Thật ra không khó tạo hóa chất như thế để người đọc phải dùng loại trông kính đúng mới nhìn ra, mà loại kính này cũng do tôi chế luôn. Cùng với sách cũ, tôi rất thích hóa chất và cường độ ánh sáng. Vì thế tôi thích làm công việc ở thư viện”. Ông ta ngưng lại.

“À, mà ít ra tôi đã từng làm như vậy, vì bây giờ nghề của tôi coi như xong rồi”. Ông ta thở nặng nhọc, “Phía bên kia thì Albert và người của cậu ta sắp xếp người đến phòng đọc với những chiếc kính đặc biệt. Tôi biết họ đến rất thường xuyên, không phải lúc chỉ đến khi có tin mã hóa - để tránh gây nghi ngờ”.

“Những ông già bà già đến phòng đọc sách sẽ làm ta không mấy may nghi ngờ”, Stone nói thêm, “Họ có thể đem bí mật cho vào những con chữ không hợp thời nữa để đưa ra nước ngoài mà ngay cả NSA với siêu vi tính và vệ tinh cũng không thể nào biết. Đúng là một kế hoạch hoàn hảo”.

“Tôi sẽ nói với Albert rằng quyển nào sẵn sàng để đưa vào phòng đọc, và cậu ta sẽ để lại lời nhắn ở trang web nào đó trên mạng

internet cho họ - khi nào vào và hỏi mượn cuốn nào. Tôi sẽ đưa sách vào buổi sáng hôm mà họ đến. Tôi có vô vàn bản sách cần phải sửa chữa nên có thể tự do đi lại trong phòng đọc sách, không có vấn đề gì. Họ vào, chép những chữ được tô dạ quang ra, rồi đi về. Vài giờ sau, hóa chất tự biến mất chẳng có một chứng cứ nào còn sót lại”.

“Và các ông được trả tiền công hậu hĩnh, với số tiền chuyển khoản vào tài khoản ở ngân hàng nước ngoài”, Annabelle nói.

“Đại loại như thế”, lão thừa nhận.

“Nhưng ông đã nói rằng Vincent Pearl là một thành công lớn, sao ông không dành toàn thời gian cho nghề môi giới?” Stone hỏi.

“Tôi nói tôi yêu thích công việc ở thư viện. Tôi cũng cảm thấy vui khi lừa được mọi người. Có lẽ tôi thích làm người giỏi nhất ở cả hai thế giới”.

Caleb lên tiếng, “Gián điệp là đủ tệ lắm rồi, nhưng ông lại còn liên quan đến giết người. Bob Bradley, Cornelius Behan, Norman Janklow, có lẽ là Jewell English? Và Jonathan? Ông đã giết Jonathan”.

“Tôi không giết bất cứ ai trong số họ cả”, Chambers phản đối gay gắt. Lão chỉ vào Trent, “Hắn ta làm, hắn và những người làm ăn chung”.

“Ông Foxworth”, Stone nói chậm rãi.

“Nhưng tại sao lại là Jonathan?”, Caleb cay đắng hỏi, “Tại sao lại là ông ấy?”

Chambers chà xát hai tay với nhau lo lắng, ông ta bất ngờ đến phòng bảo quản sách sau giờ làm việc vào một đêm nọ và thấy tôi

thêm dấu hiệu vào một cuốn sách. Tôi chỉ đang quét hóa chất lên các trang sách. Tôi cố gắng hướng ông ta hiểu khác đi nhưng không chắc ông ta có tin mình không. Ngay lập tức tôi báo cho Albert chuyện xảy ra, và điều kế tiếp tôi biết được là tin Jonathan đã chết. Sau đó Albert bảo với tôi rằng phòng đọc là căn cứ trao đổi của chúng tôi, họ phải làm cho cái chết có vẻ tự nhiên. Nếu chúng tôi mất phòng đọc, chúng tôi sẽ không thể làm ăn gì nữa”.

“Ông biết chuyện xảy ra mà vẫn cứ bình chân như vại à?”, Caleb buộc tội.

“Chứ tôi phải làm sao? Tôi mà nói ra thì tôi sẽ phải ở tù rục xương”.

“Giờ thì ông sẽ ở tù rục xương”, Stone gằn giọng. “Cùng với thằng này”, ông nhìn vào Trent nằm một đống.

Một giọng nói vang lên, “Hoặc là không”.

Tất cả cùng quay người lại nhìn Roger Seagreaves bước về phía họ, mỗi tay một khẩu súng.

“Ông Foxworth?”, Caleb lên tiếng.

“Câm họng!”, Seagreaves thiếu bình tĩnh. Ánh mắt hắn ghim vào thằng Trent vừa mới cựa quậy hồi tỉnh.

Khi thấy Seagreaves, hắn nói, “Ơn Chúa, gặp được anh rồi Roger”.

Seagreaves mỉm cười, “Nhằm người rồi Albert”, hắn nã súng vào ngực Trent. Gã Trent há hốc miệng té xuống sàn nhà. Seagreaves chĩa súng vào Stone và Reuben, hai người đang định áp sát hắn.

“Tôi không nghĩ thế đâu”. Hắn đưa khẩu súng kia chĩa vào Chambers, “Sự phục vụ của ông đến đây là không cần thiết nữa”.

Khi Chamber dang tay ra đón viên đạn, Stone nhảy vào giữa

Seagreaves và Chambers.

“Tao đã gọi cảnh sát, họ đang trên đường đến đây. Nếu mày muốn trốn đi thì thời điểm này lý tưởng nhất rồi”.

“Thật cảm động: một thằng mã 666 quan tâm đến một thằng mã 666 khác ư?”

Stone cứng người.

Seagreaves lại cười, “Vậy là đúng rồi. Vậy là ông biết cái luật đầu tiên cho công việc của chúng ta: không bao giờ để lại nhân chứng. Nhưng tôi có hơi tò mò, sao ông lại thê thảm đến độ phải làm việc trong nghĩa trang? Thật là một cú trượt quá dài đối với những người đã từng phục vụ đất nước như ông?”

“Thật ra tao đang nghĩ đến việc thăng tiến đây”.

Seagreaves lắc đầu, “Tôi đã cố gắng tránh được nhiều phiền phức nếu lúc trước tôi giết ông đi khi có cơ hội. Tôi đã bỏ lỡ một cơ hội lớn. Nhưng giờ tôi có đủ tiền mặt để sống khỏe rồi”.

Annabelle nói, “Nếu mày trốn đi được”.

“Ồ, tao sẽ trốn đi chứ”.

“Tao không chắc lắm”, Stone nói khi ông từ từ đưa tay phải vào túi áo khoác. “Giờ thì Cơ quan Mật vụ và cả FBI cũng tham gia luôn”.

“Oa, mày làm tao sợ quá. Ít nhất tao cũng cần vài thứ nữa cho bộ sưu tập của mình”, Seagreaves nói. “Giữ tay ngay nơi đó!”, hắn la lớn và tay Stone để yên, ngón tay đã gần chạm đến túi áo khoác rồi. “Giờ tay lên đi lão già”.

“Cái gì?”, Stone hỏi, có vẻ như chẳng biết gì.

“Giờ hai tay cao lên, ‘666’, giờ cao lên để tao thấy hết cả hai bàn tay nào! Nhanh lên!”

Stone giờ phất hai bàn tay lên trời.

Seagreaves thở hắt ra và loạng choạng ngã tới trước. Buông súng, hắn cố gắng rút con dao ra khỏi cổ họng. Nhưng loại lưỡi dao Stone vừa mới phóng ra khi giờ hai tay lên trời đã cắt đứt động mạch của hắn. Máu chảy ra lênh láng. Seagreaves đã thụp xuống bằng đầu gối, rồi từ từ lăn ngửa ra sàn nhà. Trong khi những người khác hoảng sợ, Stone vẫn bình tĩnh bước đến bên cạnh Seagreaves và kéo con dao ra.

Người cuối cùng ông đã giết bằng cú phi dao bất ngờ cũng giống như kẻ này. Tên này đáng bị giết như thế này.

Milton nhìn đi chỗ khác trong khi Caleb mặt mày xanh như tàu lá và có vẻ như chân ông ta run lập cập. Annabelle và Reuben nhìn vào xác chết.

Stone nhìn xuống cái xác không chút xót thương, “Nếu mày muốn giết ai thì giết ngay, đừng có nói chuyện với hắn”.

Khi Roger Seagreaves nằm im lìm trong vũng máu, họ mới nghe tiếng còi hụ từ xa. “Tôi đã gọi cho Alex Ford khi tôi nhận ra nhà của Chambers đối diện với hiệu sách quý”, Stone giải thích.

“Đó là lý do tôi làm thế này, anh biết đó”, Chambers cuối cùng cũng đưa mắt ra khỏi xác người chết tên là Seagreaves. “Tất cả dành cho sách, giữ chúng cho đời sau, với số tiền tôi đã tìm được tôi đã mua được nhiều thứ hay ho ra phết, thật sự như vậy”. Lão nhìn lên và thấy mọi người đang nhìn lão khinh bỉ.

Chambers từ từ đứng dậy, “Tôi có cái này để đưa cho anh, Caleb”. Stone nghi ngờ theo lão ta đến bên quầy, khi lão ta chuẩn bị kéo ngăn tủ, Stone nắm chặt tay lão ta, ghi lại, “Để tôi làm cho”.

Chambers phân đối, “Đó đâu phải là vũ khí”.

“Chúng ta sẽ cùng xem?” Stone lôi ra một hộp nhỏ, mở ra và hé mắt nhìn vào trong, ông đưa cho Caleb xem, đó là nguyên tác của quyển Thánh ca.

“Cám ơn Chúa!”, Caleb thở phào nhẹ nhõm, rồi ngạc nhiên nhìn Chambers, “Làm sao ông lấy được nó, ông đâu có chìa khóa hay mật mã của phòng sách”.

“Anh nhớ lần trước khi chúng ta tính rời phòng sách, tôi giả vờ bệnh rồi anh mang cho tôi một cốc nước từ phòng tắm bên dưới? Ngay khi anh rời khỏi phòng, tôi mở tủ sắt ra. Trước đó, tôi đã nhìn thấy anh mở khóa và cả mật mã, đó là con số của phòng đọc, tôi lập tức lấy quyển sách ra, và cất vào túi. Khi anh quay lại với cốc nước, anh đóng cửa phòng và chúng ta cùng rời đi”.

Reuben rên rỉ, “Anh xấu quá, sao lại để hấn một mình trong phòng”.

Caleb bóp chát, “Ai mà biết hấn sẽ ăn cắp cái thứ đó chứ”.

Chambers nhìn chăm chăm vào tay hấn, “Đó là một sự thôi thúc mãnh liệt, khi tôi đã có nó, tôi cảm thấy sợ và cả phẫn khích vì tôi vốn dĩ rất thành thật với khách hàng của mình. Nhưng quyển sách đó, chỉ cần tôi được chạm tay vào nó thôi!”. Mắt hấn sáng lên một chút rồi sau đó lại tối sầm, “Ít nhất tôi có thể có nó trong tay, dù chỉ là một lát thôi. Tôi thúc giục chuyện anh phải đánh giá quyển sách vì tôi muốn tránh sự nghi ngờ về phía mình khi mà anh khám phá ra sự mất mát”.

Annabelle nhìn vào trong hộp, “Là quyển này ư? Ông ấy đã giữ nó!”

Caleb nghi ngờ, “Sao thế, cô biết quyền sách à?”, ông hỏi lại.

“Vâng, đó là một câu chuyện dài”, cô ta nhanh chóng giải đáp.

DAVID BALDACCI

Bộ Sưu Tập Tội Ác

CHƯƠNG 68



lex Ford và một nhóm lính đặc vụ đến ngay sau đó ít phút. Kinh ngạc thay, Albert Trent vẫn còn sống, dù bị thương nặng. Tập tài liệu dày cộp nhét vào túi phần nào đã giúp hắn tránh được lực của viên đạn. Hắn được khiêng vào xe cứu thương còn Chameber kể lại chi tiết cho cảnh sát những gì đã làm. Khi cảnh sát dẫn hắn

đi, hắn còn quay với lại và nói với Caleb, “Nhớ giữ quyền Thánh ca cẩn thận nhé!”

Câu trả lời của Caleb làm mọi người ngạc nhiên, nhất là chính bản thân ông. “Đó chỉ là một quyển sách quý quái, Monty hay Vincent hay anh là kiểu người gì tôi cũng không quan tâm, nhưng tôi muốn Jonathan sống lại hơn là ngồi lật mấy trang sách cũ xì này”. Ông cầm quyển sách Thánh ca rồi ném thẳng vào hộp.

Điều tra mở rộng dần chứng minh suy luận của Stone và mọi người là đúng. Bradley bị giết hại vì đã ép buộc Trent phải rời khỏi Ủy

ban Tình báo, và điều đó đồng nghĩa với việc làm gián đoạn mối quan hệ làm ăn giữa hắn và Seagraves. Behan bị giết vì gã phát giác ra Jonathan bị sát hại do sử dụng khí cacbonic đánh cắp trong công ty của gã. Từ những chuyện Chambers thuật lại, thì một số những tay thuộc hạ của Trent, làm việc tại Công ty Cứu hỏa, đã len vào phòng đọc, gắn máy camera vào khoang thông gió, trong lúc giả vờ như đang chỉnh lại miệng ống gas ở đó. Annabelle và Caleb không tìm ra được chuyện này vì bọn chúng hành động vào ngày thứ bảy, khi phòng đọc đóng cửa và máy camera không được bật lên. Tuy vậy, họ đã tìm ra được một vài manh mối quan trọng: đó là cách bà lão Jewell khéo léo sử dụng tay trái mắt kính và đó cũng là phần nào dẫn đến việc điều tra ra sự thật.

Có một người đàn ông tình cờ chứng kiến sự việc khi đứng gần tầng hầm nơi cất giữ những xilanh khí Halon, cũng là nơi DeHaven bị ám sát, nhưng sau đó, gã kém may mắn này đã bị kết liễu trước khi gã kịp nói với người khác về những chuyện đã xảy ra. Chambers cũng tự nhận đã đột nhập vào phòng sách sau đó và tháo máy camera đi. Milton trao những chữ mật mã cho đại diện NSA, và họ giải mã chúng, đoạn mã được tiến hành dựa trên một cách viết mật mã từ hàng thế kỷ trước và dễ dàng bị tháo gỡ bởi kỹ thuật giải mã tinh vi trên máy tính hiện đại, nhưng rõ ràng Seagraves đã khéo léo cài những tay gián điệp mà không ai ngờ tới như Monty Chambers, Norman Janklow và cả bà lão Jewell English. Văn bản viết thành mật mã hiện đại đều được điện tử hóa, đòi hỏi từ khóa gồm nhiều dãy số để bảo vệ thông tin khỏi sự tấn công ồ ạt và mạnh mẽ của máy vi tính, và rõ ràng không thể sao chép lại trong một quyển

sách cũ.

Trent đã dần hồi phục vết thương và đang bận rộn phân bua, nhất là khi hắn biết chính phủ có thể áp dụng hình phạt cao nhất đối với hắn là tử hình, trong đó thông tin có liên quan là Seagraves cầm đầu tổ chức gián điệp. Và khi biết chuyện có liên quan đến Seagraves, FBI đã mở rộng điều tra đến tất cả những người có mối quan hệ cho dù là không thân thiết với hắn, việc bắt bớ sẽ không tránh khỏi.

FBI cũng lục soát nhà của Seagraves và tìm thấy “bộ sưu tập” của hắn. Tuy ban đầu họ không biết những thứ đồ để trong phòng có ý nghĩa gì, nhưng cuối cùng họ phát giác ra rằng việc đó không đơn giản tí nào, vì nhiều thứ có liên quan đến các nạn nhân đã bị Seagraves sát hại khi hắn từng làm cho CIA.

Cuối cùng Stone cũng có cuộc gặp gỡ với Ford, thành viên FBI và cả hai tay thám tử của D.C. đã chạm trán với Caleb ở thư viện.

Một tay FBI nói, “Chúng tôi biết đến sự tồn tại của một tổ chức gián điệp ngay trong thành phố này, nhưng chúng tôi không tìm được cách truy ra ngọn nguồn của chúng, và càng không thể ngờ Thư viện Quốc hội lại có dính líu”.

Stone tự hào, “Chúng tôi có một con át chủ bài mà các anh không có”.

Tay đặc vụ ngạc nhiên, “Đó là gì?”

Alex Ford đỡ lời, “Một người thủ thư đầy kinh nghiệm tên là Caleb Shaw”.

Tay thám tử D.C nheo mắt vui vẻ, “Đúng rồi, anh Shaw? Anh ta có vẻ hơi căng thẳng”.

Stone tiếp, “Nói thẳng ra là việc thiếu tự tin cá nhân của anh ta vẫn

luôn được xem nhẹ so với...”

Tay thám tử chen ngang, “Sự may mắn ngẫu nhiên sao?”

“Không, đó là cách để ý sự việc đến từng chi tiết”.

Họ cảm ơn Stone đã cung cấp thông tin và rồi mời người khác vào thăm vấn.

Một trong số tay FBI kết luận, “Nếu có cần gì giúp đỡ cứ gọi cho chúng tôi”, rồi đưa cho Stone danh thiếp với số điện thoại trên đó. Stone bỏ danh thiếp vào túi và nghĩ bụng, mình mong rằng không bao giờ cần đến mức kinh khủng như vậy.

Sau khi mọi thứ có vẻ lắng dịu xuống, họ lại tụ họp ở nhà của Stone và Caleb đưa cho Annabelle xem quyển sách Thánh ca và muốn cô ta nói lên sự thật.

Annabelle hít một hơi dài và bắt đầu giải thích, “Tôi biết Jonathan rất thích đọc sách, và một ngày kia khi tôi vui miệng hỏi nếu ông ấy muốn có một quyển sách quý nhất trên thế giới này thì đó sẽ là quyển nào, ông ấy bảo sẽ là quyển Thánh ca đó. Thế rồi tôi suy nghĩ, tìm kiếm chúng trong tất cả những thư viện và tìm ra một nơi thích hợp nhất để đánh cắp”.

Caleb chen ngang, “Cho tôi đoán nhé, nhà thờ cổ miền nam ở Boston phải không?”

“Sao anh biết?”

“Dễ đột nhập hơn là Thư viện Quốc Hội hay trường đại học Yale, tôi nghĩ thế”.

“Tôi tìm đến đó cùng với một người bạn và giới thiệu tôi là nghiên cứu sinh đại học đang tham gia đề tài về những quyển sách nổi tiếng”.

“Và họ cho cô xem qua nó à”, Caleb hỏi.

“Đúng vậy, cả chụp hình nữa, rồi tôi có người bạn khác rất giỏi làm giả... ý tôi là tạo ra đồ vật”.

“Vậy là anh ta làm giả quyền sách Thánh ca ư?”, Caleb thốt lên kinh ngạc.

“Giống nhau như thật, không thể phân biệt được”, Annabelle vụt tắt sự phấn khích khi thấy Caleb bắt đầu nổi giận. “Cuối cùng là chúng tôi cùng quay trở lại đó, rồi làm cú đánh tráo nhỏ”.

“Cô chỉ đánh tráo nhỏ thôi ư?”, Caleb đờ mắt tía tai, “Với một trong những quyền sách quý hiếm nhất trên thế giới mà cô bảo là chỉ đánh tráo thôi à?”

Stone xen vào, “Sao cô không đưa quyền sách giả giống thật cho DeHaven?”

“Đưa quyền giả cho người tôi yêu ư? Không bao giờ?”

Caleb ngồi sụp xuống ghế, “Tôi không thể tin vào tai được”.

Trước khi ông ta trở nên bức bối hơn, cô ta tiếp tục, “Khi tôi đưa cho ông ấy quyền sách này, Jonathan rất kinh ngạc, nhưng tôi chỉ bảo đây là quyền giả mạo mà thôi, tôi nghĩ có lẽ ông ấy cũng gọi đến nhiều nơi để hỏi thăm, dù sao ông ấy cũng biết tôi đâu phải là kẻ sống hoàn toàn trung thực đâu”.

“Thật vậy ư? Chuyện có vẻ hay nhỉ”, Caleb bóp chát.

Cô ta giả lơ, “Nhưng vì nhà thờ không biết quyền sách đó là sách giả và cũng không ai báo mất quyền Thánh ca nào cho nên cuối cùng Jonathan kết luận rằng tôi nói thật, ông ấy rất vui vì điều đó, dù sao quyền sách đó cũng cũ rồi”.

“Sách cũ à!”. Caleb sắp sửa nổ tung vì giận dữ thì Stone đặt tay lên

vai ông ta, “Này, thôi đừng nhắc lại chuyện cũ nữa, Caleb ạ”.

“Chuyện cũ gì?”, Caleb lầm bầm.

“Tôi sẽ trả nó lại”, Annabelle tỏ thành ý.

“Ý cô là sao?”, Caleb hỏi.

“Tôi sẽ mang quyển sách về chỗ cũ, đánh tráo quyển sách lần nữa”.

“Cô không nói đùa chứ”.

“Tôi hoàn toàn nghiêm túc, tôi có thể đánh tráo một lần, và lần nữa không vấn đề gì”.

“Lỡ họ bắt cô thì sao?”

Cô ta nhìn Caleb với ánh mắt thương hại, “Bây giờ tôi điều luyện hơn lúc trước nhiều rồi”. Cô ta nhìn sang Milton và nói thêm, “Có muốn giúp tôi làm điều này không?”

“Chắc chắn rồi!”, Milton thốt lên đầy phấn khích.

Caleb cau gắt, “Tôi nghiêm cấm anh trở thành tông phạm nhé”.

Milton ngập ngừng, “Anh đừng dễ nổi cáu thế chứ? Đó đâu phải là tông phạm nếu chúng tôi gửi trả lại quyển sách thật nhỉ?”

Caleb tính nói gì đó rồi lại thôi, “Vâng, tôi nghĩ cũng đúng”.

“Tôi sẽ tự tính toán”, Annabelle nói, “Giờ thì tôi chỉ cần quyển sách của anh, Caleb”. Cô ta vươn tay ra lấy.

Caleb lập tức ghi sát quyển sách vào ngực, “Tôi có thể giữ nó cho đến lúc cô cần không?”. Ông mân mê bìa sách.

Reuben nhắc nhở Caleb, “Anh bảo Monty rằng nó chỉ là một quyển sách vô giá trị mà”.

Caleb nhìn khổ sở, “Tôi biết mà, tôi chẳng nháy mắt khi nói ra những điều đó còn gì, có lẽ bà tiên sách đã nguyện rửa tội”.

Annabelle gật đầu, “Được rồi, anh cứ giữ lấy”.

Reuben nhìn cô ta tràn đầy hy vọng, “Bây giờ mọi thứ đã qua đi, thế cô có muốn đi đâu đó với tôi tối nay không?”

Cô ta mỉm cười, “Để tôi xem lại thời tiết, Reuben ạ. Nhưng cảm ơn anh đã có nhã ý”.

“Sẽ còn nhiều lần như vậy nữa, thưa quý cô”, ông hôn tay cô.

Sau khi mọi người rời khỏi căn nhà, Annabelle tìm đến Stone lúc này đang làm việc ngoài nghĩa trang.

Ông dọn dẹp một nấm mồ, còn cô nàng nhỏ cò đại bỏ vào túi ni-lông. Ông chau mày, “Cô không cần phải ở lại và giúp tôi đâu, làm việc ở nghĩa trang là một chuyện chẳng thích hợp với một người như cô tí nào”.

Cô ta chống tay lên hông, “Vậy ông nghĩ sống thế nào mới thích hợp với tôi?”

“Chồng, con, nhà đẹp ở vùng ngoại ô, tham gia hội phụ huynh học sinh, và có thể nuôi chó cưng”.

“Ông đang đùa à?”

“Vâng, tôi đùa đấy. Bây giờ thì sao?”

“Tôi phải trả sách nếu không Caleb sẽ nổi điên mất”.

“Rồi sau đó?”

Cô ta nhún vai, “Tôi chẳng nghĩ ngợi xa hơn nữa đâu”. Cô ta cầm lấy miếng xốp, cúi thấp xuống và giúp Stone chà sạch tấm bia. Sau đó, cô ta đi nấu bữa tối, cùng ăn và trò chuyện với Stone ngay dưới mái hiên.

Annabelle liếc nhìn Stone, “May là tôi đã quay lại”.

Stone phụ họa, “Tôi cũng thế, Annabelle”.

Cô ta mỉm cười khi nghe ông gọi tên thật của mình. “Tên Seagraves

đó gọi ông là một thằng 666. Điều đó có ý nghĩa gì?”

Stone trả lời, “Chuyện cũng đã cách đây ba mươi năm rồi”.

“Cũng công bằng thôi, tất cả chúng ta đều có bí mật, thế ông có tính đi chỗ khác không?”, cô ta hỏi.

Ông lắc đầu, “Ở đây có vẻ thích hợp với tôi”, ông đáp gọn lỏn.

Có thể vậy, Annabelle suy nghĩ, rồi họ cùng im lặng, thưởng thức trăng tròn trên bầu trời.

Cách đó bốn giờ lái xe về hướng bắc, Jerry cũng đang nhìn ra ngoài cửa sổ, ngắm trăng. Hắn đã gọi tất cả những mối quen biết, đe dọa và đánh đập nhiều hơn số mà hắn nhớ, thích thú từng phút giây hành hạ người khác. Kết quả là hắn đang tiến gần đến đích hơn vì lần lượt những hàng rào phòng thủ của Annabelle đã lộ diện. Và sắp tới, những gì hắn đã làm với Tony Wallace sẽ nhanh chóng được thực hiện với Annabelle. Hình ảnh cô ả gục ngã bất giác làm hắn nở một nụ cười mãn nguyện, hắn đã trở lại thể thượng phong, hắn rít một hơi xì-gà và nhấp một ngụm uýt-ki.

Mày chuẩn bị nhé Annabelle Conroy, tay Jerry to lớn, xấu tính sắp đến rồi đấy.

Hết

Mời bạn ghé thăm blog: [Đào Tiểu Vũ](http://ĐàoTiểuVũ) để tải thêm nhiều ebook hơn nữa



EBOOK

Free Downloads

<http://đàotieuvu.blogspot.com>